Giuse Lê Quang Chủng, S.J.

NGU DẠI VÀ ĐIÊN RỒ VÌ ĐỨC KI-TÔ

Ba bản văn Linh Thao
Dịch và chú giải

Tập Viện Thánh Tâm Dòng Tên
31/07/2006

Giuse Lê Quang Chủng, S.J.

NGU DẠI VÀ ĐIÊN RỒ VÌ ĐỨC KI-TÔ

(Dịch và chú giải Ba bản văn Linh Thao)

* *Kính dâng thánh I-nhã nhân lễ sinh nhật 450 của ngài ở trên trời.*
* *Dâng về Ba Mẹ và các bậc Thầy Cô*
* *Về người em Tủi, An Bình*
* *Về các Tập Sinh yêu dấu*
* *Về các anh em Giê-su hữu*

Tập Viện Thánh Tâm Dòng Tên
31/07/2006

LỜI NGỎ CỦA TÁC GIẢ

Linh Thao là một cách thức huấn luyện đời sống thiêng liêng cho người tín hữu đã được phương pháp hóa và phổ quát hóa khởi từ chính kinh nghiệm cá nhân của thánh I-nhã (TT 1-101). Việc huấn luyện này được ngài giải thích cách loại suy từ thể thao (LT 1), dù ở đó việc huấn luyện diễn tiến theo một trình tự có phương pháp, được hướng dẫn bởi người có kinh nghiệm, nhưng huấn luyện viên đích thực vẫn là chính Thiên Chúa với ân sủng của Người (x. LT 320-324). Nhờ vào một sự huấn luyện có tính siêu nhiên như thế mà sách Linh Thao đã trở nên một gia sản quí giá trong Giáo Hội. Bởi lẽ nhờ nó mà việc huấn luyện giúp con người được ơn biến đổi tận căn vì đụng tới tận tầng vô thức để họ mở con tim ra với ơn cứu độ của Thiên Chúa nơi Đức Kitô và đào luyện nên môn đệ Ngài.

Từ khi được Giáo hội chính thức phê chuẩn đến nay, trong vòng hơn bốn thế kỷ rưỡi, sách Linh Thao được các Đức Giáo Hoàng ca ngợi không ngừng vì đã tạo nên cho Giáo hội rất nhiều vị thánh trong các thời đại (x. Thánh I-Nhã, LINH THAO, Bản dịch của Giuse Nguyễn Công Đoan, S.J. và Mariano Manso, S.J., Thủ Đức, 2005, tr 9). Tuy nhiên, dù được viết ra nhằm mục đích huấn luyện đời sống thiêng liêng, nhưng sách Linh Thao vẫn có tính bí ẩn cần được giải mã vì có nhiều cách tiếp cận rất đa dạng với nhiều cách hiểu cũng rất phong phú .

"NGU DẠI VÀ ĐIÊN RỒ VÌ ĐỨC KITÔ", thành ngữ nói đến ở bậc khiêm nhường thứ ba nơi đó sự trưởng thành thiêng liêng của thao viên được thẩm định là cao nhất trong cách thao luyện theo thánh I-nhã (Lt 167). Sự trưởng thành này cho họ sống trong sự an ủi có nguyên do trước của người đạt tới đời sống soi sáng (Lt 330[2]) để bước vào việc xây dựng tình yêu cá vị với Chúa Kitô ở bình diện ý thức. Từ kết quả này, họ thực hiện việc"cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống" (Lt 189) sau khi chọn lựa bậc sống (Lt 175-188) để tình yêu đó thấm sâu vào vô thức như một thứ văn hóa mới và Thiên Chúa sẽ ban cho họ sự an ủi không có nguyên do trước (Lt 330[1]) của đời sống thần hiệp nếu Người muốn. Đó là tựa đề mà tác giả đặt cho tập sách này để chia sẻ cho độc giả sự tiếp cận của mình khi đọc sách Linh Thao và tập luyện theo cách thức của thánh I-nhã.

Cách tiếp cận này cho thấy rằng thánh nhân đã vận dụng lý thuyết về ba chặng đường của truyền thống để đào luyện sự trưởng thành đức tin của tín hữu: chặng thanh luyện ở cấp độ nhân bản trong tuần một giúp thao viên loại bỏ văn hóa cũ của tội lỗi (Lt 10) - hai chặng còn lại ở cấp độ siêu nhiên trong đó chặng soi sáng cho thao viên đạt tới tình yêu cá vị với Đức Kitô ở bình diện ý thức khi làm Linh Thao và chặng thần hiệp cho họ đạt tới tình yêu ấy ở bình diện vô thức trong thời kỳ hậu Linh Thao nhờ việc xây dựng văn hóa mới của Chúa Kitô.

Đôi dòng về tập sách nhỏ bé này, xin mạo muội gởi đến anh em Dòng Tên và thân hữu xa gần như món quà mọn.

DẪN NHẬP

Trong tập sách "Avec Moi dans la peine", sau khi đã tìm hiểu về vấn đề soạn thảo sách Linh Thao, tác giả đã ghi nhận rằng, cho đến khi sách Linh Thao được Toà Thánh phê chuẩn, chưa một bản văn nào được viết cách hoàn hảo *(Le Quang Chung, Avec moi dans la peine, Centre Sèvres, 2004, trg 675-799).* Vì lẽ dù là một khí cụ rất hữu ích trong việc giúp đỡ các linh hồn, nhưng sách Linh Thao đang bị tấn công cách dữ dội. Thánh I-nhã đã ra công bảo vệ khí cụ thiêng liêng này bằng mọi giá: tại Alcàla (TT 58-63), tại Salamanca (TT 67-70), tại Paris (TT 86) và trước những cuộc bách hại ở Rô-ma (TT 98). Vì đối với ngài, đó là khí cụ rất hữu hiệu cho việc hoàn thiện đời sống thiêng liêng *(Ignace de Loyola, Lettre à Emmanuel Miona, Venise, 16 novembre 1536).* Nhưng đó vẫn chỉ là những sự bảo vệ có tính nhất thời. Chỉ nhờ vào cuộc vận động của công tước Gandie, thánh I-nhã mới đưa bản văn Linh Thao ra duyệt xét, dịch thêm sang tiếng La Tinh để xin Toà Thánh phê chuẩn. Nhưng việc xét duyệt lại có tính tranh thủ thời cơ. Từ đây, sách Linh Thao được bảo vệ bởi quyền tối thượng của Giáo Hội và thực sự trở nên khí cụ phục vụ các linh hồn mà không thể sửa chữa thêm được nữa.

1. Ba bản văn chính yếu cho việc chú giải.

Cũng trong tài liệu trên, tác giả đã cho thấy rằng việc biên soạn sách Linh Thao được thực hiện một cách tiệm tiến. Ngày nay chúng ta còn giữ lại khoảng 16 bản văn được viết bằng ba ngôn ngữ chính: Tây Ban Nha, La Tinh và Ý trong đó ba bản có giá trị nhất trong việc biên soạn. Đó là những bản thủ bút A (Textus Autographus), bản P2 (Versio Prima 2) và bản V (Versio Vulgata) mà chúng ta muốn đem ra chú giải. Giá trị của những bản văn này hệ ở chỗ hoặc được thẩm định là bản văn của chính thánh I-nhã, hoặc được chính Toà Thánh phê chuẩn như một phương tiện hữu hiệu trong việc giúp đỡ các linh hồn. Giả thiết về việc biên soạn nơi ba bản văn được đề nghị như sau:

Trước hết về bản thủ bút hiện tại (bản A): khởi đầu thánh I-nhã viết sách Linh Thao bằng tiếng Tây Ban Nha, tiền thân của bản thủ bút hiện tại mà ngài gọi là "Những Tập Giấy Thao Luyện" và chúng tôi xin mạo muội đặt tên là bản A' (TT 68). Bản văn A' có tính di động vốn được sử dụng và chỉnh sửa trong những giai đoạn ngài ở Alcàla, Salamanca, Paris và cả ở giai đoạn tại Ý sau này. Dấu vết được nhận thấy rõ trong bộ nhận định thần loại của bản văn A hiện thời *(x. chú giải liên quan đến số 317 và 321),* trong những can thiệp của thánh I-nhã vào bản văn thủ bút dù không phải là bản văn do chính tay ngài viết (bản A), và trong những can thiệp của cha Paschase Broët nơi bản văn này *(x. chú giải liên quan đến số 140 và 367).*

Chính từ bản A' này mà thánh I-nhã hình thành bản A vốn được gọi là bản thủ bút ngày nay. Theo các nhà chú giải, bản A được viết vào khoảng năm 1544 và

bị thất lạc ngay sau khi thánh I-nhã qua đời. Tuy nhiên, người ta đã tìm lại được và hiện nay được lưu giữ tại Văn Khố của Dòng ở Rô-ma. Tuy được gọi là bản thủ bút, nhưng bản văn này lại không được viết trực tiếp bởi chính tay thánh I-nhã. Ngài chỉ can thiệp chỉnh sửa bản văn bằng cách gạch bỏ, thay thế và thêm vào những từ ngữ hay cụm từ trong đó khoảng gần 40 lần. Cha José Calveras nghĩ rằng cha Barthelemy Ferrão là tổng thư ký của Dòng vào khoảng năm 1544-1548 đã sao chép bản văn này khi cha còn ở Rô-ma. Sau đó cha Paschase Broët đã can thiệp hai lần vào bản văn. Như thế bản A hiện tại trở nên bản cố định khởi từ bản A'.

Ngày nay bản A được coi là bản văn căn bản và nền tảng của mọi bản văn khác. Cũng trong ý hướng đó mà Tổng Hội thứ năm (1593-1594) đã muốn in lại bản V bằng cách cho hiệu đính theo bản A này. Tuy nhiên mãi đến năm 1615 chúng ta mới thấy bản văn được xuất bản tại Rô-ma. Sách được phổ biến trễ vì hai lý do: trước hết, thánh I-nhã chỉ muốn phổ biến một lượng nhỏ sách Linh Thao theo bản V vào lần xuất bản đầu tiên; sau nữa, việc xuất bản sách thiêng liêng bằng ngôn ngữ bình dân ngoài tiếng La Tinh được coi là không chính thức trong Giáo Hội vào thời đại thánh I-nhã, đặc biệt sách Linh Thao đang gặp nhiều chống đối ở chính quê hương ngài *(Ignace de Loyola, Texte autographe des Ex. Sp. et documents contemporains, C. Christus 60, Desclée de Brouwer, Paris, 1986, tr. 19).*

Thực ra bản A được biên soạn sớm hơn vì có rất nhiều chỉnh sửa do chính thánh I-nhã can thiệp. Sau đó những chỉnh sửa này đã được cha P. Broët và cha Alphonse Salmeron chuyển vào bản P1, và sau đó vào bản P2. Và rồi những chỉnh sửa này phần lớn cũng được chuyển vào bản V.

Thứ đến là bản P2: bản văn này có khởi nguồn từ bản P1 (Versio Prima I) vốn còn có tên là "Versio Antiqua" được viết bằng tiếng La Tinh. Ngay trang đầu của bản văn, chính tay thánh I-nhã đã ghi tựa đề cho cuốn sách: "Todos Exercicios breuiter en latin" nghĩa là "Tất cả những việc thao luyện ngắn gọn bằng tiếng La Tinh". Ngoài ra ta còn tìm được chính tên người sao chép bản văn và ngày tháng sao chép nữa. Tên người sao chép được biết đến là Viola Amicus vốn là một Giê-su hữu tên là Gioan Baotixita Viola vào Dòng năm 1540 ở Rô-ma và sau đó lên đường đi học ở Paris vào tháng mười năm 1541. Ngày tháng ghi phía dưới trang giấy là 1541 chứng thực rằng JB.Viola đã hoàn thành việc sao chép này trước khi ông lên đường cho việc học.

Chắc chắn việc dịch thuật bản văn Linh Thao từ tiếng Tây Ban Nha sang tiếng La Tinh được khởi đi từ một nhu cầu thực tế. Vì khi còn ở Alcàla rồi Salamanca, thánh I-nhã chỉ hướng dẫn Linh Thao cho những người Tây Ban Nha, thế nên ngài sử dụng bản văn A' trong việc tông đồ này là lẽ dĩ nhiên. Ngay cả khi mới đến Paris, ngài vẫn còn sử dụng bản văn A' này. Bởi lẽ, lúc đầu, ngài chỉ giúp những người Tây Ban Nha làm Linh Thao, chẳng hạn Peralta, Castro và Amador

(TT. 77). Chỉ sau này, việc cho Linh Thao phải được thích nghi cho những người không biết tiếng Tây Ban Nha, lúc đó bản văn Tây Ban Nha phải được chuyển sang tiếng La Tinh vì nhu cầu thực tế. Chẳng hạn khi ngài giảng Linh Thao cho Fabre, một sinh viên người Savoir và là một trong nhóm bạn thứ ba (TT. 82). Chắc chắn đây là bản văn mà thánh I-nhã đã trình cho viên toà án pháp đình ở Paris, tên là Valentin Liévin vào năm 1535 trước khi rời bỏ nơi đó để về sinh quán dưỡng bệnh và ông này đã hết lời ca ngợi bản Linh Thao đồng thời xin ngài một bản sao chép (TT. 86). Có lẽ đây chính là bản P' vốn có tính di động và được JB. Viola sao lại thành bản P1 trước khi ông ở Rô-ma.

Bản P1 này hiện vẫn được lưu giữ ở văn khố Dòng tại Rô-ma cùng với bản A và là một bản văn rất gần với A. Vì thế, cha C. de Dalmases nói rằng: "Bản dịch tiên khởi, một bản dịch mang tính rất sát nghĩa mà cách diễn đạt rất gần với bản thủ bút bằng tiếng Tây Ban Nha, đã do chính thánh I-nhã thực hiện với sự giúp đỡ của cha Fabre và cha Salmeron. Bản văn 1541 có một số chỉnh sửa mà trong đó một lần do chính tay thánh I-nhã khi ngài thêm từ ngữ "habuerim" ở LT 62[2] vốn bị thiếu trong câu văn. Bảy lần chỉnh sửa khác do cha P. Broët và những lần khác do cha Salmeron khi ngài duyệt lại toàn bộ bản văn" *(Ignace de Loyola, Texte autographe des Ex. Sp., sách đã dẫn, tr. 26).*

Chính từ bản văn P1 này mà bản P2 vốn được gọi là Versio Prima II ra đời. Đây là bản văn được sao chép lại rất gần với bản P1 ở trên. Mặc dầu chúng ta không biết được người sao chép là ai, nhưng một điều chắc chắn là bản văn được sao chép với mục đích đệ trình lên Toà Thánh để xin được phê chuẩn cùng với bản V vào năm 1547.

Bản văn hiện thời cũng được lưu trữ trong Văn Khố của Dòng ở Rô-ma và chúng ta nhận thấy nó có một số đặc điểm sau đây: trước hết, tất cả mọi chỉnh sửa, thêm vào đã được thực hiện trên bản P1 đều được đưa vào bản văn này; tiếp theo, mọi sự can thiệp của cha Polanco vào bản V cũng được thực hiện trong bản này và những can thiệp đó gần gũi với nhau đến nỗi dường như mục đích của cha là gián tiếp thống nhất hai bản văn này lại dành cho việc phê chuẩn, đồng thời làm cho bản P2 trở thành bản trung gian giữa hai bản A và V.

Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, ta không cần phức tạp hoá vấn đề nên chúng ta sẽ chỉ nghiên cứu bản P2 mà thôi và lấy ký hiệu tổng quát là bản P.

Sau cùng là bản V: gọi là bản V, tức Bản Phổ Thông vì nó có tên là "Versio Vulgata" và hiện nay cũng được lưu trữ trong Văn Khố của Dòng tại Rô-ma. Bản văn mang tựa đề: "Linh Thao" (Exercitia spiritualia) cùng với hai ghi nhận ở phía dưới: "Bản gốc, khởi từ đó những bản văn được in ấn và phát hành (Originalia, ex quo exemplaria excusa prodierunt) và "Bản dịch chính thực thứ hai và chính bản này đã được ấn hành" (Secunda translatio authentica, et haec est impressa),

đồng thời ta cũng thấy một tờ giấy trong đó có những ghi nhận dành vào mục đích này.

Bản dịch này được phát sinh cũng vì nhu cầu thực tế. Bên cạnh bản P2 sẽ được trình lên Toà Thánh để được phê chuẩn, Cũng cần phải có một bản văn khác có tính bổ túc như cha Candidio de Dalmases nói: "Bản dịch Phổ Thông chắc chắn là thành quả của mối ưu tư nhằm giới thiệu cho quần chúng, một khi nhận được sự phê chuẩn của Toà Thánh, một bản văn mà nội dung có tính văn học hoàn hảo vốn được viết bằng ngôn ngữ La Tinh cổ điển hơn bản văn P2. Vì thế người ta đã đề nghị với nhà nhân học người pháp An-rê de Freux, còn gọi là Frusius thực hiện một bản dịch mới. Vị linh mục trẻ này đã hoàn tất việc học thần học của mình ở Padova năm 1546, cùng thời với cha Polanco, và cũng đã lên đường đi Rô-ma với ông cùng năm ấy. Rồi từ đó, ông phải trở về Florence vào tháng ba năm 1547. Điều ấy cho ta giả thiết rằng ông đã biên soạn bản dịch phổ thông vào giữa tháng chín năm 1546 đến những tháng đầu năm 1547" *(Ignace de Loyola, Ecrits, sách đã dẫn, tr. 27).*

Như vậy, bản V được biên soạn bởi một người sao chép duy nhất hay đúng hơn, một dịch giả duy nhất. Có lẽ bản văn có khởi nguồn từ A như P2 nên rất hoà hợp với những bản văn này. Chính vì thế, người ta có thể đối chiếu và so sánh những bản văn này với nhau để tìm hiểu mối tương quan nhất lãm của chúng. Bởi lẽ, ngược lại với hai bản P1 và P2, Frusius đã cố gắng chuyển dịch bản văn bằng tiếng Tây Ban Nha vốn có lối văn thiếu tính văn học thành bản văn La Tinh có văn phong tao nhã bằng cách khái quát hoá, chính xác hoá và hệ thống hoá bản A một cách nhẹ nhàng. Vì thế chúng ta không lạ gì khi thấy ông loại bỏ một số những thuật ngữ đặc trưng của I-nhã, khinh xuất một số phạm trù đặc biệt hoặc đánh mất đi một ít điểm nhấn quan trọng. Dầu vậy bản văn này lại giúp soi sáng và đem đến cho những bản văn khác nhiều bổ túc đáng kể để giải thích cách thoả đáng nhiều khúc mắc trong tư tưởng thánh I-nhã.

Vì đặc tính bổ túc này mà trong lời tựa của bản văn V, cha Polanco đã đưa ra nhận định rất xác đáng như sau: "Những tài liệu và những thao luyện thiêng liêng này đã được chuyển dịch sang tiếng La Tinh từ bản văn Tây Ban Nha bằng hai cách thức khác nhau: một không chỉ chuyển dịch đúng nghĩa mà còn sát từng chữ, còn một vốn phải được ưa chuộng hơn, vì chỉ dịch đúng nghĩa, mà đúng nghĩa một cách trung thành" (MHSJ, Sancti Ignatii de Loyola, Ex. Sp., Vol. 100, Rome 1969, tr. 79-80).

Sau cùng cả hai bản P2 và V đều được Toà Thánh phê chuẩn và cho xuất bản. Những uỷ viên kiểm duyệt đã hết lời ca ngợi, mỗi người mỗi cách. Chẳng hạn Đức Hồng Y Burgos nói về bản P2: "Tôi đã đọc tất cả điều được tích tụ trong cuốn sách này và điều đó làm hài lòng chúng tôi rất nhiều và đối với chúng tôi dường như nó thích hợp cách đặc biệt cho phần rỗi các linh hồn"; F. Egidio Fos-

carari viết về bản V như sau: "Ki-tô giáo không thể tồn tại lâu dài nếu không có những thao luyện và những việc suy gẫm thiêng liêng - thật vậy, trong việc suy gẫm mà tác giả Thánh Vịnh nói, linh hồn tôi bừng cháy lên - tôi thẩm định, không còn chút nghi ngờ gì nữa rằng, không có những việc suy gẫm nào thích hợp bằng những suy gẫm vốn được phát sinh từ việc đào sâu Kinh Thánh và từ việc vận dụng lâu dài những điều này" *(Ignace de Loyola, Texte autographe des Ex. Sp., sách đã dẫn, tr. 267-268).* Dầu thế, sau khi được phê chuẩn, thánh I-nhã chỉ cho xuất bản bản văn V mà thôi và trong lần xuất bản đầu tiên này ngài chỉ cho in khoảng 500 bản dành vào việc sử dụng trong Dòng chứ không phổ biến rộng rãi *(x. Lời Tựa về lần xuất bản đầu tiên bản văn V, tháng 8 năm 1548, tại Rô-ma).*

Có lẽ vì chính thánh I-nhã đã chỉ định cho xuất bản bản văn này nên cha Polanco đã đề cao bản V hơn. Nhưng như thế xem ra vị này đã không hiểu chính xác sách lược độc đáo của thánh I-nhã, một chiến thuật và chính trị thiêng liêng "vào cửa người ta ra cửa mình" (LT 332) trước những chống đối của nhiều người nhằm cho người thời đại nghiệm được ích lợi thiêng liêng của Linh Thao qua trung gian của V để họ dần dà tiếp cận với chính kinh nghiệm của ngài nơi bản A *(Le Quang Chung, sj., Avec Moi dans la peine, Centre Sèvres, Paris, 2004, tr. 808-811).*

2. Việc chú giải bản văn Linh Thao

Mục đích của việc chú giải ba bản văn Linh Thao là nhằm khám phá ra tính chưa hoàn hảo và bổ túc của những bản văn này đồng thời giải thích những vấn đề trọng yếu của việc thao luyện cách mới mẻ hơn, đặc biệt về sự an ủi có và không có nguyên do trước, mức độ thiêng liêng xét như là thành quả của việc thao luyện; cách thức thứ hai của thì chọn lựa thứ ba; sự liên đới giữa việc xét mình riêng và canh tân bậc sống, giữa việc hãm mình đền tội và việc chỉnh đốn trong việc ăn uống từ tuần ba về sau v.v. . Quả vậy, ngoài chính tay thánh I-nhã đã can thiệp để hoàn thiện bản văn A làm phương tiện giúp ích các linh hồn, ngài cũng sẵn sàng để chỗ cho các bạn mình, cha P. Broët và cha A. Salmeron hay thư ký của mình, cha Polanco góp phần vào việc hoàn thiện ấy, cũng bằng chính kinh nghiệm của họ. Thế nhưng, xem ra những đóng góp ấy lại chưa đụng chạm đến những điều cốt yếu, thậm chí có khi còn hiểu sai ý nghĩa đích thực, hoặc chỉ là những việc quảng diễn có tính điệp luận, dù có một số đóng góp khá khiêm tốn ở tầm mức vi mô.

Phương pháp chúng ta vận dụng trong việc chú giải này là phương pháp so sánh các bản văn dưới hình thức nhất lãm. Phương pháp này đòi hỏi chúng ta không chỉ đọc và đối chiếu các bản văn theo cách thức đồng đại mà cả lịch đại, nghĩa là không chỉ đề cập ý nghĩa một vấn đề khi đối chiếu các bản văn với nhau mà còn đặt nó liên đới với tiến trình hình thành Linh Thao mà thánh I-nhã ngầm diễn đạt trong đó. Đây là một công việc khá phức tạp buộc chúng ta phải quan tâm cả đến

những chỉnh sửa của ngài trong bản A và những can thiệp khác mà ngài giao cho cha Polanco và cha P. Broët thực hiện trong bản P2 và V cũng như trong bản A. Chính những dấu vết này giúp chúng ta không chỉ khám phá được tiến trình hình thành những bản văn, mà còn khám phá được ý nghĩa đích thực của chúng.

Để thực hiện mục tiêu này cách thích hợp, tác giả sẽ tạm bỏ bên lề tất cả những lập trường khác nhau vốn đã được trích dẫn, chứng minh hay phê bình trong cuốn Avec Moi dans la peine, để chỉ dừng lại ở chính những bản văn và giải thích theo cảm nghiệm và cách thực hành của mình trong việc đào luyện bản thân. Một số tài liệu khác của chính thánh I-nhã được vận dụng để dẫn chứng về chính kinh nghiệm của ngài như cuốn Tự Thuật, tài liệu Chỉ dẫn cho Linh Thao, các văn kiện Toà Thánh liên quan đến sách Linh Thao, cuốn Nhật Ký Thiêng Liêng, một số thư của ngài, tập Hiến Pháp Dòng Tên v.v. giúp soi sáng cho việc chú giải của chúng ta ở đây.

Xét thấy rằng để bước vào việc chú giải cách thích đáng, chúng ta không xem xét bản văn Linh Thao của thánh I-nhã như một cuốn sách để đọc, nhưng như một phương tiện thực hành như lời khẳng quyết của cha Polanco *(Cha Polanco, Dẫn nhập về việc xuất bản bản văn Vulgata lần đầu tiên, Rô-ma, 6-8-1548),* nên chúng ta sẽ không phân tích bản văn như một tác phẩm văn chương, mà như những khí cụ tập luyện. Làm như thế, chúng ta tránh được nguy cơ xem nhẹ một số những chỉ dẫn của thánh I-nhã trong tập sách Linh Thao của ngài, hoặc chí ít cũng không đặt chúng liên kết với hành trình thao luyện. Thí dụ: quy tắc về bố thí (337-344), những ghi chú về bối rối (345-351) và những quy tắc cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội (352-370).

Như là những khí cụ tập luyện thiêng liêng, sách Linh Thao được cấu thành bởi hai chân dung I-Nhã làm Linh Thao và I-nhã hướng dẫn Linh Thao. Chân dung Inhã làm Linh Thao được kết thành từ những bài cầu nguyện mà chất liệu của chúng là chính lời mặc khải và những bài thao luyện cá nhân của thánh I-nhã gồm cả những bài cầu nguyện và thực hành - còn chân dung Inhã hướng dẫn gồm những khí cụ khác nhau: khí cụ tiền linh thao là 20 chú dẫn, khí cụ giải thích trực tiếp có giá trị hướng dẫn trong phạm vi một ngày thao luyện là những giải thích trực tiếp, khí cụ hướng dẫn trong phạm vi một tuần là những bộ Điều Phụ Thêm và Ghi Chú và những bộ Qui Tắc hướng dẫn trong Linh Thao và hậu Linh Thao.

Linh Thao được coi như một khoa sư phạm đào luyện con người thiêng liêng trong mối tương quan giữa ân sủng và tự nhiên, giữa ơn sủng của Thiên Chúa và tự do của con người ở đó chân dung thánh I-nhã được giới thiệu cách mặc nhiên với sự kết hợp giữa kinh nghiệm cá nhân ngài và mặc khải cứu độ, tức là giữa những bài thao luyện cá nhân ngài với những bài thao luyện mặc khải.

Thao luyện cá nhân: được mã số hoá thành A trong hệ thống cấu trúc. Đây là tập

hợp những bài tập luyện thuộc kinh nghiệm cá nhân của thánh I-nhã. Những việc tập luyện này rất đa dạng bao gồm những bài thực hành và cầu nguyện. Những bài thực hành gồm: hệ thống xét mình bốn bài thuộc tuần một: xét mình riêng, xét mình chung, cách xét mình chung và việc xưng tội chung và rước lễ (24-44) - hai bài thuộc tuần hai: giới thiệu việc chọn lựa và các thì chọn lựa (169-183) - Những bài cầu nguyện với ba dạng thức khác nhau: Tuần một chỉ có một bài suy xét là Nguyên Lý và Nền Tảng—Tuần Hai trở đi có ba dạng thức mà mỗi dạng thức có hai bài: dạng suy xét gồm bài phi lộ để suy xét bậc sống (135) và bài suy xét về ba cách khiêm nhường (165-167); dạng suy gẫm gồm bài Hai Cờ Hiệu (136-147) và bài Ba Mẫu Người (149-156); dạng chiêm niệm gồm bài Lời Gọi Vua Hằng Sống (91-98) và bài Chiêm niệm để được tình yêu (230-237). Những bài tập luyện này diễn đạt sự tiến bộ thiêng liêng của cá nhân thánh I-nhã và cũng giới thiệu sự tiến bộ ấy cho người bước vào cuộc tập luyện.

Vì Những dạng thức cầu nguyện này thuộc về thao luyện cá nhân nên tên gọi được loại suy từ hình thức cầu nguyện Lectio Divina của truyền thống Biển Đức: Consideratio loại suy từ Lectio, còn hai dạng thức Meditatio và Contemplatio cá nhân có cấu trúc đối nghịch với Meditatio và Contemplatio mặc khải, nghĩa là Meditatio cá nhân có cấu trúc của Contemplatio mặc khải và ngược lại về Contemplatio cá nhân đối với Meditatio mặc khải.

Sau cùng, ba cách cầu nguyện (238-260) có giá trị tương đương với những "bộ qui tắc" xét như khí cụ hướng dẫn trong lãnh vực cầu nguyện (4^3).

Tuần một được bài trí bằng hai tổ hợp: những bài thao luyện thực hành (24-44) đặt trước những bài suy gẫm mặc khải (45-72). Dưới ánh sáng của Nguyên lý và Nền tảng vốn được xét như định đề cho việc đào luyện, thao viên bước vào giai đoạn thanh luyện ở bình diện luân lý nhằm loại bỏ con người cũ vốn bị thao túng bởi tội lỗi ở tận vô thức. Quả vậy, Nguyên lý này chính là gương soi để thao viên bước vào hành trình đào luyện cả ở bình diện tự nhiên lẫn siêu nhiên. Và nó được tóm kết thành kinh dọn lòng và đặt ở đầu các bài cầu nguyện (46,101...)

Tuần hai cũng có hai tổ hợp được bài trí ngược với Tuần một: những bài chiêm niệm mặc khải (101-126; 132; 134; 158; 161) đặt trước những bài thao luyện thực hành cá nhân (169-183). Tuần này khởi đầu bằng bài chiêm niệm cá nhân I-nhã: *Bài Lời gọi Vua Hằng Sống* (91-98) vốn diễn đạt Nguyên Lý và Nền Tảng ở cấp độ tình yêu với Đức Ki-tô với nội dung "Theo Ta trong đau khổ, ở với Ta trong vinh quang" (95^5). Nội dung này sẽ dẫn thao viên bước vào giai đoạn mới, tức đời sống soi sáng của phẩm giá làm con Thiên Chúa ở đó họ được đào luyện về thứ nhất ở tuần hai và ba, và về thứ hai ở tuần bốn nhằm xây dựng giá trị mới của Chúa Kitô khởi từ ý thức.

Cũng từ nội dung của bài Lời gọi này mà trong tuần hai, cuộc thao luyện tập trung

vào hai bước đi theo Chúa Ki-tô: theo Ngài ở cấp độ nhân bản hay lề luật vốn được diễn tả trong bài *Ba Mẫu Người* mà mẫu người thứ ba là mẫu người đích thực (149-156) – theo Ngài ở cấp độ siêu nhiên hay tình yêu vốn đạt đến đỉnh cao trong bài *Ba Cách khiêm nhường* mà bậc thứ ba là đích đến (165-167). Tâm điểm của hai cấp độ đi theo Chúa này là việc nhận định thần loại vốn được diễn tả như cuộc chiến trong bài *Hai Cờ Hiệu* (136-147) nhằm xác định diều kiện phải có cho sự trưởng thành. Chính sự vận hành này cũng gián tiếp giới thiệu cho họ về những thì chọn lựa bậc sống mà họ sẽ bước vào theo ba tài năng của linh hồn: ở lòng muốn của tình yêu (175), ở xúc cảm của việc nhận định loại (176) và ở trí hiểu của lý trí tự nhiên (177-188) để hiện thực hoá việc nên thánh qua việc cải thiện đời sống và canh tân bậc sống (189). Việc chọn lựa này đã được chuẩn bị từ xa bằng bài *Phi lộ để suy xét bậc sống* ở cuối ngày thứ ba của tuần hai (135).

Sau cùng, bài *Chiêm niệm Để Được Tình Yêu* ở cuối tuần bốn (230-237) được xét như một tổng kết hành trình Linh Thao nơi đó cùng đích cuộc đời thao viên được đọc lại dưới viễn tượng hậu nghiệm qua những ơn huệ Thiên Chúa đã thực hiện cho họ trong hành trình thao luyện để họ tìm cách đáp lại tình yêu của Thiên Chúa. Khác với Nguyên Lý và Nền Tảng, nơi cùng đích được diễn tả dưới khía cạnh tiên thiên theo hai giai đoạn: tự nhiên (23) và siêu nhiên (91-98), cùng đích ở đây bao gồm cả hai yếu tố đó (234) qua kinh nghiệm về ơn sủng mà thao viên đã lãnh nhận để họ bước vào cuộc sống mới, xây dựng cho mình vườn địa đàng mới (235-236) nhờ vào ơn ban của Thiên Chúa (237).

- ***Những bài thao luyện theo mặc khải***: được mã số hoá thành B trong hệ thống cấu trúc. Những bài thao luyện này được hệ thống hoá vào hành trình thao luyện gồm hai bước vốn tương ứng với hai chặng đường thiêng liêng của truyền thống: chặng đường thanh luyện mà thánh I-nhã gọi là đời sống thanh luyện (vida purgatiua) và chặng đường minh đạo hay soi sáng mà ngài gọi là đời sống soi sáng (vida ylluminatiua) trong phần chú dẫn của ngài (10^{2-3}). Rút từ khái niệm cầu nguyện Lectio Divina của việc cầu nguyện theo truyền thống Biển Đức, Thánh I Nhã gọi những bài thao luyện của tuần một là những bài suy gẫm, còn những bài thao luyện của các tuần khác là những bài chiêm niệm

Về đời sống thanh luyện của tuần một, những bài thao luyện thuộc phạm vi luân lý của phẩm giá làm người mà ngài gọi là những bài suy gẫm. Hành trình thao luyện này được đặt tương ứng với giai đoạn chờ đợi ơn cứu độ của thời kỳ Cựu Ước. Vì lúc này thao viên nhận ra thân phận tội lỗi của mình khi soi chiếu đời mình vào Nguyên Lý và Nền Tảng (23) và đồng thời Đức Ki-tô xuất hiện trước họ như chính Đấng Cứu độ của họ (53). Trong tuần một, thánh I-nhã đề nghị một ngày thao luyện mẫu như sau: bài thao luyện về ba tội (45-53), bài thao luyện về các tội lỗi (55-61), bài phục niệm thứ nhất (62-63), bài phục niệm thứ hai (64) và bài suy gẫm thứ năm về hoả ngục (65-71).

Về đời sống soi sáng, những bài thao luyện được gọi là những bài chiêm niệm nhằm dẫn thao viên bước theo Đức Ki-tô ở hai cấp độ lề luật và tình yêu hay nhân bản và siêu nhiên dưới ánh sáng của bài Lời gọi của Vua Hằng Sống (91-98). Trong Linh Thao, đời sống soi sáng bao gồm cả ba tuần lễ cuối cùng ở đó các bài chiêm niệm được thánh I-nhã tổng lược và sắp xếp vào một đơn vị đặt sau Ba Cách Cầu Nguyện và trước những Bộ Quy tắc Nhận Định. Đây là khí cụ hướng dẫn có giá trị như những bộ Qui tắc với 51 Mầu Nhiệm về Cuộc Đời Đức Ki-tô Chúa chúng ta (261-312) nhưng không thuộc lãnh vực thực hành mà thuộc lãnh vực cầu nguyện.

Trong tuần hai, việc thao luyện nhắm đến việc theo Chúa ở vế thứ nhất của bài Lời gọi: "Theo Ta trong đau khổ" với hai giai đoạn thơ ấu và hoạt động công khai của Đức Ki-tô. Tất cả những bài chiêm niệm của tuần này được phân phối vào mười hai ngày mà ngày thứ tư là ngày trung chuyển của hai giai đoạn này: Thời thơ ấu gồm ba ngày trong đó ngày đầu tiên được kể là ngày mẫu cho toàn thể những ngày thao luyện còn lại của cuộc thao luyện gồm bài chiêm niệm về mầu nhiệm Nhập Thể (101-109), mầu nhiệm Giáng Sinh (110-117), bài phục niệm thứ nhất (118), bài phục niệm thứ hai (120) và bài áp dụng ngũ quan (121-126); tiếp theo là hai ngày còn lại thuộc về thời thơ ấu: ngày thứ hai thao luyện hai mầu nhiệm về việc Dâng Chúa vào Đền Thánh và Trốn sang Ai-cập (132) và ngày thứ ba hai mầu nhiệm về Đời Sống Ẩn Dật và về việc Chúa ở lại trong Đền Thờ (134) – Thời hoạt động công khai của Chúa Ki-tô gồm tám ngày thao luyện từ ngày thứ năm trở đi cho hết ngày thứ mười hai: ngày thứ năm chiêm ngắm mầu nhiệm Chúa rời Na-za-rét đến khi chịu Phép Rửa ở Sông Gio-đan (158); từ ngày thứ sáu đến thứ mười hai chiêm ngắm Chúa từ khi chịu cám dỗ đến ngày Rước Lá (161). Tổng cộng trong tuần hai, thánh I-nhã vận dụng hết thảy 14/28 mầu nhiệm trong đó lẽ ra mầu nhiệm sau cùng thuộc tuần ba (261-288)

Hai giai đoạn chiêm niệm này được đánh dấu bởi 5 bài thao luyện cá nhân của I-nhã: bài chiêm niệm về Tiếng Gọi ở đầu xét như Nguyên Lý và Nền Tảng ở cấp độ mới cho giai đoạn thao luyện soi sáng; hai bài suy gẫm của ngày thứ tư ở tâm điểm của tuần hai: bài Hai Cờ Hiệu (136-147) nhằm giới thiệu việc nhận định thần loại (313-336) xét như cấu tố thiết yếu làm nên sự trưởng thành của thao viên trong hành trình đi theo Chúa và bài Ba Mẫu Người (149-156) xác định vị trí của việc đi theo Chúa ở lề luật nơi mẫu người thứ ba; sau cùng, hai bài suy xét về các Bậc sống (135) ở giữa và về Ba Bậc khiêm nhường ở cuối tuần hai (165-167) trong đó bậc thứ ba được coi như đỉnh cao của việc đi theo Chúa Ki-tô ở cấp độ tình yêu so với mẫu người thứ ba trước khi bước vào cuộc chọn lựa bậc sống.

Trong tuần ba, việc thao luyện cũng nhắm vào việc theo Chúa trong đau khổ như tuần hai, thế nhưng điểm nhắm này còn kèm theo một đặc tính trắc nghiệm hoặc thử thách khi thao viên được dẫn vào hành trình khổ nạn của Chúa. Ý nghĩa thử

thách này có tầm mức quan trọng nên ngoài những mầu nhiệm được nêu lên, thánh I-nhã còn xác định cách minh nhiên con số ngày thao luyện giống như tuần hai. Ngày thứ nhất gồm hai mầu nhiệm được đề nghị cho việc chiêm niệm: Chúa Ki-tô từ Bê-ta-ni-a lên Giê-ru-sa-lem đến hết Bữa Tiệc Ly (190-198) và Từ Bữa Tiệc Ly cho đến hết khi ở Vườn Dầu (200-203); tiếp theo từ ngày thứ hai đến hết ngày thứ sáu, thao viên chiêm ngắm Chúa từ Vườn Dầu cho đến sau khi Mẹ từ Mồ thánh trở về nhà (208^{1-8}); sau cùng họ phục niệm lại toàn bộ cuộc thương khó vào ngày thứ bảy (208^{9-11}). Trong tuần ba này, thánh I-nhã vận dụng 10/10 mầu nhiệm theo diễn tiến thời gian chứ không theo biến cố, trong đó có một mầu nhiệm không thuộc về Kinh Thánh (289-298).

Trong tuần thứ tư, việc thao luyện tập trung vào vế thứ hai của bài Tiếng Gọi: "Ở với Ta trong Vinh Quang" (95^{5b}) theo nghĩa nhằm phê chuẩn hành trình theo Chúa Ki-tô. Về bài mẫu, thánh I-nhã chỉ đề ra một mầu nhiệm duy nhất: Chúa Phục Sinh hiện ra cho Đức Mẹ (218-225) trong khi bản kê khai các mầu nhiệm có đến 14 mầu nhiệm (299-312). Tuần thứ tư kết thúc với bài Chiêm niệm để được Tình Yêu (230-237) nhằm vươn đến Thiên Chúa như cứu cánh của thao viên giống như bài Nguyên Lý Nền Tảng nhưng không phải theo viễn ảnh tiên thiên nhưng hậu nghiệm sau khi họ đi qua trọn hành trình thao luyện của mình.

Ngoài con số năm bài cầu nguyện của tuần một và tuần hai đủ cho một ngày thao luyện, các bài cầu nguyện của những tuần còn lại giảm dần để xác định tính làm mẫu của các tuần thao luyện ấy. Tuy nhiên việc khai triển những mầu nhiệm về cuộc đời Chúa Ki-tô trong tuần hai và ba lại được chỉ dẫn khá chi tiết theo từng ngày để nói lên tầm quan trọng của những tuần thao luyện này (x.161; 209).

Sự kết hợp hai hệ thống: Những bài thao luyện cá nhân của I-nhã và những bài thao luyện mặc khải liên kết với nhau cho phép hình thành nên một I-nhã lý tưởng và mẫu mực cho thao viên. Bởi lẽ tiến trình tập luyện hứa cho họ đạt được kết quả của một sự trưởng thành thiêng liêng như chính ngài: một tội nhân được tha thứ và được mời gọi đi theo Chúa Kitô ở đó sự trưởng thành sẽ đạt đến tình yêu cá vị với Đức Ki-tô xét như người sốt mến (15^{3}; 175^{2}) tức là người đạt tới sự an ủi có nguyên do trước (331-332) của tình yêu nên một với Ngài theo nghĩa chủ động của bình diện ý thức (167). Quả thế sau cuộc "thao luyện" tại Manresa, ngài cũng đã đạt đến cùng một mức độ trưởng thành này với tư cách "một người công chính" (TT 32) vốn cũng là người nhận được sự an ủi này (332).

Nhờ một thành quả đạt được như thế mà thao viên tiếp tục làm cho ơn Linh Thao sinh hoa trái trong cuộc sống hằng ngày nhờ hành trình không ngừng cải thiện đời sống và canh tân bậc sống cho đến khi Thiên Chúa đến chiếm trọn vẹn hữu thể họ vào trong lòng yêu mến Ngài (330^{1}) nếu Ngài muốn. Lúc đó họ đạt đến mức độ trưởng thành của sự an ủi không có nguyên do trước, nghĩa là đạt đến

tình yêu với Đức Kitô ở mức độ thụ động tận vô thức của đời sống thần hiệp. Chính thánh I-nhã cũng trải qua kinh nghiệm thiêng liêng này nhờ một hành trình canh tân lâu dài và được Thiên Chúa ban cho ơn thần hiệp ở thị kiến La Storta (x. TT 96).

Như thế, khi vay mượn ý niệm về ba chặng đường của truyền thống và hai mức độ nhận thức theo ngôn ngữ tâm lý, thánh I-nhã đã chuyển đổi thành ý niệm ba đời sống mà hai đời sống thanh luyện và soi sáng thuộc về hành trình thao luyện trong Linh Thao, còn đời sống thần hiệp thuộc giai đoạn hậu Linh Thao vốn phải trải qua thời kỳ canh tân lâu dài và tuỳ thuộc vào sự can thiệp của Thiên Chúa.

b. Chân dung I-nhã hướng dẫn.

Nhờ ích lợi thiêng liêng mình đạt được, thánh I-nhã hệ thống hoá kinh nghiệm thao luyện của mình thành một phương pháp đào luyện thiêng liêng và trở thành gia sản của Giáo Hội để giúp đỡ các linh hồn với nhiều hình thức phong phú khác nhau: dành cho những người thiếu điều kiện chủ quan (18), cho người thiếu điều kiện khách quan (19) và cho những người có đầy đủ cả hai điều kiện trên (20). Phương pháp đào luyện thiêng liêng này trong chính cuộc Linh Thao gồm có ba loại khí cụ chính yếu: "giải thích trực tiếp" thuộc phạm vi đào luyện của một ngày linh thao - "mười điều phụ thêm" và những bộ "ghi chú" thuộc phạm vi một tuần linh thao thuộc đời sống thanh luyện và soi sáng - và những "bộ qui tắc" thuộc về cả cuộc Linh thao và hậu linh thao.

Trong chú giải, ba loại khí cụ thánh I-nhã vận dụng được đánh mã số C trong đó C.I là những giải thích trực tiếp, C.II là "Mười điều phụ thêm" của tuần một và những "Bộ ghi chú" của những tuần khác và C.III là những "Bộ quy tắc".

- ***<u>Những "giải thích" trực tiếp</u>***: những can thiệp trực tiếp này thường chỉ được đọc thấy trong mạch văn và là khí cụ hướng dẫn Linh Thao trong phạm vi một ngày thao luyện. Thánh I-nhã không sử dụng một từ ngữ nào chuyên biệt để diễn tả khí cụ này. Trong bản văn A, chúng ta thấy những can thiệp này được đánh dấu ngoài lề bằng từ ngữ "nota" *(Ignace de Loyola, Texte autographe des Ex. Sp., sách đã dẫn, tr. 84, 91…).* Tuy nhiên những can thiệp như thế tỏ cho thấy tác giả của nó không hiểu cách phân phối khí cụ của thánh I-nhã. Vì chúng bộc lộ sự lẫn lộn với những "bộ ghi chú" khác được chính thánh I-nhã xác định cách minh nhiên trong bản văn của ngài (127-131; 162-164; 204-207; 226-229; 345-351). Vì những can thiệp này không được thánh nhân xác định danh tánh, nên ta đề nghị đặt tên cho khí cụ này là "giải thích" được viết nghiêng và đặt trong ngoặc đơn.

Việc giải thích này giúp cho thao viên nắm bắt ý nghĩa của việc thao luyện vốn được viết ngay trong từng ý niệm: tiền nguyện (47-48), các điểm (50^{4-5}; 51^{3-5}; 52^{2}) hoặc đàng sau các ý niệm đó: tiền nguyện (49; 105), tâm sự (54), phục niệm (119) – Sự can thiệp này cũng được vận dụng khi xuất hiện những ý niệm mới:

việc thao luyện bài Lời Gọi và việc đọc sách (99-100), những đặc tính của tình yêu (230^2-231^2); khi một ý niệm được áp dụng vào hoàn cảnh mới: về việc tâm sự (157; 168; 199), về chương trình và những thay đổi của nó (72; 133;148; 159; 209). Chỉ có việc xét mình riêng xem ra bị đặt vào hệ thống này cách lạc loài (160). Vì lẽ ra nó thuộc về hệ thống những điều phụ thêm và ghi chú (90; 207). Tuy nhiên, trong mạch văn, việc xét mình này được hạ xuống thành khí cụ hướng dẫn trong phạm vi một ngày thao luyện nhằm chuẩn bị cho việc cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống (189) sau việc chọn lựa bậc sống (175-188).

Cách chung, giải thích trực tiếp là khí cụ hướng dẫn trong phạm vi một ngày Linh Thao, được vận dụng thường xuyên khi thao viên mới bước vào cuộc thao luyện và sẽ giảm dần đi ở những chặng tiếp theo. Vì thế ta không lấy làm lạ khi những can thiệp này không được sắp xếp một cách có hệ thống trong những tuần linh thao. Tuy nhiên có cả thảy 24 lần giải thích trong toàn cuộc Linh Thao.

- "***Mười điều phụ thêm" và những "Bộ ghi chú"***: đây là những khí cụ được sắp xếp cách cố định trong tập sách Linh Thao thành 6 đơn vị và có vai trò hướng dẫn trong phạm vi một tuần thao luyện. Mười điều phụ thêm được xếp thành một đơn vị và đặt ở sau những bài suy gẫm trong ngày mẫu của tuần một (73-90). Những bộ ghi chú của các tuần khác cũng thế: tuần hai (127-131), tuần ba (204-207) và tuần bốn (226-229). Ngoài ra, tuần hai có thêm bộ ghi chú thứ hai ở sau các bài thao luyện của các ngày mẫu nhưng trước bài Ba Cách khiêm nhường (162-164). Ta cũng có thể hiểu được điều này, vì lẽ tuần hai gồm hai giai đoạn về cuộc đời Chúa Ki-tô: thời thơ ấu (101- 134) và công khai (158 và 161).

Tuy nhiên, hệ thống này cũng có một ngoại trừ: bộ qui tắc chọn lựa bậc sống thuộc cách thứ hai của thì ba có một ghi chú ở cuối (188); bộ ghi chú về bối rối được đặt lọt thỏm giữa hệ thống những bộ quy tắc vốn được thánh I-nhã xếp ở sau cùng của tập sách Linh Thao này (345-351) để xác định tính phụ thuộc và tính bổ túc của khí cụ "ghi chú" đối với khí cụ "quy tắc".

"Mười điều phụ thêm" của tuần một và những bộ "ghi chú" của các tuần còn lại có một mối dây liên hệ mật thiết với nhau: thánh I-nhã đã đề cập đến những "ghi chú" (87-90) trong hệ thống "những điều phụ thêm" (73-90). Ngược lại, ngài cũng gói trọn một số những "điều phụ thêm" trong hệ thống các bộ "ghi chú" của tuần hai (130 trong 127-131), tuần ba (206 trong 204-207) và tuần bốn (229 trong 226-229). Hệ thống này cho phép chúng ta nhận thấy có sự sắp xếp đảo nghịch giữa tuần một với các tuần còn lại. Tuần một thuộc về đời sống thanh luyện (vita purgativa), các tuần khác thuộc đời sống soi sáng (vita illuminativa).

Một ghi nhận chúng ta cần bàn đến: từ ngữ "điều phụ thêm" được thánh I-nhã sử dụng cách nhất quán trong tập sách Linh Thao của ngài trong cả ba bản văn. Ngược lại các bản văn lại không thống nhất với nhau về từ ngữ "ghi chú": Bản A

xem ra thống nhất từ ngữ hơn khi coi hệ thống này là "những ghi chú". Bản V cũng có sự thống nhất này, nhưng sử dụng động từ "ghi chú" thay vì danh từ "sự ghi chú". Bản P không sử dụng ý niệm "ghi chú" cho khí cụ này, nhưng lại sử dụng ý niệm "chú dẫn" (73; 127; 162; 204; 226; 345). Tuy nhiên, khi làm như thế, người ta có thể lầm lẫn giữa "những chú dẫn" ở đầu Linh Thao (1-20) với hệ thống "những chú dẫn" này.

Mười điều phụ thêm của tuần một bàn về tiến trình tổ chức giờ thao luyện vào nửa đêm và ban sáng (73-77), về bầu khí Linh Thao (78-81) và về việc hãm mình đền tội (82-86). Trong hệ thống mười điều phụ thêm này có bốn ghi chú liên quan đến việc đền tội bề ngoài (87), về điều phụ thêm thứ hai và thứ tư (88), về việc tìm kiếm điều mình ao ước trong tương quan với việc hãm mình đền tội (89) và về việc xét mình riêng (90). Ngược lại, những bộ ghi chú bàn về kỷ luật sống Linh Thao (127), chương trình thao luyện và việc thích nghi (128-129; 204-205; 226-227) cùng với việc chuẩn bị xa cho những cuộc thao luyện khác trừ hai cuộc thao luyện nửa đêm và ban sáng (131), việc xét mình (207) và vấn đề về số điểm chiêm niệm (228). Đặc biệt những bộ ghi chú này bàn về những điều phụ thêm nhằm thích nghi với bầu khí thao luyện của từng tuần Linh Thao: tâm tình cầu nguyện, bầu khí và việc hãm mình đền tội (130; 206; 229).

Vậy ta thấy có sự khác biệt và sự liên đới của hai giai đoạn đào luyện giữa tuần một với các tuần còn lại trong tổng thể hành trình thao luyện: khác biệt vì một thuộc về đời sống thanh luyện và một thuộc về đời sống soi sáng - liên đới vì cả hai đòi buộc lẫn nhau chứ không loại trừ nhau: đời sống tự nhiên và siêu nhiên.

- ***Những bộ "quy tắc"***: những bộ quy tắc chính là khí cụ thứ ba thánh I-nhã sử dụng để hướng dẫn thao viên trong phạm vi của chính cuộc Linh Thao và còn được nối dài đến đời sống hậu Linh Thao. Hệ thống khí cụ này cũng được sắp xếp thành từng bộ gồm 6 bộ và phần lớn được đặt ở sau các tuần thao luyện: một sau tuần hai, những quy tắc chọn lựa thuộc cách thứ hai của thì thứ ba (184-188) - một sau tuần ba, những quy tắc tự chỉnh đốn trong việc ăn uống (210-217) - và bốn bộ sau tuần bốn, bộ quy tắc nhận định thần loại thứ nhất (313-327), bộ quy tắc nhận định thần loại thứ hai (328-336), những quy tắc về việc bố thí (337-344), những quy tắc về việc có cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội (352-370). Một ghi nhận chúng ta cũng mới đề cập về những ghi chú liên quan đến việc bối rối lại được đặt ở giữa những bộ quy tắc ở sau cùng (345-351) để nói lên tính phụ thuộc và tính bổ túc như đã nói ở trên.

Hệ thống đan chéo này cho phép xác quyết rằng những "bộ quy tắc" ở sau cùng của tập Linh Thao không phải là phần phụ lục như nhiều người lầm tưởng. Quả vậy, hệ thống những quy tắc ở cuối sách có liên hệ đến hệ thống qui tắc ở trong tuần hai và ba chứng tỏ hệ thống ấy cũng thuộc về những cuộc thao luyện. Mặt khác, hệ thống này bao quanh một bộ ghi chú về bối rối (345-351) vốn là khí cụ

thứ hai khi làm Linh Thao, thì chắc chắn hệ thống ấy cũng là một thứ khí cụ như nó. Quả vậy, hệ thống những bộ quy tắc này được đặt ở sau cùng không có nghĩa là chúng không thuộc về Linh Thao, chẳng hạn hai bộ quy tắc nhận định thần loại được giới thiệu tương ứng hơn với hai tuần thao luyện một và hai, nhưng vì chúng thuộc trọn về cả cuộc thao luyện ở mọi phạm vi chứ không chỉ thuộc riêng một tuần nào. Có thể nói sự trưởng thành thiêng liêng nơi quy tắc nhận định và bối rối, việc bác ái đối với tha nhân nơi quy tắc bố thí, tư cách sống tình con thảo qua quy tắc cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội là những vấn nạn gặp phải ở bất cứ thời điểm nào của hành trình đức tin nên chúng cũng có thể xảy đến bất cứ khi nào trong cuộc thao luyện, cũng như quy tắc chọn lựa chỉ có giá trị sống từ cuối tuần hai và quy tắc ăn uống có giá trị từ tuần ba trở đi, tức là sau cuộc chọn lựa.

Tóm lại, ba loại khí cụ hướng dẫn được thánh I-nhã vận dụng để can thiệp vào ba phạm vi mỗi lúc một rộng hơn: khí cụ "giải thích" ở phạm vi của từng bài và từng ngày thao luyện; "Mười điều phụ thêm" khởi từ tuần một, nhưng liên kết với những "bộ ghi chú" của những tuần thao luyện khác để can thiệp vào việc thao luyện của từng tuần Linh Thao; sau cùng, khí cụ những "bộ quy tắc" được vận dụng để can thiệp vào cuộc sống ở trong và vượt ra khỏi cuộc Linh Thao tức là áp dụng vào cuộc sống thường nhật hậu Linh Thao mà người ta còn gọi là tuần thao luyện thứ năm để đạt đến tầm vóc trưởng thành của đời sống đức tin.

3. Những phần còn lại của sách Linh Thao.

Sau khi đã phân tích chính cuộc thao luyện, chúng ta giới thiệu sơ lược những phần còn lại của sách Linh Thao. Ngoài hai mươi chú dẫn xét như khí cụ giới thiệu Linh Thao, hai số còn lại giới thiệu chung về tổng thể Linh Thao: xác định phạm vi thao luyện ở tựa đề (21) - đề ra sự đòi buộc giữa người hướng dẫn và thao viên (22).

"Những chú dẫn"(1-20): Đây là khí cụ hướng dẫn không phải trong chính cuộc Linh Thao mà trước khi bước vào Linh Thao nhằm giúp thao viên có được sự hiểu biết về Linh Thao với ba yếu tố: Tổng quát về cuộc Linh Thao (1-5), về chính cuộc Linh Thao (6-17) và về các hình thức làm Linh Thao (18-20).

Tựa đề của hai mươi chú dẫn trong cả ba bản văn đều đồng thanh giới thiệu mục đích của Linh Thao. Đây là một mục đích kép: để hiểu biết Linh Thao và giúp đỡ cả người cho Linh Thao lẫn thao viên (1^1). Chắc chắn việc hiểu biết này chỉ có thể có được sau khi đã thực tập, vì đây không phải là một tác phẩm văn học mà là khí cụ thực hành nhằm huấn luyện đời sống thiêng liêng.

Chúng ta cần lưu ý đến mục đích thứ hai. Thánh I-nhã nói nhằm giúp đỡ người hướng dẫn và thao viên. Khi phân tích chính cuộc thao luyện như trên, chúng ta đã thấy xuất hiện hai chân dung này: chân dung I-nhã làm Linh Thao xuất hiện như khuôn mẫu lý tưởng và như lời hứa về sự trưởng thành thiêng liêng sẽ đạt

được cho thao viên - chân dung I-nhã hướng dẫn can thiệp bằng những khí cụ khác nhau để cuộc thao luyện mang lại ích lợi thiêng liêng thực sự.

Thực ra, khi đọc vào những chú dẫn này, chúng ta không hề thấy thánh I-nhã đả động gì về chính bản thân mình. Thế nhưng khi so chiếu với lời kể của ngài trong cuốn Tự Thuật, chúng ta tìm thấy hai mươi chú dẫn và Tự Thuật có chung một lược đồ, một kết quả hiện tại và một thành quả trong tương lai. Về lược đồ: thánh I-nhã và chủ thể làm Linh Thao sống trong kỷ luật (TT 26-27[a]/ LT 11-13) phải chịu những tác động khác nhau bởi các thần khác nhau khi gặp sầu khổ (TT19-25/ LT 7-10) và an ủi (TT 27[b]-30/ LT 14-17) trong suốt hành trình thao luyện – Về kết quả sau cuộc thao luyện: thánh I-nhã nhận thấy mình là người công chính (TT 32), còn thao viên đạt đến mức độ linh hồn sốt mến hay công chính (LT 15[3]), tức là những người nhận được sự an ủi có nguyên do trước *(x. Chú giải LT 330[2])* – và về thành quả tương lai: vì nhờ cuộc canh tân, thánh I-nhã trở nên người thuần thiêng tại thị kiến La Storta nhờ ơn Chúa (TT 96) và đó cũng là điểm tới của thao viên nếu Thiên Chúa muốn ban cho (LT 330[1] và 336).

Tóm lại, Linh Thao là một chuỗi những cuộc thao luyện được phương pháp hoá và phổ quát hóa dựa vào chính kinh nghiệm thiêng liêng cá nhân thánh I-nhã để thành một gia sản huấn luyện đời sống đức tin của các tín hữu.

- *Tựa đề Linh Thao (21)*: tựa đề Linh Thao được mô tả cách rõ nét trong số 21. Tất cả ba bản văn đều nhất trí định nghĩa Linh Thao dưới khía cạnh mục đích qua liên từ "để". Định nghĩa diễn tả hai mục đích: để tự thắng mình và sắp xếp cuộc đời mà không theo một quyến luyến lệch lạc nào. Hai ý niệm trên am hợp với hai tiến trình đào luyện của Linh Thao: tự thắng mình thuộc về đời sống thanh luyện của tuần thứ nhất và sắp xếp đời mình thuộc về đời sống soi sáng của tuần thứ hai (10^{2-3}). Tuy nhiên định nghĩa này bổ túc cho định nghĩa ở chú dẫn. Vì trong khi cụm từ "không theo một quyến luyến lệch lạc nào" ở chú dẫn tập trung vào tuần một (1^3) thì ở tựa đề này, cụm từ tập trung vào tuần hai (21).

- *Điều tiền giả định (22)*: được đặt ngay sau tựa đề nhằm xác định mối liên hệ giữa hai chủ thể: người hướng dẫn và thao viên. Đó là mối liên hệ chân thành và tin tưởng. Vì lẽ người hướng dẫn là khí cụ của Chúa nên chỉ khi nào có được điều kiện này, thao viên mới có thể được tập luyện một cách thích đáng và người hướng dẫn mới có thể giúp người kia đi đúng khoa sư phạm của Linh Thao để tìm được lợi ích thiêng liêng đích thực. Điều tiền giả định này là linh hồn của hệ thống cấu trúc ABCB'A' của hai mươi chú dẫn trên vì nó xác định tinh thần phải có cho mối liên hệ giữa hai người trong hành trình thao luyện (7-10 và 14-17).

4. Cấu trúc sách Linh Thao

Từ việc phân tích trên, chúng ta có thể giới thiệu cấu trúc sách Linh Thao xét như là một khí cụ thực hành như lời cha Polanco như sau:

I-NHÃ LÀM LINH THAO		I-NHÃ HƯỚNG DẪN		
A Thao luyện cá nhân	B Thao luyện mặc khải	C		
		I Giải thích	II Điều phụ thêm và Bộ ghi chú	III Bộ quy tắc
1-20: **CHÚ DẪN** - khí cụ giới thiệu Linh Thao				
21: **TỰA ĐỀ LINH THAO**				
22: **ĐIỀU TIỀN GIẢ ĐỊNH**				
TUẦN I: ĐỜI SỐNG THANH LUYỆN				
23: **NGUYÊN LÝ VÀ NỀN TẢNG** cứu cánh – phương tiện – sự bình tâm				
A.II.1-4 24 - 44: Xét mình				
	B.I.(1) 45-53: Bài Suy gẫm một về tội lỗi			
		C.I.1-2. 47^{2-6}- 48^{2-5}: Trong tiền nguyện		
		C.I.3. 49: về các Tiền nguyện		
		C.I.4-6. 50^{4-5}; 51^{3-5}; 52^{2}: Trong các điểm		
		C.I.7. 54: Ý nghĩa tâm sự		
	B.I.(2) 55-61: Bài Suy gẫm hai về tội lỗi			
	B.I.(3) 62-63: Bài Phục niệm một			
		C.I.8. 62^{2b-3}: Giải thích phục niệm một		
	B.I.(4) 64: Bài Phục niệm hai			
		C.I.9. 64^{2}: Giải thích phục niệm hai		
	B.I.(5) 65-71: Bài Suy gẫm về hỏa ngục			
		C.I.10. 72: Chương trình năm lần suy gẫm		
			C.II.1 Mười điều phụ thêm	
			73-77: Tiến trình cầu nguyện	
			78-81: Bầu khí Linh Thao	
			82-86: Hãm mình đền tội	
			87-90: Những ghi chú	
TUẦN II: ĐỜI SỐNG SOI SÁNG "THEO TA TRONG ĐAU KHỔ"				
A.I.3.1 91-98 **Chiêm niệm** - Lời gọi Vua Hằng Sống				
		C.I.11-12 99-100: Cách thao luyện bài này - sách đọc		
	B.II.(I) Ngày thứ nhất (101-126) **B.II.(I).(1)** 101-109: Mầu nhiệm Nhập Thể			
		C.I.13. 105: Kinh dọn lòng và tiền nguyện		
	B.II.(I).(2) 110-117: Mầu nhiệm Giáng Sinh			
	B.II.(I).(3) 118: Phục niệm một			

		C.I.14. 119: Giải thích phục niệm		
	B.II.(I).(4) 120: Phục niệm hai			
	B.II.(I).(5) 121-126: Áp dụng ngũ quan			
			C.II.2 Bộ ghi chú một (127-131)	
			127: Kỷ luật Linh Thao	
			128: Chương trình một ngày	
			129: Thích nghi Linh Thao	
			130: Về những điều phụ thêm	
			131: Chuẩn bị xa cho thao luyện 3,4,5	
	B.II.(II) Ngày thứ hai (132)			
		C.I.15. 133: Thay đổi chương trình		
	B.II.(III) Ngày thứ ba (134)			
A.I.1.1 135: **Suy xét-**Phi lộ về bậc sống				
	B.II.(IV) Ngày thứ tư			
A.I.2.1 136-147: **Suy gẫm** - Hai Cờ Hiệu				
		C.I.16. 148: Giải thích về ngày thứ tư		
A.I.2.2 149-156: **Suy gẫm** -Ba Mẫu Người				
		C.I.17. 157:Giải thích về tâm sự của Ba Mẫu Người		
	B.II.(V) Ngày thứ năm : Đời sống công khai (158)			
		C.I.18. 159: Chương trình sống		
		C.I.19. 160: Xét mình riêng		
	B.II.(VI-XII) Ngày thứ sáu đến ngày thứ mười hai (161)			
			C,II.3 Bộ ghi chú hai (162-164)	
			162: Thời gian của tuần hai	
			163-164: Chuẩn bị việc chọn lựa	
A.I.1.2 165-167: **Suy xét** - Ba Cách khiêm nhường				
		C.I.20. 168: về tâm sự bài Ba Cách khiêm nhường		
A.II.5-6 169-174: Chọn lựa bậc sống -175-183: thì một, thì hai, cách một của thì ba				
				C.III.1.Bộ quy tắc chọn lựa theo cách thứ hai của thì ba(184-188) 189: Cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống
TUẦN III: THEO TA TRONG ĐAU KHỔ (trắc nghiệm)				
	B.II.(I) Ngày thứ nhất (190-203) **B.II.(I).(1)** 190-198: Bài chiêm niệm thứ nhất			
		C.I.21. 199: Về việc tâm sự		
	B.II.(I).(2) 200-203: Bài chiêm niệm thứ hai			
			C.II.4 Bộ ghi chú tuần ba (204-207)	
			204:Thao luyện 2-chương trình ngày sống	

			205: Thích nghi theo chủ thể	
			206: Về những điều phụ thêm	
			207: Xét mình về Linh Thao	
	B.II.(II-VII) Ngày thứ hai đến thứ bảy (208)			
		C.I.22. 209: Giải thích về việc kéo dài hay rút ngắn chương trình tuần ba		
				C.III.2. Bộ quy tắc chỉnh đốn về việc ăn uống (210 -217)
TUẦN IV: Ở VỚI TA TRONG VINH QUANG (phê chuẩn)				
	B.II.(I).(1) 218-225: Bài chiêm niệm một "Chúa hiện ra cho Đức Mẹ"			
			C.II.5 Bộ ghi chú tuần bốn (226-229)	
			226: Lấy chương trình tuần ba làm mẫu	
			227: Chương trình ngày sống	
			228: Xác định điểm cầu nguyện	
			229: Về mười điều phụ thêm	
A.I.3.2 230-237: **Chiêm niệm** để được tình yêu				
		C.I.23. 230[2]: Đặc tính hành động của tình yêu		
		C.I.24. 231: Đặc tính thông chia của tình yêu		
	B.I-II. 238-260: Ba cách cầu nguyện.			
	238-248: Cách một			
	249-257: Cách hai			
	258-260: Cách ba			
	B.II. Các mầu nhiệm về cuộc đời Chúa Ki-tô (261-312)			
				C.III.3. Bộ quy tắc thứ nhất về việc nhận định thần loại (313-327)
				C.III.4. Bộ quy tắc thứ hai về việc nhận định thần loại (328-336)
				C.III.5. Bộ quy tắc về bố thí (337-344)
			C.II.6 Bộ ghi chú về bối rối (345-351)	
				C.III.6. Bộ quy tắc để cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội (352-370)

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ MỘT SỐ QUY ƯỚC

Để thực hiện việc chú giải này, trước hết tác giả chuyển dịch các bản văn sang tiếng việt và sắp xếp theo hình thức nhất lãm, sau đó đối chiếu các bản vản theo hai hướng đồng đại và lịch đại để tìm ý nghĩa đích thực cho các bản văn. Sau đây là các tài liệu được sử dụng cho việc chú giải này.

-Bản A gồm có các tài liệu sau:

*Bản dịch tiếng Pháp của các cha M.Giuliani, Ed. Gueydan và A. Lauras trong tác phẩm Ecrits, Col. Christus N° 76, Desclée de Brouwer, Paris, 1991.

*Bản dịch tiếng Việt của cha M. Manso và J. Nguyễn Công Đoan, trong cuốn Linh Thao, Nhà Tập Dòng Tên Thủ Đức, 1969.

*Bản dịch tiếng Việt của cha Roc. Đinh Văn Trung, trong cuốn Linh Thao, HCM, 1997.

*Bản dịch tiếng Anh, của cha George E. Ganss, sj. trong cuốn The Spiritual Exercises, Anand, India, 1993.

*Tham khảo bản Autograhe tiếng Tây Ban Nha, của thánh I-nhã, Texte autographe des Ex.Sp. et Documents contemporains, Col. Christus N° 60, Desclée des Brouwer, 1986.

*Tham khảo bộ MHSJ, trong cuốn Exercitia Spiritualia, Santi Ignatii de Loyola, Vol. 100, Romae, 1969.

-Bản P2 với các tài liệu sau:

*Bản dịch tiếng Pháp của các cha M.Giuliani, Ed. Gueydan và A. Lauras trong tác phẩm Ecrits, Col. Christus N° 76, Desclée de Brouwer, Paris, 1991.

*Tham khảo bộ MHSJ, trong cuốn Exercitia Spiritualia, Santi Ignatii de Loyola, Vol. 100, Romae, 1969.

-Bản V với các tài liệu sau:

*Bản dịch tiếng Pháp của cha Jean-Claude Guy, trong cuốn Excercices Spirituels (texte définitif), Editions du Seuil, Paris, 1982.

*Bản dịch tiếng Pháp của các cha M.Giuliani, Ed. Gueydan và A. Lauras trong tác phẩm Ecrits, Col. Christus N° 76, Desclée de Brouwer, Paris, 1991.

*Tham khảo bản V của cha Frusius trong cuốn Exercitia Spiritualia St. Ignatii de Loyola, Borgo Santo Spirito, Romae, 1953.

*Tham khảo bộ MHSJ, trong cuốn Exercitia Spiritualia, Santi Ignatii de Loyola, Vol. 100, Romae, 1969,

- Một số tài liệu khác liên quan đến thánh I-nhã:

*Nhật Ký Thiêng Liêng của thánh I-nhã.

*Bản dịch Tự Thuật của cha Hoàng văn Lục sj. mang tên "Trên đường tìm Chúa", HCM, 1976.

*Bản dịch Tự Thuật của cha Hoàng văn Đạt, sj. với tựa đề "Những bước đường theo Chúa", Hiển Linh, 2002.

*Một số bức thư của thánh I-nhã.

*Một số tài liệu Toà Thánh liên quan đến việc phê chuẩn sách Linh Thao.

*Tài liệu Những Chỉ Dẫn về việc cho Linh Thao của thánh I-nhã.

*Lê quang Chủng, Avec Moi dans la peine, Centre Sèvres, Paris, 2004.

+ **Ghi chú:**

Thứ nhất, để đọc chú giải cách dễ dàng hơn, tác giả đưa ra một số kí hiệu sau:

* Về việc chú giải trực tiếp: thánh I-nhã không sử dụng một từ ngữ nào chuyên biệt về khí cụ này, nên xin đưa ra từ ngữ giải thích và đặt trong ngoặc đơn và viết nghiêng như sau: *(giải thích).* Thí dụ ở số 49, 54, 72.

* Về một số ghi chú hoặc quy tắc khác không được viết trong bản văn, tác giả sẽ đưa vào và đặt trong ngoặc vuông như sau: *[ghi chú].* Thí dụ ở số 205, 206, 256.

* Những chỉnh sửa của thánh I-nhã và của cha P. Broët được viết nghiêng và tô đậm trong bản A.

+ Thí dụ 1: ở số 45[1], chữ "~~[của]~~ ***bằng"*** nghĩa là chữ "của" bị gạch bỏ và thay thế chữ "*bằng*" vào.

+ Thí dụ 2: ở số 300, cụm từ "[~~khi mặt trời mọc~~]" nghĩa là cụm từ này bị gạch bỏ.

+ Thí dụ 3: số 111[1] "***như trường hợp thường xảy ra"***: cụm từ viết nghiêng đậm ở bản A chỉ cho thấy những nơi thánh I-nhã hay cha P. Broët thêm vào

* Những can thiệp của cha Polanco trong bản P (P2) và bản V được viết nghiêng và tô đậm. Thí dụ: số 3[2], "***đặc biệt là***" được thêm vào cho cả bản văn P và V; số 311[1], ***"chính ông đã nói***" được thêm vào chỉ nơi bản V.

Thứ hai, Vì thánh I-nhã phối hợp những bài thao luyện cá nhân, những bài thao luyện mặc khải và những khí cụ hướng dẫn đan kết với nhau, nên tác giả phân chia những đề mục này theo một hệ thống như sau:

A: Những bài thao luyện cá nhân gồm:

A I. Những bài cầu nguyện { 1. Suy xét, 2. Suy gẫm
A II. Những bài thực hành { 3. Chiêm niệm

*Kết hợp các mã số ta có:

A.I.1.1: Bài thao luyện cá nhân, bài thuộc loại cầu nguyện, và là bài suy xét thứ nhất, tức là bài « Phi lộ về việc suy xét bậc sống ».

A.II.1.: Bài thao luyện cá nhân, bài thuộc loại thực hành, xét mình riêng.

B: Những bài thao luyện mặc khải

I. Những bài suy gẫm

II. Những bài chiêm niệm.

(1), (2), (3)... Những bài suy gẫm hay chiêm niệm trong một ngày.

(I), (II), (III)... Những ngày thao luyện trong tuần lễ.

*Hệ thống mã số về các bài suy gẫm tuần một và chiêm niệm tuần hai:

B.I.(1): bài thao luyện mặc khải, thuộc suy gẫm và bài thứ nhất.

B.II.(I).(1): bài thao luyện mặc khải, thuộc chiêm niệm, ngày thứ nhất và bài thứ nhất.

C: Những khí cụ hướng dẫn trong cuộc Linh Thao gồm:

C. I: Giải thích trực tiếp

C.II: Những bộ Điều phụ thêm và Ghi chú

C.III: Những bộ Quy tắc

Từ những qui ước trên, ta tìm được một hệ thống thao luyện rất thú vị:

*24 giải thích trực tiếp của toàn thể Linh Thao :Tuần một và hai mỗi tuần có 10 giải thích và hai tuần cuối mỗi tuần có 2 giải thích.

*6 bài thao luyện cá nhân cầu nguyện: hai bài suy xét (135 và 165-167) - hai bài suy gẫm (136-147 và 149-156) và hai bài chiêm niệm (91-98 và 230-237).

*6 bài thao luyện cá nhân thực hành: bốn bài xét mình, xưng tội (24-44) - một bài giới thiệu chọn bậc sống (169-174) và ba thì chọn lựa (175-183).

*6 bộ « Phụ Thêm và Ghi Chú »: một bộ Mười điều phụ thêm ở đời sống thanh luyện (73-90) - bốn bộ ở tuần 2 trở đi thuộc đời sống soi sáng (127-134 ;162-164 ; 204-207; 226-229) và một bộ ghi chú về bối rối (345-351)

*6 bộ qui tắc: về việc chọn lựa theo cách hai của thì ba (184-188) - về việc chỉnh đốn trong ăn uống (210-217) - về bộ nhận định thần loại 1 (313-327) và bộ nhận định thần loại 2 (328-336) - về việc bố thí (337-344) và về Cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội (352-370).

KINH LẠY HỒN CHÚA KI-TÔ

Lạy hồn Chúa Ki-tô, xin thánh hoá con.
Lạy xác thánh Chúa Ki-tô, xin cứu độ con.
Lạy Máu Thánh Chúa Ki-tô, xin làm cho con say mến.
Lạy nước bởi nương long Chúa Ki-tô, xin tẩy rửa con.
Lạy sự thương khó Chúa Ki-tô, xin thêm sức cho con.
Lạy Chúa Giê su nhân ái, xin nhận lời con.
Xin giấu ẩn con trong các vết thương Chúa.
Xin cho con đừng bao giờ lìa xa Chúa.
Xin gìn giữ con khỏi kẻ thù tinh quái.
Đến giờ lâm tử, xin Chúa gọi con,
và cho con đến cùng Chúa,
để con được cùng các thánh
ca tụng Chúa muôn đời.
AMEN.

Kinh "Lạy Hồn Chúa Ki-tô" xuất hiện trong Giáo Hội vào đầu thế kỷ XIV và dần dần trở nên kinh đọc phổ thông hằng ngày như các kinh đọc Truyền Tin, Lạy Cha, Kính Mừng... Đặc biệt vào thế kỷ XVI, kinh đọc này được tín hữu biết đến cách rộng rãi đến nỗi thánh I Nhã chỉ cần nhắc đến trong sách Linh Thao mà không cần phải viết lại lời kinh (63[5]; 147[4]; 253; 258[6]). Tuy nhiên, Tổng Hội V của Dòng Tên đã đồng ý đưa bản kinh vào sách Linh Thao khi quyết định cho tái bản bản văn V năm 1593 (Ex. Sp. MHSJ 57, tr. 1082), vì kinh đọc có liên hệ cách đặc biệt với tiến trình thao luyện, cách riêng đối với tuần một, hai và ba.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
1. [1]CÁC CHÚ DẪN ĐỂ ĐEM LẠI MỘT SỰ HIỂU BIẾT NÀO ĐÓ VỀ LINH THAO VÀ ĐỂ CHO NGƯỜI CHO LINH THAO VÀ NGƯỜI NHẬN LINH THAO TÌM ĐƯỢC Ở ĐÓ SỰ GIÚP ĐỠ.	**1.** [1]NHỮNG CHÚ DẪN ĐỂ CÓ MỘT SỰ HIỂU BIẾT NÀO ĐÓ VỀ LINH THAO, QUA ĐÓ CẢ NGƯỜI CHO LINH THAO LẪN NGƯỜI NHẬN LINH THAO ĐỀU ĐƯỢC GIÚP ĐỠ.	**1.** [1]MỘT SỐ CHÚ DẪN VỐN ĐEM ĐẾN MỘT SỰ HIỂU BIẾT NÀO ĐÓ VỀ LINH THAO DƯỚI ĐÂY, ĐỂ CẢ NGƯỜI CHO LINH THAO VÀ NGƯỜI NHẬN LINH THAO CÓ THỂ ĐƯỢC GIÚP ĐỠ.
[2]*Chú dẫn thứ nhất*. Qua từ ngữ "Linh Thao", ta hiểu đó là mọi cách xét mình, suy gẫm, chiêm niệm, khẩu nguyện và tâm nguyện, và các việc thiêng liêng khác như sẽ nói sau. [3]Vì như đi dạo, đi bộ, chạy nhảy, là những việc tập luyện thể thao, thì cũng thế, gọi là "Linh Thao" tất cả những cách sửa soạn và chuẩn bị linh hồn để loại bỏ những	[2]*Chú dẫn thứ nhất*. Qua từ ngữ "Linh Thao" ta hiểu đó là mọi cách xét mình hay suy gẫm, hay chiêm niệm, hoặc khẩu nguyện hay tâm nguyện, hoặc một hoạt động thiêng liêng khác như sẽ nói sau. [3]Thật vậy, vì như đi dạo, đi bộ hoặc chạy nhảy là những việc tập luyện thể thao, cũng thế, gọi là Linh Thao tất cả những cách sửa soạn và chuẩn bị linh	[2]*Chú dẫn thứ nhất*. Qua từ ngữ "Linh Thao" ta hiểu đó là mọi cách xét mình; và cũng như mọi cách suy gẫm, chiêm niệm, tâm nguyện hoặc khẩu nguyện; và sau cùng bất cứ hoạt động thiêng liêng nào khác, như sẽ nói sau. [3]Thật vậy, cũng như đi dạo, đi bộ, chạy nhảy là những việc tập luyện thể thao, thì cũng thế gọi là Linh Thao, đó là

NHỮNG CHÚ DẪN

Sách Linh Thao khởi đầu bằng 20 chú dẫn vốn được coi là khí cụ với mục đích hướng dẫn trước khi làm Linh Thao. Khí cụ này giúp hiểu biết Linh Thao và thực tập Linh Thao dành cho cả người hướng dẫn lẫn thao viên. Dầu thế những chú dẫn này gián tiếp muốn giới thiệu cho chúng ta chính kinh nghiệm thao luyện của thánh I-nhã tại Manresa được diễn tả trong cuốn sách Tự Thuật của Ngài (X. TT 19-31) và được phân chia theo một lược đồ như sau:

- ◊ 1-5: Tổng quát về Linh Thao.
- ◊ 6 : về chính cuộc Linh Thao.
- ◊ 7-17: Chủ thể giữa những tác động và người hướng dẫn.
- ◊ 18-20: Tổng quát về các hình thức Linh Thao.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
quyến luyến lệch lạc [4]và sau đó tìm kiếm ý Chúa trong cách xếp đặt cuộc đời nhằm mưu ích cho linh hồn mình.	hồn nhằm loại bỏ những quyến luyến lệch lạc, [4]và một khi những quyến luyến đó bị loại bỏ, ta khám phá và tìm ra ý Thiên Chúa liên quan đến việc sắp xếp bậc sống riêng của mình nhằm vào việc cứu rỗi linh hồn.	việc sửa soạn và chuẩn bị linh hồn để loại bỏ mọi quyến luyến bị sắp xếp cách trái đạo lý và [4]một khi những quyến luyến đó bị loại bỏ, ta khám phá và tìm ra ý muốn của Thiên Chúa liên quan đến việc tổ chức cuộc đời và việc cứu rỗi linh hồn mình.
2. [1]*Chú dẫn thứ hai*. Người trình bày cho người khác một cách thức hay một trật tự để suy gẫm hay chiêm niệm, phải thuật lại cách trung thành lịch sử về bài chiêm niệm hay bài suy gẫm đó, bằng cách tiến hành những điểm, nhờ vào việc giải	**2.** [1]*Chú dẫn thứ hai*. Người trình bày cho người khác một cách thức hay một trật tự để suy gẫm hay chiêm niệm, phải thuật lại cách trung thành lịch sử của bài suy gẫm hay chiêm niệm bằng cách chỉ tiến hành những điểm chính yếu với việc giải thích	**2.** [1]*Chú dẫn thứ hai*. Người trình bày cho người khác một cách thức hay một trật tự để suy gẫm hay chiêm niệm phải thuật lại cách trung thành lịch sử của bài suy gẫm bằng cách chỉ tiến hành cách nhanh chóng những điểm chính yếu với một

I. TỔNG QUÁT VỀ LINH THAO (1-5)

Phần tổng quát này bao gồm những yếu tố sau: định nghĩa Linh Thao, chủ thể tập luyện, cách thức tập luyện, tổng quát về các tuần Linh Thao và điều kiện đòi hỏi nơi thao viên.

1. Định nghĩa Linh Thao (1).

Thánh I-nhã định nghĩa Linh Thao nhờ một ý niệm loại suy từ thể thao (1^1). Cũng như thể thao, Linh Thao đòi hỏi một việc tập luyện có phương pháp và có người hướng dẫn. Nhưng nếu việc tập luyện trong thể thao dựa vào sức mạnh thể lý và vào phương pháp nhân bản, thì ngược lại, việc tập luyện trong Linh Thao lại dựa vào sức mạnh của ân sủng và vào phương thế thiêng liêng (1^2) với mục đích kép của hai giai đoạn tu đức: loại bỏ những quyến luyến lệch lạc (A và P) hay quyến luyến bị sắp xếp một cách trái đạo lý (V) và tìm kiếm (A) hay khám phá và tìm kiếm ý Chúa (P và V) để xếp đặt (A và P) hay tổ chức cuộc đời mình (A và V) hay bậc sống mình (P) để mưu ích cho linh hồn. Hành trình tu đức trong Linh Thao không vượt quá hai giai đoạn thanh luyện và soi sáng này.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thích ngắn gọn hoặc tổng quát. [2]Vì một khi khởi từ một nền tảng xác thực về lịch sử, người chiêm niệm tự mình nghiền ngẫm và suy luận và tìm được điều gì đó giải thích hay giúp cảm nghiệm hơn về lịch sử ấy, [3]hoặc nhờ lý luận của mình, hoặc vì lý trí của họ được soi sáng bởi ơn Chúa, [4]họ tìm được hương vị và hoa trái thiêng liêng hơn là người cho Linh Thao giải thích và quảng diễn nhiều về ý nghĩa lịch sử. [5]Bởi vì không phải nhờ vào sự hiểu biết nhiều, mà linh	ngắn gọn và tóm tắt. [2]Vì khi người chiêm niệm tiếp nhận một nền tảng thực về lịch sử, nghiền ngẫm và suy luận bằng khả năng riêng của mình, nếu người ấy tìm được điều gì soi sáng lịch sử hoặc cho phép cảm nếm lịch sử đó-[3]hoặc người ấy tìm thấy điều ấy bằng việc tìm hiểu riêng của mình, hoặc bằng những nguồn từ đặc tính riêng của mình, hoặc trí hiểu của người ấy được soi sáng bởi sức mạnh thần linh, [4]người ấy có được hương vị và hoa trái thiêng liêng hơn là nếu người cho Linh	sự giải thích ngắn ngủi và gãy gọn. [2]Như thế, người suy gẫm, sau khi đã tiếp nhận nền tảng của chân lý lịch sử, sẽ tự mình nghiền ngẫm về lịch sử ấy và sau đó suy luận ở đó. Thật vậy, có lúc khi tìm được điều gì đó soi sáng và làm cho lãnh hội lịch sử hơn chút ít, [3](điều đó phải đến từ sự nghiền ngẫm riêng tư hoặc từ sự soi sáng thần linh ở bên trong), [4]người ấy sẽ cảm nhận được hương vị tuyệt vời hơn và hoa trái dồi dào hơn là nếu sự việc đã được người kia kể lại và giải thích

2. Người hướng dẫn và chủ thể tập luyện (2).

Chú dẫn thứ hai đề cập về hai thành phần: người hướng dẫn và thao viên.

- *Người hướng dẫn:* Thiên Chúa mới là huấn luyện viên chính và người thụ huấn không là ai khác ngoài thao viên. Vì thế vai trò của người hướng dẫn chỉ ở vị trí phụ thuộc, là một trung gian giữa Thiên Chúa và thao viên để nâng đỡ, soi sáng và củng cố người này trong quá trình Linh Thao (7-17).

Vì chỗ đứng của người hướng dẫn có tính phụ thuộc như thế, nên khi hướng dẫn thao viên làm Linh Thao, họ phải trình bày các điểm cầu nguyện một cách trung thực đúng như lịch sử khách quan đòi hỏi, nghĩa là nêu lên những điểm chính yếu (P và V) và giải thích ngắn gọn, tổng quát (A) hoặc tóm tắt (P) và gãy gọn (V).

- *Thao viên* có vai trò chính yếu trong việc thao luyện, vì thế qua việc trình bày các dữ kiện lịch sử của người hướng dẫn, họ tự mình lý luận và tìm hiểu phần nào ý nghĩa lịch sử giúp cảm nghiệm (A), thưởng thức (P) hoặc lãnh hội lịch sử đó hơn chút ít (V); hoặc nhờ sự soi sáng của Chúa (A) ở bên trong (V) vốn được hiểu là sự soi sáng bởi sức mạnh thần linh (P) mà thao viên có được (P), tìm được (A) hay cảm nghiệm được (V) hương vị và hoa trái thiêng liêng hơn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hồn được no nê và thỏa mãn, nhưng do cảm nghiệm và thưởng nếm các sự việc ở bên trong.	Thao giải thích và khai triển nhiều về ý nghĩa lịch sử; [5]vì không phải là việc hiểu biết nhiều làm cho linh hồn no nê và thỏa mãn, mà là việc cảm nghiệm và thưởng nếm chính những sự việc bên trong.	cho người ấy một cách rộng rãi. [5]Thật vậy, không phải là sự hiểu biết nhiều, mà là sự cảm nghiệm và hương vị nội tâm của sự việc mới thường làm cho lòng ao ước của linh hồn được thỏa mãn.
3. [1]*Chú dẫn thứ ba*. Trong tất cả các cuộc thao luyện thiêng liêng sau đây chúng ta dùng hành vi của trí hiểu để suy nghĩ và hành vi của ý chí để cảm nếm, [2]nên phải chú ý điểm này là khi vận dụng hành vi của ý chí để tâm sự bằng miệng lưỡi hay bằng tâm trí, với Chúa hay với các thánh, [3]ta	**3.** [1]*Chú dẫn thứ ba*. Trong mọi cuộc thao luyện thiêng liêng, chúng ta sử dụng những hành vi của trí hiểu khi chúng ta suy nghĩ, và những hành vi của ý chí khi chúng ta cảm nếm: [2]chúng ta phải chú ý rằng, trong những hành vi, ***đặc biệt là*** những hành vi của ý chí, khi thưa với Thiên Chúa,	**3.** [1]*Chú dẫn thứ ba*. Trong toàn bộ các cuộc thao luyện thiêng liêng sau đây, chúng ta sử dụng những hành vi của trí hiểu khi suy nghĩ và những hành vi của ý chí khi cảm nếm: [2]phải xét rằng, trong hành vi, ***đặc biệt là*** của ý chí khi chúng ta thân thưa bằng miệng lưỡi hay bằng tâm trí với Chúa là

là người hướng dẫn giải thích (A,P,V), quảng diễn (A) hoặc khai triển nhiều (P). Vì điều làm cho linh hồn được no nê và thoả mãn không phải là sự hiểu biết, nhưng do cảm nghiệm và thưởng nếm điều bên trong (2^5).

3. Cách thức tập luyện (3).

Việc thao luyện thiêng liêng được thực hiện bằng những tài năng của linh hồn (45), đặc biệt là trí hiểu và ý chí (3^1) vốn liên hệ đến chân lý và ngôi vị. Mặc dù cả hai đều có mối liên hệ mật thiết với nhau như lời thánh Au-gút-ti-nô: "càng yêu nhiều thì càng hiểu nhiều và càng hiểu nhiều thì càng yêu nhiều", nhưng trong mối dây liên vị của hành vi ý chí vốn được dành cho Thiên Chúa và các thánh, thao viên cần có thái độ cung kính hơn là việc sử dụng hành vi của trí hiểu để khám phá chân lý. Vì hành vi của ý chí, qua việc tâm sự bằng miệng lưỡi hay bằng tâm trí, sẽ tác động trên con tim thao viên để mau mắn diễn đạt bằng cuộc sống hơn. Đó là điều mà bản văn V cho rằng việc tìm hiểu bằng trí khôn làm trì trệ khả năng thấu hiểu của chúng ta (3^3). Và cũng chính nơi yếu tố này khiến cha Polanco đã nhấn mạnh vai trò của ý chí khi thêm từ ngữ "đặc biệt" vào hoạt

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
phải có thái độ cung kính hơn khi ta dùng trí hiểu để hiểu biết.	hoặc các thánh của Ngài, hoặc bằng tâm trí, hoặc bằng miệng lưỡi, [3]phải đòi hỏi nơi ta một sự cung kính nhiều hơn là ***trong những hành vi vốn thuộc về trí hiểu***.	Thiên Chúa hay với các thánh, [3]phải đòi hỏi nơi chúng ta một sự cung kính nhiều hơn là hành vi bằng trí hiểu vốn ***làm cho khả năng thấu hiểu bị trì trệ***.
4. [1]*Chú dẫn thứ bốn*. Ta xác định những cuộc thao luyện sau đây được phân chia thành bốn tuần, tương ứng với bốn phần để phân chia các cuộc thao luyện: [2]*tuần thứ nhất*: suy xét và chiêm niệm về các tội lỗi; *tuần thứ hai*: về cuộc đời Đức Ki-tô Chúa chúng ta cho đến hết ngày rước lá; [3]*tuần thứ ba*: về cuộc	**4.** [1]*Chú dẫn thứ bốn*. Ta xác định bốn tuần lễ cho các cuộc thao luyện sau đây đến nỗi bốn tuần đó tương ứng với bốn phần phân chia các cuộc thao luyện: [2]*Tuần thứ nhất* là việc suy xét và chiêm niệm các tội lỗi; *Tuần thứ hai* là việc chiêm niệm cuộc đời Đức Ki-tô cho đến ngày rước lá; [3]*Tuần thứ ba* là việc chiêm niệm cuộc thương khó của Chúa chúng ta,	**4.** [1]*Chú dẫn thứ bốn*. Ta xác định bốn tuần lễ cho các cuộc thao luyện sau đây, mỗi tuần lễ tương ứng với mỗi phần của cuộc thao luyện; [2]nghĩa là: làm việc suy xét về các tội lỗi trong *tuần thứ nhất* – việc suy xét đời sống Chúa chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô cho đến khi lên thành Giê-ru-sa-lem vào Chúa Nhật lễ lá trong *tuần thứ hai* – [3]việc suy xét cuộc khổ

động của tài năng này trong bản văn P và V (x. 3^2).

4. Tổng quát về Linh Thao (4).

Hành trình cuộc Linh Thao kéo dài trên dưới ba mươi ngày (4^8) và chia làm bốn phần tương ứng với bốn tuần lễ. Tuần thứ nhất gồm những bài suy gẫm liên quan đến tội lỗi và ba tuần còn lại là những bài chiêm niệm liên quan đến cuộc đời Đức Ki-tô từ mầu nhiệm Nhập Thể đến mầu nhiệm Phục Sinh và lên trời của Ngài.

Tiến trình thao luyện này cũng được hội nhập vào những chặng đường tu đức của đời sống thiêng liêng: chặng đường thanh luyện tương ứng với hành trình thao luyện của tuần thứ nhất (10^3). Chặng đường quang minh tương ứng với hành trình của tuần thứ hai (10^2) ở đó việc thao luyện của tuần thứ ba và thứ bốn chỉ là hai bước đào sâu và khai triển vận hành của tuần thứ hai này. Chặng đường thần hiệp phải trải qua hành trình canh tân hậu Linh Thao như sự chuẩn bị để Chúa đến chiếm đoạt trọn vẹn vào tình yêu Ngài khi Ngài muốn (330).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thương khó của Đức Ki-tô Chúa chúng ta; *tuần thứ bốn*: về sự sống lại và lên trời cùng với ba cách cầu nguyện. [4]Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là mỗi tuần phải kéo dài bảy hay tám ngày. [5]Vì có khi trong tuần thứ nhất, có người chậm gặp được điều mình tìm kiếm, tức là lòng thống hối, sự đau đớn, nước mắt vì những tội lỗi mình. [6]Lại cũng có những người mau lẹ hơn kẻ khác, và bị xáo động hoặc bị thử thách nhiều hơn bởi các "thần loại" khác nhau; [7]bởi vậy, tuần lễ có khi phải được rút ngắn lại, có khi phải được kéo	Đức Giê-su Ki-tô; *Tuần thứ bốn* là việc chiêm niệm cuộc phục sinh và lên trời cùng với ba cách cầu nguyện. [4]Dù như thế, ta không được hiểu các tuần lễ ấy như thể mỗi tuần lễ nhất thiết phải bao gồm chính xác bảy hay tám ngày. [5]Vì đôi khi xảy ra là, trong tuần thứ nhất, một số người chậm trí hơn người khác trong việc tìm được điều họ tìm kiếm, tức là lòng thống hối, nước mắt và sự đau đớn vì tội lỗi của họ; [6]và ngược lại, một số người mau lẹ hơn những kẻ khác, và bị xáo động và thử thách hơn bởi các thần loại khác nhau,	nạn trong *tuần thứ ba* – việc suy xét cuộc Phục Sinh và lên trời trong *tuần thứ tư* cùng với ba cách cầu nguyện. [4]Tuy nhiên ta không được hiểu các tuần nói trên như thể nhất thiết mỗi tuần gồm bảy hay tám ngày. [5]Thật vậy, có thể xảy đến là những người chậm chạp hơn hoặc mau lẹ hơn những kẻ khác để gặt hái được điều họ muốn tìm kiếm –Thí dụ: trong tuần thứ nhất, lòng thống hối và nước mắt vì tội lỗi của họ; rồi một số người cũng bị xáo động và thử thách nhiều hơn hay ít hơn bởi các thần loại khác nhau; [7]nên đôi khi

---

Dẫu rằng thánh I-nhã xác định tiến trình thao luyện kéo dài khoảng một tháng cho những người sẵn lòng và muốn tiến tới trên đàng thiêng liêng (20), nhưng việc tiến hành luôn có tính uyển chuyển và linh động (4^4), đồng thời tuỳ thuộc vào hai yếu tố cơ bản khách quan và chủ quan.

- *Về yếu tố khách quan:* tiến trình có hai tuần quan trọng. Trước hết, tuần thứ nhất liên quan đến đời sống thanh luyện được soi chiếu bởi Nguyên Lý và Nền tảng (23) nơi đó thao viên khám phá ra chân tướng đích thực của mình tận vô thức mà sống hành trình hoán cải của ơn tha thứ từ tận vô thức. Sau đó, tuần thứ hai liên quan đến đời sống soi sáng hay quang minh vốn đào sâu Nguyên Lý và Nền Tảng trong việc xây dựng tình yêu nên một với Đức Ki-tô chịu sỉ nhục xét như là giá trị mới khởi từ ý thức (167).
- *Về yếu tố chủ quan:* yếu tố này liên hệ đến chính tâm trạng và kinh nghiệm thiêng liêng của thao viên. Quả thế, cả ba bản văn đều lấy tâm trạng thao viên ở tuần thứ nhất làm mẫu để áp dụng cho những tuần còn lại: các tuần lễ được

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dài ra. Về các tuần sau cũng làm như vậy, bằng cách tìm kiếm mọi sự theo như đề tài được đề nghị cho. [8]Tuy nhiên các cuộc thao luyện sẽ kết thúc trong khoảng ba mươi ngày.	[7]nên đôi khi phải rút ngắn thời gian và đôi khi phải kéo dài mới thích hợp; và cũng phải làm như thế đối với ba tuần sau đó bằng cách kéo dài hoặc rút ngắn các tuần đó tùy theo sự đòi hỏi về con người và đề tài được đề ra.[8]Tuy nhiên, cuộc thao luyện có thể được kết thúc hơn kém ba mươi ngày.	tuần lễ này hay tuần lễ khác phải rút ngắn hoặc kéo dài, theo đề tài được đề ra. [8]Tuy nhiên thời gian trọn vẹn của các cuộc thao luyện thường được hiểu trong ba mươi ngày hay hơn kém.
5. [1]*Chú dẫn thứ năm*. Người nhận các cuộc thao luyện, sẽ được nhiều ích lợi, nếu bước vào với lòng quảng đại và sự hào hiệp với Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, *[~~để lại~~]* ***dâng lên*** Ngài trót cả ý muốn và tự do mình, [2]để cho Chúa Chí	**5.** [1]*Chú dẫn thứ năm*. Về phần người nhận các cuộc thao luyện, sẽ rất hữu ích khi họ bước vào các cuộc thao luyện ấy bằng con tim quảng đại và hào hiệp với Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, bằng cách đặt nơi Ngài tất cả ý muốn cá nhân	**5.** [1]*Chú dẫn thứ năm*. Người nhận các cuộc thao luyện được giúp đỡ một cách tuyệt diệu nếu, khi bước vào đó với con tim quảng đại và hào hiệp, họ dâng tất cả sức lực và tất cả ý chí tự do cho Đấng Tạo Hóa của mình [2]để chính

rút ngắn hay kéo dài tuỳ mức độ thao viên tìm được kết quả mau lẹ hay chậm chạp hoặc bị thử thách bởi các thần loại nhiều hay ít (4^{4-8}). Bản P còn đưa ra kết luận rất rõ về yếu tố này: "Kéo dài hay rút ngắn các tuần đó tuỳ theo sự đòi hỏi về con người và đề tài được đề nghị cho" (4^{7}).

5. Điều kiện đòi hỏi nơi thao viên (5).

Điều kiện đòi hỏi nơi họ chính là lòng quảng đại và hào hiệp (A) hay con tim rộng mở và quảng đại (P,V) đối với Thiên Chúa. Đây chính là yếu tố phải có trong sự cộng tác giữa tự nhiên và ân sủng. Sự cộng tác được diễn tả qua việc dâng lên Thiên Chúa trọn cả ý muốn và tự do (A,P) hoặc sức lực và ý chí tự do (V) để Ngài sử dụng bản thân mình và điều mình có theo thánh ý Ngài. Thánh I-nhã đã sửa bản A khi gạch bỏ từ ngữ "để lại" và "xếp đặt" để thay vào bằng từ ngữ "dâng lên" và "sử dụng"... "hợp với"... nhằm diễn tả lòng tôn kính của chủ thể dành cho Thiên Chúa để Ngài tự do hành động trong mối tương quan bất cân xứng giữa hai ngôi vị. Cả hai bản P và V đều viết theo sự chỉnh sửa này.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Tôn *[~~xếp đặt~~]* ***sử dụng*** chính mình cũng như mọi sự mình có ***hợp với*** ý muốn cực thánh của Ngài.	và tất cả tự do của mình; [2]để Chúa Chí Tôn sử dụng bản thân mình và điều mình có tùy theo ý muốn rất thánh thiện của Ngài.	Ngài quyết định điều gì mà ở đó họ có thể phụng sự Ngài cách tốt nhất hợp với ý muốn của Ngài, về chính bản thân họ và về điều họ có.
6. [1]*Chú dẫn thứ sáu*. Nếu khi người cho những cuộc thao luyện thấy người luyện tập Linh Thao không gặp biến chuyển thiêng liêng nào trong tâm hồn, như sự an ủi hay sầu khổ, cũng như không bị lay động bởi các thần loại khác nhau, [2]thì phải hỏi họ nhiều: Về các cuộc thao luyện, xem họ có làm đúng thời giờ đã được chỉ định không và làm thế nào. [3]Về các điều phụ	**6.** [1]*Chú dẫn thứ sáu*. Khi người cho các cuộc thao luyện nhận thấy rằng thao viên không được đánh động bởi những thúc đẩy thiêng liêng, như những an ủi hay sầu khổ và không bị lay động bởi những thần loại khác nhau, [2]phải hỏi người ấy cách cẩn thận về những cuộc thao luyện xem họ có làm các cuộc ấy vào đúng thời giờ thích hợp không, và làm như thế nào; [3]cũng thế về các điều	**6.** [1]*Chú dẫn thứ sáu*. Nếu người cho các cuộc thao luyện xét thấy rằng, trong linh hồn người nhận các cuộc thao luyện ấy không có một thúc đẩy thiêng liêng nào xảy đến, như những an ủi hay sầu khổ, cũng như không có sự lay động của các thần loại khác nhau nào, [2]phải cẩn thận dò xem người ấy có làm các cuộc thao luyện vào giờ đã định không và bằng những cách thế nào. [3]Cũng thế hỏi xem họ

II. VỀ CHÍNH CUỘC LINH THAO (6-17).

Sau vài nét giới thiệu tổng quát về Linh Thao, thánh I-nhã đề cập đến chính cuộc Linh Thao với những hệ quả tất yếu và chuyển biến của những hệ quả ấy.

1. Hệ quả tất yếu của chính cuộc Linh Thao (6).

Nếu thao viên bước vào cuộc thao luyện với lòng quảng đại và hào hiệp, hệ quả tất yếu xảy đến là họ nghiệm thấy những thúc đẩy thiêng liêng trong tâm hồn: sự an ủi hay sầu khổ vốn là những kết quả hoạt động của những thần loại đối nghịch nhau để lại. Nếu không có những hệ quả này, chắc chắn họ đã không có những điều kiện trên. Vì thế, thánh I-nhã đòi buộc phải tra hỏi thao viên kỹ về việc thao luyện và việc tuân giữ những điều phụ thêm (73-90).

Về chính cuộc thao luyện, thánh I-nhã cho thấy thao viên sẽ được tác động bởi sầu khổ và an ủi, đồng thời họ luôn có người hướng dẫn bên cạnh để giúp đỡ họ theo một lược đồ đối ngẫu sau đây:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thêm cũng vậy, hỏi xem họ có thi hành cẩn thận không. Phải hỏi cách riêng về từng điều một. [4]Về an ủi và sầu khổ được nói ở số 316 và 317, về các điều phụ thêm ở số 73-90.	phụ thêm, họ có tuân thủ cách chăm chú không; và họ phải kể cách chi tiết về những điều này, [4]nghĩa là về những an ủi và sầu khổ. Đó là vấn đề của những điều ở số 316-317 và của những điều phụ thêm ở số 73-90.	có chú tâm tuân giữ những điều phụ thêm không; và đòi hỏi họ kể lại từng điều một. [4]Mặt khác, sẽ đề cập về các an ủi và sầu khổ ở những số 316-317, về các điều phụ thêm ở những số 73-90.
7. [1]*Chú dẫn thứ bảy*. Nếu người cho các cuộc thao luyện thấy người nhận các thao luyện ấy bị sầu khổ và cám dỗ, thì không nên tỏ ra cứng cỏi và khắt khe với họ, nhưng phải tỏ ra dịu dàng và nhân từ, [2]cùng khuyến khích cho họ can đảm và mạnh mẽ trong tương lai; bằng cách vạch cho họ biết những mưu mô của kẻ thù của bản tính loài	**7.** [1]*Chú dẫn thứ bảy*. Người cho những bài tập luyện, khi thấy thao viên gặp sầu khổ hoặc bị cám dỗ, sẽ không cư xử với họ cách cứng cỏi và khó chịu, nhưng cư xử cách hiền dịu và nhân từ. [2]Người ấy sẽ củng cố họ và khích lệ họ được can đảm trong những bài thao luyện tiếp theo sau đó; người ấy sẽ giúp họ khám phá những mưu mô kẻ thù của bản tính	**7.** [1]*Chú dẫn thứ bảy*. Nếu người có bổn phận cho người kia tập luyện nhận thấy rằng người ấy bị trải qua thử thách bởi sầu khổ hay bởi sự cám dỗ, phải cẩn thận không tỏ ra cứng cỏi hoặc khắt khe cứng nhắc với họ, [2]nhưng phải hiền dịu và nhân từ hơn; sau khi đã khích lệ họ can đảm trở lại để hành xử cách cương quyết trong tương lai và sau khi đã vạch

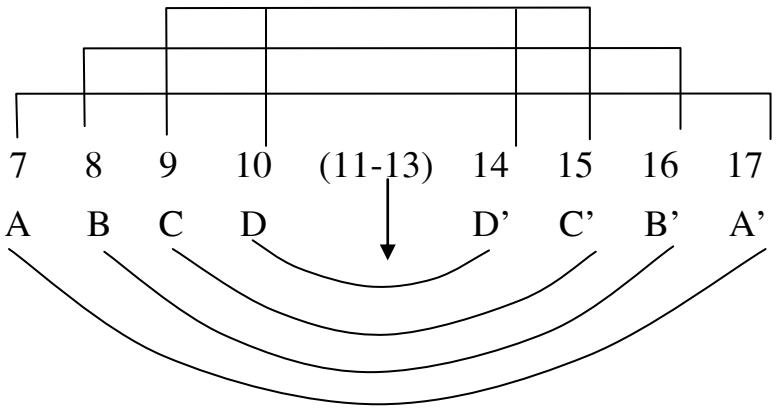

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
người và giúp họ dọn mình sẵn sàng đón nhận an ủi sẽ đến.	loài người và mời gọi họ chuẩn bị cho sự an ủi sẽ đến.	trần sự giả dối của kẻ thù chúng ta, cố dẫn họ vào sự an ủi, nghĩ rằng nó sẽ sớm xảy đến.
8. [1]*Chú dẫn thứ tám*. Người cho các cuộc thao luyện, tùy theo nhu cầu mà họ nhận thấy liên quan đến sầu khổ và mưu mô của kẻ thù, và liên quan đến an ủi nơi người nhận những thao luyện mà [2]có thể trình bày cho họ những "quy tắc" thuộc tuần thứ nhất và thứ hai để giúp nhận biết các thần loại khác nhau, (số 313 và 328).	**8.** [1]*Chú dẫn thứ tám*. Người cho các cuộc thao luyện, tùy vào nhu cầu của người nhận các cuộc thao luyện, nhân cơ hội liên quan đến những sầu khổ và những mưu mô của kẻ thù, cũng như những an ủi, [2]có thể đưa ra những quy tắc của tuần thứ nhất và tuần thứ hai để nhận định các thần loại, (số 313 và 328).	**8.** [1]*Chú dẫn thứ tám*. Nhân cơ hội về các an ủi và sầu khổ nơi người tập những cuộc thao luyện và nhân cơ hội về những lừa đảo của kẻ thù loài người, [2]ta có thể sử dụng những quy tắc vốn được tìm thấy trong hai tuần lễ đầu tiên để nhận biết các thần loại khác nhau.
9. [1]*Chú dẫn thứ chín*. Cần lưu ý khi thao viên đang tập những cuộc thao luyện của tuần thứ nhất, nếu họ không phải là người thành thạo trong đàng thiêng liêng và bị cám dỗ một cách thô thiển và sỗ sàng, [2]chẳng hạn chước cám	**9.** [1]*Chú dẫn thứ chín*. Phải xem xét điều này khi thao viên ở trong những cuộc thao luyện của tuần thứ nhất, nếu họ không thành thạo với những điều thiêng liêng, nhưng lại bị cám dỗ một cách thô thiển và một cách sỗ sàng, [2]thí dụ khi	**9.** [1]*Chú dẫn thứ chín*. Khi người tập luyện là người không có kinh nghiệm về các điều thiêng liêng, có thể xảy ra là, trong tuần lễ thứ nhất, người ấy phải chiến đấu với những cám dỗ thô thiển và sỗ sàng: [2]ở đây những ngăn

2. Thao viên và kỷ luật (11-13)

Kỷ luật có một vị trí rất quan trọng trong cuộc Linh thao và được đặt làm tâm của cấu trúc đối ngẫu. Kỷ luật mà thao viên phải tuân giữ được đề cập ở hai cấp độ:

a/ Ở từng tuần lễ và giai đoạn thao luyện (11)

Khi lấy tuần thứ nhất làm mẫu, thánh I-nhã không dừng lại ở tuần lễ Linh Thao này như một khuôn mẫu cứng ngắc, mà đem ra áp dụng cách uyển chuyển và sinh động cho các tuần khác còn lại (127; 206[5]; và mặc nhiên trong 226[2]): Việc thao luyện chỉ được phép dừng lại ở mầu nhiệm đã được đề ra chứ không được đi xa hơn phạm vi đó. Mục đích để tránh xao nhãng, phân tán, nhưng được tập trung cách mãnh liệt (V) vào đề tài hiện tại và những điều đã tập luyện. Tuy nhiên,

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dỗ bày cho họ thấy những cản trở đối với sự tiến lên trong đàng phụng sự Chúa, như những đau khổ, sự hổ thẹn và sợ hãi bởi hư danh phàm tục xúi bẩy. [3]Người cho các cuộc thao luyện không nên nói cho họ về những quy tắc "về các thần loại khác nhau" thuộc tuần thứ hai. [4]Vì những quy tắc thuộc tuần thứ nhất làm ích cho họ bao nhiêu thì những quy tắc thuộc tuần thứ hai sẽ làm hại cho họ bấy nhiêu, bởi đây là vấn đề quá tinh tế và quá cao siêu mà họ không thể	ma quỷ trình bày cho họ những ngăn trở không cho tiếp tục tiến lên trên con đường phụng sự Chúa, như những đau khổ, hổ thẹn và sợ hãi vì hư danh phàm tục, [3]thì người cho những cuộc thao luyện không được giải thích cho họ những quy tắc nhận định thần loại của tuần thứ hai. [4]Vì, những quy tắc của tuần thứ nhất giúp ích cho họ bao nhiêu, thì những quy tắc của tuần thứ hai làm hại cho họ bấy nhiêu: đề tài này quá tinh tế và quá cao siêu mà họ không thể hiểu được	trở cho việc theo đuổi việc phụng sự Thiên Chúa tỏ lộ ra cho họ (sự khó khăn, lo lắng, xấu hổ, sợ hãi vì hư danh phàm tục); [3]lúc đó thao viên phải hoãn lại việc sử dụng những quy tắc về việc nhận định liên quan đến tuần thứ hai, và chỉ sử dụng những quy tắc được trình bày trong tuần thứ nhất. [4]Vì kẻ khác sẽ gặt hái được nơi đó bao nhiêu lợi ích có thể rút ra được, thì đối với họ, sẽ gặt hái bấy nhiêu bất tiện, vì sự tinh tế và cao siêu vốn vượt quá nhận thức của họ.

chính ở số Linh Thao này, thánh I-nhã đã đưa ra sự phân biệt hai đời sống thanh luyện và soi sáng cách mặc nhiên. Vì khi bước vào các tuần khác, ngài không nhắc đến mối liên hệ của tuần một với các tuần đó nữa, mà chỉ nói đến mối liên hệ giữa các tuần đó với nhau mà thôi (x. 127; 206[5]; 226[2])

b/ Ở từng giờ thao luyện (12-13).

- Trước hết, thánh I-nhã xác định thời lượng một giờ đồng hồ cho mỗi cuộc thao luyện. Đây là thời lượng cần cho việc thao luyện và là thước đo để dạy thao viên học cách chống trả với kẻ thù bằng cách thức làm ngược lại: ***agere contra*** (325) để có kinh nghiệm chiến thắng nó. Bởi lẽ, đối với người quảng đại (5), kẻ thù không dám cám dỗ họ bỏ cuộc, nhưng cám dỗ họ rút ngắn thời lượng để mong đưa họ từ từ ra khỏi mối tương quan với Thiên Chúa.
- Sau nữa, thời lượng này có giá trị cách đặc biệt không phải chỉ khi được an ủi mà cả khi gặp sầu khổ. Bởi lẽ lúc đó thao viên nằm phía sân chơi của kẻ thù và dễ bị kẻ thù xúi bẩy (318[2]). Ngược lại khi được an ủi, họ thuộc về phần sân chơi của thần lành vốn có ưu thế dẫn dắt họ. Vì vậy việc trung thành đủ thời lượng một giờ trong việc cầu nguyện là điều rất khó khăn. Thánh I-nhã

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hiểu được.	cách dễ dàng.	
10. [1]*Chú dẫn thứ mười*. Khi người cho các cuộc thao luyện thấy người nhận các cuộc thao luyện bị quấy nhiễu và cám dỗ dưới hình thức sự thiện, đó là chính lúc phải trình bày cho họ những quy tắc thuộc tuần thứ hai như đã nhắc tới ở trên. [2]Vì thường thường thù địch loài người hay cám dỗ dưới	**10.** [1]*Chú dẫn thứ mười*. Khi người cho những cuộc thao luyện xét thấy rằng người nhận những cuộc thao luyện ấy bị cám dỗ dưới vẻ sự thiện, thì người ấy phải giải thích cho họ những quy tắc của tuần thứ hai đã được đề cập ở trên. [2]Vì, cách chung, kẻ thù của bản tính loài người cám dỗ dưới vẻ sự thiện	**10.** [1]*Chú dẫn thứ mười*. Nếu thao viên bị tấn công do những cám dỗ tỏ lộ dưới vẻ sự thiện, lúc đó người ta phải cung cấp cho họ những quy tắc được nói đến của tuần lễ thứ hai. [2]Thật vậy, kẻ thù của loài người tấn công thường xuyên nhất dưới vẻ sự thiện đối với những người mà trước

khuyên thao viên ở lại hơn một giờ để chiến đấu chống lại sầu khổ và chiến thắng các cám dỗ là điều cần thiết để học biết chống lại kẻ thù và chiến thắng (V) hay chà đạp được nó nữa (A, P).

3. Những tác động và người hướng dẫn.

Mối tương quan này được diễn tả dưới hình thức cấu trúc đối xứng: an ủi và sầu khổ tác động vào chủ thể ở đó người hướng dẫn có vai trò giúp nhận ra hoạt động của các tác nhân. Chúng ta có hai cách đọc vấn đề: cách thứ nhất, đọc theo cấu trúc đối xứng nhau để tìm ra vị trí thao viên mà đỉnh cao của vị trí ấy là linh hồn sốt mến (15^3), tức là người đạt đến sự an ủi có nguyên do trước (332^1); cách đọc thứ hai, đọc thứ tự từ sầu khổ sang an ủi, ta sẽ tìm thấy lời hứa an ủi cho người gặp sầu khổ và ngược lại, sự đe doạ gặp sầu khổ cho những ai đang sống trong an ủi. Nhờ vào hai cách đọc này mà người hướng dẫn có thể nhận ra tình hình tiến bộ hay sa sút của thao viên mà giúp đỡ họ cách thích hợp. Ở đây, ta đề nghị một cách đọc đối xứng như sau:

a/ Đọc liên kết hai vế A và A' (7 và 17)

- A: Vai trò người hướng dẫn khi thao viên gặp sầu khổ (7). Hai cách hành xử cơ bản của người hướng dẫn phải có: trước hết, phải đối xử dịu hiền và nhân lành, nghĩa là không tỏ ra khắt khe và cứng cỏi đối với họ – sau nữa, giúp họ học biết những mưu chước của kẻ thù để củng cố họ trong tương lai và chuẩn bị họ đón nhận sự an ủi sẽ đến (321). Đây là lời giới thiệu hoạt động của kẻ thù ngang qua sầu khổ.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dạng sự thiện khi người luyện tập đang ở trong đời sống "quang minh" (vita illuminati-va), tương ứng với những cuộc thao luyện thuộc tuần thứ hai [3]hơn là trong đời sống "thanh luyện" (vita purgativa), tương ứng với những cuộc thao luyện thuộc tuần thứ nhất.	đối với người ở trong chặng đường quang minh – chặng đường tương ứng với những cuộc thao luyện của tuần thứ hai–, [3]và nó không cám dỗ người ở trong chặng đường thanh luyện theo cách đó, chặng đường vốn tương ứng với những cuộc thao luyện của tuần thứ nhất.	đó đã ở trong chặng đường của đời sống mà người ta gọi là "quang minh" – vốn tương ứng với các cuộc thao luyện của tuần thứ hai – [3]hơn là trong chặng đường khác, vốn thường quen gọi là thanh luyện và cấu thành nội dung của các cuộc thao luyện của tuần thứ nhất.
11. [1]*Chú dẫn thứ mười một*. Khi luyện tập các cuộc Thao Luyện của tuần thứ nhất, người nhận các cuộc thao luyện sẽ được nhiều ích lợi nếu không biết gì về những việc phải làm	**11.** [1]*Chú dẫn thứ mười một*. Sẽ có ích lợi cho người ở trong tuần thứ nhất nếu không biết gì về điều họ sẽ làm trong tuần thứ hai; [2]nhưng họ còn phải làm việc trong tuần thứ nhất để gặt hái	**11.** [1]*Chú dẫn thứ mười một*. Đối với thao viên trong tuần thứ nhất, điều thích hợp cho họ là không nên biết việc gì sẽ phải làm trong tuần thứ hai, [2]nhưng họ nên làm việc cách chuyên

- A': Nguyên tắc đồng hành của người hướng dẫn (17). Người hướng dẫn tuy phải tôn trọng hoạt động của Thiên Chúa nơi thao viên và sự cộng tác của người này với những tác động ấy (15[5]), tuy nhiên họ cần được thao viên cho biết chính xác những xáo trộn và tư tưởng do các thần loại khác nhau đưa tới, để người hướng dẫn có thể cho họ những cuộc thao luyện thiêng liêng thích hợp với nhu cầu của họ.

Chú dẫn này muốn xác định vị trí trung gian của người hướng dẫn và vai trò chủ động của thao viên, đặc biệt đối với người bắt đầu đời sống thiêng liêng hay người sa sút. Sở dĩ người hướng dẫn cần biết những tác động các thần và những xao động nơi họ vì nguyên tắc đồng hành là người hướng dẫn phải thích nghi với tâm trạng thao viên mà giúp họ tập luyện có kết quả chứ không ngược lại.

b/ Đọc liên kết giữa B và B' (8 và 16)

- B: Bộ nhận định thần loại (8). Học hỏi việc nhận định thần loại trước những hoạt động của kẻ thù tuỳ thuộc vào nhu cầu của thao viên. Vì mưu mô của nó biểu lộ cả nơi sầu khổ thiêng liêng (314-315) lẫn an ủi (329-336).
- B': Thao viên hướng về quyến luyến lệch lạc (16). Chú dẫn này đề cập đến chính mục đích của Linh Thao: "Linh Thao để tự thắng mình và sắp xếp cuộc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trong tuần thứ hai. [2]Trái lại, họ phải chú tâm thao luyện trong tuần thứ nhất để đạt được kết quả mình tìm kiếm, như thể không hi vọng tìm được điều gì tốt hơn trong tuần thứ hai.	được điều họ tìm kiếm, như thể họ không hy vọng tìm được điều gì tốt lành trong tuần thứ hai.	chăm để đạt được điều họ tìm kiếm lúc này, như thể họ không tìm được gì tốt lành sau đó.
12. [1]*Chú dẫn thứ mười hai*. Người cho các cuộc thao luyện phải cẩn thận nhắc bảo người nhận các cuộc thao luyện để họ dành đủ một giờ đồng hồ cho mỗi cuộc thao luyện trong số năm cuộc thao luyện hay chiêm niệm mà họ sẽ làm mỗi ngày, [2]họ phải luôn cố gắng	**12.** [1]*Chú dẫn thứ mười hai*. Người cho các cuộc thao luyện phải nhắc bảo người nhận các cuộc thao luyện để họ phải ở lại khoảng một giờ trong mỗi cuộc thao luyện hay chiêm niệm sẽ được làm năm lần trong một ngày, [2]họ phải làm cuộc thao luyện ấy, đến nỗi con tim họ được mãn nguyện	**12.** [1]*Chú dẫn thứ mười hai*. Phải báo cho thao viên biết rằng họ phải dành thời gian đủ một giờ cho mỗi cuộc thao luyện trong số năm cuộc thao luyện hằng ngày vốn được trình bày sau này; [2]và họ luôn luôn chú tâm tìm được sự an nghỉ của linh hồn bằng cách ý thức rằng thà

đời cho có trật tự mà không quyết định vì một quyến luyến lệch lạc nào" (21). Điểm qui chiếu để nhận biết những lệch lạc chính là Nguyên Lý và Nền Tảng ở cấp độ tự nhiên (23) và cấp độ siêu nhiên (91-98). Khi đề cập về quyến luyến lệch lạc, như bản A viết: "Trường hợp linh hồn bị thu hút hay hướng chiều về một điều gì đó cách lệch lạc" hay bản V nói: "Khi linh hồn bị thu hút hay hướng chiều về điều kém ngay thẳng", thánh I-nhã mời gọi họ áp dụng nguyên tắc hành động ngược lại - agere contra. Chính vì thế, chủ thể phản ứng hướng về chiều ngược lại (A), hay vận dụng toàn sức lực để đạt đến sự gắn bó ngược lại với quyến luyến vốn lôi kéo nó cách xấu xa (P), hoặc phải vận dụng hết mọi cố gắng, mọi sức lực hướng về chiều ngược lại (V).

Khi đưa ra hai thí dụ cụ thể về chức vụ hay bổng lộc, thánh I-nhã cho thấy việc hành động ngược lại không thuần tuý chỉ là việc của con người mà của cả ơn sủng, vì trong các cuộc thao luyện và cầu nguyện, thao viên phải xin Thiên Chúa ban cho mình lòng ước muốn ngược lại. Chắc chắn đây là cuộc chiến để họ biết đặt phương tiện khuôn theo cứu cánh (23;169;179).

Tóm lại, hai bộ quy tắc nhận định có Nguyên Lý và Nền Tảng làm điểm qui chiếu ở hai cấp độ lề luật trong tuần một và tình yêu trong tuần hai. Đối với mưu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
để hài lòng với ý tưởng đã trải qua suốt một giờ trong cuộc thao luyện, và thà làm quá một giờ hơn là kém. [3]Vì kẻ thù thường hay làm mọi cách đòi ta rút ngắn thời gian chiêm niệm, suy gẫm hay cầu nguyện.	với ý nghĩ đã kiên trì trong cuộc thao luyện đúng một giờ, hoặc thậm chí phải quá một giờ hơn là kém; [3]vì kẻ thù thường tìm mọi cách làm cho thời gian chiêm niệm bị rút ngắn đi.	mình dành nhiều thời gian vào đó hơn là bớt đi. [3]Thật vậy, thường ma quỷ tìm cách làm cho ta rút ngắn thời gian đã định trước đó đối với việc suy gẫm hay chiêm niệm.
13. [1]*Chú dẫn thứ mười ba*. Cũng phải chú ý điều này: khi được an ủi, việc chiêm niệm đủ một giờ là điều dễ dàng và nhẹ nhàng bao nhiêu, thì lúc gặp sầu khổ, việc chiêm niệm cho đến hết giờ lại thật khó khăn bấy nhiêu. [2]Bởi thế để chống lại sầu khổ và thắng được các cơn cám dỗ, người luyện tập Linh Thao phải luôn làm quá một giờ đồng hồ chút ít, để không những họ tập	**13.** [1]*Chú dẫn thứ mười ba*. Cần phải xem xét điều này: việc ở lại đúng một giờ trọn vẹn trong việc chiêm niệm vào thời gian an ủi càng dễ dàng bao nhiêu, thì vào thời gian sầu khổ càng khó khăn bấy nhiêu; [2]chính vì thế thao viên phải ở lại hơn một giờ để chiến đấu chống lại sầu khổ và chiến thắng các cám dỗ, để thủ đắc thói quen không chỉ chống trả kẻ	**13.** [1]*Chú dẫn thứ mười ba*. Mặc dù dành đủ một giờ cho việc chiêm niệm khi dư đầy sự an ủi là điều dễ dàng và nhẹ nhàng, ngược lại điều đó sẽ rất khó khăn khi sự sầu khổ xảy đến; [2]chính vì thế phải luôn luôn chiến đấu chống lại sự cám dỗ và sự sầu khổ bằng cách kéo thời gian của cuộc tập luyện dài hơn thời gian đã được quy định trước đó, để chiến thắng được chúng.

mô của kẻ thù, hành động ngược lại được mô tả rõ trong ba quy tắc cuối của bộ thứ nhất xét như là những chiến thuật của kẻ thù để chống lại nó (325-327).

c/ Đọc liên kết C và C' (9 và 15)

- C: Sầu khổ ở cấp độ thô thiển (9). Ở những người sa sút, không thành thạo, không có kinh nghiệm thiêng liêng hay những người phạm những tội trọng này đến tội trọng khác, họ thường gặp những cám dỗ thô thiển (9^1) hoặc những cám dỗ thuộc khoái lạc giác quan (314^1), người hướng dẫn chỉ cần trình bày cho họ bộ quy tắc nhận định thần loại thuộc tuần thứ nhất (313-327). Bởi lẽ lúc này thao viên đang ở trong chặng đường thanh luyện ở đó việc chọn lựa nằm ở qui tắc tốt/xấu của luật lương tâm. Và thao viên thuộc sân chơi của kẻ thù, nên nó thường bày ra những cám dỗ thô thiển, sỗ sàng và hư danh phàm tục.

Có thể nói hạng người này còn đang được thao luyện ở bình diện luân lý

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
làm quen chống trả kẻ thù mà còn chà đạp được nó nữa.	thù mà còn chà đạp nó nữa.	Thật vậy, với cách này, chúng ta học biết không chỉ chống lại kẻ thù mà còn chiến thắng nó nữa.
14. [1]*Chú dẫn thứ mười bốn*. Nếu vị hướng dẫn thấy người nhận các cuộc thao luyện được an ủi và đầy lòng sốt sắng, phải khuyên họ đừng khấn hứa hay thề nguyền cách thiếu suy xét và vội vàng, [2]và nếu biết rõ người đó có tính nhẹ dạ thì càng phải khuyến cáo và nhắc bảo họ.	**14.** [1]*Chú dẫn thứ mười bốn*. Nếu người cho các cuộc thao luyện thấy thao viên được an ủi và rất sốt sắng, thì người ấy phải khuyên họ đừng khấn hứa hoặc thề nguyền cách thiếu suy nghĩ và vội vàng; [2]và người ấy biết rằng người này càng dễ dàng thay đổi và nông cạn thì càng phải canh chừng họ.	**14.** [1]*Chú dẫn thứ mười bốn*. Nếu thấy rằng người dấn thân vào các cuộc thao luyện có sự an ủi dồi dào và lòng sốt sắng mãnh liệt, phải ngăn cản không cho người ấy tự trói buộc mình bằng lời khấn hứa hoặc thề nguyền vốn được thực hiện cách thiếu suy nghĩ và vội vàng. [2]Và khi thấy người ấy có tính hay thay đổi bao nhiêu thì phải tiếp nhận sáng kiến này cách cẩn trọng bấy nhiêu.
[3]Vì mặc dù việc khuyên nhủ người nọ người kia vào đời tu trì có khấn vâng phục, nghèo khó và khiết tịnh là việc chính đáng, [4]cho dù việc lành làm nhân danh lời khấn có giá trị	[3]Vì mặc dầu người ta có thể khích lệ ai đó vào đời sống tu trì một cách chính đáng (nghĩa là đời sống vâng phục, khiết tịnh và khó nghèo), [4]và dù rằng việc làm nhân danh lời khấn có công	[3]Thật vậy, mặc dù ta có thể khuyến khích một ai đó vào đời sống tu trì một cách hợp pháp, nơi

nên bộ quy tắc thứ nhất am hợp hơn với tình trạng thiêng liêng của họ. Còn bộ quy tắc thứ hai am hợp hơn với người đã bước vào bình diện tình yêu vốn cao siêu hơn mà nếu được trình bày cho hạng người trên sẽ gây thiệt hại thay vì sinh ích cho họ. Vì bộ thứ nhất nói về việc nhận đinh để đưa ra việc chọn lựa dưới dạng "đối kháng" còn bộ hai dưới dạng "hơn kém" giữa siêu nhiên và tự nhiên.

- C': Người sốt mến (15). Hạng người này đối nghịch với hạng người ở trên và thánh I-nhã gọi là "linh hồn sốt mến", tức anima deuota trong A và anima devota trong P và V (15[3]). Đây là thuật ngữ chuyên môn thánh I-nhã sử dụng để chỉ những người đạt đến sự an ủi có nguyên do trước (332[1]) và có thể thực hiện việc chọn lựa bậc sống ở thì thứ nhất khi Chúa cho phép (175).

Đối với những người này, người hướng dẫn không được thúc đẩy họ đến bậc sống này hơn bậc sống khác, nhưng phải đứng ở giữa như một cái cân để cho Thiên

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hơn việc lành không khấn hứa. [5]Tuy nhiên phải rất cẩn thận để nhận biết rõ ràng tính tình và khả năng của người luyện tập và xem họ có thể được ích lợi hay gặp khó khăn gì không cho việc chu toàn điều họ muốn khấn hứa.	phúc hơn là việc làm không lời khấn, [5]tuy nhiên phải rất cẩn trọng về tình trạng và con người của người tuyên khấn cũng như về những thuận lợi và những ngăn trở để hoàn thành điều mà người ấy muốn tuyên khấn.	đó những lời khấn về vâng phục, khó nghèo và khiết tịnh sẽ phải được tuyên thệ; [4]mặt khác, mặc dù một việc làm được thi hành bởi lời khấn có công phúc hơn là việc làm không lời khấn; [5]Tuy nhiên phải lưu tâm rất nhiều đến tình trạng của mỗi người. Cũng còn phải xem xét một cách cẩn trọng xem có lợi ích nào hoặc bất lợi nào có thể xảy đến không, khi họ phải đảm nhận điều họ tuyên thệ.
15. [1]*Chú dẫn thứ mười lăm*. Người cho các cuộc thao luyện không nên thúc đẩy người nhận các cuộc thao luyện đến sự khó nghèo hay tuyên hứa sống nghèo khó hơn	**15.** [1]*Chú dẫn thứ mười lăm*. Người cho những cuộc thao luyện không được thúc đẩy người nhận các bài ấy đến sự khó nghèo hay tuyên hứa sống nghèo khó hơn	**15.** [1]*Chú dẫn thứ mười lăm*. người cho những cuộc thao luyện không được thúc đẩy người khác đến sự nghèo khó và tuyên hứa sống nghèo khó hơn là điều

Chúa tự hành động, nghĩa là tự thông truyền chính mình Ngài cho họ, ấp ủ họ trong tình yêu mến và trong sự ngợi khen Ngài, và đặt để họ vào con đường phụng sự Ngài cách tốt đẹp hơn.

Nói cách khác, Linh Thao cho thao viên được sống kinh nghiệm biến đổi từ con người thô thiển đến linh hồn sốt mến, để họ học biết việc nhận định từ bộ quy tắc thứ nhất đến kinh nghiệm Thiên Chúa tự thông truyền chính Ngài cho họ vào tình yêu của Ngài.

d/ Đọc liên kết giữa D và D' (10 và 14)

- D: Cám dỗ ở cấp độ tinh tế (10). Gọi là tinh tế, vì thao viên lúc này bị cám dỗ dưới hình thức sự thiện. Việc cám dỗ này thường xảy ra đối với những người đang tập luyện trong chặng đường thứ hai của cuộc Linh Thao, chặng đường

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
là điều ngược lại, hoặc đến bậc sống này hơn là bậc sống khác. [2]Vì dầu ngoài những cuộc thao luyện, chúng ta có thể khuyến khích những người tỏ ra thích hợp để chọn lựa sự tiết dục, sự trinh khiết, đời sống tu trì và mọi hình thức sống trọn hảo nào khác theo Tin Mừng, là điều hợp pháp và đáng ngợi khen; [3]nhưng đang khi luyện tập những cuộc thao luyện này, điều thích hợp và tốt đẹp hơn là chúng ta lo tìm kiếm Thánh ý Thiên Chúa, tức là để cho chính Đấng Tạo Hóa tự thông truyền chính mình cho linh hồn sốt mến , [4]ấp ủ nó trong tình yêu mến và sự ngợi khen	là điều ngược lại, hoặc nữa đến một bậc sống hay một lối sống này hơn là lối sống khác. [2]Thực vậy, dù khi ở ngoài những cuộc thao luyện, ta có thể thúc đẩy cách hợp pháp và có công nghiệp tất cả những ai dường như có thể am hợp với đời sống đó để chọn lựa sự tiết dục, sự trinh khiết, đời sống tu trì và toàn thể phương tiện khác được chấp nhận để đạt tới sự trọn hảo Tin Mừng; [3]Tuy nhiên, trong Linh Thao, điều thích hợp và đáng quí chuộng hơn là, khi người ta tìm kiếm ý muốn thần linh thì chính Chúa và Đấng Tạo Hóa tự thông truyền cho linh hồn sốt mến của Ngài,	ngược lại, cũng không được thúc đẩy vào một bậc sống này hơn là bậc sống khác. [2]Vì, mặc dù khi ở bên ngoài các cuộc thao luyện, là một điều hợp pháp và xét thấy có công phúc nếu khuyên bảo mọi người có khả thể thích hợp chọn đời sống độc thân, đời sống tu trì và tất cả sự trọn hảo Tin Mừng, bằng cách chú ý đến con người và hoàn cảnh. [3]Tuy nhiên, điều thích hợp hơn và tốt đẹp hơn là, không vận dụng điều đó trong chính các cuộc thao luyện, nhưng đúng hơn là tìm kiếm và chờ đợi ý muốn Thiên Chúa, cho đến khi chính Đấng Tạo Hóa của chúng ta tự

mà thánh I-nhã gọi là đời sống soi sáng (vita illuminativa). Vì ở đó, kẻ thù có thể giả dạng thần lành để đi vào hợp với linh hồn sốt mến (332[1]), hoặc kẻ thù lấy mẫu an ủi của chặng đường này mà đi vào linh hồn (10[1]). Trong trường hợp này, người hướng dẫn phải trình bày những quy tắc nhận định thứ hai cho họ (328-336). Bởi lẽ bộ quy tắc thứ hai vận dụng việc nhận định của sự an ủi ở cấp độ cao nhất: an ủi của tình yêu ở cấp độ ý thức và vô thức làm mẫu để áp dụng cách loại suy vào mọi cấp độ an ủi trước đó.

Thánh I-nhã vận dụng ý niệm truyền thống về ba chặng đường thiêng liêng trong hành trình đào luyện của Ngài. Nhưng đây là những cuộc tập luyện theo đúng nghĩa của việc tập luyện (exercices), nên thao viên trong Linh Thao chưa đạt đến chặng đường thần hiệp (via unitiva) của đời sống thiêng liêng. Dầu vậy, việc áp dụng từ ngữ có tính khác biệt: Bản A sử dụng từ ngữ "đời sống" thay vì "chặng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Ngài, và đặt để nó vào con đường ở đó nó có thể phụng sự Ngài cách tốt đẹp hơn sau này. [5]Như thế, người cho các cuộc thao luyện không phải xoay hướng hoặc nghiêng chiều về đàng này hay đàng kia, nhưng phải đứng ở giữa như cái cân, [6]để cho Đấng Tạo Hóa trực tiếp hành động với thụ tạo của Ngài và thụ tạo với Đấng Tạo Hóa và là Chúa mình.	[4]bằng cách tiếp nhận linh hồn ấy vì lòng yêu mến Ngài và vì sự ngợi khen Ngài và bằng cách đặt để nó vào con đường và phương thế thích hợp, để nó có thể phụng sự Ngài hơn sau này. [5]Chính vì thế người cho các cuộc thao luyện không được nghiêng chiều về mặt này hơn mặt khác; nhưng bằng việc giữ mình ở thế thăng bằng, [6]người ấy phải để cho Chúa hành động trực tiếp với thụ tạo của Ngài và thụ tạo với Đấng Tạo Hóa của họ.	thông truyền mình cho linh hồn sốt mến của Ngài, [4]và, khi ấp ủ nó thì đặt để nó vào việc yêu mến, ca ngợi và phụng sự Ngài, tùy theo điều nào Ngài biết có ích lợi nhất cho nó. [5]Chính vì thế, người đề nghị những cuộc thao luyện phải giữ mình trong một sự quân bình nào đó [6]và để cho chính Đấng Tạo Hóa xử sự với thụ tạo của Ngài ngoài mọi trung gian, và đến lượt thụ tạo với Ngài cũng thế.
16. [1]*Chú dẫn thứ mười sáu*. Để được như vậy, nghĩa là muốn để Đấng Tạo Hóa và Chúa hành	**16.** [1]*Chú dẫn thứ mười sáu*. Để cho điều vừa được nói đến, nghĩa là để cho Đấng Tạo Hóa	**16.** [1]*Chú dẫn thứ mười sáu*. Để cho Đấng Tạo Hóa và chính Chúa chúng ta hành động cách

đường"; bản P sử dụng từ ngữ "chặng đường" của truyền thống; còn bản V nối kết hai ý niệm bằng cụm từ "chặng đường của đời sống" (10^2).

- D': An ủi và sốt sắng mãnh liệt (14). Đây là đỉnh cao về hoa trái thiêng liêng mà thao viên có thể nghiệm được với tư cách là linh hồn sốt mến như đã nói trên: đầy sự an ủi và sốt sắng. Bản V còn kèm theo tính từ "dồi dào" và "mãnh liệt" để xác định tính chất an ủi thao viên đạt được. Nghĩa là họ đã đạt tới mối tương quan cá vị với Đức Ki-tô bằng lòng mến (167), nhưng còn là một tình yêu chưa trọn vẹn vốn có thể biểu lộ bằng những lời khấn hứa vội vàng, thiếu suy nghĩ, nhất là đối với những người còn nông cạn và hay thay đổi. Vì đó là những dấu chỉ cho thấy những người này có một tình yêu mà Thiên Chúa chưa thực sự chiếm trọn và lôi kéo hoàn toàn vào lòng yêu mến Ngài (330^2).

Một thao viên đạt đến một lòng mến mà còn nông nổi như thế nếu tuyên khấn sống đời tu: vâng phục, khiết tịnh và khó nghèo sẽ có nguy cơ gặp khó

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
động cách chắc chắn hơn nơi thụ tạo của Ngài, [2]nếu gặp trường hợp linh hồn đó bị thu hút và hướng chiều về một điều gì đó cách lệch lạc, thì rất thích hợp nếu lấy hết sức lực phản ứng hướng về điều ngược lại với điều mình bị thu hút một cách xấu xa. [3]Chẳng hạn trường hợp một linh hồn ham muốn tìm kiếm và sở hữu một chức vụ hay một bổng lộc, không phải để tôn kính và làm vinh danh Thiên Chúa, Chúa chúng ta và cũng không phải nhằm vào việc cứu rỗi các linh hồn, nhưng để tìm ích riêng và lợi lộc trần tục này: [4]linh hồn đó phải đem lòng hướng chiều về điều ngược lại bằng cách nài van tha thiết hơn trong khi cầu nguyện và trong các	và Chúa hành động chắc chắn hơn trong thụ tạo của mình, [2]nếu thấy rằng linh hồn bị thu hút hay hướng chiều về một điều gì đó cách lệch lạc, nó cần phải vận dụng toàn thể sức lực để đạt được sự gắn bó ngược lại với quyến luyến vốn lôi kéo nó một cách xấu xa; [3]Thí dụ, nếu nó bị lôi kéo tìm kiếm một chức vụ hay một bổng lộc không phải để tôn kính hay làm vinh danh Chúa hay để cứu rỗi các linh hồn, nhưng để tìm lợi lộc riêng tư trần tục, [4]nó phải tìm kiếm và gắn bó với điều ngược lại cách ráo riết và kiên vững, bằng cách nài xin Chúa điều này trong những việc cầu nguyện và các cuộc thao luyện thiêng liêng khác, [5]và bằng cách tỏ rõ rằng nó không muốn chức vụ	chắc chắn hơn trong thụ tạo của mình; [2]nếu khi linh hồn bị thu hút hay hướng chiều về điều kém ngay thẳng, phải vận dụng mọi cố gắng, mọi sức lực hướng về chiều ngược lại. [3]Thí dụ, nếu người ta khát khao đạt được một chức vụ hay một bổng lộc, không nhằm vào việc làm vinh danh Thiên Chúa hoặc vào việc cứu rỗi chung cho các linh hồn, nhưng chỉ nhằm lợi ích cho mình và lợi lộc trần tục, [4]lúc đó người ta phải xoay chuyển quyến luyến của mình về chiều hướng ngược lại, bằng những việc cầu nguyện nghiêm túc và bằng những thao luyện thánh thiện trong đó họ van xin điều ngược lại nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa, [5]nghĩa là, dâng cho chính Thiên Chúa

khăn và bất lợi cho họ do tình yêu chưa trở thành "một hiện hữu cơ bản". Vì thế, vai trò của người hướng dẫn cần phải cẩn trọng xem xét tính tình cũng như tâm trạng của họ để canh chừng những quyết định trên, cho dù việc làm bởi những lời khấn có giá trị (A) và công phúc (P,V) hơn những việc làm khác.

Vậy đỉnh cao thao viên đat được trong Linh Thao là sự an ủi có nguyên do trước. Ơn huệ này còn phải tiếp tục bằng việc canh tân hậu Linh Thao(189) cho đến khi Thiên Chúa đến chiếm trọn vẹn vào lòng yêu mến của Ngài (330[1]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
việc thao luyện thiêng liêng khác, xin Thiên Chúa ban cho mình lòng ước muốn ngược lại, [5]nghĩa là không ước muốn chức vụ, bổng lộc ấy, hoặc bất cứ sự gì khác, trừ phi Chúa chí tôn thay đổi sự quyến luyến đầu tiên ấy, bằng cách chỉnh đốn lại những ước muốn của nó [6]Như thế, nguyên nhân khiến ta ước muốn, hoặc sở đắc điều này hay điều khác duy chỉ ở việc phụng sự, tôn vinh và làm sáng danh Chúa Chí Tôn mà thôi.	này, bổng lộc kia hay điều nào khác, nếu Chúa Chí Tôn không sắp xếp các ước muốn của mình và không thay đổi lòng quyến luyến và động lực ban đầu vốn dẫn nó đến việc ao ước một điều như thế; [6]đến nỗi lý do để ước ao hoặc chiếm hữu một điều là chỉ nhằm vào việc phụng sự và tôn vinh Chúa Chí Tôn mà thôi.	con tim của mình để không còn ao ước một chức vụ hay bổng lộc như thế nữa hoặc bất cứ điều gì khác, [6]nếu Thiên Chúa không thay đổi lòng quyến luyến trước đó đến nỗi người ta không còn ao ước hay thủ đắc một điều gì vì một động lực nào khác ngoài việc phụng sự và tôn vinh Thiên Chúa.
17. [1]*Chú dẫn thứ mười bảy*: thật rất hữu ích nếu người cho các cuộc thao luyện, mặc dù không muốn tra hỏi hay tìm biết các tư tưởng riêng hoặc tội lỗi của người nhận các cuộc thao luyện, [2]nhưng cần được thông tin cách trung thực về những xao động	**17.** [1]*Chú dẫn thứ mười bảy*: rất có ích lợi nếu người cho những cuộc thao luyện, cho dù không muốn biết hoặc không hỏi han về tội lỗi, [2]cũng được thông tin cách trung thực về những xao động và tư tưởng do thần loại này hay thần loại khác đưa	**17.** [1]*Chú dẫn thứ mười bảy*: rất ích lợi khi người cho những cuộc thao luyện, mặc dù không muốn tìm kiếm và hiểu biết những tư tưởng cá nhân và những tội lỗi người kia, [2]nhưng lại được thông tin cách trung thực những tư tưởng vốn do các thần

Tóm lại, đọc liên kết theo cấu trúc đối ngẫu cân xứng, chúng ta thấy rõ giá trị cộng tác giữa tự nhiên và ơn sủng: thao viên sống kỷ luật sẽ được giúp đỡ bởi người hướng dẫn khi gặp những tác động của các thần để lớn lên trong việc nhận định thần loại. Và nhờ vào việc học hỏi và đào sâu kinh nghiệm nhận định thần loại này mà thao viên có thể đem ra áp dụng vào các biến cố sẽ đến mà làm việc "cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống cho đến khi đạt tới người thành toàn.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
và tư tưởng do các thần loại khác nhau đưa tới cho họ; [3]vì tùy vào lợi ích nhiều hay ít mà người này có thể cho họ một số việc thao luyện thiêng liêng thích hợp và đáp ứng với những nhu cầu của linh hồn bị xao động như vậy.	vào; [3]Vì, người này sẽ có thể cho họ những cuộc thao luyện thích hợp với nhu cầu của linh hồn họ vào đúng lúc thuận lợi nhất.	loại khác nhau đưa vào [3]và lôi kéo đến sự thiện lớn hơn hay nhỏ hơn, để người ấy sẽ đòi buộc họ làm một số cuộc thao luyện thiêng liêng hợp với nhu cầu hiện tại của linh hồn.
18. [1]*Chú dẫn thứ mười tám*. Vì phải thích hợp với khả năng của những người muốn tập luyện Linh Thao nghĩa là thích hợp với tuổi tác, văn hóa, và năng khiếu của họ mà áp dụng các cuộc thao luyện: [2] Vì thế không nên đề ra cho người thô kệch và những người yếu sức những điều rất khó làm hay không có ích lợi cho họ. [3]Cũng vậy, tùy theo mức độ mỗi người muốn sẵn lòng mà phải cho họ	**18.** [1]*Chú dẫn thứ mười tám.* Tùy thuộc vào khả năng của những người muốn nhận Linh Thao, nghĩa là tùy theo tuổi tác, văn hóa, năng khiếu của họ mà các cuộc thao luyện phải được thích nghi cho họ, [2]để đừng cho một người nào đó có tính thô kệch hay có sức khỏe mảnh mai những điều mà họ không thể mang được cách dễ dàng hay những điều không sinh ích cho họ. [3]Cũng thế, theo cách thức mỗi	**18.** [1]*Chú dẫn thứ mười tám*. Tùy thuộc vào tình trạng của thao viên, thí dụ tùy theo tuổi tác, văn hóa hoặc năng khiếu của họ mà các cuộc thao luyện phải được thích nghi, [2]để không đặt lên người thô kệch hoặc yếu sức hoặc không có năng lực điều họ không thể mang được mà không gây thiệt hại hoặc đảm nhận mà không đem đến ích lợi. [3]Cũng thế, tùy mức độ sẵn lòng của họ mà trước hết phải cho

III. TỔNG QUÁT VỀ NHỮNG HÌNH THỨC LINH THAO (18-20)

Sau khi giới thiệu về Linh Thao cách tổng quát và về chính cuộc Linh Thao, thánh I-nhã đề cập về những dạng thức khác nhau của Linh Thao.

1. Linh Thao theo dạng thích nghi (18-19)

Thánh I-nhã nói về những cuộc Linh Thao đúng nghĩa ở chú dẫn 20. Còn lại có hai dạng thích nghi được bàn đến: thích nghi vào chính bản thân thao viên và thích nghi vào hoàn cảnh thao viên.

a/ Vào chính bản thân thao viên (18)

Linh Thao xét như một hành trình tập luyện thiêng liêng đòi hỏi phải thích nghi cho hợp với tình trạng và tâm thức cụ thể của thao viên. Ba yếu tố thích nghi ở

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
những cuộc thao luyện thích hợp để họ có thể tìm được sự giúp đỡ và ích lợi hơn.	người muốn sẵn lòng, phải cho họ số lượng cuộc thao luyện nhiều hay ít, để họ có thể tìm được sự giúp đỡ nhiều hơn.	người ấy điều gì có thể giúp đỡ họ hơn cả.
[4]Bởi vậy, đối với một người chỉ chú tâm tìm sự giúp đỡ để học hỏi và để đạt tới một sự thỏa mãn linh hồn ở một mức độ nào mà thôi, thì có thể đề nghị cho họ việc xét mình riêng (số 24-31), rồi việc xét mình chung (số 32-43); [5]và cách thức cầu nguyện mỗi sáng độ nửa giờ theo các giới răn cùng những tội trọng v.v. (số 238-248); [6]lại cũng khuyên họ xưng tội tám ngày một lần, và có thể rước lễ mười lăm ngày một lần, và nếu họ khao khát hơn thì tám ngày một lần. [7]Cách thức này thích hợp hơn đối với những người thô kệch hoặc không có văn hóa:	[4]Vì thế, đối với người chỉ muốn sẵn sàng được dạy dỗ và đạt tới chỗ làm cho linh hồn thỏa mãn ở một điểm nào đó, có thể cho việc xét mình riêng (24), tiếp theo việc xét mình chung (32), [5]cũng như cách cầu nguyện về các giới răn và các tội trọng (238), vốn sẽ được thực hiện vào buổi sáng khoảng nửa giờ; [6]có thể khuyên họ xưng tội tám ngày một lần, và nếu có thể, rước lễ nửa tháng một lần, hoặc nếu họ khao khát hơn thì tám ngày một lần. [7]Cách này thích hợp hơn với những người thô kệch hoặc ít học, là những người phải	[4]Vì thế, đối với người chỉ xin được dạy dỗ và được dẫn dắt tới một mức độ cho tâm hồn tìm được sự an nghỉ nào đó, người ta có thể trình bày trước hết việc xét mình riêng (ở dưới, số 24), rồi việc xét mình chung (ở dưới, số 32), [5]cũng như cách cầu nguyện vào buổi sáng trong nửa giờ khởi từ việc suy xét các giới răn của Thiên Chúa và những tội trọng (số 238). [6]Cũng nên khuyên họ xưng tội tám ngày một lần và rước lễ mười lăm ngày một lần, hoặc hơn nữa tám ngày một lần nếu lòng khao khát thúc đẩy họ. [7]Cách tập luyện này rất hợp với những người thô kệch hoặc ít văn hóa, vốn là những người cần phải giải thích cho họ không

---

đây được nêu ra: tuổi tác, văn hoá, năng khiếu. Tất cả được phân chia làm hai loại người: loại thứ nhất liên hệ đến ý muốn và loại thứ hai liên hệ đến khả năng.

- *Về ý muốn:* Thánh I-nhã nói tùy theo mức độ (A,V) mỗi người muốn sẵn lòng (18[3]). Khi nói một người chỉ chú tâm tìm gặp sự giúp đỡ để học hỏi và để đạt đến một sự thoả mãn ở mức độ nào đó mà thôi (A), hoặc chỉ muốn sẵn sàng được dạy dỗ và đạt tới chỗ làm cho linh hồn được thoả mãn ở một điểm nào đó (P), hoặc tìm được sự an nghỉ nào đó (V), thánh I-nhã muốn chỉ đến những người có khả năng nhưng thiếu lòng muốn.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
sẽ cắt nghĩa cho họ từng giới răn một, rồi những tội trọng, các giới luật Hội Thánh, ngũ quan (số 238-248) và các việc từ thiện.	giải thích cho họ các giới răn của Thiên Chúa, các tội trọng, các giới răn của Giáo Hội, ngũ quan và các việc từ thiện	những từng giới răn của Thiên Chúa và của Giáo Hội, những tội trọng, mà còn giác quan và những công việc từ thiện.
[8]Cũng thế, nếu người cho các cuộc thao luyện thấy người nhận các cuộc thao luyện không đủ sức khỏe hoặc khả năng tự nhiên vốn không có hy vọng được nhiều kết quả, [9]thì đề nghị cho họ làm ít nhiều cuộc thao luyện nhẹ nhàng cho đến khi họ xưng tội là điều ích lợi hơn; [10]sau đó sẽ cho họ một số việc xét mình và đề nghị cách thức xưng tội siêng năng hơn trước, để giữ mình bền vững trong những gì đã thu hoạch được. [11]Không nên dẫn đưa họ đi xa hơn vào việc chọn bậc sống hay những cuộc thao luyện khác	[8]Cũng vậy, nếu người cho các cuộc thao luyện thấy rằng người nhận các cuộc thao luyện có sức khỏe yếu hoặc có ít khả năng tự nhiên khiến không hy vọng đem lại kết quả rất dồi dào, [9]thì cho họ những cuộc thao luyện nhẹ nhàng hơn, cho đến khi họ xưng tội là điều thích hợp hơn; [10]cũng cho một công thức xét mình và một cách thức xưng tội thường hằng hơn thói quen họ đã có, để họ được bền vững trong điều họ đã đạt được; [11]tôi nói điều ấy thích hợp hơn, hơn là tiếp tục phần còn lại của những cuộc thao luyện và việc	[8]Cũng thế, nếu người cho cuộc thao luyện đã thấy rằng người kia có bản chất yếu đuối và ít khả năng, vốn chỉ có thể hy vọng được ít tiến bộ và hoa trái, [9]nên cho người ấy làm một số cuộc thao luyện nhẹ nhàng hơn, cho đến việc xưng tội; [10]tiếp theo cho họ một số việc xét mình nào đó và một phương pháp xưng tội thường xuyên hơn, nhờ đó họ có thể duy trì sự tiến bộ hoặc kết quả mà linh hồn họ sẽ đạt được. [11]Nhưng không nên trình bày những việc chọn lựa hoặc những cuộc thao luyện khác ngoài các cuộc thao luyện của tuần thứ nhất, [12]nhất là những

– *Về khả năng:* Thánh I-nhã xác định đó là những người không đủ sức khoẻ (A,P) hoặc yếu đuối và ít khả năng (V). Họ là những người không hy vọng được nhiều kết quả (A), hoặc không đem lại kết quả dồi dào (P), hoặc hy vọng được ít tiến bộ và hoa trái (V). Có thể nói đây là những người có lòng muốn nhưng lại thiếu khả năng, đặc biệt ngài nhắm đến những người thô kệch và thiếu văn hoá (18^7).

Tất cả những người này được làm Linh Thao dưới dạng thức thích nghi và không đi quá tuần thứ nhất về tội lỗi, nghĩa là không tiến vào việc chọn lựa bậc sống

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ngoài khuôn khổ tuần thứ nhất, [12]nhất là khi ta có thể thu được nhiều ích lợi hơn với những người khác và khi không đủ thời giờ để hướng dẫn tất cả mọi người.	chọn lựa, hoặc bất cứ cuộc thao luyện nào khác ở ngoài tuần thứ nhất, [12]nhất là khi ta thu được nhiều ích lợi hơn nơi những người khác và khi thời gian không đủ cho cả những người này và những người khác.	khi có những người khác tập luyện với hoa trái dồi dào hơn và những khi không đủ thời gian cho phép bảo đảm mọi sự cho mọi người.
19. [1]*Chú dẫn thứ mười chín*. Đối với những người bận việc công hay phải đảm nhận những việc hữu ích khác, [2]nhưng nếu người ấy có học thức hoặc thông minh, và nếu người ấy có thể dành một giờ rưỡi để tập luyện, thì sẽ giảng cho họ tại sao con người được dựng nên (số 23). [3]Cũng có thể giảng cho họ trong nửa giờ về việc xét mình riêng (số 24-31), rồi việc xét mình chung (số 32-43), và cách thức xưng tội và rước lễ (số 44). [4]Trong ba ngày, mỗi sáng họ	**19.** [1]*Chú dẫn thứ mười chín*. Đối với người bị bận vào việc công hoặc do những việc khác đòi hỏi, [2]nếu người ấy là người có học thức và có năng khiếu, và nếu họ dành một giờ rưỡi để làm các cuộc thao luyện, sau khi đề nghị cho họ tập bài suy gẫm về cùng đích vì đó con người được dựng nên, [3]cũng có thể cho việc xét mình riêng trong nửa giờ, rồi chính việc xét mình chung cũng như cách xưng tội và rước lễ; [4]và trong vòng ba ngày, người ấy làm việc suy gẫm về tội thứ nhất, thứ	**19.** [1]*Chú dẫn thứ mười chín*. Với một người bận việc công hoặc phải đảm nhận những điều khác, [2]nếu họ có năng khiếu và có học thức, và nếu họ dành một giờ rưỡi mỗi ngày để làm một số cuộc thao luyện, trước hết người ta sẽ phải trình bày cho họ vì mục đích nào con người đã được dựng nên; [3]tiếp theo người ta có thể cho họ nửa giờ xét mình riêng, rồi xét mình chung với cách thức xưng tội tốt và rước lễ, [4]trong khi cũng đòi hỏi họ vào buổi sáng trong ba ngày tiếp theo làm

hay những cuộc thao luyện khác ở ngoài tuần thao luyện này (18^{11}).

Nội dung Linh Thao thích nghi này gồm: xét mình riêng ($18^{4.10}$); xét mình chung ($18^{4.10}$); các cách cầu nguyện ở cấp độ những đề tài suy gẫm (18^{5}); và xưng tội rước lễ thường xuyên hơn ($18^{6.10}$).

Đặc biệt đối với người thô kệch và thiếu văn hoá, còn phải cặn kẽ cắt nghĩa cho họ từng giới răn, từng tội trọng (mối tội đầu), từng giới luật Hội Thánh, từng việc cầu nguyện bằng ngũ quan và các việc từ thiện (18^{17}).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dành một giờ để suy gẫm về tội thứ nhất, thứ hai và thứ ba (số 45-54); [5]rồi trong ba ngày khác nữa, cũng vào giờ đó, suy gẫm về các tội tiếp theo (số 55-61); [6]tiếp theo, trong ba ngày khác cũng vào giờ đó, họ suy gẫm về những hình phạt tương ứng với các tội (số 65-71). [7]Trong ba bài suy gẫm đó, sẽ đề nghị cho họ "mười điều phụ thêm" (số 73-90); [8] còn về những mầu nhiệm của Chúa Ki-tô, thao viên sẽ theo thứ tự được quảng diễn chi tiết sau này trong chính những cuộc thao luyện.	hai và thứ ba (45) vào mỗi buổi sáng trong một giờ. [5]Trong vòng ba ngày khác, cũng làm việc suy gẫm về các tội tiếp theo (55) cũng trong một giờ; [6]sau cùng, trong ba ngày khác, suy gẫm về các hình phạt tương ứng với các tội (65) cũng vào giờ đó; [7]Và trong khi làm tất cả ba bài suy gẫm đó, cần cho họ mười điều phụ thêm (73); [8]và về những mầu nhiệm của Chúa chúng ta, Chúa Giê-su Ki tô, phải giữ cùng một tiến trình với tiến trình sẽ được giải thích cách chi tiết sau này trong các cuộc thao luyện.	một giờ suy gẫm về tội thứ nhất, thứ hai và thứ ba như được giải thích ở số 45; [5]sau đó trong ba ngày khác, vào cùng một giờ, về các tội tiếp theo, như số 55. [6]Cũng trong những ngày như thế, về các hình phạt, tương ứng với tội (65). [7]Cũng sẽ phải giải thích cho họ mười điều phụ thêm có ở số 73, trong suốt thời gian dành vào ba cuộc suy gẫm này. [8]Để suy gẫm về các mầu nhiệm của Chúa chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô, người ta cũng sẽ giữ cùng một cách thức thực hiện như sẽ được giải thích chi tiết sau này trong chính các cuộc thao luyện.

Tóm lại, loại Linh Thao này dành cho những người thiếu điều kiện chủ quan ở hai lãnh vực khả năng và ý hướng.

b/ Vào hoàn cảnh thao viên (19).

Linh Thao thích nghi cũng áp dụng cho những người khác đủ điều kiện chủ quan, nghĩa là cả khả năng lẫn lòng muốn, nhưng không có hoàn cảnh thích hợp để thao luyện trọn vẹn. Cả ba bản văn đều xác định họ là những người có học thức và có khả năng, nhưng bận việc công hoặc phải đảm nhận những việc khác (19^1). Dạng thức thích nghi này nay gọi là "Linh Thao trong cuộc sống hằng ngày".

Gọi là Linh Thao trong cuộc sống hằng ngày vì nội dung thao luyện không chỉ dừng lại ở tuần một mà còn đề cập đến các tuần khác trong những mầu nhiệm của Chúa Ki-tô (19^8), nghĩa là họ làm trọn vẹn tiến trình Linh Thao nhưng lại sống cuộc thao luyện trong chính bối cảnh sống hằng ngày của mình và gặt hái kinh nghiệm thiêng liêng trong chính bối cảnh sống ấy. Thế nên hành trình thao

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
20. [1]*Chú dẫn thứ hai mươi.* Với một người sẵn lòng hơn và muốn tấn tới bao nhiêu có thể, sẽ giảng mọi cuộc thao luyện ~~[thiêng liêng]~~ ***thiêng liêng*** theo thứ tự trình bày sau đây; [2]cách chung, người ấy sẽ càng tiến tới, nếu họ càng tách biệt khỏi hết thảy bạn bè, những người quen biết và mọi sự lo lắng thế gian, [3]thí dụ, họ có thể bỏ nơi đang ở, đến ở một nhà khác hay một phòng khác để sống kín đáo bao nhiêu có thể, [4]hầu mỗi ngày có thể rảnh rỗi đi xem lễ và dự kinh chiều mà	**20.** [1]*Chú dẫn thứ hai mươi*. Đối với người hoàn toàn sẵn sàng ***và lại còn ước muốn rút ích lợi từ đó theo sức của mình***, người ta phải cho tất cả mọi cuộc thao luyện thiêng liêng trong trật tự của nó (và cũng tốt đẹp nếu cho viết những điểm chính yếu để khỏi bị quên sót). [2]Bình thường người ta càng rút ra biết bao ích lợi từ những cuộc thao luyện này nếu người ấy càng được tách biệt khỏi tất cả bạn bè của mình và những người quen biết và mọi lo lắng thế gian; [3]điều này sẽ đạt	**20.** [1]*Chú dẫn thứ hai mươi*. Đối với những người rảnh việc ***và muốn nhận lãnh hoa trái thiêng liêng dồi dào hơn bao nhiêu có thể***, phải cho họ toàn thể các cuộc thao luyện trong trật tự sẽ được trình bày (và cũng tốt đẹp nếu cho viết những điểm chính yếu để khỏi bị quên sót). [2]Theo thường lệ, người ấy sẽ càng có được sự tiến bộ hơn trong đời sống thiêng liêng nếu họ càng tách biệt khỏi tất cả bạn bè và những người quen biết của mình và khỏi mọi bận tâm đối với những lo

luyện sẽ thường vượt quá ba mươi ngày và cuộc thao luyện cũng sẽ kéo dài hoặc rút ngắn tuỳ theo bối cảnh khách quan đó cho phép.

Nội dung bao gồm: Nguyên Lý và Nền Tảng (23) – Tuần một thao luyện về các cuộc xét mình, xưng tội và rước lễ (24-44); các bài suy gẫm về tội (45-71) và các điều phụ thêm (73-90) – Các tuần còn lại về các mầu nhiệm của cuộc đời Đức Ki-tô sẽ được quảng diễn và giải thích như cuộc Linh Thao đúng nghĩa (19^8).

2. Linh Thao đúng nghĩa (20).

Chắc chắn cuộc Linh Thao đúng nghĩa, tức cuộc Linh Thao ba mươi ngày được dành cho những người nào có đủ cả hai điều kiện chủ quan và khách quan: Hai bản văn A và P xem ra như nhấn mạnh hơn về điều kiện chủ quan khi nói đến những người sẵn lòng và muốn tiến tới hoặc muốn rút ích lợi ở đó (20^1). Tuy nhiên bản V nói về điều kiện khách quan: rảnh việc và sau đó cha Polanco thêm vào đó điều kiện chủ quan như bản P: "và muốn nhận lãnh hoa trái thiêng liêng dồi dào hơn bao nhiêu có thể", làm cho các điều kiện đòi hỏi được xác định cách minh nhiên (20^1). Vậy, để làm Linh Thao trọn vẹn, thao viên phải có đủ hai điều kiện khách quan và chủ quan, tức là rãnh việc và sẵn lòng.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
khỏi lo sợ những người quen biết làm ngăn trở. [5]Sự tách biệt ấy phát sinh ba lợi ích chính giữa nhiều lợi ích khác: [6]*Thứ nhất*: khi tách biệt bạn bè, những người quen biết và những công việc bề bộn để phụng sự và chúc tụng Thiên Chúa, họ được công phúc không ít trước mặt Thiên Chúa. [7]*Thứ hai*: khi tách biệt như thế, thì trí khôn không bị phân chia nhiều đàng, nhưng tập trung hết nỗ lực vào một việc là phụng sự Đấng Tạo Hóa của mình và tìm lợi ích cho linh hồn mình, [8]vì thế	được khi rời khỏi nơi ở cũ và đến nơi ở khác hoặc phòng khác nơi họ có thể sống tách biệt ra, [4]hầu có thể tự do dự lễ và kinh chiều mỗi ngày mà không sợ những người mình quen biết gây phiền toái. [5]Đặc biệt, sự tách biệt này bao gồm ba ích lợi giữa những ích lợi khác: [6]*Trước nhất* là, khi tự cô lập như thế khỏi nhiều bạn hữu và công việc bề bộn để có thể phụng sự Thiên Chúa tốt hơn, người ta gặt hái không ít công phúc trước Thiên Chúa uy linh; [7]*Thứ hai:* là khi được tách biệt như thế, và khi	toan loài người. [3]Thí dụ, nếu người ấy bỏ nơi ở của mình trước đây để ở trong một nhà hay bất cứ phòng nào biệt lập hơn, [4]ở đó họ sẽ tự do không phải lo sợ khi ra ngoài để nghe Thánh Lễ mỗi sáng hay giờ kinh phụng vụ buổi chiều nếu muốn, mà không bị quấy rầy bởi bất cứ ai quen thuộc. [5]Trong số rất nhiều ích lợi khác, sự tách biệt về nơi chốn như thế này sẽ đem đến ba lợi ích lớn nhất sau đây: [6]*Lợi ích thứ nhất:* trong khi từ bỏ bạn hữu và những người thân thuộc cũng như những việc làm bề bộn để dành vào việc phụng sự Thiên Chúa, người ấy đáng được ân sủng vốn không

---

Ngoài hai điều kiện trên đây, thánh I-nhã còn đề nghị thao viên đi vào một bầu khí thao luyện hoàn toàn có tính cách cô tịch để có thể có tự do cho việc phụng sự Chúa, một sự tự do - vừa thoát khỏi những bận tâm có nguy cơ ngăn cản thao viên sống cuộc thao luyện cách trọn vẹn: mối tương quan bạn bè và người thân thuộc; những mối bận tâm và lo lắng thế gian; và những nơi đang ở – vừa đem đến ích lợi bên trong: được nhiều công phúc (A, P) hoặc ơn sủng (V) ; được tập trung vào việc phụng sự Chúa và việc cứu rỗi khi sử dụng những tài năng tự nhiên cách tốt đẹp hơn để tìm kiếm điều mình ao ước; và được kết hợp với Chúa tốt hơn để lãnh nhận dồi dào ơn sủng và ơn huệ của Ngài (20^{5-10}).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
họ sử dụng những tài năng tự nhiên của mình cách tự do hơn để chăm chú tìm kiếm điều họ hằng mong ước. [9]*Thứ ba*: linh hồn ta càng ở một mình và xa vắng, càng dễ gần Đấng Tạo Hóa và Chúa mình và dễ kết hợp với Ngài; [10]và càng được kết hợp như thế với Ngài thì càng được sẵn sàng để đón nhận nhiều ân sủng và ân huệ của lòng nhân ái Ngài hơn.	tinh thần **không** bị phân tán giữa nhiều điều, nhưng đem tất cả sự tập trung vào việc phụng sự Thiên Chúa và vào lợi ích cho linh hồn, [8]người ta sử dụng những tài năng tự nhiên của mình tốt hơn để tìm kiếm cách tự do và chăm chú hơn điều mình ao ước; [9]*Thứ ba:* là linh hồn càng được tách biệt và đơn độc bao nhiêu, thì lại càng thích hợp để tiến gần đến Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của mình bấy nhiêu khi tìm kiếm Người; [10]và linh hồn càng tiến tới gần Người, nó càng sẵn lòng nhận lãnh các ân sủng và ân ban từ lòng tốt lành thần linh và cao cả hơn bấy nhiêu.	phải là không quan trọng trước Thiên Chúa. [7]*Lợi ích thứ hai:* nhờ một sự tách biệt như thế, một khi ít bị thu hút vào những hướng chiều khác nhau như trước đây, nhưng tất cả tư tưởng được tập trung lại và quy hướng về một điều duy nhất, nghĩa là phụng sự Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của mình, và bận tâm vào việc cứu rỗi linh hồn mình, [8]họ sử dụng năng lực tự nhiên của mình cách tự do và dễ dãi hơn trong việc tìm kiếm điều họ ao ước như thế. [9]*Ích lợi thứ ba:* linh hồn càng thấy mình tách biệt và cô độc, thì càng thích hợp để tìm kiếm và đạt tới Đấng Tạo Hóa và Chúa mình; [10]và ngoài ra, linh hồn càng tiến gần đến Ngài, càng được sắp xếp tốt hơn để lãnh nhận những ơn ban của lòng nhân lành Chúa.

Tóm lại, 20 chú dẫn là khí cụ hướng dẫn không phải cho chính cuộc Linh Thao mà cho việc chuẩn bị làm Linh thao. Chính nơi đây thánh I Nhã giới thiệu cho người ta biết ý nghĩa, giá trị và thành quả của việc đào luyện trong Linh thao mà ngài đã trải qua để họ bước vào sống chính cuộc đào luyện đó và gặt hái cùng một kết quả cho hành trình nên thánh của mình.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
21. NHỮNG CUỘC THAO LUYỆN THIÊNG LIÊNG ĐỂ TỰ THẮNG MÌNH VÀ SẮP XẾP CUỘC ĐỜI MÀ ~~[KHÔNG CÓ]~~ ***KHÔNG QUYẾT ĐỊNH VÌ*** MỘT QUYẾN LUYẾN LỆCH LẠC NÀO.	**21.** MỘT SỐ CUỘC THAO LUYỆN THIÊNG LIÊNG DƯỚI ĐÂY ĐỂ THẮNG MÌNH VÀ SẮP XẾP CUỘC ĐỜI MÌNH MÀ KHÔNG CÓ MỘT QUYẾN LUYẾN LỆCH LẠC NÀO	**21.**MỘT SỐ CUỘC THAO LUYỆN THIÊNG LIÊNG NHỜ ĐÓ NGƯỜI TA ĐƯỢC HƯỚNG DẪN ĐỂ CÓ THỂ TỰ THẮNG MÌNH VÀ THIẾT LẬP CÁCH SỐNG NHỜ SỰ QUYẾT ĐỊNH CHO THOÁT KHỎI NHỮNG QUYẾN LUYẾN TỘI LỖI
22. [1]Muốn cho người cho các cuộc thao luyện thiêng liêng và người	**22.** [1]Để người cho các cuộc Thao luyện thiêng liêng cũng như người	**22.** [1]Trước hết, để người cho cũng như người nhận có thể được giúp đỡ bởi

TỰA ĐỀ LINH THAO (21)

Tựa đề này cho chúng ta được phép đi vào chính cuộc Linh Thao. Khác với định nghĩa ở chú dẫn (1), thánh I-nhã giới thiệu Linh Thao ở đây dưới viễn tượng mục đích: tự thắng mình và tổ chức (A), sắp xếp (P) hay thiết lập (V) đời sống mà không có (P), không quyết định theo một quyến luyến lệch lạc nào (A). Trong bản A, thánh I-nhã đã gạch bỏ từ ngữ "không có" như P và thêm vào cụm từ "không quyết định theo" để nhấn mạnh đến vai trò thực hiện của chủ thể. Bản V thay động từ "quyết định" của A bằng danh từ và giải thích nghĩa tương đương bằng một mệnh đề phụ: "bằng sự quyết định vốn thoát khỏi những quyến luyến tội lỗi". Như thế quyến luyến lệch lạc thuộc về tội lỗi hoặc ảnh hưởng bởi tội lỗi. Nhưng để bổ túc cho định nghĩa ở chú dẫn (1), ý niệm quyến luyến lệch lạc ở đây không được liên kết với tuần một thuộc đời sống thanh luyện mà với tuần hai thuộc đời sống soi sáng, nghĩa là những hướng chiều do tội lỗi ảnh hưởng đến.

ĐIỀU TIỀN GIẢ ĐỊNH (22)

Ở đầu lề phải của bản A ta thấy có ghi từ ngữ Prosupueto,"Điều tiền giả định" (Ignace de Loyola, Texte autographe des EX. SP., sách đã dẫn, tr. 74). Các bản khác có tựa đề: "praesupponendum", nhưng trong mạch văn lại không trung thành với tựa đề khi sử dụng động từ "giả thiết" (22^2). Điều tiền giả định này được dành cho cả người hướng dẫn lẫn thao viên và đòi hỏi cả hai phải có ý ngay lành trong sự thành thực và tin tưởng để tìm mọi cách hiểu cho đúng phán đoán của nhau bằng tình thương yêu hoặc bằng lòng tốt lành (22^3).

Có thể nói đây là một điều kiện ắt có và đủ để cuộc Linh Thao đem đến ích lợi thiêng liêng thực sự: về phía thao viên, đành rằng Thiên Chúa mới là nhà

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nhận các cuộc Linh Thao tìm được sự giúp đỡ và lợi ích nhiều hơn, [2]phải tiền giả định rằng mọi tín hữu tốt lành phải mau mắn cứu vãn phán đoán của người khác hơn là lên án nó. [3]Và nếu không cứu vãn được, phải tự hỏi về cách thức họ hiểu phán đoán ấy thế nào, và nếu họ hiểu sai thì phải sửa chữa với	nhận các cuộc Thao luyện ấy được giúp đỡ lẫn nhau và để họ rút ra lợi ích từ đó, [2]phải giả thiết rằng mọi Ki-tô hữu tốt phải mau mắn cứu vãn phán đoán do tha nhân phát biểu hơn là kết án nó; [3]và nếu không thể cứu vãn nó được, phải hỏi họ về cách thức họ hiểu nó thế nào; và nếu người này hiểu sai, phải	các cuộc thao luyện như thế, [2]cần giả thiết rằng mọi Ki-tô hữu đạo đức phải có tinh thần mau mắn giải thích tốt một ý kiến hay một phán đoán mờ tối của người kia hơn là kết án nó. [3]Nếu đôi khi người ấy không thể tìm ra lý lẽ nào để bảo vệ nó, thì họ nên tìm hiểu điều người nói ra suy nghĩ thế nào; và nếu cách suy

huấn luyện đích thực của họ, họ phải có lòng quảng đại (5), nhưng Thiên Chúa lại đào luyện họ qua trung gian người hướng dẫn (lược đồ 7-17), nên chỉ khi nào họ tỏ lộ chính mình cho người hướng dẫn cách đầy đủ và thành thật, họ mới được hướng dẫn đúng phương pháp và có ích lợi – Về phía người hướng dẫn cũng thế, chỉ khi nào biết lắng nghe với ý hướng ngay lành và bằng lòng yêu mến, họ mới có thể hiểu rõ thao viên và hướng dẫn người ấy sống cuộc Linh Thao theo ý Thiên Chúa. Vì vậy, điều tiền giả định là linh hồn của mối tương quan giữa người cho và người nhận Linh Thao trong lược đồ đồng tâm và quy tâm (7—17) của hai mươi chú dẫn trên, nghĩa là của toàn cuộc Linh Thao.

TUẦN THỨ NHẤT

(Đời sống thanh luyện, Vita purgativa)

Việc phân chia tuần thứ nhất trong sách Linh Thao không thống nhất nơi các tác giả. Cha Cándido de Dalmases cho thấy hai bản P khởi đầu tuần một ở số 21. *(MHSJ, sancti Ignactii de Loyola, Exercitia Spiritualia, vol. 100, Romae 1969, tr 165)*. Bản A đặt tựa đề tuần thứ nhất ở đầu ngoài lề phía bên trái của trang sách cũng tại số Linh Thao này: "Primera Semara" *(Ignace de Loyola, Texte autographe des EX.SP, Col. Christus 60, Desclée de Brouwer, Paris 1986, tr 74).*

Cấu trúc tuần một gồm:

Nguyên Lý và Nền Tảng (23)

A: Những bài thao luyện thực hành của thánh I-nhã (24-44)

B: Những bài suy gẫm về tội lỗi (45-72)

C: Khí cụ hướng dẫn thứ hai của tuần một: Mười điều phụ thêm (73-90)

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tình thương yêu. [4]Nếu làm thế không đủ, phải tìm mọi phương thế thích hợp để bào chữa cho đến khi hiểu đúng đắn phán đoán ấy.	sửa chữa họ bằng tình yêu; [4]và nếu điều ấy không thể, lúc đó phải tìm mọi phương cách thích hợp để cho tha nhân được cứu vớt bằng cách hiểu phán đoán đó như phải hiểu.	nghĩ hay hiểu biết ít chính xác, họ sửa đổi với lòng tốt lành; [4]nếu điều ấy không đủ, họ nên thử tìm mọi cách thức thích hợp để chữa lành và bảo vệ trí hiểu của họ khỏi bị sai lầm.
23. [1]NGUYÊN LÝ VÀ NỀN TẢNG [2]Con người được dựng nên để ngợi khen, tôn kính và phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, và nhờ đó cứu rỗi linh hồn mình; [3]và mọi loài khác dưới đất cũng được tạo dựng cho con người, để giúp họ đạt tới cứu cánh	**23.** [1]NGUYÊN LÝ VÀ NỀN TẢNG [2]Con người đã được dựng nên để ngợi khen Thiên Chúa và để dâng lên Ngài việc phụng sự và tôn kính, và qua những phương tiện này mà cứu rỗi linh hồn mình. [3]và mọi điều khác hiện hữu trên trái đất đã được	**23.** [1]NGUYÊN LÝ HOẶC NỀN TẢNG [2]Con người đã được dựng nên cho cứu cánh này: ca ngợi và tôn kính Chúa, Thiên Chúa của mình và sau cùng, được cứu độ khi phụng sự Ngài. [3]Và những điều khác trên mặt đất đã được dựng nên cho chính

NGUYÊN LÝ VÀ NỀN TẢNG (23)

Hai bản A và P gọi bài thao luyện này là Nguyên lý và Nền Tảng trong khi bản V gọi là Nguyên Lý hoặc Nền Tảng. Hai từ ngữ Nguyên Lý và Nền Tảng đều có cùng một giá trị khi điểm nhấn được hướng về điểm khởi đầu hay sự kiện làm nền. Bản A và P nối kết hai ý nghĩa bằng liên từ "và" để hướng đến việc liên đới giữa chúng, còn bản V nối kết bằng liên từ "hoặc" để đưa ra ý niệm chọn lựa. Đây là một bài thao luyện cá nhân rất quan trọng, nhưng lại không được xác định thuộc loại thao luyện nào và cũng chẳng được chỉ định cách thức thao luyện ra sao. Chỉ có bản P gọi là bài suy gẫm cách đơn thuần và không có chỉ định gì thêm (19^{2}). Tài liệu Dòng coi đó là việc suy xét, Consideratio (Sp Ex MHSJ 19, Ed. Codina, Madrid 1919, p. 791).

Đối với chúng ta, nó là bài suy xét và được coi như "định đề" khai mở vào toàn bộ cuộc Linh Thao vì hai lý do: thứ nhất, nó liên kết với bài Chiêm Niệm Để Được Tình Yêu (230-237) làm nên cấu trúc bao hàm cho toàn cuộc Linh Thao. Mà bài Chiêm Niệm để được Tình Yêu là bài chiêm niệm cá nhân nhìn cứu cánh đời mình cách hậu thiên với ánh sáng đức tin, thì bài này là bài suy xét nhìn cứu cánh ấy cách tiên thiên chắc chắn phải là bài suy xét – thứ hai, bài Nguyên Lý và Nền Tảng sẽ liên kết với bài Chiêm Niệm để được Tình Yêu ở ơn huệ tạo dựng và cứu độ (234^{1a-b}) làm nên cấu trúc bao hàm khi kết thúc Linh Thao ở

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Đấng Tạo Hóa đặt cho họ. [4]Bởi thế người ta chỉ được sử dụng thụ tạo theo mức độ chúng giúp đạt tới cứu cánh và phải loại bỏ khi chúng làm cản trở mình đến cứu cánh đó.	dựng nên với mục tiêu giúp con người theo đuổi cứu cánh vì đó nó đã được dựng nên. [4]Bởi đó con người phải sử dụng chúng trong mức độ chúng giúp đỡ mình đạt tới cứu cánh và từ bỏ chúng trong mức độ chúng gây cản trở cho cứu cánh này.	con người để giúp họ theo đuổi cứu cánh tạo thành của họ. [4]Từ đó mà người ta phải sử dụng hay loại bỏ trong mức độ những điều ấy giúp đỡ hay cản trở cho việc theo đuổi cứu cánh ấy.
[5]Để được điều đó, cần phải giữ cho mình được bình tâm đối với mọi thụ tạo, trong tất cả những gì nằm trong sự tự do của ta và không bị cấm; [6]đến nỗi về phần mình, chúng ta không ước muốn sức	[5]Vì thế chúng ta cần phải bình tâm đối với mọi thụ tạo được dựng nên chừng nào điều đó được dành cho tự do của chúng	[5]Vì thế, chúng ta phải xử sự mà không tạo nên sự khác biệt trước mọi điều được dựng nên trong chừng mực chúng lệ thuộc vào ý chí tự do của ta và không bị cấm; [6]đến nỗi, về chúng ta, chúng ta

Tuần một. Mà phần này của bài chiêm niệm thuộc việc đào luyện nhân bản, nên bài kia thuộc về bài suy xét.

Ngoài ra tầm quan trọng của định đề này hệ ở chỗ nó không chỉ được sắp xếp ở đầu mọi cuộc thao luyện như một thứ "định đề" của đời sống thiêng liêng, mà còn được tóm kết và đặt trên đầu của mọi bài suy gẫm (46; 55^2; 65^2...), mọi bài chiêm niệm (91^1; 101^2;110^2...) và được đề cập đến như nền tảng của những việc chọn lựa (169; 179) như tấm "gương soi" để tìm ra ý nghĩa của các sự kiện.

Nguyên Lý và Nền Tảng được hiểu là quy tắc tổng quát và khách quan nhất làm điểm qui chiếu cho mọi cuộc thao luyện, cho toàn bộ đời sống thiêng liêng và đặc biệt cho cả việc nhận định thần loại với những yếu tố chính yếu sau đây:

- Thiên Chúa là cứu cánh mà chỉ khi nào con người qui hướng trọn vẹn bản thân mình về cho Ngài: ngợi khen, tôn kính và phụng sự Ngài, lúc đó họ mới tìm được ý nghĩa và phẩm giá đời mình, nghĩa là ơn cứu độ (23^2).
- Nếu Thiên Chúa là cứu cánh, tất cả mọi sự khác chỉ là phương tiện, vì thế người ta phải lấy phương tiện phục vụ cho cứu cánh chứ không được phép đảo ngược, phải chọn phương tiện tốt chứ không được chọn phương tiện xấu và chọn phương tiện thích hợp chứ không phải bất cứ phương tiện nào (23^{3-4}).
- Ngoài ra, con người phải vượt qua tinh thần thế gian để sống sự bình tâm đích thực. Bình tâm, *indifferencia*, là một trong những thuật ngữ chuyên biệt của thánh I-nhã được sử dụng trong bản A và P (23^5). Nó không có nghĩa như là sự thờ ơ, bất cần, bàng quan hay dửng dưng như ngày nay chúng ta vẫn hiểu, mà

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
khỏe hơn bệnh tật, giàu sang hơn nghèo khổ, danh vọng hơn nhục nhã, sống trường thọ hơn sống ngắn ngủi và tương tự thế đối với mọi sự khác, [7]nhưng chỉ ước muốn và chọn lựa điều gì dẫn đưa chúng ta hơn tới cứu cánh vì đó chúng ta được dựng nên.	ta và không bị ngăn cấm. [6]Cũng như thế, về phần chúng ta, chúng ta không ước muốn sức khỏe hơn bệnh tật, giàu sang hơn nghèo khó, danh vọng hơn nhục nhã, sống trường thọ hơn sống ngắn ngủi, và như thế đối với mọi điều khác; [7]chúng ta chỉ ước muốn và chọn lựa những điều dẫn chúng ta	không tìm kiếm sức khỏe hơn bệnh tật, không ưa thích giàu sang hơn nghèo khổ, vinh dự hơn khinh miệt, đời sống trường thọ hay sống ngắn ngủi. [7]Nhưng trong mọi sự, là một điều thích hợp nếu chúng ta chỉ chọn và ao ước điều dẫn chúng ta đến cứu cánh mà thôi.

là một sự chọn lựa vượt qua cái thích để hành xử theo cái đúng, vượt qua cái muốn để thực hiện cái cần nhờ đó mà đạt được cứu cánh đời mình. Bởi lẽ không chỉ khi có sức khoẻ, giàu sang, danh vọng... người ta mới có thể phụng sự Thiên Chúa, mà cả khi gặp yếu đau, nghèo khổ, sỉ nhục...

Để đạt được sự bình tâm này, người ta luôn phải chiến đấu chống lại tinh thần thế gian, ngay cả khi được tự do chọn lựa (23^{5-7}). Bản V tuy không sử dụng thuật ngữ chuyên biệt này, nhưng xác định ý nghĩa của nó bằng cách giải thích nó: "Vì thế chúng ta phải xử sự mà không tạo nên sự khác biệt trước mọi thụ tạo trong chừng mực chúng lệ thuộc vào sự tự do của ý chí tự do của ta và không bị cấm" (23^{5}). Từ ngữ ý chí tự do: *bibre albedrio* theo A hay *libertati arbitrium* theo V không có nghĩa là sự tự do ngoại tại mà chủ thể không bị ngăn cản làm hay không làm một điều gì, nhưng là sự tự do nội tại vốn được hiểu là khả năng tự quyết định hay khả năng chọn lựa. Sau cùng trong sự tự do chọn lựa, bản A và P còn sử dụng việc so sánh tương đối (comparaison relative) với thuật ngữ "*mas*" trong bản A và "*magis*" trong bản P khi nói: "nhưng chỉ ước muốn và chọn lựa điều gì dẫn đưa chúng ta ***'hơn'*** tới cứu cánh vì đó chúng ta được dựng nên" (23^{7}). Bản V cũng không sử dụng thuật ngữ này.

Nói cách khác, Nguyên Lý và Nền Tảng là cơ sở căn cốt nhất để con người tìm được và xây dựng phẩm gía làm người của mình. Và khởi từ đây mà Linh Thao khai mở và dẫn thao viên vào phẩm giá mới, phẩm giá con Thiên Chúa (91-98).

A. KINH NGHIỆM THAO LUYỆN THỰC HÀNH CỦA THÁNH I-NHÃ

Những cuộc thao luyện trong Linh Thao gồm hai loại: loại thứ nhất thuộc kinh nghiệm cá nhân của thánh I-nhã và loại thứ hai thuộc về mặc khải. Loại thứ nhất rất đa dạng: thực hành và cầu nguyện trong đó cầu nguyện gồm các loại suy xét, suy gẫm và chiêm niệm - loại thứ hai là những bài suy gẫm thuộc tuần một

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	hơn đến cứu cánh vì đó chúng ta được dựng nên.	
24. [1]VIỆC XÉT MÌNH RIÊNG VÀ HẰNG NGÀY GỒM BA "THÌ" VÀ HAI LẦN XÉT MÌNH.	**24.** [1]XÉT MÌNH RIÊNG VÀ HẰNG NGÀY GỒM BA THÌ Ở ĐÓ HAI THÌ ĐỂ XÉT MÌNH. PHẢI LÀM HAI LẦN MỘT NGÀY.	**24.** [1]XÉT MÌNH RIÊNG VÀ HẰNG NGÀY, GỒM BA THÌ VỐN CHO PHÉP CHUẨN BỊ VÀ XÉT MÌNH HAI LẦN.
[2]*Thì thứ nhất*: ban sáng ngay khi thức dậy phải dốc lòng giữ mình cẩn thận không sa ngã vào một tội riêng hay nết xấu nào đó, mà ta muốn tu sửa hay cải thiện.	[2]*Thì thứ nhất:* là thì của buổi sáng. Ngay khi thức dậy, cần phải cẩn thận xa tránh một tội riêng hay một nết xấu mà mình muốn tu sửa và cải thiện.	[2]*Thì thứ nhất:* là thì của buổi sáng. Ngay khi thức dậy người ta phải cẩn thận giữ mình khỏi một tội lỗi hay khỏi một tật xấu riêng mà họ muốn tự cải thiện.
25. [1]*Thì thứ hai*: sau	**25.** [1]*Thì thứ hai* là thì	**25.** [1]*Thì thứ hai* là thì

hoặc chiêm niệm thuộc các tuần khác. Trong tuần một, loại thứ nhất là những bài thực hành được xếp ở một khối độc lập và đặt trước những bài suy gẫm mặc khải, loại này bao gồm những việc xét mình: Xét mình riêng (24-31), xét mình chung (32-42), xét mình hằng ngày (43) và xưng tội chung và rước lễ (44).

Sự sắp xếp này có mục đích xác định tính khác biệt giữa tuần một này với các tuần khác. Vì tuần một thuộc đời sống thanh luyện còn các tuần khác thuộc đời sống soi sáng nên sự đảo lộn giữa hệ thống bài thực hành và cầu nguyện cá nhân của I-nhã nói lên tính khác biệt ấy. Trong tuần một hệ thống bài thực hành được xếp trước hệ thống bài cầu nguyện mặc khải; các tuần khác khởi từ tuần hai có sự đảo ngược: hệ thống những bài chiêm niệm mặc khải (101; 110; 132; 134; 158; 161) được sắp xếp trước hệ thống những bài thực hành (169-183).

A.II.1. XÉT MÌNH RIÊNG (24-31)

Thánh I-nhã gọi đây là "việc xét mình riêng và hằng ngày" ở cả ba bản văn (24^{1a}), nhưng khi xác định các thì của việc này, các bản văn tỏ ra lúng túng: Bản A mù mờ nhất khi nói việc xét mình này "gồm ba thì và hai lần xét mình", tức là có hai lần xét mình, ba thì để làm gì ta không biết; Bản P xác định được hai thì để xét mình, thì còn lại chúng ta không biết để làm gì. Xem ra bản V rõ hơn khi nói "gồm ba thì vốn cho phép chuẩn bị và xét mình hai lần" (24^{1b}), tức là có một thì chuẩn bị và hai thì xét mình. Nhưng ta phải hiểu là cả chuẩn bị và xét mình đều hai lần vì có hai thì chuẩn bị: buổi sáng (24^{2}) và buổi trưa sau khi xét mình (25^{5}), và hai thì xét mình: buổi trưa (25^{1-4}) và buổi tối (26^{1-2}).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
bữa ăn, xin Thiên Chúa ban cho điều mình muốn, nghĩa là ơn được nhớ lại bao nhiêu lần đã sa ngã vào tội riêng hay nết xấu ấy và cải thiện mình về sau. [2]Rồi xét mình lần thứ nhất: hỏi mình về điểm riêng mà mình đã dốc lòng và là điểm mà mình muốn tu sửa và cải thiện; [3]như thế phải nghiền ngẫm từng giờ từng lúc, bắt đầu từ khi thức dậy cho đến giờ và thời điểm xét mình hiện tại. [4]Ghi trên hàng thứ nhất của chữ "g=" số điểm tương ứng với số	sau ban trưa. Ở đó xin với Chúa chúng ta điều mình mong muốn, nghĩa là nhớ lại bao nhiêu lần làm mình sa ngã vào trong tội hay nết xấu riêng này, và ơn tu sửa sau đó; [2]và rồi, ta làm cuộc xét mình thứ nhất, bằng cách hỏi linh hồn mình về điểm riêng mà mình đã đề ra và muốn tu sửa và cải thiện; [3]ta sẽ nghiền ngẫm từ giờ này đến giờ khác hoặc từ giai đoạn này đến giai đoạn khác, bằng cách khởi đi từ giờ mình thức dậy cho đến giờ xét mình hiện tại; [4]và ta ghi trên	sau ban trưa. Phải xin với Thiên Chúa ơn sủng để có thể nhớ lại mình đã sa ngã trong tội hay nết xấu riêng này bao nhiêu lần và xin ơn sủng để có thể giữ mình khỏi tội hay nết xấu ấy trong tương lai. [2]Tiếp theo ta làm cuộc xét mình thứ nhất, bằng cách xét hỏi linh hồn về tội hay tật xấu đã nói [3]và, bằng cách nghiền ngẫm từng giai đoạn đã trải qua trong ngày, từ giờ thức dậy cho tới giờ hiện tại, về số lần mà ta đã phạm lỗi; [4]và ta ghi vào bấy nhiêu điểm trên hàng thứ

1/ Thì thứ nhất, Chuẩn bị (24^2)

Bản văn V cho ta biết từ ngữ này (24^{1b}). Việc chuẩn bị được thực hiện vào buổi sáng khi thức dậy, không phải để xét mình, nhưng để lên kế hoạch sống bằng cách nêu lên mục đích và cách thức thực hiện trong ngày: mục đích của việc xét mình riêng là nhằm loại bỏ khỏi mình một tội riêng thường phạm ở bình diện ý thức hay một nết xấu chủ đạo ở bình diện vô thức mà mình muốn tu sửa. Điều này giả định rằng chủ thể phải tìm ra chân tướng của mình, nghĩa là con người cũ trong tuần thao luyện thứ nhất. Còn cách thức thực hiện là quyết tâm giữ mình cẩn thận khỏi sa ngã vào những điều ấy trong các biến cố sống hằng ngày.

Ý niệm về tội và nết xấu được thánh I-nhã sử dụng rất phong phú. Tội ở bình diện ý thức được diễn tả bằng những từ ngữ: tội trọng (41^1; 48^5; 52^1; 165^2...), tội nhẹ (41^1; 166^2...); lỗi lầm (41^2; 43^6...). Tội ở bình diện vô thức cũng được diễn tả bằng từ ngữ tội trọng vốn được hiểu là những nết xấu hay những đầu mối của tội (18^5; 57; 238^2; 244-245...) . Vì cho dù không phải là một tội phạm cách nặng nề như khi có ý thức, nhưng những tội đầu mối này vẫn được hiểu là tội trọng vì chúng dẫn người ta cách vô thức đến chỗ phạm tội nặng hay nhẹ cách ý thức. Ngoài ra những mối tội đầu này còn được diễn tả ở nhiều cấp độ khác nhau: bản A và P nói là nết xấu, còn bản V nói là tật xấu ở đây (24^2).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lần sa ngã vào tội riêng hay nết xấu ấy; [5]và sau đó lại dốc lòng cải thiện từ lúc đó cho đến lần xét mình thứ hai sẽ làm.	hàng kẻ thứ nhất của hình vẽ dưới đây số điểm tương ứng với số lần mình sa ngã trong tội riêng hoặc nết xấu này; [5]và sau đó ta nhắc lại dự định của mình cho đến cuộc xét mình thứ hai.	nhất của hình vẽ dưới đây; [5]Sau khi điều này đã được làm xong, một lần nữa, ta xin được chú tâm hơn để làm chủ mình trong thời gian còn lại của ngày ấy.
26. [1]*Thì thứ ba*. Sau bữa tối, sẽ làm việc xét mình lần thứ hai, cũng xét từng giờ, từ lúc xét mình lần thứ nhất cho đến bây giờ, [2]và ghi trên hàng thứ hai của chữ "g=" số điểm tương ứng với số lần sa ngã vào tội riêng hay nết xấu riêng ấy.	**26.** [1]*Thì thứ ba.* Là sau bữa ăn tối. Ta làm cuộc xét mình thứ hai cũng bằng cách xét từ giờ này đến giờ khác, và khởi đi từ cuộc xét mình thứ nhất đến cuộc xét mình thứ hai hiện tại; [2]và ghi nhận trên hàng kẻ thứ hai của hình vẽ đã nói những điểm tương ứng với những lần mình sa ngã vào tội riêng hay nết xấu	**26.** [1]*Thì thứ ba.* Là thì vào buổi tối. Sau giờ ăn cơm tối, phải làm việc xét mình thứ hai xét cùng một cách thức mỗi giờ đã trải qua từ cuộc xét mình thứ nhất đến cuộc xét mình hiện tại; [2]và cùng một cách thức, sau khi nhớ lại và tính xem ta đã thiếu sót bao nhiêu lần ta sẽ ghi bấy nhiêu điểm trên hàng thứ hai của

2/ Thì thứ hai (25)

Thì xét mình lần thứ nhất vào buổi trưa để biết mình đã thực hiện việc sửa đổi hoặc cải thiện thế nào về một tội riêng hay một nết xấu chủ đạo mình đã dốc lòng loại bỏ. Có bốn bước tiến hành như sau:

- Thứ nhất, xin ơn để nhớ lại những lần mình sa ngã.
- Thứ hai, xét mình về điểm riêng mình muốn tu sửa dựa vào thời gian: từ sáng đến thời điểm xét mình này.
- Thứ ba, ghi nhận kết quả làm chất liệu cho việc so sánh nhờ đó nhận ra thành quả của việc tu sửa.
- Thứ bốn, thực hiện việc chuẩn bị cho việc xét mình lần sau.

3/ Thì thứ ba (26)

Thì xét mình lần thứ hai được thực hiện vào buổi tối và chất liệu xét mình khởi từ những biến cố xảy ra từ lúc xét mình trưa đến lúc xét mình tối. Ở bước thứ ba, ta không chỉ biết được kết quả của việc tu sửa mà còn cân đo được sự tiến bộ hay sa sút trong việc tu sửa chính bản thân mình nữa. Theo dữ kiện trên, Bản V diễn tả chính xác nhất về tiến trình xét mình: việc xét mình có ba thì nhưng trong đó

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	riêng đó.	hình vẽ đã được chuẩn bị cho điều đó.
27. [1]SAU ĐÂY LÀ BỐN ĐIỀU PHỤ THÊM ĐỂ DIỆT TRỪ MỘT TỘI HAY MỘT NẾT XẤU RIÊNG NÀO CÁCH MAU CHÓNG HƠN	**27.** [1]THEO SAU LÀ BỐN ĐIỀU PHỤ THÊM ĐỂ DIỆT TRỪ MAU LẸ HƠN MỘT TỘI HOẶC NẾT XẤU MÀ CHÚNG TA MUỐN LOẠI BỎ.	**27.** [1]BỐN ĐIỀU PHỤ THÊM CÓ ÍCH LỢI ĐỂ TỐNG KHỨ CÁCH DỄ DÀNG HƠN VÀ MAU LẸ HƠN TOÀN THỂ TỘI LỖI VÀ NẾT XẤU.
[2]*Điều phụ thêm thứ nhất*. Mỗi lần sa ngã vào tội hay nết xấu riêng ấy, hãy để tay lên ngực, hối tiếc vì đã sa ngã. [3]Điều này có thể làm trước mặt nhiều người mà không ai chú ý đến điều mình làm.	[2]*Điều phụ thêm thứ nhất*. Mỗi lần sa ngã vào tội hay nết xấu này, nên đặt tay lên ngực và hối tiếc vì đã sa ngã; [3]điều này có thể làm được cho dù trước sự hiện diện của nhiều người mà điều mình làm không bị phát hiện ra .	[2]*Thứ nhất*. Mỗi khi ta phạm vào một loại tội hay nết xấu này, ta hối tiếc về sự sa ngã này bằng cách đặt tay lên ngực; [3]điều có thể làm được ngay cả trước sự hiện diện của các người khác mà họ không nhận ra điều ấy.
28. *Điều phụ thêm thứ hai*. Vì hàng thứ nhất của chữ "g=" ứng với lần xét	**28.** *Điều phụ thêm thứ hai*. Vì hàng thứ nhất biểu thị cho việc xét	**28.** *Thứ hai*. Vào buổi tối, sau khi đã tính sổ và so sánh những điểm

có hai thì chuẩn bị: một vào buổi sáng (24^{2}) và một sau khi xét mình trưa (25^{5}) và hai lần xét mình: một vào buổi trưa (25^{1-4}) và một vào buổi tối (26^{1-2}).

4/ Bốn điều phụ thêm (27-31)

Tuần thứ nhất có hai bộ Điều Phụ Thêm: một của việc xét mình riêng thuộc thao luyện thực hành (24-31) và một thuộc khí cụ hướng dẫn một tuần (73-90). Ở đây điều phụ thêm cũng có ghi chú là thành phần nên cũng là khí cụ của Tuần Linh Thao. Bốn điều phụ thêm này đề cập đến hai vấn đề: sám hối ngay sau khi sa ngã và theo dõi sự tiến bộ của việc sửa mình. Mục đích là để loại bỏ (A), diệt trừ (P) hay tống khứ (V) một tội chính yếu hay một nết xấu chủ đạo mau lẹ hơn.

a/ Về sự sám hối (27^{2-3})

Hành vi sám hối ngay sau khi sa ngã sẽ giúp ích rất lớn trong việc cải thiện hoặc sửa mình. Vì hành vi ấy sẽ tăng cường sức mạnh để chiến thắng tội lỗi và sẽ giúp chúng ta đưa những nết xấu từ vô thức lên ý thức cách mau lẹ hơn để loại bỏ nó. Vì ngay sau khi sa ngã mà chủ thể phát hiện được sự vấp ngã của mình là điều giúp ích nhiều cho sự tiến bộ. Bởi lẽ nó phản chiếu một sự nhậy bén trong việc biến đổi mình khi đem vấn đề sửa mình tiến gần lên ý thức. Và sau một thời gian

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mình thứ nhất, hàng thứ hai ứng với lần xét mình thứ hai, buổi tối hãy xem lại nếu có sự cải thiện nào từ hàng thứ nhất sang hàng thứ hai, nghĩa là từ lần xét mình thứ nhất đến lần xét mình thứ hai không.	mình lần thứ nhất, và hàng thứ hai cho việc xét mình lần thứ hai, ta nên xem xét vào buổi tối nếu có nhiều kết quả tu sửa ở hàng thứ hai hơn hàng thứ nhất không, nghĩa là trong cuộc xét mình thứ hai hơn cuộc xét mình thứ nhất không.	ở các hàng kẻ với nhau, những điểm mà hàng thứ nhất được tính cho cuộc xét mình thứ nhất, hàng thứ hai cho cuộc xét mình thứ hai, ta sẽ xem xét nếu có sự cải thiện nào không từ cuộc xét mình thứ nhất đến cuộc xét mình thứ hai.
29. *Điều phụ thêm thứ ba.* So sánh ngày thứ hai với ngày thứ nhất, nghĩa là hai lần xét mình trong ngày hôm nay với hai lần xét mình hôm trước, và xem từ ngày nọ sang ngày kia xem mình có cải thiện không.	**29.** *Điều phụ thêm thứ ba*. So sánh ngày thứ hai với ngày thứ nhất, nghĩa là hai lần xét mình của ngày hôm nay với hai lần xét mình trước đó và xét xem từ ngày này đến ngày khác ta có sự tu sửa nào không.	**29.** *Thứ ba*. So sánh giữa những cuộc xét mình của ngày thứ hai và ngày trước đó với nhau, bằng cách xem coi có sự cải thiện nào xảy đến không.
30. *Điều phụ thêm thứ bốn*. So sánh tuần nọ với tuần kia, xem trong tuần này đối với tuần trước mình có sự cải thiện nào không.	**30.** *Điều phụ thêm thứ tư*. So sánh một tuần với tuần khác và xem xét mình có tu sửa không trong tuần lễ hiện tại bằng cách so sánh nó với tuần lễ trực tiếp trước đó.	**30.** *Thứ bốn*. Sau khi đã so sánh những cuộc xét mình của hai tuần với nhau, ta sẽ tính xem những việc cải thiện được thực hiện hay không theo cùng một cách thức.
31. Phải ghi chú, chữ	**31.** [1]Phải ghi chú rằng	**31.**[1]Cũng còn phải ghi chú

như thế, chủ thể dễ dàng đưa lên ý thức ngay khi sự kiện xảy ra để phản tỉnh và chọn lựa cách hành xử am hợp với việc sửa mình.

b/ Về sự tiến bộ của việc sửa mình (28-31)

Điều phụ thêm thứ hai đến thứ bốn chính là tiến trình theo dõi kết quả của việc sửa mình để có thể nhận ra sự tiến bộ thế nào. Công việc này được đề nghị cho thao viên khi thực hiện việc so sánh kết quả buổi chiều và buổi sáng với nhau trong một ngày (28), kết quả những ngày sống với nhau giữa ngày hôm sau với ngày hôm trước (29) và những tuần lễ với nhau giữa tuần lễ này với tuần lễ trước (30). Trong việc so sánh đó, nếu số lần sa ngã giảm bớt đi, ta biết mình có sự tiến bộ trong việc sửa mình. Ngược lại, nếu số lần sa ngã gia tăng, ta nhận biết mình đang sa sút.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
"G=" hoa thứ nhất sau đây ứng với ngày chủ nhật, chữ "g=" thứ hai nhỏ hơn ứng với ngày thứ hai, chữ thứ ba ứng với ngày thứ ba v.v.	chữ viết hoa đầu tiên ở dưới chỉ ngày chủ nhật; chữ thứ hai nhỏ hơn chỉ ngày thứ hai; chữ thứ ba chỉ ngày thứ ba và cứ như thế tiếp theo đó.	rằng, những hàng kẻ tiếp nối nhau, hàng thứ nhất dài hơn những hàng kẻ khác, được quy về ngày thứ nhất, thí dụ là ngày chúa nhật, hàng kẻ thứ hai ngắn hơn một chút là ngày thứ hai; và cứ thế tiếp theo, vì bình thường con số thiếu sót giảm đi từ ngày này sang ngày nọ.

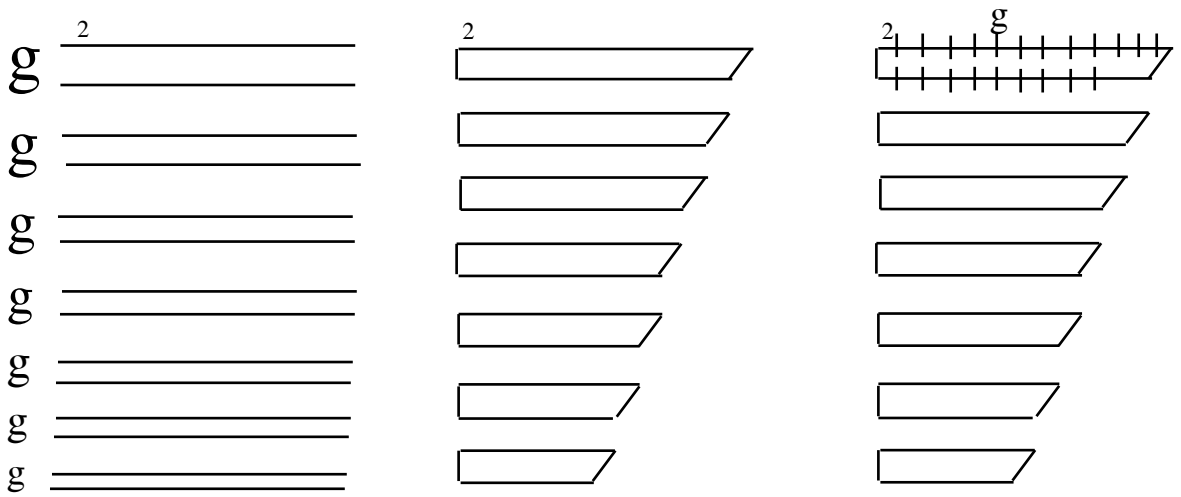

c/ Vẽ biểu đồ (31)

Biểu đồ được đề nghị nhằm kiểm soát diễn tiến kết quả việc tu sửa trong việc xét mình riêng của một ngày khi so sánh các buổi với nhau, của một tuần khi so sánh các ngày với nhau. Ngoài ra chữ "g" ở bản A được viết để chỉ về ngày sống, bản P nói đến chữ "g" mà không viết trên biểu đồ, còn bản V để chữ "g" ở trên đầu (31^1). Một ghi chú đáng lưu tâm ở bản P là giải thích biểu đồ theo A (31^1) nhưng lại vẽ biểu đồ theo V (31^2) nên cần chỉnh sửa.

Khi tìm hiểu biểu đồ của các bản văn, ta có thể nhận được kết quả như sau: Cả ba bản văn đều hứa cho thao viên sẽ đạt được sự tiến bộ trong việc xét mình. Bản P và V vẽ các hàng kẻ càng lúc càng ngắn lại cho thấy sự tiến bộ được biểu thị dưới hình thức số lượng. Đặc biệt bản V còn ghi rõ số lần sa ngã cả buổi sáng lẫn buổi chiều: 12/9 nhằm xác định sự tiến bộ đó *(Ignace de Loyola, Ecrits, traduits et presentés sous la direction de M. Giuliani, SJ, C. Christus 76, Desclée de Brouwer, Paris 1991, tr. 69).*

Ngược lại bản A vẽ những hàng kẻ có chiều dài bằng nhau, nhưng khoảng cách

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
32. [1]XÉT MÌNH CHUNG ĐỂ THANH TẨY MÌNH VÀ ĐỂ XƯNG TỘI TỐT HƠN [2]Tôi tiền giả định rằng trong người tôi có ba thứ tư tưởng: một thứ là của riêng tôi hoàn toàn bởi tự do và ý muốn của tôi phát sinh, còn hai thứ kia từ bên ngoài đến, một thứ do thần lành, và một thứ do thần dữ.	**32.** [1]XÉT MÌNH CHUNG ĐỂ THANH TẨY LINH HỒN VÀ ĐỂ XƯNG TỘI TỐT HƠN [2]Phải giả định rằng trong tôi có ba tư tưởng: một là của riêng tôi và thuộc nội tâm [3]và hai tư tưởng khác đến từ bên ngoài, nghĩa là một của thần lành và một của thần dữ.	**32.** [1]XÉT MÌNH CHUNG RẤT ÍCH LỢI CHO VIỆC THANH TẨY LINH HỒN VÀ CHO VIỆC XƯNG TỘI. [2]Người ta nhận biết rằng trong con người xuất hiện ba loại tư tưởng: một phát sinh từ chuyển động riêng của chính con người, [3]hai tư tưởng khác đến từ bên ngoài, nghĩa là được gợi hứng bởi thần lành hay thần dữ.
33. [1]VỀ TƯ TƯỞNG [2]Có hai cách lập công khi một tư tưởng xấu từ bên ngoài đến;	**33.** [1]VỀ TƯ TƯỞNG [2]Có hai cách lập công về điều liên quan đến một tư tưởng xấu ***đối với***	**33.** [1]VỀ TƯ TƯỞNG [2]Có khi cách lập công phúc về một tư tưởng xấu được xâm nhập vào từ

những hàng kẻ trong mỗi ngày hẹp dần từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng. Các chữ: "g" ở mỗi đầu hàng cũng thế. Điều này biểu thị rằng sự tiến bộ được xét đến về mặt phẩm chất. Vậy nếu thực hiện việc xét mình riêng cách kiên trì và trung thành, người ta đạt được sự tiến bộ cả về số lượng lẫn chất lượng trong việc sửa mình.

Ngoài ra, ta có thể kết hợp cả hai kết quả bằng cách liên kết những lần chiến thắng (+) và thất bại (-) với nhau, ta sẽ có lược đồ theo dõi như sau:

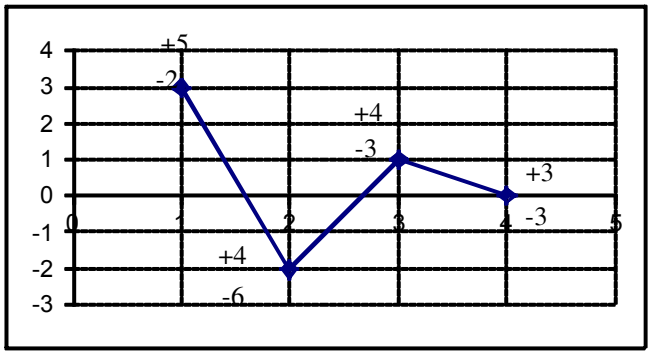

A.II.2. VIỆC XÉT MÌNH CHUNG (32-41)

Việc xét mình chung có hai mục đích: thanh tẩy linh hồn và xưng tội tốt hơn (32^1). Với mục đích thứ nhất, việc thanh tẩy linh hồn trong việc xét mình chung khi được kết hợp với việc xét mình riêng trong việc xét mình hằng ngày (43^5) sẽ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[3]Thí dụ một tư tưởng xúi phạm tội trọng chợt đến, tôi liền chống lại tức khắc và nó chịu thua.	***tội trọng***; điều được nói đến sau đây: [3]Cách thứ nhất, khi ta chống lại cách không do dự một tư tưởng như thế và ta thắng lợi.	bên ngoài ***đối với tội trọng***, điều được nói đến ở đây. [3]<u>Thứ nhất:</u> khi tư tưởng phạm một tội trọng được gợi lên, nhưng nó bị đánh bại, bị đẩy lui tức khắc .
34. [1]Cách lập công thứ hai là khi cùng một tư tưởng xấu trở lại và tôi chống lại nó; rồi nó liên tục trở lại với tôi; và tôi, tôi cứ chống lại mãi cho đến khi nó chịu tháo lui	**34.** [1]Cách thứ hai để lập công. Khi cũng tư tưởng xấu đó thoáng qua nơi tôi và tôi chống lại nó khi nó trở lại nhiều lần, tôi luôn luôn chống lại nó cho đến khi nó chịu tháo	**34.** [1]<u>*Thứ hai*</u>. Khi một gợi ý xấu thuộc loại này bị đẩy lui nhiều lần, nhưng lại không ngừng trở lại mạnh hơn, ta tiếp tục chống lại nó không ngơi nghỉ cho đến khi ta

cho thấy rằng xét mình chung chính là môi trường hoạt động của việc xét mình riêng - Còn mục đích thứ hai giúp xưng tội tốt hơn vì việc xưng tội không chỉ dừng lại ở một tội chính yếu hay một nết xấu chủ đạo (24^2) mà phải xét đến tất cả mọi tội lỗi mình đã phạm và mọi nết xấu tác động nơi mình. Thánh I-nhã đòi ta sự phân biệt về ý niệm "tư tưởng": một là ý niệm mà ngày nay chúng ta gọi là vô thức và một là tư tưởng xét như là kết quả của những suy nghĩ trong tâm hồn.

Giả định tiên khởi về việc xét mình chung là ý niệm về "tư tưởng" (32^2). Ý niệm này khác với ý niệm về tư tưởng sẽ được nói đến sau này (33-37). Có thể nói, nó là điều mà ngày nay chúng ta gọi là những xung năng vô thức của tâm lý, tức là những động lực thúc đẩy hành động vốn ẩn sâu trong vô thức và điều khiển những ý hướng và cảm xúc ở hoạt động chủ động và thụ động của ý thức.

Quả vậy, Cassien đã cho chúng ta hiểu theo hướng này từ xa xưa khi cho rằng nơi chúng ta có ba nguyên lý tư tưởng: Thiên Chúa, ma quỉ và chính chúng ta (PL. 49, col. 509). Ý niệm này am hợp với điều thánh I-nhã gọi là những tư tưởng phát sinh từ chúng ta, từ thần lành và từ thần dữ (32^2). Tuy nhiên, tư tưởng phát sinh từ bản thân tôi được các bản văn diễn tả khác nhau: Bản P và V diễn tả cách chung vì nó là của riêng tôi và thuộc nội tâm (P), phát xuất từ chuyển động riêng của chính con người (V), trong khi bản A coi đó là của riêng tôi hoàn toàn bởi tự do và ý muốn của tôi phát sinh ra.

Các xung năng vô thức vốn được diễn tả bằng ý niệm tư tưởng ấy đều biểu lộ ở cả trong tư tưởng, nơi lời nói và việc làm ở những mức độ khác nhau và được các thần loại can thiệp vào cũng theo mức độ khác nhau ấy.

1/ Về tư tưởng (33-37)

Thánh I-nhã nói về hoạt động của tư tưởng ở hai trường hợp: khi chủ thể lập công

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
và thất bại. [2]Cách thứ hai này có công phúc hơn cách thứ nhất.	lui và thất bại . [2]Và cách thứ hai này có công phúc hơn cách thứ nhất.	hoàn toàn chiến thắng. [2]Loại chiến thắng này đem cho mình nhiều công phúc hơn loại kia.
35. [1]Người ta phạm một tội nhẹ khi cùng một tư tưởng xui phạm tội trọng đến và người ta để tai nghe nó khi ngưng lại ở đó một chút, [2]hoặc khi đón nhận với một niềm vui khoái nào đó của giác quan, hay khi trễ nải một chút trong việc xua đuổi nó.	**35.** [1]Ta phạm tội nhẹ khi cùng một tư tưởng phạm tội trọng xuất hiện mà ta để tai nghe và trì hoãn một chút, [2]hoặc khi ta đón nhận chút ít vui khoái giác quan; hoặc nữa khi để cho chút trễ nải nào đó phát sinh ra trong việc xua đuổi một tư tưởng như thế.	**35.** [1]Ta phạm tội nhẹ, tức cách nhẹ nhàng, khi trì hoãn tư tưởng một chút vốn xuất phát từ một tội trọng, bằng cách để tai nghe cách nào đó; [2]hoặc nữa khi ta bị tác động do sự vui khoái nào đó của các giác quan trong một khoảnh khắc, hoặc nữa khi ta tỏ ra chểnh mảng để đẩy lui nó.
36. Có hai cách phạm tội cách nặng nề: Cách thứ nhất là ưng thuận một tư tưởng xấu để hành động ngay theo điều mình đã ưng thuận, hoặc để chuyển thành	**36.** Có hai cách phạm tội cách nặng nề: Cách thứ nhất khi ta ưng thuận một tư tưởng phạm một lầm lỗi, ***dù bất cứ cách thức nào***.	**36.** Bởi tư tưởng, một tội trọng được thực hiện bằng hai cách. *Thứ nhất:* khi ta ưng thuận với tư tưởng của một tội, ***dù bất cứ cách nào***.

---

và khi thất bại. Cả hai đều có sự hoạt động của những xung năng sâu thẳm của vô thức.

a/ Đối với việc lập công (33-34):

Một tư tưởng xấu từ bên ngoài đến vẫn đụng chạm vào những xung năng của vô thức, kể cả khi tư tưởng ấy xúi bẩy phạm tội trọng. Bản P và V không xác định tính chất của một tư tưởng xấu xúi bẩy, nên cha Polanco đã thêm vào cụm từ "đối với tội trọng" cho am hợp với bản văn A (33^2).

Bản văn A và P có vẻ nhấn mạnh đến hoạt động từ bên ngoài đi vào của tư tưởng khi sử dụng từ ngữ "xúi giục" (33^2), "trở lại" và "liên tục trở lại" và "tháo lui" (34^1) trong bản A; hoặc từ ngữ "thoáng qua", "chịu thua" và "biến đi" trong bản P (34^1). Ngược lại, bản V lại có vẻ nhấn mạnh đến sự cộng tác của những xung năng bên trong với những tư tưởng bên ngoài hơn, khi khởi đầu bằng những từ ngữ "xâm nhập", nhưng sau đó là những từ ngữ "gợi lên", "sự gợi ý" và "không ngừng trở lại" (33-34).

Khi phân chia làm hai cấp độ lập công, thánh I-nhã cho thấy rằng nếu ta càng bị

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hành động nếu có thể.		
37. [1]Cách phạm tội trọng thứ hai là phạm tội ấy bằng việc làm. Và như thế tội trở thành nặng thêm vì ba lý do: [2]thứ nhất, vì thời gian lâu hơn; thứ hai, vì cường độ mãnh liệt hơn; thứ ba, vì thiệt hại lớn hơn cho cả hai người.	**37.** [1]Cách phạm tội trọng thứ hai, khi việc phạm tội này được hoàn thành bằng hành động. Và cách này trở thành nặng hơn vì ba lý do: [2]lý do thứ nhất, vì thói quen kéo dài hơn; lý do thứ hai, vì chủ ý mãnh liệt hơn; lý do thứ ba, vì sự thiệt hại lớn hơn mà đôi khi ảnh hưởng đến một số đông người hơn.	**37.** [1]*Thứ hai.* Khi tội này được hoàn tất bằng hành động. Và tội này trở thành nặng hơn tội trước vì ba lý do, nghĩa là: vì thời gian kéo dài hơn, [2]vì chủ ý của hành vi mãnh liệt hơn, sau cùng vì sự thiệt hại hoặc sự tổn thất phải chịu bởi một số đông hơn.
38. [1]VỀ LỜI NÓI [2]Đừng dựa vào Đấng Tạo Hóa hay vào thụ tạo mà thề nếu không phải là	**38.** [1]VỀ LỜI NÓI [2]***Bằng lời nói, ta cũng chống lại Thiên Chúa bằng vô số cách thức, thí***	**38.** [1]VỀ LỜI NÓI [2]***Bằng lời nói, ta cũng chống lại Thiên Chúa bằng vô số cách thức, thí***

---

tư tưởng xấu tấn công nhiều nhưng ta càng nỗ lực chống lại liên lỉ và chiến thắng, ta càng có công phúc nhiều.

b/ Đối với việc phạm tội (35-37).

Thánh I-nhã ở đây chủ ý hướng về hoạt động của ý thức. Ý tưởng xui khiến chủ thể phạm tội trọng có thể phát sinh từ chủ thể có khi ở tận vô thức, nhưng chắc chắn được thúc đẩy mạnh mẽ bởi kẻ thù (32[3]). Đặc biệt khi chủ thể ở vào sân chơi của nó. Sự xui khiến phạm tội trọng chứng tỏ chất thể của tội có tính trầm trọng. Vấn đề là sự cộng tác của chủ thể biểu hiện ở ý thức theo hai cấp độ.

- Trước hết là tội nhẹ khi chủ thể góp phần không trọn vẹn: để tai nghe và trì hoãn một chút, đón nhận chút ít, hoặc chậm trễ trong việc xua đuổi, Vậy ở đây bộc lộ sự yếu đuối của chủ thể xét về mặt ý chí trong khi có đầy đủ nhận thức.
- Sau nữa là tội trọng khi chủ thể có sự ưng thuận trọn vẹn. Cha Polanco đã thêm vào bản văn P và V cụm từ "dù bất cứ cách nào" cho sự ưng thuận để chỉ tính trọn vẹn của nó (36). Vì sự ưng thuận này sẽ sẵn sàng chuyển thành hành động theo A.

Ngoài ra, cường độ của tội còn gia tăng theo tỷ lệ thuận của việc ưng thuận: kéo dài thời gian hơn, chủ ý mãnh liệt hơn và gây thiệt hại cho nhiều người hơn (37).

Tóm lại, tư tưởng là môi trường cho xung năng hoạt động từ lãnh vực vô thức và ý hướng tác động trong ý thức với sự xui khiến phạm tội do kẻ thù và sự cộng tác

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vì sự thật, vì cần thiết và vì sự tôn kính. [3]Tôi hiểu "cần thiết" không phải là một khẳng định về bất cứ sự thật nào, nhưng chỉ là khẳng định về sự thật quan trọng đối với ích lợi phần hồn hay phần xác hoặc về của cải đời này. [4]Chúng ta nói: "tôn kính" là khi kêu đến tên Thiên Chúa, phải suy xét giữ sự tôn kính như vinh	***dụ bằng việc nói phạm thượng và bằng việc thề nguyền***; vì không được lấy Đấng Tạo Hóa hay thụ tạo mà thề, trừ khi vì sự thật, sự cần thiết và lòng tôn kính được liên kết vào đó. [3]Có sự cần thiết, không phải bất cứ một sự thật nào đó, được khẳng định bằng một lời thề, nhưng khi sự thật ấy có một tầm quan trọng	***dụ bằng việc nói phạm thượng và bằng việc thề nguyền***; vì không được lấy Đấng Tạo Hóa cũng như không được lấy thụ tạo nào mà thề, trừ khi gặp ba điều: sự thật, sự cần thiết và lòng tôn kính. [3] Phải hiểu sự cần thiết không phải sự khẳng định về bất cứ sự thật nào nhưng chỉ sự thật vốn có một tầm quan

---

của chủ thể .

2/ Về lời nói (38-41).

Tư tưởng, tức xung năng vô thức cũng hoạt động ở cả lãnh vực lời nói khi thánh I -nhã đề cập về các hình thức của nó: lời thề, lời nói phù phiếm và lời vu khống.

a/ Trước hết về lời thề (38-39).

Thánh I-nhã đề cập việc phạm tội ở lãnh vực lời nói với một trưng dẫn cụ thể là lời thề nguyền. Cha Polanco còn thêm vào bản P và V một hình thức khác của lời nói. Đó là lời nói phạm thượng với câu dẫn nhập long trọng: "bằng lời nói, ta cũng chống lại Thiên Chúa bằng vô số cách thức, thí dụ bằng việc nói phạm thượng và bằng việc thề nguyền" (38^{2a}).

Có hai nền tảng cho việc thề nguyền dựa vào là Thiên Chúa và thụ tạo và có ba yếu tố để thực hiện việc thề nguyền là sự thật, sự cần thiết và sự tôn kính. Hay nói cách khác, sự thật đòi hỏi phải thực sự cần thiết và phải có sự tôn kính dành cho Thiên Chúa cách xứng hợp.

Nguyên tắc đích thực cho thấy thề một cách nông nổi hoặc táo bạo (39^{1}) tức là không đủ ba yếu tố của việc thề nguyền thì có tội. Vì chủ thể lúc đó không qui theo sự thật, không tỏ ra sự cần thiết và không có sự tôn kính. Việc thề nguyền có tính nông nổi này mang tội nặng hơn nếu nại đến Thiên Chúa. Vì lúc đó chủ thể lấy Thiên Chúa làm chứng cho sự dối trá của mình và ý hướng của chủ thể, qua lời thề nông nổi, đụng chạm không chỉ đến sự dối trá mà còn đến cả Thiên Chúa là Sự Thật tuyệt đối.

Ngược lại, thề đúng sự thật vì cần thiết và với niềm tôn kính, nhưng lại lấy thụ tạo mà thề thì khó hơn là lấy Thiên Chúa mà thề.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dự phải có dành cho Thiên Chúa.	nào đó vì ích lợi của linh hồn hay thể xác hay của cải trần thế. [4]Tôi hiểu là có sự tôn kính khi dùng tên của Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, ta tôn kính tên gọi này như phải có với một lòng chú ý và cẩn trọng.	trọng không nhỏ bé vì lợi ích thiêng liêng, thể lý hoặc của cải trần thế. [4]Ta nói rằng có sự tôn kính khi người lấy tên Thiên Chúa mà đặt vào đó một sự kính trọng như phải dành cho Người, Đấng Tạo Hóa và Chúa mình một sự vinh dự xứng hợp
39. [1]Phải chú ý điều này: là khi thề một cách nông nổi, nếu người ta nại đến Đấng Tạo Hóa, thì tội sẽ nặng hơn là lấy thụ tạo mà thề; [2]nhưng thề cho phải lẽ theo đúng sự thật vì cần thiết và với niềm tôn kính mà lấy thụ tạo mà thề thì khó khăn hơn là khi nại đến Đấng Tạo Hóa, vì các lý do sau:	**39.** [1]Phải chú ý rằng, cho dù khi thề một cách nông nổi, nếu lấy Thiên Chúa mà thề chúng ta phạm một tội lớn hơn khi lấy thụ tạo mà thề. [2]Tuy nhiên, khi lấy thụ tạo mà thề thì lại khó mà thề đúng như sự thật, sự cần thiết và lòng tôn kính cho bằng khi lấy Thiên Chúa vì các lý do sau:	**39.** [1]Phải biết rằng, mặc dù một lời thề được thực hiện một cách táo bạo hoặc nông nổi khi nại vào Thiên Chúa là một tội nặng hơn một tội khi nại vào thụ tạo. [2]Tuy nhiên lấy thụ tạo mà thề một cách hợp pháp lại khó khăn hơn là lấy Thiên Chúa mà thề khi những điều kiện đòi buộc mà chúng ta đã nói đến được bảo toàn.
[3]*Lý do thứ nhất*: Khi chúng ta muốn lấy một thụ tạo nào đó mà thề,	[3]*Thứ nhất*: khi chúng ta muốn lấy một thụ tạo nào đó mà thề, thì việc muốn	[3]*Trước hết*, vì khi nêu một thụ tạo ra mà thề, chúng ta không được thúc

Thánh I-nhã đưa ra ba lý do để giải thích mà cả ba đều bộc lộ ý hướng của chủ thể cách khác nhau:

- Lý do thứ nhất (39[3]), ý hướng của chủ thể đụng chạm đến sự cần thiết của sự thật. Nếu nại vào thụ tạo mà thề, ý hướng thiếu sự chú tâm hoặc thiếu sự quả quyết về chính sự thật. Bởi lẽ bảo chứng cho sự thật được đặt nền trên hữu thể bất tất chứ không trên hữu thể tất yếu. Mà hữu thể bất tất có nguy cơ làm suy yếu ý hướng của chính chủ thể.
- Lý do thứ hai (39[4-7]), việc nại đến thụ tạo sẽ đánh mất sự tôn kính đối với Thiên Chúa. Bởi lẽ khi chủ thể lấy cái bất tất làm sự bảo đảm cho sự thật mà mình muốn làm chứng, tự nó cái tất yếu sẽ dễ trở thành cái bất tất. Vì thế chủ thể có nguy cơ giảm thiểu sự tôn kính dành cho Thiên Chúa khi lời thề không

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thì chính việc muốn kêu tên một thụ tạo không làm chúng ta chú ý và thận trọng để nói sự thật hay để quả quyết sự thật theo sự cần thiết cho bằng việc muốn nại đến tên Chúa Tể và Đấng Tạo Hóa của mọi loài.	lấy tên một thụ tạo không làm cho chúng ta chú tâm để nói sự thật hoặc quả quyết sự thật một cách cần thiết cho bằng việc muốn lấy tên Chúa là Đấng Tạo Hóa của mọi loài.	đẩy hoặc chú tâm để thề nguyền đúng theo sự thật và sự cần thiết cho bằng khi chúng ta lấy Tên Đấng Tạo Hóa của mọi loài.
[4]*Lý do thứ hai*: khi lấy thụ tạo mà thề, thì không dễ giữ sự tôn kính và kính trọng đối với Đấng Tạo Hóa bằng khi thề và kêu tên chính Đấng Tạo Hóa và Chúa Tể. Vì chính việc muốn nại đến tên Thiên Chúa, tự nó thúc đẩy chúng ta tỏ lòng kính trọng và lòng tôn kính hơn việc muốn kêu tên vật thụ tạo. [5]Bởi vậy, người hoàn thiện được phép lấy thụ tạo mà thề hơn người còn bất toàn. [6]Vì nhờ sự chiêm niệm liên lỉ và ơn soi sáng trí	[4]*Thứ hai:* vì khi lấy thụ tạo mà thề thì không dễ đem lòng tôn kính và tôn vinh bằng khi lấy Chúa mà thề; vì sự kiện muốn kêu danh Chúa là Thiên Chúa tự nó kéo theo sự tôn kính lớn hơn là sự kiện muốn kêu tên một điều được dựng nên; [5]và chính vì đó ta đồng lòng đối với người hoàn thiện lấy thụ tạo mà thề hơn là người bất toàn; [6]vì người hoàn thiện, nhờ sự chiêm niệm liên lỉ và sự soi sáng trí hiểu, mà suy xét, suy gẫm tốt hơn rằng	[4]*Thứ hai*: thực tế là chúng ta ít được thúc đẩy để tôn vinh Thiên Chúa với sự tôn kính khi chúng ta kêu tên một sự vật bằng khi chúng ta nêu tên chính Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa. [5]Vì thế kêu tên các thụ tạo mà thề thì được phép cách dễ dàng đối với những người hoàn hảo hơn là những người ít được đào luyện hoặc yếu đuối hơn. [6]Vì những người hoàn thiện, nhờ vào việc thực hiện chuyên cần những giờ

dựa vào chính Ngài. Ở đây bản A liên kết sự tôn kính và kính trọng với nhau trong khi hai bản P và V thay thế từ "kính trọng" bằng từ "tôn vinh".

Tuy nhiên thánh I-nhã còn phân biệt hai hạng người trong việc thề nguyền này: người hoàn thiện và người bất toàn để cho thấy loại người thứ nhất được phép lấy thụ tạo mà thề hơn loại người thứ hai. Vì nhờ vào đời sống thiêng liêng, loại người này đã đạt tới mức độ xem thấy Thiên Chúa trong mọi sự. Điều này chứng tỏ cho thấy ý hướng của họ đã được liên kết với Thiên Chúa cách chặt chẽ hơn loại người kia.

- Lý do cuối cùng (39[8]) nơi thánh I-nhã đẩy ý hướng đi xa hơn: người bất toàn sẽ dễ rơi vào ngẫu tượng hơn người hoàn thiện khi cứ mãi nại vào thụ tạo mà thề. Bởi lẽ, lúc đó họ có nguy cơ biến cái bất tất thành cái tất yếu và ý hướng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
khôn, những người hoàn thiện suy xét, nguyện ngắm và chiêm niệm hơn về việc Thiên Chúa ở trong mỗi vật thụ tạo theo yếu tính, sự hiện diện và quyền năng riêng của Ngài. [7]Như thế, khi lấy thụ tạo mà thề, họ đủ năng lực và sẵn sàng hơn những người bất toàn để tỏ lòng tôn kính và kính trọng đối với Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.	Chúa là Thiên Chúa ở trong toàn thể thụ tạo bằng yếu tính, sự hiện diện và quyền năng của Ngài; [7]Và như thế, khi lấy thụ tạo mà thề, họ đã có đủ điều kiện và sẵn sàng tỏ lòng tôn kính với Đấng Tạo Hóa và Chúa mình hơn là những người bất toàn.	chiêm niệm và sự soi sáng của trí hiểu, cân nhắc sát hơn và hiểu thấu rằng Thiên Chúa ở trong mỗi thụ tạo, theo yếu tính, sự hiện diện và quyền năng của Ngài; [7]họ cũng được chuẩn bị tốt hơn những người kia, vốn chưa đạt tới mức độ người hoàn thiện đó, để tôn kính Ngài cho phải lẽ trong lời thề.
[8]*Lý do thứ ba*: khi người ta cứ lấy thụ tạo mà thề luôn mãi, thì những người bất toàn có nguy cơ sa vào việc tôn thờ ngẫu tượng hơn những người hoàn thiện.	[8]*Thứ ba*: vì khi ta cứ lấy thụ tạo mà thề luôn mãi, phải e dè nguy cơ sa vào việc thờ ngẫu tượng, và nguy cơ ấy dễ rơi vào nơi những người bất toàn hơn những người hoàn thiện.	[8]*Thứ ba*: vì khi quá thường xuyên kêu gọi mọi thụ tạo để chứng thực một lời thề, có thể có nguy hiểm về việc thờ ngẫu tượng là điều cần lo sợ cho những người bất toàn hơn cho những người hoàn thiện.
40. [1]Đừng nói lời phù phiếm. Tôi hiểu lời phù phiếm là những lời không mang lại lợi ích gì cho tôi, hay cho người khác và cũng chẳng được quy vào ý hướng đó.	**40.** [1]***Giữa những tội khác về miệng lưỡi***, cũng có lời nói phù phiếm. Tôi hiểu lời nói phù phiếm là lời nói không sinh ích lợi cho chính tôi và cho người khác, và là lời nói	**40.** [1]Cũng còn cần phải tránh ***(giữa những tội lỗi khác về miệng lưỡi)*** lời nói phù phiếm. Ta hiểu đó là tất cả lời nói không đem ích lợi cho cả người nói lẫn người kia, và

chủ thể dần dà trở thành một thói quen ăn sâu hơn vào trong vô thức trước mọi cách hành xử của họ. Người hoàn thiện tránh được nguy cơ này nhờ vào đời sống thiêng liêng như đã đề cập ở trên.

b/ Thứ đến về lời nói phù phiếm (40).

Trong khi bản A đề cập trực tiếp về lời phù phiếm thì cha Polanco đặt nó vào giữa những tội về lời nói khi thêm cụm từ mở đầu như sau vào bản P và V: "giữa những tội khác về miệng lưỡi" (40^{1a}). Câu kết luận cho phép ta nhận ra tầm quan

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]Bởi vậy, khi nói bất cứ điều gì tự nó ích lợi hay là có ý làm ích cho linh hồn mình hay cho người khác hoặc cho thân xác hay về của cải trần thế thì không bao giờ là lời phù phiếm. [3]Cũng không phải là phù phiếm cả khi nói những điều không thuộc bậc sống của mình, như một tu sĩ nói về chiến tranh hay thương mại. [4]Nhưng trong mọi trường hợp trên, người ta có công khi nói nhằm mục đích tốt và phạm tội khi nhằm mục đích xấu hay nói cách vô ích.	vốn không được sắp xếp quy về ý hướng đó. [2]Vì thế, không bao giờ là phù phiếm khi nói mọi sự vốn sinh ích lợi hoặc được nhắm đến ích lợi cho linh hồn mình và linh hồn kẻ khác, hoặc có ích cho thân xác hoặc của cải trần thế, [3]cho dù người nào đó nói về những điểm không liên quan đến bậc sống mình, thí dụ một tu sĩ nói về chiến tranh hay thương mại; [4]vì thế, trong mọi điều đã được nói đến, cũng có công phúc nếu chúng có ý hướng tốt và phạm tội nếu có ý hướng xấu hoặc nói cách thiếu suy nghĩ.	cũng không được thốt ra trong mục tiêu có ích lợi. [2]Ngược lại, hoàn toàn không được coi là phù phiếm đối với những lời nói liên quan đến ích lợi linh hồn, của mình hoặc của tha nhân, hoặc lợi ích thể xác hoặc cả lợi ích về một sự việc trần thế, hoặc ít ra một điều gì như thế trong chính mục đích của người nói, [3]ngay cả ai đó nói về việc xa lạ đối với bậc sống của mình, như một tu sĩ nói về chiến tranh hay thương mại. [4]Ngoài ra, nói một cách lớp lang thứ tự với mục đích tốt sẽ đem đến công phúc, nhưng nói vì mục đích xấu hoặc nói một cách nông nổi sẽ làm phát sinh tội lỗi.

trọng về ý hướng của chủ thể trong lời nói phù phiếm: "có công phúc nếu lời nói hướng về mục đích hay ý hướng tốt, và ngược lại phạm tội khi lời nói nhắm đến mục đích hay ý hướng xấu" (40^4).

Ngay khi xác định thế nào là lời nói phù phiếm hay không, thánh I-nhã đã làm nổi bật chỗ đứng của ý hướng nơi chủ thể, tức là lời nói có hay không đem lại lợi ích cho mình hay cho người khác hoặc được hay không được qui về ý hướng hay mục đích đó.

Ý hướng này của chủ thể rất quan trọng đến nỗi nếu có nó thì lời nói sẽ không còn là phù phiếm, ngay cả khi chủ thể nói đến những vấn đề không liên quan hoặc tỏ ra xa lạ với bậc sống của mình. Cả ba bản văn đều nêu lên những việc xa lạ ấy: một tu sĩ nói về chiến tranh hay về thương mại (40^3). Chắc chắn hai trường hợp trên không thuộc lãnh vực đời tu, nhưng khi được đề cập tới, ý hướng của sự thánh thiện, của tiêu chuẩn đức tin và tình yêu sẽ soi sáng và giúp người khác nhận ra giá trị đích thực mà đem ra thực hành cho am hợp với cứu cánh đời mình.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
41. [1]Không nói lời vu khống hay nói xấu. Vì nếu tôi tiết lộ một tội trọng không công khai, tôi phạm tội nặng; nếu đó là một tội nhẹ, tôi phạm tội nhẹ; và nếu là một nết xấu, tôi tỏ chính nết xấu của tôi. [2]Nhưng với một ý ngay lành, thì tôi có thể nói về tội phạm hay lỗi lầm người khác theo hai cách:	**41.** [1]***Một trong các tội về lời nói là nói gièm pha: vì không được nói điều gì nhằm vu khống người khác hoặc nói xấu về họ. Vì nếu tôi tiết lộ một tội trọng kín đáo với một ý hướng xấu hoặc với sự thiệt hại trầm trọng đến thanh danh người khác***, tôi phạm tội trọng; và nếu đó là tội nhẹ, thì tôi phạm tội nhẹ; nếu đó là một nết xấu, chúng ta tỏ ra chính nết xấu riêng của mình. [2]Tuy nhiên, với ý hướng ngay lành, người ta có hai cách nói về tội lỗi hay nết xấu của người khác:	**41.** [1]***Các tội lỗi về lời nói cũng là việc nói dối, làm chứng gian, gièm pha; vì không được gièm pha người khác cũng như nói xấu về họ. Thật vậy khi tiết lộ một tội trọng kín đáo với một ý hướng xấu hoặc với một sự thiệt hại trầm trọng đến thanh danh người khác***, người ta cũng phạm một tội trọng; và chỉ phạm một tội nhẹ nếu tiết lộ một tội nhẹ. Hơn nữa tất cả những lần chúng ta bày tỏ một tật xấu hay một nết xấu của kẻ khác, chúng ta đồng thời tỏ lộ chính tật xấu hay nết xấu của chúng ta. [2]Tuy nhiên, với ý hướng ngay thẳng, người ta có thể nói về lỗi lầm của người khác ở hai

c/ Cuối cùng về lời nói vu khống hay lời nói xấu (41).

Hai lần cha Polanco can thiệp vào hai bản văn P và V ở phần nhập đề và kết luận. Ở phần nhập đề, trong khi thánh I-nhã nói đến tội vu khống và nói xấu thì ngài đưa vào một lời dẫn nhập dài. Trong bản P, ngài qui việc vu khống và nói xấu về sự gièm pha nơi bộc lộ ý hướng xấu của chủ thể vốn làm thiệt hại đến thanh danh người khác; còn trong bản V, ngài bỏ ý niệm vu khống và qui việc nói xấu về ý hướng đồng thời kê ra ba tội khác liên quan đến lời nói: nói dối, làm chứng gian, gièm pha vốn bộc lộ ý hướng xấu của chủ thể (41^{1}).

Cũng thế trong câu kết luận, ngài còn liệt kê thêm một số tội khác vào hai bản văn này: lời nói chế diễu, chửi rủa (P,V) và làm chứng gian (P) cùng những điều khác mà người hướng dẫn xét thấy cần phải thêm vào (41^{4b}).

Tất cả những hình thức trên đều bộc lộ ý hướng của chủ thể, từ sự chủ tâm nặng, nhẹ cho đến xung năng vô thức: nết xấu (A,P) hay tật xấu (V) hay xung năng vô thức hoạt động trong những chủ tâm nặng, nhẹ. Ý hướng xấu của chủ thể không

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		trường hợp.
[3]*Cách thứ nhất*: khi là một tội công khai, chẳng hạn một cô gái dâm đãng công khai, hay một bản luận tội ở tòa án, hay một sai lầm công khai đầu độc các linh hồn mà nó được bàn bạc.	[3]*Cách thứ nhất*: khi tội phạm công khai, chẳng hạn trường hợp tội của cô gái dâm đãng công khai, hoặc một bản luận tội do tòa án tuyên bố, hoặc một lạc giáo công khai để đầu độc các linh hồn.	[3]*Thứ nhất*: khi đó là lỗi công khai như việc dâm đãng hay một cuộc luận tội của tòa án, hoặc lỗi đó nguy hiểm, như vì một sai lầm công khai vốn hủy hoại linh hồn những người có tương quan.
[4]*Cách thứ hai*: khi một tội kín được tiết lộ cho một người nào để giúp tội nhân hối cải, với điều kiện phải có một số động cơ nghiêm túc hoặc lý do khả thi để nghĩ rằng điều đó có thể giúp đỡ tội nhân.	[4]*Cách thứ hai:* khi một tội kín được tiết lộ cho ai nhằm giúp đỡ kẻ khác hối cải, miễn là ta có hy vọng hoặc có những lý do khả dĩ nào đó cho thấy rằng điều đó có thể giúp đỡ họ. ***Cũng còn là tội về lời nói đối với những lời nói dối, làm chứng gian, những lời chế giễu, những lời chửi rủa và những điều khác thuộc loại này mà người cho các cuộc thao luyện có thể tiếp tục kê khai tùy theo xét thấy là cần thiết.***	[4]*Thứ hai*: tất cả những lần tội kín đáo của một người được tiết lộ cho người khác vốn có thể giúp đỡ họ để thoát khỏi tội lỗi, với điều kiện có được lý lẽ khả thi hoặc niềm hy vọng nào đó có thể đạt được. ***Ta có thể kê khai lời chế giễu, chửi rủa hoặc điều khác mà người cho các cuộc thao luyện có thể liệt kê vào trong số các tội về lời nói nếu xét thấy cần thiết.***

---

chỉ bộc lộ nơi những lời vu khống hay lời nói xấu, mà cả ý hướng ngay lành cũng tỏ lộ khi nói đến tội phạm, lỗi lầm và cả đến nết xấu của người khác. Vì tự nó, ý hướng ngay lành sẽ dẫn đến chỗ cảm hoá và cải thiện tha nhân trong mối tương quan liên vị.

Thánh I-nhã đưa ra bốn trường hợp cụ thể để áp dụng: đối với tội lỗi công khai như dâm đãng, luận tội toà án, lạc giáo hay đầu độc. Ở đây ý hướng ngay lành tỏ lộ khi nhằm mục đích tránh nêu gương xấu cho tha nhân. Ngược lại, đối với tội lỗi kín đáo, ý ngay lành lại được áp dụng để giúp đỡ chính đương sự tìm đến sự hoán cải và thoát ra khỏi tội lỗi. Vì thế, thánh I-nhã đưa ra hai điều kiện phải có: trước hết, việc tiết lộ chỉ dành cho ai có thể giúp đỡ đương sự và sau nữa, phải có đủ lý lẽ khả thi và phải hy vọng có thể giúp đỡ họ được (41^{3-4}).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
42. [1]VỀ VIỆC LÀM [2]Lấy mười điều răn của Chúa và sáu giới luật của Giáo Hội và các huấn lệnh của bề trên làm đề tài. Mọi hành động vi phạm ngược với bất cứ một trong ba điều này đều là một tội, nặng nhẹ tùy theo tầm quan trọng nhiều ít. [3]Về huấn lệnh của bề trên, tôi hiểu là "Sắc lệnh về binh Thánh Giá" và về các ân xá khác, như những ân xá để được hòa bình, vốn được ban ra với điều kiện xưng tội và rước lễ. [4]Vì	**42.** [1]VỀ VIỆC LÀM [2]Nếu ta xem xét mười điều răn của Thiên Chúa, những giới luật của Giáo hội và các huấn lệnh của bề trên, mọi hành động hoàn thành ngược lại với điều này hay điều khác của ba điều này là tội nặng hay nhẹ hơn tùy theo tầm quan trọng nặng hơn hay nhẹ hơn. [3]Có thể bao gồm những sắc lệnh chính thức của Tòa thánh, các ân xá để thiết lập hòa bình vốn được ban cho những người	**42.** [1]VỀ VIỆC LÀM [2]Sau khi đặt trước mặt mười điều răn Thiên Chúa cũng như những giới luật của Giáo Hội và những huấn lệnh của những người có thẩm quyền hoặc những bề trên, phải nghĩ rằng tất cả hành động được thực hiện chống lại một trong những điều này là một tội; Tuy nhiên, nhẹ hơn hay nặng hơn tùy theo mức độ của tội và thái độ khác nhau của người vi phạm. [3]Ngoài ra, trong các huấn lệnh của bề

3/ Về việc làm (42)

Đối với việc làm, thánh I-nhã nêu lên những tội liên quan đến các giới răn của Thiên Chúa, các giới luật của Hội Thánh và các huấn lệnh của Bề trên làm chủ đề để bàn thảo. Khi đề cập về tội nặng nhẹ liên hệ đến các yếu tố trên, bản văn A và P dường như chỉ nói cách tổng quát hoặc nghiêng về mặt chất thể của tội chứ không chú trọng về mặt ý hướng khi nói: "mọi hành động vi phạm ngược với một trong ba điều này đều là một tội, nặng nhẹ tuỳ theo tầm quan trọng nhiều ít" (42^2). Về huấn lệnh của bề trên bản văn A cũng có vẻ nhấn mạnh về gương xấu khi gây cớ cho người khác hành động chống lại các huấn lệnh ấy, còn bản P chỉ tập trung vào hành động mà thôi (42^4).

Vì một thiếu sót lớn này mà cha Polanco đã thêm cụm từ: "hoặc khi coi thường những điều ấy" vào phần cuối cùng bản văn P để xác định sự tham dự của ý hướng chủ thể trong những tội phạm như thế (42^{4b}).

Bản V đã đưa ra một sự bổ khuyết ở hai điểm: thứ nhất, V đã thêm vào ý hướng của chủ thể bên cạnh chất thể của tội để cho sự vi phạm một giới răn hay huấn lệnh của bề trên đủ yếu tố cấu thành tội khi nói: "phải nghĩ rằng mọi hành động được thực hiện chống lại một trong những điều này là một tội. Tuy nhiên nhẹ hay nặng hơn tùy theo mức độ của tội và thái độ khác nhau của người vi phạm" (42^2).

Thứ hai, khi giải thích và xác định sự vi phạm huấn lệnh của bề trên, Frusius đã dựa vào cụm từ thêm vào của cha Polanco trong bản P để quảng diễn rõ ý hướng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
không phải là nhẹ tội khi gây cớ cho người khác hành động ngược với những huấn dụ và các huấn lệnh rất đạo đức như thế của Bề Trên chúng ta, hay khi chính mình hành động như vậy.	xưng tội và rước lễ, là những huấn lệnh của bề trên; [4]vì không phải là nhẹ tội khi hành động chống lại những lời khuyên răn và những huấn dụ rất đạo đức như thế ***hoặc khi coi thường những điều ấy.***	trên còn bao gồm các tài liệu hay các đặc xá của các Đức Giáo Hoàng thông thường được ban ra và được ban bố để xua đuổi những kẻ bất tín hoặc vì sự hòa bình giữa các tín hữu, nhờ đó các tín hữu được mời gọi xưng thú tội lỗi và rước lễ. [4]Vì không phải là phạm tội nhẹ bất cứ ai ***dám coi thường*** và xúc phạm đến những huấn dụ và những huấn lệnh của những người đứng đầu Giáo Hội.
43. [1]CÁCH THỨC XÉT MÌNH CHUNG, PHƯƠNG PHÁP NÀY GỒM NĂM ĐIỂM	43. [1]CÁCH THỨC XÉT MÌNH CHUNG GỒM NĂM ĐIỂM	**43.** [1]CÁCH THỨC LÀM VIỆC XÉT MÌNH CHUNG BAO GỒM NĂM PHẦN HAY NĂM ĐIỂM
[2]*Điểm thứ nhất*: tạ ơn Thiên Chúa, Chúa chúng	[2]*Điểm thứ nhất*: tạ ơn Thiên Chúa rất nhân	[2]*Điểm thứ nhất*: tạ ơn Chúa, Thiên Chúa chúng

chủ thể như sau: "Vì không phải là phạm tội nhẹ bất cứ ai dám coi thường và xúc phạm đến những huấn dụ và những huấn lệnh của những người đứng đầu Giáo Hội" (42[4]).

Tóm lại, trong việc xét mình chung: tư tưởng, lời nói và việc làm là môi trường của việc phạm tội. Tuy nhiên, vi phạm một tội không chỉ dừng lại ở chất thể mà còn đòi hỏi cả ý hướng chủ thể (A và P so với V trong 42[2]). Ý hướng này theo thánh I-nhã có sự tham gia của "tư tưởng" của chúng ta (32[2]) và của những thần loại khác nhau gợi ra (32[3]). Tư tưởng của chúng ta được hiểu từ những xung năng hoạt động ở sâu thẳm của cõi lòng một cách vô thức và điều khiển những hành vi ý thức lẫn ý hướng chủ động của chủ thể nơi bất cứ một loại tội nào: tư tưởng xúi phạm tội trọng, lời nói và việc làm. Chính nơi đây, chúng ta cân đo được mức độ thiêng liêng của mình vốn tỷ lệ nghịch hoặc thuận với cấp độ vi phạm hoặc chiến thắng khác nhau trước một gợi ý cụ thể.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ta vì những ơn huệ đã nhận được.	lành vì tất cả những ân huệ đã nhận được.	ta về những ơn huệ đã nhận được.
[3]*Điểm thứ hai*: xin ơn nhận biết các tội lỗi của mình và từ bỏ chúng.	[3]*Điểm thứ hai*: xin ơn để nhận biết các tội lỗi và từ bỏ chúng.	[3]*Điểm thứ hai*: ta phải xin ơn để hiểu biết và loại bỏ những tội lỗi.
[4]*Điểm thứ ba*: xét hỏi linh hồn mình, từ khi thức dậy cho tới lúc xét mình hiện tại, từng giờ, từng lúc, [5]trước hết về tư tưởng, rồi về lời nói, sau đó đến hành động, theo cùng một trật tự đã đề cập trong việc xét mình riêng.	[4]*Điểm thứ ba*: xét hỏi linh hồn, từ khi thức dậy đến khi xét mình hiện tại, từ giờ này đến giờ khác, từ lúc này đến lúc khác; [5]trước hết về các tội lỗi, rồi đến các lời nói và sau cùng các hành động, theo cùng một trật tự đã được đề cập trong việc xét mình riêng.	[4]*Điểm thứ ba*: xét hỏi linh hồn về các tội đã phạm ngày hôm nay, bằng việc tìm kiếm từng giờ từ khi chúng ta thức dậy; [5]trước hết về điều liên quan đến tư tưởng, rồi về điều liên quan đến lời nói và hành động theo cùng một trật tự như trật tự đã được đề ra trong việc xét mình riêng.
[6]*Điểm thứ bốn*: xin Thiên Chúa tha thứ những lỗi lầm.	[6]*Điểm thứ tư*: xin Chúa là Thiên Chúa tha thứ những lỗi lầm đã xúc phạm.	[6]*Điểm thứ bốn*: xin sự tha thứ các lỗi lầm.
[7]*Điểm thứ năm*: dốc	[7]*Điểm thứ năm*: dốc	[7]*Điểm thứ năm*: dốc

A.II.3. XÉT MÌNH HẰNG NGÀY (43)

1/ Vấn đề về tựa đề (43[1])

Tựa đề được viết trong cả ba bản văn cho việc xét mình này xem ra không chính xác. Để phân biệt việc xét mình này với những việc xét mình trên, bản A và P đặt tựa đề là "Cách thức xét mình chung (và) gồm năm điểm"; bản V đặt tựa đề tương tự chỉ khác từ ngữ: "Cách thức làm việc xét mình chung bao gồm năm phần hay năm điểm". Tuy nhiên chúng ta có thể tìm được một tựa đề thích hợp và chính xác hơn vốn được thánh I-nhã nói đến trong tài liệu "Ghi chú để hướng dẫn cho Linh Thao" như là sự bổ túc cho những bản văn. Theo tài liệu này tựa đề phải là: "Việc xét mình hằng ngày gồm năm điểm" *(Ignace, Notes pour un directoire des Exercices Spirituels, notes transmises oralement 2, [1]).*

2/ Vấn đề về nội dung việc xét mình hằng ngày (43[4])

Nội dung việc xét mình này gồm năm điểm: tạ ơn Chúa vì ơn ban của Ngài – xin ơn nhận biết và từ bỏ tội lỗi – xét mình – xin ơn tha thứ – dốc lòng chừa cải. Vấn đề bị đặt ra hệ ở chính việc xét mình, tức là điểm thứ ba (43[4-5]).

Bản A có bốn yếu tố cho việc xét mình: tra hỏi linh hồn, theo thời gian sống, môi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lòng cải thiện nhờ ơn Chúa. Đọc Kinh Lạy Cha.	lòng cải thiện nhờ ơn Chúa và đọc Kinh Lạy Cha.	lòng cải thiện với ơn Chúa; và sau tất cả những điều vừa được nói đến, dâng lời nguyện của Chúa: Kinh Lạy Cha.
44. [1]XƯNG TỘI CHUNG VÀ RƯỚC LỄ	**44.** [1]XƯNG TỘI CHUNG VÀ RƯỚC LỄ	**44.** [1]THỰC HÀNH VIỆC XƯNG TỘI CHUNG VÀ RƯỚC LỄ.
[2]Người tự ý xưng tội chung, sẽ được nhiều ích lợi, sau đây xin kể ba điều:	[2]Nếu ai muốn tự do xưng tội chung, ngoài những lợi ích khác, họ còn tìm thấy ba lợi ích sau đây:	[2]Về việc xưng tội chung được thực hiện cách tự do, trong rất nhiều những ích lợi khác, ta rút ra được ba ích lợi sau đây.
[3]*Ích lợi thứ nhất*: người nào xưng tội hàng năm, dĩ nhiên không buộc phải xưng tội chung, [4]nhưng nếu làm được thì có ích lợi và công phúc lớn hơn, vì có lòng thống hối hiện	[3]*Lợi ích thứ nhất*: mặc dầu người xưng tội hằng năm không buộc phải xưng tội chung, [4]Tuy nhiên, khi thực hiện việc xưng tội chung, họ nhận được công phúc và lợi ích	[3]*Thứ nhất*: mặc dù người xưng tội hằng năm ít nhất một lần không buộc việc xưng tội chung thuộc loại này một chút nào; [4]Tuy nhiên, người xưng tội chung sẽ tìm

trường để suy xét là tư tưởng, lời nói và việc làm và ứng dụng theo việc xét mình riêng. Trong bốn yếu tố này, yếu tố thứ ba thuộc về việc xét mình chung, tức là môi trường để xét mình (32-42) nhưng không xác định việc xét mình này (43^5); các yếu tố còn lại liên hệ đến việc xét mình riêng nhưng thiếu đối tượng: "điểm riêng mình dốc lòng chừa" nếu so với việc xét mình này (25^2). Và điểm riêng là "một tội riêng" hay "một nết xấu chủ đạo" mình muốn tu sửa hay cải thiện (24^2).

Bản P có sự lẫn lộn về đối tượng và môi trường khi xác định đối tượng là các tội lỗi, những lời nói và các hành động (43^5). Thực ra chỉ có tội lỗi là đối tượng, còn lời nói và hành động thuộc về môi trường của xét mình chung. Như vậy P thiếu một đối tượng là nết xấu của việc xét mình riêng và thiếu nội dung đầu tiên là tư tưởng của việc xét mình chung và rồi không xác định việc xét mình này (x. 43^5).

Bản V cho ta thấy rõ cả hai cấu tố của việc xét mình hằng ngày: xét mình chung (43^{5a}) và xét mình riêng ($43^{4.5b}$). Tuy thế đối tượng việc xét mình riêng ở đây chỉ là "các tội", trong khi đó còn phải kể cả nết xấu hay tật xấu nữa (24^2).

Tóm lại, xét mình hằng ngày bao gồm đối tượng việc xét mình riêng (24-31) tức là một tội riêng ở cấp độ ý thức hay một nết xấu ở cấp độ vô thức (24^2) với tội và nết xấu khác được suy xét trong môi trường xét mình chung, tức là tư tưởng,

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tại mãnh liệt hơn về tất cả các tội lỗi và mọi hành động xấu xa trong cả đời mình.	lớn lao hơn do sự thống hối hiện tại mãnh liệt hơn vì toàn thể tội lỗi và tất cả những sa đọa của tất cả đời sống quá khứ.	được lợi ích và công phúc nhiều hơn và vì sự thống hối mãnh liệt hơn mà họ cảm thấy về những tội lỗi và sự xấu xa của đời sống quá khứ.
[5]*Ích lợi thứ hai*: khi tập các bài Linh Thao này người ta có được sự hiểu biết thâm sâu về những tội lỗi và sự xấu xa của chúng hơn là khi không để ý gì đến những điều nội tâm. [6]Lúc này nhờ có sự hiểu biết và lòng ăn năn đau đớn về tội lỗi như thế, người ta được ích lợi và công phúc nhiều hơn là đã có được trước đây.	[5]*Lợi ích thứ hai*: trong các cuộc Linh Thao này, ta có được sự hiểu biết thâm sâu về các tội lỗi và về các sự xấu xa của chúng hơn là khi ta không dấn thân như thế vào những điều nội tâm; [6]khi đạt đến một sự hiểu biết và thống hối mãnh liệt hơn như thế vào lúc này về các tội lỗi của mình, ta sẽ tìm được công phúc và lợi ích nhiều hơn là trước đây ta không có.	[5]*Thứ hai*: bản chất và sự xấu xa của tội lỗi một khi được dò xét một cách rõ ràng hơn nhiều so với trước đây, nhờ việc thao luyện thiêng liêng [6]người ấy sẽ rút ra càng nhiều ích lợi và công phúc hơn.
[7]*Ích lợi thứ ba*: tiếp theo, khi đã xưng tội cách tốt đẹp hơn và được chuẩn bị đầy đủ hơn, người ta cảm thấy mình	[7]*Lợi ích thứ ba*: người xưng tội và chuẩn bị tốt hơn sẽ được thuận tiện và sẵn lòng tốt hơn để đón nhận Bí Tích Thánh	[7]*Thứ ba*: hiển nhiên là một người đã xưng tội và chuẩn bị tốt như thế thì sẵn sàng hơn để Rước Lễ, một việc [8]giúp ích

lời nói và việc làm (32-42) mà ba bản văn đều không mô tả đầy đủ và chính xác.

A.II.4. XƯNG TỘI CHUNG VÀ RƯỚC LỄ (44)

Xưng tội chung không phải là một điều bắt buộc, nhưng là một việc làm tự nguyện (44^2). Sau khi thánh I-nhã nêu lên những lợi ích của nó, ngài khuyên thao viên nên thực hiện việc này vào thời điểm kết thúc những cuộc thao luyện của tuần thứ nhất (44^9). Trong số những ích lợi của việc xưng tội chung, thánh I-nhã ghi nhận ba ích lợi chính yếu sau đây:

- Thứ nhất: gặt hái công phúc và ích lợi nhiều hơn nhờ vào sự thống hối hiện tại mãnh liệt hơn về tất cả tội lỗi và mọi hành động xấu xa trong quá khứ.
- Thứ hai: rút được nhiều ích lợi và công phúc hơn vì có được sự hiểu biết và thống hối về tội lỗi hơn là trước đây vốn không để ý đến.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
được thêm xứng đáng và sẵn sàng hơn để lãnh Bí Tích Thánh Thể, [8]là Bí Tích mà khi lãnh nhận, không những giúp ta khỏi sa ngã phạm tội, mà còn giúp duy trì sự lớn lên của ân sủng.	Thể, [8]là Bí Tích mà việc lãnh nhận không chỉ giúp khỏi sa ngã vào tội lỗi, mà còn giúp duy trì và lớn lên trong ân sủng.	một cách đáng kể để xua đuổi tội lỗi và duy trì và gia tăng ơn sủng đã nhận lãnh.
[9]Việc xưng tội chung này nên làm ngay sau các cuộc thao luyện của tuần thứ nhất.	[9]Và việc xưng tội chung này sẽ được thực hiện cách tốt hơn ngay sau các cuộc thao luyện của tuần thứ nhất.	[9]Ngoài ra việc xưng tội chung này sẽ thích hợp đặc biệt sau những cuộc thao luyện của tuần lễ thứ nhất.

- Thứ ba: nhờ việc xưng tội tốt hơn, ta xứng đáng hơn để lãnh nhận bí tích Thánh Thể vốn không chỉ giúp khỏi sa ngã vào tội lỗi mà còn giúp duy trì và gia tăng ơn sủng đã lãnh nhận.

KẾT LUẬN: Dưới ánh sáng của Nguyên Lý và Nền Tảng (23), các bài thao luyện thực hành cá nhân gồm: việc xét mình riêng (24-31), xét mình chung (32-42), xét mình hằng ngày (43) và việc xưng tội chung và rước lễ (44) sẽ được kết hợp với những cuộc thao luyện thuộc mặc khải về tội lỗi (45-72) để dẫn đến một kinh nghiệm về ơn tha thứ của Thiên Chúa nơi bản thân thao viên. Sau khi khám phá chân tướng của mình ở ý thức, tức một tội lỗi chính yếu và ở vô thức, tức một nết xấu chủ đạo, thao viên bắt đầu thực hiện việc sửa chữa và loại trừ tội riêng và nết xấu chủ đạo ấy qua việc xét mình riêng (24-31/90).

Nhóm những bài thao luyện thực hành cá nhân này làm thành một đơn vị được đặt lên đầu vì nó kết hợp với nhóm những bài suy gẫm mặc khải ở sau theo hướng đảo lộn với các tuần còn lại. Vì khởi từ tuần hai của các tuần còn lại, nhóm chiêm niệm mặc khải (101; 110; 132; 134; 158; 161) được đặt lên trước nhóm thực hành cá nhân: dẫn nhập việc chọn lựa bậc sống của (169-1174) và các thì của việc chọn lựa (175-183). Bộ qui tắc chọn lựa theo cách hai của thì ba thuộc về nhóm này. Vì nó là thành phần của ba thì chọn lựa.

Điều này bộc lộ sự phân biệt hai giai đoạn của cuộc thao luyện: đời sống thanh luyện và soi sáng, đồng thời chứng minh ba tuần sau chỉ thuộc về một giai đoạn duy nhất. Vì ở Tuần Ba và Bốn, thao viên sống việc đào luyện dưới ánh sáng bài Lời Gọi Vua Hằng Sống như Tuần hai, và rồi cũng thế, nhóm chiêm niệm mặc khải (190; 200; 208 / 218) đặt ở trước nhóm thực hành với những bộ qui tắc khác nhau (210-217 / 313-370).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
45. [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ NHẤT LÀ MỘT BÀI SUY GẪM [~~CỦA~~] ***BẰNG*** BA TÀI NĂNG VỀ TỘI THỨ NHẤT, THỨ HAI VÀ THỨ BA. [2]CUỘC THAO LUYỆN NÀY GỒM: KINH DỌN LÒNG, HAI TIỀN NGUYỆN VÀ BA ĐIỂM CHÍNH VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.	**45.** [1]CUỘC THAO LUYỆN ĐẦU TIÊN LÀ BÀI SUY GẪM CỦA BA TÀI NĂNG LINH HỒN VỀ TỘI THỨ NHẤT, THỨ HAI VÀ THỨ BA. [2]SAU KINH DỌN LÒNG, CUỘC THAO LUYỆN GỒM HAI MỞ ĐẦU, BA ĐIỂM CHÍNH VỚI MỘT CUỘC TÂM SỰ.	**45.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ NHẤT LÀ SUY GẪM THEO BA TÀI NĂNG CỦA LINH HỒN VỀ BA TỘI. [2]CUỘC THAO LUYỆN GỒM KINH DỌN LÒNG, HAI MỞ ĐẦU VÀ BA ĐIỂM CHÍNH CÙNG VỚI MỘT CUỘC TÂM SỰ.

B. NHỮNG CUỘC THAO LUYỆN THEO MẶC KHẢI (45-72)

Những cuộc thao luyện này thuộc phạm vi của đời sống thanh luyện (10^3) nơi đó những bài được đề nghị đều thuộc lãnh vực luân lý nhờ soi chiếu vào Nguyên Lý và Nền Tảng thuộc bình diện nhân bản (23). Thánh I-nhã gọi đây là những bài suy gẫm vì thao viên phải vận dụng ba tài năng linh hồn để cầu nguyện: trí nhớ, trí hiểu và ý chí, nghĩa là với cách cầu nguyện này, thao viên gặp gỡ Thiên Chúa chính yếu ngang qua ba tài năng trên. Trong tuần một này thánh I-nhã đưa ra năm bài làm mẫu của một ngày thao luyện.

B.I.(1) CUỘC THAO LUYỆN THỨ NHẤT: SUY GẪM VỀ BA TỘI (45-54)

Ngay ở bài thao luyện đầu tiên của bản A, thánh I-nhã đã sửa đổi đề tài: "Bài suy gẫm của ba tài năng" được ngài sửa thành "Bài suy gẫm bằng ba tài năng". Bản P viết theo hướng của bản A khi chưa sửa, còn bản V khi đã sửa rồi (45^{1a}). Nội dung bài suy gẫm này nói về ba tội mà cấu trúc của nó gồm kinh dọn lòng, hai tiền nguyện hay mở đầu, ba điểm cầu nguyện và một cuộc tâm sự.

Vì đây là một bài thao luyện mẫu cho mọi bài nên thánh I-nhã đưa ra những giải thích tỉ mỉ về ý nghĩa cũng như cách thực hành về từng yếu tố của bài thao luyện. Có thể nói, thánh I-nhã xuất hiện trong cuộc Linh Thao này như một người hướng dẫn với khí cụ giải thích tức thời (47-48; 49...); còn mười điều phụ thêm là khí cụ thuộc tuần một (73-90) đối lại với các bộ ghi chú thuộc những tuần khác (127-131; 204-207; 226-229...). Những bộ quy tắc thuộc toàn cuộc Linh Thao và hậu Linh Thao (184-188; 210-217; 313-370...) không có trong tuần thao luyện này.

1/ Kinh dọn lòng (46)

Một điều rất rõ: trong Linh Thao, kinh dọn lòng được đặt trên đầu tất cả mọi bài suy gẫm (46^1; 55^2; 136^2; 149^2...) và chiêm niệm (91^2; 101^2...). Nội dung của nó

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
46. <u>*Kinh dọn lòng*</u>. Cốt xin Thiên Chúa ơn sủng để tất cả ý hướng, hành vi và hoạt động của tôi chỉ quy hướng về việc phụng sự và ca tụng Chúa Chí Tôn	**46.** <u>*Trong kinh dọn lòng*</u>. Phải xin Chúa ân sủng để mọi ý hướng và hành động của tôi hoàn toàn quy về việc phụng sự và ca tụng Chúa Chí Tôn.	**46.** <u>*Kinh dọn lòng*</u>. Chúng ta xin với Thiên Chúa ơn sủng cho tất cả sức lực và hoạt động của chúng ta thực sự hướng về việc làm vinh danh và phụng sự Người.
47. [1]<u>*Tiền nguyện thứ nhất.*</u> Là việc đặt khung cảnh, bằng cách nhìn xem nơi chốn. [2]Ở đây nên chú ý rằng trong khi chiêm niệm hay suy gẫm những gì hữu hình, thí dụ chiêm niệm Đức Ki-tô là Đấng hữu hình, [3]đặt khung cảnh là lấy con mắt tưởng tượng xem thấy nơi chốn cụ thể bằng cách đặt trước mắt	**47.** [1]<u>*Mở đầu thứ nhất*</u>. Là đặt khung cảnh: [2]phải chú ý về vấn đề này rằng trong việc chiêm niệm hay suy gẫm về điều hữu hình như việc chiêm ngắm Đức Ki-tô, Chúa chúng ta vốn hữu hình, [3]việc đặt khung cảnh là xem thấy bằng mắt tưởng tượng nơi chốn cụ thể ở đó điều phải chiêm niệm được diễn ra; [4]như một	**47.** [1]<u>*Mở đầu thứ nhất*</u>. Là một cách thức đặt khung cảnh nào đó. [2]Để làm điều này, phải chú ý rằng mọi việc suy gẫm hoặc chiêm niệm đều hướng về một thực tại cụ thể, thí dụ về Đức Ki-tô, [3]lấy con mắt tưởng tượng, chúng ta phải hình dung một nơi chốn cụ thể bằng cách đặt trước mắt chúng

chính là một tóm kết nội dung của "Nguyên Lý và Nền Tảng" (23). Các bản văn có đôi chút khác biệt, nhưng tựu trung là lời xin ơn để chủ thể qui trọn vẹn và toàn thể con người mình về việc làm vinh danh Chúa, Đấng là cứu cánh của họ.

Khi đặt Nguyên Lý và Nền Tảng lên đầu các cuộc thao luyện và không thay đổi (49), thánh I-nhã cho thấy nó là gương soi để thao viên xem thấy và hoàn thiện mình nhờ ơn Chúa trong hành trình thao luyện của tuần một về đời sống luân lý. Thế rồi, Nguyên lý nền tảng có tính tự nhiên này sẽ mở ra với cấp độ siêu nhiên (91-98) để họ bước theo làm môn đệ Chúa Kitô đến mức độ thành toàn cũng nhờ ơn Chúa.

2/ Tiền nguyện một: đặt khung cảnh (47)

Các bản văn không thống nhất về tên gọi của hai bước sau kinh dọn lòng và trước các điểm này. Bản A thống nhất từ đầu đến cuối gọi là những "tiền nguyện". Ngược lại bản V gọi là những "mở đầu". Hình như bản P đóng vai trò trung gian giữa hai bản văn trên, vì có lúc gọi là "mở đầu" (47^{1} ; 48^{1}), có lúc lại gọi là "tiền nguyện" ($55^{3.4}$). Dầu thế, nội dung của chúng vẫn là một.

Tiền nguyện thứ nhất và thứ hai xác định chính chủ đề mỗi cuộc thao luyện. Tiền nguyện thứ nhất này có thể giữ nguyên (47 và 55) hoặc có thể thay đổi (103 và 112) và liên kết với tiền nguyện thứ hai làm nên chủ đề để xác định sự vận

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
điều tôi muốn chiêm ngắm diễn ra. [4]Tôi nói nơi chốn cụ thể, chẳng hạn một đền thờ hay một quả núi mà Chúa Ki-tô hay Đức Mẹ ở đó, tùy theo điều tôi muốn chiêm niệm. [5]Trong việc chiêm niệm những điều vô hình, chẳng hạn ở đây, về tội lỗi, đặt khung cảnh là lấy con mắt tưởng tượng xem thấy và suy xét linh hồn tôi bị giam cầm trong thân xác hay hư nát này và [6]tất cả hợp thể ở trong thung lũng này như bị đày ải giữa các thú vật vô tri vô giác. Tôi nói: tất cả hợp thể linh hồn và thể xác.	đền thờ hay một quả núi nơi Chúa Ki-tô, Chúa chúng ta ở đó. [5]Nhưng trong việc chiêm niệm về điều vô hình, như về tội lỗi, việc đặt khung cảnh là lấy cái nhìn tưởng tượng xem thấy linh hồn trong thân xác hư nát như bị nhốt kín trong ngục tù, [6]và tất cả hợp thể hồn lẫn xác bị nhốt kín trong thung lũng khốn khổ này, bị đày ải giữa các thú vật vô tri vô giác.	ta điều mà chúng ta chiêm niệm, [4]như một đền thờ hay một quả núi, nơi chúng ta tìm thấy Đức Ki-tô hay Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, và tất cả những điều liên quan đến đề tài chúng ta chiêm niệm. [5]Nếu ngược lại đây là một thực tại tinh thần được đặt ra cho việc suy nghĩ, như việc xem xét các tội lỗi được đề ra vào lúc này, việc đặt khung cảnh là, bằng sự tưởng tượng, chúng ta thấy rõ linh hồn ở trong thân xác hư nát này như đang bị nhốt trong một ngục tù, [6]và cả con người ở trong thung lũng khốn khổ này, sống đày ải giữa các dã thú vô tri vô giác.

---

hành của các cuộc thao luyện trong từng bài, từng ngày và từng giai đoạn.

Việc làm của tiền nguyện thứ nhất là đặt khung cảnh. Bản A gọi là "việc đặt khung cảnh bằng cách nhìn xem nơi chốn"; bản P gọi đơn giản là "đặt khung cảnh". Còn bản V nói: "một cách thức nào đó để đặt khung cảnh". Các ý niệm trên không có nghĩa là nhằm tái tạo một biến cố hay một sự kiện nơi đó chủ thể đứng ở ngoài cuộc. Đúng hơn, đó là nỗ lực hiện tại hoá một biến cố hay một mầu nhiệm mà chính chủ thể hiện diện trong đó và là thành phần của biến cố hay mầu nhiệm đó. Điều này cho phép chủ thể không chỉ tập trung vào chủ đề của cuộc thao luyện, mà còn rút tỉa được kinh nghiệm vì họ sống chính mầu nhiệm đó trong chiều sâu của cảm nghiệm.

Thánh I-nhã phân biệt hai loại khung cảnh: Loại thứ nhất có tính hữu hình vốn được diễn ra ở một nơi chốn cụ thể, còn loại thứ hai thuộc bình diện vô hình của những thực tại đức tin. Cả hai đều dẫn đến chỗ chủ thể hiện diện và sống mầu nhiệm một cách sống động: Giáng Sinh (114), tội lỗi (47[5-6]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
48. [1]*Thứ hai*. Là xin Thiên Chúa điều tôi muốn và ước ao. [2]Điều cầu xin phải hợp với đề tài được đề ra, nghĩa là nếu khi việc chiêm niệm nhằm vào Mầu Nhiệm Phục Sinh, thì xin được vui mừng với Chúa Ki-tô vui mừng, [3]nếu chiêm niệm nhằm vào sự Thương Khó thì phải xin ơn đau khổ, khóc lóc và đau buồn với Chúa Ki-tô đau khổ. [4]Ở đây phải cầu xin được lòng hổ thẹn và ngượng ngùng với chính mình khi xem thấy bao nhiêu người đã bị phạt trong hỏa ngục chỉ vì một tội trọng, [5]thế mà tôi, biết bao lần đáng bị phạt đời đời vì bấy nhiêu tội tôi đã phạm.	**48.** [1]*Mở đầu thứ hai*. Là xin Thiên Chúa, Chúa chúng ta điều tôi tìm kiếm và ước ao, [2]và điều cầu xin phải tương ứng với đề tài được đề ra, nghĩa là nếu việc chiêm niệm đề cập về Mầu Nhiệm Phục Sinh, phải xin sự vui mừng với Chúa Ki-tô tràn ngập niềm vui; [3]Nếu việc chiêm niệm đề cập về Cuộc Khổ Nạn, phải xin ơn nước mắt, đau khổ và đau buồn với Chúa Ki-tô đau buồn; [4]Ở đây, phải xin được lòng hổ thẹn và ngượng ngùng với chính mình, khi suy xét rằng, ***có lẽ*** rất nhiều người đã bị phạt chỉ vì một tội trọng, [5]mà biết bao lần tôi đã đáng bị phạt đời đời vì bấy nhiêu tội của tôi.	**48.** [1]*Mở đầu thứ hai*. Là xin với Thiên Chúa điều tôi ước muốn, [2]theo đề tài của việc chiêm niệm được đề ra. Như vậy, nếu phải suy gẫm về sự phục sinh của Đức Ki-tô, phải xin cho được có niềm hoan hỉ nhờ đó tôi được vui mừng với Đức Ki-tô vui mừng; [3]nếu ngược lại, đó là Cuộc Khổ Nạn, tôi sẽ xin được chảy nước mắt, đau khổ và đau buồn để chịu đau khổ với Đức Ki-tô đau khổ. [4]Vì thế trong việc suy gẫm hiện thời, tôi phải nài xin lòng hổ thẹn và ngượng ngùng với chính mình, khi suy xét thấy biết bao người đã bị phạt vì chỉ một tội trọng duy nhất, [5]còn tôi, với biết bao lần phạm tội, tôi đã đáng chịu sự luận phạt như thế.

3/ Tiền nguyện thứ hai: xin ơn (48)

Thánh I-nhã gọi việc xin ơn bằng thành ngữ "xin điều tôi muốn" (id quod volo). Thế nhưng đó không phải là xin bất cứ điều gì. Ngài đòi buộc điều mình xin phải phù hợp hay tương ứng với đề tài cầu nguyện. Vì thế chính ơn xin xác định bước tiến của từng cuộc thao luyện trong sự vận hành của từng giai đoạn hay của toàn bộ cuộc Linh Thao.

Ơn xin của bài suy gẫm thứ nhất này nhằm cho thao viên được sự hổ thẹn và ngượng ngùng, một sự lúng túng và ngạc nhiên trước tình thương Thiên Chúa dành cho mình. Vì lẽ Ngài đã đối xử cách công bằng với những người khác, nhưng lại không xử như thế đối với mình. Nghĩa là Ngài tỏ lòng yêu thương, khoan thứ, và kiên nhẫn vô cùng đối với mình trong khi nhiều người khác đã bị phạt chỉ vì một tội trọng. Cha Polanco thêm vào bản P từ ngữ "có lẽ" để tương

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
49. *(Giải thích)* Trước mỗi lần chiêm niệm hay suy gẫm, bao giờ cũng phải đọc kinh dọn lòng mà không thay đổi và hai tiền nguyện như đã đề cập, thỉnh thoảng có sự thay đổi tùy theo đề tài được đề ra.	**49.** *(Giải thích)* Trước mọi cuộc chiêm niệm hay suy gẫm, phải đọc kinh dọn lòng như đã đề cập ở trên mà không thay đổi, và làm hai mở đầu đã ghi nhận mà đôi khi thay đổi tùy theo đề tài được đề nghị.	**49.** *(Giải thích)* Cần phải chú ý điều này rằng tất cả những bài suy gẫm hay chiêm niệm phải được khởi đi trước hết bằng kinh dọn lòng và bằng hai mở đầu; nhưng kinh nguyện luôn được làm cùng một cách, còn các mở đầu thay đổi tùy theo sự thay đổi của các sự việc.
50. [1]*Điểm thứ nhất* là việc áp dụng trí nhớ về tội đầu tiên, tội của các thiên thần, kế đó tập luyện bằng cách dùng trí hiểu để nghiền ngẫm đề tài, rồi dùng đến ý chí. [2]Tìm cách nhớ lại và thấu hiểu tất cả những điều đó để hổ thẹn hơn và ngượng ngùng hơn. [3]Làm việc so sánh giữa một tội độc nhất của các thiên thần với những tội	**50.** [1]*Điểm thứ nhất* là thao luyện trí nhớ về tội thứ nhất, nghĩa là tội các thiên thần; và thao luyện trí hiểu về cùng tội này bằng cách nghiền ngẫm đề tài và sau đó là bằng ý chí; [2]Về phần mình, bằng việc nhắc lại cho mình và hiểu thấu điều đó để có sự hổ thẹn hơn và ngượng ngùng mãnh liệt hơn: [3]so sánh những	**50.** [1]*Điểm thứ nhất*, là việc thao luyện trí nhớ của tôi về tội thứ nhất của mọi tội lỗi, vốn bị lỗi phạm bởi các thiên thần; lập tức tôi áp dụng việc nghiền ngẫm của trí hiểu và sự chuyển động của ý chí; [2]bằng cách thúc giục tôi nhìn lại và hiểu thấu đáo những điều này, qua đó tôi phải xấu hổ và ngượng ngùng. [3]Bằng

đối hoá việc lượng định, nhưng lại không dám làm thế đối với bản V (48[4]).

4/ Các điểm cầu nguyện (50-52)

Các điểm cầu nguyện của bài thao luyện này thuộc về phạm vi việc suy gẫm mặc khải, vì nó cho phép chúng ta gặp gỡ Thiên Chúa ngang qua những tài năng linh hồn dưới ánh sáng mặc khải. Thánh I-nhã xác định hai tài năng chính yếu dành vào những cuộc thao luyện là trí hiểu và ý chí (3[1]). Thế nhưng trong những bài suy gẫm về tội, ngài còn thêm một tài năng khác: trí nhớ.

Tại sao thêm tài năng này? Như chúng ta đã đề cập, Nguyên Lý và Nền Tảng được coi như định đề và gương soi cho mọi tiến trình thao luyện. Gương soi ấy sẽ chiếu vào đời sống thao viên trong tuần một ngang qua những nguyên tắc luân lý để họ có thể nhận biết mình. Thế nhưng để có thể nhận ra mình, họ không có một hành trang nào ngoài cuộc sống quá khứ của chính mình. Vì thế trí nhớ là tài

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vô vàn vô số của tôi; trong khi các thiên thần đã phải sa vào hoả ngục chỉ vì một tội, còn tôi, biết bao lần đã chẳng đáng bị phạt như thế vì bấy nhiêu tội tôi ư? [4]Tôi nói: Ghi nhớ tội của các thiên thần, nghĩa là một khi đã được dựng nên trong ân sủng và đã không muốn dùng tự do của mình để tôn kính và phục tùng Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, [5]bằng cách nào họ đã trở nên kiêu ngạo, đã bước từ ân sủng sang sự ác và đã bị xua đuổi từ thiên đàng xuống hoả ngục. [6]Đoạn dùng trí khôn để nghiền ngẫm đề tài một cách chi tiết hơn, rồi dùng ý chí để đánh động những cảm xúc của mình hơn.	tội của tôi quá nhiều và quá nặng nề với một tội duy nhất của các thiên thần. Xét xem tôi đã biết bao lần đáng bị phạt sa hỏa ngục vì các lỗi lầm đó, vì các thiên thần đã bị sa hỏa ngục chỉ vì một tội duy nhất mà thôi. [4]Về việc nhớ lại tội các thiên thần, ta phải nhắc lại rằng, một khi họ đã được tạo dựng nên trong ân sủng nhưng đã không muốn cộng tác với ân sủng ấy bằng sự tự do của mình để tôn kính và vâng phục Đấng Tạo Hóa và Chúa của họ, [5]bị lôi kéo vào trong sự kiêu ngạo, họ sa ngã từ ân sủng vào trong sự gian ác và bị xua đuổi từ trời xuống hỏa ngục; [6]và tiếp đến nghiền ngẫm đề tài	việc so sánh tội duy nhất của các thiên thần với vô số tội của tôi; tôi dễ dàng suy ra rằng, trong khi các thiên thần đã bị luận phạt xuống hỏa ngục chỉ vì một tội, còn biết bao lần chính tôi đã xứng đáng lãnh nhận cùng một nhục hình, [4]Do đó chúng ta nói rằng phải ghi nhớ trong trí nhớ xem bằng cách nào các thiên thần, trước hết đã được tạo dựng nên trong tình trạng ơn sủng, nhưng (điều này cần thiết cho việc kiện toàn hạnh phúc của họ) vì quyền tự do của họ, đã không muốn tôn kính và vâng phục Đấng Tạo Hóa của mình, [5]và khi nổi lên chống đối Ngài một cách ngạo mạn, đã bước từ ơn sủng đến sự xấu xa và bị

năng cần được vận dụng để họ đối chiếu đời mình vào những đòi hỏi của qui luật luân lý mà tìm ra chân tướng đích thực về con người cũ của mình.

Trong bài suy gẫm thứ nhất này, cả ba tài năng đều được vận dụng trong các điểm và tiến trình vận dụng cốt để vận chuyển thân phận tội lỗi từ tha thể đênến chủ thể. Quả thế, thực tại bên ngoài ban đầu xem ra có vẻ xa lạ với chủ thể: tội các của thiên thần, của Ađam và Eva và của một ai đó.

Trí nhớ cho thấy các thiên thần, vì một tội kiêu ngạo duy nhất đã đánh mất đời sống ân sủng và phải sa hoả ngục (50^{4-5}) – Ađam và Eva đã chống lại lệnh truyền của Thiên Chúa một lần duy nhất khi ăn trái cây hiểu biết để rồi mất đi sự công chính nguyên thuỷ, sống trong gian lao, đền tội và làm cho tội lỗi xâm nhập vào nhân loại (51^{3-5}) – và một ai đó chỉ phạm một tội trọng mà đã bị Thiên Chúa phạt sa hoả ngục đời đời (52^{1}).

Trí khôn cho thấy sự kiêu ngạo chống lệnh truyền của Thiên Chúa là một sự xúc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	cách chi tiết hơn bằng trí hiểu và đánh động hơn nữa những tình cảm của ý chí.	xô đẩy từ trời xuống hỏa ngục. [6]Sau đó phải nghiền ngẫm đề tài này cách sâu sát hơn bằng việc sử dụng trí khôn và cũng thúc dục mãnh liệt hơn bằng cách khơi ra những cảm xúc của ý chí cùng một lúc.
51. [1]*Thứ hai*: cũng làm như thế, nghĩa là áp dụng ba tài năng (của linh hồn) vào tội Ađam và Eva; [2]ghi nhớ rằng chỉ vì một tội ấy, hai ông bà đã phải làm việc đền tội lâu dài như thế nào, và sự hư hỏng khủng khiếp biết bao đã đi vào nhân loại, cũng như biết bao nhiêu dân tộc đang đi lần xuống hỏa ngục. [3]Tôi nói: ghi nhớ tội thứ hai, tức là tội tổ tông chúng	**51.** [1]*Điểm thứ hai* là thực hiện cùng một điều như trước, nghĩa là thao luyện ba tài năng về tội Ađam và Evà; [2]bằng cách ghi nhớ ông bà đã phải làm việc đền tội lâu dài thế nào vì tội lỗi này và sự hư hỏng khủng khiếp biết mấy trong nhân loại là hậu quả từ đó, cũng như hàng triệu người đang rơi xuống hỏa ngục. [3]Tôi nói ghi nhớ tội thứ hai, nghĩa là tội của	**51.** [1]*Điểm thứ hai*, là thao luyện cả ba tài năng về tội lỗi của tổ tiên ban đầu (mà chúng ta gọi là tội thứ hai), [2]bằng cách ghi nhớ việc đền tội lâu dài biết bao mà các ngài đã phải làm vì tội lỗi này, sự hư hỏng khủng khiếp biết mấy đã xâm nhập vào nhân loại, cả hàng triệu con người đã bị ném vào hỏa ngục. [3]Vì thế phải nhớ lại Adam đã được dựng nên từ bùn đất

phạm vô cùng lớn. Bởi lẽ hậu quả mà những chủ thể phải chịu rất khủng khiếp: hoả ngục, sống trong gian lao và đền tội, bị phạt đời đời vì chống lại Thiên Chúa tốt lành (50^6; 51^6; 52^4).

Cuối cùng ý chí cho thấy những xúc phạm đó thật đáng ghê tởm và người ta cần phải tránh xa.

Thế nhưng lòng hổ thẹn và ngượng ngùng của ý chí xuất hiện khi những tài năng khác nối kết những người ấy vào "chính bản thân tôi": trí nhớ mách cho biết những nhân vật kia chỉ vì một tội duy nhất đã bị phạt (50^3; 51^2; 53^1) , trí hiểu đưa ra sự so sánh: còn tôi, tôi đã phạm vô vàn tội lỗi (50^3) và phạm một cách nặng nề hơn và nhiều lần hơn (52^1). Trong bản P và V, một lần nữa cha Polanco đã tương đối hoá việc nhận định về những lỗi phạm của người khác khi thêm từ ngữ "có lẽ" vào bản văn (52^1). Ngài cũng làm như thế khi thêm trạng từ "rất" vào cụm từ "nhiều người đã có thể bị xô đẩy xuống hỏa ngục" ở bản V (52^1).

Đây là tâm trạng hổ thẹn và ngượng ngùng của một sự ngạc nhiên, một sự phát

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ta: sau khi ông Ađam đã được dựng nên trong cánh đồng Damas và được đặt vào trong vườn địa đàng, và sau khi Eva được dựng nên bởi xương sườn của ông, [4]hai ông bà đã được lệnh cấm không được ăn trái cây của sự hiểu biết, nhưng ông bà đã ăn và như thế đã phạm tội. [5]Sau đó, được mặc áo da thú, và bị đuổi ra khỏi địa đàng, mất sự công chính nguyên thủy vì mình đã đánh mất, hai ông bà sống suốt đời với vô số gian lao và phải làm việc hãm mình đền tội nặng nề. [6]Sau đó, nghiền ngẫm bằng trí khôn, cách đặc biệt hơn, dùng ý chí như đã nói.	tổ tông chúng ta, nhớ lại khi Adam đã được tạo dựng trong cánh đồng Damas và được đặt vào trong vườn địa đàng thế nào, và sau đó Eva được dựng nên từ cạnh sườn của ông. [4]Sau lệnh cấm ăn trái cây hiểu biết, các ngài đã ăn và như thế đã phạm tội; [5]một khi bị xua đuổi ra khỏi vườn địa đàng và mặc áo da thú, các ngài sống suốt đời mà không có sự công chính nguyên thủy, trong nhiều thử thách với việc đền tội nặng nề. [6]Tiếp theo phải nghiền ngẫm cách tỉ mỉ bằng trí hiểu cũng như sử dụng cả ý chí như đã được nói đến.	trong cánh đồng Damas và được đặt vào trong vườn địa đàng, và Eva được hình thành từ một trong các xương sườn của ông; [4]Khi các ngài đã bị cấm ăn trái cây biết thiện ác, nhưng các ngài đã ăn; [5]Sau khi phạm tội, các ngài bị xua đuổi ra khỏi vườn, được mặc quần áo bằng da thú và bị tước đi sự công chính nguyên thủy; các ngài sống cuộc đời còn lại bằng việc đền tội với những thử thách và đau khổ khủng khiếp biết mấy. [6]Cũng về điều đó, ta sẽ phải sử dụng việc suy gẫm của trí khôn và cảm xúc của ý chí như trên.
52. [1]*Thứ ba*: cũng làm như thế về tội thứ ba, tội riêng của bất kỳ ai, chỉ vì một tội trọng đã phải sa	**52.** [1]*Điểm thứ ba* là làm cùng một điều về tội thứ ba, tội của một ai đó bị phạt ***có lẽ chỉ vì một***	**52.** [1]*Điểm Thứ ba* là để ta thao luyện cùng một cách thức về bất cứ một tội trọng và riêng tư nào

hiện ra cách hành xử của Thiên Chúa tình yêu dành cho mình quá lạ thường. Vì Ngài đã không xử phạt tôi như đã xử với các thiên thần, với Ađam và Eva hoặc với bất cứ một ai. Tôi chân nhận rằng chỉ có tình yêu mới có thể lý giải được lý do tôi vẫn còn được sống. Chỉ có lòng khoan dung vô bờ bến của Thiên Chúa mới có thể tha chết cho tôi. Chỉ nhờ vào sự kiên nhẫn vô điều kiện, Thiên Chúa mới dám đặt hy vọng vào sự hoán cải của tôi. Chính sự hổ thẹn và ngượng ngùng này thúc bách tôi tâm sự với Chúa.

5/ Cuộc tâm sự (53)

Thánh I-nhã đề nghị thao viên kết thúc bài suy gẫm hay chiêm niệm bằng một cuộc tâm sự. Ngài đưa ra ba hình thức tâm sự chính: với Đức Ki-tô (53; 98; 198; 204), với Thiên Chúa (61; 234[10]), dưới hình thức trung giạn (63; 109; 147; 156;

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vào hoả ngục; và của nhiều người khác kể chẳng xiết, cũng đã sa vào hỏa ngục vì những tội còn ít hơn tội tôi đã phạm. [2]Tôi nói: cũng làm như thế về tội riêng thứ ba, tức ghi nhớ trong trí sự nặng nề xấu xa của tội phạm chống lại Chúa là Đấng Tạo Hóa và Chúa mình; [3]lấy trí khôn nghiền ngẫm đề tài: một khi phạm tội và hành động phản lại Đấng Tốt Lành vô cùng, người đó đã bị phạt đời đời cách thích đáng như thế nào, và kết thúc bằng cách dùng ý chí như đã nói trên.	***tội trọng***, và tội của vô số những người khác, bị phạt vì mắc ít tội hơn tôi. [2]Tôi nói làm cùng một điều về tội thứ ba, bằng cách ghi nhớ sự trầm trọng và ác hại của tội chống lại Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, [3]trong khi nghiền ngẫm đề tài bằng trí hiểu: một khi phạm tội và hành động chống lại Đấng Tốt Lành vô biên, người ta đáng bị phạt muôn đời là điều chính đáng biết mấy. Và sau cùng kết thúc bằng các hành vi của ý chí.	(chúng ta sẽ gọi đó là tội thứ ba để phân biệt với hai tội đã được kể đến ở trên), bằng việc suy xét rằng vì một tội như thế, cho dù mắc phạm chỉ một lần, ***rất*** nhiều người đã có thể bị xô đẩy xuống hỏa ngục, và ngoài ra kể cả vô số người, vì những lỗi lầm ít hơn và nhẹ hơn những lỗi lầm của tôi, ***có lẽ*** đã phải chịu hình khổ bởi sự đau khổ muôn đời. [2]Sau đó sẽ phải ghi nhớ tội lỗi chống lại Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa và Chúa mọi sự thì trầm trọng và xấu xa biết mấy. [3]Cũng phải suy luận rằng : hình khổ phải chịu muôn đời bởi tội lỗi thật là hợp lý, vì nó vi phạm chống lại lòng nhân từ vô biên của Thiên Chúa. Sau cùng phải thúc giục cảm xúc như đã nói.
53. [1]Trong khi tưởng tượng Đức Ki-tô Chúa chúng ta ở trước mặt tôi và Ngài chịu treo trên Thánh Giá, tôi làm <u>cuộc</u>	**53.** [1]Sau cùng làm một <u>cuộc tâm sự</u>: tưởng tượng Đức Ki-tô là Chúa ở trước tôi, đang bị treo trên Thánh Giá, suy xét	**53.** [1]<u>*Cuộc tâm sự*</u> sẽ được làm bằng cách tưởng tượng Đức Giê-su Ki-tô ở trước mặt tôi,

168) hoặc tuỳ chọn một hay nhiều cuộc tâm sự (225).

Ngay sau cuộc tâm sự, thánh I-nhã giải thích ý nghĩa của nó vốn so sánh như cuộc đối thoại liên vị giữa hai người bạn với nhau hoặc như một người tôi tớ với chủ mình để bày tỏ nỗi niềm: xin ơn, xưng thú, xin trợ giúp... (54).

Trong cuộc tâm sự này, thánh I-nhã hướng thao viên về với Đức Ki-tô treo trên thập giá để họ đọc ra tình yêu Thiên Chúa dành cho họ và để họ thân thưa với

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tâm sự cùng Ngài: vì đâu từ một Đấng Tạo Hóa, Chúa đã xuống thế làm người, từ cuộc sống vĩnh cửu, Chúa đã nhận cái chết phàm trần và chết như thế vì tội lỗi tôi. [2]Cũng nhìn ngắm chính mình tôi: tôi đã làm gì cho Đức Ki-tô? Tôi đang làm gì cho Đức Ki-tô? Và tôi phải làm gì cho Đức Ki-tô? [3]Cuối cùng xem thấy Chúa, đang bị treo như thế trên Thánh Giá và nghiền ngẫm những điều hiện đến trong tôi.	xem vì sao Đấng Tạo Hóa đã hủy mình ra không đến nỗi làm người và, Ngài hằng hữu đã muốn chết ở trần gian vì tội của tôi. [2]Sau đó suy xét đến chính bản thân tôi: tôi đã làm gì cho Đức Ki-tô, tôi đang làm gì và tôi phải làm gì? [3]Và như thế đang khi xem thấy Ngài treo trên Thánh Giá, tôi suy gẫm mọi điều sẽ được bày ra.	Đấng bị treo trên thánh giá. Tôi cũng tự hỏi lý do tại sao mà Đấng Tạo Hóa vô biên đã muốn trở nên thụ tạo, và từ đời sống vĩnh cửu, đã muốn đón nhận cái chết phàm trần vì tội lỗi của tôi. [2]Ngoài ra, bằng cách đi vào tận sâu thẳm cõi lòng, tôi sẽ tra hỏi xem, cho đến bây giờ tôi đã làm điều gì cho Đức Ki-tô, Đấng còn muốn cho cuộc khổ nạn của mình phải tiếp tục được tái diễn lại, sau hết tự hỏi xem tôi đang làm gì hoặc tôi phải làm gì; [3]và bằng cách hướng cái nhìn vào Ngài bị treo trên Thánh Giá như thế, tôi sẽ thổ lộ những lời mà tâm trí và cảm xúc gợi ra.
54. *(Giải thích)* [1]Tâm sự chính là nói như một	**54.** *(Giải thích)* [1]Việc tâm sự được làm cách	**54.** *(Giải thích)* [1]Đặc điểm cuộc tâm sự được

Ngài. Chính trên thập giá, Đức Ki-tô biểu lộ trọn vẹn tình yêu Thiên Chúa. Câu hỏi: "Vì đâu" hay "vì sao" Ngài là Đấng Tạo Hoá đã phải làm người, Đấng vốn từ cõi hằng sống và là Đấng Hằng Sống đã lãnh nhận cái chết phàm trần vì "tội lỗi của tôi" (53[1]).

Mặc dù tình yêu Thiên Chúa nơi Đức Ki-tô xem ra chỉ đụng chạm đến "cái có" của thao viên, nhưng vì đây là "cái có" xấu xa, khốn nạn và đáng phải chết, nên việc Chúa chết thay để cứu sống họ lại tỏ lộ tình yêu đụng chạm đến "cái là". Hơn thế nữa đây không phải là ơn cứu sống của loài người mà là ơn cứu sống của Thiên Chúa vốn được trả giá bằng cái chết của chính Con Một Ngài.

Cũng chính trong cảm nghiệm sâu xa này mà thao viên phản tỉnh về mình để tự hỏi: "Tôi đã làm gì, tôi đang làm gì và tôi phải làm gì cho Đức Ki-tô" (53[2]), một sự phản tỉnh dựa trên nguyên lý của tình yêu. Bởi lẽ tình yêu mời gọi tình yêu để người được yêu tìm cách đáp lại tình yêu của người yêu cách cân xứng.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
người bạn nói với bạn mình hay như một người đầy tớ nói với chủ mình; [2]có khi xin một ơn nào đó, có khi xưng thú một điều xấu đã phạm, có khi tỏ bày việc của mình và xin chỉ bảo tùy theo đề tài đó. Và đọc Kinh Lạy Cha.	đặc biệt như thể một người bạn nói với một người bạn của mình, hay như một người tôi tớ với chủ mình, [2]có khi xin một ơn, có khi xưng thú một điều xấu đã phạm. Sau hết có khi tỏ bày việc của mình cho Chúa để xin chỉ bảo theo đề tài đó. Cuối cùng, hãy đọc Kinh Lạy Cha	thực hiện như cuộc đối thoại của người bạn với một người bạn hay của một người tôi tớ với chủ của mình; [2]có khi để nài xin một ơn sủng nào đó, có khi để xưng thú một lỗi lầm nào đó, có khi để tỏ bày những việc làm cá nhân nào đó và để xin lời chỉ bảo hay sự giúp đỡ về các việc làm đó. Sau cùng, ta đọc một Kinh Lạy Cha.
55. [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ HAI LÀ MỘT BÀI SUY GẪM VỀ CÁC TỘI LỖI, SAU KINH DỌN LÒNG VỚI HAI TIỀN NGUYỆN, GỒM CÓ NĂM ĐIỂM	**55.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ HAI DỰA VÀO VIỆC SUY GẪM CÁC TỘI. SAU KINH NGUYỆN DỌN LÒNG VÀ HAI TIỀN NGUYỆN, CUỘC THAO LUYỆN NÀY GỒM	**55.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ HAI LÀ MỘT BÀI SUY GẪM VỀ CÁC TỘI LỖI, NGOÀI KINH DỌN LÒNG VÀ HAI MỞ ĐẦU, BÀI GỒM NĂM ĐỀ MỤC HAY NĂM

Tóm lại, bài thao luyện cho ta một sự vận hành của tội lỗi từ ngoài vào trong ở đó thao viên bước từ sự hổ thẹn (48[4]; 50[1]) đến tình yêu cứu sống nhờ vào Đức Ki-tô (53[2]).

B.I.(2) CUỘC THAO LUYỆN THỨ HAI: VỀ CÁC TỘI LỖI (55-61)

1/ Nhận định tổng quát.

Cả ba bản văn đều có cùng một tên gọi chung cho bài suy gẫm thứ hai này: "Bài suy gẫm về các tội lỗi" (55[1]). Bài này có một số đặc điểm sau:

a/ Chân dung thánh I-nhã.

Trong bài thao luyện này, chúng ta không thấy thánh I-nhã xuất hiện như một "người hướng dẫn Linh Thao". Quả vậy, chúng ta không thấy bất cứ sự can thiệp nào của ngài ở đây: giải thích tức khắc (x. 47; 48) hay sau đó (x. 49; 54) như trong bài thao luyện thứ nhất. Điều này lý giải được vì thao viên đã bắt đầu làm quen với cấu trúc và sự vận hành cuộc thao luyện thánh I-nhã đã đề ra.

b/ Cấu trúc cuộc thao luyện.

Cấu trúc không đổi, vì vẫn có một kinh dọn lòng (55[2]), hai tiền nguyện (55[3-4]),

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.	NĂM ĐIỂM VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.	ĐIỂM VỚI MỘT TÂM SỰ Ở SAU CÙNG
[2]*Kinh dọn lòng* như trước đây.	[2]*Kinh dọn lòng*: là cùng một kinh dọn lòng đã được nói ở trên.	[2]*Kinh dọn lòng*: cùng một kinh dọn lòng ở trên
[3]*Tiền nguyện thứ nhất:* đặt khung cảnh như trước.	[3]*Tiền nguyện thứ nhất*: có cùng một việc đặt khung cảnh như đã được nói ở trên	[3]*Mở đầu thứ nhất*: đòi hỏi cùng một việc đặt khung cảnh như trong bài suy gẫm ở trên.
[4]*Tiền nguyện thứ hai:* xin điều tôi muốn. Ở đây là xin được lòng đau đớn sâu xa và mãnh liệt và chảy nước mắt ra vì những tội lỗi tôi.	[4]*Tiền nguyện thứ hai:* là xin ơn mà tôi ao ước; bây giờ là xin được sự đau đớn não nùng và mãnh liệt và nước mắt về những tội lỗi của tôi.	[4]*Thứ hai:* sẽ được thực hiện bằng cách xin điều chúng ta tìm kiếm, nghĩa là sự đau đớn mãnh liệt vì những tội lỗi và khóc lóc thảm thiết.
56. [1]*Điểm thứ nhất:* về diễn tiến các tội, nghĩa là ghi nhớ mọi tội đã phạm trong đời tôi bằng cách nhìn xem từng năm	**56.** [1]*Điểm thứ nhất:* liên quan đến một chuỗi các tội, bằng cách ghi nhớ mọi tội lỗi trong đời sống, qua việc nghiền	**56.** [1]*Điểm thứ nhất:* là một tiến trình nhờ đó ta ghi nhớ những tội của toàn thể đời mình, bằng cách rảo qua từng bước

các điểm gẫm (56-60) và một cuộc tâm sự (69). Tuy nhiên có một số điều chúng ta cần lưu ý:

- Trước hết về kinh dọn lòng, thánh I-nhã nói: đọc như trước (A), cùng một kinh như trước (P) hay cùng một kinh ở trên (V). Vì như chúng ta đã nói, kinh này được coi như một định đề cho đời sống thiêng liêng mà thánh I-nhã đặt trên đầu mỗi cuộc thao luyện, như gương soi vào cuộc sống thiêng liêng và kinh nguyện này không thay đổi trong tất cả các bài Linh Thao.
- Thứ đến về hai tiền nguyện. Có một tiền nguyện thay đổi và một không thay đổi. Tiền nguyện thứ nhất không thay đổi vì có cùng một chủ đề với cuộc thao luyện trước. Còn tiền nguyện thứ hai thay đổi do ơn xin, chúng ta sẽ bàn đến.
- Tiếp theo về các điểm. Thánh I-nhã vẫn trung thành với việc vận dụng ba tài năng linh hồn để thao luyện: trí nhớ (56), trí hiểu (57-60) và ý chí (60), nhưng được triển khai vào năm điểm thay vì ba điểm.
- Cuối cùng việc tâm sự không còn quy hướng về Đức Ki-tô trên thập giá, nhưng về chính Thiên Chúa (61).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hay từng thời kỳ một. [2]Có ba điều giúp ích cho việc đó: *Thứ nhất*: là nhìn lại những nơi chốn và nhà cửa tôi đã ở. *Thứ hai*: là nhìn lại những tiếp xúc, giao dịch tôi đã có với người khác; *Thứ ba*: nhìn lại những nghề nghiệp tôi đã sống.	ngẫm trong lòng từng năm hay từng giai đoạn. Có ba điều giúp đỡ cho việc này cách thích đáng: [2]*thứ nhất*, xét đến ngôi nhà hay nơi chốn tôi đã ở; *thứ hai*, đến những mối tương quan mà tôi đã có với những người khác; *thứ ba*, đến bậc sống trong đó tôi đã sống.	một và nghiền ngẫm từng năm và từng thời kỳ. Chúng ta được giúp đỡ trong việc suy xét này bằng ba cách thức đơn giản, nghĩa là: [2]suy xét những nơi chúng ta đã ở, những cách chúng ta đã đối xử và những loại phận vụ hoặc công việc khác nhau mà chúng ta đã hoàn thành.
57. <u>*Điểm thứ hai:*</u> cân nhắc các tội bằng cách nhìn xem sự xấu xa và độc hại mà mỗi tội trọng đã phạm chứa đựng những điều ấy, cho dù không bị cấm.	**57.** <u>*Điểm thứ hai:*</u> là cân nhắc các tội lỗi, bằng cách xét đến sự xấu xa và độc hại mà toàn thể tội trọng chứa đựng những điều ấy, cho dù nó không bị cấm.	**57.** <u>*Thứ hai:*</u> là để cân nhắc chính các tội: sự xấu xa và độc hại của mỗi tội lớn lao biết mấy vì bản chất riêng của chúng cho dù chúng không bị cấm.
58. [1]<u>*Điểm thứ ba:*</u> suy xét xem chính tôi, tôi là ai để nhận thấy mình càng lúc càng nhỏ bé hơn, ví dụ:	**58.** [1]<u>*Điểm thứ ba:*</u> là suy nghĩ xem tôi là ai, để chính tôi, nhận thấy mình càng lúc càng trở nên nhỏ bé hơn, nhờ sự giúp	**58.** [1]<u>*Thứ ba:*</u> là suy xét chính mình tôi: tôi là ai hoặc tôi thuộc loại người nào, bằng cách dùng các ví dụ vốn dẫn tôi đến

2/ Cách vận hành theo thánh I-nhã.

Có thể nói nếu cuộc thao luyện đầu tiên đề cập về tội lỗi từ tha thể đến chủ thể thì cuộc thao luyện thứ hai này khai triển tiến trình thấm sâu của tội lỗi từ ý thức vào vô thức cùng với viễn tượng tương lai của việc hoán cải. Chúng ta lưu ý một số đặc điểm sau:

a/ Các tiền nguyện (55[3-4]).

Tiền nguyện thứ nhất không thay đổi vì điểm nhắm vẫn tập trung vào chủ thể với hậu quả phải gánh chịu do tội lỗi (47[5-6]). Chỉ có điều chiều sâu của tội lỗi được khai triển (56-60).

Tiền nguyện thứ hai thay đổi và xác định rõ bình diện chiều sâu này. Bởi lẽ trong cuộc thao luyện thứ nhất, ơn xin là "được lòng hổ thẹn và ngượng ngùng" vì chủ thể phát hiện ra tình yêu thương của Thiên Chúa dành cho mình (48[4-5]). Một tác động tình yêu từ bên ngoài mời gọi chủ thể thay đổi cuộc sống để đáp lại tình

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Thứ nhất: chính tôi, tôi là ai, khi so sánh với mọi người; [2]*Thứ hai*: loài người là gì khi so sánh với các thiên thần và các thánh trên thiên đàng; [3]*Thứ ba*: nhìn xem cả thụ tạo là gì khi so sánh với Thiên Chúa; vậy thì tôi, chỉ một mình, tôi có thể là gì? [4]*Thứ bốn*: nhìn xem tất cả sự hư nát và xấu xa của thân xác tôi; [5]*Thứ năm*: nhìn xem tôi như là một vết thương và một ung nhọt, từ đó sinh ra biết bao tội lỗi cùng biết bao sự hung ác và là một chất độc quá kinh tởm dường ấy.	đỡ của các ví dụ: trước hết, tôi là gì so với tất cả mọi người; [2]tiếp theo, mọi người trên thế giới này là gì, so với tất cả các thiên thần và các thánh trên trời; [3]kế đến, suy nghĩ để thấy toàn thể thụ tạo là gì, so với Thiên Chúa: vì thế, một mình tôi, tôi sẽ là gì đâu? [4]Sau cùng suy nghĩ về sự hư nát và xấu xa của thân xác, [5]và xét đến chính mình như một vết thương và một ung nhọt nơi đó nhân bội lên biết bao tội lỗi và biết bao bất chính, và là một thứ chất độc khủng khiếp và ghê tởm dường ấy.	việc khinh chê mình mãnh liệt hơn, như phản tỉnh nơi chính mình để thấy tôi nhỏ bé biết bao, so với một đám đông tất cả mọi người; [2]tiếp theo, tất cả vô số con người là gì nếu so với tất cả các thiên thần và các chân phúc; [3]rồi quan sát đến toàn thể thụ tạo đối với chính Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa. Vì thế, tôi vốn chỉ là một người nghèo nàn, tôi có thể là gì? [4]Sau cùng tôi nhìn ngắm sự hư nát của tất cả con người tôi, nhìn xem sự đồi bại của linh hồn và sự xấu xa của thân xác tôi, [5]xem mình như một vết loét hay

yêu đó. Ta thấy rõ điều này trong lời tâm sự (53). Còn trong bài thao luyện này, chủ thể xin ơn đau đớn thảm thiết và sâu xa cùng với sự khóc lóc vì tội lỗi mình. Dù ơn xin cũng dừng lại ở cái "có" và cái quá khứ, nhưng cũng đụng tới cái "là" của ơn tha chết (60) để thực hiện việc đổi mới trong tương lai (61). Tính từ "sâu xa" của bản A cho phép khai triển theo hướng này.

b/ Các điểm cầu nguyện (56-60).

Các điểm cầu nguyện cũng được khai triển ở chiều sâu dựa vào những tài năng linh hồn:

- Trước hết về trí nhớ:Trí nhớ được vận dụng ở đây như một cuộc xét mình vốn rất giống với việc xét mình riêng (25^{1-3}), chỉ khác ba yếu tố: xét mình về nhiều tội để tìm ra chân tướng phản Ki-tô thay vì một tội riêng hay một nết xấu riêng để cải thiện; khoảng thời gian dài hơn thay vì nửa buổi và môi trường sống đa dạng hơn thay vì một bối cảnh. Thế nhưng chính khi xét mình như thế, chủ thể có được cơ hội tìm ra chân tướng đích thực của mình làm đối tượng cho việc xét mình riêng sau này nhờ việc so sánh các biến cố với nhau. Bản P nói đến

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		một ung nhọt nơi sự ô uế của tội lỗi và sự lây lan của tật xấu lan tràn ra.
59. [1]*Điểm thứ bốn:* suy xét xem Thiên Chúa là ai mà tôi đã phạm tội chống lại Ngài, theo những ưu phẩm của Ngài, bằng cách so sánh những ưu phẩm đó với những điểm trái ngược nơi tôi: [2]sự khôn ngoan của Ngài với sự dốt nát của tôi, sự toàn năng của Ngài với sự yếu đuối của tôi, sự công chính của	**59.** [1]*Điểm thứ bốn:* là suy xét xem Thiên Chúa, Đấng tôi xúc phạm chống lại Ngài là ai, xét theo những ưu phẩm của Ngài để so sánh những điều trái ngược nơi tôi: [2]sự khôn ngoan của Ngài với sự dốt nát của tôi, sự toàn năng của Ngài với sự yếu đuối của tôi, sự công chính của Ngài với sự bất chính của tôi, lòng tốt	**59.** [1]*Thứ bốn:* là suy nghĩ để thấy Thiên Chúa là ai mà tôi đã xúc phạm như thế, bằng cách đối chiếu và so sánh những điều thiện hảo được qui về Thiên Chúa cách đặc biệt, ngược lại với những tật xấu và nết xấu của tôi : [2]nghĩa là quyền năng cao cả, sự khôn ngoan, lòng tốt lành và sự công chính của Ngài so với sự yếu đuối cực độ, sự dốt

môi trường thứ ba khác với hai bản văn còn lại: nói đến bậc sống thay vì nghề nghiệp hoặc phận vụ.

- Thứ đến về trí hiểu: trí hiểu được vận dụng theo hai bước:

Bước một là cân nhắc các tội bằng cách nhìn xem sự xấu xa và tác hại của mỗi tội. Cả ba bản văn đều xác định như thế. Tuy nhiên, các bản văn đụng chạm đến chiều sâu khác nhau: Bản A và P không chỉ đề cập về tội theo nghĩa luân lý mà còn nói đến sự xấu xa và tác hại của những tội ở tận trong vô thức. Bởi lẽ thành ngữ "tội trọng đã phạm cho dù không bị cấm" (57) muốn qui về các mối tội đầu vốn nằm ở bình diện vô thức, hay là tiềm thức theo tâm lý học và là căn nguyên phát sinh mọi tội lỗi ở bình diện ý thức. Còn bản V cũng ám chỉ chiều sâu ấy bằng cụm từ "cho dù không bị cấm", nhưng lại nói về tội theo nghĩa rộng.

Bước thứ hai là thực hiện việc so sánh bằng hai cách cụ thể: về số lượng trước những hữu thể hoàn hảo khác, từ người khắc, các thiên thần và các thánh đến chính Thiên Chúa để thấy mình, tuy nhỏ bé nhưng lại ngông cuồng biết mấy vì đã gây nên sự chết chóc cho mình và cho người khác (58) – về phẩm chất trước Thiên Chúa khi so sánh những điều xấu xa của mình với những ưu phẩm của Thiên Chúa để thấy mình lăng loàn và phạm thượng đến mức nào. Bản V cho thấy sự phạm thượng ấy không chỉ dừng lại ở ý thức mà cả vô thức khi đặt sự hoàn hảo của Thiên Chúa đối nghịch với những tật xấu và nết xấu của tôi (59[1]).

- Cuối cùng về ý chí: Bật lên tiếng kêu ngạc nhiên (A), thán phục (P) hay tiếng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Ngài với sự bất chính của tôi, sự tốt lành của Ngài với sự độc ác của tôi.	lành của Ngài với sự độc ác của tôi.	nát, sự xấu xa và sự bất chính của tôi.
60. [1]*Điểm thứ năm*. Tiếng kêu ngạc nhiên với một lòng xúc động mạnh mẽ, nghiền ngẫm về mọi thụ tạo, làm sao chúng đã để tôi sống, [2]các thiên thần vốn là lưỡi gươm công thẳng của Thiên Chúa, làm sao mà các đấng ấy đã chịu đựng được tôi, che chở và cầu bầu cho tôi; [3]rồi các vị thánh, làm sao mà các ngài đã bầu cử và khấn cầu cho tôi; lại các tầng trời, mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú cùng các nguyên tố, hoa quả, chim chóc, tôm cá và các giống thú vật; [4]và trái đất sao không nứt nẻ ra để nuốt lấy tôi bằng cách tạo nên những tầng địa ngục mới để tôi chịu khổ đời đời trong đó.	**60.** [1]*Điểm thứ năm.* Là một tiếng kêu thán phục, được khơi lên do một xúc động mạnh mẽ, bằng cách nghiền ngẫm toàn thể các thụ tạo, ngạc nhiên vì chúng đã để cho tôi sống và gìn giữ tôi được sống. [2]Các thiên thần vốn là lưỡi gươm công thẳng của Thiên Chúa làm sao đã chịu đựng được tôi, lại còn bảo vệ tôi và cầu xin cho tôi. [3]Làm sao cả các thánh cũng là những người cầu bầu cùng Chúa cho tôi. Làm sao các tầng trời, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, các nhân tố, hoa quả, chim chóc, cá mú, thú vật cũng đã bảo vệ tôi đến bây giờ. [4]Làm sao trái đất lại không nứt ra và nuốt lấy tôi. Làm sao các tầng hỏa ngục mới	**60.** [1]*Thứ năm*. Bật lên tiếng than với một cảm xúc mãnh liệt, vô cùng ngạc nhiên về toàn thể các thụ tạo (nghiền ngẫm từ thụ tạo này đến thụ tạo khác), làm sao chúng đã chịu đựng được tôi quá lâu và đã gìn giữ tôi sống cho đến nay như thế. [2]Làm sao các thiên thần vốn cầm giữ lưỡi gươm công thẳng của Thiên Chúa đã chịu đựng tôi mà không ta thán, đã bảo vệ tôi và giúp đỡ tôi qua sự bầu cử của các ngài. [3]Làm sao các thánh cũng cầu bầu cho tôi. Làm sao các tầng trời, mặt trời, mặt trăng và các tinh tú khác, các nguyên tố, mọi sinh vật sống động và các quả cây đã phục vụ tôi thay vì đem đến sự trả thù mà tôi đáng phải chịu; [4]Sau cùng, làm sao

than thở đầy xúc động mãnh liệt (V), vì lẽ ra, vườn địa đàng đã mất, tôi bị trừng phạt như Adam và Eva (St 3, 14-19) hoặc hơn nữa phải chịu những hình khổ hoả ngục muôn đời. Thế nhưng ngược lại, mọi thụ tạo lại để cho tôi sống, các thiên thần, các thánh lại cầu bầu cho tôi. Đó là tiếng kêu thán phục và ngạc nhiên vì người ta chỉ có thể lý giải được vấn đề bằng tình yêu có tính nhưng không mà thôi.

c/ Tâm sự (61)

Cuộc tâm sự ở đây hướng về chính Thiên Chúa là nguồn sự sống và là Đấng ban

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	lại không được dựng nên để trừng phạt tôi luôn mãi.	trái đất lại không nứt ra mà nuốt lấy tôi, bằng cách bao phủ thêm hàng ngàn hỏa ngục cho tôi phải chịu những khổ hình đời đời kiếp kiếp.
61. Kết thúc bằng *cuộc tâm sự* về lòng nhân từ, trong khi thân thưa với Thiên Chúa và tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã cho tôi sống đến bây giờ, và dốc lòng nhờ ơn Chúa cải thiện mình từ này về sau. Đọc Kinh Lạy Cha.	**61.** Sau cùng kết thúc bằng một *cuộc tâm sự*, bằng cách thân thưa lên với Chúa và tạ ơn Ngài vì cho đến bây giờ Ngài đã ban sự sống cho tôi để sau đó tôi có thể sửa mình với sự trợ giúp của Ngài. Và khi dốc lòng như thế, tôi sẽ đọc một Kinh Lạy Cha.	**61.** Sau cùng, cuộc suy gẫm này sẽ được kết thúc bằng một *cuộc tâm sự*, bằng cách ca tụng lòng nhân từ vô biên của Thiên Chúa và tạ ơn Ngài đã kéo dài đời sống của tôi bao nhiêu có thể cho đến hôm nay. Rồi sau khi dốc lòng cải thiện trong tương lai, tôi đọc một Kinh Lạy Cha.
62. [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ BA LÀ PHỤC NIỆM CUỘC THAO LUYỆN THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI VỚI BA LẦN TÂM SỰ.	**62.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ BA LÀ MỘT CUỘC PHỤC NIỆM CỦA CUỘC THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI VỚI BA LẦN TÂM SỰ.	**62.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ BA LÀ CUỘC PHỤC NIỆM CỦA CUỘC THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI VỚI BA LẦN TÂM SỰ.

sự sống. Trong các điểm, thao viên nhận thấy rõ tội lỗi mình đã phạm không chỉ nặng nề mà còn ăn sâu trong con người mình và họ thấy mình đáng chết. Nhưng khi thấy được tha cho sống, họ nhận ra tình yêu nhưng không của Thiên Chúa. Đây là cơ sở đẩy họ đi xa hơn trong cuộc tâm sự. Vì cuộc tâm sự không dừng lại ở ơn xin: đau đớn khóc lóc vì tội (55[4]) vốn vẫn còn qui về quá khứ và khép lại với chính mình, nhưng đã khai mở bản thân họ vào tương lai để cải thiện (A), sửa đổi (P) hoặc chừa cải (V) nên con người mới của tình yêu nhờ ơn sủng của Thiên Chúa (A,P).

B.I.(3) CUỘC THAO LUYỆN THỨ BA (62)

1/ Chính cuộc phục niệm.

Thánh I-nhã gọi cuộc thao luyện thứ ba là cuộc phục niệm. Chất liệu của việc phục niệm chính là chất liệu của hai cuộc thao luyện thứ nhất và thứ hai (61[2]).

Ngài sử dụng danh từ "repetición", "repetitio" để chỉ về việc phục niệm. Tuy

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]Sau kinh dọn lòng và hai tiền nguyện, lặp lại hai cuộc Linh Thao thứ nhất và thứ hai, chú ý và ngừng lại ở những điểm tôi đã cảm thấy được an ủi hơn hoặc gặp sầu khổ hơn hay được một tình cảm thiêng liêng mãnh liệt hơn, [3]sau đó làm ba cuộc tâm sự theo cách sau đây:	[2]Sau kinh nguyện dọn lòng và hai tiền nguyện, tôi sẽ làm một cuộc phục niệm của cuộc thao luyện thứ nhất và thứ hai bằng cách chú ý và dừng lại ở những điểm tôi đã có sự an ủi nhiều hơn hay sự sầu khổ hay một sự cảm nếm thiêng liêng mãnh liệt hơn. [3]Sau đó, tôi sẽ làm ba cuộc tâm sự theo cách thức sau.	[2]Sau kinh dọn lòng và hai mở đầu, ta sẽ phải lặp lại hai cuộc thao luyện trước đây, bằng cách chú ý đến những điểm hay những nơi ta đã cảm thấy một sự an ủi lớn hơn, sự sầu khổ hay một cảm nghiệm thiêng liêng khác nào đó; và ta phải ở lại đó lâu hơn với một sự chú tâm hơn. [3]Sau đó, khi chuyển động thiêng liêng đến trong ta, ta sẽ đi vào ba cuộc tâm sự sau đây.
63. [1]*Cuộc tâm sự thứ nhất:* với Đức Mẹ, để Người cầu cùng Con, cũng là Chúa của Người, ban ơn cho tôi về ba điều:	**63.** [1]*Cuộc tâm sự thứ nhất:* được thực hiện với Đức Mẹ để ngài cầu xin cùng Con ngài cho tôi ở ba điều:	**63.** [1]*Cuộc tâm sự thứ nhất:* được làm với Đức Mẹ, Mẹ Đức Ki-tô, bằng cách nài xin sự can thiệp của Mẹ bên cạnh Con mình để nhận lãnh ơn sủng vốn cần thiết cho chúng ta ở ba điểm:
[2]Một là cho tôi cảm thấy được sự hiểu biết	[2]Thứ nhất: cho tôi có được một cảm thức bên	[2]Thứ nhất: cho chúng ta cảm thấy một sự hiểu

nhiên phục niệm không có nghĩa là lặp lại hay rập khuôn cách máy móc những cuộc thao luyện trước mà là đào sâu những điểm thao viên thấy cần thiết. Thí dụ điểm mà họ thấy được an ủi hơn hay gặp sầu khổ hơn hay một cảm nghiệm thiêng liêng lớn hơn... Bản A và P sử dụng từ ngữ "ngừng lại", nhưng đó không phải là để dành thời gian cho việc nghỉ ngơi. Bản V bổ khuyết ý niệm trên bằng cách nói rõ rằng việc dừng lại buộc thao viên phải chú tâm hơn vào những điều đã được nói đến (62[2]).

2/ Cuộc tâm sự (63)

Ta đề cập đến hai điều.

a/ Đối tượng cho cuộc tâm sự:

Thánh I-nhã đã hướng dẫn thao viên thực hiện hai cuộc tâm sự theo hai hình thức khác nhau. Lần này, ngài đề nghị hình thức thứ ba ở đó có hai cuộc tâm sự qua

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
bên trong về các tội lỗi tôi, và tôi gớm ghét nó.	trong về những tội lỗi của tôi và một sự ghét bỏ hoàn toàn đối với những tội lỗi đó.	biết bên trong và sự chê ghét các tội lỗi của chúng ta
[3]Hai là cho tôi cảm thấy được sự lệch lạc trong hành động của tôi để một khi gớm ghét nó, tôi cải thiện mình cùng tự chỉnh đốn lại cho trật tự;	[3]Thứ hai: cho tôi cảm thấy sự lệch lạc trong hành động của tôi, để khi chính tôi có được sự ghét bỏ, tôi sửa đổi chính mình và tự chỉnh đốn lại cho trật tự;	[3]Thứ hai: cho chúng ta khi có được sự hiểu biết và sợ hãi về trật tự hoạt động bị hư hỏng của chúng ta, chúng ta sửa mình rồi tự chỉnh đốn cho ngay thẳng về Thiên Chúa.
[4]Ba là xin cho được hiểu biết thế gian, để một khi gớm ghét nó, tôi loại bỏ khỏi mình những điều thuộc về trần tục và phù phiếm. Đoạn đọc một Kinh Kính Mừng.	[4]Thứ ba: tôi xin được sự hiểu biết thế gian để, một khi có được sự gớm ghét, tôi đẩy lùi xa những điều phù phiếm và trần tục. Và sau đó là một Kinh Kính Mừng.	[4]Thứ ba: cho chúng ta, sau khi xem thấy và lên án sự đồi bại của thế gian, chúng ta xa tránh khỏi những điều trần tục và phù phiếm. Sau khi kết thúc điều ấy, ta đọc một lần Kinh Kính Mừng.
[5]*Cuộc tâm sự thứ hai:* cầu xin cùng điều ấy với Đức Chúa Con, để Ngài xin cùng Đức Chúa Cha ban cho tôi ơn ấy. Đoạn	[5]*Thứ hai* được thực hiện cùng một cách thức với Con, để Ngài cầu xin cùng Cha cho tôi những điều đó, và sau đó, đọc	[5]*Cuộc tâm sự thứ hai:* được làm cùng một cách thức với Đức Ki-tô, Chúa

trung gian và một cuộc tâm sự trực tiếp với Chúa Cha.

Việc tâm sự qua trung gian muốn đề cao uy thế của người can thiệp và địa vị của Đấng có thể nhận lời: trước hết, Chúa Con nhận lời trước sự can thiệp của Đức Ma-ri-a, Mẹ diễm phúc của Ngài điều mà bản V xác định rõ ý niệm này (63[1]); thứ đến, Chúa Cha nhận lời trước sự can thiệp của Chúa Ki-tô, Con Một của Người, vì Ngài là Đấng Trung Gian duy nhất. Bản V cũng nêu rõ ý tưởng này (63[5]). Và sau cùng thao viên xin với chính Chúa Cha để Người thương ban cho những điều mình khao khát.

b/ Những điều tâm sự: Gồm ba điểm

- Trước hết là cảm thấy được một sự hiểu biết bên trong về tội lỗi của mình (63[2]) mà gớm ghét, ghét bỏ hay chê ghét chúng. Đây chắc chắn không là một sự hiểu biết lý thuyết hoặc hời hợt mà có tính trải nghiệm ở trong nội tâm sâu xa, vì tội lỗi đã biến chủ thể thành kẻ ngông cuồng và lăng loàn dẫn đến chỗ tự huỷ hoại mình và gây độc hại cho tha nhân (58[4-5]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
đọc một kinh Anima Christi (Lạy Hồn Chúa Ki-tô).	kinh Lạy Hồn Chúa Ki-tô (Anima Christi).	chúng ta và là Đấng Trung Gian để Ngài xin cùng Cha Hằng Sống cho ta chính những điều ấy. Sau cùng ta đọc thêm kinh Lạy Hồn Chúa Ki-tô (Anima Christi).
[6]*Cuộc tâm sự thứ ba:* cầu xin cùng điều ấy với Đức Chúa Cha, để chính Chúa Hằng Sống ban ơn ấy cho tôi. Đoạn đọc một Kinh Lạy Cha.	[6]*Thứ ba:* được làm cùng một cách thức với Cha, để cho chính Chúa Hằng Sống ban cho tôi chính những điều đó; và sau đó, đọc một Kinh Lạy Cha.	[6]*Thứ ba* phải được làm, bằng cách tiến hành tương tự, với Thiên Chúa là Cha để Người ban cho chúng ta ơn sủng đó. Và sau cùng, ta phải đọc một lần Kinh Lạy Cha.
64. [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ TƯ LÀ	**64.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ TƯ LÀ	**64.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ TƯ ĐƯỢC

- Thứ đến là cảm nghiệm được sự lệch lạc trong hành động của mình để một khi gớm ghét nó, chủ thể tự cải thiện và chỉnh đốn lại (63^3). Cả ba bản văn đều có chung một kết luận này. Sự lệch lạc trong hành động biểu thị ý hướng của chủ thể ở cấp độ ý thức khi chủ trương phạm tội (50^3; 52^1) hoặc ở vô thức khi để cho tội lỗi ăn sâu vào mình (57). Nhờ vào tình yêu cứu sống của Thiên Chúa (61) và nhờ Đức Ki-tô (53), chủ thể ghét bỏ (A,P) hoặc sợ hãi chúng (V), nghĩa là dứt bỏ con người cũ để cải thiện mình (A) cho có trật tự (P) đúng theo ý Thiên Chúa (V).
- Cuối cùng là sự hiểu biết thế gian (A,P) với sự đổi bại của nó (V) vốn bị kẻ thù vận dụng làm bẫy (51^{3-5}), để chê ghét nó và loại bỏ những điều phù phiếm và trần tục của nó.

Vậy tội lỗi chính là một thực thể do chủ thể gây ra với sự xúi bẩy của kẻ thù.

B.I.(4) CUỘC THAO LUYỆN THỨ TƯ (64)

Cũng là một cuộc phục niệm, nhưng đây không phải là sự lặp lại cuộc phục niệm trước mà phục niệm chính cuộc phục niệm trên. Bản P và V xác định đây là cuộc phục niệm của cuộc Linh Thao thứ ba ở trên. Và để tránh lầm lẫn, bản A sử dụng từ ngữ "tóm lược" thay vì phục niệm (64^1).

Để thực hiện cuộc phục niệm này, chủ thể không được để cho trí khôn bị lo ra (A,P) hay đi lang thang (V), nhưng suy xét (A,P) hoặc nghiền ngẫm (V) những điều đã chiêm niệm (A,P) hoặc suy gẫm (V) trong các cuộc thao luyện trước.

Xem ra tựa đề và nội dung của cả ba bản văn đều không ăn khớp với nhau: tựa

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
TÓM LƯỢC LẠI CHÍNH CUỘC THAO LUYỆN THỨ BA	CUỘC PHỤC NIỆM CỦA CUỘC THAO LUYỆN THỨ BA	LÀM BẰNG VIỆC PHỤC NIỆM CUỘC THỨ BA
[2]Tôi nói tóm lược lại, để cho trí khôn, một khi không lo ra, thì nghiền ngẫm cách chăm chú qua việc hồi niệm những điều đã chiêm niệm trong các cuộc thao luyện trước; rồi cũng làm lại ba cuộc tâm sự trên.	[2]Cuộc phục niệm của cuộc thao luyện thứ ba sẽ được thực hiện bằng cách lược lại sao cho trí hiểu nghiền ngẫm một cách chăm chú và không chia trí những điều đã chiêm niệm trong những cuộc thao luyện trước đây; thêm vào đó cả ba cuộc tâm sự.	[2]Một cuộc phục niệm được đề nghị như một thứ nghiền ngẫm điều tôi đã suy gẫm trong các cuộc thao luyện trước kia, để một khi nhắc lại cho mình những cuộc thao luyện đó, trí hiểu nghiền ngẫm chúng một cách dễ dàng hơn mà không đi lang thang. Ta cũng sẽ thêm vào ba cuộc tâm sự.
65. [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ NĂM LÀ MỘT BÀI SUY GẪM VỀ HỎA NGỤC, GỒM, SAU KINH DỌN LÒNG VỚI HAI TIỀN NGUYỆN LÀ NĂM ĐIỂM VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.	**65.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ NĂM LÀ MỘT VIỆC SUY GẪM VỀ HỎA NGỤC, VÀ SAU KINH DỌN LÒNG, CUỘC THAO LUYỆN NÀY GỒM CÓ NĂM ĐIỂM VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.	**65.** [1]CUỘC THAO LUYỆN THỨ NĂM LÀ MỘT BÀI CHIÊM NIỆM VỀ HỎA NGỤC, NGOÀI KINH DỌN LÒNG VÀ HAI MỞ ĐẦU, BÀI NÀY GỒM NĂM ĐIỂM VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.

đề cho thấy cuộc phục niệm này là phục niệm của cuộc phục niệm trước (64[1]), trong khi nội dung lại nói đến "những điều đã chiêm niệm hay suy gẫm trong những cuộc thao luyện trước"(64[2]). Những cuộc thao luyện trước là hai hay cả ba? Ta không rõ. Tuy nhiên điều quan trọng là trí hiểu được nhấn mạnh ở đây.

Dưới ánh sáng của cuộc phục niệm trên, thao viên phải đào sâu những điểm nào cần thiết chừng nào có thể (62[2]). Ở đây, trí hiểu được vận dụng để thấu đáo điều quan trọng để những cảm nghiệm của hiểu biết không chỉ được xác tín mạnh mẽ, nhưng được ăn sâu vào tâm khảm và diễn tả bằng hành động dễ dàng hơn.

B.I.(5) CUỘC THAO LUYỆN THỨ NĂM (65-72)

Đây thực chất là một bài thao luyện có đặc tính của một cuộc áp dụng ngũ quan như bài thao luyện thứ năm của các tuần khác (121; 204; 226), và nó đã được thánh I-nhã chọn đưa vào ngày mẫu này. Ngài làm như thế không theo luận lý của thời gian, nghĩa là vào ngày thứ nhất người ta đã phải cầu nguyện về hoả

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]*Kinh dọn lòng:* Như kinh dọn lòng thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng* sẽ cùng một kinh dọn lòng như thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng*: không khác với kinh nguyện ở trên
[3]*Tiền nguyện thứ nhất:* đặt khung cảnh, ở đây, lấy con mắt tưởng tượng nhìn xem chiều dài, chiều rộng và chiều sâu của hỏa ngục.	[3]*Tiền nguyện thứ nhất* là việc đặt khung cảnh, ở đây là tưởng tượng chiều dài, chiều rộng và chiều sâu của hỏa ngục.	[3]*Mở đầu thứ nhất*: ở đây gồm có việc đặt khung cảnh, bằng cách đặt trước mắt tưởng tượng chiều dài, chiều rộng và chiều sâu của hỏa ngục.
[4]*Tiền nguyện thứ hai:* xin điều tôi ước muốn: Ở đây, xin cho được cảm thấy trong lòng sự đau khổ mà những kẻ bị phạt trong hỏa ngục phải chịu, [5]để nếu tôi có quên tình yêu của Chúa Hằng Sống vì các lỗi lầm của	[4]*Tiền nguyện thứ hai* là xin điều tôi muốn: bây giờ là xin được sự hiểu biết bên trong về sự đau khổ mà những kẻ bị phạt phải chịu, [5]để nếu vì những lỗi lầm của tôi, tôi đã quên đi mất tình yêu của Chúa Hằng Sống, thì	[4]*Thứ hai* hệ ở việc nài xin để hiểu ở nội tâm những sự đau khổ nào mà những người bị phạt phải chịu, [5]để nếu có bao giờ tôi quên đi tình yêu Thiên Chúa, thì chí ít sự sợ hãi đối với những khổ hình cũng giữ gìn tôi

ngục rồi, nhưng vì đề tài am hợp với chính đặc tính thao luyện của nó. Cuộc thao luyện này được xác định là một bài suy gẫm theo bản A và P , nhưng theo bản V nó lại là một bài chiêm niệm (65^{1}). Thực ra đây là một sai lầm của bản V tương tự như hai bản A và P cũng đã xác định sai tính chất của bài thao luyện thứ ba ở trên (64^{2}). Vì tất cả những bài thao luyện theo mặc khải ở tuần một đều là những bài suy gẫm. Chúng ta đề cập một số yếu tố sau:

1/ Về các tiền nguyện (65^{3-5})

a/ Tiền nguyện thứ nhất

Là việc đặt khung cảnh vốn được thực hiện bằng con mắt tưởng tượng. Những chiều kích rộng, dài, cao, sâu... của hoả ngục được loại suy từ thực hữu thể lý cho phép chúng ta nhìn ra sự bao la, mênh mông, bát ngát của hình khổ mà con người phải sống trong đó. Một hình phạt vốn không bị ai áp đặt mà chỉ là hậu quả của chính những tội lỗi chủ thể đã vi phạm trong cuộc đời mình.

b/ Tiền nguyện thứ hai.

Về ơn xin. Ơn xin ở đây là được cảm nghiệm (A) tức là một sự hiểu biết nội tâm vốn được từng trải nơi chính bản thân (P,V) về những cực hình mà những kẻ bị phạt trong hoả ngục phải chịu. Nói cách khác, đó là sự hiểu biết không dừng lại ở lý thuyết.

Chính những cực hình khủng khiếp này khiến con người sợ hãi mà tránh xa tội lỗi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mình, ít ra sự sợ hãi về những đau khổ ấy giúp tôi đừng sa vào tội lỗi.	ít ra sự sợ hãi về những sự đau khổ giúp tôi không sa ngã vào tội lỗi.	tránh xa tội lỗi.
66. *Điểm thứ nhất:* là xem thấy bằng con mắt tưởng tượng những khói lửa bao la và các linh hồn như ở trong bầu lửa cháy đỏ.	**66.** *Điểm thứ nhất* là bằng cái nhìn tưởng tượng, xem thấy khói lửa nhiều vô kể và ở đó các linh hồn chịu đau khổ, bị giam hãm trong bầu lửa cháy đỏ.	**66.** *Điểm thứ nhất* là bằng sự tưởng tượng, nhìn xem những lò lửa đỏ rực mênh mông của hỏa ngục và các linh hồn bị nhốt ở bên trong những bầu lửa cháy đỏ như trong những ngục tù.
67. *Điểm thứ hai:* nghe bằng tai những tiếng than khóc, những lời gào thét kêu la, những lời phạm thượng chống lại Đức Ki-tô, Chúa chúng ta và chống lại tất cả các thánh.	**67.** *Thứ hai*: bằng sự tưởng tượng, nghe những tiếng than khóc, những lời ai oán, những tiếng kêu la và những lời phạm thượng chống lại Đức Ki-tô Chúa và các thánh của Ngài.	**67.** *Thứ hai*: bằng sự tưởng tượng, nghe những tiếng than khóc, những lời ai oán, những tiếng kêu la và những lời phạm thượng phát xuất từ đó chống lại Đức Ki-tô và các thánh của Ngài.
68. *Điểm thứ ba:* bằng khứu giác, ngửi khói,	**68.** *Thứ ba:* là bằng khứu giác, ngửi khói,	**68.** *Thứ ba*: cũng bằng khứu giác của sự tưởng

hoặc không dám sa ngã vào đó nữa. Đây là điều kiện tối thiểu phải có đến nỗi cả ba bản văn đều nhất trí cho thấy rằng nếu chủ thể có quên lãng tình yêu cứu sống của Thiên Chúa nơi Đức Ki-tô trước những tội lỗi của mình đi chăng nữa (55), thì chí ít cũng vì sợ hãi cực hình mà tránh được tội lỗi.

2/ Về các điểm (66-70)

a/ Đặc tính.

Tự nó, việc áp dụng ngũ quan là một hình thức suy gẫm (65-71) hay chiêm niệm (121-126). Mục đích việc áp dụng ngũ quan nhằm cho thấy tính thực hữu của một mầu nhiệm hay của một chân lý đức tin mà thao viên trải nghiệm được. Tính thực hữu này được thánh I-nhã diễn tả bằng những thành ngữ: lấy con mắt tưởng tượng (66), nghe bằng sự tưởng tượng (67), ngửi (68), nếm (69) và sờ mó (70) ... Chắc chắn đây không phải là một thực hữu thể lý, nhưng qua thực hữu thể lý, thao viên sống và trải nghiệm chính thực hữu thiêng liêng thuộc đức tin. Có thể nói, thực hữu thể lý được sử dụng ở đây như là một thứ ngôn ngữ biểu tượng, một cách nói loại suy hay một hình thức dụ ngôn nhằm diễn đạt thực hữu siêu nhiên.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
diêm sinh, nơi xú uế và những sự thối rữa.	diêm sinh, xú uế và những mùi hôi thối và sự thối rữa khác.	tượng, ngửi khói diêm sinh, mùi hôi thối từ nơi xú uế hay rác rưởi và phần thối rữa.
69. *Điểm thứ bốn:* nếm, bằng vị giác, những sự cay đắng như nước mắt, sự buồn phiền và giòi bọ rúc rỉa lương tâm.	**69.** *Điểm thứ bốn:* là nếm những điều cay đắng, ví như nước mắt, sự buồn phiền, giòi bọ rúc rỉa lương tâm.	**69.** *Điểm thứ bốn*: nếm cùng một cách thức những điều rất cay đắng, như nước mắt, sự chua chát và giòi bọ rúc rỉa lương tâm.
70. *Điểm Thứ năm:* sờ, bằng xúc giác, nghĩa là sờ vào lửa đang cháy bén và thiêu đốt các linh hồn như thế nào.	**70.** *Thứ năm:* là bằng xúc giác tưởng tượng cảm nhận lửa đã bén vào và thiêu đốt các linh hồn như thế nào.	**70.** *Điểm thứ năm*: sờ mó một cách nào đó những ngọn lửa ở đó chính các linh hồn bị thiêu đốt.
71. [1]Khi làm *cuộc tâm sự* với Chúa Ki-tô, đem lòng trí ghi nhớ các linh hồn trong hỏa ngục, những kẻ này vì không tin Chúa đến, những kẻ khác đã tin điều đó nhưng không ăn ở theo các giới răn Ngài. [2]Phân chia các linh hồn ấy thành ba nhóm:	**71.** [1]*Cuộc tâm sự* được thực hiện với Đức Ki-tô Chúa, bằng cách nhớ kỹ lại các linh hồn ở trong hỏa ngục. Một số bị nhốt kín trong đó vì đã không tin vào việc Chúa chúng ta đã đến; một số tuy hoàn toàn tin vào điều đó, nhưng vì đã không hành động theo các giới răn của Ngài. [2]Và đối với	**71.** [1]Thân thưa với Đức Ki-tô, ta phải ghi nhớ linh hồn của những người đã bị kết án hình khổ hỏa ngục, hoặc vì họ đã không tin vào việc Chúa Ki-tô đến, hoặc mặc dầu họ đã tin, nhưng vì họ đã không muốn sống am hợp với giới răn của Ngài. [2]Và điều đó: hoặc trước khi Ngài đến, hoặc trong

b/ Cụ thể nơi bài hoả ngục.

Tính thực hữu của chân lý đức tin cho phép chúng ta nhận ra ở những điểm sau về bài suy gẫm hoả ngục: thị giác xem thấy hình khổ vô cùng lớn lao và tàn ác mà tội nhân phải sống trong đó – thính giác nghe được những đau đớn vô cùng khốc liệt mà họ phải chịu – khứu giác phát hiện cảnh thối rữa của sự chết đáng nhờm tởm do tội lỗi gây ra – vị giác cho cảm nếm sự giằn vặt, cắn rứt, đay nghiến và hối tiếc vì sự ác hại mà chủ thể đã thực hiện – và xúc giác cho phép chủ thể đụng chạm được vào cả sự thiêu đốt và huỷ hoại chính phẩm cách và ý nghĩa đời mình.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Thứ nhất: các linh hồn trước khi Chúa đến thế gian; Thứ hai: các linh hồn thời Chúa sống ở thế gian; Thứ ba: các linh hồn sau khi Chúa ở trần gian. [3]Rồi tạ ơn Chúa vì đã không để tôi rơi vào một trong ba nhóm ấy mà kết liễu sự sống tôi. [4]Cũng tạ ơn Chúa, vì cho đến nay, Chúa luôn tỏ ra thương xót và nhân từ với tôi	các linh hồn đó có ba tình huống: Thứ nhất là tình huống của các linh hồn đã sống trước khi Đức Ki-tô đến; Thứ hai, của các linh hồn đã hiện hữu vào thời gian Ngài sống ở trần gian; Thứ ba, của những linh hồn sống từ khi Ngài rời bỏ chúng ta. [3]Sau cùng, tôi tạ ơn Ngài vì Ngài đã không để cho tôi kết liễu đời mình vào một trong số các tình huống này [4]và	chính thời gian Đức Ki-tô đã sống trong trần gian này, hoặc sau thời gian này. [3]Sau cùng ta phải dâng lên Chúa Ki-tô những lời cảm tạ thật thiết tha vì Ngài đã không để cho tôi rơi vào sự bất hạnh như thế, [4]nhưng đúng hơn, cho đến ngày nay, Ngài đã chứng tỏ cho tôi thấy một lòng thương xót và nhân từ vô biên dường ấy. Ta sẽ kết thúc sau khi đọc Kinh Lạy Cha. ***Dường như người cho***

Có lẽ cha Polanco không hiểu rõ ý nghĩa và đặc tính làm mẫu của những bài suy gẫm này, nên đã đề nghị người cho Linh Thao có thể thêm các bài suy gẫm khác liên quan đến tính thực hữu này vào phần cuối cuộc tâm sự trong bản P và V: về sự chết, các hình khổ khác, phán xét... nếu có thể được phép vì ích lợi cho thao viên. Nhưng dù sao ngài cũng làm nổi bật được tính thực hữu về chân lý đức tin này để thao viên kín múc được nhiều ích lợi thiêng liêng bao nhiêu có thể (71[4]).

3/ Về cuộc tâm sự.

Trong bài thao luyện này, thánh I-nhã cho thao viên tâm sự với Chúa Giê-su. Cuộc tâm sự cũng được vận hành từ ngoại tại vào nội tại, nghĩa là từ người khác đến chính bản thân và tài năng được sử dụng trước tiên cho cuộc tâm sự nhấn mạnh vào trí nhớ hơn. Bởi lẽ những linh hồn bị sa xuống hoả ngục là những người đang chịu hình khổ vốn là kết quả của chính tội lỗi do mình đã phạm.

Tính ngoại diện của cuộc tâm sự còn được phổ quát hoá với tầm nhìn của cả nhân loại trong toàn bộ lịch sử họ đã trải qua: những người sống trước khi Chúa đến trần gian, những người sống vào thời kỳ Ngài sống ở trần gian và những người sống từ khi Chúa đến trần gian cho đến nay. Nền tảng cho việc xác định tội của họ là không tin vào Chúa, hoặc tin mà không sống theo giới răn của Ngài.

Tính phổ quát hoá này cho chúng ta được phép vận dụng trí hiểu để thực hiện việc so sánh chính bản thân mình với vô số người khác tương tự như bài thao

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dường ấy. Kết thúc bằng một Kinh Lạy Cha.	cho đến bây giờ, Ngài vẫn tỏ ra thương xót và nhân từ đối với tôi. Và tôi sẽ kết thúc bằng một Kinh Lạy Cha. ***Dường như có lợi ích đối với thao viên nếu thêm các bài suy gẫm khác vào những bài này, thí dụ suy gẫm về sự chết và các hình khổ của tội lỗi, về việc phán xét v.v. mà ta nghĩ rằng điều đó không bị cấm, dù cho không đề cập ở đây.***	***các cuộc thao luyện có thể thêm vào những bài suy gẫm khác với bài này cho những thao viên nếu người ấy thấy có lợi ích cho họ, thí dụ về sự chết, và các hình khổ khác của tội lỗi, về việc phán xét v.v. mà nghĩ rằng điều đó không bị cấm, cho dù không được đề cập đến ở đây.***
72. [1]*(Giải thích)* Cuộc thao luyện thứ nhất sẽ làm vào nửa đêm, cuộc thứ hai sẽ làm vào buổi	**72.** [1]*(Giải thích)* Cuộc thao luyện thứ nhất sẽ được làm vào nửa đêm; cuộc thứ hai, ngay sau khi	**72.** [1]*(Giải thích)* Thời gian của các cuộc thao luyện phải được phân chia sao cho cuộc thứ

---

luyện thứ nhất (52[1]) và bài thao luyện thứ hai (58 [1-3]). Việc so sánh thứ nhất cho phép tôi phát hiện cách Chúa đối xử với tôi không theo quy tắc công bình mà theo quy tắc tình yêu. Còn việc so sánh thứ hai cho phép tôi nhận ra một tình yêu đi đến cùng mà Thiên Chúa dành cho tôi. Cho dù tôi nhỏ bé nhưng ngông cuồng và lăng loàn tới đâu, Ngài vẫn không huỷ diệt tôi.

Quả vậy, trí nhớ và trí hiểu tác động vào ý chí thao viên để họ cất lên lời tạ ơn Chúa, vì Ngài đã không để cho họ rơi vào số những người trên. Ngược lại, cho đến nay Ngài luôn tỏ lòng thương xót và yêu thương họ. Nếu họ liên kết với cuộc tâm sự thứ nhất, chắc chắn họ được dẫn sâu hơn vào mối tương quan tình yêu để tìm cách đáp lại bằng một cuộc sống mới (53).

Kết Luận:

Với sự giải thích của thánh I-nhã ở số 72, chúng ta thấy rằng năm bài thao luyện theo mặc khải là năm bài mẫu cho một ngày thao luyện và có tính uyển chuyển. Cha Polanco không hiểu ra tính làm mẫu này và có thể ngài e sợ rằng tuần một

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
sáng, sau khi thức dậy; cuộc thứ ba trước hay sau Thánh Lễ nhưng phải là trước bữa trưa; cuộc thứ bốn sẽ làm vào giờ hát kinh chiều; cuộc thứ năm một giờ trước bữa ăn tối.	rời khỏi giường nằm; cuộc thứ ba, trước bữa ăn, nghĩa là trước hay sau thánh lễ; cuộc thứ bốn, vào giờ kinh chiều; cuộc thứ năm, một giờ trước bữa ăn tối.	nhất trong các cuộc thao luyện này được làm vào nửa đêm; cuộc thứ hai vào buổi sáng ngay sau khi chúng ta thức dậy; cuộc thứ ba, trước hay sau thánh lễ khi chưa dùng bữa; cuộc thứ tư vào khoảng giờ hát kinh chiều; cuộc thứ năm, vào một giờ trước bữa ăn tối.
[2]Thời dụng biểu này có tính phỏng chừng cho các giờ – tôi nghĩ là luôn dành cho tất cả bốn tuần; tùy theo tuổi tác, điều kiện và tính khí cho phép người luyện tập làm cả năm cuộc Thao luyện hay ít hơn.	[2]Và việc phân chia này luôn được hiểu như thế cho những tuần tiếp theo; và điều đó có thể được thêm vào hay bớt đi hay thay đổi, tùy theo tuổi tác, điều kiện và tính khí của thao viên đòi buộc hay cho phép.	[2]Việc phân chia được áp dụng chung cho mỗi một tuần trong bốn tuần lễ; tuy nhiên, nó có thể được thay đổi và được tăng lên hay giảm đi tùy vào tuổi tác, tình trạng tinh thần hoặc thể xác hay thể chất tự nhiên vốn cho phép mỗi người làm được năm cuộc thao luyện đã được nói đến.

---

phải kết thúc quá sớm vì chất liệu quá ít so với thời gian trên dưới bảy ngày (4^4) nên đã thêm vào những chỉ dẫn dư thừa cho ngày mẫu ấy, dù hợp lý cho cái nhìn tổng thể của tuần một. Đó là những bài suy gẫm về tội lỗi vốn dẫn thao viên đến sự hoán cải sau khi đã nhận biết tội lỗi của mình cả về số lượng lẫn chất lượng – cả về bình diện ý thức lẫn vô thức trước tình yêu thương tha thứ của Thiên Chúa nơi Đức Ki-tô.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
73. [1]NHỮNG ĐIỀU PHỤ THÊM ĐỂ TẬP CÁC CUỘC THAO LUYỆN TỐT ĐẸP HƠN VÀ ĐỂ TÌM ĐƯỢC NHỮNG ĐIỀU MÌNH AO ƯỚC CÁCH DỄ DÀNG HƠN.	**73.** [1]TIẾP THEO LÀ NHỮNG ĐIỀU PHỤ THÊM, NHỜ ĐÓ TA SẼ LÀM NHỮNG CUỘC THAO LUYỆN DỄ DÀNG HƠN VÀ SẼ ĐẠT ĐƯỢC ĐIỀU MÌNH AO ƯỚC TỐT HƠN.	**73.** [1]NHỮNG ĐIỀU PHỤ THÊM ĐỂ THAO LUYỆN TỐT HƠN VÀ RẤT HỮU ÍCH ĐỂ TÌM KIẾM ĐƯỢC ĐIỀU MÌNH AO ƯỚC.
[2]*Điều phụ thêm thứ nhất*. Khi đã nằm xuống và sắp sửa ngủ, trong khoảng một kinh "Kính Mừng", nghĩ đến giờ nào tôi phải thức dậy và để làm gì, bằng cách lược tóm lại cuộc thao luyện mà tôi phải làm.	[2]*Điều phụ thêm thứ nhất,* sau khi nằm xuống, trước khi tôi bắt đầu ngủ, trong khoảng thời gian đọc một Kinh Kính Mừng, nghĩ đến giờ tôi phải thức dậy để làm gì, bằng cách ghi nhớ cuộc thao luyện mà tôi sẽ làm.	[2]*Thứ nhất* là, sau khi đã nằm xuống và trước khi ngủ, trong khoảng thời gian đọc một kinh Truyền Tin, nghĩ đến giờ tôi sẽ phải thức dậy và dành cho việc thao luyện mà tôi sẽ phải làm.

C. THÁNH I-NHÃ — NGƯỜI HƯỚNG DẪN LINH THAO

Ngoài hai loạt bài thao luyện liên quan đến kinh nghiệm cá nhân của thánh I-nhã và những chất liệu thuộc mặc khải trong tuần một, chúng ta còn lưu ý đến cách hướng dẫn của thánh I-nhã dành cho thao viên. Trong tuần một, việc hướng dẫn này được qui về hai khí cụ chính yếu: giải thích tức khắc và Mười điều phụ thêm.

C.I.1-10 GIẢI THÍCH.

Tác giả chú giải xin tự đặt tên cho khí cụ can thiệp trực tiếp này bằng từ ngữ "giải thích", vốn được viết nghiêng và đặt trong ngoặc đơn ở các bản văn. Đây là những can thiệp trực tiếp của thánh I-nhã dành cho thao viên để họ có được sự hiểu biết và thực tập chính xác những cuộc thao luyện này trong phạm vi một ngày sống.

Trong bản A, phần lớn những sự can thiệp này được minh định là "những ghi chú", vì chúng được viết bằng từ ngữ "nota", có lẽ do một người ghi chép vô danh viết ở bên lề của trang giấy (49; 72...). Thế nhưng khi sử dụng từ "nota" cho những can thiệp này, xem ra người ấy đã không hiểu đến nơi đến chốn cách phân bố các khí cụ mà thánh I-nhã đã vận dụng trong tập hướng dẫn Linh Thao của ngài. Bởi lẽ, từ ngữ "ghi chú' này sẽ dễ bị lầm lẫn với "những ghi chú" thực sự

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
74. [1]*Điều phụ thêm thứ hai*: khi tôi thức dậy, không để tâm đến tư tưởng nào khác, nhưng để tâm ngay vào điều tôi sắp chiêm niệm trong cuộc thao luyện thứ nhất vào nửa đêm; giục lòng [~~và~~] ngượng ngùng vì biết bao nhiêu tội lỗi tôi đã phạm, bằng cách đưa ra những mẫu gương: [2]chẳng hạn một hiệp sĩ đang đứng trước mặt vua mình và cả triều đình, đầy hổ thẹn và ngượng ngùng vì đã xúc phạm nhiều đến ngài; Ngài là vị vua mà trước đây anh	**74.** [1]*Điều phụ thêm thứ hai* là, ngay khi tôi thức dậy, không để chỗ cho những tư tưởng xa lạ, nhưng chú tâm ngay vào điều tôi sẽ chiêm niệm trong cuộc thao luyện thứ nhất, tức là cuộc thao luyện vào nửa đêm, giục lòng xấu hổ và ngượng ngùng vì vô số tội của tôi, và bằng cách nêu ra những mẫu gương về điều đó: [2]như một nhà quí tộc nổi tiếng ở trước mặt vị vua và toàn thể triều đình của Ngài, xấu hổ và ngượng ngùng vì đã xúc phạm quá nhiều đến kẻ	**74.** [1]*Thứ hai*: một khi đã thức dậy, ngay tức khắc, không nghĩ đến điều gì khác, tôi sẽ để tâm vào điều tôi phải chiêm niệm trong cuộc thao luyện thứ nhất, cuộc thao luyện vào nửa đêm. Và để có sự xấu hổ và ngượng ngùng mãnh liệt hơn, tôi đề ra một mẫu gương về loại này: [2]Một người lính đứng trước vị vua của mình và trước toàn thể triều đình, đầy hổ thẹn, lo lắng và ngượng ngùng làm sao, vì người ấy phải thừa nhận đã thiếu sót về các bổn phận cách nặng

mà thánh I-nhã viết rõ trong bản văn (86 và 87...) vốn nằm ở trong Mười điều phụ thêm của tuần thứ nhất (87-90) hoặc "những bộ ghi chú" sau những bài thao luyện mẫu của những tuần còn lại (127-131; 204-207; 226-229). Hoặc nữa, tác giả cũng bỏ quên những can thiệp trực tiếp của thánh I-nhã khi cần giúp hiểu vấn đề (47-48) hay khi xuất hiện những điều mới (230^2-231^2)... Thực ra về những can thiệp này phần lớn thánh I-nhã không sử dụng một từ ngữ chuyên biệt nào. Ta ghi nhận hai loại giải thích trực tiếp trong một ngày mẫu của tuần một như sau:

1/ Giải thích ngay bên trong bài mẫu

Chúng ta thấy những can thiệp này khi thánh I-nhã dạy thao viên cách đặt khung cảnh và xin ơn trong tiền nguyện một và hai: trước hết, ngài giải thích ý nghĩa và cách thức đặt khung cảnh và việc xin ơn, rồi sau đó ngài cho họ áp dụng vào bài thao luyện hiện tại về hai điều này (47^{1-6} ; 48^{1-5}). Về các điểm gẫm cũng thế sau khi nói ý nghĩa từng điểm, ngài quảng diễn các điểm ấy rõ hơn (50^{4-6}; 51^{3-6}; 52^2).

2/ Giải thích ngay sau bài mẫu hay ngày mẫu.

Những giải thích này có mục đích giúp thao viên tiến hành một bài cầu nguyện hay một ngày thao luyện cho chính xác. Về bài cầu nguyện: trong những tiền nguyện, yếu tố nào không được phép thay đổi và yếu tố nào được phép thay đổi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ta đã nhận được rất nhiều ân huệ và lòng quý mến. [3]Cũng vậy, trong cuộc thao luyện thứ hai, xem thấy mình như một người tội lỗi nặng nề mang xiềng xích, nghĩa là tôi như đang bị xiềng xích, tiến lên để ra trước vị Thẩm Phán tối cao và hằng hữu; [4]giống như cách thức những tù nhân bị xiềng xích và đã đáng bị xử tử, đang ra trước vị thẩm phán thế tục, [5]và	mà trước đây mình đã nhận lãnh được vô số ơn ban và ơn huệ. [3]Cũng thế, trong cuộc thao luyện thứ hai, nhận biết mình như một người tội lỗi nặng nề, và xem thấy mình như một kẻ bị kết án đang mang xiềng xích và đi ra trước vị thẩm phán tối cao và hằng hữu; [4]suy gẫm để thấy những người bị kết án, bị tù tội, bị xiềng xích và đáng phải chết,	nề đối với chính vị vua, sau khi đã nhận lãnh rất nhiều ân huệ và vô số ơn ban đáng kể trước đó từ vị vua này. [3]Cũng thế trong cuộc thao luyện thứ hai, trong khi nghĩ rằng mình đã phạm biết bao tội lỗi dường ấy, tôi sẽ tưởng tượng rằng mình phải mang xiềng xích và phải đứng trước vị thẩm phán tối cao, [4]như bất cứ một tội nhân nào đáng phải

(49); ý nghĩa của một cuộc tâm sự là gì (54) và về các phục niệm (62^{2-3} ; 64^{2}) – còn về ngày thao luyện: chương trình sống trong một ngày với năm bài suy gẫm vốn được sắp xếp một cách chi tiết nhưng không có tính cứng ngắc, trái lại phải được thích nghi với tuổi tác, điều kiện và tính khí của mỗi người (72). Như thế Tuần một có 10 giải thích trực tiếp.

C.II.1 MƯỜI ĐIỀU PHỤ THÊM (1) Thuộc Tuần Một (73-90)

Đây là khí cụ thứ hai thánh I-nhã sử dụng để hướng dẫn thao viên trong tuần một và có liên hệ với khí cụ thứ hai của các tuần Linh Thao còn lại: Trong tuần một, "mười điều phụ thêm" có chứa những "ghi chú" (86-90), ngược lai, trong các tuần khác, khí cụ thứ hai không là "những điều phụ thêm" mà là những " bộ ghi chú" trong đó có hàm chứa những "điều phụ thêm" (127-131; 204-207; 226-229). Hai loại khí cụ có tính đảo lộn này được thánh I-nhã vận dụng để hướng dẫn người làm Linh Thao trong phạm vi một tuần Linh Thao nhằm phân biệt hai đời sống thanh luyện và soi sáng . Có tất cả 6 bộ Mười Điều Phụ Thêm và Ghi Chú cho 4 Tuần Linh Thao: Mười Điều Phụ Thêm thuộc Tuần Một (73-90) - hai Bộ Ghi Chú thuộc Tuần Hai (127-131 và 162-164), một Bộ Thuộc Tuần Ba (204-207), một Bộ Tuần Bốn (226-229) và một Bộ về Bối Rối (345-351).

Khí cụ Mười Điều phụ thêm đề cập về ba vấn đề chính yếu: về tiến trình cầu nguyện (73-77), về bầu khí thao luyện (78-81) và về việc hãm mình đền tội (82-86). Mục đích những điều phụ thêm này là nhằm giúp thao viên thực hiện các cuộc thao luyện cách tốt đẹp hơn, dễ dàng hơn hay để dễ đạt được những điều

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vừa mặc áo vừa suy nghĩ về những điều ấy hay những điều khác, tùy theo đề tài được đề nghị cho.	đang ra trước vị thẩm phán đời này thế nào. [5]Và cả khi mặc quần áo, tôi quay lại những suy nghĩ này, hay những suy nghĩ khác tương tự nơi tôi, theo như đề tài đã được đề nghị cho.	chết, bị điệu đến trước tòa án, xích sắt cột vào chân. [5]Vì thế, chính với suy nghĩ này hay những suy nghĩ khác, tùy theo mỗi loại sự kiện tôi phải suy gẫm mà tôi mặc quần áo.
75. [1]*Điều phụ thêm thứ ba*. Chừng một hay hai bước cách chỗ tôi phải chiêm niệm hay suy	**75.** [1]*Thứ ba*. Vào khoảng một hay hai bước cách nơi tôi sẽ chiêm niệm, tôi đứng khoảng	**75.** [1]*Thứ ba*, Ở xa chừng một hay hai bước cách nơi tôi suy gẫm, trong chốc lát khoảng

mình ao ước hơn (73[1]).

1/ Tiến trình việc cầu nguyện (73-77)

Một cuộc thao luyện được tiến hành bằng ba giai đoạn: việc chuẩn bị, chính cuộc thao luyện và kết thúc việc thao luyện. Đây là cách tiến hành làm mẫu để giúp thao viên tổ chức đời sống cầu nguyện của mình sau này tốt hơn.

a/ Việc chuẩn bị

Việc chuẩn bị gồm chuẩn bị xa và gần.

- Việc chuẩn bị xa được diễn tả ở hai điều phụ thêm đầu tiên (73-74) nhằm cho thấy rằng việc cầu nguyện không chỉ khởi sự ở chính việc cầu nguyện mà đã được bắt đầu ở ngay việc chuẩn bị. Nói cách khác, việc chuẩn bị đã là thành phần của việc cầu nguyện và lợi ích cũng như kết quả thiêng liêng cũng thực sự lệ thuộc vào việc chuẩn bị này. Việc chuẩn bị xa này dành riêng cho cuộc thao luyện thứ nhất và thứ hai, nghĩa là cuộc thao luyện vào lúc nửa đêm và ban sáng khi mới thức dậy (88).

Việc chuẩn bị xa gồm hai bước:

- Bước thứ nhất vào thời điểm trước khi đi ngủ của tối hôm trước và trước khi ngủ lại sau bài thao luyện lúc nửa đêm. Việc phải làm là tóm lược cuộc thao luyện sẽ làm vào nửa đêm và sau đó vào sáng hôm sau (88[1]). Thời gian dành cho việc chuẩn bị này lâu vào khoảng một Kinh Kính Mừng (A,P) hay một kinh Truyền Tin (V).
- Bước thứ hai vào lúc nửa đêm sau khi thức dậy (74[1]) và vào ban sáng (74[3]). Ngay khi thức dậy, thao viên đã tập trung vào đề tài mình sẽ thao luyện bằng tâm tình thích hợp với đề tài đó. Ở ngày mẫu này, người thao luyện mang tâm

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
gẫm, lâu độ bằng một Kinh Lạy Cha, [2]tôi nâng trí lên suy xét Thiên Chúa, Chúa chúng ta đang nhìn xem tôi như thế nào v.v., và làm một cử chỉ tỏ lòng cung kính hay quỳ gối.	chừng một Kinh Lạy Cha và một Kinh Kính Mừng, [2]và tâm hồn hướng lên cao, tôi suy xét Thiên Chúa nhìn xem tôi thế nào, v.v. và tôi quì gối cách khiêm tốn trước mặt Ngài.	một Kinh Lạy Cha, [2]tôi sẽ nâng tâm hồn hướng lên cao, tôi suy xét Chúa Giê-su hiện diện và đang nhìn xem điều tôi sẽ làm, tôi tỏ lòng tôn kính đối với Ngài bằng một cử chỉ khiêm nhường.
76. [1]*Điều phụ thêm thứ bốn*: bước vào cuộc chiêm niệm, khi quỳ gối, khi sấp mình xuống đất, lúc nằm ngửa mặt lên trời, khi ngồi, khi đứng, luôn nhằm tìm kiếm điều tôi ao ước. [2]Có hai điểm tôi phải xem xét: *Thứ nhất*, nếu tôi tìm được điều mình ao	**76.** [1]*Thứ bốn*: tôi phải bắt đầu việc chiêm niệm, đôi khi phủ phục, đôi khi nằm ngửa, đôi khi ngồi, đôi khi đứng, miễn là ta luôn luôn tìm kiếm lòng sốt mến trong các việc thay đổi này. [2]Ở đây phải xem xét hai điều: (1) Nếu tôi tìm được	**76.** [1]*Thứ bốn*: tôi sẽ bước vào chính cuộc chiêm niệm, đôi khi quỳ gối dưới đất, phủ phục, nằm ngửa lên trời cao, đôi khi ngồi hay đứng và bằng cách giữ tư thế mà tôi hy vọng đạt được dễ dàng hơn điều tôi ước ao. [2]Ở đây ta phải xem xét hai điều:

tình của một hiệp sĩ, một nhà quí tộc hay một quân lính phạm tội đi đến trước mặt vị vua (74^{1-3}) hay của một phạm nhân trọng tội đến trước mặt vị thẩm phán tối cao (74^{3-5}). Tâm tình này sẽ thay đổi và thích nghi tuỳ theo từng đề tài hay từng giai đoạn Linh Thao (130^2; 206^2; 229^2).

Việc chuẩn bị xa của các bài thao luyện khác: cuộc phục niệm thứ nhất vào giờ thánh lễ, cuộc phục niệm thứ hai vào giờ kinh chiều và việc áp dụng ngũ quan vào trước giờ ăn tối, sẽ thực hiện có giá trị tương đương với điều phụ thêm thứ hai (74). Thánh I-nhã chỉ dẫn rõ như sau: "ngay khi thấy đến giờ phải tập luyện những cuộc thao luyện thiêng liêng, trước khi đi làm việc ấy, tôi sẽ đặt trước mặt: tôi đi đâu và đến trước mặt ai, rồi tóm lược bài thao luyện sắp làm và sau khi làm điều phụ thêm thứ ba, tôi vào cuộc thao luyện thiêng liêng" (131^2).

Việc chuẩn bị gần (75) nhằm đặt mình hiện diện trước mặt Thiên Chúa và trực tiếp bước vào cuộc thao luyện, nghĩa là giờ suy gẫm (A,V) hay chiêm niệm (A,P). Nơi chốn thực hiện ngay trước chỗ cầu nguyện chừng một hay hai bước (A,P,V). Thời gian lâu khoảng một Kinh Lạy Cha (A,V) hay một Kinh Lạy Cha và một Kinh Kính Mừng (P). Chủ thể tập luyện hướng tâm hồn về Chúa Đấng đang nhìn xem mình và diễn tả tâm tình và hành vi thờ lạy Ngài.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ước khi quỳ gối thì không đi xa hơn, và nếu đang sấp mình cũng vậy v.v.	lòng sốt mến khi quì gối, tôi sẽ không tìm kiếm một cách thức nào khác, cũng thế nếu là phủ phục, v.v.	(1) Nếu tôi đạt được điều tôi ao ước, khi quỳ gối hay trong một tư thế nào khác, tôi sẽ không tìm kiếm gì thêm nữa.
[3]*Thứ hai*, ở điểm tôi gặp thấy điều tôi ao ước, tôi sẽ nghỉ ngơi ở đó, không lo phải đi xa hơn, cho đến khi thấy mình no thỏa.	(2) [3]Trong điểm chiêm niệm nơi tôi tìm thấy lòng sốt mến, tôi nghỉ ngơi ở đó mà không bận tâm cũng không lo lắng đi xa hơn, cho tới khi linh hồn tôi được no thỏa.	(2) [3]Ở điểm mà tôi tìm được lòng sốt mến mà mình tìm kiếm, tôi phải nghỉ ngơi ở đó, không bận tâm đi xa hơn cho đến khi tôi được no thỏa.
77. [1]*Điều phụ thêm thứ năm*: khi xong cuộc Thao luyện trong khoảng mười lăm phút, hoặc ngồi hoặc đi đi lại lại, tôi sẽ kiểm điểm xem việc chiêm	**77.** [1]*Thứ năm*: sau khi kết thúc cuộc thao luyện, trong khoảng một phần tư giờ, hoặc ngồi hoặc đi dạo, tôi sẽ tìm kiếm xem tôi đã xử sự thế nào trong	**77.** [1]*Thứ năm*: một khi kết thúc cuộc thao luyện, ngồi xuống hay đi lại, trong khoảng mười lăm phút, tôi tự hỏi bài suy gẫm hay chiêm niệm

b/ Chính cuộc thao luyện (76)

Chính cuộc thao luyện khởi từ kinh dọn lòng (46), các tiền nguyện: hai đối với việc suy gẫm (47-48) và ba đối với việc chiêm niệm (102-104), các điểm cầu nguyện có thể ba, năm, ít hay nhiều hơn (228) và cuộc tâm sự: hoặc với Chúa Ki -tô (53), với Chúa Cha (60) hay tâm sự nhờ trung gian (63).

Trong cuộc thao luyện, thánh I-nhã chỉ dẫn nhiều về tư thế. Trước đây ngài đã chỉ dẫn điều này trong tương quan giữa việc vận dụng trí hiểu và ý chí (3). Bây giờ ngài đề đề cập đến trong chính việc thao luyện. Có thể nói, đối với thánh I-nhã, mọi tư thế đều được vận dụng như phương thế gặp gỡ Thiên Chúa và tìm kiếm điều mình ao ước. Dầu vậy, người ta luôn phải lưu ý canh chừng để tránh gây lo ra cho người khác, chẳng hạn khi ở trong nhà thờ (88^{2}). Ngài dặn dò rằng thao viên sẽ không đổi tư thế nếu ở đó họ tìm gặp được điều mình ao ước. Và nếu đã tìm gặp, họ không bận tâm phải đi xa hơn nhưng ở lại cho đến khi được no thoả (76^{2-3}). Như thế, ích lợi thiêng liêng hệ ở phẩm chất của kinh nghiệm thiêng liêng chứ không lệ thuộc vào số lượng kiến thức của đề tài cầu nguyện đưa ra (2^{5}).

c/ Kết thúc việc thao luyện (77)

Đây chính là việc xét nguyện, tức là xét mình về cuộc thao luyện mình đã làm .

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
niệm hay suy gẫm đã diễn ra thế nào; [2]nếu không tốt đẹp, tôi nhìn xem nguyên nhân bởi đâu, và khi nhận ra, tôi ăn năn để sửa mình về sau; [3]nếu tốt đẹp, tôi tạ ơn Thiên Chúa, Chúa chúng ta và lần khác sẽ làm như vậy.	việc chiêm niệm; [2]và nếu không tốt, tôi nhìn xem nguyên nhân và hối lỗi và tôi dốc lòng sửa mình sau đó; [3]nếu tốt, tôi tạ ơn Thiên Chúa và lần sau, tôi làm việc chiêm niệm bằng cách giữ cùng một cách thức.	được diễn ra cho tôi bằng cách nào. [2]Và nếu không tốt đẹp, tôi sẽ đi tìm những nguyên nhân, và rồi ăn năn và sửa mình. [3]Nếu ngược lại, tốt đẹp, tôi tạ ơn Chúa và quyết định sẽ làm cùng một cách thức trong tương lai.
78. [1]*Điều phụ thêm thứ sáu*. Đừng ham suy nghĩ đến những điều vui thú hay mừng rỡ, như sự vinh hiển, sự phục sinh v.v.; vì mọi suy xét đem đến niềm vui sướng và hoan hỉ đều ngăn cản ta cảm nghiệm được sự đau khổ, đau đớn và nước mắt vì tội lỗi ta; [2]nhưng trái lại giữ trước mặt lòng muốn chịu phiền muộn và cảm thấy đau đớn, bằng việc	**78.** [1]*Thứ sáu*: không suy nghĩ những điều vui sướng, như vinh quang của sự phục sinh, v.v.; vì mọi sự suy xét về niềm vui sướng hay hoan hỉ đều ngăn cản ta có được sự đau khổ, đau đớn hay nước mắt vì tội lỗi chúng ta; [2]nhưng ích lợi hơn nếu dốc lòng muốn sự đau đớn và buồn phiền, bằng cách nhớ kỹ đến sự chết hay sự phán xét.	**78.** [1]*Thứ sáu*. Tôi sẽ tránh những suy nghĩ đem đến niềm vui sướng, như suy nghĩ về sự phục sinh vinh hiển của Đức Ki-tô; vì tất cả suy nghĩ thuộc loại này ngăn cản nước mắt và sự đau đớn vì các tội lỗi mà tôi phải tìm kiếm bây giờ, [2]bằng cách thúc giục sự hồi tưởng hướng về sự chết và sự phán xét nhiều hơn.

Thánh I-nhã đòi hỏi thao viên phải dành mười lăm phút vào công việc kiểm điểm này để thấy việc suy gẫm hay chiêm niệm mình đã thực hiện thế nào (77[1]). Quả vậy, hình thức xét mình này nhằm rút ra những bài học cần thiết để cải thiện và canh tân cuộc Linh Thao của mình cho mỗi ngày một hoàn hảo hơn: Nếu cuộc thao luyện tốt đẹp, họ tạ ơn Chúa và lấy đó làm mẫu cho những cuộc thao luyện sau này. Ngược lại, nếu không tốt, họ phải truy tìm nguyên nhân để cải thiện những cuộc thao luyện sắp tới: lỗi tại mình, cần sám hối và tu sửa – do những tác động khác, phải rút lấy bài học. Việc xét gẫm rất cần thiết cho hành trình gặp gỡ Chúa và hình thành cho mình cách cầu nguyện riêng.

2/ Bầu khí Linh Thao (78-81)

Bầu khí Linh Thao được đề cập nhằm giúp thao viên sống đúng tâm trạng của từng giai đoạn thao luyện. Bầu khí này, dù mang tính ngoại tại, nhưng lại có tầm mức quan trọng để chủ thể có thể tìm được điều mình tìm kiếm. Bởi lẽ điều họ tìm kiếm có khi không gặp được trong giờ thao luyện chính thức, mà ở trong

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
năng nhớ đến sự chết, sự phán xét nhiều hơn.		
79. <u>*Điều phụ thêm thứ bảy*</u>. Vì cùng một mục đích ấy, kiêng lánh mọi ánh sáng, khi đóng hết các cửa sổ cũng như cửa ra vào khi ở trong phòng; trừ lúc đọc kinh, đọc sách hay ăn cơm.	**79.** <u>*Thứ bảy*</u>: kiêng lánh ánh sáng bằng cách đóng cửa sổ và cửa ra vào, bao lâu tôi ở trong phòng, nếu không phải là lúc đọc kinh thần vụ, đọc sách và dùng bữa.	**79.** <u>*Thứ bảy*</u>. Vì cùng một lý do đó, tôi kiêng lánh mọi ánh sáng ban ngày, bằng cách đóng cửa ra vào và cửa sổ khi tôi ở trong đó, trừ khi đọc sách hoặc dùng bữa.
80. <u>*Điều phụ thêm thứ tám*</u>. Đừng cười và đừng nói gì gây cho người khác cười.	**80.** <u>*Thứ tám*</u>: giữ mình không cười và không nói những lời nói khêu gợi người khác cười.	**80.** <u>*Thứ tám*</u>. Tôi hoàn toàn tránh cười và những lời nói khêu gợi người khác cười.
81. <u>*Điều phụ thêm thứ chín*</u>. Cầm hãm con mắt	**81.** <u>*Thứ chín*</u>: giữ gìn con mắt để không nhìn	**81.** <u>*Thứ chín*</u>. Tôi không nhìn ai ngoại trừ trường hợp buộc phải chào ai

những thời điểm khác: đi dạo, nghỉ ngơi, tắm rửa, v.v... Và đó là ý nghĩa về sự tự do hoạt động của Thánh Thần (Ga 3,8).

Việc tạo bầu khí Linh Thao gồm hai thành phần: thành phần biến thiên cho từng giai đoạn và thành phần không đổi cho toàn thể cuộc Linh Thao.

a/ Thành phần biến thiên.

Thành phần này được đề cập ở điều phụ thêm thứ sáu và thứ bảy (78-79). Hai điều phụ thêm này chỉ áp dụng cho tuần một, mà một thuộc phạm vi nội tâm và một thuộc về ngoại cảnh. Trước hết về nội tâm: tâm tình của tuần một phải hợp với ơn xin, nghĩa là tâm tình của sự đau buồn, sám hối... (48^{4}; 55^{4}). Vì thế những tư tưởng phát sinh niềm vui sướng, phục sinh... sẽ không cho thao viên đi vào thế giới nội quan và nhận ra chân tướng phản Ki-tô của mình, đồng thời không cho họ mở ra để sống tâm tình sám hối – Sau nữa về cảnh sống, cũng cần thiết để thao viên tìm gặp chính mình. Tâm tình tuần một sẽ thích hợp và sinh ích lợi nếu họ kiêng lánh ánh sáng bằng cách đóng của sổ và cửa ra vào. Vì mục đích này mà khung cảnh sống được thích nghi với các tuần còn lại (130^{4-5}; 206^{4}; 229^{3-4}).

b/ Thành phần không đổi.

Tức là mối tương quan bên ngoài. Thánh I-nhã không chỉ đòi buộc một kỷ luật bản thân trong Linh Thao (11-13) mà kỷ luật ấy còn phải tuyệt đối tuân giữ trong mối tương quan với người khác, ít nhất vì lý do tôn trọng và bác ái đối với họ. Vì thế ngài đòi buộc thao viên không được phép gây xáo trộn không chỉ cho mình

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hướng xuống, trừ khi tiếp đón người mà tôi phải nói với họ hay để từ giã họ.	chằm chằm vào mặt người khác, nếu không phải là ngay từ lúc đầu mình phải chào hỏi họ hoặc sau cùng phải từ biệt họ.	hay từ giã một người nào.
82. [1]*Điều phụ thêm thứ mười*. Việc hãm mình đền tội phân chia ở bề trong và bề ngoài, [2]bề trong là đau đớn vì tội lỗi mình cùng quyết tâm không bao giờ tái phạm tội này hay tội khác nữa, [3]bề ngoài là hoa trái của sự thống hối bề trong, là sửa phạt vì tội lỗi đã phạm; việc này được thực hiện bằng ba cách.	**82.** [1]*Thứ mười* liên quan đến việc hãm mình đền tội vốn được phân chia thành việc hãm mình đền tội bên trong và bên ngoài. [2]Việc hãm mình đền tội bên trong là sự đau đớn vì tội lỗi, với sự quyết tâm của linh hồn không tái phạm một lần nào nữa những tội lỗi đó hay các tội khác. [3]Việc hãm mình đền tội bên ngoài (vốn là hoa quả của bên trong) là việc sửa phạt vì các tội lỗi đã phạm. Ta nhìn xem và	**82.** [1]*Thứ mười*. Tôi sẽ thêm một việc đền bù hay hãm mình đền tội nào đó: điều này được phân biệt thành việc hãm mình đền tội bên trong và bên ngoài. [2]Việc hãm mình đền tội bên trong là sự đau đớn vì những tội lỗi cá nhân cùng với quyết tâm tránh xa các tội này và mọi tội khác trong tương lai. [3]Việc hãm mình đền tội bên ngoài là hoa trái của việc hãm mình đền tội bên trong, nghĩa là việc sủa

mà cả cho người khác (80) và phải có thái độ nghiêm trang trừ khi buộc phải diễn tả sự giao tiếp cách tối thiểu (81).

3/ Việc hãm mình đền tội (82-86)

Việc hãm mình đền tội cũng là thành tố của những cuộc thao luyện. Ngay sau khi phân chia việc hãm mình đền tội làm hai loại, bên trong và bên ngoài, thánh I-nhã lấy ngay tâm thức của thao viên ở thanh luyện ra để bàn. Vì thế, yếu tố này sẽ biến thiên và thích nghi vào các tuần Linh Thao khác vốn thuộc đời sống soi sáng (130[5-6]; 229[5]). Và rồi, việc hãm mình và đền tội sau cuộc chọn lựa trở nên cách tu chỉnh theo gương Chúa Ki-tô ở đó việc tu chỉnh trong việc ăn uống được chọn làm đại biểu cho hai việc còn lại là ngủ nghỉ và phạt xác (210-217; 229[5]). Hãm mình đền tội chính là cách diễn đạt tâm tình đau đớn vì tội lỗi trong quá khứ và dốc lòng không tái phạm đồng thời diễn tả ra bên ngoài bằng ba cách:

a/ Cách thứ nhất: việc ăn uống (83)

Điều thánh I-nhã đòi chúng ta phân biệt ở đây là sự tiết độ và việc hãm mình

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	suy xét việc hãm mình đền tội này chính yếu ở ba hình thức.	phạt vì các tội đã phạm. Nó có thể được thực hiện chính yếu bằng ba cách:
83. [1]*Cách thứ nhất* về đồ ăn, khi bỏ bớt sự gì dư thừa, thì không phải là hãm mình đền tội, nhưng mới là tiết độ. [2]Hãm mình đền tội là khi ta bỏ bớt điều thiết thực, và càng bỏ bớt nhiều, việc hãm mình đền tội càng lớn lao và tốt đẹp, miễn là không làm tổn hại sức khỏe và không gây bệnh tật trầm trọng.	**83.** [1]*Thứ nhất* liên quan đến đồ ăn và thức uống; ở phạm vi này, nếu chúng ta chỉ bỏ bớt điều dư thừa, đó không phải là việc hãm mình đền tội mà chỉ là tiết độ. [2]Là hãm mình đền tội khi chúng ta kiêng bớt điều gì thuộc đồ ăn thiết thực và cần thiết; và chúng ta càng kiêng bớt nhiều, điều đó càng tốt hơn, miễn là chủ thể không bị tổn hại về sức khỏe hoặc người ấy không bị mắc bệnh cách trầm trọng.	**83.** [1]*Cách thứ nhất* liên quan đến việc ăn uống, bằng việc không chỉ bỏ bớt một số lương thực dư thừa (điều thuộc về tiết độ chứ không phải là hãm mình đền tội) [2]nhưng cả đến những lương thực cần dùng; và càng bỏ bớt, ta càng làm việc hãm mình đền tội tốt hơn, mặc dù khi đó ta cần phải tránh gây ra sự suy yếu thể chất hay một tật nguyền trầm trọng hay một bệnh tật.

đền tội trong việc ăn uống. Tiết độ chỉ dừng lại trong phạm vi bỏ bớt những điều dư thừa. Bản V xác định rõ "số lượng dư thừa" (83^1). Việc hãm mình đền tội đi xa hơn, nghĩa là không chỉ dừng lại ở điều dư thừa, mà còn bỏ bớt cả điều thiết thực theo bản A. Bản V xác định rõ đối tượng của việc hãm mình đền tội bằng cụm từ: "lương thực cần thiết". Bản P có tính dung hợp khi sử dụng cả hai tính từ "thiết thực" của A và "cần thiết" của V khi nói "chúng ta kiêng bớt điều gì thuộc về đồ ăn thiết thực và cần thiết" (83^2).

Như vậy, mức độ hãm mình đền tội có một mối tương quan tỉ lệ thuận với việc kiêng bớt những món ăn cần thiết đó. Tuy nhiên, thánh I-nhã đòi phải ngăn ngừa việc hãm mình đền tội quá mức vốn có thể làm tổn hại đến sức khoẻ và dẫn đến bệnh tật nghiêm trọng (83^{2b}).

b/ Cách thứ hai: giấc ngủ (84)

Hãm mình đền tội liên quan đến giấc ngủ bao gồm hai yếu tố: vật dụng và thời lượng như bản V diễn đạt (84^1), và người ta chỉ làm việc hãm mình đền tội ở lãnh vực vật dụng, còn thời lượng thì không.

Hãm mình đền tội như thế không phải là chỉ bỏ bớt những vật dụng đài các, mềm mại, mà cả những vật dụng bình thường (V) hoặc cần thiết (P). Bản A tổng hợp

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
84. [1]*Cách thứ hai* về cách thức ngủ nghỉ, ở đây cũng thế, khi bỏ những thứ dư thừa như vật dụng mềm mại ***và*** êm ái thì không phải là hãm mình đền tội, [2]nhưng hãm mình đền tội khi bỏ bớt sự cần thiết bình thường trong cách ngủ nghỉ, và càng bỏ bớt nhiều càng có giá trị, miễn là không làm tổn hại sức khỏe và không gây bệnh tật trầm trọng, [3]và cũng không nên bớt giấc ngủ bình thường, trừ khi có thói xấu ngủ nhiều quá mà muốn đạt đến mức trung dung.	**84.** [1]*Thứ hai* liên quan đến giấc ngủ, ở đó cũng không phải là việc hãm mình đền tội khi bỏ bớt sự dư thừa của giường nằm mềm mại và đài các. [2]Nhưng có việc hãm mình đền tội khi bỏ cả điều cần thiết. Và càng bỏ bớt, càng có giá trị hơn, miễn là chủ thể không gây tổn hại về sức khỏe hoặc không gây bệnh tật trầm trọng, [3]hoặc giấc ngủ thích hợp cũng không được giảm bớt, trừ khi ta là nạn nhân của thói quen xấu vì ngủ quá nhiều, nhằm đạt đến một mức độ chính đáng.	**84.** [1]*Cách thứ hai* liên quan đến giấc ngủ và giường nằm, bằng cách bỏ bớt không chỉ những gì mềm mại hay đài các, [2]nhưng cả những gì khác bình thường, trong chừng mực điều đó được phép ngoại trừ tất cả mọi nguy hiểm nghiêm trọng cho đời sống hay sức khỏe. [3]Vì thế, không được cắt bỏ chút gì liên quan đến giấc ngủ cần thiết, nếu đó không phải là một chút thời gian, để điều chỉnh một thói quen nếu đã có thói quen ngủ quá nhiều.

---

cả hai yếu tố bình thường và cần thiết trên. Và cũng như ở trên, thánh I-nhã cũng ngăn ngừa sự lạm dụng quá đáng ở đây liên quan đến hãm mình đền tội: việc hãm mình đền tội trong ngủ nghỉ đòi bỏ những vật dụng thiết yếu càng nhiều thì càng có giá trị, nhưng luôn phải lưu tâm đến sức khỏe.

Thánh I-nhã đã can thiệp vào bản văn A khi nói về vật dụng của giường ngủ: ngài nối kết hai tính từ "mềm mại" và "êm ái" bằng liên từ "và". Bản văn P cũng làm như thế nhưng là hai tính từ : "mềm mại" và "đài các"; còn bản V sử dụng hai tính từ của P nhưng nối kết bằng từ "hay" theo hướng chọn lựa(84[1]).

Về thời lượng ngủ, ngài không cho phép giảm bớt trừ khi phải điều chỉnh một thói quen xấu ngủ quá nhiều để đạt đến mức độ trung dung phải có (84[3]).

c/ Cách thức thứ ba: việc phạt xác (85-86)

Việc phạt xác vốn là một việc tu đức đã có từ xa xưa trong truyền thống của Giáo Hội. Mặc dù vào thời trung cổ, việc phạt xác chịu ảnh hưởng thần học thánh Augustino một cách nặng nề, nhưng điều ấy theo thánh I-nhã không có nghĩa là thân xác con người bị coi thường. Đúng hơn, việc này có mục đích chế ngự con người cũ, con người tội lỗi với những lăng loàn và ngạo mạn của nó (59). Việc đeo dây đai có mũi nhọn, dây thừng hoặc xích sắt... biểu lộ sự chế ngự này.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
85. <u>*Cách thứ ba*</u> về việc phạt xác, nghĩa là làm cho nó chịu sự đau đớn cảm thấy được như mang trên mình những dây đai có mũi nhọn hoặc dây thừng hay xích sắt đánh vào mình, làm cho mình đau đớn, hoặc dùng những hình thức khổ chế khác.	**85.** <u>*Thứ ba*</u> liên quan đến việc phạt xác khi làm cho nó đau đớn do cảm giác đưa đến, khi chúng ta mang những dây đai có mũi nhọn, hoặc những dây thừng hoặc xích sắt, hoặc khi chúng ta làm cho thân xác chịu đau đớn bởi những hình thức khổ chế khác.	**85.** <u>*Cách thứ ba*</u> liên quan đến chính thể xác, đến mức thân xác cảm nếm một sự đau đớn người ta bắt nó phải chịu, bằng việc sử dụng hay mang trên mình những dây đai có mũi nhọn, dây thừng hay xích sắt, hoặc bằng việc làm cho mình đau đớn và bằng việc hành xác hay thực hiện những việc khổ chế khác.
86. [1]*(Giải thích)* Xem ra thích hợp hơn và an toàn hơn trong việc hãm mình đền tội nếu sự đau đớn được cảm nếm chỉ trên da thịt nhưng không	**86.** *(Giải thích)* [1]Tất cả những điều đó, dường như thích hợp hơn và chắc chắn hơn nếu chỉ làm cho thân xác chịu sự đau đớn về cảm giác, sao	**86.** *(Giải thích)* [1]Tuy nhiên trong tất cả những điều đó, hầu như thích hợp hơn nếu sự đau đớn chỉ được phép làm nơi thể xác và không xuyên

Và cũng để tránh sự thái quá trong việc phạt xác, thánh I-nhã nhắc nhở thao viên chỉ dùng những phương tiện gây đau đớn bên ngoài để cảm nghiệm sự đau đớn trên da thịt mà thôi. Bởi lẽ việc phạt xác thái quá có nguy cơ tạo nên thương tích xuyên thấu vào xương cốt và gây nên bệnh tật nguy hiểm (86).

Vì không hiểu hệ thống sắp xếp khí cụ hướng dẫn của thánh I-nhã, nên nội dung việc phạt xác này đã được viết bên lề bản A bằng từ ngữ "nota, ghi chú" *(Ignace de Loyola, Texte autographe des Ex. Sp., Christus, Desclée de Brouwer, Paris, 1986, tr, 94).* Thực ra, đây là "việc giải thích trực tiếp" về vấn đề phạt xác nhằm tránh sự lầm lẫn với những "ghi chú" được viết ra cách minh nhiên ngay sau đó (87-90). Quả vậy, số 85 và 86 được viết liền với nhau trong bản A mà không hề có sự cách biệt nào.

Trong bản A, lẽ ra cụm từ "việc hãm mình đền tội" phải hiểu là "phạt xác". Vì giải thích nhắm trực tiếp đến việc phạt xác mà thôi, không liên quan đến ăn uống và ngủ nghỉ (86^1).

4/ Những ghi chú (87-90)

Đây là những ghi chú thực sự. Bản A sử dụng danh từ "nota, (ghi chú)" ở ngay đầu câu cho cả bốn số còn lại của tuần một. Bản V lại sử dụng động từ "ghi chú về bốn điều" cho những ghi chú này (87^1). Bản P tỏ ra không hiểu những khí cụ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
phạm đến tận xương cốt, làm sao để cảm thấy đau đớn nhưng không sinh bệnh tật, [2]vì thế có lẽ nên đánh mình bằng những dây nhỏ chỉ làm đau đớn ngoài da, hơn là dùng những cách khác có thể gây nội thương nguy hiểm.	cho sự đau đớn đó không xuyên thấu và đi vào tới xương cốt, nhưng gây đau đớn mà không gây bệnh tật. [2]Không có gì thích hợp hơn cho bằng làm cho thân xác đau đớn và đánh đòn bằng những dây nhỏ cuốn lại, vì chúng chỉ gây nên sự đau đớn bên ngoài và không gây ra một bệnh tật đáng kể nào bên trong.	thấu vào xương cốt vốn có nguy cơ gây nên bệnh tật. [2]Vì thế, chúng ta nên sử dụng những roi bằng dây nhỏ, vốn làm đau đớn bên ngoài thân xác và không làm đau đớn bên trong là điều có thể gây nên bệnh tật.
87. [1]*Ghi chú thứ nhất* là những việc hãm mình đền tội bề ngoài chủ yếu được làm nhằm ba mục đích chính: *Thứ nhất* để đền bù những tội đã phạm; [2]*Thứ hai* để chiến thắng chính mình, nghĩa là để bắt tình cảm vâng theo lý trí và mọi phần hạ phục tùng phần	**87.** [1]*Chú dẫn thứ nhất* liên quan đến việc hãm mình đền tội bên ngoài. Thật vậy, thường thường ta cần đến sự trợ giúp của việc hãm mình đền tội bên ngoài này trước hết vì một trong ba điều: (1) Để đền bù vì các tội lỗi mà chúng ta đã phạm. (2) [2]Để chiến thắng	**87.** [1]Còn phải *ghi chú* bốn điều sau đây về việc hãm mình đền tội. *Thứ nhất*: lợi ích hay kết quả của việc hãm mình đền tội bên ngoài có ba đặc điểm: (1) Đền bù một chút gì đó vì các lỗi lầm quá khứ. (2) [2]Chiến thắng chính mình, bằng cách bắt phần

ấy nên đã sử dụng từ ngữ "chú dẫn" thay cho "ghi chú". Điều này lại gây ra sự lầm lẫn về từ ngữ đối với khí cụ "chú dẫn" ở đầu sách Linh Thao (1-20). Không chỉ thế, bản P cũng sẽ có những lầm lẫn tương tự (162-164; 346-351).

Những ghi chú này là những giải thích liên quan đến những điều phụ thêm. Ghi chú thứ nhất (87) giải thích mục đích việc hãm mình đền tội liên quan đến số 82; ghi chú thứ hai liên quan đến điều phụ thêm thứ nhất, hai và bốn (73[2]; 74; 76[1]); ghi chú thứ ba liên quan đến điều phụ thêm thứ bốn (76); sau cùng ghi chú thứ tư liên quan đến việc xét mình riêng (24-31) và việc thao luyện (6; 73-86).

a/ Ghi chú thứ nhất (87)

Ghi chú thứ nhất liên quan đến số 82 cho rằng việc hãm mình đền tội bên ngoài là hoa quả của việc hãm mình đền tội bên trong để đạt được sự quyết tâm ở ba điểm:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thượng; [3]*Thứ ba* để tìm kiếm và tiếp nhận một ân sủng hay ân huệ mà người ta mong muốn và ước ao, chẳng hạn ước ao được lòng ăn năn về tội lỗi mình, [4]hoặc khóc lóc nhiều về những tội lỗi ấy hoặc về những đau khổ và đau đớn Chúa Ki-tô đã chịu trong cuộc thương khó, hay để giải quyết một nghi nan người ta đang lâm vào.	chính chúng ta; điều này có được khi bắt tình cảm phải vâng phục lý trí và những phần hạ của linh hồn phải phục tùng các phần thượng. (3) [3]Sau cùng để khám phá và tìm ra một ơn sủng hay một ơn ban mà chúng ta nài xin hay ao ước; thí dụ như một sự ăn năn nội tâm về các tội lỗi, [4]hoặc sự đau đớn và đau khổ về các tội đó hay về những đau đớn và buồn phiền mà Đức Ki-tô đã phải chịu vì chúng ta trong cuộc thương khó rất khốc liệt của Ngài, hoặc để giải quyết một sự ngờ vực nào đó của chúng ta.	hạ của con người, mà ta gọi là tình cảm, phải phục tùng phần thượng hơn nữa, nghĩa là lý trí. (3) [3]Sau cùng tìm kiếm và đạt được ơn ban nào đó của ơn huệ thần linh mà chúng ta ao ước, thí dụ lòng ăn năn bên trong của con tim về tội lỗi [4]và chảy nhiều nước mắt, hoặc vì những điều này: vì những đau khổ và đau đớn về cuộc khổ nạn Chúa Ki-tô, hay việc giải quyết một nghi nan nào đó vốn đè nặng trên chúng ta.
88. [1]*Thứ hai* là chú ý rằng các điều phụ thêm thứ nhất và thứ hai phải thực hiện đối với các	**88.** [1]*Thứ hai*: chú ý rằng điều phụ thêm thứ nhất và thứ hai dùng cho các cuộc thao luyện được làm	**88.** [1]*Thứ hai*: hai điều phụ thêm đầu tiên chỉ thích hợp với những cuộc thao luyện được làm vào

- Trước hết, đền bù về những tội đã phạm. Chắc chắn đây không phải là việc đền bù theo nghĩa công bình, mà theo nghĩa tỏ lòng sám hối hơn. Vì thế bản V sử dụng trạng từ "một chút" để diễn đạt ý niệm này (87[1]).
- Thứ đến, để chiến thắng chính mình. Trong khi bản A và P tách biệt tình cảm và lý trí với phần hạ và phần thượng, thì V nối kết nhằm cho thấy phần hạ chính là tình cảm và phần thượng là lý trí (87[2]). Xem ra V chính xác hơn.
- Sau cùng, để tìm kiếm và lãnh nhận ơn lành mình ao ước. Ở đây, thánh I-nhã đề cập ơn của tuần một và tuần ba cùng với những nghi nan nếu có. Nhưng đó là những thí dụ tiêu biểu cho những điều khác và những tuần khác (87[3-4]).

b/ Ghi chú thứ hai (88)

Ghi chú thứ hai nói về đặc tính các cuộc thao luyện: chỉ có cuộc thao luyện thứ nhất vào nửa đêm và thứ hai vào ban sáng mới có việc chuẩn bị xa (73-74). Các

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
cuộc thao luyện nửa đêm hay rạng sáng chứ không phải cho các cuộc thao luyện ở những thời điểm khác. [2]Còn điều phụ thêm thứ bốn không bao giờ làm ở nhà thờ trước mặt công chúng mà chỉ làm ở nơi riêng tư, thí dụ trong nhà mình v.v.	vào nửa đêm và ban sáng, chứ không sử dụng cho các cuộc thao luyện khác vốn được làm ở những lúc khác; [2]và điều phụ thêm thứ bốn không bao giờ được làm trong nhà thờ trước mặt những người khác, nhưng chỉ được làm cách bí mật, thí dụ trong phòng hay nhà mình.	nửa đêm và ban sáng; [2]về điều phụ thêm thứ tư, không bao giờ được làm trong nhà thờ hay trước mặt người khác, nhưng chỉ nơi (nhà hay phòng) của mình và làm cách bí mật.
89. [1]*Thứ ba* khi người tập Linh Thao không tìm được điều mình ao ước như nước mắt, sự an ủi v.v., nhiều khi lại hữu ích nếu thay đổi ít nhiều trong việc ăn uống, ngủ nghỉ và những cách hãm mình đền tội khác. [2]Chẳng hạn làm việc hãm mình đền tội hai hoặc ba ngày, rồi ngưng lại hai hay ba ngày; vì có những người nên làm việc hãm mình đền tội nhiều hơn, có những người khác lại nên làm ít hơn. [3]Cũng vậy, thường	**89.** [1]*Thứ ba*: khi thao viên chưa tìm thấy điều mình tìm kiếm và ao ước, thí dụ như nước mắt, an ủi, thường rất ích lợi nếu làm một sự thay đổi như trong đồ ăn, thức uống và giấc ngủ cũng như trong những việc hãm mình đền tội khác; [2]bằng cách chúng ta nhấn mạnh vào việc hãm mình đền tội trong ba ngày và ta ngưng lại hai hay ba ngày tiếp theo đó, vì đối với những người này họ phải làm việc hãm mình đền tội nhiều hơn thì thích	**89.** [1]*Thứ ba*: khi thao viên không đạt được kết quả phải tìm kiếm, như sự đau đớn hay an ủi, thì điều có ích lợi là thay đổi nhiều lần qui chế ăn uống và ngủ nghỉ và những loại hãm mình đền tội khác. [2]Ví như ta sẽ làm việc hãm mình đền tội ba ngày rồi ngưng lại hai hay ba ngày tiếp theo, tùy thuộc vào mỗi người phải làm việc hãm mình đền tội nhiều hay ít. [3]Ngoài ra, chúng ta thường dễ bỏ qua những việc hãm mình đền tội

cuộc thao luyện khác chưa nói đến việc chuẩn bị này (x. 131) – còn những tư thế khác nhau trong khi làm những cuộc thao luyện được vận dụng chỉ ở nơi riêng tư (75^2 ; 76^1) mà không được làm ở trong nhà thờ hay nơi công cộng. Vì kỷ luật và bầu khí Linh Thao đòi hỏi như thế nhằm tôn trọng và giữ bầu khí thao luyện trong tương quan với người khác (11-13; 80-81).

c/ Ghi chú thứ ba (89)

Ghi chú thứ ba liên quan đến điều phụ thêm thứ tư, nhưng về "điều mình ao ước" hay "phải tìm kiếm" (76^1). Ngoài nguyên do lỗi của thao viên khiến không đạt được điều mình ao ước (322^1), ta còn thấy Thiên Chúa có thể thử thách ta (322^{2-4})

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ta hay bỏ việc hãm mình đền tội bởi tính dung dưỡng cảm xúc và phán đoán sai lầm cho rằng sức mình không chịu nổi mà sẽ sinh ra bệnh tật trầm trọng; [4]trái lại đôi khi ta lại phải làm quá đi, tưởng nghĩ thân xác vẫn có thể chịu được. [5]Và vì Thiên Chúa là Chúa chúng ta, thông biết bản tính chúng ta hơn chúng ta vô cùng, sẽ cho mỗi người nhận ra điều thích hợp với mình qua những sự thay đổi ấy.	hợp, còn những người khác lại phải làm ít hơn. [3]Vì cũng như chúng ta thường bỏ bớt việc hãm mình đền tội vì sự nuông chiều cảm xúc của chính chúng ta và vì sự phán đoán sai lầm rằng chủ thể xác phàm không thể chịu đựng được việc hãm mình đền tội ấy mà lại không mang bệnh trầm trọng. [4]Và đôi khi chúng ta phải làm ngược lại: thật vậy, chúng ta làm việc hãm mình đền tội nặng nề quá đi đến nỗi thân xác không thể chịu đựng được. [5]Và vì Thiên Chúa biết rõ bản tính chúng ta hơn biết chừng nào, nên Ngài thường cho mỗi người cảm nghiệm điều gì đó ích lợi cho mình trong những thay đổi như thế.	thuộc loại này vì lòng quyến luyến xác thịt hay vì sự xét đoán sai lầm trong tư tưởng rằng thể chất tự nhiên của chúng ta không thể chịu đựng được những điều ấy mà lại không làm phát sinh một sự thiệt hại nặng nề cho sức khỏe; [4]và ngược lại, đôi khi chúng ta cần vượt quá mức độ chính đáng của việc hãm mình đền tội, bằng việc đặt niềm tin vào mình quá đi trong việc cưỡng lại thể xác. Vì thế, như đã nói, bằng việc thay đổi các loại hãm mình đền tội, và bằng cách thực hiện rồi dừng các điều ấy lại cách luân phiên, [5]Thiên Chúa hằng thương xót hoàn toàn biết rõ bản tính chúng ta, sẽ cho mỗi người khám phá thấy điều gì ích lợi cho mình.
90. <u>*Thứ bốn*</u>: Xét mình riêng để từ bỏ những nết xấu và những trễ nải	**90.** <u>*Chú dẫn thứ tư*</u>: việc xét mình riêng sẽ được thực hiện để loại trừ một	**90.** <u>*Thứ bốn*</u>: việc xét mình riêng sẽ được làm để loại bỏ những tội lỗi

để đào luyện ta đạt tới sự trưởng thành về nhân bản và siêu nhiên (x. chú giải 320-324).

Để đạt được mục tiêu này, thao viên còn cần gia tăng việc hãm mình đền tội nhiều hơn, hoặc thay đổi cách thức thực hiện những quy tắc ăn uống, ngủ nghỉ và những việc hãm mình đền tội khác theo cách thức thích hợp. Ngoài ra, có khi phải làm quá đi để chống lại sự dung dưỡng xác thịt vốn là cám dỗ thường hằng và Thiên Chúa sẽ cho chủ thể tìm ra điều gì Ngài thích hợp ngang qua những thay đổi đó.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trong việc thao luyện và về các việc phụ thêm; cả các tuần thứ hai, thứ ba và thứ bốn cũng làm như vậy.	nết xấu và những trễ nải về các cuộc thao luyện và các điều phụ thêm; cả các tuần thứ hai, thứ ba và thứ bốn cũng làm như vậy.	và những trễ nãi thường có trong các cuộc thao luyện và các điều phụ thêm. Điều đó cũng phải được xem xét trong ba tuần khác kế tiếp.

d/ Ghi chú thứ bốn (90)

Ghi chú thứ bốn liên quan đến việc xét mình riêng (24-31) và việc thao luyện (6; 73-86). Vấn đề được đặt ra: những điều nào là đối tượng cho việc xét mình riêng ở đây? Có hai cách đọc bản văn:

- Cách thứ nhất: đối tượng chính là việc thao luyện và mười điều phụ thêm nếu ta đọc bản văn như sau: xét mình riêng để loại bỏ những khiếm khuyết (A,P) hay những lầm lỗi (V) và những trễ nải trong các cuộc thao luyện và những điều phụ thêm...
- Cách thứ hai: đối tượng sẽ không chỉ là các cuộc Linh Thao và những điều phụ thêm, mà còn cả đối tượng của chính việc xét mình riêng nếu chúng ta đọc từ ngữ 'khiếm khuyết" và "lỗi lầm" là "nết xấu" và "tội lỗi" (defecto trong bản A, defectus bản P và culpa bản V). Lúc đó việc xét mình riêng sẽ gồm hai điều: thứ nhất là loại bỏ những nết xấu chủ đạo hay tội lỗi chính yếu của việc xét mình riêng đúng nghĩa (24); thứ hai là loại bỏ những trễ nải trong việc thao luyện và về các điều phụ thêm.

Hai đối tượng liên quan đến cuộc Linh Thao chúng ta không bàn đến, vì cuộc thao luyện tự nó đòi buộc những kỷ luật cần thiết (6; 11-13; 73-86). Ta ghi nhớ rằng đối tượng thứ nhất được thánh I-nhã đề cập ở đây rất hợp lý. Vì ngay khi bước vào Linh Thao, thao viên đã được trình bày về việc xét mình riêng (*I-nhã, ghi chú hướng dẫn Linh Thao, phần nói miệng II, thứ tự cho Linh Thao, [1])* có mục đích cho họ thực tập để họ gặt hái được ích lợi thiêng liêng ngay khi họ tổng hợp và tìm ra chân tướng con người cũ của mình. Họ sẽ tiếp tục việc xét mình này nếu họ kết thúc cuộc thao luyện ở tuần một (18) hay không được làm việc chọn lựa ở tuần hai. Việc xét mình này sẽ chuyển thành hành trình canh tân bậc sống cho những người hoàn tất việc chọn lựa bậc sống (189).

Như vậy việc xét mình riêng để loại bỏ một tội riêng hay một nết xấu riêng vừa được thực hiện ngay từ tuần một của Linh Thao và vừa được tiếp nối ở các tuần khác. Tuy nhiên, việc tiếp nối này được chuyển sang việc canh tân bậc sống sau cuộc chọn lựa và còn tiếp tục cả sau khi kết thúc Linh Thao để xây dựng cuộc sống mới.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
TUẦN THỨ HAI	**TUẦN THỨ HAI**	**TUẦN THỨ HAI**
91. [1]TIẾNG GỌI VUA TRẦN GIAN GIÚP CHIÊM NGẮM CUỘC ĐỜI VUA HẰNG SỐNG	**91.** [1]TIẾNG GỌI VUA TRẦN GIAN GIÚP CHIÊM NGẮM VUA HẰNG SỐNG	**91.** [1]VIỆC CHIÊM NGẮM VƯƠNG QUYỀN CỦA ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ, KHỞI TỪ VIỆC SO SÁNH VỚI MỘT VỊ VUA TRẦN THẾ KÊU GỌI THẦN DÂN RA TRẬN CHIẾN

TUẦN THỨ HAI: THEO TA TRONG ĐAU KHỔ

(Đời sống soi sáng, vida ylluminatiua)

Như tuần một, ta cũng thấy có ba yếu tố cấu thành tuần thứ hai: kinh nghiệm cá nhân thánh I-nhã làm Linh Thao, các bài chiêm niệm thuộc mặc khải và những khí cụ hướng dẫn của thánh I-nhã. Chúng ta nêu lên một số những ghi nhận sau:

- Có sự sắp xếp chất liệu nghịch nhau: ở tuần một, hệ thống thực hành cá nhân (24-44) trước suy gẫm mặc khải (45-72) - ở tuần hai, hệ thống chiêm niệm mặc khải (101; 110; 132; 134; 161) xếp trước hệ thống thực hành cá nhân (169-183).

- Khi hướng dẫn thao viên trong tuần một, thánh I-nhã vận dụng khí cụ "giải thích" len lỏi vào trong tình huống cụ thể của những cuộc thao luyện còn khí cụ "Mười điều phụ thêm" trong đó bao gồm những "ghi chú" được đặt vào làm nên một đơn vị độc lập (73-90). Trong tuần hai, ngoài khí cụ "giải thích", ta còn thấy hai khí cụ khác xuất hiện: "bộ ghi chú" và "bộ quy tắc". Tương tự với tuần một, không chỉ có việc "giải thích" bị phân tán vào trong tình huống cụ thể, mà cả những "bộ ghi chú" cũng được phân ra ở tuần hai (127-131) và 162-164). Điểm đáng ghi nhận là có sự tráo đổi từ ngữ trong khí cụ thứ hai của tuần một so với các tuần khác: trong tuần một, khí cụ "mười điều phụ thêm" hàm chứa "những ghi chú"(87-90); ngược lại, trong các tuần còn lại, khí cụ "những ghi chú" lại hàm chứa "những điều phụ thêm" (130; 206; 229). Ngoài ra từ tuần hai ta thấy xuất hiện các bộ "quy tắc" được qui tụ thành những đơn vị hướng dẫn trong phạm vi cả cuộc Linh thao và hậu Linh Thao.
- Trong tuần một, các bài thao luyện liên quan đến kinh nghiệm I-nhã, thuộc về thực hành và tách biệt với những bài thao luyện mặc khải (24-44 và 45-72). Trong tuần hai, các bài thao luyện thuộc kinh nghiệm I-nhã không chỉ là những bài thực hành mà còn có những bài cầu nguyện: suy xét, suy gẫm và chiêm niệm. Cả ba loại bài thao luyện này đều đan kết với các bài chiêm niệm thuộc mặc khải cách chặt chẽ theo tiến trình mỗi lúc một sâu hơn.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]<u>*Kinh dọn lòng*</u> như thường lệ.	[2]<u>*Kinh dọn lòng*</u>: cùng một kinh dọn lòng như thường lệ.	[2]<u>*Kinh dọn lòng*</u>: được thực hiện theo cách thức đã được nói ở trên.
[3]<u>*Tiền nguyện I*</u>: đặt khung cảnh bằng việc nhìn xem nơi chốn. Ở đây là bằng con mắt tưởng tượng xem thấy các ~~[đền thờ]~~ ***hội đường***, các thị trấn và thành trì nơi Đức Ki-tô Chúa chúng ta rao giảng.	[3]<u>*Tiền nguyện thứ nhất*</u>: đặt khung cảnh, ở đây là sự suy xét bằng cách lấy con mắt tưởng tượng nhìn xem những hội đường, những chiến lũy và những thành trì ***và những nơi khác*** mà Đức Ki-tô Chúa chúng ta rao giảng.	[3]<u>*Mở đầu thứ nhất*</u>: cho việc xây dựng khung cảnh, bây giờ là chúng ta tưởng tượng đang nhìn xem các hội đường, các thị trấn, các chiến lũy nơi Đức Ki-tô đi qua rao giảng; ***và cũng thế đối với những nơi khác***.
[4]<u>*Tiền nguyện II*</u>: xin	[4]<u>*Thứ hai*</u>: xin ơn mà tôi	[4]<u>*Thứ hai*</u>: vốn liên quan

- Ngoài ra, tổ chức tuần hai chi li hơn, vì thánh I-nhã không chỉ nêu lên một ngày mẫu mà thôi (101-134) mà còn phác hoạ cả tuần thao luyện. Tuần thao luyện này được phân chia làm hai giai đoạn: đời sống thơ ấu (101-133) và công khai của Chúa Giê-su (158-189). Giữa hai giai đoạn này, ngày thứ tư đóng vai trò trung gian như trung tâm của tuần thao luyện (136-157).

Những ghi nhận trên làm cho việc chú giải trở nên phức tạp hơn. Không chỉ thế, những ghi nhận này còn bộc lộ cho chúng ta một bước đào luyện mới về đời sống thiêng liêng: bước đào luyện ở bình diện siêu nhiên khởi đầu bằng sự soi sáng của Chúa Giêsu xét như là mẫu mực để thao viên bắt đầu xây dựng giá trị mới khởi từ ý thức, giá trị hiến tế mà thế gian cho là điên dại(1Cr 1, 17-31).

A.I.3.1 TIẾNG GỌI VUA HẰNG SỐNG (91-100)

1/ Tổng quát về các bài thao luyện trong tuần hai

Chúng ta ghi nhận một số nét về các bài thao luyện ở tuần hai như sau:

a/ Đa dạng và phức tạp hơn.

Các bài thuộc kinh nghiệm I-nhã trong tuần một đơn giản hơn vì chỉ có một loại thao luyện thực hành. Đó là hệ thống các xét mình: riêng, chung và việc xét mình hằng ngày (24-43) và việc xưng tội chung và rước lễ (44). Hệ thống này được xếp trước hệ thống các bài suy gẫm về tội theo mặc khải (45-72).

Trong tuần hai, các bài thao luyện thuộc kinh nghiệm I-nhã không chỉ là những bài thực hành: chọn lựa và canh tân (169-189) mà còn có những bài cầu nguyện như suy xét gồm hai bài lời phi lộ suy xét bậc sống (135) và Ba Cách khiêm nhường (165-167), suy gẫm gồm bài Hai Cờ Hiệu (136-148) và Ba Mẫu Người (149-157) và một bài chiêm niệm, Lời gọi Vua Hằng Sống (91-100). Các bài cầu nguyện này được loại suy từ "Lectio Divina" của truyền thống Biển Đức .

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
điều tôi ao ước. Ở đây là xin ơn Chúa chúng ta để khỏi giả điếc làm ngơ với tiếng Ngài kêu gọi, nhưng được mau mắn hơn và nhiệt tâm hơn chu toàn Ý cực thánh của Ngài.	ao ước và mong muốn. Bây giờ là xin với Chúa chúng ta ơn đừng giả điếc làm ngơ trước lời mời gọi của Ngài, nhưng tỏ ra mau mắn và nhiệt tâm chu toàn ý muốn cực thánh của Ngài.	đến ơn sủng phải xin, ở đây là xin Thiên Chúa để chúng ta đừng giả điếc làm ngơ, khi Đức Ki-tô kêu gọi chúng ta, nhưng chúng ta mau mắn theo Ngài và vâng nghe Ngài.
92. <u>*Điểm nhất*</u>: hình dung trước mặt một vị vua nhân ái, được tuyển chọn bởi tay Thiên Chúa, Chúa chúng ta, mà tất cả các lãnh tụ và các ki-tô hữu đều tỏ lòng tôn kính và vâng phục.	**92.** <u>*Điểm thứ nhất*</u> suy xét trước mặt tôi là vị vua nhân ái được tuyển chọn bởi Chúa là Thiên Chúa, mà mọi vị lãnh tụ và mọi người Ki-tô hữu đều chịu khuất phục và vâng lời.	**92.** <u>*Điểm thứ nhất:*</u> là đặt trước mặt tôi một vị vua nhân ái được tuyển chọn bởi Thiên Chúa, mà các lãnh tụ và mọi Ki-tô hữu phải tỏ lòng tôn kính và vâng phục.

Làm cách nào tìm được mối liên lạc giữa hệ thống những bài cầu nguyện cá nhân của thánh Inhã với những bài cầu nguyện theo mặc khải dựa vào các bước của Lectio Divina? Thưa, vì việc cầu nguyện cá nhân có điểm khởi ở loài người nên bước suy xét (consideratio) thay thế cho bước đọc (lectio) còn hai bước suy gẫm và chiêm niệm hoán chuyển cấu trúc cho nhau: bài chiêm niệm thuộc cá nhân có cấu trúc của một bài suy gẫm thuộc mặc khải, nghĩa là không có thêm yếu tố lịch sử sau kinh dọn lòng(91[2]); bài suy gẫm thuộc cá nhân có cấu trúc của một bài chiêm niệm thuộc mặc khải, nghĩa là có thêm yếu tố lịch sử hay câu chuyện (137; 150) và ngược lại. Như vậy bài "Chiêm niệm để được tình yêu" ở cuối tuần bốn cũng thuộc về kinh nghiệm cá nhân I-nhã (230-237).

b/ Kinh nghiệm cá nhân và mặc khải tiến gần nhau hơn.

Bước vào tuần hai, sự cách biệt giữa kinh nghiệm thiêng liêng cá nhân và sự hoàn thiện của con người thuộc mặc khải được rút ngắn một cách đáng kể. Điều này tỏ lộ sự tiến bộ của người thao viên qua cách bài trí trong sách Linh Thao: Bước vào tuần một, sự cách biệt từ kinh nghiệm cá nhân của Nguyên Lý và Nền Tảng (23) đến bài thao luyện mặc khải đầu tiên, về Ba Tội (45) là 23 số Linh Thao trong khi sự cách biệt giữa kinh nghiệm cá nhân ở tuần hai của bài Lời gọi Vua Hằng Sống (91) đến bài thao luyện mặc khải đầu tiên, Mầu Nhiệm Nhập Thể (101) chỉ cách nhau 11 số mà thôi. Sự tiến bộ này được gọi là tiến bộ chuyển giai đoạn: đời sống thanh luyện sang đời sống soi sáng.

Sự tiến bộ này không chỉ cho ta nhận ra khoảng cách biệt khác nhau giữa con người cũ và con người mới từ tuần một, mà còn cho ta thấy được sự tiến bộ giữa

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
93. [1]*Điểm hai*: là nhìn xem vị vua này ngỏ lời phán dạy thần dân mình thế nào khi nói: "Ý Ta muốn là chinh phục tất cả lãnh thổ của lương dân; [2]bởi vậy, ai muốn đi với Ta phải bằng lòng ăn uống và mặc lấy y phục như Ta..., [3]người ấy cũng phải lao nhọc [~~như Ta~~] ***với Ta*** ban ngày và tỉnh thức với Ta ban đêm..., [4]để sau này được dự phần cùng Ta trong chiến thắng như đã được dự phần với Ta trong lao nhọc".	**93.** [1]*Điểm thứ hai*: suy xét vị vua này ngỏ lời với mọi thần dân của mình theo cách thức như sau: "Ý muốn của Ta là chiếm lĩnh toàn thể các lãnh thổ lương dân; [2]Vì thế, nếu ai muốn đi theo Ta, phải bằng lòng sống với Ta trong mọi sự về đồ ăn, thức uống và y phục; [3]Cũng thế, người ấy lao nhọc vào ban ngày và canh thức vào ban đêm như Ta, [4]để tham dự với Ta vào cuộc chiến thắng như đã tham dự vào những lao nhọc".	**93.** [1]*Thứ hai*: tưởng tượng rằng tôi nghe thấy vị vua này ngỏ lời với hết thảy thần dân mình như sau: "Ta có ý định đặt mọi lãnh thổ của lương dân dưới sự thống trị của Ta. [2]Vì thế ai muốn đồng hành với Ta phải sẵn sàng không có lương thực, quần áo và bất cứ điều gì khác ngoài những điều kẻ ấy thấy Ta có. [3]Cũng phải kiên trì với Ta trong những lao nhọc, trong các cuộc canh thức và tình huống khác, [4]để tham dự vào chiến thắng và hạnh phúc như sẽ đồng hành trong những lao nhọc và khó khăn.

hai mối tương quan luân lý và tình yêu khi bước theo Chúa Kitô. Hai cấp độ này cách nhau bằng một số Linh Thao: cấp độ nhân bản của lý trí ở số Linh Thao 96 và cấp độ siêu nhiên của tình yêu ở số 97.

Trong tuần hai, sự hội nhất của thao viên dần tỏ lộ khi theo Chúa Kitô từ mức độ nhân bản đến tình yêu. Vì khởi đầu hai mầu nhiệm được đề nghị cho họ cầu nguyện trong một ngày ở thời thơ ấu (101/110; 132;134) sau đó chỉ còn một mầu nhiệm vào thời công khai (156; 161). Tuần ba có giá trị thử thách của tình yêu khi một và hai mầu nhiệm đan xen nhau (190/200; 208). Riêng tuần bốn, tính hội nhất trong sự phê chuẩn được nhận ra do việc sắp xếp thứ tự các mầu nhiệm *(x. chú giải về 51 mầu nhiệm cuộc đời Chúa, số 261-312).*

2/ Vị trí của bài Lời Gọi so với tuần một

Vào tuần hai, Linh Thao bước từ đời sống thanh luyện sang đời sống soi sáng (10^{2-3}), từ việc thao luyện của tội ở bình diện luân lý sang việc thao luyện của nhân đức ở bình diện siêu nhiên khi theo Đức Giêsu. Và tuy có cùng một Nguyên Lý và Nền Tảng (23), nhưng trong tuần một, thao viên qui về đó để xem thấy mình (45^{1}), còn trong tuần hai, người ấy được Đức Ki-tô soi dẫn như khuôn mẫu đích thực của họ. Có thể nói, trong tuần một, Đức Ki-tô xuất hiện như Đấng Cứu Độ (53), còn trong tuần hai, Ngài xuất hiện như Mẫu Gương lý tưởng (91-98).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
94. [1]*Điểm ba*: là suy xét xem những tôi trung phải trả lời thế nào với vị vua đầy lòng quảng đại và nhân ái dưỡng ấy; [2]và do đó, nếu kẻ nào không nhận lời yêu cầu của vị vua như thế, thì đáng mọi người trách mắng và bị coi là hiệp sĩ bất xứng biết bao.	**94.** [1]*Thứ ba*: suy xét xem câu trả lời được những thần dân thốt lên trước một vị vua đầy lòng quảng đại và nhân ái dưỡng ấy; [2]Và nếu kẻ nào không chấp nhận lời yêu cầu của vị vua này, thì xứng đáng bị mọi người khinh bỉ biết bao, và sẽ bị coi như một thần dân và một chiến sĩ vô dụng biết mấy.	**94.** [1]*Thứ ba*: suy xét xem những thần dân trung thành phải trả lời thế nào đối với một vị vua rất đáng yêu và rất quảng đại như thế và họ phải sẵn lòng lên đường và hiến thân mình cho ý muốn của ngài cách mau mắn biết chừng nào. [2]Ngược lại nếu ai từ chối, người ấy xứng đáng bị mọi người khinh bỉ và đáng bị coi làngười chiến sĩ biếng nhác biết mấy.
95. [1]*Phần thứ hai* của cuộc thao luyện này nhằm áp dụng thí dụ đã nói trên về vua trần gian trên đây vào Chúa Ki-tô,	**95.** [1]*Phần thứ hai* của cuộc thao luyện này nhằm áp dụng thí dụ trên về vị vua trần gian vào Đức Ki-tô, Chúa chúng	**95.** [1]*Phần thứ hai* của cuộc thao luyện này nhằm so sánh song song giữa vị vua nói trên và Chúa Giê-su Ki-tô theo

Nên những bài thao luyện thuộc mặc khải sẽ là những bài chiêm niệm.

Mặt khác, trong tuần một, việc thao luyện dừng lại ở cấp độ luân lý mà đỉnh cao của nó là phải vượt lên trên giới răn để sống lòng yêu mến đối với Thiên Chúa ở chỗ không phạm tội nhẹ (166^{2b}) và sự bình tâm (23^{5-7}). Điều này đòi buộc chủ thể phải đấu tranh với tinh thần thế gian để thực thi ý Chúa. Chẳng hạn: sỉ nhục và danh vọng—Trong tuần hai, việc thao luyện đi xa hơn ở cấp độ tình yêu nơi đó Đức Ki-tô đã thực thi trọn vẹn ý Thiên Chúa và tỏ lộ tình yêu Người cho chúng ta bằng con đường chịu sỉ nhục (167^{3}). Thế nên, sự hiệp thông nên một trong tình yêu cũng mời gọi thao viên ôm ấp con đường ấy để nên môn đệ Ngài.

Vậy nội dung của bài Lời Gọi Vua Hằng Sống có thể tóm tắt trong cụm từ: "Theo Ta trong đau khổ, cũng theo Ta trong vinh quang" (95^{5}) nơi những người yêu mến hơn và trổi vượt hơn (97^{1}). Điều này cho thấy mối tương quan tình yêu vượt lên trên mối tương quan luân lý và hoàn toàn đối nghịch với tinh thần thế gian. Và ta có thể tóm kết vào một lược đồ như sau giữa sỉ nhục và danh vọng:

Thế gian	:	danh vọng	>	sỉ nhục
Bình tâm	:	danh vọng	=	sỉ nhục
Tình yêu	:	danh vọng	<	sỉ nhục

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Chúa chúng ta hợp với ba điểm đã đề cập trên:	ta, vị Vua Hằng Sống, trong ba điểm trên đây:	ba điểm sau đây:
[2]*Và về điểm thứ nhất*, nếu chúng ta phải chú ý tới tiếng gọi của vua trần gian đối với thần dân của ông như thế, [3]thì điều này còn phải đáng suy xét hơn biết bao khi nhìn xem Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, Vua Hằng Sống, và trước mặt Ngài, toàn thể thế giới, Ngài kêu gọi hết thảy và cách riêng từng người một; và Ngài phán: [4]"Ý muốn của Ta là chinh phục cả thế gian và mọi thù địch, và nhờ thế mà vào trong vinh quang của Cha Ta; [5]bởi vậy, ai muốn đến với Ta, phải lao khổ cùng Ta, để khi đã theo Ta trong đau khổ, cũng	[2]*Về điểm thứ nhất*, nếu chúng ta phải chú ý đến lời mời gọi được vị vua trần gian ngỏ với thần dân của mình như thế, [3]thì còn phải đáng suy xét biết bao khi chiêm ngắm Đức Ki-tô, Vua Hằng Sống, toàn thể thế giới mà Ngài ngỏ lời ở trước mặt Ngài, tất cả mọi người, và đặc biệt từng người trong họ, khi nói rằng: [4]"Ý muốn của Ta là chiếm lấy toàn thể lãnh thổ và mọi kẻ thù, và nhờ thế mà vào trong vinh quang của Cha Ta. [5]Vì thế bất cứ ai muốn đồng hành với Ta cũng phải lao khổ với Ta, để kẻ nào theo Ta trong đau	[2]*Thứ nhất*: chúng ta sẽ áp dụng ví dụ này như sau. Nếu lời hiệu triệu ra trận của vị vua trần thế này đáng cho người ta phải chú ý và tuân phục, [3]thì còn hơn biết bao đối với Đức Ki-tô, Vua Hằng Sống xuất hiện trước toàn thế giới. Ngài kêu gọi từng người đến với Ngài bằng những lời sau: [4]"Đây là ý muốn rất chính đáng của Ta: đòi về Ta quyền tối thượng trên toàn thế giới, chiến thắng trên mọi thù địch và sau cùng là vào trong vinh quang của Cha Ta. [5]Vì thếvới bất cứ ai muốn đến đó với Ta, dứt khoát họ phải lao khổ với Ta, vì

Như vậy, tuy cùng một Nguyên Lý và Nền Tảng vốn có Thiên Chúa là cùng đích duy nhất (23[2]), bài Lời Gọi Vua Hằng Sống dẫn chúng ta vào tương quan tình yêu với Thiên Chúa ở cấp độ siêu nhiên mà chuẩn mực cho việc chọn lựa vươn tới Đức Kitô hiến tế (167[3]) chứ không dừng lại ở sự bình tâm (23[5-7]). Vậy chọn sự sỉ nhục hơn danh vọng bây giờ diễn đạt lối sống "siêu bình tâm" và trở nên một mã số mới cho hành trình thao luyện của tuần hai này, tuần thuộc đời sống soi sáng ở đó sự chọn lựa không dừng lại ở sự đối kháng, tốt-xấu mà ở sự hơn kém, tốt hơn của mức độ siêu nhiên so với tốt của mức độ nhân bản.

3/ Sự liên hệ giữa tuần hai với các tuần còn lại

Thánh I-nhã chỉ xác định tuần một tương ứng với đời sống thanh luyện và tuần hai tương ứng với đời sống soi sáng (10[2-3]). Vậy so với truyền thống tu đức, đâu là đời sống thần hiệp trong Linh Thao? Tuần ba hay tuần bốn? Giải đáp của các nhà chú giải rất đa dạng: có lập trường nghĩ ở tuần ba hay ở tuần bốn và cũng có lập trường cho rằng đời sống thần hiệp nằm ở giao điểm của tuần ba và tuần bốn.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
được theo Ta trong vinh quang".	khổ cũng theo Ta trong vinh quang."	phần thưởng sẽ tương xứng với nỗi đau khổ".
96. *Điểm hai*: suy xét rằng tất cả những ai có phán đoán và lý trí đều sẽ hiến dâng trót bản thân mình cho việc lao khổ.	**96.** *Thứ hai*: suy xét rằng mọi thần dân có lý trí và phán đoán sẽ hoàn toàn tự hiến mình cho cuộc lao khổ này.	**96.** *Thứ hai*: chúng ta sẽ ngẫm nghĩ rằng không một ai có tâm hồn lành mạnh mà lại không tự dâng hiến chính mình và không hoàn toàn chuyên tâm một cách say sưa vào việc phụng sự Đức Ki-tô.
97. [1]*Điểm ba*, những kẻ muốn yêu mến hơn và trổi vượt hơn trong mọi việc phụng sự Vua Hằng Sống và Chúa muôn loài, không những họ dâng hiến toàn thể bản	**97.** [1]*Thứ ba*: Những kẻ ước muốn hiến thân cách đặc biệt hơn cho việc phụng sự vị Vua Hằng Sống của họ và là Chúa muôn loài, sẽ không chỉ hiến dâng chính mình cho	**97.** [1]*Thứ ba*. Người ta sẽ phải suy xét rằng những ai khát mong phải hoàn toàn đặt mình vào việc phụng sự Ngài, họ sẽ không chỉ dâng hiến chính mình để chịu đựng

---

Thực ra, dù thánh I-nhã không xác định mức độ thiêng liêng của tuần ba và tuần bốn, nhưng ta có thể xác định rằng tuần ba và tuần bốn chỉ kéo dài và đào sâu đời sống soi sáng của tuần hai mà thôi. Bởi lẽ tuần hai khởi đầu một nguyên lý mới nơi bài Lời Gọi Vua Hằng Sống với nội dung: "Theo Ta trong đau khổ, ở với Ta trong vinh quang" trong đó, tuần ba đào luyện thao viên nơi vế thứ nhất của bài Lời Gọi cùng với tuần hai và thêm ý nghĩa thử thách hoặc trắc nghiệm, còn tuần bốn đào luyện vế thứ hai của bài ấy với ý nghĩa phê chuẩn hành trình đi theo Đức Ki-tô.

Vậy ta có thể minh hoạ lược đồ đào luyện trong giai đoạn hai thuộc đời sống soi sáng như sau:

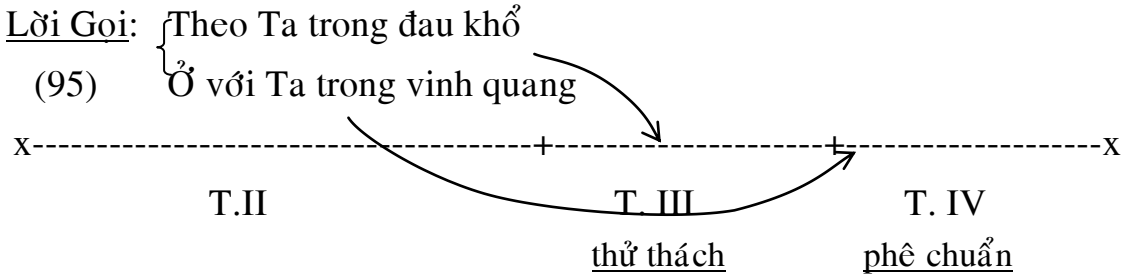

4/ Về chính bài Lời Gọi.

Chúng ta chú ý một số yếu tố sau về bài thao luyện.

a/ Tựa đề: tựa đề của cả ba bản văn đã cho chúng ta thấy cấu trúc của chính bài

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thân cho việc lao khổ [2]mà còn hành động chống lại dục vọng của riêng mình [~~nếu giả như chúng ta có điều này~~] và chống lại tình yêu có tính xác thịt và thế gian của mình; họ sẽ dâng lễ vật quí giá hơn và quan trọng hơn. Họ thân thưa:	cuộc lao khổ, [2]mà hơn nữa, bằng cách chiến đấu chống lại dục vọng riêng của mình và chống lại tất cả tình yêu có tính xác thịt và thế gian, họ sẽ dâng lễ vật quí giá hơn và có tầm quan trọng lớn lao hơn, và họ sẽ thân thưa:	những lao khổ, [2]nhưng họ sẽ còn dâng những quà tặng lớn lao hơn và đáng ghi nhớ hơn, sau khi đã vượt thắng sự chống đối của xác thịt, của giác quan, của lòng yêu mình và của thế gian. Cũng thế mỗi người sẽ đáp lại tương tự theo cách thức sau đây:
98. [1]Lạy Chúa Hằng Sống của muôn loài, nhờ ơn huệ và sự trợ giúp của Chúa, con xin tiến dâng chính mình con lên trước	**98.** [1]Lạy Chúa Hằng Sống, nhờ ơn huệ và sự trợ giúp của Chúa, con xin tiến dâng mọi sự của con lên trước lòng nhân	**98.** [1]Con đây, lạy Vua tối cao và Chúa của mọi sự; cho dầu rất bất xứng, tuy nhiên dựa vào ơn sủng và sự trợ giúp của

thao luyện gồm hai phần mà tiến trình được sắp xếp song song với nhau: phần thứ nhất như một câu chuyện hay dụ ngôn (91-94 theo A và P ; 91^1-95^1 theo V) và phần thứ hai là chính cuộc chiêm niệm (95-98 theo A và P ; 95^2- 98^4 theo V). Bản V còn xác định lời gọi đó dành cho các thần dân ra trận chiến (91^1 ; 95^2).

b/ Đặc tính: bài Lời gọi Vua Hằng Sống là một bài chiêm niệm thuộc cá nhân thánh I-nhã vốn có lẽ đã được cưu mang và hình thành cách tiệm tiến ngay từ khởi đầu những ngày dưỡng thương ở Loyola (TT 1-12). Sở dĩ đây là bài chiêm niệm thuộc cá nhân ngài, vì nó có cấu trúc của một bài suy gẫm của mặc khải (x. 45-53; 55-61), nghĩa là không có tiền nguyện về lịch sử như các bài chiêm niệm của mặc khải (x. 102 ; 111).

c/ Vận hành: Vận hành của bài chiêm niệm tăng dần từ phần dụ ngôn sang phần chiêm niệm dưới hình thức song đối: từ vị vua trần thế sang vị vua muôn đời. Sự đối chiếu này tập trung ở số 93 và 95 khi diễn tả ý muốn của hai vị vua: "lãnh thổ lương dân" đối chiếu với "thế gian và mọi thù địch" hay khi ngỏ lời với thần dân: "lao nhọc và chiến thắng" đối chiếu với "đau khổ và vinh quang." Vận hành tiệm tiến này chỉ đạt đến đỉnh cao ở phần hai nơi có phần tâm sự rất trang trọng trước triều đình thiên quốc (98).

Từ ơn xin (91^4) đến lời tâm sự có sự tiến bộ rõ rệt. Ơn xin có tính ngoại tại, vì xin cho chủ thể không giả điếc làm ngơ trước lời mời gọi... trong khi lời tâm sự dẫn đến cuộc dấn thân có tính quyết đoán của chủ thể: sau khi đã cân nhắc, họ noi gương Chúa chịu mọi sỉ nhục, khinh chê... (98^{2-3}). Từ điểm chiêm niệm đến lời

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lòng nhân từ vô biên Chúa và trước mặt Mẹ vinh hiển Chúa cùng tất cả các thánh nam nữ của triều đình thiên quốc: [2]ấy là con mong muốn và ước ao, và đây là quyết tâm con đã cân nhắc, [3]noi gương Chúa chịu mọi sỉ nhục, mọi khinh chê và mọi nghèo khó thực sự cũng như thiêng liêng, miễn là điều ấy phụng sự và ngợi khen	từ vô biên của Chúa, và trước mặt Mẹ vinh hiển Chúa và toàn thể các thánh nam nữ của triều đình thiên quốc, [2]vì con ước ao, con mong muốn và con quyết định, bằng một sự xác quyết chắc chắn, miễn là ở đó có được sự ngợi khen và phụng sự Chúa hơn, [3]noi gương Chúa chịu đựng mọi sỉ nhục, mọi khinh chê và tất cả sự nghèo	Chúa, con xin tiến dâng chính mình con cho Chúa và con dâng lên Chúa mọi sự con có, trước lòng nhân từ vô biên Chúa và trước mặt Mẹ Đồng Trinh Ma-ri-a vinh hiển, Thân Mẫu Chúa và trước mặt toàn thể triều đình Thiên Quốc, đang chứng thực rằng [2]đây là ý định, là ước mong, và là quyết định rất chắc chắn của con: miễn là điều ấy

---

tâm sự cũng có sự tiến bộ như thế: Lời gọi ngỏ với hết thảy và từng người (95[3]). Với mọi người có lương tri, họ đã đi theo vị Vua ở bình diện luân lý (96). Nhưng lời tâm sự chỉ dành cho những người trổi vượt hơn và họ không chỉ dâng hiến bản thân cho lao nhọc, mà còn hành động chống lại dục vọng, tình yêu xác thịt để họ dâng lễ vật quí giá và quan trọng hơn (97[1-2]). Cũng chính trong lời tâm sự này mà thao viên được giới thiệu chuẩn bị làm việc chọn lựa bậc sống để cụ thể hóa hành trình đi theo Đức Ki-tô khi nói: "nếu Chúa Chí Tôn rất thánh muốn tuyển chọn và chấp nhận con vào đời sống và bậc ấy" (98[4]).

d/ Sự can thiệp bản văn: Thánh I-nhã chỉnh sửa ba lần trong bản A và cha Polanco can thiệp một lần trong bản P và V. Lần đầu tiên thánh I-nhã chỉnh sửa trong tiền nguyện thứ nhất về việc đặt khung cảnh Chúa rao giảng. Bản A viết trong các đền thờ. Ngài gạch bỏ từ ngữ "đền thờ" và viết lại từ ngữ "hội đường" cho hợp với sinh hoạt tôn giáo của Do Thái giáo. Các bản P và V viết theo sự chỉnh sửa này (91[3]). Cũng tại đây, cha Polanco còn thêm cụm từ "và những nơi khác" vào P hay "và cũng thế đối với những nơi khác" vào V để mở rộng viễn tượng rao giảng của Chúa Giê-su. Sự can thiệp này không thêm gì cho ý nghĩa bản văn.

Trong điểm hai về lời gọi của vị vua trần thế, câu văn "người ấy phải lao nhọc như Ta...", thánh I-nhã đã sửa lại thành "người ấy phải lao nhọc với Ta" để diễn đạt tính bất cân xứng giữa việc làm của vị vua và người được mời gọi. Bản P giữ tư tưởng A trước khi thánh I-nhã chỉnh sửa, còn bản V thuận theo sự chỉnh sửa này.

Và sau cùng trong điểm thứ ba, khi nói về những người muốn yêu mến hơn và

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Chúa hơn, [4]nếu Chúa Chí Tôn rất thánh muốn tuyển chọn và chấp nhận con vào đời sống và bậc ấy.	khó, thực sự cũng như thiêng liêng, [4]nếu Chúa chí tôn rất thánh muốn tuyển chọn con và chấp nhận con vào một bậc sống như thế.”	nhằm vào sự tiến bộ lớn hơn cho việc ngợi khen Chúa và việc phụng sự của con để con đi theo Chúa sát bao nhiêu có thể [3]và con noi gương Chúa chịu mọi sỉ nhục và mọi nghịch cảnh, trong sự nghèo khó đích thật cả về thiêng liêng lẫn vật chất, [4]nếu Chúa Chí tôn rất thánh vui lòng tuyển chọn và chấp nhận con vào bậc sống như thế.
99. *(Giải thích thứ nhất)* Cuộc thao luyện này sẽ làm hai lần trong ngày: ban sáng khi thức dậy và một giờ trước bữa trưa hay bữa tối.	**99.** *(Giải thích thứ nhất)* Cuộc thao luyện này sẽ được làm hai lần trong ngày, nghĩa là vào bình minh, ngay khi tôi thức dậy, và trong một	**99.** *(Giải thích thứ nhất)* Cuộc thao luyện này sẽ được làm hai lần trong ngày: buổi sáng, ngay khi ta thức dậy, và vào giờ trước bữa ăn trưa hay bữa

trổi vượt hơn trong mọi việc phụng sự Vua Hằng Sống, bản A cho thấy “họ không những dâng toàn thể bản thân cho việc lao khổ mà còn hành động chống lại dục vọng của riêng mình, nếu giả như chúng ta có điều này và chống lại tình yêu có tính xác thịt và thế gian của mình” (97^{1b-2a}). Thánh I-nhã đã gạch bỏ câu giả định: “nếu giả như chúng ta có điều đó” nhằm xác định tính hiện hữu thực sự của nó trong cuộc đời của họ mà canh phòng và chiến đấu. Bản P và V đều viết theo ý hướng đã được chỉnh sửa này.

C.I.11-12. Giải thích.

Với tư cách là người hướng dẫn, thánh I-nhã đưa ra khí cụ hướng dẫn đầu tiên ở đây là việc “giải thích trực tiếp”. Việc giải thích nhắm vào hai điểm hoàn toàn có tính mới mẽ:

Thứ nhất, dù không tính vào một ngày nào trong tuần hai này, nhưng ngài đã chỉ định cho thao viên thao luyện bài này hai lần trong ngày mà không tính vào ngày Linh Thao. Có lẽ đó là ngày nghỉ giữa tuần một và tuần hai như mặc khải vẫn giữ. Và rồi nội dung của nó được thấm dần trong suốt tiến trình vận hành (99).

Thứ hai, ngài còn đề nghị từ nay trở đi, thao viên nên đọc Tin Mừng, sách Gương Phúc hoặc Hạnh Các Thánh để đào sâu hành trình cứu độ của Chúa và gương

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	giờ trước bữa ăn trưa hay bữa ăn tối.	ăn tối.
100. *(Giải thích thứ hai)* Về tuần thứ hai cũng như các tuần sau, thỉnh thoảng đọc một chút trong sách Gương Chúa Giê-su Ki-tô hay các sách Tin Mừng, và Hạnh Các Thánh là điều rất có ích.	**100.** *(Giải thích thứ hai)* Đối với tuần thứ hai và sau đó, sẽ rất ích lợi nếu thỉnh thoảng đọc một vài sách đạo đức, như sách Gương Chúa Giê-su Ki-tô hoặc các Tin Mừng hoặc Hạnh Các Thánh.	**100.** *(Giải thích thứ hai)* Trong tuần thứ hai này và những tuần tiếp theo, sẽ có ích lợi nếu thường xuyên đọc điều gì đó trong sách Tin Mừng hay trong một sách đạo đức khác nào đó, như sách Gương Chúa Giê-su Ki-tô, Hạnh Các Thánh, v.v.
101. [1]NGÀY THỨ NHẤT VÀ CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT LÀ CUỘC CHIÊM NIỆM VỀ VIỆC NHẬP THỂ GỒM KINH DỌN LÒNG, BA TIỀN NGUYỆN,BA ĐIỂM VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.	**101.** [1]NGÀY THỨ NHẤT TA LÀM CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT, VỀ VIỆC NHẬP THỂ. CUỘC CHIÊM NIỆM GỒM KINH DỌN LÒNG, BA TIỀN NGUYỆN VÀ BA ĐIỂM VỚI MỘT CUỘC TÂM SỰ.	**101.** [1]BÀI SUY GẪM THỨ NHẤT CỦA NGÀY THỨ NHẤT VỀ VIỆC NHẬP THỂ CỦA ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ. BÀI NÀY GỒM KINH DỌN LÒNG, BA MỞ ĐẦU VÀ BA ĐIỂM VỚI MỘT CUỘC TÂM SỰ.

sống của các thánh trong bước đường đi theo Chúa (100).

B.(I). NGÀY THỨ NHẤT.

Bước vào tuần hai, ta thấy có sự chuyển đổi từ ngữ về những cuộc thao luyện theo đức tin mặc khải: từ suy gẫm sang chiêm niệm. Quả vậy, thao luyện tuần hai tập trung vào cuộc đời Đức Ki-tô, từ thời thơ ấu đến hết thời công khai mà cột mốc phân chia là ngày thứ tư, ngày trung chuyển (136-157). Và thánh I-nhã cũng khởi đầu bằng một ngày mẫu với năm cuộc chiêm niệm trong đó có hai bài chiêm niệm, hai cuộc phục niệm và một cuộc áp dụng ngũ quan.

B.II (1) Cuộc thao luyện thứ nhất về việc Nhập Thể (101-109)

a/ Tổng quát về chiêm niệm

Những bài thao luyện theo mặc khải của tuần hai trở đi là những bài chiêm niệm. Sở dĩ như thế vì thánh I-nhã đã cho thấy giai đoạn hai của Linh Thao thuộc về đời sống soi sáng (vita illuminativa), nơi đó Đức Ki-tô xuất hiện như khuôn mẫu giúp thao viên tìm gặp và sống mối tương quan tình yêu với Chúa. Bản V đã không hiểu rõ hệ thống này nên vẫn coi đây là bài suy gẫm (101^1), nhưng sau đó đã sửa sai ở bài Giáng Sinh (110^1).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]*Kinh dọn lòng* như thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng* như thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng* không khác gì với các kinh dọn lòng trước đây.
102. [1] *Tiền nguyện thứ nhất*: nhớ lại lịch sử điều tôi sắp chiêm niệm. Ở đây là Ba Ngôi Thiên Chúa đang nhìn xem khắp mặt địa cầu hay sự	**102.** [1]*Tiền nguyện thứ nhất*: đề ra cho mình lịch sử về điều tôi phải chiêm niệm. Bây giờ là suy xét Ba Ngôi Thiên Chúa chiêm ngắm toàn thể trái	**102.** [1]*Mở đầu thứ nhất*: đặt trước mắt lịch sử về điều người ta phải chiêm ngắm. Ở đây là Ba Ngôi Thiên Chúa đang nhìn xem toàn thể mặt đất đầy

---

Về hình thức, bài chiêm niệm sẽ có thêm một tiền nguyện về lịch sử đặt ngay sau ngay kinh dọn lòng (102 ; 111...) so với những bài suy gẫm. Như thế cấu trúc bài chiêm niệm gồm: kinh dọn lòng ; ba tiền nguyện trong đó tiền nguyện thứ nhất về lịch sử, thứ hai về việc đặt khung cảnh và thứ ba về việc xin ơn ; tiếp theo là các điểm chiêm niệm và sau cùng là lời tâm sự. Về các tiền nguyện, bản V vẫn gọi là những mở đầu, còn bản P bỏ rơi V (47^1) để đi theo A (102^1 ;103^1...).

Ngoài hình thức nói trên, tất cả cách bài trí còn lại chỉ là sự chuyển đổi nội dung từ hệ thống suy gẫm sang chiêm niệm vốn được diễn tả trong một ngày mẫu (101 -126 // 45-72). Quả thế, chương trình mỗi ngày vẫn là hai bài chiêm niệm, hai bài phục niệm và một bài áp dụng ngũ quan. Ta chỉ thấy tiến trình phục niệm của hai bài thuộc chiêm niệm khác với hai bài thuộc suy gẫm (118-120 so với 62-64) và bài chiêm niệm thứ năm được xác định rõ là "áp dụng ngũ quan" (121).

Việc vận dụng các tài năng linh hồn cũng được khai triển tuy dưới một cách khác: trí nhớ được chuyển về tiền nguyện thứ nhất: nhớ về lịch sử ; trí hiểu được vận dụng gián tiếp ngang qua các giác quan thiêng liêng. Điều này giúp thao viên thoát ra khỏi sự hiểu biết có tính thuần lý mà bước vào sự hiểu biết có tính trải nghiệm ; sau cùng ý chí vẫn được vận dụng trong những cuộc tâm sự như trong bài suy gẫm.

Sự gần gũi này khiến ta có cảm giác không có sự khác biệt lắm giữa bài suy gẫm và bài chiêm niệm, đến nỗi cả ba bản văn đều đã từng lẫn lộn hai phạm trù này. Chẳng hạn A và P lẫn lộn ở số 64, còn V lẫn lộn ở số 65 và cả ở đây (101^1) khi quy gán đề tài thuộc chiêm niệm thành suy gẫm và ngược lại.

Tuy nhiên, đi vào nội dung, chúng ta sẽ nhận ra những sự khác biệt sau đây:

b/ Tiền nguyện thứ nhất: nhớ lại lịch sử (102 ; 111)

Thành ngữ nhớ lại lịch sử qui chúng ta về một biến cố thực hữu khách quan Thiên Chúa đã thực hiện cho con người. Vì thế mầu nhiệm tôi chiêm niệm không phải là một ý tưởng chủ quan hay một chủ thuyết con người phát minh ra. Mặt

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
bao la của toàn thế giới đầy người thế nào; [2]và thấy mọi người đang sa xuống hoả ngục ra sao, Ba Ngôi quyết định [~~giữa các Ngài~~] ***từ thuở đời đời của mình*** rằng Ngôi Hai sẽ làm người để cứu chuộc nhân loại; [3]***và như thế khi thời gian đã đến thời viên mãn***, [~~và~~] các Ngài sai thiên thần Ga-briel đến cùng Đức Mẹ (số 262).	đất đầy người, [2]và, trong khi suy xét rằng mọi người đang phải sa xuống hỏa ngục, Ba Ngôi quyết định nơi mình ***từ thuở đời đời rằng*** Ngôi Hai sẽ làm người để cứu chuộc nhân loại. [3]Vì thế, khi đến thời viên mãn, tổng lãnh thiên thần Gabriel được sai đến với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, (số 262).	ắp người mà [2]tất cả phải sa xuống hỏa ngục thế nào. Ba Ngôi quyết định ***từ thuở đời đời bởi*** thần tính của mình rằng Ngôi Hai đảm nhận bản tính nhân loại cho việc cứu chuộc loài người. [3]Cũng thế, khi thời gian định kiến thích hợp đã đến, tổng lãnh thiên thần Gabriel được sai đến bên cạnh Đức Trinh Nữ Ma-ri-a diễm phúc với tư cách là sứ giả, như sẽ nói dưới đây (số 262).
103. [1]*Tiền nguyện thứ hai*: đặt khung cảnh bằng cách nhìn xem nơi chốn. Ở đây là xem thấy sự	**103.** *Thứ hai*. Việc đặt khung cảnh. Ở đây là để tâm chú ý về chiều rộng và bề mặt của trái đất nơi	**103.** [1]*Thứ hai* liên quan đến việc đặt khung cảnh. Đó là việc nhìn xem bằng tưởng tượng, như

khác, thành ngữ không cho phép chúng ta dừng lại ở chính biến cố, làm như thể biến cố trở thành một thực hữu trong quá khứ và dừng lại ở đó khiến cho thao viên trở nên xa lạ với nó. Trái lại hành vi nhớ lại được hiện tại hoá như thể thao viên sống và "cử hành" chính biến cố đó. Hai trạng từ thời gian "bây giờ" theo P và nơi chốn "ở đây" theo A và V cho chúng nhận ra ý nghĩa này (102[1]). Hơn nữa những động từ được chia ở các thì chưa hoàn thành và hiện tại cũng củng cố lập trường này.

Trong tiền nguyện này thánh I-nhã đã can thiệp vào bản A và rồi hai bản còn lại viết theo điều đã được chỉnh sửa. Bản văn viết: "Ba Ngôi quyết định **giữa các Ngài** rằng Ngôi Hai sẽ làm người cứu chuộc nhân loại **và** các Ngài sai thiên thần Gabriel đến cùng Đức Mẹ" (102[2]). Thánh I-nhã gạch bỏ cụm từ "giữa các Ngài" và thay thế bằng cụm từ "***từ thuở đời đời***". Sau đó, Ngài gạch bỏ liên từ "và" và thay thế bằng cụm từ "***và như thế khi thời gian tới thời viên mãn***" có lẽ được gợi hứng từ thư Galata (Gl 4,4).

c/ Tiền nguyện thứ ba: xin ơn (104 ; 113)

Về tiền nguyện thứ hai, đặt khung cảnh, thiết tưởng ta không cần bàn tới vì nội dung của nó đã được bàn đến ở tiền nguyện thứ nhất của tuần một. Ở đây ta trực tiếp bàn đến tiền nguyện thứ ba. Ơn xin của những bài thao luyện thuộc mặc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mênh mông hay sự bao la của thế giới trên đó có vô số dân tộc và các dân tộc lại rất khác biệt nhau; [2]rồi cũng thế, xem thấy cách đặc biệt ngôi nhà và căn phòng của Đức Mẹ trong thành Na-za-rét, xứ Ga-li-lê.	vô số các dân tộc rất khác biệt nhau cư ngụ; [2]cũng thế, về ngôi nhà và căn phòng của Mẹ chúng ta, Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, thành Na-za-rét, xứ Galilée.	thể sự bao la của toàn thể thế giới xuất hiện trước mắt chúng ta, nơi có biết bao dân tộc khác nhau cư ngụ. [2]Tiếp theo con mắt hướng về một vùng xác định của thế giới, trên một ngôi nhà nhỏ của Đức Trinh Nữ diễm phúc, ở vùng Na-za-rét, trong xứ Ga-li-lê.
104. *Tiền nguyện thứ ba*: xin điều tôi muốn. Ở đây là xin được lòng hiểu biết thâm sâu về Chúa, Đấng đã làm người vì	**104.** *Thứ ba*: xin điều tôi muốn. Bây giờ là xin với Chúa để có được sự hiểu biết thâm sâu về điều Chúa đã đảm nhận nhân	**104.** *Thứ ba* gồm việc xin ơn: để tôi nhận biết thâm sâu về cách thức nào mà Con Thiên Chúa đã làm người vì tôi, để tôi yêu

khải của tuần thứ nhất liên quan trực tiếp đến "cái có": "vì một tội trọng... vì bấy nhiêu tội" (48^{4-5}) ; hoặc "vì tội lỗi tôi" (55^{4}). Chính Thiên Chúa ngang qua "cái có" này mà đụng chạm đến "cái là" của thao viên khi cứu sống họ bằng cái chết của Đức Ki-tô trên thập giá (53) hay khi tha chết cho họ (61).

Trong tuần hai, tình thương của Thiên Chúa không dừng lại ở "cái có" mà đụng chạm trực tiếp đến "cái là" của họ (104). Tất cả ba bản văn đều tập trung vào mối tương quan này: "Đấng làm người vì tôi" theo A và V hay "Đấng đảm nhận nhân tính vì tôi" theo P. Từ ngữ "vì tôi" xác định mối tương quan yêu thương của hai ngôi vị và mở ra với viễn tượng hiệp thông và hiệp nhất giữa hai ngôi vị ấy.

Nhưng đây là tình yêu nào ? Thưa đó là tình yêu hạ cố, một tình yêu hiến tế hoặc nói theo ngôn ngữ của thánh Phao-lô, đó là tình yêu huỷ mình (Pl 2,7-8). Thành ngữ "Theo Ta trong đau khổ" vốn khởi đầu cho giai đoạn thao luyện mới, bây giờ hiện thực hoá trong Mầu Nhiệm Nhập Thể mà Đấng mời gọi lại đi bước trước. Vì trong cuộc thao luyện này, thao viên nghiệm được cách sống động cuộc lao khổ quá lớn của Con Thiên Chúa: Ngôi Hai Thiên Chúa đến làm người, nghĩa là từ khước địa vị và vinh dự của Con Một Thiên Chúa mà đến sống phận người giữa muôn người. Hành trình lao khổ mang tính tự huỷ đó không trực tiếp nhắm đến bất cứ ai khác ngoài chính bản thân tôi. Như vậy, thao viên chắc chắn không tìm được lý giải ở bất cứ nơi đâu khác ngoài tình yêu này mà thôi.

Trước một tình yêu quá lớn và có tính bất cân xứng đó, thao viên xin được ơn hiểu biết không phải cách hời hợt, mà là một sự hiểu biết thâm sâu, một sự ghi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tôi, để được yêu mến Ngài hơn và theo Ngài hơn.	tính vì tôi, để tôi yêu mến Ngài hơn và theo Ngài hăng say hơn.	Ngài cách nồng nàn hơn và từ nay tôi theo Ngài cách nhiệt tình hơn.
105. [1]*(Giải thích)* Ở đây nên chú ý là chính kinh dọn lòng này không thay đổi như đã nói ở lúc đầu, [2]và ba tiền nguyện làm trong tuần này và những tuần sau đó cần được thay đổi cách thức tuỳ vào đề tài được đề ra.	**105.** [1]*(Giải thích)* Điều có ích cần chú ý ở đây là kinh nguyện dọn lòng này không thay đổi chút gì, nhưng giữ nguyên như đã được đề nghị lúc ban đầu; [2]và ba tiền nguyện đầu tiên phải được làm trong tuần này và trong các tuần khác tiếp theo, bằng cách chỉ thay đổi theo đề tài được đề nghị.	**105.** *(Giải thích)* Ở đây cần phải ghi chú rằng cả kinh dọn lòng lẫn ba mở đầu đều được làm cùng một cách thức trong suốt tuần này và trong các tuần tiếp theo, chỉ có những mở đầu được thay đổi tùy theo sự khác biệt của những sự việc.
106. [1]*Điểm thứ nhất*: Lần lượt xem thấy các nhân vật từ người này đến người khác, trước tiên là những người trên mặt đất	**106.** [1]*Điểm thứ nhất*. Xem thấy các nhân vật. Trước tiên là những người sống trên mặt đất, trong một sự đa tạp và	**106.** [1]*Điểm thứ nhất*: Nhìn xem toàn thể các nhân vật liên hệ. Và trước hết những người sinh sống trên mặt đất,

lòng tạc dạ vào bản thân mình về Chúa. Đối tượng của sự hiểu biết này được diễn tả ở mọi chiều kích, từ sự kiện và cách thế Chúa làm người (P, V) đến chính bản thân Chúa làm người (A). Chính sự hiểu biết thâm sâu này sẽ tác động trên ý chí để thao viên được đi vào mối tương quan tình yêu cá vị với Đức Ki-tô, nghĩa là yêu mến Ngài và hiện thực tình yêu đó mỗi ngày một sâu đậm hơn trong tính biện chứng giữa hiểu biết và yêu mến (104).

d/ Các điểm chiêm niệm (106-108)

Có ba điểm cần lưu ý:

- Cả ba điểm chiêm niệm đều dẫn người tập Thao viên tập trung điểm nhắm vào một thứ tự nhất định: trước hết vào loài người; thứ hai vào Ba Ngôi Thiên Chúa và cuối cùng vào ngôi nhà Na-za-rét nơi Đức Ma-ri-a cư ngụ.
- Các điểm cầu nguyện bộc lộ tính chiêm niệm rõ ràng. Quả vậy, trong các điểm của tuần một, thao viên vận dụng những tài năng của linh hồn: trí nhớ, trí hiểu và ý chí để gặp gỡ Thiên Chúa và đào sâu chân lý (50-52 ; 56-60). Như thế việc gặp gỡ sẽ được thực hiện ngang qua các tài năng. Trái lại, trong các điểm của tuần hai này, thao viên gặp gỡ trực tiếp đối tượng bằng chính những giác quan của mình. Bản V xác định rõ đó là giác quan nội tâm (107[1]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
với sự khác biệt biết bao trong y phục và cử chỉ; [2]những người này trắng còn những người khác đen, những người này ở trong hoà bình còn những kẻ khác trong chiến tranh, những kẻ này khóc lóc còn những người khác vui cười, những kẻ này khoẻ mạnh còn những người khác yếu đau, những kẻ này sinh ra còn những người kia chết đi...	khác biệt vô cùng lớn, cả về phong tục lẫn cách hành xử và ăn mặc; [2]bằng cách ghi nhận rằng những kẻ này trắng còn những kẻ khác đen; những kẻ này ở trong hòa bình còn những kẻ khác trong chiến tranh; những kẻ này đang khóc lóc còn những kẻ khác đang vui cười; những kẻ này khỏe mạnh còn những kẻ khác yếu đau; những kẻ này sinh ra còn những kẻ khác chết đi.	rất khác biệt về phong tục, cử chỉ và hoạt động của họ; [2]Một số trắng còn số khác đen; một vài người vui hưởng hòa bình còn số khác bị khuấy động bởi chiến tranh; người này than khóc còn kẻ khác vui cười, kẻ này khỏe mạnh còn kẻ kia đau yếu, nhiều người sinh ra và theo lần lượt nhiều người chết đi; và hầu như vô số những khác biệt khác không thể đếm được.
[3]Thứ đến là xem thấy và suy xét Ba Ngôi Thiên Chúa, như ngồi trên ngai vương đế hay toà thiên binh cao cả, đang nhìn ngắm toàn thể bề mặt cùng sự bao la của trái đất và mọi dân tộc ở trong sự mù tối thế nào; cũng như họ đang phải chết và đang sa	[3]Thứ đến là xem thấy và suy xét Ba Ngôi Thiên Chúa trên ngai vương đế hay tòa thiên linh cao cả đang nhìn xem toàn thể sự bao la và bề mặt của trái đất và mọi dân tộc đang phải chết trong sự mù quáng kinh khủng và đang phải sa hỏa ngục.	[3]Tiếp theo ta phải chiêm ngắm Ba Ngôi Thiên Chúa, từ ngai vương đế của mình đang nhìn xem toàn thể các loại người sinh sống như những kẻ mù quáng trên mặt đất, từ khắp mọi vùng đang phải chết và sa xuống hỏa ngục.
	[4]Thứ ba là suy xét Đức	[4]Rồi chúng ta sẽ suy

– Việc tập trung vào từng nhân vật cũng rõ dần. Trước hết vào loài người. Thao viên chiêm ngắm tình trạng của họ (106^{1-2}), nghe tội lỗi nơi cửa miệng của họ (107^{1}) và chứng kiến tội lỗi nơi hành động của họ khiến họ phải sa hỏa ngục (108^{2}) –thứ đến, chiêm ngắm Ba Ngôi đang quan tâm đến tình trạng tội lỗi và phải chết của loài người (106^{3}), nghe Ba Ngôi lên tiếng cứu lấy nhân loại (107^{2}) và thấy các Ngài thực hiện việc Nhập Thể cực thánh của Ngôi Hai (108^{2}) – sau cùng, chiêm ngắm thiên thần đến kính chào Đức Mẹ (106^{4}), nghe cuộc đối thoại giữa các ngài (107^{3}) và cả hai thi hành sứ vụ của mình (108^{3}).

Như vậy, tiến trình chiêm ngắm của từng giác quan, từng giai đoạn và từng nhân vật mỗi lúc được đào sâu hơn để chủ thể rút ra ích lợi ngang qua việc suy xét có tính thấu đáo của mình.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
xuống hoả ngục ra sao. [4] Ba là xem thấy Đức Mẹ và thiên thần đang kính chào Người. Phản tỉnh để rút ích lợi từ việc xem thấy này.	Mria, Mẹ chúng ta và thiên thần kính chào Mẹ, và phản tỉnh trong lòng về những điều này để thu lượm được hoa trái nào đó từ việc suy xét này.	xét Đức Trinh Nữ Ma-ri-a cùng với thiên thần kính chào Mẹ, từ đó luôn luôn phản tỉnh nơi chính mình để rút ra được hoa trái từ việc suy xét này.
107. [1]*Điểm thứ hai*: nghe những điều con người trên mặt đất nói tức là nghe người ta nói với nhau như thế nào, họ chửi rủa và nói phạm thượng..., ra sao. [2]Cũng vậy nghe điều Ba Ngôi Thiên Chúa phán: "chúng ta hãy cứu chuộc nhân loại...". [3]Rồi những lời của thiên thần và Đức Mẹ; và rồi phản tỉnh để rút ra ích lợi từ những lời nói ấy.	**107.** [1]*Thứ hai*: bằng thính giác, nghe nhận những lời nói mà những con người cư ngụ trên mặt đất thốt ra: đâu là những lời nói mà người này tỏ cho người kia, khi thì chửi rủa, khi thì phạm thượng, v.v.. [2]Cũng thế, Đâu là những lời nói Ba Ngôi Thiên Chúa thốt lên: "Chúng ta hãy thực thi công việc cứu độ và cứu chuộc loài người." [3]Cũng thế, đâu là những lời nói Thiên Thần và Đức Trinh Nữ Maria trao đổi với nhau. Khởi đi từ đó, tôi phản tỉnh trong lòng những	**107.** [1]*Điểm thứ hai*: bằng thính giác nội tâm, tiếp nhận những lời nói mà tất cả những ngôi vị thốt lên: thí dụ, những con người trên mặt đất đang tranh luận với nhau, đang phạm thượng và lăng nhục giữa người này và người kia; [2]các ngôi vị Thiên Chúa trên trời, đàm đạo về việc cứu chuộc loài người; [3]Đức Trinh nữ và thiên thần trong phòng, đang nói về Mầu Nhiệm Nhập Thể. Bằng cách phản tỉnh tất cả những điều này hay bằng việc áp dụng những điều ấy vào chính

e/ Tâm sự (109)

Cuộc tâm sự được thưa lên với Ba Ngôi Thiên Chúa, Đấng thực hiện việc Nhập Thể, hoặc với Ngôi Lời, Đấng thi hành cuộc Nhập Thể ấy nơi chính mình, hoặc với Mẹ, kẻ tiếp nhận công việc đó cho nhân loại bằng cách suy nghĩ điều mình phải thân thưa. Bản V đòi hỏi phải tâm sự bằng những từ ngữ được chọn lựa kỹ lưỡng (109^1).

Cuộc tâm sự thoát ra khỏi biên độ phổ quát của loài người ở điểm chiêm niệm để tập trung vào chính bản thân thao viên, nghĩa là tuỳ ở điều họ cảm thấy trong lòng, điều nào giúp mình noi gương và bước theo Chúa hơn. Về điều này, bản P và V nói rõ hơn A (109^2). Cuộc tâm sự cũng thoát ra khỏi cái chung chung của ơn xin, để xác định điều nào giúp chủ thể cảm nghiệm hơn trong việc hiểu biết và đi theo Chúa.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	điều này, để thu thập hoa trái nào đó từ những lời nói của các ngài.	mình theo cách thức nào đó, tôi cố gắng rút tỉa ít hoa trái từ mỗi nhân vật.
108. [1]*Điểm thứ ba*: sau đó nhìn xem những việc con người trên mặt đất làm như đánh đập, chém giết, sa xuống hoả ngục...; [2]cũng thế, (nhìn xem) việc Ba Ngôi Thiên Chúa làm tức là đang thực hiện công cuộc Nhập thể cực thánh...; [3]cũng thế, (nhìn xem) điều thiên thần và Đức Mẹ làm, tức là thiên thần đang thi hành chức vụ một sứ giả và Đức Mẹ hạ mình khiêm nhường và tạ ơn Thiên Chúa uy linh.	**108.** [1]*Thứ ba*: suy xét những điều loài người cư ngụ trên mặt đất làm, thí dụ họ đánh đập, họ chém giết, họ sa xuống hỏa ngục, v.v.. [2]Cũng thế, (suy xét) điều Ba Ngôi Thiên Chúa làm: công việc nhập thể rất thánh thiện, v.v... [3]Cũng thế, (suy xét) điều mà thiên thần và Đức Trinh Nữ diễm phúc làm: thiên thần, chức vụ thi hành sứ mạng của mình; Đức Trinh Nữ diễm phúc hạ mình khiêm nhường và tạ ơn Thiên Chúa uy linh.	**108.** [1]*Thứ ba:* sau đó cũng chú tâm cùng lúc vào hành động của các nhân vật, thí dụ làm thế nào những con người phải chết lại tự làm hại lẫn nhau, đánh đập nhau, tiêu diệt nhau và tất cả nhào xuống hỏa ngục; [2]làm thế nào Ba Ngôi rất thánh hoàn thành công trình nhập thể; [3]Cũng bằng cách nào thiên thần thi hành sứ mạng và Đức Trinh Nữ diễm phúc dâng lên Thiên Chúa uy linh lời tạ ơn, khi để mình được dẫn dắt bằng sự khiêm nhường sâu xa.
[4]Và rồi phản tỉnh để rút ích lợi bởi những việc ấy.	[4]Tiếp theo, tôi phản tỉnh những điều này trong lòng để rút ra hoa trái nào đó.	[4]Từ những điều này, sau khi phản tỉnh trong lòng như đã được nói tới, ta phải thu lượm một ít hoa trái nào đó.
109. Sau hết, làm *cuộc tâm sự* bằng cách suy nghĩ về điều tôi phải thưa với Ba Ngôi Thiên Chúa hoặc với Ngôi Lời	**109.** [1]*Một cuộc tâm sự* phải được làm sau cùng, bằng cách suy nghĩ trong lòng những điều tôi muốn thưa lên với Ba Ngôi	**109.** Cuối cùng, tôi sẽ thêm *một cuộc tâm sự*, bằng những từ ngữ được chọn lựa kỹ càng qua đó tôi có thể thưa lên với

C.I.13 Giải thích: về kinh dọn lòng và tiền nguyện (105)

Trong bài chiêm niệm mẫu đầu tiên này, thánh I-nhã đưa ra một khí cụ hướng dẫn duy nhất: giải thích trực tiếp. Giống như trong bài suy gẫm mẫu đầu tiên (49), việc giải thích này nằm ngay bên trong bài chiêm niệm để nhắc nhớ lại việc tiến hành các bước đầu của việc chiêm niệm: kinh dọn lòng không đổi, ba tiền nguyện thay đổi cho thích hợp với từng đề tài chiêm niệm trong khi chỉ có hai tiền nguyện ở bài suy gẫm.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Hằng Sống đã nhập thể, hoặc với Mẹ Ngài cũng là Bà Chúa của chúng ta; [2]cầu xin theo điều mình cảm thấy trong lòng, để được đi theo Chúa chúng ta hơn, là Đấng vừa mới nhập thể như thế và noi gương Ngài hơn. Đọc một Kinh Lạy Cha.	Thiên Chúa, hay với Ngôi Lời hằng hữu đã nhập thể, hoặc với Mẹ là Mẹ chúng ta, [2]tùy theo điều mình cảm thấy, xin điều gì giúp mình để noi gương Chúa chúng ta hơn, Đấng vừa mới nhập thể như thế và bước theo Ngài hơn. Đoạn đọc một Kinh Lạy Cha.	Ngôi Vị thần linh này hay Ngôi Vị khác, với Ngôi Lời Nhập Thể và với Mẹ Ngài như xét thấy thích hợp, bằng cách nài xin, [2]tùy theo tình cảm tôi nghiệm được nơi mình, toàn thể những điều có thể giúp tôi noi gương Chúa Giê-su Ki-tô hơn, Đấng vừa mới nhập thể tức thời. Sau cùng ta sẽ đọc một Kinh Lạy Cha.
110. [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ HAI LÀ CHIÊM NIỆM VỀ GIÁNG SINH [2]*Kinh dọn lòng* như thường lệ.	**110.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ HAI LÀ CHIÊM NIỆM VỀ GIÁNG SINH. [2]*Kinh dọn lòng*: cùng một kinh như thường lệ.	**110.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ HAI VỀ GIÁNG SINH [2]*Kinh dọn lòng* như ở trên.
111. [1]*Tiền nguyện thứ nhất* là lịch sử. Ở đây là cuộc hành trình từ Na-za-rét thế nào: Đức Mẹ chúng ta đang mang thai	**111.** [1]*Tiền nguyện thứ nhất*: đặt trước mắt lịch sử, ở đây là xem xét cuộc khởi hành từ Na-za-rét của Đức Trinh Nữ diễm	**111.** [1]*Mở đầu thứ nhất* được liên kết với lịch sử, vốn phải lập lại từ khi Đức Trinh Nữ diễm phúc rời khỏi làng Na-za-rét:

B.II.(2) Cuộc chiêm niệm thứ hai: Về Giáng Sinh (110-117)

a/ Đặc tính bài Giáng Sinh.

Chắc chắn đây là bài mẫu thứ hai của một chương trình có năm cuộc thao luyện một ngày chứ không phải là cuộc chiêm niệm phải làm sau bài Nhập Thể. Vì theo thứ tự các bài chiêm niệm trong phần "Các Mầu nhiệm của cuộc đời Đức Ki-tô Chúa chúng ta" (261-312), bài Nhập Thể (262) và Giáng Sinh (264) không liên tục với nhau, nhưng bị ngắt quãng bởi bài chiêm niệm về cuộc thăm viếng bà Ê-li-za-bét (263). Một chi tiết nữa ủng hộ chúng ta: trong phần ghi chú, thánh I-nhã xác định bài Nhập Thể được làm vào nửa đêm, nhưng khi đề cập đến bài thứ hai, ngài không xác định đó là bài Giáng Sinh, mà ngài nói trống (128[1]), trong khi lẽ ra phải nói ngay bài thứ hai là bài Giáng Sinh như thứ tự trong ngày mẫu (101[1] và 110[1]). Thực ra thánh I-nhã muốn lấy hai Mầu nhiệm này làm mẫu vì cả hai có một sự liên kết chặt chẽ với nhau và đặc biệt sẽ dễ đem ra áp dụng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
được gần chín tháng ***như ta có thể suy gẫm theo lòng đạo đức như thế***, ngồi trên lưng con lừa con, [2]và thánh Giu-se với một nữ tỳ, dắt một con bò, cùng đi Bê-lem nộp thuế mà César đã buộc tất cả các vùng đất ấy phải nộp. (264)	phúc, đã có thai gần chín tháng, ngồi trên con lừa con, [2]và Giu-se và một người nữ tỳ cùng với con bò, như người ta ***có thể suy gẫm điều ấy một cách đạo đức***, để đi lên Bê-lem nộp thuế mà César đòi buộc (264).	nghĩa là làm thế nào mà Mẹ, đã mang thai được chín tháng và ngồi trên lưng lừa con (***như ta có thể suy gẫm cách đạo đức như vậy***), [2]và Giu-se người đồng hành với Mẹ cùng với một người nữ tỳ và một con bò, tất cả đã khởi hành đi về Bê-lem, để nộp thuế cho mình do César đòi buộc.
112. [1]*Tiền nguyện thứ hai*: đặt khung cảnh bằng cách nhìn xem nơi chốn. Ở đây, lấy con mắt tưởng tượng mà xem thấy con đường đi từ Na-za-rét đến Bê-lem, suy xét coi chiều dài, chiều rộng, xem con đường ấy bằng phẳng không hay xuyên	**112.** [1]*Thứ hai*: việc đặt khung cảnh, ở đây là suy xét bằng con mắt tưởng tượng con đường từ Na-za-rét đến Bê-lem, bằng cách chú ý đến chiều dài và chiều rộng của nó, nó có bằng phẳng hay xuống dốc hay lên dốc không; [2]và cũng chú ý đến ***nơi***	**112.** [1]*Thứ hai* sẽ phải được rút ra từ việc suy xét con đường, bằng cách ước lượng độ dài của nó, tuyến đường đi của nó, có sự dễ dãi hay khó khăn lần lượt hiện ra. [2]Sau đó chúng ta cùng khảo sát ***nơi chốn Chúa Giáng Sinh, giống như một cái***

ngũ quan cho bài thao luyện thứ năm (124-126).

Nhờ chi tiết này mà chúng ta có thể lý giải được tính bất hợp lý về thứ tự các bài mẫu của ngày thứ nhất trong tuần một: Bài suy gẫm về hoả ngục được xếp ngay vào ngày đầu tiên trong một tiến trình phải cần ít nhất trên dưới tám ngày để hoàn tất. Thực ra, thánh I-nhã chọn bài Hoả Ngục làm mẫu, vì nó giúp thao viên đưa vào áp dụng ngũ quan cách dễ dàng nhất.

b/ Tổng quát về bài chiêm niệm.

Ngoại trừ Kinh Dọn Lòng (110^2) và Tiền Nguyện thứ ba là xin ơn (113) cố định, một cố định vĩnh viễn và một tương đối, còn lại các Tiền Nguyện, các Điểm cầu nguyện và Tâm sự đều thay đổi theo đề tài. Nhưng đây là một sự thay đổi có tính liên đới và liên tục. Bởi lẽ cuộc thao luyện thứ nhất cho thao viên thấy rõ hành trình lao nhọc của Ngôi Hai Thiên Chúa, một Thiên Chúa tự huỷ làm người, nhưng cuộc thao luyện thứ hai này còn cho họ thấy Ngài đi vào chính hành trình đó thế nào và báo trước hệ lụy của nó sau này (x. 112^2; 116^2).

Có thể nói, như các tác giả Tân Ước, thánh I-nhã đã đọc các Mầu Nhiệm thời thơ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
qua thung lũng và đồi núi. [2]Cũng nhìn xem [q~~uán trọ~~] ***nơi chốn hay một cái hang đá Chúa đã sinh ra***, chỗ ấy lớn hay nhỏ, thấp hay cao và được dọn dẹp thế nào.	Chúa Giáng Sinh, nó lớn hay nhỏ, ở trên cao hay ở dưới thấp, và nó được sắp xếp như thế nào.	***hang***, rộng hay hẹp, bằng phẳng hay nhấp nhô, được sắp xếp tiện lợi hay không.
113. <u>*Tiền nguyện thứ ba*</u>, sẽ có cùng một tiền nguyện và cùng một hình thức như trong cuộc chiêm niệm trước đây.	**113.** <u>*Thứ ba*</u> sẽ có cùng một tiền nguyện và cùng một hình thức như trong cuộc chiêm niệm trước đây.	**113.** <u>*Thứ ba*</u> sẽ không được thay đổi điều gì từ cuộc chiêm niệm trước đây.
114. [1] <u>*Điểm thứ nhất*</u>, xem thấy các nhân vật, tức là Đức Mẹ của chúng ta và thánh Giu-se, và người nữ tỳ và Hài nhi	**114.** [1]<u>*Điểm thứ nhất*</u> là việc suy xét những nhân vật, nghĩa là suy xét Đức Bà, Giu-se, người nữ tỳ và Hài Nhi Giê-su vừa	**114.** [1]<u>*Điểm thứ nhất*</u> là việc nhìn ngắm các nhân vật, nghĩa là Đức Trinh Nữ, Mẹ Thiên Chúa và Giu-se chồng bà cùng với

---

ấu dưới lăng kính của cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh. Ta có thể trưng dẫn một bằng chứng cụ thể: khi đề nghị thao viên chiêm ngắm Mầu Nhiệm Chúa chịu phép Cắt Bì, ngài viết theo Ludolphe: "Họ trao Hài Nhi cho Mẹ Ngài, Mẹ Ngài cảm thương vì máu chảy ra từ nơi Con mình" (266[3]; x. Vit, I, 10). Sự kiện không ngừng lại ở biến cố cắt bì, nhưng ám chỉ cuộc đổ máu sau này Mẹ sẽ chứng kiến ở chân Thập Giá (Ga 19, 25-27).

Thế nên chúng ta không lạ gì khi thấy ơn xin của các cuộc thao luyện về thời thơ ấu trong ngày mẫu đồng nhất với nhau và các đề tài đưa ra nhằm đào sâu ơn xin này ở những khía cạnh khác nhau mà thôi.

c/ Chính bài chiêm niệm.

Về đề tài Giáng Sinh này, từ Tiền Nguyện thứ nhất đến các điểm cầu nguyện, ta thấy thao viên được đưa vào chiều sâu một cách rõ rệt.

- Tiền Nguyện thứ nhất về lịch sử được đề cập cách tổng quát vốn cho thao viên chú tâm vào hoàn cảnh của biến cố. Nhưng xa hơn, họ còn được chiêm ngắm những nhân vật khác như thánh Giu-se, Đức Mẹ, người nữ tỳ vốn hiện thân cho những người có lòng hào hiệp hơn trước lời mời gọi của Vua Hằng sống (97-98).
- Tiền Nguyện thứ hai về việc đặt khung cảnh, thánh I-nhã tập trung vào chính biến cố vốn dẫn thao viên chiêm ngắm một hành trình lao nhọc vào tận hang đá nơi Chúa được sinh ra. Mục đích để dẫn họ vào chính cuộc chiêm niệm.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Giê-su sau khi sinh ra; [2]tự coi mình như một đứa trẻ hèn mọn và một em bé nô lệ bất xứng, nhìn xem, chiêm ngưỡng và hầu hạ các Ngài trong những công việc cần thiết, như thể tôi đang có mặt, với tất cả lòng kính trọng và tôn kính,[3]và rồi phản tỉnh trong lòng để rút ra ích lợi nào đó.	mới sinh ra, [2]bằng cách tự coi mình như một đứa trẻ nghèo hèn và một đầy tớ nhỏ bất xứng, đang nhìn xem các Ngài cách chăm chú, đang chiêm ngưỡng các Ngài, đang phục vụ các Ngài trong những việc cần thiết, như thể tôi đang có mặt với tất cả niềm vinh dự và tôn kính; [3]sau đó tôi phản tỉnh những điều này trong lòng, để tìm được hoa trái nào đó.	người nữ tỳ và Đức Ki-tô Chúa như một hài nhi vừa sinh ra. [2]Tôi tưởng tượng mình đang ở giữa các Ngài, như một đứa trẻ nghèo hèn, đang phụng sự các Ngài trong mọi nhu cầu của các Ngài với sự tôn kính lớn lao nhất. [3]Và tiếp theo tôi tra hỏi xem đâu là ích lợi tôi có thể rút ra cho mình từ một cảnh trí như thế.
115. <u>*Điểm thứ hai*</u>. Quan	**115.** <u>*Thứ hai*</u>. Quan sát	**115.** <u>*Thứ hai*</u> hệ ở việc

---

Thánh I-nhã đã can thiệp hai lần vào hai Tiền Nguyện đầu tiên của bài thao luyện về Giáng Sinh trong bản A và hai bản P và V viết theo bản sửa này. Trước hết, về lịch sử, bản văn viết: "Đức Mẹ chúng ta đang mang thai được gần chín tháng ngồi trên lưng con lừa con" (111[1]). Thánh I-nhã đã thêm cụm từ "***Như ta có thể suy gẫm theo lòng đạo đức như thế***" trước cụm từ "ngồi trên lưng con lừa con". Cả hai bản P và V đều có câu thêm vào này.

Thứ đến, trong Tiền Nguyện thứ hai về việc đặt khung cảnh, ở câu thứ hai, bản văn viết: "Cũng nhìn xem quán trọ, xem chỗ ấy lớn hay nhỏ..." (112[2]). Thánh I-nhã đã gạch bỏ từ ngữ "quán trọ" và thêm vào cụm từ "***nơi chốn hay hang đá Chúa đã sinh ra***". Bản P viết theo bản sửa, nhưng bỏ từ ngữ "hay hang đá", còn bản V giải thích nơi chốn ấy "giống như một cái hang".

- Mục đích việc chiêm ngắm nơi các điểm cũng nhằm đến hoa trái thiêng liêng như bài chiêm niệm trước (114[3]; 115; 116[3]).

Để đi vào chiều sâu của mầu nhiệm, thánh I-nhã nhắc bảo thao viên phải hiện diện và sống chính mầu nhiệm đó nữa. Quả vậy, hình ảnh "người nữ tỳ dắt bò" đi theo thánh Giu-se và Đức Mẹ trong hành trình về Na-za-rét đã báo trước sự đòi buộc này (111[2]). Ngài còn xác định sự hiện diện này rõ hơn khi đề nghị họ: "tự coi mình như một đứa trẻ hèn mọn và một em bé nô lệ bất xứng" mà tham dự mầu nhiệm: "chiêm ngưỡng và hầu hạ các ngài trong những việc cần thiết" (114[2]).

Thứ tự việc chiêm ngắm cũng là nhìn xem các nhân vật cách chung (114[1]), chú

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
sát điều các ngài nói, chú tâm vào đó và chiêm ngắm điều đó, và phản tỉnh trong lòng để rút ra ích lợi nào đó.	điều các Ngài nói, chú tâm vào đó và chiêm ngắm điều đó, và tôi phản tỉnh điều ấy trong lòng, để thu lượm hoa trái nào đó.	thấu hiểu những lời nói được thốt lên ở nơi này.
116. [1]*Điểm thứ ba*, quan sát và suy xét việc các Ngài làm, như đi đường xa và chịu vất vả để Chúa sinh ra trong cảnh nghèo khó tột cùng, [2]và sau bao nhiêu lao khổ của sự đói, khát, nóng bức, giá lạnh, của những sỉ nhục và chống đối, Chúa sẽ chịu chết trên Thập Giá; và tất cả những sự ấy vì tôi. [3] Rồi	**116.** *Thứ ba*, [1]quan sát và suy xét những điều các Ngài làm, thí dụ con đường các Ngài đã đi qua với biết bao khó nhọc, để cho Chúa sinh ra trong sự nghèo khó tột cùng nhất, [2]để sau những đau khổ quá lớn lao, của sự đói, sự khát, của nóng bức, của giá lạnh, của những sỉ nhục, của những chống đối, Ngài chết trên Thập	**116.** [1]*Thứ ba* hệ ở việc khảo sát những công việc diễn ra lúc đó, thí dụ về con đường, về những lao khổ, về những lý lẽ vì đó Chúa tối cao của mọi sự phải sinh ra trong sự bần cùng quá đỗi như thế, [2]và với một sự nghèo khó trọn đời, Ngài cũng sẽ còn phải chịu trong cuộc đời này, những đau khổ, đói khát, nóng lạnh,

ý chiêm ngắm điều các ngài nói (115) và nhìn ngắm cũng như xem xét việc các ngài làm (116^1).

Về các nhân vật, tiến trình mỗi lúc được đào sâu hơn theo hai hướng của bài Lời Gọi: lời gọi Vua Hằng Sống và kẻ đáp lại. Vua Hằng Sống đã sinh ra (112^2). Chắc chắn lời nói của Ngài chỉ là một sự im lặng (115), vì người ta chỉ thấy Ngài sinh ra trong cảnh nghèo hèn tột cùng (116^1). Việc chiêm ngắm không ngừng lại ở chính biến cố. Nó mở ra với kết thúc vốn chạm đến chính bản thân thao viên: "Và sau bao lao khổ của sự đói khát, nóng lạnh, của những bất công và nhục nhã, Chúa sẽ chịu chết trên thập giá và tất cả những sự ấy vì tôi" (116^2). Hiến tế chính mình của Hài Nhi Giê-su vì tình yêu đã được báo trước cho thao viên.

Đức Mẹ, thánh Giu-se và người nữ tỳ hiện diện ở hang đá sau hành trình cực khổ để Chúa được sinh ra. Các ngài trao đổi với nhau (115) và thực hiện những công việc của mình (116^1). Hành động của các ngài như muốn thưa lên: "và đây là quyết tâm của con đã cân nhắc, là noi gương Chúa chịu mọi sỉ nhục, mọi khinh chê" (98^3) để đáp lại tình yêu Chúa.

Chắc chắn cụm từ "tất cả những sự ấy vì tôi" (116^2) sẽ buộc thao viên phải thay đổi thái độ, nghĩa là không phải chỉ hiện diện để làm gì cho Chúa (114^2) mà còn để đáp lại tình yêu Chúa trong cuộc tâm sự của họ (117).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
phản tỉnh để rút ra ích lợi thiêng liêng nào đó.	Giá và chịu tất cả điều đó vì tôi; [3]Sau đó, tôi phản tỉnh những điều này trong lòng, để gặt hái hoa quả thiêng liêng nào đó.	những sỉ nhục và sau cùng còn phải chịu đòn vọt và Thập Giá, và chịu như thế vì tôi. [3]Tiếp theo, từ điểm này sang điểm khác, tôi cố gắng thu lượm ích lợi thiêng liêng nào đó.
117. Kết thúc bằng *một cuộc tâm sự* như trong cuộc chiêm niệm trước và bằng một Kinh Lạy Cha.	**117.** Tôi sẽ kết thúc bằng *một cuộc tâm sự* như trong cuộc chiêm niệm trước đây, và tôi sẽ đọc thêm một Kinh Lạy Cha.	**117.** Sau cùng ta sẽ kết thúc điều đó, khởi đầu bằng *một cuộc tâm sự* và chấm dứt bằng một Kinh Lạy Cha.
118. [1] CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ BA SẼ LÀ VIỆC PHỤC NIỆM VỀ CUỘC THAO LUYỆN THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI. [2] Sau kinh dọn lòng và ba tiền nguyện, sẽ thực hiện việc phục niệm của thao luyện thứ nhất và thứ hai; [3] luôn chú ý đến những chỗ quan trọng	**118.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ BA SẼ LÀ VIỆC PHỤC NIỆM VỀ CUỘC THAO LUYỆN THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI [2]Sau kinh dọn lòng thường lệ và sau ba tiền nguyện, ta sẽ làm cuộc phục niệm của cuộc thao luyện thứ nhất và thứ hai, [3]bằng cách luôn chú ý	**118.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ BA LÀ CUỘC PHỤC NIỆM VỀ HAI CUỘC CHIÊM NIỆM TRƯỚC ĐÂY [2]Vì là cuộc thao luyện hay chiêm niệm thứ ba, ta lặp lại hai cuộc chiêm niệm trên đây, với kinh dọn lòng và cũng ba mở đầu, [3]chú ý mỗi lần phải dừng lại những nơi mà,

B.II.(3) Cuộc chiêm niệm thứ ba: Phục niệm 1 (118)

Đây là cuộc thao luyện thứ ba vốn được gọi là cuộc phục niệm mà thao viên làm vào giờ thánh lễ trước bữa ăn trưa. Chất liệu của cuộc phục niệm này chính là chất liệu của hai cuộc thao luyện trên. Cuộc phục niệm này giống với cuộc phục niệm thứ nhất của tuần một đến nỗi khi giải thích, thánh I-nhã nói phải theo cùng một cách thức tiến hành như cuộc phục niệm ấy (119).

Điểm phục niệm cũng được xác định rõ:"chú ý đến những chỗ quan trọng hơn" (A,P) như được an ủi, sầu khổ mà tuần một đã nói đến (62^2). Có một yếu tố khác liên quan đến ơn xin của tuần hai mà A và P đề cập đến: sự hiểu biết (104) trong khi V lại gọi là ánh sáng (118^3) ở đó bản P có vẻ nghiêng về sự hiểu biết thuộc trí năng trong khi A lại coi là sự hiểu biết của cảm nghiệm, một hiểu biết thâm sâu mà ơn xin đã đề ra.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hơn mà chúng ta đã cảm thấy được chút hiểu biết, an ủi hay sầu khổ nào đó. Cuối cùng cũng làm cuộc tâm sự và một Kinh Lạy Cha.	đến một vài nơi quan trọng hơn, nơi mà ta sẽ tìm được một sự hiểu biết hay một sự an ủi hay sầu khổ, thêm vào đó một cuộc tâm sự và, sau cùng là một Kinh Lạy Cha.	khi rảo qua lần đầu tiên, tôi đã nhận ánh sáng nào đó, an ủi hay sầu khổ. Người ta cũng sẽ thêm vào đó một cuộc tâm sự và một Kinh Lạy Cha như trước đây.
119. *(Giải thích)* Trong cuộc "phục niệm" này cũng như các lần khác sau này, cũng theo cùng một cách thức tiến hành như trong các cuộc "phục niệm" của tuần thứ nhất, chỉ đổi đề tài còn giữ nguyên hình thức.	**119.** *(Giải thích)* Trong cuộc phục niệm này và trong mọi cuộc phục niệm tương tự sau này, ta sẽ duy trì cùng một cách thức tiến hành như trong các cuộc phục niệm của tuần thứ nhất, bằng cách chỉ thay đổi đề tài còn giữ nguyên hình thức.	**119.** *(Giải thích)* Cần phải ghi nhận rằng cách thức và trật tự cho cuộc phục niệm của một bài chiêm niệm trong tuần này và các tuần tiếp theo có cùng một cách thức và trật tự như trong tuần thứ nhất, chỉ có đề tài thay đổi, trong khi hình thức vẫn giữ nguyên.
120. CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ TƯ LÀ CUỘC PHỤC NIỆM CỦA CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI, CÓ CÙNG MỘT CÁCH THỨC NHƯ TRONG CUỘC PHỤC NIỆM Ở TRÊN.	**120.** CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ TƯ LÀ MỘT CUỘC PHỤC NIỆM CỦA CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI, CÓ CÙNG CÁCH THỨC NHƯ ĐÃ NÓI TRONG CUỘC PHỤC NIỆM Ở TRÊN.	**120.** CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ TƯ LÀ MỘT CUỘC PHỤC NIỆM MỚI VỀ CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI, HOÀN TOÀN AM HỢP VỚI CUỘC PHỤC NIỆM Ở TRÊN.

C.I.14 Giải thích về phục niệm (119)

Đây chính là việc giải thích trực tiếp cho vấn đề phục niệm của toàn bộ giai đoạn hai. Cho dù bản A không ghi từ ngữ "nota" ngoài lề, nhưng thánh I-nhã đã xuống hàng để ám chỉ ý nghĩa giải thích này *(Ignace de Loyla, Texte Autographe des EX. SP, Desclée de brouwer, Paris, 1986, tr.102).*

B.II.(4) Cuộc chiêm niệm thứ bốn: Phục niệm 2 (120)

Cuộc phục niệm này cũng giống như cuộc phục niệm thứ tư của tuần một, vì cũng được làm vào giờ kinh chiều (75^1). Tuy vậy chúng diễn tả nội dung trong tựa đề khác nhau. Vì tựa đề của cuộc thao luyện thứ bốn của tuần một theo A là "tóm lược cuộc thao luyện thứ ba" (64^1) trong khi ở tuần hai, đó lại là "cuộc phục niệm của cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai" (120) y như cuộc phục niệm thứ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
121. [1] CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NĂM, ÁP DỤNG NGŨ QUAN VÀO CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI.	**121.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NĂM LÀ ÁP DỤNG NGŨ QUAN VÀO CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI	**121.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NĂM LÀ MỘT CUỘC ÁP DỤNG NGŨ QUAN VÀO CÁC CUỘC CHIÊM NIỆM TRƯỚC ĐÂY.
[2] Sau kinh dọn lòng và ba tiền nguyện, sẽ được ích lợi nhiều nếu đem áp dụng năm giác quan tưởng tượng vào bài chiêm niệm thứ nhất và thứ hai theo cách sau đây:	[2]Sau Kinh nguyện dọn lòng thường lệ và sau ba tiền nguyện, sẽ được ích lợi nhiều nếu đem năm giác quan tưởng tượng vào cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai theo cách thức sau đây ***như điều liên hệ cho phép***.	[2]Sau kinh dọn lòng với ba mở đầu đã được nêu trên, sẽ vô cùng hữu ích nếu thao luyện năm giác quan tưởng tượng về cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai theo cách sau đây, ***như điều được đề nghị cho phép***.
122. <u>*Điểm thứ nhất:*</u> là xem thấy các nhân vật bằng con mắt tưởng tượng. Suy gẫm và chiêm niệm cách đặc	**122.** <u>*Điểm thứ nhất*</u>: bằng con mắt tưởng tượng, xem thấy các nhân vật, bằng cách suy gẫm và chiêm niệm một cách chi	**122.** <u>*Điểm thứ nhất:*</u> là nhìn ngắm bằng sự tưởng tượng tất cả mọi nhân vật, bằng cách ghi chú

ba (118[1]). Thế nhưng khi đọc chính nội dung của chúng, chúng ta lại gặp được sự đồng nhất của cả hai, dù vẫn còn vấn đề phải đặt ra. Trong tuần thứ nhất, cuộc phục niệm này nói: "trí khôn chăm chú suy tưởng bằng cách hồi niệm những điều đã chiêm niệm trong các cuộc Linh Thao trước" (64[2]). Có sự đồng nhất nếu "các cuộc thao luyện trước" chính là hai cuộc thao luyện vào nửa đêm và ban sáng; nhưng có vấn đề nếu "những cuộc thao luyện trước" gồm cả ba cuộc thao luyện, nghĩa là hai cuộc thao luyện chính và cuộc phục niệm thứ nhất.

B.II.(5) Cuộc thao luyện thứ năm: áp dụng ngũ quan (121-126)

a/ Tổng quát.

Chúng ta ghi nhận một số yếu tố về cuộc chiêm niệm này:

- Thứ nhất, ta thấy đề tài ở đây được xác định minh bạch hơn: "áp dụng ngũ quan vào cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai" theo A và P, hay vào "các cuộc chiêm niệm trước đây" theo V (121[1]) so với đề tài suy gẫm về hoả ngục (65[1]). Trong bài về Hoả ngục, thánh I-nhã xác định đó là bài suy gẫm, nhưng khi khai triển, chúng ta lại thấy đó chính là bài áp dụng ngũ quan (66-70). Ngược lại, trong cuộc thao luyện thứ năm này, ngài xác định ngay ở tựa đề là bài áp dụng ngũ quan cả ở ba bản văn. Việc định tính ngũ quan cũng rõ ràng hơn. Cả ba bản văn đều xác định đó là việc áp dụng ngũ quan tưởng tượng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
biệt những tình huống liên quan tới các Ngài và rút ra lợi ích nào đó bởi những điều mình thấy.	tiết những tình huống ở đó các Ngài hiện diện, và thu lượm hoa trái nào đó từ điều ta thấy như thế.	những tình huống liên quan đến họ, để rút ra điều gì có ích cho chúng ta.
123. *Điểm thứ hai*, nghe thấy bằng tai những điều các Ngài nói hoặc có thể nói, và phản tỉnh trong lòng để rút ra ít nhiều ích lợi nào đó.	**123.** *Thứ hai*. Nghe nhận bằng tai điều các Ngài nói hay có thể nói, và tôi phản tỉnh trong lòng để từ đó có được hoa trái nào đó.	**123.** *Thứ hai*. Nghe thấy cách nào đó điều các Ngài nói, hay điều dường như các Ngài nói, rút ra ích lợi cho mình từ tất cả những điều ấy.
124. [1] *Điểm thứ ba*, cảm nhận và nếm bằng khứu giác và vị giác mùi vị thơm tho và ngọt ngào	**124.** [1]*Thứ ba*. Cảm nhận bằng khứu giác và bằng cả vị giác mùi vị thơm tho và ngọt ngào vô cùng	**124.** [1]*Thứ ba*. Bằng một thứ vị giác và khứu giác bên trong, cảm nhận sự thơm tho và ngọt ngào

(121[2]) trong khi ở bài suy gẫm về Hoả Ngục, ta thấy thánh I-nhã chỉ định tính cho một số giác quan (65[3]; 66; 67 theo P và V. 70 theo V), còn số khác không được định tính, cho dù ta phải hiểu như thế một cách mặc nhiên.

- Thứ hai, vệc áp dụng ngũ quan ở đây có nội dung khác với nội dung của bài về Hỏa Ngục. Bởi lẽ trong khi đối tượng của việc áp dụng ngũ quan của tuần một có thể tách biệt với hai đề tài suy gẫm trước đó: bài áp dụng ngũ quan là Hỏa ngục, trong khi hai đề tài trước là suy gẫm về Ba Tội (45-53) và về Tội của tôi (55-61), thì ngược lại, việc áp dụng ngũ quan của tuần hai có nội dung của chính hai bài chiêm niệm trước đó. Nó đồng nhất đến nỗi cả Kinh Dọn Lòng, Ba Tiền Nguyện và cả Tâm Sự vẫn là một so với các bài chiêm niệm trên (121[2]; 126), trong khi hai Tiền Nguyện và cuộc Tâm Sự của bài suy gẫm về Hỏa Ngục hoàn toàn khác với hai bài suy gẫm đầu tiên về tội lỗi.
- Thứ ba, khi giải thích phần đầu của bài chiêm niệm này, cha Polanco thêm một cụm từ "như điều liên hệ cho phép" vào phần cuối bản P và cụm từ "như điều được đề nghị cho phép" vào phần cuối bản V (121[2b]). Chúng có cùng một nội dung, nhưng đó chỉ là câu ghép vào mà không làm thay đổi hay xác định rõ hơn ý nghĩa cho các bản văn.

b/ Chính việc áp dụng ngũ quan (121-125).

Chúng ta đã bàn về tính thực hữu của việc áp dụng ngũ quan trong bài suy gẫm về Hỏa Ngục *(x. Tuần thứ nhất, phần B.I.5),* nhưng đề tài của việc áp dụng ngũ quan trong suy gẫm có thể khác với đề tài của hai bài suy gẫm chính. Ngược lại, trong chiêm niệm, đề tài của việc áp dụng ngũ quan và hai đề tài kia là một. Điều ấy cho phép chúng ta kết luận rằng việc áp dụng ngũ quan ở chiêm niệm đạt đến chiều sâu của sự hiểu biết nội tâm hơn. Bởi lẽ mọi áp dụng giác quan

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vô cùng của Thiên Chúa, của linh hồn và các nhân đức của linh hồn cùng mọi sự khác, tuỳ theo nhân vật mà ta chiêm ngắm; [2]phản tỉnh trong lòng và rút lấy ích lợi từ đó.	của Thiên Chúa, của linh hồn và mọi sự, tùy theo nhân vật mà chúng ta chiêm ngắm; [2]sau cùng tôi phản tỉnh trong lòng để thu lượm ở đó hoa trái nào đó.	biết dường bao của linh hồn được tràn ngập những ơn ban và những nhân đức của Thiên Chúa, tùy theo nhân vật mà chúng ta suy xét, [2]bằng cách áp dụng cho chính mình điều có thể đem lại hoa trái nào đó.
125. *Điểm thứ bốn*, sờ vào bằng xúc giác, thí dụ ôm và hôn những nơi các nhân vật ấy đặt chân lên và ngồi vào, luôn cố gắng rút lấy ích lợi từ đó.	**125.** *Thứ tư*. Ôm và hôn và sờ vào những nơi mà những nhân vật được chiêm ngắm đi giẫm lên và những nơi mà các Ngài đã ngồi lên, rồi luôn phản tỉnh để được hoa trái nào đó từ những điều ấy.	**125.** *Thứ bốn*. Bằng xúc giác bên trong sờ vào và hôn lên y phục, những nơi, những vết chân đi và tất cả mọi điều liên quan đến các nhân vật này, từ đó chúng ta có được sự tăng trưởng hơn mãi về lòng sốt mến hoặc về ích lợi thiêng liêng nào đó.
126. Kết thúc bằng *một cuộc tâm sự* như trong các cuộc chiêm niệm thứ	**126.** Ta sẽ kết thúc cuộc thao luyện này bằng *một cuộc tâm sự*, như trong	**126.** Cần phải kết thúc việc chiêm ngắm này bằng *một cuộc tâm sự*,

được vận dụng đều nhằm mục đích rút ra được một ích lợi thiêng liêng nào đó, mà ở đây đề tài của việc áp dụng được tập trung hơn.

Tóm lại, ơn xin của ngày sống (104) được tỏ hiện rõ nét trong tất cả các bài thao luyện: "được lòng hiểu biết thâm sâu về Chúa, Đấng đã làm người vì tôi, để được yêu mến Ngài hơn và đi theo Ngài hơn". Ơn xin cho thấy khởi điểm cho một giá trị mới đi vào ý thức và thấm sâu vào vô thức là việc làm vất vả nhưng cần thiết biết bao để cho hành trình đi theo Chúa Giêsu được thành hiện thực.

C. I-NHÃ HƯỚNG DẪN

Với tư cách là người hướng dẫn Linh Thao, thánh I-nhã sử dụng ba khí cụ hướng dẫn trong tuần hai: những giải thích trực tiếp, hai bộ ghi chú và một bộ quy tắc. Khí cụ thứ nhất đã được vận dụng trong tuần một. Còn khí cụ thứ hai ở đây có một sự đảo nghịch với khí cụ thứ hai của tuần một: khí cụ thứ hai trong tuần một là Mười Điều Phụ Thêm trong đó có những ghi chú; ngược lại khí cụ thứ hai của tuần hai trở đi là những ghi chú trong đó những điều phụ thêm được đề cập đến. Bộ quy tắc thuộc riêng đời sống soi sáng mà trong tuần này được tìm thấy ở việc chọn lựa bậc sống thuộc cách thứ hai của thì ba (184-188).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nhất và thứ hai, và bằng một Kinh Lạy Cha.	bài chiêm niệm thứ nhất và thứ hai, và bằng một Kinh Lạy Cha.	như trong những cuộc chiêm niệm trước, trong lúc đó cũng thêm vào một Kinh Lạy Cha.
127. [1]*Ghi chú thứ nhất:* cần chú ý rằng trong suốt tuần này và các tuần sau, tôi chỉ được đọc đến mầu nhiệm của cuộc chiêm niệm mà tôi vừa mới làm xong, [2] đến nỗi, hiện tại, tôi sẽ không đọc về bất cứ một mầu nhiệm nào	**127.** [1]*Chú dẫn thứ nhất*: chú ý rằng, trong suốt tuần này và các tuần sau, tôi chỉ được đọc mầu nhiệm của cuộc chiêm ngắm mà lập tức tôi sẽ phải làm, [2]đến nỗi bây giờ tôi không đọc một mầu nhiệm nào khác	**127.** [1]Hơn nữa phải ghi chú năm điều sau đây: *Thứ nhất*: Cả trong tuần này lẫn tất cả những tuần khác tiếp theo, tôi không được đọc hay có trong tâm hồn bất cứ một mầu nhiệm nào khác ngoài [2]mầu nhiệm phải

C.I. GIẢI THÍCH

So với ngày mẫu thứ nhất của tuần một, thánh I-nhã không còn vận dụng những giải thích trực tiếp ngay trong từng ý niệm của tuần hai nữa. Vì ngài giả thiết thao viên đã làm quen với hệ thống ý niệm của ngài (x. 47; 48; 50; 51; 52; 54). Ngài chỉ còn nói đến những giải thích đàng sau những ý niệm hay sau bài thao luyện. Tổng cộng Tuần hai cũng có 10 giải thích trực tiếp như Tuần một.

1/ Sau ý niệm

- Về các Tiền Nguyện (105). Trong bài chiêm niệm mẫu đầu tiên này, thánh I-nhã đưa ra một khí cụ hướng dẫn duy nhất: giải thích trực tiếp. Giống như trong bài suy gẫm mẫu đầu tiên (49), việc giải thích này nằm ngay bên trong bài chiêm niệm để nhắc nhớ lại việc tiến hành các bước đầu của bài chiêm niệm: kinh dọn lòng không đổi, ba tiền nguyện thay đổi cho thích hợp với từng đề tài chiêm niệm.

Tuy nhiên thánh I-nhã phải đề cập ở đây vì khi chuyển cơ cấu của một bài suy gẫm sang bài chiêm niệm, sẽ có sự thay đổi: cơ cấu bài chiêm niệm có thêm Tiền Nguyện thứ nhất về lịch sử (102), đồng thời có sự di dời những Tiền Nguyện khác: Tiền Nguyện thứ nhất của tuần một trước đây về việc đặt khung cảnh trở thành Tiền Nguyện thứ hai và Tiền Nguyện thứ hai về xin ơn trở thành Tiền Nguyện thứ ba. Trong bài chiêm niệm thứ hai về Giáng Sinh, ta không thấy bất cứ sự giải thích nào nữa.

- Về Phục Niệm (119). Đây chính là việc giải thích trực tiếp cho vấn đề phục niệm của toàn bộ giai đoạn hai. Cho dù bản A không ghi từ ngữ "nota" ngoài lề, nhưng thánh I-nhã đã xuống hàng để ám chỉ ý nghĩa giải thích này *(Ignace de Loyla, Texte Autographe des EX. SP, Desclée de brouwer, Paris, 1986,*

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
khác mà tôi không phải làm hôm nay hay ngay bây giờ, để sự suy xét về một mầu nhiệm này không làm xáo trộn việc suy xét về mầu nhiệm khác.	ngoài mầu nhiệm mà tôi phải suy gẫm vào ngày đó hay vào một giờ khác, để việc suy xét một mầu nhiệm không làm ngăn trở việc suy xét về một mầu nhiệm khác.	suy xét vào giờ này hay ngày hôm nay, vì nếu không như thế thì mầu nhiệm này sẽ làm xáo trộn mầu nhiệm khác.
128. [1]*Ghi chú thứ hai*, cuộc Thao Luyện thứ nhất về mầu nhiệm Nhập Thể sẽ thực hiện vào nửa đêm, cuộc thứ hai lúc rạng đông; cuộc thứ ba vào giờ Thánh Lễ; cuộc thứ bốn vào giờ	**128.** [1]*Thứ hai*. Cuộc thao luyện thứ nhất về việc Nhập Thể sẽ được làm vào nửa đêm; cuộc thứ hai vào rạng đông; cuộc thứ ba vào giờ lễ; cuộc thứ tư vào giờ hát kinh chiều; cuộc thứ năm vào	**128.** [1]*Thứ hai*: Cuộc thao luyện thứ nhất về việc Nhập Thể của Chúa Ki-tô được làm vào nửa đêm; Cuộc tiếp theo, vào lúc rạng đông; cuộc thứ ba, vào khoảng giờ Thánh Lễ; cuộc thứ tư,

tr.102). Việc giải thích này có cùng ý nghĩa như giải thích ở số 105, nhưng nếu số 105 nói cách minh nhiên về yếu tố mới: lịch sử, thì ở đây nói cách mặc nhiên vì từ nay nó thuộc về hệ thống chiêm niệm.

Chính việc giải thích này cho chúng ta được phép rút ngắn sự cách biệt giữa việc chiêm niệm và suy gẫm trong ý nghĩa thao luyện của thánh I-nhã, nghĩa là chúng có một mối tương quan gần gũi đến nỗi ngài nói: "Trong cuộc Phục Niệm này cũng như các lần khác sau này, cũng theo cùng một cách thức tiến hành như trong các cuộc Phục Niệm của tuần thứ nhất, chỉ đổi đề tài, còn giữ nguyên hình thức" (119[b]).

2/ Sau bài chiêm niệm về Lời Gọi (99-100)

Với tư cách là người hướng dẫn, thánh I-nhã đưa ra khí cụ đầu tiên để hướng dẫn trong bài "Lời Gọi Vua Hằng Sống" là việc giải thích trực tiếp. Việc giải thích nhắm vào hai điểm hoàn toàn mới:

Thứ nhất, dù không tính vào một ngày nào trong tuần hai này, nhưng ngài đã chỉ định cho thao viên thao luyện bài này hai lần trong ngày. Có lẽ đó là ngày nghỉ giữa tuần một sang tuần hai như truyền thống vẫn giữ. Và rồi nội dung của nó được thấm sâu dần trong suốt tiến trình vận hành (99).

Thứ hai, ngài còn đề nghị từ nay trở đi, thao viên nên đọc Tin Mừng, sách Gương Phúc hoặc Hạnh Các Thánh để đào sâu hành trình cứu độ của Chúa và gương sống của các thánh trong bước đường đi theo Chúa (100).

Vậy hai giải thích về bài Chiêm Niệm này phải được đề nghị vì thao viên bước vào giai đoạn mới của việc thao luyện: một về cách thao luyện của chính bài

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hát kinh chiều và cuộc thứ năm trước giờ kinh tối; [2]sẽ ở lại một giờ cho mỗi cuộc thao luyện trong số năm cuộc và sẽ giữ cùng một trật tự ấy cho mọi cuộc sau này.	trước bữa ăn tối. [2]Cần phải ở lại một giờ cho mỗi cuộc thao luyện trong số năm cuộc; và ta sẽ duy trì cách làm này trong những ngày tiếp sau.	khoảng giờ hát kinh chiều; cuộc thứ năm, trước bữa ăn tối một chút. [2]Ở mỗi cuộc thao luyện, người ta sẽ dành một giờ, điều mà người ta luôn phải tuân giữ sau đó.
129. [1]*Ghi chú thứ ba*: nên chú ý là nếu người tập những cuộc Thao Luyện đã có tuổi hay yếu sức, hoặc dù mạnh khoẻ nhưng trong tuần thứ nhất đã yếu sút đi cách nào đó; [2]thì điều tốt	**129.** [1]*Thứ ba*: chú ý rằng, nếu thao viên đã có tuổi hoặc yếu sức, hoặc nếu, dù khỏe mạnh, tuy nhiên bị suy yếu đi chút ít bởi tuần thứ nhất, [2]sẽ là khôn ngoan hơn nếu trong tuần thứ hai này, ít là đôi lần	**129.** [1]*Thứ ba*: nếu người luyện tập đã có tuổi hoặc sức khỏe yếu đi hoặc kiệt sức vì tuần thứ nhất, [2]thì điều tốt hơn là đôi khi họ không thức dậy vào ban đêm, nhưng họ chỉ làm ba cuộc chiêm ngắm: vào

chiêm niệm (99) và một về toàn bộ thời gian thao luyện còn lại (100).

C.II.2. BỘ GHI CHÚ MỘT THUỘC TUẦN HAI

Như chúng ta đã bàn, từ tuần hai trở đi khí cụ hướng dẫn thứ hai là những bộ Ghi Chú (nota), trong đó những Điều Phụ Thêm là thành phần. Tuy nhiên việc sử dụng từ ngữ cho khí cụ này có vấn đề đặt ra: cách chung bản A sử dụng danh từ "ghi chú" (127; 162; 227), bản V sử dụng động từ "ghi chú" (127; 162; 204; 226), còn bản P sử dụng danh từ "chú dẫn" (127; 162; 204; 226). Như vậy, ngoài sự thống nhất của bản V ra, ta thấy bản P có nguy cơ làm cho người ta lộn khí cụ này với hai mươi chú dẫn ở phần đầu trước khi vào Linh Thao (1-20); bản A quên sót toàn bộ hệ thống ghi chú tuần ba (224-227) và một ghi chú đầu tiên của tuần bốn (226).

Trong tuần hai có hai hệ thống ghi chú: một ở đây sau ngày mẫu đầu tiên của giai đoạn thao luyện thứ nhất (127-131) và một ở cuối giai đoạn hai sau ngày thao luyện thứ mười hai và trước ngày suy xét về Ba Cách khiêm nhường để làm việc chọn lựa (162-164). Có năm ghi chú được bàn đến trong hệ thống thứ nhất này:

1/ Ghi chú thứ nhất (127)

Về kỷ luật Linh Thao. Thực ra ghi chú này đã được thánh I-nhã nói đến trong chú dẫn trước khi vào Linh Thao khi đề cập về tuần một (11) nên ngài không nhắc lại ở tuần một mà chỉ nhắc ở tuần hai. Tuy nhiên việc nhắc nhở này đi xa hơn chú dẫn, nghĩa là trong khi chú dẫn nhắc nhở về phạm vi một tuần Linh

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hơn đối với họ trong tuần thứ hai này ít nhất hai ba lần không thức dậy vào giờ nửa đêm; họ sẽ làm một cuộc chiêm niệm buổi sáng, một cuộc khác sau giờ lễ và một cuộc khác trước bữa ăn trưa [3] và một cuộc phục niệm về tất cả những cuộc Thao Luyện ấy vào giờ hát kinh chiều, rồi áp dụng ngũ quan trước bữa tối.	họ không thức dậy vào nửa đêm, nhưng làm một cuộc chiêm niệm vào buổi sáng lúc rạng đông, một cuộc khác vào giờ thánh lễ và cuộc khác nữa trước bữa ăn trưa, [3]và họ sẽ làm một cuộc phục niệm về các cuộc chiêm niệm đó vào giờ hát kinh chiều; rồi cuộc thao luyện áp dụng ngũ quan vào trước bữa ăn tối.	rạng đông, khoảng giờ thánh lễ và trước bữa ăn trưa; [3]người ấy sẽ thêm vào đó một cuộc phục niệm vào khoảng giờ hát kinh chiều, và một việc áp dụng các giác quan trước bữa ăn tối.
130. [1] *Ghi chú thứ bốn*: với tuần thứ hai này, về tất cả mười điều phụ thêm đã nói ở tuần thứ	**130.** [1]*Thứ bốn*: trong tuần thứ hai này, về mười điều phụ thêm đã được đề ra ở tuần thứ nhất, ta	**130.** [1]*Thứ bốn*: trong tuần thứ hai này, về mười điều phụ thêm đã được đề ra ở

Thao, thì ở đây việc nhắc nhở đi xuống tận từng ngày, từng bài thao luyện. Nguyên tắc thao luyện không cho phép đi trước, mà chỉ đào sâu những gì đã được đào luyện.

2/ Ghi chú thứ hai (128)

Ghi chú này đề cập về hai vấn đề ở hai phần mà thực ra chỉ là sự nhắc lại của tuần một: phần thứ nhất về chương trình tập luyện trong một ngày (128^1) nhắc lại chương trình một ngày của tuần một (72^1) – phần thứ hai về việc qui định giờ cầu nguyện (128^2) đã được nói đến trong chú dẫn (12-13).

3/ Ghi chú thứ ba (129)

Về tính uyển chuyển trong Linh Thao. Điều này diễn tả tính thích nghi của Linh Thao vào tình trạng cụ thể của thao viên và đã được giải thích trong tuần một (72^2) và ở chú dẫn (4^{4-8}). Tuy nhiên, thánh I-nhã đề ra một chương trình thích nghi như sau: không có cuộc thao luyện vào nửa đêm, nhưng vẫn có năm cuộc thao luyện trong một ngày; thay vì có hai cuộc thao luyện chính sau đó là hai cuộc phục niệm và một cuộc áp dụng ngũ quan, thì sẽ có ba cuộc thao luyện (một vào buổi sáng, một vào sau giờ lễ và một vào trước bữa ăn trưa), một cuộc phục niệm cho cả ba cuộc thao luyện trên vào giờ kinh chiều và một cuộc áp dụng ngũ quan vào trước giờ ăn tối. Như thế, chương trình vẫn có 5 lần chiêm niệm, nhưng không có bài chiêm niệm vào nửa đêm.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nhất, phải sửa đổi các điều thứ hai, thứ sáu, thứ bảy và một phần điều thứ mười.	phải sửa đổi điều thứ hai, thứ sáu, thứ bảy cũng như một phần điều thứ mười.	tuần thứ nhất, ta phải thay đổi điều thứ hai, thứ sáu, thứ bảy và một phần điều thứ mười.
[2]Về điều thứ hai là: thoạt ngay sau khi thức dậy, đặt trước mặt cuộc chiêm niệm mà tôi phải làm, ao ước được hiểu biết hơn Ngôi Lời Hằng Sống đã nhập thể, để phụng sự Ngài hơn và đi theo Ngài hơn.	[2]Về điều thứ hai: ngay sau khi thức dậy, tôi đặt trước mắt cuộc chiêm niệm mà tôi sẽ làm, bằng cách ao ước một cách mãnh liệt hơn để có được sự hiểu biết về Ngôi Lời nhập thể, để phụng sự Ngài hơn và đi theo Ngài hơn.	[2]Về điều thứ hai, ta thay đổi điều này: ngay khi tôi thức dậy, tôi phải gợi lại trong tâm hồn cuộc chiêm niệm đến tức khắc và thúc đẩy lòng ao ước được biết rõ hơn Ngôi Lời hằng hữu, đã nhập thể, để phụng sự Ngài và gắn bó với Ngài một cách mạnh mẽ bao lâu tôi xem thấy lòng nhân lành vô cùng của Ngài dành cho tôi.
[3]Và về điều thứ sáu là năng nhớ lại cuộc đời và các mầu nhiệm của Chúa Ki-tô, Chúa chúng ta, bắt đầu từ sự Nhập Thể của Ngài cho đến	[3]Về điều thứ sáu: tôi năng nhớ lại cuộc đời và các mầu nhiệm của Đức Giê-su Ki-tô Chúa chúng ta, bắt đầu từ cuộc Nhập Thể cho đến nơi hoặc	[3]Về điều thứ sáu: Tôi

4/ Ghi chú thứ bốn (130)

Liên quan đến Mười Điều Phụ Thêm. Khi việc thao luyện bước vào giai đoạn mới, thì tâm tình, bầu khí cũng như cách sống cũng thay đổi. Sự thay đổi này được thực hiện nhờ khí cụ thứ hai trong mối tương quan của Mười Điều Phụ Thêm và những Ghi Chú. Trong tuần hai, có bốn Điều Phụ Thêm phải được thay đổi cho am hợp với giai đoạn mới:

- Điều Phụ Thêm thứ hai: về việc chuẩn bị xa của hai bài thao luyện nửa đêm và ban sáng. Thao viên không mang tâm tình sám hối của một hối nhân (74) mà là tâm tình của ơn xin trong những bài thao luyện liên quan đến cuộc đời Chúa Giê-su (104; 113).
- Điều Phụ Thêm thứ sáu: về tâm trạng sống. Thay vì mang tâm trạng đau buồn vì tội lỗi mình khiến thao viên luôn phải nhớ đến sự chết, sự phán xét để được dẫn đến ơn sám hối (78), họ cần sống sự hiệp thông của tình yêu bằng cách luôn ôn lại các Mầu Nhiệm mình đã thao luyện khởi từ Nhập Thể để được đào sâu con đường của Chúa mình.

Bản V nêu hoạt động thao luyện của chủ thể ở đây không chính xác: Họ luôn nhớ lại cuộc đời Chúa Ki-tô từ Cuộc Nhập Thể đến Mầu Nhiệm họ "chiêm niệm" chứ không phải "suy gẫm" (130[3])

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nơi hoặc mầu nhiệm mà tôi đang chiêm niệm. [4]Và về điều thứ bảy là phải dùng bóng tối hay ánh sáng, vận dụng trời đẹp hay trời xấu, tuỳ theo mức độ thao viên thấy điều ấy có thể sinh ích cho mình và giúp tìm kiếm được điều mình ao ước. [5] Và về điều thứ mười, thao viên phải thích ứng với những mầu nhiệm mà họ chiêm niệm, vì có những mầu nhiệm đòi phải hãm mình đền tội, có những mầu nhiệm lại không. [6]Như vậy, phải đòi buộc sao cho mười điều phụ thêm phải được tuân giữ một cách rất cẩn thận.	mầu nhiệm mà tôi muốn chiêm ngắm. [4]Về điều thứ bảy: người luyện tập sẽ tìm kiếm ánh sáng mặt trời hay bóng tối, vận dụng thời tiết tốt hay xấu, trong mức độ người ấy cảm thấy rằng điều ấy có thể thích hợp và ích lợi cho mình để tìm thấy điều mình ước muốn. [5]Về điều thứ mười: người luyện tập phải thích ứng tùy theo những mầu nhiệm được chiêm ngắm, vì một số mầu nhiệm đòi hỏi phải hãm mình đền tội và một số khác lại không cần. [6]Vì thế, ta sẽ làm những điều phụ thêm này cách đầy nhiệt tâm và chăm chú.	lược qua lại thường xuyên trong trí nhớ đời sống Đức Ki-tô từ thời gian Nhập Thể cho đến mầu nhiệm mà tôi sẽ suy gẫm trong ngày hôm nay hay vào giờ này. [4]Về điều thứ bảy: Tôi hài lòng với ánh sáng hay bóng tối, trời quang đãng hay u ám, tùy mức độ điều ấy giúp đạt tới mục tiêu được ao ước. [5]Về điều thứ mười: Tôi sẽ thích ứng như từng loại mầu nhiệm chiêm ngắm có thể đòi hỏi, vì một số mầu nhiệm đòi hỏi việc hãm mình đền tội, một số khác lại không. [6]Vì thế người ta phải vận dụng mười điều phụ thêm cách cẩn thận.

- Điều Phụ Thêm thứ bảy về bầu khí bên ngoài: Cũng không tạo bầu khí ảm đạm của giai đoạn thanh luyện vốn cần đến bóng tối để tập trung vào chính mình (79). Bầu khí của tuần hai phải được thích nghi với ý nghĩa của từng mầu nhiệm và việc vận dụng ngoại cảnh phải giúp tìm được điều mình tìm kiếm.
- Điều Phụ Thêm thứ mười về việc hãm mình đền tội: Chắc chắn đây là một trong những hình thức thao luyện có tính thực hành và cần thiết nhằm canh phòng thân phận yếu đuối của con người cũ (82). Nhưng trong tuần hai, việc này cũng được thích ứng vào từng mầu nhiệm vốn tác động trên chủ thể một cách rất riêng biệt. Thế nên có mầu nhiệm chủ thể cảm thấy phải hãm mình đền tội, nhưng cũng có những mầu nhiệm lại không thấy cần.

Đối với thánh I-nhã, Mười Điều Phụ Thêm có một vị trí rất quan trọng trong Linh Thao. Không những ở đây, ngài đòi buộc thao viên phải tuân giữ những điều này một cách rất cẩn thận, mà còn hơn nữa phải lấy chúng làm một trong những đối tượng để xét mình riêng (90). Bởi lẽ, một trong những nguyên do chủ thể không

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
131. [1]*Ghi chú thứ năm*, trong tất cả các cuộc Thao Luyện, trừ lần vào nửa đêm và ban sáng, sẽ làm một điều tương đương với điều phụ thêm thứ hai, theo cách thức sau đây: [2] ngay khi nhớ đến giờ tập luyện mà tôi phải làm, trước khi đi làm việc ấy, tôi sẽ đặt trước mặt: tôi đi đâu và đến trước mặt ai, [3] rồi lược tóm sơ qua bài Thao Luyện mà tôi sắp phải làm và sau đó làm điều phụ thêm thứ ba rồi tôi đi vào bài Thao Luyện.	**131.** [1]*Thứ năm*. Trong mọi cuộc thao luyện (trừ cuộc thao luyện ta làm vào nửa đêm và cuộc ta làm vào rạng đông), ta sẽ làm một điều tương đương ***với điều phụ thêm thứ hai và thứ ba*** theo cách thức sau đây: [2]ngay khi biết đây là giờ của một cuộc thao luyện, trước khi đến đó, tôi sẽ xét xem mình đi đâu và đến trước mặt ai, [3]suy nghĩ cách ngắn gọn đến một phần cuộc thao luyện mà tôi muốn làm; tiếp theo, tôi vào cuộc thao luyện.	**131.** [1]*Thứ năm*: Sau cùng phải ghi nhận rằng, trong tất cả những cuộc thao luyện vào những giờ khác (trừ những cuộc vào nửa đêm và vào lúc rạng đông), phải làm điều tương đương ***với điều phụ thêm thứ hai và thứ ba*** theo cách thức sau đây: [2]ngay khi ý tưởng cho biết đây là giờ suy gẫm, trước khi đến đó, tôi nhìn xem từ xa nơi tôi đi đến và trước mặt ai tôi sẽ hiện diện: [3]và sau khi đã lược qua một cách mau lẹ một phần cuộc thao luyện được đề nghị, tôi sẽ vào ngay cuộc chiêm niệm.
132. [1] NGÀY THỨ HAI Để làm cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai, lấy mầu nhiệm Dâng	**132.** [1]NGÀY THỨ HAI Để làm cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai, tôi sẽ lấy việc Dâng	**132.** [1]NGÀY THỨ HAI Đề tài của cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai sẽ là Việc Dâng Chúa

nghiệm thấy một tác động nào của các thần, chính vì họ không sống Linh Thao nghiêm túc, trong đó có việc không tuân giữ những Điều Phụ Thêm này (6[4]).

5/ Ghi chú thứ năm (131)

Theo bản A, ghi chú này liên quan đến Điều Phụ Thêm thứ hai vốn được coi là việc chuẩn bị xa sau khi thức dậy để dành cho việc chiêm niệm vào nửa đêm hay ban sáng (74). Chắc chắn nội dung của điều phụ thêm này chỉ dành cho hai cuộc thao luyện đó mà thôi (88[1]). Tuy nhiên, thánh I-nhã đã nói ghi chú này có giá trị "tương đương" với Điều Phụ Thêm thứ hai và dành cho những cuộc thao luyện khác trong ngày: hai cuộc phục niệm và một cuộc áp dụng ngũ quan. Nên đây chính là việc chuẩn bị xa cho những cuộc thao luyện ấy. Những yếu tố mô tả trong ghi chú này cho chúng ta được phép nghĩ như vậy. Đặc biệt bước tiếp sau là việc chuẩn bị gần và là chính điều phụ thêm thứ ba (131[3b]#75). Như vậy, cho đến giờ, việc chuẩn bị xa của ba cuộc thao luyện ấy mới được nhắc đến.

Cha Polanco đã can thiệp vào bản P và V bằng cách nối kết hai điều phụ thêm

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Chúa trong Đền Thánh (268) và việc chạy trốn như bị lưu đày sang Ai-cập (269). [2]Và về hai cuộc chiêm niệm này, cũng làm hai cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan theo cùng cách thức như đã làm hôm trước.	Chúa Vào Đền Thờ (268) và Trốn Sang Ai-cập (269); [2]và về hai mầu nhiệm này ta sẽ làm hai cuộc phục niệm và cuộc thao luyện áp dụng ngũ quan về các cuộc chiêm niệm ấy, cùng một cách thức mà ta đã làm vào ngày hôm trước.	Ki-tô vào Đền Thờ (268) và Trốn Sang Ai-cập (269); [2]về hai cuộc chiêm niệm này, ta sẽ làm hai cuộc phục niệm và việc áp dụng giác quan, như trước đây.

với nhau bằng cụm từ: "ta sẽ làm một điều tương đương ***với điều phụ thêm thứ hai và thứ ba*** theo cách thức sau đây". Thế nhưng khi giải thích, ngài diễn đạt được việc chuẩn bị xa vốn tương đương với điều phụ thêm thứ hai như A, còn về điều phụ thêm thứ ba được A nhắc ở 131[3b] thì cha không nói đến. Như thế cha Polanco đã làm việc nối kết không chính xác.

Kết luận về ngày mẫu của giai đoạn hai (vita illuminativa):

Ngày mẫu của giai đoạn hai khởi đi từ ngày thao luyện đầu tiên về cuộc đời Chúa Giê-su (101) vốn cũng có năm cuộc thao luyện như ngày mẫu của giai đoạn một (45-72). Tuy nhiên đó không phải là những bài suy gẫm mà là những bài chiêm niệm. Vì thế, cấu trúc của bài thao luyện không phải có năm yếu tố mà là sáu. Vì ngoài Kinh Dọn Lòng, hai Tiền Nguyện, những Điểm Cầu Nguyện và một cuộc Tâm Sự, ta còn có thêm Tiền Nguyện về lịch sử được đặt sau Kinh Dọn Lòng, và được gọi là tiền nguyện thứ nhất khiến cho các tiền nguyện khác tụt xuống một bậc.

Thánh I-nhã ở phần đầu xuất hiện như người làm Linh Thao trong bài Lời Gọi Vua Hằng Sống (91-98). Bài này được coi như Nguyên Lý và Nền Tảng được nâng cao lên bình diện siêu nhiên của đời sống soi sáng. Ngài cũng xuất hiện ở đây như người hướng dẫn qua những giải thích trực tiếp vốn được bớt dần đi (99-100; 105; 119) và bộ Ghi Chú có giá trị hướng dẫn việc thao luyện của cả tuần Linh Thao ở đó một số điều phụ thêm của Tuần Một là thành phần (127-131).

B.(II). NGÀY THỨ HAI

Hai mầu nhiệm dành cho cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai:Dâng Chúa vào Đền Thờ (268) và Chạy trốn sang Ai-cập (269). Hai cuộc chiêm niệm này được phục niệm hai lần và được áp dụng ngũ quan một lần (132[2]).

Nội dung của những mầu nhiệm này được thánh I-nhã khai triển trong phần « Các mầu nhiệm về cuộc đời Chúa » gồm 51 mầu nhiệm với các điểm được sắp

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
133. [1] *(Giải thích)* Mặc dầu người tập Linh Thao nghiêm túc và cường tráng, thỉnh thoảng cũng nên thay đổi, bắt đầu từ ngày thứ hai này cho đến hết ngày thứ bốn, để dễ tìm thấy điều người ta ước muốn hơn; [2] nghĩa là chỉ làm một cuộc chiêm niệm lúc rạng đông, một vào giờ lễ, phục niệm các cuộc chiêm niệm đó vào giờ kinh chiều và áp dụng ngũ quan trước bữa ăn tối.	**133.** [1]*(Giải thích)* Mặc dù người luyện tập mạnh sức và nghiêm túc, đôi khi có ích lợi nếu đề nghị một sự thay đổi, khởi từ ngày thứ hai này cho đến hết ngày thứ tư, để tìm thấy điều mình ước ao hơn; [2]bằng cách chỉ làm một cuộc chiêm niệm vào rạng đông, một cuộc thứ hai vào giờ thánh lễ, và một cuộc phục niệm về các cuộc chiêm niệm này vào giờ hát kinh chiều, với cuộc thao luyện ngũ	**133.** [1] *(Giải thích)* phải ghi chú rằng đôi khi hữu ích cho người luyện tập, dù được phú cho một tinh thần nghiêm túc và một thân thể cường tráng, cũng nên nới lỏng một chút trong các cuộc thao luyện đã được nêu ra về tuần thứ hai này và hai tuần tiếp theo để người ấy có thể dễ dàng tìm được điều mình ao ước. [2]Họ sẽ chỉ làm một cuộc chiêm niệm vào buổi sáng và lần thứ hai vào khoảng giờ thánh lễ; họ

xếp cách có hệ thống (x. 268-269).

C.I.15. Giải thích: về việc thay đổi chương trình (133)

Tính uyển chuyển của việc thao luyện không chỉ hệ ở yếu tố chủ quan, nghĩa là tình trạng sức khoẻ hay thể trạng của thao viên (72^2; 129), mà còn hệ ở chính phương pháp khách quan của việc thao luyện.

Quả vậy, sau ngày thứ nhất của thời thơ ấu, và trước khi bước vào giai đoạn hai của thời công khai, thánh I-nhã cho thao viên có thể thay đổi chương trình tập luyện: họ sẽ thao luyện một ngày bốn lần thay vì năm lần. Cụ thể họ bỏ cuộc thao luyện nửa đêm. Như thế, họ còn lại bốn cuộc thao luyện, trong đó họ vẫn giữ hai cuộc thao luyện chính vào ban sáng thức dậy và vào giờ lễ, chỉ còn lại một cuộc phục niệm vào giờ kinh chiều cho hai cuộc thao luyện chính và một cuộc áp dụng ngũ quan vào trước giờ ăn tối (133^2).

Thực ra chương trình này được đề ra nhưng chỉ có thể áp dụng được hai ngày: ngày thứ hai và ngày thứ ba; ngày thứ tư có chương trình riêng (136-157 ; *x. giải thích 143)*. Vậy bản A và P tính sai khi nói chương trình được áp dụng cho đến hết ngày thứ bốn (133^1). Bản V còn tính sai một cách trầm trọng hơn khi nói rằng chương trình được áp dụng cho cả tuần hai và các tuần kế tiếp nữa (133^1).

B.(III). NGÀY THỨ BA

Hai Mầu Nhiệm được đưa ra thao luyện vào lúc rạng đông và vào giờ lễ: Chúa Hài Nhi Giê-su vâng lời cha mẹ ở Na-za-rét (271) và Ngài được tìm thấy trong

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	quan trước giờ ăn tối.	sẽ làm một cuộc phục niệm vào giờ hát kinh chiều và, trước bữa ăn tối, họ thao luyện ngũ quan tưởng tượng về chính những cuộc chiêm niệm này.
134. NGÀY THỨ BA Chúa Hài Đồng Giê-su đã vâng lời cha mẹ mình ở Na-za-rét như thế nào (số 271), đoạn về việc các Ngài tìm thấy Chúa ở trong Đền Thờ ra sao (số 272), và sau đó cũng làm hai cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan.	**134.** NGÀY THỨ BA Thao viên sẽ chiêm ngắm Hài Nhi Giê-su đã vâng lời cha mẹ mình ở Na-za-rét (271). Sau đó Ngài được tìm thấy ở trong Đền Thờ (272); tiếp theo tôi cũng sẽ làm hai cuộc phục niệm và tôi sẽ thao luyện ngũ quan.	**134.** NGÀY THỨ BA Ta sẽ phải suy gẫm Hài Nhi Giê-su đã phục tùng cha mẹ mình ở Na-za-rét theo cách nào (271). Tiếp theo Ngài đã được tìm thấy bởi cha mẹ trong Đền Thờ ra sao (272). Ta sẽ làm hai cuộc phục niệm nữa với việc áp dụng giác quan.

đền thờ (272)

Có thể có ba giải thích về chương trình ngày thứ ba này:

Thứ nhất, nếu theo chương trình của ngày thứ nhất (101-126), thì câu văn "sau đó làm hai cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan" trong bản A và tương tự như thế trong P và V, sẽ không có vấn đề. Nghĩa là hai cuộc thao luyện chính vào nửa đêm và ban sáng, sau đó là hai cuộc phục niệm vào giờ lễ và kinh chiều, và cuối cùng là việc áp dụng ngũ quan. Thế nhưng chương trình này đã bị thay đổi.

Thứ hai, nếu theo chương trình đã được thay đổi vì thích nghi vào thể trạng và sức khoẻ thao viên theo ghi chú số 129, thì sẽ có ba Mầu nhiệm chính được thao luyện vào buổi sáng, giờ thánh lễ và vào trước khi ăn trưa, một lần phục niệm cho cả ba Mầu nhiệm trên vào giờ kinh chiều và một lần áp dụng ngũ quan trước giờ ăn tối. Như vậy đề nghị ở trên dư một Mầu Nhiệm và thiếu một lần phục niệm. Đây là sự thay đổi theo chủ thể làm Linh Thao.

Thứ ba, nếu theo chương trình mới được đề nghị ở trên cho hai ngày thứ hai và thứ ba (133[1]), ta sẽ có hai Mầu nhiệm cho hai cuộc thao luyện chính lúc ban sáng và giờ lễ, một cuộc phục niệm vào giờ kinh chiều và một cuộc áp dụng ngũ quan vào trước giờ ăn tối. Như vậy sẽ thiếu một cuộc phục niệm. Đây là sự thay đổi theo viễn tượng khách quan

Rõ ràng thánh I-nhã cho thấy việc thay đổi chương trình tùy vào hai yếu tố chủ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
135. [1] LỜI PHI LỘ VỀ VIỆC SUY XÉT CÁC BẬC SỐNG [2] Chúng ta đã suy xét gương Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, Đấng đã nêu gương cho ta về bậc sống thứ nhất, tức là sự tuân giữ các giới luật, khi Ngài sống trong sự vâng lời cha mẹ Ngài, [3]cũng như về bậc sống thứ hai tức là bậc trọn lành theo Phúc Âm, khi Chúa ở lại trong Đền Thờ, bỏ cha nuôi và người mẹ trần gian của Ngài, để hiến mình vào việc thuần tuý phụng sự Cha Hằng Sống của Ngài. [4] Chúng ta cũng sẽ bắt đầu cùng một trật với việc chiêm niệm về cuộc đời Ngài, tìm kiếm và nài xin được biết ở cuộc sống nào,	**135.** [1] LỜI PHI LỘ VỀ VIỆC SUY XÉT CÁC BẬC SỐNG. [2]Sau khi đã suy xét mẫu gương mà Đức Ki-tô Chúa chúng ta đã để lại cho chúng ta về bậc sống thứ nhất, vốn là để tuân giữ các giới luật của Thiên Chúa, khi chính Ngài vâng phục cha mẹ mình; [3]và cũng như về bậc sống thứ hai, sự trọn lành theo Phúc Âm mà, sau khi rời bỏ người cha theo luật của mình và người mẹ theo tự nhiên của mình, Ngài đã ở lại trong Đền Thờ để hiến mình cách tinh tuyền hơn vào việc phụng sự Thiên Chúa, Cha hằng hữu của Ngài; [4]Chúng ta sẽ bắt đầu (cùng một trật với việc chiêm ngắm cuộc	**135.** [1]LỜI MỞ ĐẦU VỀ VIỆC SUY XÉT CÁC BẬC SỐNG HAY CÁC CÁCH SỐNG. [2]Khi mẫu gương đã được đề nghị ra trước đây, mẫu gương mà Đức Ki-tô đã đưa ra về lối sống tuân giữ các giới luật của Thiên Chúa, và người ta gọi đó là bậc sống tiên khởi hay bậc sống thông thường, [3]bây giờ cũng chính Chúa, khi ta nhớ lại rằng Ngài đã tuân phục cha mẹ Ngài, dường như bày tỏ hình thức của một bậc sống khác hay bậc sống thứ hai dựa trên sự vâng phục và bao hàm sự trọn lành theo Tin Mừng, nghĩa là khi Ngài ở lại Đền Thờ, sau khi đã để cha nuôi và mẹ của Ngài theo tự

quan của người thao luyện và khách quan của việc tập luyện.

Một ghi nhận rất quan trọng chúng ta sẽ nói đến: trong ngày thứ ba này, thánh I-nhã đã cố tình đảo lộn thứ tự hai Mầu Nhiệm Chúa ở lại Đền Thờ (272) và Đời sống ẩn dật (271) cho nhau nhằm phân biệt hai hành trình thao luyện: theo Lề Luật và theo Lời Khuyên vốn dẫn đến hai cấp độ chọn lựa: theo lý trí và theo tình yêu. Làm như thế, ngày thứ tư thành ngày trung chuyển của hai giai đoạn thơ ấu và công khai trong đó việc đào luyện theo Chúa ở nhân bản đạt đến đỉnh cao ở bài ba mẫu người (149-156) - bài Chúa ở lại Đền Thờ (134[b]) liên kết với bài suy xét về Ba Bậc Khiêm Nhường (165-167) nhằm tập trung việc đào luyện đi theo Chúa ở siêu nhiên mà đỉnh cao là bậc khiêm nhường thứ ba. Như vậy, tâm điểm của việc theo Chúa là vấn đề Nhận định Thần Loại (x. 136-148/313-336).

A.I.1.1 Phi lộ về việc suy xét bậc sống (135)

Linh Thao là tự thắng mình (tuần I) và sắp xếp cuộc đời cho có trật tự (tuần II)

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hay ở bậc nào, Chúa chí tôn muốn chúng ta sống để phụng sự Ngài. [5]Bởi vậy, như để khởi đầu, ngay trong cuộc Thao Luyện đầu tiên sau đây, chúng ta sẽ nhìn xem ý muốn của Đức Ki-tô, Chúa chúng ta và ngược lại ý muốn của kẻ thù địch của bản tính loài người, [6]và cách thức phải sắp xếp thế nào hầu đạt tới sự trọn lành trong bất cứ bậc sống hay cuộc sống nào mà Thiên Chúa, Chúa chúng ta sẽ cho chúng ta chọn lựa.	đời của Ngài) tìm hiểu và nài xin Chúa kêu gọi chúng ta vào đời sống nào và bậc sống nào vốn làm đẹp lòng Chúa Chí Tôn. [5]Và vì thế, như để khởi đầu, chúng ta sẽ nhìn xem, trong cuộc thao luyện đầu tiên sau đây, ý muốn của Đức Ki-tô Chúa chúng ta và, ngược lại, ý muốn của kẻ thù địch của bản tính loài người, [6]và cách thức chúng ta phải sắp xếp thế nào để đạt đến sự trọn lành trong đời sống và trong bậc sống vì đó Thiên Chúa của chúng ta sẽ chọn cho chúng ta.	nhiên lại để hiến mình vào việc phụng sự Cha hằng hữu của Ngài. [4]Vì thế sẽ thích hợp ở đây là, cùng một trật chiêm ngắm cuộc đời của Ngài, chúng ta tìm kiếm và nài xin cách tha thiết về lối sống đặc biệt nào Chúa Chí Tôn muốn cho chúng ta phụng sự Ngài. [5]Vì thế chúng ta có thể được dẫn vào việc tìm kiếm này nhờ cuộc thao luyện tiếp ngay sau đây, khi chú tâm vào tinh thần Đức Ki -tô được so sánh ngược lại với tinh thần của kẻ thù. [6]Chúng ta cũng sẽ học biết ở đó sự sắp xếp

nhờ mẫu sống của Chúa Ki-tô. Mẫu sống ấy được diễn đạt ở cấp độ giới răn ở thời thơ ấu và bậc trọn lành từ thời thơ ấu đến khi rao giảng công khai. Mà ý thức sống bậc trọn lành đã được Chúa xác định trước mặt cha mẹ ngay khi Ngài ở lại trong Đền Thờ lúc được mười hai tuổi (135^{2-4}).Vì mục đích này mà thánh I-nhã đã hoán đổi trật tự của Tin Mừng. Bởi lẽ theo Tin Mừng Lu-ca, sự kiện Chúa sống ẩn dật (2,51-52) được đặt sau biến cố Chúa ở lại trong Đền Thờ (2,41-50). Chính khi ở lại trong Đền Thờ, Chúa hoàn toàn hiến mình vào việc phụng sự Thiên Chúa là Cha của Ngài (135^{3}).

Hiểu như vậy, sau khi được giải phóng khỏi tội lỗi của đời sống thanh luyện, thao viên đã bước vào đời sống soi sáng và đã gắn kết với Chúa trong việc chu toàn lề luật. Vì Lời Gọi Vua Hằng Sống đã khiến mọi người có phán đoán và lý trí đều sẽ dâng hiến trót bản thân mình cho việc lao khổ (96). Mầu nhiệm Nhập Thể, Giáng Sinh cho phép Chúa trở nên một người giữa muôn người. Ngài chu toàn lề luật Cựu Ước một cách hoàn hảo: đối với Thiên Chúa khi được cắt bì và được dâng vào Đền Thờ, đối với tha nhân khi vâng phục cha mẹ trần gian và sống đẹp lòng mọi người.

Ngoài ra, thao viên còn được mời gọi gắn kết với Chúa Giê-su như mẫu gương

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		nào cần thiết cho chúng ta để làm cho mình được trọn lành trong bậc sống nào đó mà Chúa Nhân Lành sẽ gợi hứng cho chúng ta chọn lựa.
136.[1]**NGÀY THỨ BỐN** Suy gẫm về Hai Cờ Hiệu, một của Đức Ki-tô vị chỉ huy tối cao và Chúa chúng ta, một của Lu-xi-phe, kẻ thù của bản tính loài người chúng ta	**136.** [1]**NGÀY THỨ BỐN** Ta sẽ làm cuộc suy gẫm về Hai Cờ Hiệu, một của Đức Ki-tô, vị chỉ huy tối cao của chúng ta và là Chúa, một của Lu-xi-phe, kẻ thù khả tử của bản tính loài người chúng ta.	**136.** [1]**NGÀY THỨ BỐN** Ta sẽ làm một cuộc suy gẫm về Hai Cờ Hiệu, một của Đức Giê-su Ki-tô, vị tổng chỉ huy tuyệt vời của chúng ta, và một của Luxiphe, kẻ thù khả tử nhất của mọi người.
[2] *Kinh dọn lòng* thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng*: cùng kinh dọn lòng như thường	[2]*Kinh dọn lòng* được làm như thói quen.
137. *Tiền nguyện thứ nhất* là lịch sử. Ở đây là Chúa Ki-tô kêu gọi và muốn cho mọi người ở	**137.** *Tiền nguyện thứ nhất* hiểu là lịch sử, vốn ở đây là suy xét Đức Ki-tô đang kêu gọi những kẻ thuộc	**137.** *Mở đầu thứ nhất* là một việc suy xét có tính lịch sử, một bên về Đức Ki-tô, bên kia về Lu-xi-phe, mà cả hai đều kêu

của bậc trọn lành Tin Mừng, mẫu gương sống hiến tế vì tình yêu: Ngài là Đấng làm người vô tội (104), sinh ra trong khó nghèo - chết trên Thập Giá vì tôi (116).

Thực ra khía cạnh này đã được khai triển ngay từ đầu của bài Lời Gọi Vua Hằng Sống khi những người quảng đại và trổi vượt hơn (97) đã thân thưa với Ngài (98), khi họ nhận ra tình yêu đi bước trước của Ngài trong Mầu Nhiệm Nhập Thể, Giáng Sinh và cả thời thơ ấu vốn báo trước hy lễ thập giá (116[2] ; 266[4]).

Tuy nhiên, sự phân biệt hai cách sống được xác định cách minh nhiên từ đây. Nên thánh I-nhã đề nghị cho thao viên suy xét bậc sống nhằm hướng đến việc chọn lựa mà Chúa muốn để sống hoàn thiện chính bậc sống của mình, đặc biệt bắt đầu từ bài suy gẫm Hai Cờ Hiệu. Vì lúc này, việc đi theo Chúa vẫn còn là một xác quyết tổng quát, người ta còn phải cụ thể hoá trong một bậc sống mà Giáo Hội chấp nhận và nên thánh trong những đòi hỏi của bậc sống ấy.

Như việc suy xét về Ba Cách khiêm nhường (165-167), từ ngữ "suy xét" ở đây (135[1]) cho thấy trách nhiệm nghiêm túc của chủ thể trước vấn đề được đặt ra. Vì nó được loại suy từ «lectio » trong truyền thống cầu nguyện Biển Đức.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dưới bóng cờ Ngài thế nào và Lu-xi-phe ngược lại, ở dưới cờ nó.	về Ngài đến ở dưới cờ hiệu của Ngài; và ngược lại, Lu-xi-phe đang kêu gọi mọi người đến ở dưới cờ hiệu của nó.	gọi về phía mình tất cả mọi người để qui tụ họ dưới cờ hiệu của mình.
138. [1]*Tiền nguyện thứ hai:* đặt khung cảnh bằng cách nhìn xem nơi chốn. Ở đây là xem thấy một doanh trại vĩ đại của toàn thể miền Giê-ru-sa-lem, ở đó có vị chỉ huy tối cao và của những người lành thánh là Đức Ki-tô, Chúa chúng ta; [2]một doanh trại khác ở	**138.** [1]*Thứ hai*: việc đặt khung cảnh, bây giờ là suy xét một doanh trại bao la trong toàn thể vùng đất Giê-ru-sa-lem, nơi vị chỉ huy tối cao của những người tốt lành là Đức Ki-tô Chúa chúng ta; [2]và một doanh trại khác trong miền Ba-by-lon, nơi tên đứng đầu của mọi kẻ	**138.** [1]*Thứ hai*, về việc đặt khung cảnh, là gợi nhớ lại một doanh trại rất vĩ đại quanh Giê-ru-sa-lem, nơi Chúa Giê-su Ki-tô đứng như vị thủ lãnh tối cao của mọi người tốt lành; và phía khác, một doanh trại thứ hai ở Ba-by-lon, nơi ở của Lu-xi-phe, tên cầm đầu những

A.I.2. SUY GẪM VỀ HAI CỜ HIỆU VÀ BA MẪU NGƯỜI

Hai bài suy gẫm về Hai Cờ Hiệu và Ba Mẫu Người được dành vào ngày thứ tư của cuộc thao luyện trong tuần hai. Lời giải thích sau khi kết thúc bài thứ nhất và trước khi bước vào bài thứ hai cho chúng ta biết đây là một ngày đặc biệt vốn có một chương trình riêng. Bài thứ nhất thao luyện bốn lần: hai lần vào nửa đêm và ban sáng, hai lần phục niệm vào giờ lễ và kinh chiều, sau cùng bài thứ hai vào trước bữa ăn tối thay cho việc áp dụng ngũ quan (x. 148).

1/ Tổng quát về ngày thứ tư.

Với nội dung của bài chiêm niệm Lời Gọi Vua Hằng Sống: "Theo Ta trong đau khổ, ở với Ta trong vinh quang" (95[5]), thao viên không chỉ được mời gọi theo Chúa ở bình diện lề luật (96) mà cả bình diện tình yêu (97-98). Cả hai hình thái theo Chúa này đều được khai triển song song, nhưng trong khi hình thái thứ nhất đạt đến đỉnh cao ở bài suy gẫm Ba Mẫu Người (149-157), thì hình thái thứ hai vẫn tiếp tục đào sâu cho đến bài suy xét về Ba Cách khiêm nhường (165-167).

Nếu tìm hiểu xa hơn, cách thánh I-nhã phân bố hai bài suy gẫm Hai Cờ Hiệu và Ba Mẫu Người trong ngày thứ tư cho thấy đây là ngày trung chuyển của Tuần hai. Ngài vừa đem ra sự so sánh về hai bậc sống, bậc sống lề luật và bậc sống theo lời khuyên Tin Mừng, vừa giới thiệu cho thao viên biết vai trò quan trọng của việc nhận định thần loại trong cuộc thao luyện và đời sống của người đi theo Chúa Giêsu. Ngài cũng gián tiếp giới thiệu cho họ chuẩn bị bước vào việc chọn lựa bậc sống trong đó có thì chọn lựa dựa vào việc nhận định thần loại này (176).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
miền Ba-by-lon, nơi có tên cầm đầu kẻ thù là Lu -xi-phe.	xấu xa là Lu-xi-phe.	kẻ xấu xa và các kẻ thù.
139. [1]*Tiền nguyện thứ ba*: xin điều tôi ao ước, ở đây là xin cho được hiểu biết những sự lừa đảo của tên cầm đầu xấu xa và sự trợ giúp để giữ mình thoát khỏi những sự lừa đảo ấy; [2]và được hiểu biết đời sống chân thực mà vị lãnh đạo tối cao và đích thực chỉ cho chúng ta, cùng ơn sủng để noi theo Ngài.	**139.** [1]*Thứ ba*: xin điều tôi muốn. Bây giờ sẽ là nài xin để được hiểu biết những sự lừa bịp của tên cầm đầu đồi bại và xấu xa này, và sự trợ giúp để gìn giữ tôi thoát khỏi những điều ấy. [2]Cũng như được hiểu biết đời sống chân thực mà vị chỉ huy tối cao và chân thật dạy bảo, và ơn sủng để noi theo Ngài.	**139.** [1]*Thứ ba* là xin ơn. Ở đây chúng ta nài xin được khám phá ra những lừa đảo của tên cầm đầu xấu xa, cùng lúc kêu xin sự giúp đỡ của Thiên Chúa để xa tránh những cạm bẫy đó; [2]cũng như xin được hiểu biết cách sống thuộc riêng Đức Ki-tô, vị tổng chỉ huy tuyệt vời và đích thực, và nhờ ơn sủng để noi theo Ngài.
140. *Điểm thứ nhất* là tưởng tượng ra tên cầm đầu hết mọi kẻ thù địch ở trong một doanh trại vĩ đại miền Ba-by-lon, như đang ngồi trên một ngai	**140.** *Điểm thứ nhất* là tưởng tượng kẻ là đầu và là tên đứng đầu của những kẻ thù, như đang ngồi trong doanh trại rộng lớn này của miền	**140.** *Điểm thứ nhất* là tưởng tượng trước mắt, ở doanh trại miền Ba-by-lon, tên cầm đầu những kẻ vô đạo, ngồi trên một cái ngai đầy lửa và khói,

Thêm vào đó, bài chiêm niệm về việc Chúa ở lại trong Đền Thờ (272) như một xác quyết Ngài chọn sống sự hoàn hảo Tin Mừng. Biến cố này vừa tiếp nối, vừa làm rõ nét việc đào luyện ở bình diện tình yêu như ơn xin của tuần hai diễn tả (104 ; 113) để dần dà thao viên đạt đến chỗ quyết tâm sống cách khiêm nhường thứ ba (167) vốn được coi như ơn sủng phải xin trong bài Lời Gọi (97).

Vậy chúng ta tìm được hai đỉnh cao của hai cách đi theo Chúa trong cách bài trí của thánh I-nhã ở tuần hai này. Ngay ở đây, chúng ta thấy bài suy gẫm về Hai Cờ Hiệu (136-148) được bao hàm bởi hai bài thao luyện: một là bài chiêm niệm về Mầu Nhiệm Chúa ở lại Đền Thờ (134[b]) và một là bài suy gẫm về Ba Mẫu Người (149-157).

Vì bài thứ nhất xác định rằng việc thao luyện bằng tình yêu còn tiếp diễn và bài thứ hai minh định đỉnh cao của việc thao luyện đi theo Chúa ở mức độ lề luật. Chi tiết này cho ta thấy rằng cả hai cách đi theo Chúa Ki-tô đều phải trải qua những cuộc chiến nội tâm và kinh nghiệm nhận định thần loại được coi như tâm điểm của hai cách đi theo Chúa. Ta mô phỏng dưới một đồ hình sau:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lớn bằng lửa và khói, với hình dáng ghê sợ và khủng khiếp.	Ba-by-lon, trên một cái ngai đầy lửa và khói, với hình dáng ghê sợ và khủng khiếp.	với hình dáng ghê sợ và khủng khiếp.
141. [1] *Điểm thứ hai*, suy xét về việc hắn kêu gọi vô số quỷ dữ ra sao và sai chúng đi thế nào; bọn này thành này, lũ kia thành khác, [2] và như thế trong toàn thể thế giới không bỏ sót một thành một miền, một bậc người hay cách đặc biệt bất cứ người nào.	**141.** [1]*Thứ hai*: suy xét tên này đang kêu gọi vô số quỉ dữ và rải chúng đi, những tên này vào thành này, những tên khác vào thành khác, [2]và như thế xuyên qua toàn thể vũ trụ, không quên sót bất cứ một tỉnh thành, một nơi chốn, một quốc gia hay một người nào.	**141.** [1]*Thứ hai* là quan sát xem nó tập hợp vô số quỉ dữ và rải chúng ra khắp mặt đất để gây ra tai họa, [2]không để sót bất cứ một thành phố nào, một nơi chốn nào, một loại người nào.
142. [1] *Điểm thứ ba*: suy xét về huấn lệnh hắn nói với lũ quỷ dữ, và căn dặn chúng quăng lưới và xiềng xích như thế nào; [2]rằng trước hết chúng phải cám dỗ về sự ham muốn của cải, ***như trường hợp thường xảy ra***, để	**142.** [1]*Thứ ba*: là suy xét những mệnh lệnh mà nó đòi hỏi chúng để tóm được con người bằng chài lưới và xiềng xích; [2]và rằng trước hết, chúng cám dỗ họ bằng lòng ước muốn của cải, như thường xảy ra, để	**142.** [1]*Thứ ba*: chú tâm đến loại huấn lệnh mà nó nói với các công sứ của hắn, huấn lệnh vốn, sau khi vận dụng và ném bẫy thòng lọng và xiềng xích, [2]xui khiến phải lôi kéo con người (như thường

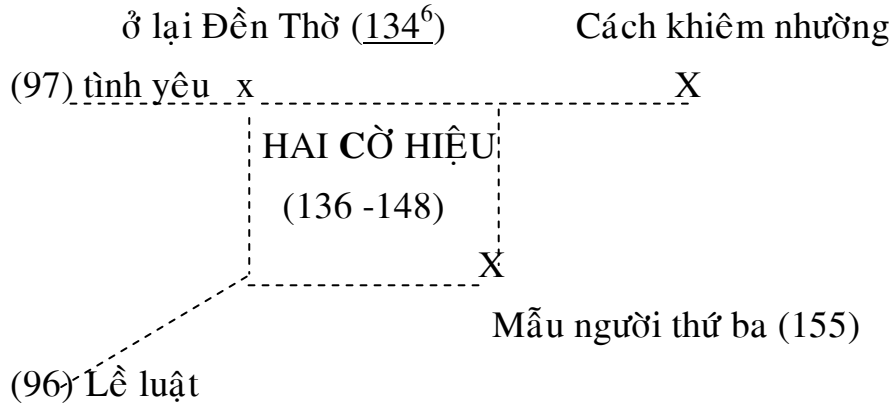

Vậy cuộc chiến là tâm điểm của việc đi theo Chúa ở đó thao viên phải lớn lên trong sự nhận định như ơn xin của bài Hai Cờ Hiệu (139). Chính qua đồ hình về cấu trúc của tuần hai này mà thánh I-nhã giới thiệu cách mặc nhiên về thứ tự các thì của việc chọn lựa dựa vào những tài năng của con người (175-188): chọn lựa bằng lòng muốn, bằng cảm xúc và bằng lý trí.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
người ta dễ dàng đi đến vinh quang phù phiếm của thế gian hơn, và sau đó đến kiêu ngạo cả thể; [3]như thế, bậc thang thứ nhất là của cải, bậc thứ hai là vinh quang, bậc thứ ba là kiêu ngạo, và từ ba bậc thang này hắn đưa vào mọi tật xấu khác.	thúc đẩy họ dễ dàng hơn đến lòng yêu mến phù phiếm thế gian, rồi đến một sự kiêu ngạo đặc biệt; [3]đến nỗi bậc thang thứ nhất là bậc thang về của cải, bậc thang thứ hai là bậc thang vinh quang, bậc thang thứ ba là bậc thang kiêu ngạo, và từ ba bậc này nó dẫn đến mọi tật xấu khác.	xảy ra) mong ước của cải, từ đó họ có thể dễ dàng rơi vào trong việc tìm kiếm vinh dự thế gian và sau cùng vào trong vực sâu của sự kiêu ngạo. [3]Và như thế có ba bậc thang chính yếu của những cám dỗ, được đặt nền trên của cải, vinh dự và kiêu ngạo, khởi từ những điều ấy, người ta sớm rơi vào trong mọi loại tật xấu khác.
143. Cũng thế nhưng ngược lại, phải tưởng tượng vị chỉ huy tối cao và chân thật là Đức Ki-tô, Chúa chúng ta.	**143.** Cũng thế, ngược lại, ta phải chiêm ngắm và suy xét vị chỉ huy tối cao và chân thực, Đức Ki-tô Chúa chúng ta.	**143.** Cùng một cách thức ấy, ngược lại, ta phải suy xét vị tổng chỉ huy tối cao và tuyệt vời của chúng ta là Đức Ki-tô.

2/ Hai bài gẫm thuộc kinh nghiệm thánh I-nhã

Khi tìm hiểu về cách bài trí chất liệu tuần hai, chúng ta thấy bài Hai Cờ Hiệu là tâm điểm của toàn bộ hành trình đi theo Chúa và bài Ba Mẫu Người ở đó mẫu người thứ ba là đỉnh cao của việc đi theo Chúa theo lề luật. Cả hai bài suy gẫm này đều thuộc kinh nghiệm riêng của thánh I-nhã vốn được ngài viết thành những quy tắc nhận định thần loại (313-336) và sự chọn lựa theo lý trí (178-188).

Kinh nghiệm của Ngài được diễn tả bằng những hình thức thao luyện rất đa dạng cả ở cầu nguyện lẫn thực hành : suy xét, suy gẫm, chiêm niệm, xét mình, chọn lựa... và được phân rải trong suốt hành trình Linh Thao. Hai cuộc thao luyện về Hai Cờ Hiệu và Ba Mẫu Người được xếp vào giữa tuần hai dưới hình thức của bài suy gẫm.

Sự phân biệt bài suy gẫm thuộc cá nhân thánh I-nhã với bài suy gẫm mặc khải dựa vào cấu trúc của chúng. Nghĩa là bài suy gẫm cá nhân sẽ có cấu trúc của bài chiêm niệm mặc khải và ngược lại bài chiêm niệm cá nhân có cấu trúc của bài suy gẫm theo mặc khải. Thánh Inhã thực hiện việc đảo lộn trật tự như thế trong cấu trúc của hai thể loại suy gẫm và chiêm niệm trong Lectio Divina để chúng ta tìm ra hai thể loại thuộc cá nhân Ngài . Thế nên ngoài Kinh Dọn Lòng, hai Tiền Nguyện, những Điểm Cầu Nguyện và Lời Tâm Sự, cấu trúc bài gẫm này còn thêm Tiền Nguyện thứ nhất về Lịch Sử ngay sau kinh dọn lòng (137 ; 150), điều mà bài suy gẫm mặc khải không có (x. 45-53 và 55-61).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
144. *Điểm thứ nhất:* suy xét Đức Ki-tô, Chúa chúng ta đang đứng trong doanh trại rộng lớn miền Giê-ru-sa-lem, ở một chỗ khiêm tốn, đẹp đẽ và phúc hậu như thế nào.	**144.** *Điểm thứ nhất:* suy xét Đức Ki-tô Chúa chúng ta đang ngồi trong một doanh trại bao la ở Giê-ru-sa-lem, tại một nơi khiêm tốn, đẹp đẽ và kiều diễm.	**144.** *Điểm thứ nhất* là nhìn xem Đức Ki-tô trong một doanh trại dễ thương gần Giê-ru-sa-lem ngồi nơi khiêm tốn, nhưng Ngài lại rất đẹp đẽ vẻ mặt vô cùng dễ mến.
145. *Điểm thứ hai:* suy xét xem Chúa cả thế giới chọn lựa biết bao nhiêu người, tông đồ, môn đệ..., và sai họ đi khắp thế gian truyền rao đạo lý thánh thiện của Ngài cho mọi bậc và mọi hạng người.	**145.** *Thứ hai:* suy xét Chúa của vũ trụ tuyển chọn biết bao người như các Tông Đồ và các môn đệ..., và sai phái họ đi khắp toàn thể thế giới để gieo rắc đạo lý thánh thiện trong mọi bậc sống và mọi hoàn cảnh của con người.	**145.** *Thứ hai* là nhìn ngắm cách chính Chúa của toàn thể thế giới gởi đi khắp mặt đất những tông đồ mà Ngài đã tuyển chọn, những môn đệ và những sứ giả khác, để các ngài rao truyền cho con người thuộc mọi loại, bậc sống hay hoàn cảnh, đạo lý thánh thiện

3/ Đặc tính của hai bài suy gẫm.

Có hai yếu tố cần bàn đến: thứ nhất, tầm quan trọng của tiền nguyện thứ nhất về lịch sử. Tiền nguyện này có chung với tiền nguyện của những bài chiêm niệm theo mặc khải (102;111;191...). Tuy nhiên vẫn có sự khác biệt về nền tảng: nền tảng các bài suy gẫm này dừng lại ở lịch sử nhân loại, còn của các bài chiêm niệm ở mặc khải trong Kinh Thánh - thứ hai, những bài suy gẫm mặc khải có giá trị gặp gỡ Thiên Chúa qua trung gian những tài năng linh hồn (45[1]). Ở đây, các tài năng linh hồn cũng được vận dụng, nhưng thay vì trí nhớ, thánh I-nhã cho thao viên vận dụng trí tưởng tượng (140; 143) ở bài Hai Cờ Hiệu . Riêng về bài Ba Mẫu Người, ngài tập trung vào lòng muốn của thao viên và của Thiên Chúa (153 -155).

Tại sao là trí tưởng tượng và lòng muốn mà không phải là trí nhớ ? Ta có thể lý giải sự khác biệt này một cách dễ dàng. Bởi lẽ trong tuần một, sở dĩ trí nhớ cần được vận dụng vì thao viên cần phải tìm ra chân tướng phản Ki-tô của mình, và họ sẽ không dựa vào đâu để có thể tìm ra ngoài cuộc sống quá khứ của chính mình khi soi chiếu vào Nguyên Lý và Nền Tảng. Ngược lại trong tuần hai, việc thao luyện có mục đích đào luyện họ bước theo Đức Ki-tô trong hành trình mới cả ở bình diện lề luật lẫn tình yêu, nên trí tưởng tượng và lòng muốn cần được vận dụng để thiết lập và cân đo mối tương quan giữa họ với Ngài trong tương lai.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		có tính cứu rỗi của Ngài.
146. [1]*Điểm thứ ba*: suy xét về giáo huấn Đức Ki-tô, Chúa chúng ta vốn phán dạy các tôi tớ và bạn hữu Ngài, mà Ngài sai đi trong cuộc viễn chinh đó, [2] Ngài căn dặn tìm cách giúp đỡ mọi người bằng cách lôi kéo họ, thứ nhất đến sự khó nghèo trong lòng tột bực, [3]và nếu bởi đó Thiên Chúa được phụng sự cả đến sự khó nghèo thực	**146.** [1]*Thứ ba* là suy xét giáo huấn mà Đức Ki-tô Chúa chúng ta phán dạy các tôi tớ và các bạn hữu mà Ngài sai đi vì một sứ mạng như thế, [2]bằng cách căn dặn họ chăm sóc mọi người và lôi kéo họ đến sự khó nghèo tột bậc về tinh thần [3]và, nếu cũng đẹp lòng Chúa Chí Tôn muốn tuyển chọn họ vì điều đó, thì lôi kéo họ đến sự nghèo khó thực.	**146.** [1]*Thứ ba*: suy xét giáo huấn của Đức Ki-tô qua đó Ngài khuyên nhủ mọi tôi tớ của Ngài và các bạn hữu đã được trao ban cho một trọng trách như thế. [2]Ngài căn dặn họ cố gắng giúp đỡ mọi người và trước hết để các ngài nổ lực dẫn đưa họ đến sự gắn bó thiêng liêng với sự nghèo khó; [3]và hơn nữa (nếu người ta được dẫn đến đó để

A.I.2.1/ Bài suy gẫm về Hai Cờ Hiệu (136-147)

a/ Ơn xin (139)

Bài suy gẫm này có tầm mức quan trọng hơn hết bởi vì trong số tất cả mọi bài suy gẫm và chiêm niệm cả cá nhân lẫn mặc khải, đây là bài duy nhất được thao luyện đến bốn lần (148). Ơn xin của bài suy gẫm cũng chứng tỏ điều ấy. Vì không có cuộc thao luyện nào đưa ra một hệ thống xin ơn phức tạp bằng bài suy gẫm này: có hai vế với bốn ơn xin.

Thánh I-nhã viết: "xin điều tôi ao ước, ở đây là xin cho được hiểu biết những sự lừa dối của tên cầm đầu xấu xa, và sự trợ giúp để giữ mình thoát khỏi những lừa dối ấy – và được hiểu biết đời sống chân thực mà vị lãnh đạo tối cao và đích thực chỉ cho chúng ta cùng với ơn sủng để noi gương Ngài" (139). Đâu là tiêu chuẩn để nhận ra sự lừa dối của kẻ thù và đời sống chân thực của Đức Ki-tô ? Đó là tiêu chuẩn lề luật và tình yêu vốn được nói đến trong bộ Nhận định thần loại, một qua tiếng lương tâm (314) và một qua hấp lực của tình yêu (335). Thế nhưng tìm ra những tiêu chuẩn đó chưa đủ, người ta còn phải cần đến ơn trợ giúp của Thiên Chúa để thoát khỏi cạm bẫy kẻ thù (139^1) và để noi theo Đức Ki-tô (139^2). Kinh nghiệm trong lời trần tình của thánh Phao-lô cũng cho thấy như thế (Rm 7,14-25) và chính Chúa Ki-tô cũng khẳng định cho chúng ta như vậy (Ga 15,5).

Như vậy, ơn xin không chỉ qui hướng thao viên về những quy tắc của hai bộ nhận định thần loại mà còn cho họ biết nền tảng để đảm nhận được sự nhận định ấy.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nếu Ngài muốn chọn họ ; [4] thứ hai đến lòng ao ước chịu sỉ nhục và khinh chê, vì bởi hai điều ấy mà có đức khiêm nhường. [5]Như thế có ba bậc, bậc thứ nhất là sự khó nghèo đối lại với sự giàu sang, bậc thứ hai là những sự sỉ nhục hoặc khinh chê đối lại với vinh dự thế gian, bậc thứ ba là khiêm nhường đối lại với kiêu ngạo, [6]và từ ba bậc thang ấy họ được dẫn tới mọi nhân đức khác.	[4]Thứ hai, rằng các ngài khuyên nhủ họ ao ước những sự sỉ nhục và khinh chê, từ đó phát sinh sự khiêm nhường. [5]Và như thế có ba bậc thang, bậc thang thứ nhất nghèo khó đối nghịch với của cải; thứ hai, bậc thang của những sỉ nhục và khinh chê đối nghịch với vinh dự thế gian; thứ ba, để đạt tới sự khiêm nhường đối nghịch với sự kiêu ngạo; [6]và từ ba bậc thang này, họ đi đến mọi nhân đức khác.	phụng sự Thiên Chúa và nhờ vào sự tuyển chọn từ trời) đến việc chấp nhận cách thực sự sự khó nghèo chân thật; [4]sau đó các ngài lôi kéo họ đến lòng ước ao chịu sỉ nhục và khinh chê, từ đó sinh ra đức khiêm nhường, [5]Và như thế ba bậc hoàn thiện được biểu thị, nghĩa là sự khó nghèo, sự hạ mình và khiêm nhường, vốn hoàn toàn ngược với sự giầu sang, vinh dự và kiêu ngạo, [6]và dẫn đưa tức khắc đến toàn thể các nhân đức.
147. [1]*Một cuộc tâm sự*	**147.** [1]Làm *một cuộc tâm*	**147.** [1]Tiếp theo sẽ phải

b/ Khai triển ý nghĩa.

- Ý nghĩa của đề tài: Tự nó ý niệm "Cờ Hiệu" là một dấu hiệu qui ước, nhằm chỉ về những quy tắc sống của một tổ chức, một chế độ hay một chính thể... Từ ngữ trong Linh Thao còn bao gồm cả ý niệm chiến đấu nữa. Vì ngoài ý nghĩa biểu tượng vốn diễn đạt một lối sống (137), cờ hiệu còn diễn đạt sự qui tụ chiến hữu để dấn thân vào cuộc chiến (136). Tất cả các tiền nguyện, và các điểm gẫm đều khai triển đặc tính thể chế và chiến đấu này cho hai cờ hiệu, một của Lu-xi-phe và một của Đức Ki-tô.

Một điểm đáng lưu ý: thánh I-nhã sử dụng từ ngữ Lu-xi-phe để chỉ về tên cầm đầu những kẻ thù của bản tính loài người (136 ; 137 ; 138) mà ngài không sử dụng từ ngữ nào khác ở đây. Vì ở cuối giai đoạn một, thao viên đang vươn đến tình yêu với Thiên Chúa nhờ ơn tha thứ và bước vào giai đoạn hai, họ cũng đang xây dựng tình yêu nên một với Đức Ki-tô. Những lúc này, kẻ thù vận dụng chiến thuật "vào cửa người ta, ra cửa mình" nhờ mưu kế nguỵ trang bằng thiên thần ánh sáng (332). Bởi lẽ, tự nó Lu-xi-phe là kẻ đem ánh sáng. Sử dụng như thế, thánh I-nhã gián tiếp giới thiệu cạm bẫy tinh vi của kẻ thù.

- Về chính sự khai triển: ý niệm chiến đấu tỏ hiện mỗi lúc một rõ ràng. Cả Lu-xi-phe lẫn Đức Ki-tô đều thiết lập doanh trại (140/141) ; cả hai đều sai thuộc hạ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
với Đức Mẹ để Người xin cùng Con cũng là Chúa của Người, cho tôi ơn được nhận vào dưới cờ Ngài, [2]thứ nhất bằng sự khó nghèo trong lòng tột bực và nếu bởi đó Chúa Chí Tôn được phụng sự và nếu Ngài muốn chọn và nhận tôi cả trong sự nghèo khó thực sự; [3]thứ hai bằng sự chịu sỉ nhục và bất công, để nhờ đó noi gương Ngài hơn, miễn là tôi có thể chịu những sự ấy mà không gây nên tội cho ai và cũng không có chi	<u>sự</u> với Đức Mẹ, để Mẹ xin cùng Con của Mẹ, cho tôi ơn được nhận dưới cờ hiệu của Ngài: [2]và trước hết trong sự khó nghèo tột bậc trong lòng, và nếu điều đó làm Chúa Chí Tôn hài lòng hơn và nếu Ngài muốn tuyển chọn tôi, kể cả trong sự nghèo khó thực sự; [3]Thứ hai, bằng sự chịu sỉ nhục và bất công, trong đó người ta noi gương Ngài nhiều hơn, miễn là tôi chịu đựng những điều này mà không gây tội cho người khác và làm	làm <u>một cuộc tâm sự</u> với Đức Trinh Nữ diễm phúc, và phải nhờ Mẹ cầu khẩn với Con của Mẹ ban cho ơn để có thể được nhận và ở lại dưới cờ của Ngài: [2]và điều đó trước hết bằng sự nghèo khó chỉ có tính thiêng liêng hay cả đến bền vững trong sự tước bỏ mọi sự (nếu chí ít Ngài đoái thương kêu gọi và chấp nhận cho tôi làm điều này); [3]và rồi bằng sự hạ mình hay chịu nhục nhã, để noi gương Ngài sát hơn, ngoại trừ lỗi lầm

mình đi chinh phục mọi người đến sống cách sống của mình (141/145). Cách sống được tóm kết vào cờ hiệu vốn đối nghịch nhau hoàn toàn (142/146) mà ta có thể diễn tả qua một lược đồ sau:

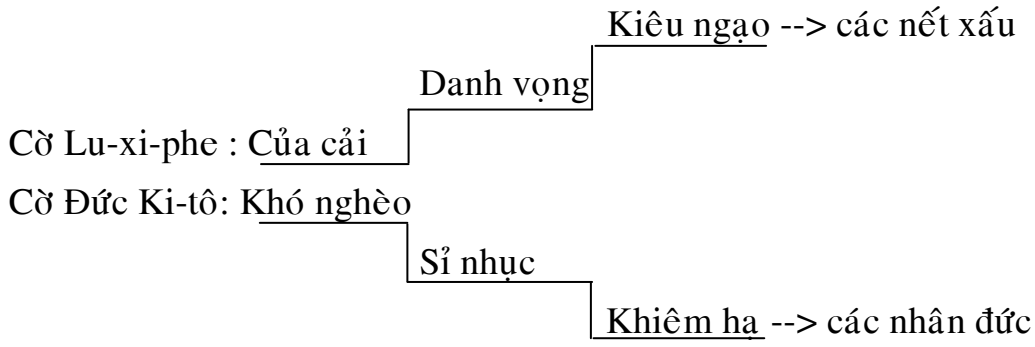

Đặc điểm cuộc chiến mà chúng ta cần ghi nhận thuộc về cả hai cấp độ: lề luật và tình yêu, vì bản văn nói đến sự khó nghèo về tinh thần và khó nghèo thực (146^{2-3}), và cuộc chiến ấy dẫn đến một thói xấu hay một nhân đức chủ đạo vốn là nguồn mọi thói xấu hay mọi nhân đức khác (142^{3} ; 146^{4}).

Việc khai triển ở hai tiền nguyện đầu tiên và các điểm suy gẫm cho thấy dường như thao viên đứng ở ngoài cuộc chiến. Thế nhưng ơn xin của bài ấy cho thấy họ đã ở bên trong rồi, vì lúc đó họ đã cảm nhận cuộc chiến đang xảy ra trong chính

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mất lòng Chúa Chí Tôn. Đoạn đọc Kinh Kính Mừng. [4]Xin cùng điều đó với Đức Chúa Con để Ngài cầu xin Đức Chúa Cha cùng một điều đó, rồi đọc kinh "Anima Christi" (Lạy hồn Chúa Ki-tô). [5]Xin cùng một điều ấy với Đức Chúa Cha để Người ban cho tôi, rồi đọc Kinh Lạy Cha.	cho Chúa Chí Tôn hài lòng. Tôi sẽ thêm một Kinh Kính Mừng. [4]Tôi nài xin Con để Ngài xin cùng Cha về cùng một điều. Tôi sẽ thêm vào một kinh Lạy Linh Hồn Chúa Ki-tô. [5]Tôi nài xin Cha, để Ngài chấp thuận cho tôi cũng chính điều này. Tôi sẽ thêm vào một Kinh Lạy Cha.	gây cho người khác, để sự khinh chê mà tôi là đối tượng không gây nên thiệt hại cho ai và cũng không gây nên sự xúc phạm đến Thiên Chúa. Ta sẽ kết thúc cuộc tâm sự thứ nhất bằng một Kinh Kính Mừng. [4]Cuộc tâm sự thứ hai được thưa lên với Đức Ki-tô - Người, để Ngài cầu xin Chúa Cha cho tôi cùng một điều ấy; và sau cùng ta sẽ thêm kinh Lạy hồn Chúa Ki-tô. [5]Thứ ba với Chúa Cha, để Người ưng thuận lời cầu xin, với Kinh Lạy Cha.
148. [1]*(Giải thích)* Cuộc thao luyện này sẽ làm vào nửa đêm và sau đó làm một lần nữa vào ban sáng, và cũng làm hai cuộc phục niệm về cùng một bài này vào giờ	**148.** [1]*(Giải thích)* Ta sẽ làm cuộc thao luyện này vào nửa đêm, và sau đó một lần khác vào lúc rạng đông; và ta sẽ làm hai cuộc phục niệm về cùng một bài thao luyện	**148.** [1]*(Giải thích)* Cuộc thao luyện này sẽ được hoàn thành một lần vào nửa đêm và một lần khác vào rạng đông. Cũng sẽ làm hai cuộc phục niệm, vào giờ Thánh Lễ sáng

nội tâm họ. Họ vừa là chủ thể chọn lựa vừa là đối tượng cho hai thế lực tranh giành. Cuối cùng, lời tâm sự có tính trang trọng (x. 63) cho thấy khát vọng của họ không chỉ muốn ở dưới cờ hiệu Đức Ki-tô mà thôi mà còn muốn noi gương Chúa hơn khi chịu sỉ nhục và bất công, miễn là không gây tội cho ai và không làm mất lòng Chúa Chí Tôn (147[3]). Lời tâm sự đã dẫn họ đi vào mối tương quan tình yêu với Đức Ki-tô nếu Chúa thương chấp nhận họ.

Ta ghi nhận rằng, trong bài suy gẫm này, có hai lần bản A được chỉnh sửa: một của cha Broët và một của thánh I-nhã:

Trong điểm một của phần thứ nhất, bản văn diễn tả Lu-xi-phe ở trong một doanh trại vĩ đại miền Ba-by-lon, "như đang ngồi trên ngai bằng lửa và khói, với hình dáng ghê sợ và khủng khiếp" (140). Cha Broët đã định tính chiếc ngai bằng tính

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Thánh Lễ và giờ kinh chiều, [2]luôn luôn kết thúc bằng ba cuộc tâm sự với Đức Mẹ, với Đức Chúa Con và với Đức Chúa Cha. [3]Và cuộc Thao Luyện tiếp sau đây về Các Mẫu Người, sẽ làm trước bữa tối.	vào giờ Thánh Lễ và giờ hát kinh chiều, [2]và ta sẽ luôn luôn kết thúc với ba cuộc tâm sự với Mẹ, với Con và với Cha; [3]và cuộc thao luyện tiếp theo, về Ba Người, sẽ được làm vào giờ trước bữa ăn tối.	và vào giờ hát kinh chiều, [2]khi kết thúc cũng thêm vào ba cuộc tâm sự. [3]Cuộc thao luyện tiếp theo sau đây sẽ được làm vào trước bữa ăn tối.
149. [1]CŨNG NGÀY THỨ TƯ, suy gẫm về ba mẫu người để chọn điều tốt hơn [2]*Kinh dọn lòng* như thường lệ.	**149.** [1]CŨNG TRONG CHÍNH NGÀY THỨ TƯ NÀY, ta sẽ làm một cuộc suy gẫm về sự sắp xếp của ba Người, để ta ôm ấp điều gì tốt hơn. [2]*Kinh dọn lòng*: cùng một kinh như thường lệ.	**149.** [1]CŨNG VÀO NGÀY THỨ TƯ NÀY, Phải làm một cuộc suy gẫm về ba hạng hay ba loại người khác nhau, để chúng ta ôm ấp phần tốt hơn. [2]*Kinh dọn lòng*: như luôn làm đến bây giờ.
150. [1]*Tiền nguyện thứ nhất* là lịch sử. Đây là lịch sử về ba mẫu người,	**150.** [1]*Tiền nguyện thứ nhất* là gợi lên lịch sử, vốn cho hiểu những sự	**150.** [1]*Mào đầu thứ nhất* sẽ được làm khi được đề nghị như lịch sử ba hạng

từ "to lớn" cho rõ hơn mà không làm thay đổi ý nghĩa bản văn. Ta không thấy một dấu vết nào đi theo sự can thiệp này trong hai bản P và V.

Cũng trong điểm ba phần thứ nhất, khi bàn về việc tướng quỉ sai các thuộc hạ của hắn ra đi đặt cạm bẫy, xiềng xích để lôi kéo mọi người sống dưới cờ mình, bản văn viết: "trước hết chúng phải cám dỗ về sự ham muốn của cải, để người ta đi đến hư danh thế gian hơn, và sau đó đến kiêu ngạo cả thể, ..." (142[2]). Thánh I-nhã đã thêm cụm từ "***như trường hợp thường xảy ra***" vào sau dấu phẩy để nhấn mạnh đến tính thường hằng của kẻ thù hoạt động trong lãnh vực này. Các bản P và V đều viết theo dấu vết của sự can thiệp này.

C.I.16. I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Giải thích về ngày thứ tư (148)

Giải thích này thuộc chương trình của riêng ngày thứ tư được thánh I-nhã đề nghị để thao viên thực hiện trong ngày trung chuyển này. Bài Hai Cờ Hiệu có vị trí quan trọng đến nỗi họ phải tập luyện tới bốn lần trong một ngày: Hai lần thao luyện chính và hai lần phục niệm. Mỗi lần đều kết thúc bằng cuộc tâm sự rất long trọng.

Bài Ba Mẫu Người được tập luyện vào lần sau cùng trong ngày vốn có chỗ đứng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mỗi người trong họ đều kiếm được mười ngàn "ducat", [~~không chỉ~~] nhưng không phải với lòng ngay thẳng và trong sạch vì lòng yêu mến Thiên Chúa. [2]Cả ba đều muốn cứu thoát mình và tìm thấy Thiên Chúa, Chúa chúng ta trong bình an, bằng cách gỡ mình khỏi gánh nặng và sự ngăn trở mà họ có đối với những của cải do bởi lòng quyến luyến đã kiếm được.	sắp đặt của ba người: mỗi người đã kiếm được mười ngàn "écus" bằng hoạt động của mình, nhưng không phải bằng một tình yêu trong suốt và chính đáng của Chúa là Thiên Chúa, [2]và người này muốn được cứu độ và muốn tìm kiếm Chúa trong sự bình an, bằng cách loại bỏ khỏi mình gánh nặng và sự cản trở là lòng quyến luyến vào sự vật đã kiếm được.	người phân minh. Mỗi hạng người trong họ đều kiếm được mười ngàn "ducat" với nỗi bận tâm khác là để phụng sự và yêu mến Thiên Chúa, [2]nhưng bây giờ ước muốn được bình an trong Thiên Chúa và cứu rỗi chính mình, bằng cách loại bỏ khỏi mọi quyến luyến có hại với những của cải, vì sự quyến luyến này là một ngăn trở cho việc cứu rỗi.
151. <u>*Tiền nguyện thứ hai*</u>, đặt khung cảnh bằng cách nhìn xem nơi chốn. Ở đây là xem thấy chính mình tôi, như đang ở trước mặt Thiên Chúa, Chúa chúng ta và tất cả các thánh của Ngài để	**151.** <u>*Thứ hai*</u>: sự cấu tạo nơi chốn, bây giờ sẽ là suy xét chính mình tôi, bằng cách đặt mình đứng trước mặt Thiên Chúa và toàn thể các thánh, mà ước muốn điều gì thích hợp hơn cho Thiên Chúa	**151.** <u>*Thứ hai*</u> là sự cấu thành một nơi chốn cách tưởng tượng, nơi mà tôi xem thấy mình ở trước Thiên Chúa và toàn thể các thánh, trong khi thấy mình đầy ao ước và tìm kiếm được cách thức nào

---

như bài áp dụng ngũ quan của những ngày thao luyện khác.

A.I.2.2/ Bài suy gẫm về Ba Mẫu Người (149-156)

a/ Ý nghĩa và vị trí của bài suy gẫm.

Tựa đề cho chúng ta thấy ý nghĩa: suy gẫm về "Ba Mẫu Người" (A) hay "Ba Loại Người" (V), còn tựa đề của P là "Sự Sắp Xếp của Ba Người" để chọn lựa hay ôm ấp điều tốt hơn (149[1]).

Chính tiền nguyện thứ nhất hay lịch sử mới xác định ý nghĩa đề tài cho thao viên: vấn đề của sự bình tâm. Cả ba bản văn cho thấy ba người kiếm được số tiền nhưng không với lòng yêu mến Chúa tinh ròng (A, P), hoặc đang sống mối bận tâm khác để phụng sự và yêu mến Chúa, nên họ muốn giải quyết số tiền ấy để được giải thoát, được bình an và tìm thấy Thiên Chúa (150).

Có thể nói, bình tâm chính là đỉnh cao của đời sống luân lý. Vấn đề đặt ra cho bình tâm không phải là tội hay không tội, nhưng là vấn đề ý Chúa trong sự chọn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ước muốn và nhận biết điều gì làm đẹp lòng Chúa nhân lành hơn.	Tốt Lành.	tôi có thể làm hài lòng Thiên Chúa.
152. <u>*Tiền nguyện thứ ba*</u>, xin điều tôi ao ước. Ở đây là xin ơn để chọn điều gì thích hợp hơn để làm vinh danh Chúa Chí Tôn và mưu ích cho linh hồn tôi hơn.	**152.** <u>*Thứ ba*</u>: nài xin điều tôi muốn, ở đây sẽ là xin ơn biết chọn lựa điều gì hơn để làm vinh danh Chúa Chí Tôn và làm ích cho linh hồn tôi.	**152.** <u>*Thứ ba*</u> là việc nài xin điều tôi khao khát, nghĩa là ơn để chọn lựa điều gì vừa đẹp lòng Thiên Chúa nhất vừa đem đến cho tôi sự cứu rỗi nhất.
153. <u>*Mẫu người thứ nhất*</u> dường như muốn diệt trừ lòng quyến luyến mình có đối với của cải đã kiếm được, để tìm được Thiên Chúa, Chúa chúng ta trong bình an và để có thể cứu rỗi mình, nhưng cho đến tận giờ chết họ cũng không dùng các phương thế làm điều đó.	**153.** <u>*Người thứ nhất*</u> muốn thực loại bỏ sự quyến luyến mà người ấy có về của cải đã kiếm được, để tìm được Thiên Chúa trong sự bình an và để có thể được cứu độ, nhưng người ấy vẫn không dùng tới phương tiện cho đến trước khi chết.	**153.** <u>*Hạng thứ nhất*</u>, vì thế, khao khát thực sự lột bỏ sự quyến luyến với của cải đã kiếm được để có thể hòa hợp với Thiên Chúa, nhưng trong toàn thể cuộc sống của mình, hạng người này không hề vận dụng các phương tiện và những sự trợ giúp phải có.
154. [1]<u>*Mẫu người thứ hai*</u> muốn diệt trừ lòng quyến luyến ấy, nhưng	**154.** [1]<u>*Người thứ hai*</u> muốn loại bỏ sự quyến luyến, nhưng người ấy lại muốn	**154.** [1]<u>*Hạng thứ hai*</u> cũng ao ước loại bỏ sự quyến luyến sai trật tự, nhưng

lựa điều nào dẫn chúng ta tới Ngài hơn (23[7]). Chính sự chọn lựa này sẽ bộc lộ tình yêu của chủ thể dành cho Thiên Chúa, và dĩ nhiên, đó là tình yêu trong mối tương quan với những thụ tạo khác chứ không phải là tình yêu liên vị với Đức Ki-tô và như Đức Ki-tô. Chính trong ý nghĩa này mà chúng ta thấy rằng cái chết của Gio-an tẩy giả thuộc về cái chết của sự bình tâm chứ không phải của tình yêu qui Ki-tô (Mc 6, 17-29).

Không chỉ thế, bình tâm còn là điều kiện ắt có và đủ để thực hiện việc chọn lựa theo lý trí và để bước vào tương quan tình yêu với Đức Ki-tô. Quả vậy, việc chọn lựa theo lý trí thuộc về thì thứ ba với hai cách ở đó chân lý chỉ tỏ lộ đúng khi chủ thể thoát khỏi mọi quyến luyến lệch lạc (179 ; 185-187). Điều kiện này quan trọng đến nỗi nếu không có nó, thánh I-nhã không cho thao viên được làm việc chọn lựa *(Ignace de Loyola, Notes pour un Directoire des Exercices, notes autographes, III, Directoire concernant les Elections, N. 17).* Bình tâm cũng là điều kiện để bước vào tình yêu với Thiên Chúa như Đức Ki-tô, nghĩa là để sống và

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
họ muốn vừa diệt bỏ nó, vừa giữ lại của cải đã kiếm được, làm như Thiên Chúa phải quy theo điều họ muốn, [2]và họ không quyết tâm từ bỏ của ấy để đi tới Thiên Chúa, mặc dù lẽ ra đó phải là bậc tốt hơn cho họ.	loại bỏ theo cách thức mà họ giữ lại của cải đã kiếm được, đến nỗi Thiên Chúa phải đi đến nơi mà chính người ấy muốn cho Ngài, [2]và người ấy không quyết định bỏ sự việc để đi tới Thiên Chúa, cho dù lẽ ra điều đó phải là bậc sống tốt hơn cho mình.	cùng lúc giữ của cải bằng mọi giá và lôi kéo Thiên Chúa vào khát vọng cá nhân của mình [2]hơn là đi tới Ngài, sau khi vẫn để điều gây trở ngại lại đó, đối với bậc sống vốn mang đến ích lợi lớn nhất.
155. [1]*Mẫu người thứ ba* muốn diệt trừ lòng quyến luyến ấy, mà họ ước muốn đến nỗi, chẳng còn tha thiết tới việc giữ hay không giữ của đã kiếm được, [2]điều duy nhất người ấy khao khát là muốn giữ hay không muốn giữ lại của cải tuỳ vào điều mà Thiên Chúa, Chúa chúng ta sẽ đặt nơi lòng muốn của mình và tùy vào điều đối	**155.** [1]*Người thứ ba* muốn loại bỏ sự quyến luyến, nhưng người ấy muốn đến nỗi chẳng còn tha thiết tới việc giữ hay không giữ của cải đã kiếm được, [2]người ấy chỉ còn mục đích là ước muốn nó hay không tùy theo điều gì Thiên Chúa sẽ gợi hứng cho mình hơn, hay tùy theo điều gì sẽ tỏ ra cho mình hơn để làm vinh danh, ca ngợi và	**155.** [1]*Hạng thứ ba*, sau cùng, muốn xa tránh sự quyến luyến không tinh ròng này, sẵn sàng diệt bỏ chính của cải cũng như sẵn lòng giữ nó lại, [2]tùy theo điều gì mà, nhờ sự thúc đẩy đến từ Thiên Chúa hay nhờ tiếng nói của lý trí, họ hiểu là phải xứng hợp hơn cho việc phụng sự Thiên Chúa. [3]Và khi chờ đợi bằng cách để

yêu mến Thiên Chúa như Đức Ki-tô sống và yêu, người ta giả thiết phải yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự. Đây là viễn tượng mà Chúa Giê-su khẳng định với người luật sĩ: "Ông không còn xa Nước Thiên Chúa đâu" (Mc 12,34). Tuy không xa, nghĩa là ông vẫn còn ở ngoài, bởi lẽ ông vẫn còn sống mối tương quan của mình với Thiên Chúa và tha nhân ở bình diện lề luật chứ không phải ở bình diện tình yêu như Ngài.

Vì là điều kiện cần thiết như thế nên thánh I-nhã đề nghị cho thao viên đặt khung cảnh rất long trọng (151) và xin ơn rất nghiêm túc (152): khung cảnh của một triều đình thiên quốc như lời tâm sự của bài Lời Gọi Vua Hàng Sống (98), hay khung cảnh của bài Chiêm niệm để được tình yêu (232) – và ơn xin liên quan đến việc làm vinh danh Chúa và mưu ích cho linh hồn mình (152).

b/ Các điểm gẫm.

Đối với Ba Mẫu Người được khai triển trong các điểm cầu nguyện, ta chỉ thấy có

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
với họ có vẻ tốt hơn để phụng sự và tôn vinh Chúa. [3]Và trong khi chờ đợi họ muốn coi mình như đã từ bỏ hết mọi sự trong tâm hồn và cố sức không muốn sự này hay sự khác nếu họ không được thúc đẩy bởi chỉ một việc phụng sự Thiên Chúa mà thôi. [4]Như thế, chính ý muốn phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta hơn, thúc đẩy họ giữ hoặc bỏ của ấy.	phụng sự Thiên Chúa Chí Tôn; [3]Trong khi chờ đợi, người ấy tự coi như mình đã từ bỏ tất cả trong tâm hồn, bằng cách nỗ lực bao nhiêu có thể không ao ước điều này hay toàn thể điều khác ngoại trừ điều mình được thúc đẩy bởi việc phụng sự Chúa; [4]đến nỗi chỉ có việc ước muốn phụng sự Chúa hơn thúc đẩy họ giữ lại hay bỏ đi của cải đó.	tất cả lại ở nguyên trạng, họ chỉ cân nhắc và tìm kiếm việc phụng sự đó mà thôi, [4]và họ không chấp nhận một động lực nào thúc đẩy bỏ đi hay giữ lại của cải kiếm được trừ việc suy xét và ao ước làm vinh danh Thiên Chúa, để cho vinh quang Ngài được lớn hơn bao nhiêu có thể.
156. Làm *ba cuộc tâm sự* như trong cuộc chiêm niệm trước về Hai Cờ Hiệu.	**156.** Ta làm *ba cuộc tâm sự*, như ta đã làm trong cuộc chiêm niệm trước đây về Hai Cờ Hiệu.	**156.** *Ba cuộc tâm sự* tiếp theo sẽ như ba cuộc tâm sự vừa mới làm về bài Hai Cờ Hiệu.
157. [1]*(Giải thích)* Nên ghi chú rằng khi ta cảm thấy một tâm tình hoặc lòng gớm ghét chống lại sự khó nghèo thực, khi ta	**157.** [1]*(Giải thích)* Cần ghi chú rằng, khi chúng ta cảm thấy sự quyến luyến hay gớm ghét đối với sự khó nghèo thực, và chúng	**157.** [1]*(Giải thích)* Nên ghi chú về vấn đề này rằng, nơi nào chúng ta cảm thấy có một sự quyến luyến chống lại sự nghèo

mẫu người thứ ba vượt qua sự quyến luyến vô trật tự để đạt tới sự bình tâm mà thôi.

- Mẫu người thứ nhất có ước muốn mà không hành động, khiến cho ước muốn của họ chỉ dừng lại ở lý thuyết. Người ấy muốn gặp được Thiên Chúa và đạt đến ơn cứu độ ngang qua việc dứt bỏ quyến luyến lệch lạc. Nhưng cho đến giờ chết vẫn không vận dụng các phương tiện. Bản V còn cho thấy rằng cho đến lúc đó họ cũng vẫn không vận dụng ngay cả những trợ giúp phải có.
- Mẫu người thứ hai thuộc về hạng bắt cá hai tay: vừa muốn dứt bỏ quyến luyến và cũng vừa muốn giữ lại số tiền. Bản P còn nói: "Người ấy muốn loại bỏ theo cách thức mà họ giữ lại của cải đã kiếm được đến nỗi Thiên Chúa phải đi đến nơi mà chính người ấy muốn cho Ngài" ; hoặc như bản A: "Thiên Chúa phải qui theo điều họ muốn" ; hoặc như bản V còn so sánh rốt ráo hơn: «(họ) cũng ước ao loại bỏ sự quyến luyến sai trật tự, nhưng cùng lúc giữ của cải bằng mọi giá và lôi kéo Thiên Chúa vào lời ước nguyện cá nhân của mình hơn là đi tới

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
không bình tâm đối với sự khó nghèo hoặc giàu có, [2]thì điều này giúp ích nhiều để diệt trừ lòng quyến luyến lệch lạc ấy, là trong các tâm sự, nài xin Chúa chọn mình vào trong sự khó nghèo thực sự (mặc dầu nghịch ý xác thịt) [3]và giục lòng ước muốn, cầu xin, van nài cho được điều ấy, miễn là để phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa nhân lành.	ta chưa được bình tâm đối với sự nghèo khó hay của cải, [2]thì điều rất có ích lợi để dập tắt một sự quyến luyến lệch lạc như thế là nài xin Chúa trong những cuộc tâm sự (mặc dù nghịch ý xác thịt) để Ngài tuyển chọn chúng ta vào sự nghèo khó thực, [3]và rằng chính điều đó mà chúng ta tìm kiếm, nài xin và khẩn khoản nài van, miễn là để phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa nhân lành.	khó hoàn hảo, vốn ở cả trong tâm hồn lẫn trong việc từ bỏ sự vật, và lại hướng về của cải, [2]thì điều rất có ích lợi để diệt trừ sự quyến luyến này, cho dù xác thịt chống lại, là nài xin Thiên Chúa, để Ngài tuyển chọn mà nhận chúng ta vào một sự khó nghèo như thế. [3]Tuy nhiên chúng ta cũng phải bảo vệ tự do của ước muốn chúng ta, qua nó, chúng ta được phép sử dụng con đường tốt hơn thích hợp với việc phụng sự Thiên Chúa.
158. NGÀY THỨ NĂM: chiêm niệm việc Đức Ki-tô, Chúa chúng ta khởi hành từ Na-za-rét để đến	**158.** NGÀY THỨ NĂM: ta sẽ làm một cuộc chiêm niệm về cuộc khởi hành của Đức Ki-tô	**158.** NGÀY THỨ NĂM: sẽ theo việc chiêm ngắm cuộc hành trình của Chúa từ Na-za-rét đến sông Gio

Ngài"(154[1]).

- Mẫu người thứ ba có sự bình tâm thực: muốn diệt trừ lòng quyến luyến đến nỗi không tha thiết giữ hay không giữ của cải trên mà tuỳ vào Thiên Chúa. Bản V nói rõ về nguồn gốc phát sinh sự bình tâm này khi xác định rằng nó có được "nhờ sự thúc đẩy của Thiên Chúa và nhờ tiếng nói của lý trí" (155[2]). Họ tự coi mình là đã từ bỏ rồi và cố sức không muốn điều này hay điều khác trừ ý muốn phụng sự Thiên Chúa thúc đẩy. Chắc chắn sự bình tâm ấy đòi chủ thể phải đương đầu với cuộc chiến để lý trí có thể vượt thắng tình cảm (155[3]).

C.I.17. I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Giải thích về tâm sự (157)

Phần kết của bài suy gẫm được thánh I-nhã qui về cuộc tâm sự của bài Hai Cờ Hiệu (147). Tuy nhiên việc giải thích ngay sau đó mới cho thấy cái giá phải trả có thể xảy ra cho sự bình tâm nếu chủ thể vẫn không dứt bỏ được sự quyến luyến ấy.

Cuộc chiến về sự bình tâm ở đây không chỉ đối với sự nghèo khó vật chất, nghĩa là mười ngàn Ducat hay Ecus, mà là sự nghèo khó thực theo A và P hay sự nghèo

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
sông Gio-đan và việc Ngài chịu phép rửa thế nào (số 273).	Chúa chúng ta từ Nazarét đến sông Gio-đan và về Phép Rửa (273).	-đan và về phép rửa của Ngài (273).
159. [1]*(Giải thích 1)* Cuộc chiêm niệm này sẽ làm một lần vào nửa đêm và một lần nữa vào ban sáng, rồi hai lần phục niệm vào giờ Thánh Lễ và giờ hát kinh chiều, và trước bữa ăn tối sẽ áp dụng ngũ quan. [2]Mỗi lần trong năm cuộc thao luyện ấy đều bắt đầu bằng kinh dọn lòng	**159.** [1]*(Giải thích 1)* Cuộc chiêm niệm này sẽ được thực hiện một lần vào lúc nửa đêm và một lần thứ hai vào rạng đông, và ta sẽ làm hai cuộc phục niệm về những cuộc chiêm niệm này vào giờ thánh lễ và vào giờ hát kinh chiều; và trước bữa ăn tối, ta sẽ làm cuộc thao luyện về ngũ quan;	**159.** [1]*(Giải thích 1)* Cuộc chiêm niệm này sẽ được làm vào nửa đêm và vào gần rạng sáng; hơn nữa nó sẽ được phục niệm hai lần, vào khoảng giờ thánh lễ và hát kinh chiều; trước bữa ăn tối, ta sẽ áp dụng ngũ quan. [2]Và mỗi một cuộc trong năm cuộc thao luyện này sẽ được tiến hành bằng kinh

khó trọn vẹn theo V (157[1]). Đó là một sự nghèo khó không dừng lại ở cái "có" mà vươn lên đến tận cái "là" vốn đã được Chúa Ki-tô thực hiện vì tôi (104; 116[2]), một sự nghèo khó mà cái "là" được thẩm định bằng phẩm chất của cái "có". Chính trong ý nghĩa này mà thánh nhân mời gọi thao viên qui về bài Hai cờ hiệu để tâm sự (156), nhưng phần giải thích, ngài nhấn mạnh đến khía cạnh chiến đấu này để đạt đến sự bình tâm qua việc tâm sự (157).

Theo thánh I-nhã, người ở trong tình trạng đó phải tha thiết nài xin Chúa trong các cuộc tâm sự chọn mình vào sự nghèo khó ấy và xa hơn, còn giục lòng ước muốn cho được điều đó. Đây là một cuộc chiến khắc nghiệt giữa tình cảm và lý trí mà người ta luôn phải đối diện. Sau này thánh I-nhã luôn nhắc đến lời giải thích này cách loại suy mỗi khi tinh thần thế gian có cơ hội chỗi dậy. Ta nói cách loại suy vì sự đối kháng không chỉ dừng lại ở sự bình tâm mà cả ở mức độ tình yêu, bậc khiêm nhường thứ ba và trong cuộc thương khó (159[3]; 168[1] ; 199[5]).

B.(V) NGÀY THỨ NĂM: ĐỜI SỐNG CÔNG KHAI (158)

Sau ngày trung chuyển của tuần hai vừa nêu cao tầm quan trọng của việc nhận định thần loại vừa xác định hai loại ơn gọi theo lề luật và theo lời khuyên Phúc âm, thánh I-nhã dẫn thao viên vào ngay giai đoạn hoạt động công khai của Chúa Giê-su. Khởi đầu giai đoạn này, thao viên tập trung vào việc đi theo Chúa ở tình yêu khi chiêm ngắm mầu nhiệm "Hành trình Chúa từ Na-za-rét đến sông Gio-đan và chịu phép Rửa ở đó" (273).

Dấu vết của sự tiến bộ thiêng liêng được đánh giá khởi từ ngày này. Vì lẽ từ hôm nay cho đến hết ngày thứ bảy, thao viên cầu nguyện mỗi ngày không phải hai

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thường lệ và ba tiền nguyện như đã giải thích trong cuộc chiêm niệm về Nhập Thể và Giáng Sinh, [3]và kết thúc bằng ba cuộc tâm sự của bài Ba Mẫu Người hoặc theo lời ghi chú sau bài Ba Mẫu Người ấy.	[2]bằng cách đặt ở đầu mỗi cuộc trong năm cuộc thao luyện kinh dọn lòng theo thói quen và ba tiền nguyện, như đã được giải thích tất cả trong cuộc chiêm niệm về Nhập Thể và Giáng Sinh; [3]và kết thúc bằng ba cuộc tâm sự ở "ba cách sắp xếp" hay theo chú dẫn được đưa ra sau "ba cách sắp xếp".	dọn lòng với ba mở đầu, như đã được chỉ dẫn trong những cuộc chiêm niệm trước đây về Nhập Thể và Giáng Sinh; [3]Ta cũng thêm vào đó ba cuộc tâm sự như bài về Ba Mẫu Người hay theo ghi chú được thêm vào đó.
160. *(Giải thích 2)* Việc xét mình riêng sau bữa trưa và bữa tối sẽ làm về các sai sót và trễ nải trong các cuộc thao	**160.** *(Giải thích 2)* Việc xét mình riêng sau bữa ăn trưa và tối sẽ được làm về các nết xấu và trễ nải liên quan đến những	**160.** *(Giải thích 2)* Việc xét mình riêng được thi hành sau bữa ăn trưa và tối sẽ được làm ở đây và những ngày tiếp theo về

mà là một mầu nhiệm, nhưng được chia làm hai phần cho hai cuộc thao luyện ban sáng và nửa đêm (x. 158/ 273 và 161/274-275).

Có hai đặc điểm chúng ta cần ghi nhận: trước hết, điểm thứ nhất trong Mầu nhiệm này thuộc về đạo đức truyền thống vốn được vay mượn từ tác phẩm của Ludolphe ở đó Chúa Giê-su không chỉ được phép và chúc lành của Mẹ mà Ngài còn trình bày cho Mẹ lý do phải ra đi (Vit. I, 21); thứ hai, từ nay trở đi mỗi ngày thao viên chỉ chiêm ngắm một mầu nhiệm mà thôi: một mầu nhiệm chia đôi (158;161$^{1-2}$) rồi một mầu nhiệm duy nhất (161$^{3-7}$) diễn tả tiến trình hiệp nhất tình yêu giữa hai ngôi vị, thao viên và Chúa Kitô so với hai mầu nhiệm của ba ngày đầu trong tuần thứ hai này.

C.I.18-19. I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Giải thích

Vào ngày thứ năm có hai giải thích trực tiếp:

7/ Về chương trình sống Linh Thao (159)

Việc giải thích đề cập đến hai vấn đề. Trước hết về chương trình của một ngày sống: ta đã nói về việc thích nghi Linh Thao ở hai khía cạnh chủ quan của thao viên (72^{2}) vốn đã được nói rõ lại ở tuần hai (129) và thích nghi khách quan ở giai đoạn thời thơ ấu (133) trước ngày thứ tư trung chuyển (136-157). Sau ngày trung chuyển này, họ trở về chương trình bình thường của ngày thứ năm. Tuy nhiên về Mầu Nhiệm chiêm ngắm lại có sự thay đổi. Ta thấy chỉ có một Mầu Nhiệm

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
luyện và các điều phụ thêm, chính ngày đó cũng như những ngày sau đều làm như vậy.	cuộc thao luyện và những điều phụ thêm của ngày hôm nay; và nó cũng được làm như thế vào những ngày tiếp theo.	những lỗi lầm và những trễ nải xảy ra, liên quan đến những việc suy gẫm và những điều phụ thêm dành riêng cho ngày này.
161. [1]NGÀY THỨ SÁU: Chiêm niệm Đức Ki-tô Chúa chúng ta từ sông Gio-đan vào sa mạc và ở đó thế nào. Mọi sự theo cùng thể thức như ngày thứ năm.	**161.** [1]NGÀY THỨ SÁU, sẽ được làm một cuộc chiêm niệm về cuộc khởi hành của Đức Ki-tô từ sông Gio-đan cho đến hết thời gian ở trong sa mạc, khi tuân giữ cùng một thể thức với thể thức phải tuân giữ ở ngày thứ năm.	**161.** [1]NGÀY THỨ SÁU, được đề nghị cho việc chiêm ngắm cách thức mà Đức Ki-tô Giê-su khởi từ sông Gio-đan, đã đến sa mạc và ở lại đó. Người ta sẽ giữ đúng hình thức của cuộc thao luyện của ngày thứ năm (274).
[2]NGÀY THỨ BẢY: Thánh An-rê và các vị khác theo Đức Ki-tô, Chúa chúng ta thế nào (275).	[2]NGÀY THỨ BẢY, sẽ được làm một cuộc chiêm niệm về cách thức An-rê và những người khác đã đi theo Đức Ki-tô (275).	[2]NGÀY THỨ BẢY, Chân phúc An-rê và các chân phúc khác đã lần lượt theo Đức Ki-tô như thế nào, như điều đó sẽ được nói tới ở số 275.
[3]NGÀY THỨ TÁM: Bài giảng trên núi về tám mối phúc thật (số	[3]NGÀY THỨ TÁM, sẽ được làm một cuộc chiêm niệm về bài giảng của	[3]NGÀY THỨ TÁM, Chúa đã công bố bài giảng trên núi như thế

được chiêm ngắm vào hai giờ chính nửa đêm và ban sáng thay vì hai, sau đó là hai cuộc phục niệm và một lần áp dụng ngũ quan. Chương trình này được áp dụng từ ngày thứ năm mãi cho đến hết ngày thứ mười hai trước khi dành một ngày suy xét về Ba cách khiêm nhường để bước vào cuộc chọn lựa bậc sống (164). Vì ngay từ ngày thứ sáu, thánh I-nhã đã bắt đầu cho áp dụng chương trình của ngày thứ năm (161[1]).

Thứ đến, về cách tiến hành bài chiêm niệm, thánh I-nhã như muốn nhắc nhở về những bước phải làm trong bài chiêm niệm vốn đã nói đến (105). Thế nhưng đi xa hơn, ngài còn nhấn mạnh cách hành xử phải có khi gặp tâm tình trái ngược với con đường Đức Ki-tô bằng cách cho họ kết thúc cuộc chiêm niệm bằng ba cuộc tâm sự của bài Ba Mẫu Người hoặc theo lời ghi chú ở nơi sau bài đó (159[3]). Cứ theo việc giải thích ở tuần ba khi qui về lời tâm sự này, liên từ "hoặc" phải được thay thế bằng giới từ "với" ở cả ba bản văn (x. 199,5)

8/ Về việc xét mình riêng (160)

Việc xét mình riêng đã được thánh I-nhã nói đến ở ngay tuần một mà đối tượng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
278).	Chúa ở trên núi, vốn hiểu là tám mối phúc (278).	nào, khi trình bày tám phương thức của sự chúc phúc (278).
[4]NGÀY THỨ CHÍN: Về Đức Ki-tô Chúa chúng ta hiện ra cùng các môn đệ trên sóng biển như thế nào (số 280).	[4]NGÀY THỨ CHÍN, sẽ làm một cuộc chiêm niệm về việc hiện ra của Chúa chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô cho các môn đệ trên sóng biển (280).	[4]NGÀY THỨ CHÍN, Ngài tỏ mình ra cho các môn đệ đang ở dưới thuyền như thế nào, bằng cách đi trên nước biển (280).
[5]NGÀY THỨ MƯỜI: Chúa giảng ở trong [~~một~~] ***Đền Thờ*** như thế nào (số 288).	[5]NGÀY THỨ MƯỜI, về lời giảng của Đức Ki-tô trong ***Đền Thờ*** (288)	[5]NGÀY THỨ MƯỜI, Ngài giảng dạy trong ***Đền Thờ*** như thế nào (288)
[6]NGÀY THỨ MƯỜI MỘT: Về sự La-za-rô sống lại (số 285).	[6]NGÀY THỨ MƯỜI MỘT, Về việc kêu gọi La-za-rô trở về lại cuộc sống (285).	[6]NGÀY THỨ MƯỜI MỘT, Về việc kêu gọi La-za-rô sống lại (285).

---

của nó trong Linh Thao là một tội chính yếu hay một nết xấu chủ đạo cùng với những trễ nải trong thao luyện và mười điều phụ thêm (90). Về việc xét mình riêng mà thánh I-nhã đã bàn đến, mục đích của nó là để loại bỏ một tội hay một nết xấu riêng (25). Trong tuần một, việc xét mình riêng nêu nết xấu làm đối tượng, còn ở đây lại nêu một tội. Như vậy đối tượng ấy vẫn không đổi. Tuy nhiên thánh I-nhã hạ việc xét mình riêng ở đây từ cấp độ của những "ghi chú"(90) xuống "giải thích trực tiếp", tức khí cụ hướng dẫn của một tuần xuống một ngày thao luyện. Mục đích nhằm tách việc xét mình riêng về nết xấu hay tội riêng ra khỏi sự trễ nải về việc thao luyện và những điều phụ thêm và gắn nó vào việc "cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống sau này *(x. chú giải 189).*

B.(VI-XII) NGÀY THỨ SÁU ĐẾN MƯỜI HAI (161)

Trong tuần hai, thánh I-nhã đưa ra những can thiệp rất chi tiết cả đến việc đề ra những điểm chiêm niệm cho từng ngày trước và sau ngày thứ tư trung chuyển (101-134 và 158-161) cho đến trước khi vào cuộc chọn lựa (164). Điều này phản chiếu tầm quan trọng của nó trong tiến trình thao luyện ở những điểm sau:

Thứ nhất, sự can thiệp nhằm hứa cho thao viên một sự trưởng thành thiêng liêng trong hành trình đào luyện. Điều này thánh I-nhã không diễn tả bằng ngôn từ nhưng bằng cách sắp xếp những mầu nhiệm.

Qủa vậy, khi phân tích các mầu nhiệm được đề nghị từ ngày thứ năm đến ngày

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[7]NGÀY THỨ MƯỜI HAI: Về ngày Rước Lá (số 287).	[7]NGÀY THỨ MƯỜI HAI, về lịch sử ngày Chúa Nhật Lễ Lá (287).	[7]NGÀY THỨ MƯỜI HAI, Về những gì xảy ra vào ngày Rước Lá (287).
162. [1]*Ghi chú thứ nhất* là trong những bài chiêm niệm của tuần thứ hai này, tuỳ theo thời gian mỗi người muốn đề ra hoặc theo những tiến bộ họ đạt được mà có thể kéo dài hay rút ngắn. [2]Nếu muốn kéo dài, hãy sử dụng những mầu nhiệm Đức Mẹ đi viếng bà thánh Elisabeth, các mục đồng, Hài nhi Giê-	**162.** [1]*Chú dẫn thứ nhất*: trong những cuộc chiêm niệm của tuần thứ hai này, ta có thể ở lại trong thời gian lâu hơn hay ngắn hơn, tùy theo ta xét thấy là sẽ có ích lợi; [2]và nếu ta thấy ở lại lâu hơn là điều tốt đẹp, thì ta có thể sử dụng những mầu nhiệm về cuộc Thăm Viếng của Đức Mẹ dành cho bà Ê-li-za-bét, lịch sử	**162.** [1]Cần phải ghi chú ở đây ba điều sau đây: *Thứ nhất*: trong tuần thứ hai này, tùy theo thời gian người ta muốn sắp xếp cho người luyện tập và tùy theo điều gì giúp ích lợi cho họ, một số cuộc suy gẫm có thể [2]hoặc được thêm vào, thí dụ những mầu nhiệm về Cuộc Thăm Viếng, những người chăn chiên,

thứ mười hai, chúng ta thấy rằng mỗi ngày thao viên chỉ còn chiêm niệm một mầu nhiệm chính chứ không còn hai mầu nhiệm như những ngày trước (x. 101 và 110; 132; 134). Và nếu đi sâu hơn, ta lại thấy rằng từ ngày thứ năm đến ngày thứ bảy mỗi mầu nhiệm được phân đôi bằng liên từ "và" trong khi các ngày sau không có hiện tượng đó nữa.

Hiện tượng sắp xếp các mầu nhiệm như thế nhằm hứa cho thao viên một sự trưởng thành mỗi lúc một cao hơn và sự liên kết với Chúa Giêsu ngày một sâu xa hơn, một sự liên kết nên một của tình yêu. Thế nhưng đó vẫn còn là tình yêu của giai đoạn soi sáng mà thao viên đóng vai trò chủ động nơi bậc khiêm nhường thứ ba (x. 167).

Thứ đến, thứ tự các mầu nhiệm mà thánh I-nhã đề nghị trước ngày trung chuyển trong Linh Thao (101[1]; 110[1]; 132[1]; 134) và sau ngày đó (158; 161) so với thứ tự trong danh sách 51 mầu nhiệm cũng biểu lộ ý định của ngài: ngài chọn bốn mầu nhiệm đầu của thời thơ ấu và tám mầu nhiệm đầu và cuối đời sống công khai để nhấn mạnh khía cạnh lao khổ của Chúa để thao viên không bị lạc hướng trong việc đào luyện. Ngoài ra ngài cũng còn dám thay đổi trật tự của chúng: mầu nhiệm "Chúa rao giảng trong Đền Thờ" (288) lại đặt trước mầu nhiệm "cho La-za-rô sống lại" (285) và mầu nhiệm" về Ngày Rước Lá" (287) nhằm nới rộng biên giới giữa hai tuần hai và ba để ý nghĩa việc đào luyện được đào sâu hơn.

Chúng ta cũng cần ghi nhận rằng, trong những mầu nhiệm từ ngày thứ sáu đến ngày thứ mười hai này của bản A, thánh I-nhã can thiệp và chỉnh sửa bản văn một lần: mầu nhiệm của ngày thứ mười, bản văn viết: "Chúa giảng trong một

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
su chịu cắt bì, Ba vua hoặc về những mầu nhiệm khác nữa. [3]Nếu muốn rút ngắn cũng có thể bỏ bớt trong những điều đã đề nghị; vì đây chỉ là một dẫn nhập và phương pháp hầu sau đó có thể chiêm niệm cách hoàn hảo và trọn vẹn hơn.	các mục đồng, lịch sử việc Cắt Bì của Hài Nhi Giê-su, lịch sử Ba Vua, hay những mầu nhiệm khác; [3]Nếu ta muốn kết thúc với thời gian ngắn hơn, ta sẽ bỏ đi một số mầu nhiệm vừa được trình bày, vì đây chỉ là một dẫn nhập và một phương pháp để ta có thể chiêm niệm tốt hơn và nhiệt tâm hơn.	về việc cắt bì và Ba Vua, [3]hoặc bị cắt bỏ đi, trong số những cuộc suy gẫm vốn được đề nghị trên đây, vì những cuộc suy gẫm đó chỉ đóng vai trò dẫn nhập để chiêm niệm tốt hơn.
163. *Thứ hai*: ta sẽ đề cập đến đề tài chọn lựa bắt đầu từ cuộc chiêm niệm của ngày thứ năm này về những việc xảy ra từ khi Chúa rời Na-za-rét đến khi Ngài chịu phép rửa ở sông Gio-đan, theo những điều giải thích ở sau.	**163.** *Thứ hai*: chính khởi đi từ việc chiêm niệm về cuộc khởi hành từ Nazateth đến sông Gio-đan, bao hàm cả ngày thứ năm này, mà ta phải bắt đầu đề tài chọn lựa, theo như điều sẽ được trình bày sau này.	**163.** *Thứ hai*: phải bắt đầu xem xét những việc chọn lựa khởi từ việc chiêm niệm về cuộc khởi hành của Đức Ki-tô từ Na-za-rét đến sông Gio-đan, bao gồm cả việc chiêm ngắm được thực hiện vào ngày thứ năm.

đền thờ như thế nào" (số 288). Thánh I-nhã đã sửa lại cho chính xác bằng cách gạch bỏ từ ngữ "một". Bởi lẽ người Do Thái vào thời Chúa Giê-su chỉ có một Đền Thờ duy nhất là Đền Thờ Giê-ru-sa-lem mà thôi. Các bản văn P và V đều viết theo bản văn đã được chỉnh sửa.

Vậy những bài mẫu đưa ra nhằm cho người hướng dẫn được tự do theo sự khôn ngoan của mình mà vận dụng cách thích hợp với tâm trạng thao viên để giúp họ đạt được ích lợi thiêng liêng nhiều nhất.

C.II.3. I-NHÃ HƯỚNG DẪN: bộ ghi chú 2 thuộc tuần hai

Với tư cách là người hướng dẫn, ngoài những giải thích trực tiếp, thánh I-nhã còn vận dụng khí cụ "bộ ghi chú" và "bộ quy tắc" trong tuần hai và các tuần còn lại. Riêng ở tuần hai, khí cụ ghi chú được phân làm hai nhóm: nhóm thứ nhất đặt sau ngày mẫu (127-131) và nhóm thứ hai đặt sau những ngày mẫu (162-164). Sự phân chia ấy có mục đích nhấn mạnh đến hai cấp độ huấn luyện: lề luật và lời khuyên Tin Mừng trong tuần Linh Thao này. Khí cụ "quy tắc" thuộc về phần chọn lựa bậc sống sẽ được nói đến sau (LT 184 -188). Bộ ghi chú thứ hai này có

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
164. [1]*Thứ ba*: trước khi bước vào cuộc chọn lựa, để được gắn bó với giáo lý chân chính của Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, [2]điều có ích lợi rất nhiều là để tâm và suy xét về ba cách khiêm nhường sau đây; trong cả ngày, luôn suy xét thường xuyên về ba cách khiêm nhường ấy, [3]và cũng làm các cuộc tâm sự, theo cách thức sẽ chỉ ở phần sau.	**164.** [1]*Thứ ba*: trước khi đề cập đến việc chọn lựa, để có thể gắn bó với giáo lý chân thực của Đức Ki-tô, [2]thật hết sức ích lợi nếu suy xét ngay sau đây ba loại khiêm nhường và cần chú tâm vào đó: Ta sẽ suy xét thường xuyên suốt cả ngày, [3]và cũng thế ta sẽ làm những cuộc tâm sự như sau đó sẽ giải thích điều này.	**164.** [1]*Thứ ba*: trước khi đề cập đến đề tài về các việc chọn lựa, để sắp xếp con tim chúng ta thấu hiểu giáo lý chân thực của Đức Ki-tô, [2]ta tìm được sự giúp đỡ lớn lao khi suy xét và trở đi trở lại trong suốt ngày ba dạng thức của sự khiêm nhường sau đây, [3]và cũng thường lập đi lập lại những cuộc tâm sự mà ta sẽ nói đến.
165. [1]*Cách khiêm nhường thứ nhất* cần thiết cho phần rỗi đời đời, tức là tôi tự hạ mình và tự khiêm nhu chừng nào có thể, để trong mọi sự tôi vâng theo lề luật Thiên Chúa, Chúa chúng ta, [2]đến nỗi dù người ta có đặt tôi lên làm chúa mọi	**165.**[1] *Loại khiêm nhường thứ nhất* cần thiết để đạt đến ơn cứu rỗi muôn đời. Nó hệ ở việc tôi tự khiêm nhu và tự hạ mình, bao nhiêu có thể, để trong mọi sự, tôi vâng phục lề luật của Chúa, Thiên Chúa chúng ta; [2]đến nỗi, nếu người ta đặt tôi làm	**165.** [1]*Dạng thức khiêm nhường thứ nhất* này cần thiết cho ơn cứu độ, đến nỗi ta hoàn toàn phục tùng để tuân giữ lề luật của Thiên Chúa, và rằng, cho dù người ta có tôn tôi lên làm chúa của toàn thế giới, hoặc nếu cuộc sống tôi có chạm phải sự

mục tiêu chuẩn bị cách trực tiếp cho thao viên thực hiện việc chọn lựa bậc sống sau khi đã quyết định đi theo Chúa ở bậc khiêm nhường thứ ba (167).

1/ Về thời gian thao luyện của tuần hai (162)

Kỷ luật (11-13) và tính uyển chuyển là hai yếu tố luôn được thánh I-nhã quan tâm và nhắc nhở. Tính uyển chuyển không chỉ liên quan đến chương trình của một ngày (72; 129; 133) mà cả từng giai đoạn (4^4). Ở đây cũng thế (162). Sở dĩ như thế vì ngài muốn cho thao viên phải đạt được ích lợi thiêng liêng không chỉ trong ngày sống mà cả từng giai đoạn. Điều này quan trọng đến nỗi nếu họ không đạt được kết quả của một giai đoạn nào đó thì họ không thể bước vào giai đoạn khác. Đặc biệt với tuần hai: nếu họ không đạt được sự bình tâm họ không thể bước vào cuộc chọn lựa *(Ignace de Loyola, Notes pour un Directoire des Exercices, [notes autographes], III, Directoire concernant les élections, 17).*

Vì yếu tố trên mà thánh I-nhã đề nghị cho ta cách thức kéo dài hay rút ngắn thời gian thao luyện của tuần hai này: kéo dài thì phân chia nhỏ Mầu Nhiệm (162^2),

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thụ tạo trên thế gian này hay dù có bỏ mạng sống tạm bợ này đi nữa, tôi cũng không nghĩ đến việc vi phạm một giới răn nào của Thiên Chúa hay của loài người mà bị buộc thành tội trọng.	chúa mọi thụ tạo trong vũ trụ, hay nếu gặp sự nguy hiểm đe dọa bị tước mất sự sống trần gian này, hoàn toàn tôi không dám nghĩ tưởng mà vi phạm một giới răn nào, hoặc của Thiên Chúa, hoặc của loài người, vốn bị buộc thành tội trọng.	nguy hiểm lớn lao nhất, thì tôi cũng không tự ý vi phạm một giới răn nào, của Thiên Chúa hay con người, vốn buộc chúng ta thành tội trọng.
166. [1]*Thứ hai* hoàn hảo hơn cách thứ nhất, tức là nếu tôi đạt tới mức độ không còn tìm kiếm mà cũng chẳng còn tha thiết để đạt được sự giàu sang hơn là nghèo hèn, khát mong vinh dự hơn là nhục nhã, ao ước đời sống trường thọ hơn là ngắn ngủi, [2]khi việc phụng sự Thiên Chúa và	**166.** [1]*Thứ hai* là một sự khiêm nhường hoàn hảo hơn sự khiêm nhường thứ nhất ở chỗ tôi tự hạ mình đến nỗi tôi chẳng muốn gắn bó với giàu sang hơn là nghèo khó, với vinh dự hơn là khinh chê, và tôi không ao ước một đời sống trường thọ hơn là đời sống ngắn ngủi, [2]miễn là việc phụng sự	**166.** [1]*Thứ hai* thuộc về sự hoàn hảo lớn hơn: rằng, khi lưu tâm đến giàu sang và nghèo khó, vinh dự và nhục nhã, đời sống ngắn ngủi và trường thọ, tôi đều hướng về đó như nhau, [2]nơi mà cơ hội tôn vinh Chúa và mưu ích phần rỗi tôi ngang nhau; và rằng, không phải vì bất cứ hạnh phúc nhân

còn rút ngắn thì bớt đi những Mầu nhiệm đã được đề nghị (162[3]).

2/ Về việc chọn lựa (163-164)

Có hai cách chuẩn bị để bước vào cuộc chọn lựa:

- Cách thứ nhất là sự chuẩn bị xa (163) vốn phải được thao viên lưu tâm đến ngay khi họ kết thúc việc chiêm ngắm những Mầu Nhiệm thuộc giai đoạn thơ ấu. Nhưng đó mới chỉ là lời phi lộ để suy xét các bậc sống (135). Bước vào giai đoạn đời sống công khai, thánh I-nhã đã bắt đầu đưa thao viên vào chính đề tài chọn lựa. Những sự chuẩn bị ấy giúp cho họ được trang bị những điều kiện cần thiết và đầy đủ để khả dĩ thực hiện cuộc chọn lựa chính xác nhất và đúng ý Chúa.
- Cách thứ hai là sự chuẩn bị gần (164), nghĩa là trước khi bước vào cuộc chọn lựa, thao viên phải dành trọn một ngày để suy xét về Ba Cách khiêm nhường (165-167) ngõ hầu họ hiểu được thấu đáo chính lối hành xử của Đức Ki-tô làm nền tảng cho cuộc chọn lựa ấy, đồng thời kết thúc bằng một cuộc tâm sự của bài ba mẫu người vốn đòi hỏi cả giải thích kèm theo ngay sau lời tâm sự này (x.168/ 157-158).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ích lợi cho linh hồn tôi ngang nhau; vả nữa, dù để được cả thụ tạo hay dù phải mất mạng sống đi nữa, tôi cũng không nghĩ đến phạm một tội nhẹ.	Thiên Chúa ngang nhau và việc cứu rỗi linh hồn tôi cũng được đạt tới theo một cách thức như nhau. Hơn nữa, không vì bất cứ vật thụ tạo nào và cũng không vì để tránh né sự chết, tôi sẽ không suy tưởng dám vi phạm dù chỉ là một tội nhẹ.	loại nào đó, cũng không phải vì mất mạng sống mình, tôi không bao giờ đi đến chỗ ưng thuận phạm một lỗi lầm, dù là lỗi nhẹ.
167. [1]*Thứ ba* hoàn hảo nhất, bao gồm cả cách thứ nhất và thứ hai, ấy là giả thiết việc ngợi khen và việc làm vinh danh Chúa ngang nhau, [2]thì để noi gương và nên giống Đức Ki-tô, Chúa chúng ta cách thiết thực hơn,	**167.** [1]*Sự khiêm nhường thứ ba* hoàn hảo nhất, khi, bao gồm cả sự khiêm nhường thứ nhất và thứ hai (miễn là việc phụng sự và cả đến việc làm vinh danh Chúa, Thiên Chúa chúng ta đều đạt đến bằng nhau), [2]để noi gương Đức Ki-tô và nên	**167.** [1]*Thứ ba* là dạng thức khiêm nhường trọn vẹn nhất: một khi đã đạt đến hai dạng thức đầu tiên trên, cho dù việc ngợi khen Thiên Chúa ngang nhau mà không một điều gì thêm vào đó, [2]tuy nhiên, để có sự noi gương

A.I.1.2. SUY XÉT VỀ BA CÁCH KHIÊM NHƯỜNG (165-167)

1/ Tổng quát

Đề tài Ba Cách khiêm nhường thuộc về kinh nghiệm cá nhân thánh I-nhã. Nó thuộc về phần cầu nguyện chính thức như suy gẫm và chiêm niệm vì được rút ra cách loại suy từ "lectio divina". Thánh I-nhã sử dụng từ ngữ "suy xét" để chỉ về thể loại thao luyện này (considerar, considerare), giống như "việc suy xét các bậc sống" vào ngày thứ tư trở đi (135). Tuy nhiên, việc suy xét này khác với việc suy xét về các bậc sống ở chỗ việc suy xét này có phần tâm sự còn việc suy xét các bậc sống không có (168/135). Đây là đề tài mà thao viên dành cả một ngày cuối cùng của tuần hai để suy xét trước khi họ bước vào việc chọn lựa (164).

Ba bản văn nói về đề tài này theo ba cách khác nhau: Bản A gọi là "Ba cách khiêm nhường", bản P gọi là "Ba loại khiêm nhường", còn bản V gọi là "Ba dạng thức khiêm nhường" (164[2]). Có lẽ đúng hơn, chúng ta gọi là ba bậc yêu mến Chúa mà truyền thống qui về việc bỏ mình của hành trình Nhập Thể làm mẫu mực.

2/ Về ba Cách khiêm nhường

Chúng ta gọi là ba bậc khiêm nhường theo nghĩa bậc sau bao gồm bậc trước.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[3]tôi muốn và tôi chọn sự nghèo khó với Chúa Ki-tô khó nghèo hơn là sự giàu sang, sự sỉ nhục với Chúa Ki-tô bị sỉ nhục hơn là vinh dự, và ao ước được coi là ngu dại và điên rồ vì Chúa Ki-tô, Đấng đầu tiên đã bị coi như thế, hơn là được coi như người thông thái, khôn ngoan ở thế gian này.	giống Ngài một cách hoàn hảo hơn và thiết thực hơn, [3]tôi ước muốn và chọn lựa sự nghèo khó với Đức Ki-tô nghèo khó hơn là giàu sang; sự sỉ nhục với Đức Ki-tô bị sỉ nhục hơn là vinh dự; và tôi ao ước được coi như ngu dại và điên rồ vì Chúa Ki-tô (chính là Đấng đã bị coi như thế) hơn là được coi là thông thái và khôn ngoan ở thế gian này.	Đức Ki-tô mãnh liệt hơn, [3]tôi chọn lựa ôm ấp sự nghèo khó, sự khinh chê và nổi danh là điên dại với Ngài, nghèo hèn, bị khinh chê và bị chế diễu, hơn là giàu sang, vinh dự và nổi tiếng là khôn ngoan.
168. [1]*(Giải thích)* Như thế, đối với ai muốn được lòng khiêm nhường thứ ba, thì điều rất có ích là làm ba cuộc tâm sự về bài Ba Người đã nói ở trên, [2]bằng cách, xin Chúa chúng ta đoái	**168.** [1](*Giải thích)* Chú ý rằng, đối với người muốn đạt đến loại khiêm nhường thứ ba này, điều rất có ích lợi nếu làm ba cuộc tâm sự của tâm sự trước đây về Ba Người, [2]bằng cách nài xin Chúa	**168.** [1]*(Giải thích)* Hơn nữa, để đạt đến sự khiêm nhường này, sẽ rất ích lợi nếu sử dụng đến ba cuộc tâm sự trước đây của ***Hai Cờ Hiệu***, [2]nhờ đó chúng ta nài xin cách khẩn khoản (nếu đẹp lòng

a/ Cách khiêm nhường thứ nhất (165)

Đây là hình thái hay cấp bậc yêu mến Thiên Chúa ở mức độ luân lý, nghĩa là người ta yêu mến Thiên Chúa trong việc tuân giữ các giới răn sao cho không bị liệt kê vào hạng tội trọng. Bởi lẽ khi phạm tội trọng, người ta cắt đứt mọi liên hệ tình yêu với Thiên Chúa và đánh mất hoàn toàn sự sống thần linh. Vì thế, thánh I -nhã nói cách này cần thiết cho sự sống đời đời.

Để bảo vệ chính mình trong Chúa, người ở cách này phải dám đánh đổi mọi sự, cả đến vinh dự được đặt làm chúa mọi thụ tạo trong vũ trụ hay dù bị đe doạ mất mạng sống đời này, người ấy cũng không dám vi phạm bất cứ điều gì vốn bị buộc thành tội trọng.

b/ Cách khiêm nhường thứ hai (166)

Cách khiêm nhường này hoàn hảo hơn cách trên ở chỗ chủ thể đã đạt tới tình yêu với Thiên Chúa nơi hai yếu tố:

- Trước hết là sự bình tâm, nghĩa là không ao ước điều nào hơn điều nào khi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thương chọn họ vào cách khiêm nhường thứ ba, cao quí hơn và tốt lành hơn, để noi gương Chúa hơn và phụng sự Ngài hơn, nếu việc phụng sự và ngợi khen Chúa chí tôn cũng bằng hoặc lớn hơn (các cách khác).	thương tuyển chọn mình vào loại khiêm nhường thứ ba này hoàn hảo hơn và tốt lành hơn, để noi gương Ngài và phụng sự Ngài cách hoàn hảo hơn, miễn là việc phụng sự Ngài ngang bằng hay lớn hơn, và việc làm vinh danh Chúa Chí Tôn cũng ngang bằng hay lớn hơn.	Chúa Nhân Lành) được dẫn vào cuộc chọn lựa như thế miễn là việc phụng sự Thiên Chúa của tôi và việc làm vinh danh Ngài mang lại lợi ích hơn hay ngang nhau.

---

việc làm vinh danh Chúa ngang nhau, mà chỉ chọn điều nào làm vinh danh Chúa và mưu ích cho linh hồn hơn. Thánh I-nhã diễn tả điều này rõ trong Nguyên Lý và Nền Tảng (23^{5-7}) và trong Mẫu Người Thứ Ba (155^{1-4}).

- Thứ đến, chủ thể đạt tới tình yêu đối với Thiên Chúa đến nỗi không dám phạm một tội nhẹ. Bởi lẽ hai ngôi vị yêu nhau sẽ luôn tìm cách làm vừa lòng nhau và không dám xúc phạm đến nhau cho dù về một điều nhỏ bé nhất. Vì thế, khi ở trong tình yêu với Thiên Chúa, chủ thể sẽ không dám phạm một tội nhẹ dù được ban cho mọi thụ tạo hoặc bị đe doạ mất mạng sống mình.

Thế nhưng cả hai yếu tố trên vẫn còn dừng lại ở lãnh vực tự nhiên của Nguyên Lý và Nền Tảng, của lề luật Mô-sê (Đnl 6,4-5) chứ chưa đạt tới tình yêu hiến tế của chính Đức Ki-tô (167).

c/ Cách khiêm nhường thứ ba (167)

Cách khiêm nhường này hoàn hảo nhất vì nó đạt đến tình yêu mến Thiên Chúa ở cấp độ nên đồng hình đồng dạng cách với Đức Ki-tô đến nỗi lúc đó thao viên không chỉ nên giống mà còn vì Ngài (167^{3c}) và hoàn toàn hành động ngược lại với tinh thần thế gian để đáp lại tình yêu của Thiên Chúa (Rm 8, 31-39). Ta cần lưu ý hai điểm sau:

- Thứ nhất, Có một tiến trình hình thành tình yêu nên một này trong tuần hai nơi thao viên: trước hết, đó là một ơn ban của Thiên Chúa. Vì thế trong lời tâm sự bài Lời Gọi Vua Hằng Sống, thao viên nài xin để noi gương Chúa nếu Chúa Chí Tôn muốn nhận và chọn họ (98^{2-4}) - cũng thế trong cuộc tâm sự ở bài Hai Cờ Hiệu, họ cũng nài xin để được sống dưới cờ hiệu của Đức Ki-tô nghĩa là sống khó nghèo, chịu sỉ nhục để noi gương Ngài hơn miễn là không gây tội cho ai và không làm mất lòng Thiên Chúa (147) - Thứ đến, là việc dấn thân chủ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
169. [1]LỜI PHI LỘ ĐỂ LÀM VIỆC CHỌN LỰA [2]Trong mọi việc chọn lựa tốt, về phần chúng ta, con mắt ý hướng của chúng ta phải đơn sơ chỉ nhằm cái vì đó tôi được dựng nên, ấy là để ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta và để cứu rỗi linh hồn tôi; [3]và như thế, bất cứ điều gì tôi chọn lựa, tự bản chất nó phải giúp tôi đạt tới cứu cánh vì đó tôi được tạo dựng, không được xếp đặt và cũng không quy hướng cứu cánh theo phương tiện, nhưng phải xếp đặt và quy hướng phương tiện theo cứu cánh.	**169.** [1]LỜI PHI LỘ ĐỂ LÀM VIỆC CHỌN LỰA. [2]Trong mọi việc chọn lựa tốt, về điều gì thuộc về thẩm quyền của chúng ta, con mắt ý hướng của chúng ta phải đơn sơ, chỉ chú tâm đến cứu cánh vì đó tôi đã được dựng nên: để ca ngợi và làm vinh danh Chúa, Thiên Chúa chúng ta và để cứu rỗi linh hồn mình. [3]Như thế, bất cứ điều gì tôi chọn lựa, điều đó phải giúp đỡ tôi đạt tới cứu cánh vì đó tôi đã được dựng nên, không được xếp đặt và cũng không qui hướng một cách sai lầm cứu cánh theo những phương	**169.** [1]LỜI MỞ ĐẦU ĐỂ LÀM VIỆC CHỌN LỰA [2]Để chọn lựa một điều gì đó cách tốt đẹp, chính chúng ta phải nhìn xem bằng con mắt trong suốt và đơn sơ để thấy vì đâu mà chúng ta đã được dựng nên, nghĩa là để ngợi khen Thiên Chúa và để cứu rỗi linh hồn chúng ta. [3]Vì thế người ta chỉ chọn lựa điều gì dẫn đến cứu cánh đã nói trên, vì phương tiện luôn luôn phải tùy thuộc vào cứu cánh chứ không phải cứu cánh tùy thuộc vào phương tiện. [4]Cũng thế sẽ là sai lầm đối với những người trước hết

động và có ý thức của chủ thể. Lúc này việc đi theo Chúa không chỉ xét như một ơn xin mà chủ thể còn đi đến chỗ quyết định chọn lối sống điên dại của Chúa Ki-tô hơn bất cứ điều gì khác (167) để đáp lại tình yêu của Ngài. Vì Ngài đã bị coi như thế trước vì họ (116[2]) và rồi ơn xin lại trở về trong lời tâm sự (168).

- Thứ hai, Cách khiêm nhường này không chỉ hoàn hảo nhất mà còn bao gồm cả hai cách kia (A,P), nghĩa là chỉ khi nào đạt được hai cách trước người ta mới có thể có được cách khiêm nhường thứ ba này. Bản V muốn cho ta thấy điều đó khi nói: "một khi đạt tới hai dạng thức trên" (167[1]). Như thế tình yêu với Thiên Chúa ở mức độ bình tâm (166/155) vừa thấp kém hơn và vừa là điều kiện để dẫn đến tình yêu với Thiên Chúa ở cấp độ nên một với Đức Ki-tô này.

C.I.20 I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Giải thích về tâm sự của Ba Cách khiêm nhường (168)

Để làm cuộc tâm sự, thánh I-nhã đưa thao viên về cuộc tâm sự của bài Ba Mẫu Người (156) theo A và P (168[1]). Tuy nhiên, cuộc tâm sự của bài này lại được qui về cuộc tâm sự của bài Hai Cờ Hiệu (x. 147). Vì thấy tính phức tạp của vấn đề,

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[4]Chẳng hạn trong thực tế, có nhiều người, trước tiên chọn hôn nhân, vốn chỉ là phương tiện, thứ đến mới phụng sự Thiên Chúa trong việc hôn nhân, mà việc phụng sự Thiên Chúa lại là cứu cánh. Cũng thế có những người khác trước hết muốn được bổng lộc, và sau đó mới muốn phụng sự Thiên Chúa nhờ bổng lộc đó. [5]Như vậy, những người ấy không đi thẳng tới Thiên Chúa, nhưng muốn Thiên Chúa đến ngay vào những quyến luyến lệch lạc của họ, và do đó họ lấy phương tiện làm cứu cánh và cứu cánh làm phương tiện.	tiện, nhưng ngược lại, những phương tiện theo cứu cánh. [4]Chính điều này đã xảy đến cho nhiều người là những kẻ trước hết chọn kết hôn vốn lại là một phương tiện, và thứ đến chọn phụng sự Chúa trong việc kết hôn, vốn lại là cứu cánh. Cùng một cách thức như thế, những kẻ khác trước hết lại chọn có bổng lộc và sau đó phụng sự Thiên Chúa trong lối sống này. [5]Chính vì thế, những người này không tiến về Thiên Chúa bằng con đường ngay thẳng, nhưng họ muốn rằng Thiên Chúa đến ngay vào những quyến luyến lệch	quyết định kết hôn hay đạt được một chức vụ hay một bổng lộc trong Giáo Hội và như thế, chỉ sau đó mới phụng sự Thiên Chúa, [5]khi đảo lộn cứu cánh và phương tiện và không đi thẳng đến Thiên Chúa, nhưng bằng một cách quanh co, nỗ lực kéo Thiên Chúa vào những ước muốn vô trật tự của họ. [6]Mà, rõ ràng ta phải hành động ngược lại, bằng việc đề ra cho mình trước hết việc phụng sự Thiên Chúa như cứu cánh của chúng ta và sau đó chọn lựa hôn nhân hay giáo sĩ và tất cả những điều khác, trong mức độ điều đó sinh ích lợi, bằng cách sắp xếp

nên bản V, bản dịch của de Frusius chỉ nói trống bằng một cụm từ: "sử dụng ba cuộc tâm sự trước đây". Vì cách nói này thiếu chính xác nên cha Polanco đã thêm cụm từ: "của bài Hai Cờ Hiệu" vào ngay câu văn trên của Frusius. Như vậy, cha Polanco đã làm cho cuộc tâm sự của bài Ba Cách khiêm nhường được trực tiếp qui về cuộc tâm sự của bài Hai Cờ Hiệu.

Thế nhưng khi làm như thế, cha Polanco tỏ ra không hiểu cách qui chiếu của thánh I-nhã. Lẽ ra cuộc tâm sự ở đây phải qui về cuộc tâm sự của bài Hai Cờ Hiệu, nhưng thánh I-nhã vẫn buộc phải qui về cuộc tâm sự của bài Ba Mẫu Người. Tại sao? Thưa vì cuộc tâm sự của bài Ba Mẫu Người có một giải thích rất quan trọng. Giải thích ấy cho thấy nếu chủ thể không có sự bình tâm với sự nghèo khó vì lòng quyến luyến lệch lạc, thì để diệt nó đi, người ấy phải nài xin Chúa cho được sự nghèo khó thực sự cho dù ngược với ý xác thịt (157). Giải thích này cũng gợi cho họ phải làm một việc tương tự trong cuộc tâm sự này nếu thao viên thấy có tâm tình ngược lại với con đường của Đức Ki-tô "ở đây và lúc này" (hic et nunc). Mà con đường Đức Ki-tô lúc này nằm ở phạm vi tình yêu nên

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Như vậy cái mà lẽ ra họ phải đặt lên hàng đầu thì họ lại để xuống hàng cuối, [6]vì trước hết, chúng ta phải lấy làm mục tiêu lòng khao khát phụng sự Thiên Chúa, vốn là [~~một~~] ***cứu cánh*** và thứ đến mới là việc nhận bổng lộc hay kết hôn hay nếu thấy việc đó thích hợp hơn đối với tôi, vì đó là phương tiện để tới mục đích. [7]Như vậy, không gì có	lạc của họ, và vì thế họ lấy phương tiện làm cứu cánh và lấy cứu cánh làm phương tiện. Như thế, điều lẽ ra họ phải xem xét và đặt lên đầu tiên, họ lại xem xét và đặt nó xuống cuối cùng, [6]vì mục tiêu tiên khởi mà chúng ta phải đề ra là ước muốn phụng sự Thiên Chúa, vốn là cứu cánh, và thứ đến là tiếp nhận bổng lộc hay tự	chúng theo cứu cánh mà chúng ta được dựng nên. [7]vì thế không một điều gì có thể thúc đẩy chúng ta sử dụng hay loại bỏ bất cứ một phương tiện nào, nếu trước hết người ta không thực sự lưu tâm đến cả việc ca ngợi Thiên Chúa lẫn việc cứu rỗi của chúng ta.

một với Ngài chứ không dừng lại ở phạm vi tình yêu tự nhiên vốn đòi hỏi sự bình tâm của mẫu người thứ ba nữa (155).

Trong tuần ba, thánh I-nhã cũng đưa ra một việc giải thích tương tự như thế khi dẫn thao viên vào việc chiêm ngắm cuộc khổ nạn của Chúa (199). Giải thích này củng cố lập trường của chúng ta khi thánh I-nhã nói: "nghĩa là tùy theo như tôi đang bị cám dỗ hay được an ủi, theo như tôi được nhân đức này hay nhân đức khác.... có thể làm ba cuộc tâm sự: một với Đức Mẹ, một với Chúa Con, và một với Đức Chúa Cha, theo cùng một hình thức như đã chỉ dẫn ở tuần thứ hai trong bài gẫm về Ba Người, cùng với lời ghi chú liền sau các hạng người đó (199^{4b-5}).

A.II.5. VIỆC CHỌN LỰA BẬC SỐNG

1/ Lời phi lộ suy xét bậc sống: (chúng ta đã chú giải ở số 135)

2/ Lời phi lộ để làm việc chọn lựa (169)

Vận hành Linh Thao của thánh I-nhã đạt đến đỉnh cao là cách khiêm nhường thứ ba (167), nghĩa là ở đó thao viên không chỉ đạt đến sự bình tâm của mẫu người thứ ba (155) hay của cách khiêm nhường thứ hai (166^{1-2a}), mà còn đạt đến tình yêu nên một với Đức Ki-tô của cách khiêm nhường thứ ba. Đó không chỉ là ơn huệ của Thiên Chúa (98;147), mà còn là một xác tín mãnh liệt của chính chủ thể tập luyện nữa (167^{2-3}).

Tuy nhiên đây lại không phải là một xác tín suông mang tính lý thuyết, nhưng xác tín ấy phải được diễn tả một cách cụ thể trong một lối sống hay một bậc sống. Bởi lẽ mỗi bậc sống đều có những điều kiện thích hợp và cụ thể cho việc phụng sự Chúa và mưu ích cho linh hồn. Vì lẽ này mà sau khi suy xét về ba cách

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thể thúc đẩy tôi lấy hoặc bỏ phương tiện này hay bỏ phương tiện kia, nếu không phải chỉ là để phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta và cứu rỗi linh hồn tôi đời đời.	ràng buộc vào hôn nhân, nếu điều ấy ích lợi cho tôi hơn, vốn là phương tiện để đạt tới cứu cánh. [7]Sau cùng, không một điều gì có thể thúc đẩy tôi tiếp nhận những phương tiện như thế hoặc loại bỏ chúng, nếu không phải chỉ là việc phụng sự	

---

khiêm nhường, thánh I-nhã dẫn thao viên vào cuộc chọn lựa bậc sống hay ơn gọi (175-188) để cụ thể hoá lối sống của Đức Ki-tô qua việc cải thiện và canh tân (189). Từ đây, ta có thể nói rằng việc chọn lựa bậc sống thuộc về việc chọn lựa không thể thay đổi (171), còn việc cải thiện và canh tân thuộc về việc chọn lựa có thể thay đổi (174). Vì chân tướng cũ của thao viên sẽ biểu lộ tuỳ vào nơi chốn, mối tương quan, nghề nghiệp và cả bậc sống nữa (56, theo bản P).

Để dẫn thao viên bước vào cuộc chọn lựa, khởi đầu ngài đưa ra lời phi lộ để giúp hiểu ý nghĩa của nó: việc chọn lựa tự bản chất là công việc tìm kiếm một phương tiện thích hợp để giúp mình đạt đến cứu cánh (169^{2-3}). Nhưng trong kinh nghiệm cho thấy, có những người hành động ngược lại, nghĩa là tráo đổi phương tiện và cứu cánh (169^{4}). Đó là cách hành xử sai lầm vì đã lôi kéo Thiên Chúa vào sự quyến luyến lệch lạc của mình (154). Vậy, thao viên phải hành xử cho đúng nguyên tắc ở đây: đặt việc ao ước muốn phụng sự Thiên Chúa làm cứu cánh, rồi sau đó lấy những ơn gọi, bậc sống khác nhau làm phương tiện để thực hiện việc chọn lựa cho chính xác (169^{6-7}).

Trong bản A, Thánh I-nhã đã chỉnh sửa bản văn và cho thấy việc phụng sự Thiên Chúa là cứu cánh chứ không phải là một cứu cánh. Các bản văn P và V cũng viết theo sự chỉnh sửa này (169^{6}).

3/ Đặc tính của việc chọn lựa (170-174)

Bản A không xác định tựa đề cho những số này mà coi như một đòi hỏi khi viết: "Để phải chọn lựa những gì, gồm bốn điểm và một ghi chú" (170). Còn bản P cho đây là "lời khuyên" hay bản V gọi là "lời dẫn nhập" để làm việc chọn lựa với bốn điểm và một ghi chú (170^{1}). Thực chất chúng ta có thể chia làm hai vấn đề chính yếu trong việc chọn lựa:

a/ Về tính chất của đối tượng trong việc chọn lựa (170^{2})

Điều cần thiết ở đây cho thấy rằng đối tượng của việc chọn lựa không phải là bất

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	và ca ngợi Chúa là Thiên Chúa chúng ta và việc cứu rỗi đời đời linh hồn tôi.	
170. [1]ĐỂ BIẾT PHẢI CHỌN LỰA NHỮNG GÌ, GỒM BỐN ĐIỂM VÀ MỘT GHI CHÚ.	**170.** [1]LỜI KHUYÊN ĐỂ NHẬN BIẾT NHỮNG ĐIỀU TA PHẢI LÀM VIỆC CHỌN LỰA, GỒM BỐN ĐIỂM VÀ MỘT CHÚ DẪN.	**170.** [1]LỜI DẪN NHẬP ĐỂ CÓ MỘT SỰ HIỂU BIẾT VỀ CÁC ĐIỀU PHẢI CHỌN LỰA GỒM BỐN ĐIỂM VÀ MỘT CHÚ DẪN NGẮN.
[2]*Điểm nhất:* điều cần thiết là tất cả những điều	[2]*Điểm thứ nhất*: điều cần thiết là tất cả những điều nơi đó chúng ta	[2]*Điểm thứ nhất*: tất cả mọi sự thuộc phạm vi của

cứ đối tượng nào. Có hai yếu tố liên hệ đến đối tượng:

- Yếu tố thứ nhất về tính chất của nó được cả ba bản văn xác định với cùng một nội dung: phải tốt hoặc không tốt không xấu theo bản A và P; còn bản V xác định tính chất chặt chẽ hơn: "Phải thiết yếu tự nó là tốt hoặc trong mọi trường hợp không được xấu" (170[2]). Cách định tính của V loại trừ đặc tính thứ hai của A và P.
- Yếu tố thứ hai được viết theo dạng bổ túc nơi các bản văn. Bản A đòi tính chiến đấu trong Giáo Hội, trong khi hai bản còn lại chỉ cần qui định phạm vi: "ở trong Giáo Hội" (P) hay "phù hợp với qui luật của Giáo Hội" (V).

Tóm lại, đối tượng việc chọn lựa không là điều xấu và không ở ngoài sự cho phép của Giáo Hội chiến đấu.

b/ Hai loại đối tượng (171-174)

- Trước hết là việc chọn lựa không thể thay đổi (171-172): sau khi phân biệt hai loại chọn lựa có thể đổi và không thể đổi (171), thánh I-nhã bàn ngay đến việc chọn lựa không thể đổi. Đó là ơn gọi của những người đã sống trong một bậc sống cố định hoặc hướng về một trong những bậc sống đó.

Hai loại người này có điểm giống nhau, nhưng cũng có khác biệt. Họ giống nhau ở chỗ nếu đã chọn lựa đúng, họ không chọn lựa lại vì ơn gọi tự nó không thể thay đổi được nữa. Họ chỉ còn thực hiện điều có thể thay đổi liên quan đến việc canh tân bậc sống mà thôi (189).

Tuy nhiên họ lại có điểm khác nhau: đối với những người đã sống trong một bậc sống cố định, dù việc chọn lựa trước đây là một chọn lựa sai lầm và không phải phép, vì qui theo những quyến luyến lệch lạc, họ cũng không được chọn lại mà

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nơi đó chúng ta muốn làm việc chọn lựa, tự chúng phải không tốt không xấu, hoặc tốt và phải chiến đấu trong lòng Mẹ Thánh Giáo Hội phẩm trật, chứ không phải là những điều xấu hay những điều đi ngược với Giáo Hội.	muốn làm việc chọn lựa tự chúng phải không tốt không xấu, hoặc phải tốt và được nằm ở trong lòng Mẹ chúng ta là Giáo Hội phẩm trật, và phải không xấu hoặc không đi ngược lại với Giáo Hội.	một cuộc chọn lựa phải thiết yếu tự nó là tốt, hoặc trong mọi trường hợp không được xấu và chỉ là những điều phù hợp với những qui luật của Giáo hội chính thống, Mẹ chúng ta.
171. [1]*Điểm hai*: có những điều vốn thuộc về việc chọn lựa không thể thay đổi, chẳng hạn như chức linh mục, hôn nhân...; [2]còn những điều khác thuộc về việc chọn lựa có thể thay đổi, chẳng hạn như nhận lãnh hay khước từ bổng lộc, nhận	**171.** [1]*Thứ hai*: có những điều thuộc về một việc chọn lựa không thể thay đổi, như chức linh mục, hôn nhân, v.v.; [2]cũng có những việc chọn lựa khác thuộc về chọn lựa có thể thay đổi, như nhận lãnh một bổng lộc hay từ bỏ nó, tiếp nhận của cải đời	**171.** [1]*Thứ hai*: hai loại sự việc nằm ở trong phạm vi của một việc chọn lựa. Thật vậy, việc chọn lựa về một số điều thì không thay đổi, như việc chọn lựa về bậc giáo sĩ và bậc hôn nhân; [2]việc chọn lựa về các điều khác thì có thể thay đổi, như việc

chỉ còn sám hối và thực hiện việc canh tân đời sống hiện tại của mình nơi việc chọn lựa có thể thay đổi ngang qua môi trường sống.

Ngược lại, người đang hướng về một trong những bậc sống đó, một khi đã chọn lựa sai lầm, họ vẫn thuộc về phạm vi của việc chọn lựa có thể thay đổi và họ có thể áp dụng việc chọn lựa lại theo ghi chú 174.

Về điểm thứ ba của đề tài phải chọn lựa những gì, thánh I-nhã bàn về việc chọn lựa không thể thay đổi mà một khi đã làm rồi thì không được chọn lại nữa. Vấn đề còn lại nếu đã không chọn lựa đúng, chủ thể phải sám hối và canh tân cuộc sống theo điều mình đã chọn. Ở đây bản A có sự sai sót khi nói về việc sám hối và canh tân. Bản A nói: "chỉ còn phải xem xét nếu mình đã không làm việc chọn lựa cho phải phép và theo cách thức đúng trật tự, không có những quyến luyến lệch lạc, thì ăn năn hối hận..." (172[2]). Bản P đã sửa lại ý tưởng này khi nói rằng: "nếu việc chọn lựa đã không được thực hiện như phải làm và một cách có trật tự, **nghĩa là không có những quyến luyến lệch lạc**, ngay khi ta sám hối, ta sẽ cố gắng xếp đặt cuộc sống mình cho am hợp với việc đã chọn lựa". Thực ra việc sửa chữa này cũng không đi xa hơn vì ở đó chủ thể vẫn còn qui theo những quyến luyến lệch lạc. Vậy cụm từ "không có những quyến luyến lệch lạc ở A phải sửa là "có những quyến luyến lệch lạc".

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lãnh hay loại bỏ những của cải đời này.	này hay khước từ chúng.	chọn lựa bổng lộc thuộc giáo hội hay thuộc thế tục vốn được phép, vì lý do chính đáng, tiếp nhận hay từ bỏ.
172. [1]*Điểm ba*: trong việc chọn lựa không thể đổi, một khi việc chọn lựa đã được làm một lần rồi, thì không được chọn lại nữa, vì không thể tháo bỏ được, chẳng hạn như việc hôn nhân, chức linh mục,...; [2]chỉ còn phải	**172.** [1]*Thứ ba*: trong việc chọn lựa không thể thay đổi, đã được làm một lần cho tất cả, không còn phải chọn lại nữa, vì nó không thể cắt bỏ, như hôn nhân, chức linh mục, v.v., [2]người ta chỉ còn phải xem xét rằng, nếu	**172.** [1]*Thứ ba*: về những điều ở đó một sự chọn lựa không thể thay đổi đã được thực hiện, thì không còn gì phải chọn lựa nữa. [2]Nhưng phải suy xét rằng, nếu một ai đó đã chọn lựa một điều mà không được phép đặt lại

Khi giải thích về việc chọn lựa không thể thay đổi mà chủ thể đã không chọn lựa cho phải phép, bản văn A đánh giá rằng: "Một việc chọn lựa như thế, chúng ta không thể nói đó là ơn gọi". Thánh I-nhã đã gạch bỏ câu: "chúng ta không thể nói đó là ơn gọi" và thêm vào câu***: "không cho thấy đó là một ơn thiên triệu"*** **(172[3]).** Khi giải thích ý nghĩa sau đó, ngài cũng thêm tính từ ***"thần linh"*** vào danh từ "ơn kêu gọi" để câu văn thành "như có nhiều người lẫn lộn trong việc ấy, lấy sự chọn lựa lệch lạc hay xấu xa làm ơn kêu gọi ***thần linh***" (172[4]). Các bản P và V đều viết theo bản sửa này.

- Sau nữa là việc chọn lựa có thể thay đổi (173-174): việc chọn lựa có thể thay đổi nằm trong phạm vi của những người muốn hướng về một ơn gọi cố định hoặc chưa bị ràng buộc vào một ơn gọi cố định nên việc chọn lựa của họ vẫn thuộc về một chọn lựa có thể thay đổi.

Đối với những người này, cũng có hai trường hợp xảy ra: trường hợp thứ nhất được thánh I-nhã đề cập ở số 173. Nếu họ đã chọn lựa phải phép và đúng trật tự, nghĩa là không qui theo ý xác thịt và tinh thần thế gian, họ không phải làm việc chọn lựa lại. Họ chỉ thực hiện việc chọn lựa có thể thay đổi liên quan đến việc canh tân trên con đường thiên triệu mà họ đang hướng tới (189).

Ngược lại, trường hợp thứ hai cũng dành cho những người này, nhưng nếu trước đây họ đã không làm việc chọn lựa một cách chân thành và đúng trật tự, họ nên làm cho đúng phép vào lúc này (174) và cũng làm việc chọn lựa có thể thay đổi liên quan đến việc canh tân để sinh hoa trái thiêng liêng cách cụ thể.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
xem xét nếu mình đã không làm việc chọn lựa cho phải phép và theo cách thức đúng trật tự, không theo những quyến luyến lệch lạc, thì ăn năn hối hận và rồi cố gắng sống một đời sống tốt lành trong điều mình đã chọn lựa. [3]Một việc chọn lựa như vậy không ~~[chúng ta không thể nói đó là ơn gọi]~~ ***cho thấy đó là một ơn thiên triệu***, vì đó là một cuộc chọn lựa vô trật tự và lệch lạc, [4]như có nhiều người lầm lộn trong việc ấy, lấy sự chọn lựa lệch lạc hay xấu xa làm ơn kêu gọi ***thần linh***, [5]vì mọi ơn thiên triệu bao giờ cũng trong sáng và rõ ràng, không pha trộn chút gì từ	việc chọn lựa đã không được thực hiện như phải làm và một cách có trật tự, nghĩa là không theo những quyến luyến lệch lạc, ngay khi ta sám hối, ta sẽ cố xếp đặt cuộc sống của mình am hợp với việc đã chọn lựa; [3]việc chọn lựa này tỏ ***cho thấy không phải là một ơn thiên triệu,*** vì nó đã là một việc chọn lựa vô trật tự và lệch lạc; [4]nhiều người lầm lẫn về điều đó, khi lấy một việc chọn lựa lệch lạc hay xấu xa làm một ***ơn thiên triệu***, [5]vì mọi ơn thiên triệu thì trong suốt và không có bất cứ sự pha trộn nào từ xác thịt hay từ một quyến luyến lệch lạc nào.	vấn đề một cách thiếu suy xét và không phải là không có lòng quyến luyến sai lệch, với người ấy chỉ còn lại là phải bắt đầu sám hối ngay về điều mình đã làm, bù lại những thiệt hại của sự chọn lựa này bằng sự liêm khiết với cuộc sống của mình và sự trung tín với hành động của mình; nhưng chẳng còn gì thích hợp để tháo lui nữa. [3]Tuy nhiên, một cuộc chọn lựa như thế ***dường như không phải là một ơn thiên triệu*** vì nó lệch lạc và nông nổi. [4]Một số lớn người ta đã sai lầm về điều đó, khi cho một việc chọn lựa xấu xa và lệch lạc ***là một ơn thiên triệu***, [5]trong khi đó một ơn gọi luôn phải

---

4/ Ba thì của việc chọn lựa (175-188)

a/ Tổng quát.

Trong sách Linh Thao, thánh I-nhã qui cả hai việc chọn lựa không thể thay đổi (171-172) lẫn có thể thay đổi (173-174) về ba thì. Trong những ghi chú về việc chỉ dẫn cho Linh Thao, dù ngài nói đến ba thì, nhưng khi giải thích lại trở thành bốn cách *(Ignace de Loyola, Notes pour un Directoire des Exercices, (notes autographes), III, N.18-20).* Nhưng đích thực việc chọn lựa được thực hiện bởi ba thì mà mỗi thì am hợp với một tài năng của linh hồn trong đó thì cuối cùng có hai cách (178). Điều thánh I-nhã muốn nhấn mạnh để cho thấy mỗi thì và mỗi cách đều đạt đến kết quả chính xác nếu chủ thể thực hiện đúng quy tắc. Vì nơi mỗi thì và mỗi cách, thánh I-nhã đều ghi nhận cụm từ "để làm việc chọn lựa tốt đẹp và lành mạnh (175[1]; 178[2]; 184[1]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ý xác thịt hay một quyến luyến lệch lạc nào khác.		trong suốt và rõ ràng không pha trộn bất cứ một chút quyến luyến xác thịt hay bất cứ một việc tìm kiếm tồi bại nào.
173. [1]*Điểm bốn*: nếu người nào đã chọn lựa phải phép và đúng trật tự về những điều thuộc về sự chọn lựa có thể thay đổi, không theo xác thịt hay thế gian, [2]thì không có lý do để làm việc chọn lựa một lần nữa, nhưng chỉ phải hoàn thiện trong sự chọn lựa ấy bao nhiêu có thể.	**173.** [1]*Thứ tư*: nếu ai làm một việc chọn lựa như phải phép và theo đúng trật tự về những điều thuộc một việc chọn lựa có thể thay đổi, mà không pha trộn chút tính xác thịt hay thế gian nào, [2]thì không có lý do để làm lại việc chọn lựa một lần nữa, nhưng chúng ta phải nỗ lực hoàn thiện ở điều này bao nhiêu có thể.	**173.** [1]*Thứ bốn*: Nếu một ai đã chọn lựa như phải phép và theo đúng trật tự một điều gì có thể thay đổi, mà không có quyến luyến xác thịt, [2]thì không có lý do gì để hủy bỏ một chọn lựa như thế, nhưng đúng hơn người ấy phải nỗ lực rút lấy ích lợi càng ngày càng hơn.
174. [1]*Ghi chú*: nên chú ý rằng, nếu một việc chọn lựa có thể đổi mà đã không làm cho thành thật và đúng trật tự, [2]thì điều	**174.** [1]Cần chú ý rằng, nếu một việc chọn lựa như thế đã không được làm cách thành thật và đúng trật tự cho đủ, [2]thì	**174.** [1]Cần phải ghi chú rằng, nếu việc chọn lựa về những điều có thể thay đổi như thế không được tiến hành cách ngay

b/ Thì thứ nhất, thì của tình yêu (175[2-3])

Vấn đề được nêu lên: đây là loại chọn lựa nào?

- Để có thể đưa ra giải đáp, chúng ta phân tích bản văn. Trước hết, tất cả ba bản văn đều xác định "ý muốn" là hoạt động duy nhất được nói đến ở đây. Đó là"khi Thiên Chúa, Chúa chúng ta đánh động và lôi kéo ý muốn" (A); hay ngược lại "lôi kéo và đánh động ý muốn" (P); hay chỉ "đánh động ý muốn" (V) mà thôi (175[2a]) - Thứ đến, sự lôi kéo hay đánh động này của Thiên Chúa đem đến cho chủ thể một sự chắc chắn đến nỗi chủ thể "không nghi ngờ và không thể nghi ngờ được" (A, P) hoặc theo V đến nỗi "mọi nghi ngờ và ngay cả mọi khả thể nghi ngờ đều bị xóa tan đi" (175[2b]). Sự chắc chắn này thuộc về Thiên Chúa và rõ ràng đến nỗi chủ thể chỉ còn tuân theo, nghĩa là chỉ còn đem ra thực hành điều đã được chỉ vạch.
- Thế nhưng có phải bất cứ ai có được sự tác động như thế đều có thể thực hiện

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
có ích lợi vào lúc này là làm lại việc chọn lựa cho đúng phép dành cho những ai ao ước sinh hoa trái đáng kể và rất đẹp lòng Thiên Chúa, Chúa chúng ta.	điều có ích lợi nên làm một việc chọn lựa cho phải phép, đối với người khao khát làm phát sinh hoa trái đáng kể và đẹp lòng Thiên Chúa.	thẳng và thành thật, [2]thì điều có ích lợi là sửa đổi việc chọn lựa đó để có thể làm phát sinh hoa trái dồi dào hơn và đẹp lòng Thiên Chúa hơn.
175. [1]VỀ BA THÌ MÀ MỖI THÌ CÓ THỂ LÀM VIỆC CHỌN LỰA LÀNH MẠNH VÀ TỐT LÀNH	**175.** [1]BA THÌ ĐỂ LÀM MỘT VIỆC CHỌN LỰA LÀNH MẠNH VÀ TỐT LÀNH.	**175.** [1]BA THÌ THUẬN LỢI HƠN ĐỂ LÀM NHỮNG VIỆC CHỌN LỰA CÁCH NGAY THẲNG
[2]*Thì thứ nhất*: là khi Thiên Chúa, Chúa chúng ta đánh động và lôi kéo ý muốn đến nỗi không hồ nghi và cũng không thể hồ nghi; linh hồn sốt mến tuân theo điều đã được chỉ vạch; [3]thánh Phao-lô và thánh Mát-thêu đã làm như thế khi các ngài theo Đức Ki-tô Chúa chúng ta.	[2]*Thì thứ nhất* là khi Chúa, Thiên Chúa chúng ta lôi kéo và đánh động ý muốn đến nỗi, không nghi ngờ và không thể nghi ngờ, linh hồn sốt mến tuân theo điều được tỏ ra; [3]đó là điều mà thánh Phao-lô và thánh Mát-thêu đã làm khi đi theo Đức Ki-tô Chúa.	[2]*Thì thứ nhất* là khi sức mạnh của thiên Chúa đánh động ý muốn đến nỗi đều bị xóa tan đi khỏi linh hồn mọi nghi ngờ và ngay cả mọi khả thể nghi ngờ vốn ngăn cản linh hồn ấy theo đuổi một sự thúc đẩy như thế, [3]như chúng ta đọc thấy rằng điều đó đã xảy đến cho thánh Phao-lô, thánh Mát-thêu và số đông những người khác khi Đức Ki-tô kêu gọi họ.
176. *Thứ hai*: khi nhận	**176.** *Thì thứ hai* là khi ta	**176.** *Thứ hai* là mỗi lần ý

cách chọn lựa này không? Chắc chắn không. Tuy nhiên, cứ theo mạch văn thì bản V xem ra ủng hộ quan điểm này, vì V không xác định đặc tính hay phẩm chất của chủ thể. Để đi vào phân tích, chúng ta cần lưu ý đến hai yếu tố: thứ nhất, cả ba bản văn đều xác định Thiên Chúa là chủ thể của việc tác động hay lôi kéo – thứ hai, thụ nhân tiếp nhận sự tác động hay lôi kéo phải là một "linh hồn sốt mến" theo A và P.

"Linh hồn sốt mến" là một thuật ngữ chuyên biệt mà bản V đã không quan tâm đủ. Ta thấy thánh I-nhã sử dụng thuật ngữ này ba lần: lần thứ nhất, khi giới thiệu phương pháp Linh Thao của mình, ngài hứa cho thao viên mức độ thiêng liêng họ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
được đủ ánh sáng và sự hiểu biết bởi kinh nghiệm về những an ủi và sầu khổ, cũng như bởi kinh nghiệm về việc nhận định thần lành và thần dữ khác nhau.	nhận được và nhận biết nhiều ánh sáng và sự hiểu biết, một phần bởi kinh nghiệm về những an ủi và sầu khổ, một phần bởi kinh nghiệm về việc nhận định các thần loại khác nhau.	muốn tốt lành của Thiên Chúa tỏ lộ ra khá rõ ràng và hiển nhiên, bằng việc học biết ý muốn ấy nhờ vào kinh nghiệm trước đó về những an ủi, những sầu khổ và những thần loại khác nhau.

---

sẽ đạt được là mức độ của "linh hồn sốt mến" ở đó người hướng dẫn không được can thiệp vào, nhưng phải để cho Thiên Chúa trực tiếp hành động nơi họ (15^{3-6}). Bản V cũng sử dụng thuật ngữ "linh hồn sốt mến" này ở đây – lần thứ hai, thánh I-nhã sử dụng thuật ngữ này cho việc chọn lựa của thì thứ nhất, khi nói họ được Thiên Chúa trực tiếp đánh động và lôi kéo ý muốn của họ (175^{2}). Ở chỗ này, chỉ có bản V không định tính là linh hồn sốt mến – lần thứ ba, thuật ngữ được đề cập đến trong bộ nhận định thần loại thứ hai. Thánh I-nhã nói về những người này là những người mà thiên thần dữ có thể đội lốt thiên thần lành đến cám dỗ họ (332^{1}), vì họ là những người được lãnh nhận sự an ủi có nguyên do trước (331). Dù không định tính họ là ai (332), bản V cũng phải thừa nhận như vậy. Vì chỉ những người nhận an ủi này mới bị các thiên thần dữ cám dỗ dưới dạng thần ánh sáng (331). Mà theo các bản khác, họ được định tính là những "linh hồn sốt mến" theo A và P và cả "linh hồn công chính" theo A (332). Vậy từ các bản văn khác, chúng ta có thể xác định rằng chỉ có những linh hồn này mới nhận được sự an ủi có nguyên do trước và mới có thể có được việc chọn lựa ở thì thứ nhất này, nếu Thiên Chúa thực hiện nơi họ một tác động như thế vào ý muốn. Cũng từ các bản văn trên, chúng ta được phép kết luận rằng V thiếu tính từ "sốt mến" khi so với A và P và cả tính từ "công chính" nếu so với A cho danh từ "linh hồn" nơi hai số 175^{2} và 332.

Qui về Linh Thao tuần hai, ta thấy ngay từ khởi đầu thao viên đã xin được noi gương Chúa Ki-tô (98) để sống dưới cờ hiệu của Ngài (147) và sau cùng quyết định mặc lấy y phục của Ngài ở cách khiêm nhường thứ ba (167). Nếu họ đạt tới xác tín mạnh mẽ như thế, họ đã được sống trong mối tương quan tình yêu với Chúa Ki-tô ở bình diện chủ động và ý thức. Và nếu trong chọn lựa bậc sống, Thiên Chúa trực tiếp đánh động và lôi kéo ý muốn họ, thì chắc chắn họ là những linh hồn sốt mến và đạt tới mức độ của sự an ủi có nguyên do trước. Chính họ chứ không ai khác có khả thể thực hiện việc chọn lựa của ý muốn vốn có sự chắc chắn đến nỗi không hồ nghi và cũng không thể hồ nghi. Tác động chắc chắn hoàn toàn từ Thiên Chúa, nhưng con người vẫn hoàn toàn tự do để quyết định.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
177. [1]*Thì thứ ba* là thì yên tĩnh; trước hết suy xét con người sinh ra để làm gì, tức là để ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta, và để cứu rỗi linh hồn mình. [2]Và với lòng ước ao điều đó, chọn làm phương tiện, một cuộc sống hay một bậc sống trong lòng Giáo Hội, để gặp được ở đó sự giúp đỡ cho việc phụng sự Chúa và cứu rỗi linh hồn mình. [3]Tôi nói, thời kỳ yên tĩnh, nghĩa là khi linh hồn không bị xao động bởi các thần loại khác nhau, và sử dụng những tài năng tự nhiên của mình cách tự do và yên tĩnh.	**177.** [1]*Thì thứ ba* là yên tĩnh, khi ta suy xét trước hết cứu cánh vì đó ta đã được dựng nên, nghĩa là để ngợi khen Thiên Chúa và để cứu rỗi linh hồn mình, [2]và một khi ước ao điều đó, ta chọn làm phương tiện cuộc sống này hay bậc sống kia vốn ở trong lòng Giáo Hội, để như thế có thể tìm thấy một sự giúp đỡ để phụng sự Chúa của mình và để cứu rỗi linh hồn mình. [3]Ta gọi thì này là yên tĩnh, khi linh hồn không bị xao động bởi các thần loại khác nhau, nhưng sử dụng cách tự do và yên tĩnh những tài năng tự nhiên của mình.	**177.** [1]*Thứ ba* là khi, trong sự yên tĩnh của linh hồn, sau khi đã suy xét cứu cánh vì đó con người được dựng nên (nghĩa là làm vinh danh Thiên Chúa và cứu rỗi linh hồn chúng ta), [2]ta chọn một cách sống vốn được xác định, được thiết lập trong lòng Giáo Hội Công Giáo, như phương tiện từ đó ta hướng đến cứu cánh của mình cách dễ dàng và chắc chắn hơn. [3]Mà ta nhận biết rằng sự yên tĩnh này có được mỗi khi linh hồn, không bị xao động bởi bất cứ thần loại nào để sử dụng những năng lực tự nhiên của mình một cách tự do.

Người thanh niên giàu có có hoàn toàn tự do khi từ chối (Mc 10, 17-27). Các môn đệ cũng có hoàn toàn tự do khi đi theo Đức Ki-tô (Mc 1, 16-20).

- Khi đưa ra chân dung thánh Mát-thêu và thánh Phao-lô làm mẫu, ta vẫn thấy không có sự khác biệt nền tảng giữa các ngài với chúng ta về điều này. Chắc chắn sự khác biệt nằm ở chỗ hoặc các ngài được gọi khi Chúa Ki-tô còn sống ở trần gian (Mt 9,9), hoặc các ngài được gọi trong một biến cố phi thường (Cl 1,11-24), nghĩa là trong những hoàn cảnh và điều kiện sống khác nhau, nhưng điều chính yếu vẫn là Thiên Chúa đánh động và lôi kéo ý muốn của các ngài. Bản V thêm vào một cụm từ: "và số đông những người khác khi Đức Ki-tô kêu gọi họ" (175[3]). Cụm từ này cho thấy rằng, dù chủ thể là ai cũng có thể được tác động như thế nếu họ đạt tới tình yêu nên một với Đức Ki-tô ở cấp độ ý thức và nếu Thiên Chúa thực hiện nơi họ một tác động như thế trên ý muốn.

c/ Thì thứ hai, thì của cảm xúc (176)

Thì này là thì của việc nhận định thần loại vốn dựa vào sự chuyển biến của cảm

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
178. [1]Nếu cuộc chọn lựa không làm được trong thì thứ nhất hay thứ hai, sau đây là hai cách để chọn lựa theo thì thứ ba.	**178.** [1]Nếu việc chọn lựa không làm được trong thì thứ nhất hoặc thì thứ hai, đây là hai cách để làm việc chọn lựa theo thì thứ ba.	**178.** [1]Vì thế, nếu việc chọn lựa không làm được nhờ vào thì thứ nhất hoặc thì thứ hai, khi đó ta có thể chạy đến thì thứ ba, ở đó ta phân biệt có hai cách sau đây:
[2]CÁCH THỨ NHẤT ĐỂ LÀM VIỆC CHỌN LỰA LÀNH MẠNH VÀ TỐT LÀNH, GỒM SÁU ĐIỂM:	[2]CÁCH THỨ NHẤT ĐỂ LÀM MỘT VIỆC CHỌN LỰA LÀNH MẠNH VÀ TỐT LÀNH, BAO GỒM SÁU ĐIỂM.	[2]CÁCH THỨ NHẤT ĐỂ LÀM MỘT CUỘC CHỌN LỰA LÀNH MẠNH VÀ TỐT LÀNH. CÁCH NÀY GỒM SÁU ĐIỂM.
[3]*Điểm thứ nhất* là đặt mình trước những điều tôi toan chọn lựa, chẳng hạn một chức vụ hay bổng lộc phải tiếp nhận hay để lại, hoặc bất cứ điều gì khác vốn thuộc về sự chọn lựa có thể	[3]*Điểm thứ nhất* là đặt trước mắt tâm hồn tôi điều vì đó tôi muốn làm việc chọn lựa, ví dụ như một chức vụ hay một bổng lộc mà chúng ta muốn tiếp nhận hay loại bỏ, hay bất cứ điều gì	[3]*Điểm thứ nhất* là đặt trước mình điều phải quyết định, thí dụ một chức vụ hay bổng lộc, bằng cách tự hỏi mình xem có phải tiếp nhận hay loại bỏ đi không; và cũng thế đối với tất cả

xúc. Vì đây là một cách thế để Thiên Chúa tỏ lộ ý muốn của Ngài theo V (176). Thế nhưng cảm xúc này phải có tiêu chuẩn khách quan làm cơ sở thẩm định đúng sai. Đó là Nguyên lý và Nền tảng ở hai cấp độ tự nhiên (23) và siêu nhiên (97).

Cả ba bản văn đều định tính những cảm xúc này qua từ ngữ "an ủi và sầu khổ" vốn là hệ quả của những tác động mà các thần để lại trên chủ thể chọn lựa. Vì vậy các bản văn cũng nói đến chính những tác nhân ấy: "thần lành và thần dữ" (A) hay "các thần loại khác nhau" (P,V).

Điều kiện để có thể thực hiện việc chọn lựa của thì thứ hai này là kinh nghiệm đã trải qua. Cả ba bản văn đều đòi hỏi kinh nghiệm này, nghĩa là đòi hỏi việc từng trải và quen biết để nhận biết an ủi và sầu khổ nào là của thần lành hay của thần dữ, bởi lẽ cả hai đều có thể an ủi (332) và cả hai đều có thể gây sầu khổ (314-315; 322[2-4]). Hai bản A và V vì thế không chỉ đòi hỏi kinh nghiệm về an ủi và sầu khổ mà cả kinh nghiệm về việc nhận định các thần loại. Bản P đưa ra ý niệm trung dung khi sử dụng từ ngữ "một phần" kèm theo những kinh nghiệm

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thay đổi được.	thuộc về việc chọn lựa có thể thay đổi.	những điều khác là đối tượng của một việc chọn lựa có thể thay đổi.
179. [1]*Thứ hai* là cần phải đặt làm mục tiêu cái cứu cánh vì đó tôi đã được dựng nên, là ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta và cứu rỗi linh hồn tôi; [2]lại nữa tôi phải giữ bình tâm, không có một quyến luyến lệch lạc nào, đến nỗi không hướng chiều và cũng không tha thiết để tiếp nhận điều đã được đề ra hơn là để lại hoặc để lại hơn là tiếp nhận; [3]nhưng tôi phải giữ mình như ở giữa một bàn cân để chỉ	**179.** [1]*Thứ hai*: cần phải đặt làm mục tiêu cái cứu cánh vì đó tôi đã được dựng nên, nghĩa là để ngợi khen Thiên Chúa chúng ta và để cứu rỗi linh hồn mình. [2]Hơn nữa tôi phải được bình tâm, không có một quyến luyến lệch lạc nào, đến nỗi tôi không bị nghiêng chiều hay bị thu hút để tiếp nhận sự việc có liên quan đến hơn là loại bỏ nó, hoặc ngược lại. [3]Nhưng tôi chỉ được ở trong tư thế thăng bằng	**179.** [1]*Thứ hai*: sau khi cứu cánh về sự tạo dựng của tôi vốn hệ ở việc tôi được cứu rỗi bằng cách ngợi khen Thiên Chúa được đặt trước mắt, [2]chẳng nghiêng chiều về phía bên này hoặc bên kia để tiếp nhận hay loại bỏ điều được đặt ra; [3]nhưng đúng hơn, tôi giữ mình như đứng tại một điểm ở giữa và trong trạng thái cân bằng, sẵn lòng hoàn toàn hướng về phạm vi của bên mà tôi nhận ra là phải phù hợp hơn với

đó.

Nhờ kinh nghiệm nhận định thần loại mà dần dà chủ thể nhận ra ý Chúa. Đó là điều mà bản V nhấn mạnh khi nói: "bằng việc học biết ý muốn ấy (của Thiên Chúa) nhờ vào những kinh nghiệm đã trải qua".

Tính chắc chắn của thì chọn lựa này không khởi đi từ một sự chắc chắn không thể nghi ngờ như thì thứ nhất ở trên, mà từ tính mù mờ không rõ ràng của chính nội dung việc chọn lựa. Thế nhưng nhờ những kinh nghiệm được từng trải của việc nhận định thần loại, chủ thể có thể vươn đến sự chắc chắn đích thực ở đó chính ý muốn của Thiên Chúa được biểu lộ. Vậy tiến trình vận hành của thì chọn lựa này là đi từ sự không chắc chắn đến sự chắc chắn vốn biểu lộ sự bình an lâu dài và sự phát triển không ngừng của đời sống thiêng liêng.

d/ Thì thứ ba, của lý trí (177)

Thánh I-nhã gọi là thì yên tĩnh. Thành ngữ muốn diễn tả "tình trạng nơi mà những điều kiện tương đối vững bền ngự trị, nơi mà những điều kiện ấy tỏ lộ một trật tự, một sự quân bình mà không bị tác động bởi bất cứ một sự thay đổi bất chợt hay tận căn nào" *(P. Robert, Dictionaire de la langue française, Société du Nouveau Litré,1972, tr. 2000).* Theo nghĩa này, thánh Inhã nói: "thời kỳ yên tĩnh

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nghiêng theo đàng nào tôi "cảm thấy" thích hợp hơn để làm vinh danh và ca ngợi Chúa và cứu rỗi linh hồn tôi.	để theo điều gì tôi cảm thấy làm vinh danh và ca ngợi Chúa là Thiên Chúa chúng ta hơn và cứu rỗi linh hồn mình hơn.	việc làm vinh danh Thiên Chúa và với việc cứu rỗi của tôi.
180. [1]*Thứ ba*: xin Thiên Chúa, Chúa chúng ta đoái thương đánh động ý muốn tôi và đặt vào linh hồn tôi điều tôi phải làm đối với điều đã được đề ra, để ngợi khen và làm vinh danh Chúa hơn, [2]bằng cách nghiền ngẫm đúng đắn và trung thành bằng trí hiểu của tôi, và chọn lựa hợp với ý muốn cực thánh và nhân lành của Người.	**180.** [1]*Thứ ba*: tôi sẽ nài xin Chúa, Thiên Chúa chúng ta đoái thương đánh động vào ý muốn của tôi và khêu gợi trong linh hồn tôi điều tôi phải làm và là điều sẽ làm vinh danh và ca ngợi danh Ngài hơn đối với sự việc có liên quan đến, [2]bằng cách nghiền ngẫm cách ngay thẳng và trung thành với trí hiểu và chọn lựa điều thích hợp với ý muốn cực thánh của Ngài.	**180.** [1]*Thứ ba*: cầu khẩn lòng nhân từ của Thiên Chúa Đấng chỉ dạy tâm hồn tôi và đem ý muốn tôi đến nơi mà tôi phải hướng mình về hơn, [2]tuy nhiên bằng cách sử dụng việc lý luận có tính đạo đức và trung thành của trí hiểu tôi, nhờ đó, sau khi đã nhận ra và cảm nghiệm được ý muốn của Thiên Chúa, tôi sẽ được dẫn đến việc chọn lựa.
181. [1]*Thứ bốn*: suy xét bằng cách luận lý xem sẽ có bao nhiêu ích lợi và	**181.** [1]*Thứ bốn*: tôi sẽ suy xét xem, một khi được dẫn dắt bởi lý trí, việc	**181.** [1]*Thứ bốn*: vì thế, cân nhắc để thấy sẽ có bao nhiêu ích lợi hay sự nâng

là khi linh hồn không bị xáo động bởi những thần lành hay thần dữ khác nhau và sử dụng những tài năng của mình cách tự do và yên tĩnh" (177[3]). Vậy thì chọn lựa này không những không được dựa vào cảm xúc mà còn đòi hỏi chủ thể phải làm chủ cảm xúc để việc chọn lựa được thực hiện đúng cách. Bởi lẽ đây là việc chọn lựa của ý chí dựa vào chân lý của lý trí vốn chỉ được tìm thấy qua mối tương quan giữa cứu cánh và phương tiện với điều kiện đòi hỏi là sự bình tâm (177[1-2]).

Quả vậy, trọng tâm của việc chọn lựa này nằm ở điểm thứ bốn đến thứ sáu của cách thứ nhất. Chúng ta thấy có mười động từ và hai danh từ liên quan đến lý trí, còn lại chỉ có một động từ và hai danh từ liên quan đến ý chí. Vì thế thánh I-nhã gọi đấy là thì mà chủ thể sử dụng những tài năng (A), hay những khả năng (P) hay những năng lực (V) tự nhiên của mình cách tự do (A,V) và yên tĩnh (A) (177[3]).

Thì chọn lựa thứ ba này gồm hai cách: cách thứ nhất gồm sáu điểm (178[2]-183[2]) và cách thứ hai gồm bốn quy tắc (184-188).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hoa trái phát sinh cho tôi khi có chức vụ hay bổng lộc nhằm chỉ để ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta và cứu rỗi linh hồn tôi mà thôi; [2]và ngược lại cũng thế, suy xét xem những bất lợi và nguy hiểm khi có điều ấy. [3]Cũng làm như vậy trong phần thứ hai, nghĩa là nhìn xem những ích lợi và hoa trái bởi khi không có điều ấy, và ngược lại cũng nhìn xem những bất tiện và nguy hiểm khi không có nó.	tiếp nhận một chức vụ hay một bổng lộc liên quan, làm phát sinh hoa trái và ích lợi bao nhiêu duy chỉ vào việc ngợi khen Thiên Chúa và việc cứu rỗi linh hồn tôi, [2]và ngược lại, tôi suy xét cùng một cách thức những bất lợi và những nguy hiểm phát sinh ra từ việc tiếp nhận và sở hữu những điều ấy. [3]Tôi sẽ làm như thế trong phần thứ hai, suy xét những ích lợi và hoa trái phát sinh ra do việc loại bỏ và từ chối, và ngược lại những bất lợi và những nguy hiểm.	đỡ để đạt đến cứu cánh của tôi nếu tôi tiếp nhận một chức vụ hay một bổng lộc như thế; [2]ngược lại có bao nhiêu bất lợi và nguy hiểm mà điều đó cho phép xảy ra. [3]Ngoài ra, nếu tôi từ bỏ những điều ấy, sẽ có bao nhiêu ích lợi và sự nâng đỡ cũng như bao nhiêu mạo hiểm và thiệt hại tôi có thể phải chờ đợi.

α) Cách thứ nhất (178^2-183^2)

Thánh I-nhã nói cách chọn lựa này gồm sáu điểm (178^2). Thực ra sáu điểm này chính là diễn tiến của một bài suy gẫm hay chiêm niệm trong cuộc Linh Thao: Tiền nguyện gồm việc đặt khung cảnh (178^2) và xin ơn (180); tiếp theo là các điểm cầu nguyện (181-182) và sau cùng là cuộc tâm sự (183). Tuy nhiên, cấu trúc của bài thao luyện này có thêm điều kiện phải có: sự bình tâm vốn được đặt trước việc xin ơn (179).

- Về tiền nguyện: sau khi lấy việc chọn lựa có thể đổi làm khung cảnh: chức vụ hay bổng lộc (178^2), thánh I-nhã cho chúng ta tập trung vào điều kiện của việc chọn lựa và việc xin ơn.

Chính việc xin ơn bộc lộ cho thấy những tài năng tự nhiên của việc chọn lựa (177^3) là những tài năng nào: ý muốn và trí hiểu. Quả vậy, chọn lựa là hành vi của ý muốn nên ơn xin cần thiết là "xin Thiên Chúa đánh động ý muốn" để thực hiện việc chọn lựa "hợp với ý cực thánh của Ngài" ($180^{1.2b}$). Tuy nhiên, việc chọn lựa ấy phải được soi sáng bằng sự suy xét của trí hiểu cách trung thành ở cả ba bản văn và cách đúng đắn theo A, ngay thẳng theo P và đạo đức theo V

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
182. [1]*Thứ năm*: sau khi đã nghiền ngẫm vấn đề và phản tỉnh dưới mọi khía cạnh như thế, về điều đã được đề ra tôi nhìn xem lý trí nghiêng về phía nào hơn, [2]và như thế, phải theo sự thúc đẩy mạnh nhất của lý trí chứ không theo sự thúc đẩy nào của tình cảm mà đưa đến quyết định về điều đã được đề ra.	**182.** [1]*Thứ năm*: sau khi đã tìm kiếm và ngẫm nghĩ, bên này và bên kia, về điều liên quan, tôi suy xét xem lý trí nghiêng về đâu hơn; [2]và như thế, tùy vào sự chuyển động mạnh nhất của lý trí và không pha trộn cảm xúc, việc quyết định về điều liên quan phải được thực hiện.	**182.** [1]*Thứ năm*: một khi điều đó đã được bảo đảm chắc chắn, luận lý theo nghĩa này và nghĩa khác [2]và tùy theo điều lý trí chỉ cho, khi tránh xa mọi thèm khát xác thịt, đưa ra quyết định cho cuộc chọn lựa.
183. [1]*Thứ sáu*: khi đã làm xong việc chọn lựa hay quyết định ấy, người đã chọn lựa phải mau mắn đi cầu nguyện trước	**183.** [1]*Thứ sáu*: một khi việc chọn lựa hay việc quyết định này đã được làm xong, người đã thực hiện điều đó phải trở lại	**183.** [1]*Thứ sáu*: sau khi việc chọn lựa đã được thực hiện, chạy ngay tức khắc đi cầu nguyện [2]và dâng cuộc chọn lựa cho

(180[2a]).

Để trí hiểu tìm được chân lý đích thực cho ý muốn chọn lựa, chủ thể phải có sự bình tâm. Bởi lẽ trí hiểu chỉ có thể tìm ra chân lý nơi chính nó nếu nó được giải phóng khỏi mọi lôi kéo của tình cảm và mọi quyến luyến lệch lạc. Điều này đòi buộc chủ thể phải đối diện với những cuộc đấu tranh với tình cảm nếu có, ngay cả khi gay cấn. Điều kiện này cần thiết đến nỗi họ phải giữ mình như ở giữa một bàn cân để chỉ nghiêng theo đàng nào họ cảm thấy hợp hơn để làm vinh danh và ca ngợi Chúa và cứu rỗi linh hồn mình (A/179[3]).

- Về các điểm: tài năng được sử dụng ở hai điểm đầu thuộc về trí hiểu (181-182). Bản A sử dụng những động từ: suy nghĩ, coi xem, xem xét, suy xét, cân nhắc với danh từ lý trí; bản P sử dụng động từ: suy xét, tìm kiếm, suy nghĩ, dẫn dắt bởi lý trí, với danh từ lý trí; bản V sử dụng động từ: cân nhắc, suy nghĩ với danh từ lý trí. Những chỉ dẫn trên cho thấy vai trò đặc ưu của trí hiểu trong việc truy tìm sự thật. Tiếp theo tài năng vận dụng được vận dụng cho việc chọn lựa lại là ý chí sau khi sự thật được lý trí tìm ra . Động từ quyết định (A), việc quyết định (P), đưa ra quyết định (V) được sử dụng dành cho việc chọn lựa này.

Ở điểm thứ tư, tức điểm thứ nhất của việc cầu nguyện, lý trí tìm hiểu những lý lẽ phát sinh ra, thuận lợi hay bất thuận lợi khi chọn lựa đối tượng hay từ bỏ đối tượng. Thánh I-nhã đòi hỏi những lý lẽ đó phải được đặt trong mối tương quan

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mặt Thiên Chúa, Chúa chúng ta, [2]và dâng cho Ngài cuộc chọn lựa đó, để Chúa Chí Tôn đoái nhận và xác chuẩn cho, nếu điều ấy giúp phụng sự và ngợi khen Ngài hơn.	việc cầu nguyện cách chăm chú dưới cái nhìn của Chúa, [2]và dâng cho Ngài việc chọn lựa, để Chúa Chí Tôn đoái thương đón nhận và xác chuẩn việc chọn lựa ấy, miễn là nơi việc chọn lựa này người ấy làm phát sinh việc phụng sự và ngợi khen Ngài hơn.	Thiên Chúa: xin Ngài hoàn toàn chấp nhận và chuẩn nhận việc chọn lựa, nếu điều đó đẹp lòng Ngài.
184. [1]CÁCH THỨ HAI ĐỂ LÀM VIỆC CHỌN LỰA LÀNH MẠNH VÀ TỐT LÀNH GỒM BỐN QUY TẮC VÀ MỘT GHI CHÚ.	**184.** [1]CÁCH THỨ HAI ĐỂ LÀM MỘT VIỆC CHỌN LỰA LÀNH MẠNH VÀ TỐT LÀNH, VỐN BAO GỒM BỐN QUY TẮC VÀ MỘT CHÚ DẪN.	**184.** [1]CÁCH THỨ HAI ĐỂ CHỌN LỰA TỐT LÀNH, ĐƯỢC CHIA LÀM BỐN QUY TẮC VÀ MỘT CHÚ DẪN.
[2]*Thứ nhất*: là lòng yêu mến đánh động tôi và làm tôi chọn lựa điều nào đó, phải xuống từ trên cao, từ tình yêu mến	[2]*Thứ nhất*: lòng yêu mến đánh động và xui khiến tôi chọn lựa một điều như thế phải xuống từ trên cao, từ tình yêu	[2]*Quy tắc thứ nhất*: vì việc chọn lựa phải được thực hiện bởi việc lôi kéo thiên phú vốn đến từ trời và khởi từ tình yêu mến Thiên Chúa, [3]nên người

với cứu cánh đời mình: làm vinh danh Chúa và mưu ích cho linh hồn mình. Còn ở điểm thứ năm, ngài đòi hỏi đối tượng ấy phải được xét ở mọi khía cạnh để rồi sau cùng ý chí chọn lựa theo điều mà lý trí thúc đẩy mạnh mẽ nhất, chứ không phải tình cảm thúc đẩy. Bản A nhắc nhở rằng việc chọn lựa phải đi theo sự thúc đẩy mạnh nhất của lý trí chứ không phải của tình cảm; bản P đòi buộc quyết định không được pha trộn với tình cảm; còn bản V muốn rằng quyết định đưa ra phải tuân theo điều lý trí chỉ cho mà tránh xa mọi thèm khát xác thịt (182[2]).

- Sau cùng về cuộc tâm sự (183): thánh I-nhã nhắc nhở chủ thể chọn lựa đi xin ơn phê chuẩn ngay sau khi chọn lựa. Sự phê chuẩn này tỏ lộ qua dấu chỉ bình an hay bối rối. Dấu chỉ ấy chỉ cho chủ thể nghiệm ra rằng việc chọn lựa mình đã thực hiện hoặc đúng hoặc sai theo cách này mà thôi, nghĩa là nếu không bình an, việc chọn lựa không có giá trị và chủ thế phải duyệt xét lại điều kiện bình tâm và điều chỉnh việc chọn lựa. Thế nên đi xin phê chuẩn không có nghĩa là đưa thì thứ hai vào để duyệt xét việc chọn lựa như ý kiến của phần

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Thiên Chúa, [3]đến nỗi người chọn lựa trước hết phải cảm thấy trong lòng rằng tình yêu mến nhiều hay ít mà họ có đối với điều họ chọn lựa, duy chỉ vì Đấng Tạo Hoá và Chúa họ mà thôi.	mến Thiên Chúa, [3]đến nỗi người làm việc chọn lựa trước hết cảm thấy nơi mình rằng tình yêu mạnh mẽ hơn hay yếu kém hơn mà người ấy có đối với sự việc liên quan khiến họ chọn chỉ vì Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của họ mà thôi.	thực hiện việc chọn lựa phải cảm thấy nơi mình rằng mọi sự mà người ấy có sự gắn bó (vốn có nhiều hay ít) đối với điều được chọn phải xuất phát từ tình yêu và từ cái nhìn của Thiên Chúa duy nhất mà thôi.
185. [1]*Thứ hai*: nhìn xem một người mà tôi chưa bao giờ gặp gỡ, và cũng chẳng quen biết, và với lòng ước ao cho họ được mọi sự hoàn thiện, suy xét điều tôi sẽ khuyên họ làm và chọn lựa để sáng danh Thiên Chúa, Chúa	**185.** [1]*Thứ hai*: suy xét một người mà tôi chưa bao giờ gặp gỡ mà cũng chẳng hề quen biết, và tôi, tôi ao ước cho người ấy được hoàn thiện trọn vẹn; và chú ý đến điều tôi khuyên người ấy chọn lựa và thực hiện để	**185.** [1]*Thứ hai*: suy xét trường hợp về một người bạn rất thân thiện, mà tôi ước mong người ấy không thiếu một sự hoàn thiện nào và người ấy tỏ ra do dự khi tỏ bày cho tôi về một việc chọn lựa theo loại này: về phần

nhiều tác giả. Làm như vậy là không hiểu đúng phương pháp chọn lựa của thánh I-nhã và có nguy cơ lẫn lộn cách thức vận dụng những tài năng trong việc chọn lựa.

β) (C.III.1) Cách thứ hai: BỘ QUI TẮC VỀ CHỌN LỰA (184-188)

Cách thứ hai này gồm bốn quy tắc và một ghi chú theo A hay bốn quy tắc và một chú dẫn theo P và V (184[1]). Bộ quy tắc này có sự liên đới mật thiết với những quy tắc về Bố Thí như thể nó được rút ra từ đó (337-344). Và giống như những bộ Ghi Chú, ta cũng thấy có 6 bộ Qui Tắc ở sau các Tuần Linh Thao để hướng dẫn sống cuộc Linh Thao và hậu Linh Thao: các bộ qui tắc về chọn lựa (184-188) về ăn uống (210-217), về việc nhận định thần loại một và hai (313-327 và 328-336), về bố thí (337-344) và Để có cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội (352-370).

Cách chọn lựa thứ hai này cũng được thánh I-nhã xác định là "việc chọn lựa lành mạnh và tốt đẹp" như các thì và cách trước đây và cũng thuộc hình thức chọn lựa theo lý trí ở quy tắc thứ nhất (184) vốn đòi điều kiện khách quan như bình tâm ở ba quy tắc tiếp theo (185-187) và sau cùng chủ thể thực hiện việc chọn lựa (188).

- Việc chọn lựa theo lý trí (184): phạm trù ngôn ngữ trong quy tắc thứ nhất của cách này hoàn toàn ngược lại với ngôn ngữ của cách thứ nhất. Đây là ngôn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
chúng ta hơn và làm cho linh hồn họ được hoàn thiện hơn; [2]và ***tôi***, một khi làm như vậy cho tôi, tôi tuân theo quy tắc mà chính tôi đã đề nghị cho người khác.	làm vinh danh Thiên Chúa hơn và làm cho linh hồn người ấy hoàn thiện hơn; [2]tôi sẽ suy xét như thế cho chính tôi, khi tuân giữ cho tôi quy tắc mà lẽ ra tôi thuận cho người khác theo.	tôi, tôi sẽ nghiêng về điều gì để khuyên nhủ người ấy quyết định? [2]và khi đã xem thấy rõ ràng, tôi cũng thế, tôi nghĩ rằng mình phải hành động như lẽ ra tôi gợi ý cho người khác làm.
186. <u>*Thứ ba*</u>: suy xét như thể tôi đang ở vào lúc nguy tử, thì hình thức và quy tắc mà lúc ấy lẽ ra tôi muốn mình tuân theo trong cách thức chọn lựa hiện bây giờ như thế nào, và một khi khuôn theo đó, tôi thực hiện	**186.** <u>*Thứ ba*</u>: tự suy xét mình như thể tôi đang ở vào lúc nguy tử, và suy xét cách thức và qui luật mà lẽ ra khi đó tôi muốn thuận theo trong sự thực hiện việc chọn lựa hiện tại, và một khi khuôn theo đó, tôi sẽ tiến hành	**186.** <u>*Thứ ba*</u>: hơn nữa, tự xét hỏi về chính tôi, nếu cái chết xảy ra, thì cách thức thực hiện nào lẽ ra tôi phải tuân theo hơn trong quyết định hiện tại. Tôi sẽ dễ dàng hiểu rằng tôi phải chọn bây giờ cho am hợp với cách thức

---

ngữ tình yêu của con tim chứ không phải là ngôn ngữ của lý trí. Trong cả ba bản văn, danh từ "tình yêu" được sử dụng ba lần và động từ hay danh từ "chọn lựa" của ý chí cũng được sử dụng ba lần. Thế nhưng chính ngôn ngữ này lại qui chủ thể về việc chọn lựa theo lý trí tự nhiên chứ không phải theo tình yêu hay ý muốn.

Quả vậy, có hai cách tìm ra cứu cánh đời mình: một ở viễn tượng tiên thiên và một ở hậu nghiệm.

Tìm ra cứu cánh đời mình mình ở tiên thiên nghĩa là từ Nguyên Lý và Nền Tảng (23) ở đó buộc chủ thể phải có sự bình tâm. Tiến trình chọn lựa của cách thứ nhất qui theo điểm khởi này (178^2-183^2). Ngược lại, tìm cứu cánh đời mình từ hậu nghiệm lại không lấy Nguyên Lý và Nền Tảng làm khởi điểm mà từ những gì Thiên Chúa đã thực hiện cho mình. Kết thúc Linh Thao, cứu cánh theo hậu nghiệm này hoàn toàn được lộ diện: bài Chiêm Niệm để được Tình Yêu (230-237). Ngay từ tuần hai này, thao viên đã có thể thấy cứu cánh đời mình theo cách này để thực hiện việc chọn lựa.

Viễn tượng hậu nghiệm này đã được thao viên phát hiện ra trong suốt tiến trình mà họ đã trải qua: ơn cứu độ khi họ thân thưa với Đức Ki-tô trên thập giá, Đấng đã chết vì họ (53), khi họ phát hiện thấy một tình yêu mà Thiên Chúa đã tha chết cho họ dù họ không đáng được sống (60). Xa hơn, họ còn được chiêm ngắm Đức Ki-tô nhập thể làm người, sinh ra trong thấp hèn, rao giảng trong sự huỷ mình vì

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
toàn bộ quyết định của mình.	như thế cho quyết định của tôi trong mọi sự.	thực hiện đó.
187. [1]*Thứ bốn*: bằng việc nhìn xem và suy xét tình trạng của tôi trong ngày phán xét thế nào, hãy nghĩ xem lúc ấy lẽ ra tôi muốn mình ***đã*** định đoạt về công việc hiện tại như thế nào; [2]quy tắc mà lúc	**187.** [1]*Thứ bốn*: xem thấy tôi và suy xét về mình đang ở vào ngày phán xét, và suy nghĩ về điều lẽ ra tôi muốn quyết định về điều đã đề ra; [2]và cùng một quy tắc mà lúc ấy tôi thấy tốt và chấp	**187.** [1]*Thứ bốn*: cũng xem thấy trước , khi tôi sẽ tiến ra trước tòa án để chịu sự xét xử, thì quyết định nào lẽ ra tôi muốn đón nhận trong sự việc này; [2]một khi đã nhận biết điều ấy, tôi sẽ đón nhận điều ấy

yêu họ (104; 113). Những tình yêu như thế Thiên Chúa đã thực hiện cho họ nơi Đức Ki-tô buộc họ phải đáp lại. Vì Thiên Chúa đã xử đối với họ như thể họ là lẽ sống của Ngài nên họ cũng phải xử đối lại với Ngài bằng cách nhận Ngài làm lẽ sống đời họ, nếu không đạt tới mức độ nên một với Đức Ki-tô để thực hiện việc chọn lựa theo thì thứ nhất của tình yêu (175), thì chí ít tới mức độ yêu Ngài trên hết mọi sự khác ở mức độ nhân bản để làm việc chọn lựa theo thì thứ ba của lý trí (177).

Có thể nói, một tình yêu mến Thiên Chúa càng vượt lên trên những điều mình yêu mến hoặc ưa thích bao nhiêu, mức độ lấy Thiên Chúa làm cứu cánh càng được tỏ lộ rõ nét lớn lao bấy nhiêu. Nói cách khác, mức độ chủ thể diễn tả Thiên Chúa là cứu cánh của mình được cân đo tùy vào mức họ dám đánh đổi ra sao trước sự gắn kết với những thụ tạo khác. Đó cũng là cách thức tìm ra cứu cánh đời mình mà người Do Thái có được trong kinh nghiệm thiêng liêng của họ, đặc biệt trong viễn tượng thần học của truyền thống D trong Torah: Thiên Chúa là Đấng giải thoát Israel khỏi cảnh nô lệ, ban cho họ đất hứa cách nhưng không và họ phải đáp lại tình yêu Ngài, bằng cách lấy Ngài làm cứu cánh, nghĩa là yêu mến Ngài trên hết mọi sự trong cái thường ngày của đời mình (Dnl 6,4-7).

Vậy, cho dù quy tắc thứ nhất ở đây vận dụng ngôn ngữ tình yêu, nhưng nó bộc lộ cho ta thấy chủ thể tỏ lòng yêu mến Thiên Chúa bằng một tình yêu tự nhiên, nghĩa là chân nhận Ngài là cứu cánh vượt trên mọi thụ tạo. Vì thế việc chọn lựa cũng sẽ dựa vào lý trí tự nhiên vốn phải có điều kiện về sự bình tâm để thực hiện việc chọn lựa như cách thứ nhất. Điều kiện bình tâm này được đặt trong hoàn cảnh khác quan hóa của chủ thể:

- Điều kiện bình tâm (185-187): thay vì đặt điều kiện bình tâm ra cách trực tiếp như cách chọn lựa thứ nhất (179), thánh I-nhã diễn tả điều kiện này cách gián tiếp ngang qua ba quy tắc khách quan hoá: một ở nơi người khác (185) và hai ở nơi chính mình (186-187). Tại sao phải đặt vấn đề bình tâm ra? Thưa, vì yêu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ấy tôi muốn mình đã tuân theo, tôi nhận lấy ngay bây giờ, để lúc ấy tôi được hạnh phúc và vui mừng trọn vẹn.	nhận, tôi sẽ chấp nhận tức khắc điều ấy, đến nỗi lúc ấy tôi có thể được tràn đầy niềm vui và hoan hỉ.	bây giờ để tôi được an toàn hơn vào lúc đó.
188. *(Ghi chú)* Một khi đã nhận lấy những quy tắc trên đây để được cứu rỗi và an nghỉ đời đời, tôi sẽ làm việc chọn lựa và	**188.** *(Chú dẫn)* Sau khi đã vận dụng những quy tắc trên đây để được cứu rỗi và được bình an đời đời, tôi sẽ làm việc chọn	**188.** *(Chú dẫn)* Sau cùng phải ghi chú rằng, sau khi đã quan sát cách cẩn thận bốn quy tắc trên để được cứu rỗi và được bình an

mến Chúa trên hết mọi sự là một chuyện, nhưng yêu mến Chúa trên hết mọi sự như Chúa muốn lại là chuyện khác. Vì vấn đề ở đây phải là Chúa muốn chứ không phải tôi muốn.

Trước hết, khách quan hoá nơi người khác (185): vốn được hình dung như thể đây là việc chọn lựa của một người khác hoàn toàn xa lạ (A, P) hoặc một người thân thiết (V) mà mình phải khuyên nhủ để họ được nên hoàn thiện trọn vẹn, thì điều tôi khuyên nhủ họ chọn lựa thế nào để có sự bình tâm đích thực, tôi đem áp dụng cho mình như vậy. Hai hình ảnh người xa lạ và người thân thiết xem ra có vẻ nghịch nhau, nhưng lại có cùng một ý nghĩa: người xa lạ để lời khuyên không bị chi phối bởi tình cảm của mình, nhưng người thân thiết để lời khuyên đem đến cho họ lợi ích lớn nhất vì yêu mến họ.

Trong bản A, thánh I-nhã đã can thiệp để nhấn mạnh đến vai trò chính yếu của chủ thể trong việc chọn lựa. Vì sau khi đề ra tình huống khách quan hoá, bản văn nói về việc áp dụng như sau: "và tôi một khi làm như vậy cho tôi, tôi tuân theo quy tắc mà chính tôi đã đề nghị cho người khác" (185[2]). Để tỏ rõ vai trò của chủ thể phải áp dụng nghiêm chỉnh cho mình, thánh I-nhã thêm từ ngữ "tôi" vào sau liên từ "và". Hai bản văn P và V cũng đi theo chiều hướng này với một cách diễn tả khác. P dùng từ ngữ "cho chính tôi" còn V thêm cụm từ "tôi cũng thế".

Sau nữa, khách quan hoá nơi chính mình (186-187): lúc này việc khách quan hoá không phải nơi người khác, mà nơi chủ thể chọn lựa; cũng không phải vào lúc này mà vào giờ nguy tử hay giờ phán xét. Nghĩa là vào thời điểm mà tôi được giải phóng khỏi mọi quyến luyến lệch lạc cách trọn vẹn nhất để có sự khách quan tốt nhất. Lấy sự khách quan lúc đó đem áp dụng cho việc chọn lựa hiện tại, người ta sẽ có được một việc chọn lựa chính xác nhất.

Thánh I-nhã cũng có một sự can thiệp vào quy tắc thứ tư nhằm nhấn mạnh đến tính hiện tại phải làm của chủ thể như thể sự việc đã được giải quyết bằng cách đặt động từ ở một giả định quá khứ trong câu nói: "hãy nghĩ xem lúc ấy lẽ ra tôi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
việc dâng hiến cho Thiên Chúa, Chúa chúng ta, theo như điểm thứ sáu trong cách thứ nhất để làm việc chọn lựa.	lựa và làm việc dâng chính mình lên Chúa là Thiên Chúa chúng ta, theo như điểm thứ sáu của cách làm việc chọn lựa thứ nhất.	trong tâm hồn, như điểm cuối cùng của cách chọn lựa trước đây, tôi phải kết thúc chính việc chọn lựa và dâng việc đó lên Thiên Chúa để Ngài chuẩn nhận.
189. [1]ĐỂ CẢI THIỆN VÀ CANH TÂN ĐỜI SỐNG VÀ BẬC SỐNG CỦA MÌNH [2]Phải tuân giữ điều	**189.** [1]ĐỂ CANH TÂN VÀ CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG VÀ BẬC SỐNG RIÊNG CỦA MÌNH [2]Cần phải tuân giữ	**189.** [1]VỀ VIỆC CẢI THIỆN HOẶC CANH TÂN MÀ MỖI NGƯỜI PHẢI LÀM LIÊN QUAN ĐẾN BẬC SỐNG

muốn mình đã định đoạt về công việc hiện tại như thế nào" (187^{1b}). Cả hai bản P và V cũng đi theo hướng thánh I-nhã đã can thiệp ở bản A.

Sự khách quan hóa lúc này rất quan trọng đến nỗi sau bốn quy tắc tương tự về việc bố thí, thánh I-nhã nhắc nhở chủ thể phải hành xử khi không có tính khách quan như sau: "Khi người nào tự cảm thấy mình nghiêng chiều và quyến luyến với người mình muốn phân phát, hãy dừng lại và suy gẫm kỹ bốn quy tắc đã nói ở trên để xem xét và thẩm định lại tình cảm của mình theo các quy tắc đó; và không được phân phát của bố thí trước khi hoàn toàn xa rời và loại bỏ tình cảm lệch lạc ấy, theo đúng những quy tắc trên đây" (342). Chính quy tắc này cho ta thấy rõ việc phải làm cho việc phê chuẩn ở trên (183^{2}): nếu không được chuẩn nhận, nghĩa là không được bình an thì chủ thể phải dừng lại suy xét và thẩm định tình cảm của mình để xét lại tính khách quan hay sự bình tâm và điều chỉnh nó chứ không phải trở về với thì thứ hai, tức thì nhận định thần loại.

- Vấn đề đặt ra (188): vấn đề phải đưa ra liên quan đến điều nói trong ghi chú (A) hay trong chú dẫn (P,V) mà cả ba bản văn đều gặp lúng túng: Nếu coi ba quy tắc khách quan hoá tương đương với điều kiện bình tâm mà cách chọn lựa thứ nhất đòi hỏi (179), chủ thể làm việc chọn lựa phải tiếp tục các bước còn lại như cách thứ nhất: suy xét các đối tượng chọn lựa theo mặt lợi ích và bất lợi (181); thực hiện việc chọn lựa theo điều mà lý trí nghiêng về nhất (182); cuối cùng đi xin phê chuẩn (183). Hiểu như vậy thì ghi chú hay chú dẫn 188 phải chỉnh sửa câu cuối cùng, nghĩa là phải viết như sau: "***tôi sẽ làm việc chọn lựa và việc dâng hiến cho Thiên Chúa, Chúa chúng ta theo như điểm thứ tư đến thứ sáu của cách thứ nhất***" chứ không phải chỉ "theo như điểm thứ sáu trong (của) cách chọn lựa thứ nhất" mà thôi (A, P). Bản V cũng hiểu cách sai lầm tương tự khi nói "như điểm cuối cùng của cách chọn lựa trước đây".

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
này, về những người đã được định vị ở bậc cai quản trong Giáo Hội hay ở bậc hôn nhân, (dù có dư dật của cải đời này hay không), [3]nếu họ không có lý do hay không có ý muốn sẵn sàng để làm việc chọn lựa có thể thay đổi, [4]thì sẽ có ích lợi rất nhiều là, thay vì làm một cuộc chọn lựa, đề nghị cho họ	điều này, về những người đã được định vị ở trong bậc cai quản trong Giáo Hội hay trong bậc hôn nhân (dù có dư dật của cải đời này hay không), [3]khi họ không có động lực, hay ý muốn sẵn sàng chọn lựa những điều thuộc về một việc chọn lựa có thể thay đổi, [4]thì có rất nhiều ích lợi nếu, thay vì những việc chọn lựa, cho	[2]Trước hết phải tuân giữ điều này: nếu ai đó đã bị ràng buộc bởi hôn nhân hay bởi chức vụ thuộc phẩm tước trong Giáo Hội (mà số lượng của cải đời này nhiều hay ít không quan trọng), [3]đến nỗi họ không có sự rảnh rỗi hay họ không mấy khao khát dấn thân vào những việc chọn lựa về những điều có thể

– Tuy nhiên, ba trường hợp khách quan hóa có giá trị như điều kiện bình tâm của quy tắc hai đến bốn của cách một để thực hiện việc chọn lựa (185-187) và khi nào quyến luyến lệch lạc xuất hiện có thể lấy quy tắc thứ năm của việc bố thí ra áp dụng (342). Cuối cùng, khi làm xong, đi dâng việc chọn lựa và xin phê chuẩn như điểm thứ sáu của cách thứ nhất.

5/ Mối tương quan giữa ba thì chọn lựa.

Cho dù thánh I Nhã xác định tính độc lập và giá trị tự tại của mỗi thì/cách chọn lựa (175[1]; 178[2]; 184[1]), nhưng những thì/cách này vẫn có mối tương quan với nhau. Vậy đâu là mối tương quan giữa những thì/cách đó?

Thưa, đó là mối tương quan kiểm tra lẫn nhau, nghĩa là sau khi thực hiện xong việc chọn lựa bằng một thì/cách, người ta có thể kiểm tra nó bằng một thì/cách khác. Tuy nhiên, việc kiểm tra này phải qui theo một hệ thống trưởng thành thiêng liêng nhất định: người đạt tới việc chọn lựa thì thứ nhất có thể vận dụng hai cách của thì thứ ba để kiểm tra lại việc chọn lựa của mình, nhưng không thể ngược lại - hai cách của thì thứ ba có thể kiểm tra lẫn nhau vì thuộc cùng một cấp độ; còn thì thứ hai đòi chủ thể phải am tường việc nhận định không chỉ ở hai cấp độ lề luật và tình yêu mà cả ở hai mặt tỏ lộ của cảm xúc: an ủi và sầu khổ.

Khi đạt đến mức độ người thuần thiêng, thánh I Nhã đã thực hiện việc chọn lựa theo cách kiểm tra này khi phải xem xét vấn đề nghèo khó đối với các nhà thờ của Dòng. Ngài đã dành 40 ngày cho việc chọn lựa ấy từ ngày 2/2 đến 12/3/1544 theo tất cả các thì khác nhau ở trên *(x. Ignace de Loyola, Ecrits, col. Christus N° 76, Desclée de Brouwer, Paris 1991, tr. 322-358).*

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
một hình thức và một phương pháp nhằm cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống riêng của họ; [5]nghĩa là đưa hữu thể thụ tạo, đời sống và bậc mình vào việc làm vinh danh và ngợi khen Thiên Chúa, Chúa chúng ta và cứu rỗi linh hồn mình. [6]Để hướng về và đạt tới cùng đích ấy, phải suy xét và nghiền ngẫm nhiều bằng các cuộc thao luyện và các cách chọn lựa, như đã giải thích, [7]xem mình phải có nhà cửa và gia nhân thế nào, phải điều khiển và cai quản nó ra sao, phải dạy dỗ gia nhân bằng lời nói và gương sáng ra sao; [8]cũng thế, suy về của	mỗi người một phương pháp hay một cách thức nhằm cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống riêng của họ; [5]Điều này sẽ được thực hiện bằng cách đặt trước mắt để họ thấy rằng hữu thể thụ tạo của họ, đời sống của họ và bậc sống của họ phải nhằm vào việc làm vinh danh và ca ngợi Chúa là Thiên Chúa chúng ta và để đạt đến ơn cứu rỗi cá nhân của họ. [6]Và để đạt đến cứu cánh này, ta phải nghiền ngẫm và suy xét nhiều trong các cuộc thao luyện và các cách thức làm việc chọn lựa, như điều đó đã được giải thích, [7]xem mình phải có nhà cửa và gia nhân thế	thay đổi, [4]sẽ là điều tốt nếu thay vì làm những việc chọn lựa đó, là cho họ một phương pháp hay một cách thức thực hiện nhờ đó, họ có thể cải thiện đời sống và bậc sống cá nhân của mình. [5]Bất cứ ai nhận thấy mình trong hoàn cảnh như thế để xác định và theo đuổi cách ngay thẳng cứu cánh thuộc hữu thể tạo thành và thuộc đời sống mình, [6]nhờ vào những cuộc thao luyện trên đây và nhờ vào những cách thức làm việc chọn lựa, phải tìm kiếm một cách chăm chú và, bằng việc nghiền ngẫm cách thận trọng, [7]phải quyết định khuôn khổ

A.II.6 CẢI THIỆN VÀ CANH TÂN ĐỜI SỐNG VÀ BẬC SỐNG

1/ Tổng quát

Tựa đề của ba bản văn tương ứng với nhau: nói về việc cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống. Vậy cải thiện và canh tân có đời sống và bậc sống làm đối tượng để thực hiện. Bản A và P đổi vị trí động từ cho nhau; còn ở bản V, hai động từ đồng nghĩa với nhau và liên hệ với nhau bằng liên từ "hay" vì chỉ còn một đối tượng bậc sống chứ không còn đời sống (189[1]). Thực ra, đây là việc làm sau công việc chọn lựa bậc sống (175-188) để chủ thể cụ thể hoá việc canh tân trong một ơn gọi nhất định. Vì mỗi ơn gọi có những điều kiện và hoàn cảnh sống đặc thù cho việc cứu rỗi linh hồn.

Nếu xét kỹ, ta thấy tựa đề của A đề ra ý nghĩa chính xác cho vấn đề này. Tựa đề vừa nối kết với tuần một trong dứt bỏ cái quá khứ tội lỗi, vừa hướng đến tương lai trong việc xây dựng giá trị mới có tính Kitô cho việc hoàn thiện một ơn gọi.

a/ Cải thiện đời sống

Điều này được thực hiện bằng việc xét mình riêng, ở đó thánh I-nhã chỉ dẫn thao

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
cải của mình, phải sử dụng bao nhiêu cho gia nhân và nhà cửa của mình, và phân chia bao nhiêu cho người nghèo và các việc từ thiện. [9]Không muốn cũng không tìm sự gì khác ngoài việc ngợi khen và làm vinh danh Thiên Chúa, Chúa chúng ta hơn trong mọi sự và qua mọi sự.[10]Vì mỗi người phải nghĩ rằng mình càng	nào, và phải điều khiển và cai quản họ ra sao, phải dạy dỗ họ bằng lời nói và gương sáng thế nào; [8]Cũng thế, về của cải, phải sử dụng bao nhiêu cho việc quản trị nhà cửa, bao nhiêu để phân chia cho những người nghèo và những việc từ thiện khác. [9]Ta không tìm đi tìm lại điều gì khác trong mọi sự và mọi nơi ngoại	nào về nhà cửa và gia nhân cần phải có, cách thức nào thích hợp để dẫn dắt và điều khiển nhà cửa, bằng những lời nói và gương sáng nào thích hợp để dạy dỗ gia nhân. [8]Và ngoài ra, về của cải mà mình sở hữu, họ có thể chi tiêu bao nhiêu vào việc sử dụng cá nhân hoặc nhà cửa, mặt khác họ nên cho người nghèo hay hiến tặng vào việc từ

viên thực hiện việc chỉnh sửa và cải thiện một tội riêng hay một nết xấu chủ đạo (25^1). Việc xét mình riêng này liên can đến những người làm Linh Thao mà không thực hiện được việc chọn lựa: họ là những người chỉ làm Linh Thao ở tuần thứ nhất (18) hoặc làm Linh Thao đến tuần thứ hai mà không có điều kiện tối thiểu là sự bình tâm để thực hiện việc chọn lựa *(Ignace de Loyola, Notes pour un Directoire des Ex., (notes autographes), III, 17).* Họ cũng có thể là những người thực hiện việc chọn lựa, nhưng dừng lại ở cấp độ lề luật chứ không phải tình yêu. Vì họ phải hoàn thiện mình bằng hai giai đoạn: cải thiện và canh tân ở mức độ lề luật và rồi ở mức độ tình yêu, điều mà thánh I-nhã nói việc chọn lựa theo lề luật sẽ gặp khó khăn hơn việc chọn lựa theo lời khuyên *(Ignace de Loyola, Notes pour un Directoire des Ex., [notes autographes], I, 6-9).*

Ngay khi bắt đầu tiến bước vào Linh Thao, thao viên đã được chỉ cho làm việc xét mình hằng ngày, mà chủ yếu tập trung vào việc xét mình riêng (18^1). Người làm Linh Thao đầy đủ còn được nhắc nhở thực hiện nghiêm túc việc xét mình này ở tuần một, mà đối tượng nêu ra ở đây là một nết xấu theo A và P hay một tật xấu theo V (90). Sang tuần hai, họ vẫn phải tiếp tục việc xét mình riêng này với cùng một nội dung của tuần một trước khi bước vào chọn lựa (160). Cụm từ "Cải thiện đời sống" vẫn duy trì ở tựa đề là để dành cho những người chưa hay không thể bước vào việc chọn lựa vì chưa xác định được bậc sống. Tuy nhiên khía cạnh loại trừ nết xấu chủ đạo hay tội chính yếu vẫn cần thiết đối với người đã thực hiện việc chọn lựa vì nó liên quan đến con người cũ cần tiêu diệt.

b/ Canh tân bậc sống

Thực hành này liên quan đến những người đã làm việc chọn lựa bậc sống. Họ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thoát ra khỏi lòng yêu mình, lòng ham muốn và tư lợi được bao nhiêu thì càng tiến tới trong mọi việc thiêng liêng bấy nhiêu.	trừ việc làm vinh danh và ca ngợi Chúa là Thiên Chúa chúng ta,[10]đến nỗi cần tự nhủ với mình rằng ta sẽ càng được lột bỏ khỏi tình yêu, những quyến luyến và những lợi ích riêng tư bao nhiêu thì	thiện, [9]không quyến luyến một điều gì khác, cũng chẳng tìm kiếm điều gì ngoài điều dẫn đến việc tôn vinh Thiên Chúa và cứu rỗi mình. [10]Thật vậy, ước gì mỗi người xác tín rằng họ chỉ

thuộc về những người ở trong việc chọn lựa không thể thay đổi, dù đúng hay sai (172). Cũng có thể họ thuộc về những người chọn lựa bậc sống ở dạng thức có thể thay đổi và phải phép (173), hoặc không phải phép, nhưng đã làm lại vào lúc này (174). Tất cả những người này sẽ thực hiện việc canh tân bậc sống theo như được đề nghị ở đây. Cụm từ "Canh tân bậc sống" ở tựa đề cho phép được áp dụng cho họ trong viễn tượng xây dựng giá trị mới để hướng về tương lai.

Vì đây là một chương trình sống được hoạch định một cách rất cẩn trọng mà ngang qua việc xét mình riêng, chủ thể chọn lựa có nhiệm vụ hoàn thiện ơn gọi của mình khi đối diện với các biến cố cụ thể. Như thế ta thấy có sự liên tục giữa việc xét mình riêng để cải thiện đời sống với việc xét mình riêng để canh tân bậc sống. Cải thiện đời sống bằng cách loại trừ một tội chính yếu hay nết xấu chủ đạo, còn việc canh tân bậc sống bằng cách sống giá trị mới và xây dựng nhân đức ngược lại trong việc xét mình riêng. Và vì tính liên tục này mà thánh I-nhã đã không còn nhắc đến nội dung loại bỏ những khuyết điểm (90^a) hay những tội lỗi (160^a) trong việc xét mình riêng ở ghi chú thứ tư của tuần ba nữa, mà chỉ còn nhắc đến sự trễ nải về Linh Thao và về những điều phụ thêm mà thôi (207).

2/ Cải thiện đời sống và canh tân bậc sống là một dụ ngôn.

Đọc qua bản văn, chúng ta có cảm tưởng việc cải thiện và canh tân này chỉ đưa ra những chỉ dẫn giúp hàng giáo sĩ hay những người sống bậc gia đình điều hành gia đình hoặc gia nhân của họ cho đúng theo ý Chúa. Thực ra đây là một dụ ngôn chỉ về việc tiến hành và cai quản chính bản thân mỗi người trong các bậc sống khác nhau: giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân...

Tất cả những phạm trù nói đến về của cải đời này theo A và P hay về tài sản trần thế theo V (189^2) thuộc phạm vi sở hữu (189^7), bác ái (189^8) cũng như cách thức tiến hành bằng lời nói và gương sáng (189^7)... đều thuộc ngôn ngữ biểu tượng để chỉ bản thân chủ thể điều hành lấy chính cuộc đời mình.

Chúa Giê-su cũng đã vận dụng ngôn ngữ biểu tượng này để giúp ta qui về chính bản thân mình, Chẳng hạn dụ ngôn về ông vua đi xa (Lc 19,11-27), dụ ngôn về người quản lý (Lc 16,1-8), dụ ngôn về người đầy tớ trung tín (Mt 24, 15-51), dụ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	ta sẽ có tiến bộ trong mọi việc thiêng liêng bấy nhiêu.	tiến bộ nơi lòng nhiệt thành thiêng liêng trong mức độ họ được giải thoát khỏi lòng yêu mình và khỏi việc tìm kiếm tư lợi cá nhân.

ngôn về mười cô trinh nữ (Mt 25, 1-13)... Tất cả đều lấy những hình ảnh, sinh hoạt, lối xử thế thuộc phạm vi thế tục bên ngoài, nhưng nhằm thẩm định giá trị đạo đức và thiêng liêng bên trong vốn liên quan đến ơn cứu độ.

Câu kết luận của thánh I-nhã cho ta thấy ý nghĩa đích thực của vấn đề: "Vì mỗi người phải nghĩ rằng mình càng tránh xa khỏi lòng yêu mình, lòng ham muốn và tư lợi bao nhiêu, thì càng tiến tới trong mọi việc thiêng liêng bấy nhiêu" (189[10]).

3/ Cải thiện đời sống và canh tân bậc sống là việc bắt buộc

Việc cải thiện liên quan đến đời sống thanh luyện và việc canh tân liên quan đến đời sống soi sáng là hai điều không thể thiếu trong việc xét mình riêng cho người đã thực hiện việc chọn lựa không thể thay đổi. Thánh I-nhã gọi họ là những người đã được định vị trong Giáo Hội, linh mục hay hôn nhân.

Tuy thế, việc cải thiện và canh tân này thuộc về việc chọn lựa có thể thay đổi. Vì để có thể thực hiện việc cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống cho có hiệu quả, nhất thiết chủ thể phải nhận biết mình khi đối chiếu mình với Nguyên Lý và Nền Tảng và với đời sống Đức Ki-tô. Nếu không, người ta sẽ không có cơ sở để thăng tiến đời sống đức tin của mình. Khi qui chiếu về đó, chủ thể nhận biết tội lỗi mình ở ý thức và cả những nết xấu ở vô thức rồi nhờ tổng hợp mà tìm được chân tướng cũ của mình để thực hiện việc biến đổi đời mình.

Đi xa hơn, chân tướng nền tảng ấy sẽ biểu lộ cách cụ thể trong từng môi trường, từng hoàn cảnh và từng điều kiện sống. Chắc chắn môi trường, hoàn cảnh cũng như điều kiện của người sống bậc gia đình hoàn toàn khác với những người sống bậc giáo sĩ hay tu sĩ. Chính những yếu tố này thay đổi sẽ đòi buộc việc cải thiện và canh tân cũng thay đổi, vì thế chúng thuộc về việc chọn lựa có thể thay đổi.

Nỗ lực thực hiện việc cải thiện và canh tân đòi hỏi cấp thiết đến nỗi ngay cả khi không có động lực khao khát ở chủ thể (A,P, V) hay không có điều kiện khách quan: rảnh rỗi (V) để làm việc chọn lựa này, thì ngang qua những cuộc Linh Thao và các cách chọn lựa, người hướng dẫn cũng phải đề nghị cho thao viên một phương pháp hay một hình thức cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống của họ (189[4]). Những cụm từ "xét xem phải có nhà cửa và gia đình thế nào..." biểu thị những hoàn cảnh và điều kiện cụ thể để việc cải thiện và canh tân được đơm bông kết trái cho đến khi chủ thể trở nên con người thành toàn.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
TUẦN THỨ BA	**TUẦN THỨ BA**	**TUẦN THỨ BA**
190.[1]NGÀY THỨ NHẤT CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT VÀO NỬA ĐÊM, VỀ CÁC VIỆC TỪ LÚC ĐỨC KI-TÔ, CHÚA CHÚNG TA, TỪ BÊ-TA-NI-A LÊN GIÊ-RU-SA-LEM ĐẾN HẾT BỮA TIỆC LY RA SAO (SỐ 289) VÀ GỒM KINH DỌN LÒNG, BA TIỀN NGUYỆN, SÁU ĐIỂM VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.	**190.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT ĐƯỢC LÀM VÀO NỬA ĐÊM VỀ CUỘC KHỞI HÀNH CỦA ĐỨC KI-TÔ TỪ BÊ-TA-NI-A ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM VÀ CẢ BỮA TIỆC LY (289). NGOÀI KINH DỌN LÒNG VÀ BA TIỀN NGUYỆN, CUỘC CHIÊM NIỆM GỒM SÁU ĐIỂM VÀ MỘT CUỘC TÂM SỰ.	**190.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT ĐƯỢC LÀM VÀO NỬA ĐÊM, VÀ BAO GỒM KINH DỌN LÒNG, BA MỞ ĐẦU, SÁU ĐIỂM CÙNG VỚI MỘT CUỘC TÂM SỰ

TUẦN THỨ BA: THEO TA TRONG ĐAU KHỔ

(Tính trắc nghiệm tình yêu thuộc đời sống soi sáng)

Tuần ba như thể được tiếp nối với tuần hai cách liên tục, vì thánh I-nhã không khởi đầu tuần Linh Thao bằng bất cứ một bài thao luyện cá nhân nào như tuần một và hai, nhưng khởi đi ngay những bài chiêm niệm theo mặc khải sau tựa đề "Tuần Thứ Ba". Tuần bốn cũng khởi đầu giống tuần ba này (218). Điều đó bộc lộ sự thống nhất lộ trình đào luyện ở đó thao viên đã giả thiết đạt được tình yêu nên một với Đức Ki-tô khởi từ bài suy xét về Ba Cách Khiêm Nhường. Tuy nhiên, tình yêu hiệp nhất đó vẫn chỉ dừng lại ở bình diện chủ động và ý thức của chủ thể chứ chưa đạt đến sự nên một trọn vẹn với Thiên Chúa ở tận vô thức . Chúng ta tiến vào hành trình thao luyện của tuần ba này.

TỔNG QUÁT

1. Tương quan với tuần hai

Bước vào tuần ba của Linh Thao, chúng ta không còn thấy sự cách biệt giữa kinh nghiệm cá nhân của thao viên với kinh nghiệm mặc khải như ở tuần một và đầu tuần hai: Ở tuần một, sự cách biệt lớn lao được cân đo trong mối tương quan của một tội nhân với Nền tảng của mình (từ số Linh Thao 23 đến 45); còn ở tuần hai sự cách biệt được cân đo trong mối tương quan giữa tình yêu tự nhiên và tình yêu hiến tế của Thiên Chúa (từ số Linh Thao 91 đến 101). Tiến trình này thu hẹp và trở nên đồng nhất khi chủ thể bước vào giai đoạn thao luyện thứ hai của tình yêu, vốn đã khởi đi rõ nét từ việc Chúa ở lại Đền Thờ (134) và đạt đến đỉnh cao ở

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]*Kinh dọn lòng* như thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng* là cùng một kinh như thường lệ.	[2]Luôn cùng một *kinh dọn lòng*.
191. [1]*Tiền nguyện thứ nhất* là nhớ lại lịch sử. Ở đây là Đức Ki-tô, Chúa chúng ta từ Bê-ta-ni-a sai hai môn đệ đi Giê-ru-sa-lem để dọn bữa tiệc ly, tiếp theo chính Chúa đến đó cùng với các môn đệ khác thế nào; [2]và sau khi ăn chiên vượt qua, và khi đã xong bữa, Chúa rửa chân cho các ông	**191.** [1]*Tiền nguyện thứ nhất* để hồi tưởng về lịch sử, bây giờ là suy xét Đức Ki-tô đang rời khỏi Bê-ta-ni-a và sai hai môn đệ đến Giê-ru-sa-lem để chuẩn bị bữa tiệc ly; [2]rồi chính Ngài dùng bữa với các môn đệ khác và, sau bữa tiệc con chiên vượt qua, Ngài rửa chân cho các ông; và rồi xem xét	**191.** [1]*Mở đầu thứ nhất* được làm khởi từ lịch sử: Đức Ki-tô ở Bê-ta-ni-a sai hai môn đệ đến Giê-ru-sa-lem như thế nào để chuẩn bị bữa tiệc ly, nơi chính Ngài lui tới cùng với những người khác; [2]và ở đó, sau khi đã ăn chiên vượt qua và kết thúc bữa tiệc, Ngài rửa chân cho họ hết thảy, và

---

cách khiêm nhường thứ ba (167). Thế nhưng sự kết hiệp tình yêu đó tuy vẫn giả thiết có ơn Chúa, nhưng còn dừng lại ở cấp độ chủ động và thuộc bình diện ý thức với sự quyết tâm của chủ thể (167[3]) để chọn cho mình một bậc sống thích hợp (169-188) và hoàn thiện mình cách cụ thể trong bậc sống đó (189).

Ngay khởi đầu tuần hai, thao viên đã được sống tâm tình của chính thánh I-nhã "Theo Ta trong đau khổ, ở với Ta trong vinh quang" của bài Lời gọi Vua Hằng Sống (95[5]). Sau bài thao luyện này, bước vào việc chiêm niệm những Mầu Nhiệm về cuộc đời Đức Ki-tô từ Nhập Thể cho đến khi Ngài được an táng trong mồ (261-298), cả tuần hai và tuần ba đều khai triển vế thứ nhất của bài Lời gọi: "Theo Ta trong đau khổ". Như vậy tiến trình thao luyện của tuần ba liên kết chặt chẽ với tuần hai. Tuy nhiên vẫn có sự khác biệt: trong khi tiến trình của tuần hai có mục đích dẫn người thao luyện đi đến tình yêu nên một với Đức Ki-tô và cụ thể hoá trong một bậc sống, thì tiến trình tuần ba lại có mục đích trắc nghiệm chính tình yêu đó.

Tại sao lại cần trắc nghiệm? Chắc chắn ơn xin của tuần hai đã diễn tả khát vọng xây dựng tình yêu nên một của thao viên: "xin được lòng hiểu biết thâm sâu về Chúa, Đấng đã làm người vì tôi để được yêu mến Ngài hơn và đi theo Ngài hơn" xét như một ơn ban (104). Đỉnh cao của khát vọng này là xác quyết của chủ thể: "chọn sự khó nghèo với Đức Ki-tô khó nghèo hơn là giàu có, chịu sự sỉ nhục với Chúa Ki-tô chịu sỉ nhục hơn là danh vọng, và ao ước được coi là ngu dại và điên rồ vì Chúa Ki-tô, Đấng đầu tiên đã bị coi như thế, hơn là được coi như người thông thái và khôn ngoan ở thế gian này" (167[3]).

Thế nhưng tình yêu đó của thao viên phải được chứng minh. Và việc chứng minh

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
như thế nào và ban Mình cùng Máu Rất Thánh cho các môn đệ, [3]và Ngài giảng cho các môn đệ một bài diễn từ sau khi Giu-đa đã ra đi để bán Chúa của mình.	Ngài trao Mình với Máu rất thánh và quí hóa; [3]và tiếp theo giảng cho họ bài diễn từ sau khi Giu-đa ra đi để nộp Chúa mình.	ban cho họ Mình và Máu rất thánh thiện của Ngài. [3]Sau cùng Ngài tâm sự với họ sau khi Giu-đa ra đi bán Ngài.
192. [1]*Thứ hai*, đặt khung cảnh bằng cách xem nơi chốn: ở đây là suy xét con đường đi từ Bê-ta-ni-a lên Giê-ru-sa-lem, nó rộng rãi hay chật hẹp, hay bằng phẳng...; [2]cũng xem xét vị trí phòng tiệc	**192.** [1]*Tiền nguyện thứ hai* là việc đặt khung cảnh, vốn ở đây là suy xét con đường đi từ Bê-ta-ni-a đến Giê-ru-sa-lem: nó hẹp không, nó bằng phẳng không v.v.; [2]cũng như thế, nơi chốn bữa	**192.** [1]*Thứ hai* được làm từ việc đặt khung cảnh, bằng cách suy xét xem con đường này khó hay dễ đi, ngắn ngủi hay xa xôi, với những đặc điểm khác có thể có; [2]sau đó nhìn xem khung cảnh nhà tiệc ly, rộng rãi hay chật

ấy sẽ được xác thực không phải khi khoẻ mạnh, nhưng khi yếu đau; không phải khi giầu có, nhưng khi cơ cực; không phải lúc vinh dự, nhưng lúc bị sỉ nhục. Phê-rô và các môn đệ khác lại đã chẳng thề thốt sống chết với Thầy cho dù có phải thí mạng mình, cho dù có phải ra tù vào khám đó ư (Ga 13, 36-37; Lc 22, 33-34)? Và rồi, mặc dù chính Chúa Giê-su đã cảnh cáo Phê-rô, nhưng ông vẫn không ngần ngại chối bỏ Thầy trong hành trình Thầy vào cuộc khổ nạn (Mc 14, 66-72). Các môn đệ khác cũng cao bay xa chạy!

Vì tầm quan trọng của việc thử thách này mà giống như tuần hai, thánh I-nhã đã đề nghị một chương trình hướng dẫn rất chi tiết cho hành trình thao luyện của tuần ba. Quả vậy, ngoài những bài mẫu ra, tuần hai còn có những đề tài mẫu cả ở giai đoạn thuộc đời sống thơ ấu của Chúa (132; 134) lẫn công khai (158; 161). Tuần ba cũng có những chỉ dẫn chi tiết về đề tài như thế (208) cùng với lời dặn dò phải kéo dài hay rút ngắn số ngày tuỳ vào việc nhận định của người hướng dẫn đối với ích lợi của thao viên, và đặc biệt thao viên lưu tâm đến cảm nhận của mình (199). Vậy, quả thực tầm quan trọng của nó không phải ở chỗ dẫn vào tình yêu, mà cân nhắc tình yêu.

2. Tương quan với tuần một

Tuần ba của Linh Thao cũng có mối liên hệ mật thiết với tuần một, một liên hệ mật thiết đến nỗi nhiều tác giả đã lẫn lộn và muốn qui hành trình của tuần này về đó. Quả vậy, cả hai đều có những điểm tương đồng đến nỗi nếu không tinh tế, người ta sẽ hiểu sai chính hành trình đào luyện của Linh Thao. Cũng thế, ta thấy cả hai tuần đều có những nét tương đồng: ở điều phụ thêm thứ hai, thao viên phải

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ly: nó lớn hay nhỏ (cách trang trí thế này hay thế khác) theo cách thức này hay cách thức khác.	tiệc ly: nó nhỏ không, hay nó lớn, nó có hình dạng thế này hay thế khác.	hẹp, bình thường hay được trang trí, và những điều khác tương tự.
193. *Thứ ba* là xin điều tôi muốn: ở đây là sự đau đớn, buồn sầu và ngượng ngùng, vì chính bởi tội tôi mà Chúa đi	**193.** *Tiền nguyện thứ ba*. Tôi sẽ xin điều tôi muốn, ở đây là xin đau đớn, xúc động và ngượng ngùng nơi chính tôi, vì chính do	**193.** *Thứ ba* được làm khởi đi từ việc xin điều ao ước, nghĩa là sự đau đớn, u sầu, và ngượng ngùng về điều mà Chúa

giục lòng đau buồn (206[4] # 74[1]); trong điều sáu, họ phải giục lòng thống khổ, đau đớn và nước mắt (206[4]# 78[1]) – ơn xin của bài chiêm niệm thứ nhất trong tuần ba rất gần với ơn xin của bài suy gẫm thứ hai của tuần một: "xin được đau đớn, buồn rầu và hổ thẹn, vì chính bởi tội tôi mà Chúa đi chịu nạn" (193) tương ứng với ơn xin "được lòng đau đớn sâu xa và thảm thiết và chảy nước mắt ra vì tội lỗi tôi" (55[4]).

Tuy nhiên, có sự khác biệt căn bản mà chúng ta phải lưu ý vốn hệ ở mục đích của chúng. Tâm tình của điều phụ thêm thứ hai ở đây không phải để cảm nghiệm sự khốn khổ bản thân về tội lỗi để sám hối mà nghiệm lại ơn Chúa đã chịu đau khổ vì mình để đáp lại tình yêu Ngài; khung cảnh tuần ba cũng không phải tìm sự đau buồn khóc lóc vì tội mình mà để mặc lấy y phục của Đức Ki-tô trong việc xây dựng tình yêu nên một với Ngài; cũng thế, ơn xin tuần ba không phải qui về mình để tìm sự thống hối, mà qui về Chúa để nhận thấy sự bất xứng của bản thân trước tình yêu Chúa ban một cách vô điều kiện và dấn thân sống tình yêu đó.

Tóm lại, tâm tình tuần ba hướng về việc xây dựng tình yêu với Thiên Chúa qua những gì Ngài đã làm cho mình, cụ thể nơi cuộc khổ nạn, trong khi tâm tình của tuần một qui về mình để cho vận hành của sám hối và tha thứ được tỏ hiện. Bởi lẽ một bên thuộc đời sống soi sáng của giai đoạn hai, còn một bên thuộc đời sống thanh luyện của giai đoạn một.

3. Tình yêu trong tuần ba

Như ta đã đề cập, tuần ba của Linh Thao tiếp nối việc xây dựng tình yêu với Đức Ki-tô như tuần hai với ý nghĩa trắc nghiệm. Vậy đó là tình yêu nào? Tình yêu ở đây đã vượt qua tình yêu ở tuần hai chưa? Chúng ta có thể xác quyết rằng tình yêu ở đây chưa vượt quá tình yêu của tuần hai, nghĩa là thánh I-nhã không hề hứa cho thao viên đạt đến đời sống thần hiệp như nhiều tác giả có tham vọng nghĩ đến. Tình yêu có tính trắc nghiệm này vẫn chỉ dừng lại ở mặt chủ động và ý thức của thao viên.

Chúng ta có thể trưng dẫn khẳng định này trong chính lời giải thích của thánh I-

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
chịu nạn.	tội của tôi mà Đức Ki-tô đi vào cuộc khổ nạn.	tối cao của mọi sự đã tự nộp mình như thế cho những tra tấn quá tàn bạo vì tội lỗi của tôi.
194. [1]*Điểm thứ nhất* là xem thấy các nhân vật trong bữa tiệc ly, và phản tỉnh trong lòng, cố rút ra ích lợi nào đó từ các nhân vật ấy.	**194.** [1]*Điểm thứ nhất* là xem thấy những người hiện diện tại bữa tiệc ly, và tôi phản tỉnh nơi chính mình, bằng cách cố gắng nhận được hoa trái nào đó về điều mà tôi xem thấy như thế.	**194.** [1]*Điểm thứ nhất* là nhìn xem những người ở tại bữa tiệc ly, và rút ra từ đó điều gì đó cho dụng ích của tôi.
[2]*Thứ hai*: lắng nghe điều các Ngài nói và cũng rút ra ích lợi nào đó từ các điều ấy.	[2]*Thứ hai:* lắng nghe điều các ngài nói, và cùng một cách thức gặt hái ở đó hoa trái nào đó.	[2]*Thứ hai*: lắng nghe những vị này, các ngài nói những điều gì, và gặt hái hoa trái từ đó.

---

nhã sau bài chiêm niệm mẫu thứ nhất. Ngài nói: "Cần chú ý rằng như trước đã giải thích một phần, trong các cuộc tâm sự, chúng ta phải thân thưa và cầu xin theo đề tài đã được đề ra, nghĩa là như tôi đang bị cám dỗ hay được an ủi, theo như tôi ao ước được nhân đức này hay nhân đức khác, theo như tôi sắp xếp mình về phía này hay phái kia... hay nếu đề tài hoặc lòng sốt sáng thúc đẩy, có thể làm ba cuộc tâm sự: một với Đức Mẹ, một với Chúa Con, và một với Đức Chúa Cha, theo cùng một hình thức như đã chỉ ở tuần hai trong bài gẫm về Hai Người (tức ba Mẫu Người), cùng với ghi chú liền sau các hạng người đó" (199).

Đem lời giải thích này đối chiếu với lời giải thích ở bài suy xét về Ba Cách khiêm nhường (168), chúng ta thấy chúng có cùng một tiến hành đến nỗi không có sự khác biệt giữa cuộc tâm sự giữa bài thao luyện đỉnh cao của tuần hai với các bài của tuần ba: Cả hai giải thích đều phải qui về lời tâm sự của bài Hai Cờ Hiệu (147), nhưng phải nối kết với lời giải thích của bài Ba Mẫu Người: "khi ta nhận thấy tâm tình hoặc lòng gớm ghét chống lại sự khó nghèo thực... thì điều này giúp ích nhiều để diệt trừ lòng quyến luyến lệch lạc ấy, là trong các tâm sự, nài xin Chúa chọn mình vào trong sự khó nghèo thực (mặc dù nghịch ý xác thịt), và giục lòng ước muốn, cầu xin, van nài cho được điều ấy, miễn là để phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa nhân lành" (157).

Cách qui chiếu này cho phép chúng ta xác tín rõ ràng rằng tiến trình thao luyện tuần ba dù thuộc về tình yêu có tính thử thách nhưng vẫn không vượt ra khỏi bình diện chủ động và ý thức như tuần hai, nghĩa là vẫn thuộc về đời sống soi sáng.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[3]*Thứ ba*: nhìn xem các Ngài làm và rút ra ích lợi nào đó.	[3]*Điểm thứ ba:* suy xét những việc làm và những cử chỉ của các ngài, và từ đó tôi cũng sẽ rút ra hoa trái nào đó.	[3]*Thứ ba*: chú ý đến điều các ngài làm, và rút ra ích lợi từ tất cả mọi sự.
195. [1]*Thứ bốn*: suy xét về điều mà [~~nhân tính của~~] Đức Ki-tô, Chúa chúng ta chịu hoặc muốn chịu ***nơi nhân tính Ngài***, tuỳ theo khung cảnh	**195.** [1]*Thứ bốn* là suy xét điều Đức Ki-tô chịu và muốn chịu trong nhân tính của Ngài tùy theo điều xảy ra từ lịch sử phải chiêm niệm, [2]và tôi	**195.** [1]*Thứ bốn*: quan sát điều mà, ngay bây giờ, Đức Ki-tô khát mong và bắt đầu chịu đựng, hợp với lịch sử; [2]sau đó, chính tôi bắt đầu làm trỗi dậy

Ngoài ra, khi chiêm ngắm cuộc khổ nạn của Chúa Ki-tô (289-298), sự thất bại của các môn đệ đi theo Chúa phản chiếu chính sự thất bại của thao viên khi gặp thử thách. Điều ấy cho thấy tình yêu của họ chưa đạt tới sự trọn vẹn *(x. chú giải số 289-298)* và cũng vì thế mà thánh I-nhã ngăn ngừa họ tuyên khấn thề nguyền cách bồng bột và thiếu suy xét ngay ở phần chú dẫn, nhất là đối với những người nhẹ dạ (14[1]).

B.(I). NGÀY MẪU THEO MẶC KHẢI

Tuần ba và tuần bốn không bắt đầu bằng những bài thao luyện cá nhân, nhưng bắt đầu ngay bằng những bài thuộc mặc khải, dấu chỉ cho thấy sự hiệp nhất nên một giữa chủ thể và Thiên Chúa khởi từ giai đoạn hai của tuần hai tiếp tục duy trì nơi kinh nghiệm của chủ thể. Tới giai đoạn này, thao viên đã quen thuộc với cách tập luyện của thánh I-nhã nên tất cả những việc hướng dẫn đều rút ngắn lại: trong tuần ba, ngài chỉ đưa ra một bài mẫu trọn vẹn: "Ngày thứ nhất, cuộc chiêm niệm thứ nhất vào nửa đêm, về các việc từ lúc Đức Ki-tô Chúa chúng ta, từ Bê-ta-ni-a lên Giêruasalem đến hết Bữa Tiệc Ly như thế nào" (190-198) và một phần bài mẫu thứ hai: "Cuộc chiêm niệm thứ hai vào lúc rạng đông sẽ là từ Bữa Tiệc Ly đến hết Những việc xảy ra ở Vườn Dầu" (200-203). Chúng ta tìm hiểu cả hai đề tài này với nhau.

1. Ơn xin của tuần ba (193 và 203)

Ta đã biết những cuộc thao luyện tuần ba vừa đồng nhất, vừa đào sâu hành trình thao luyện tuần hai theo chiều hướng trắc nghiệm và thử thách. Nhưng vấn đề đặt ra: đâu là cấp độ của việc trắc nghiệm và thử thách? Chúng ta trực tiếp tiến vào ơn xin để tìm hiểu.

- Ơn xin của bài chiêm niệm thứ nhất theo bản A được viết như sau: "Xin điều tôi ao ước, ở đây là sự đau đớn, buồn rầu và ngượng ngùng, vì chính bởi tội tôi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
cuộc khổ nạn mà tôi đang chiêm niệm. [2]Ở đây đem hết sức lực và cố gắng để được phiền não, buồn sầu và khóc lóc. Cũng làm như thế trong các điểm tiếp sau.	bắt đầu phiền não, buồn sầu và khóc lóc với một xúc động mạnh mẽ; và tôi sẽ thực hiện cùng một nỗ lực như thế trong các điểm khác sau đây.	nơi tôi sự đau khổ, buồn rầu và khóc lóc, và tôi cảm thấy mình phiền não theo cùng một cách thức trong những điểm tiếp theo.
196. *Thứ năm*. Suy xét xem thiên tính ẩn mình như thế nào; nghĩa là bản tính ấy có thể huỷ diệt kẻ thù của mình, mà không làm, và làm sao lại để mặc cho nhân tính	**196.** *Thứ năm*: suy xét Thiên tính vốn ẩn nấp và bị che giấu đi, trong khi có thể tiêu diệt những kẻ thù của mình mà lại không muốn làm điều đó, nhưng cho phép và để	**196.** *Thứ năm*. Suy gẫm cách nào đó Thiên tính của Đức Ki-tô, một khi ẩn giấu đi, đã không tiêu diệt những kẻ thù của Ngài lúc có thể, nhưng lại để cho nhân tính của

mà Chúa đi chịu nạn" (193). Tư tưởng của V cũng tương tự khi nói: "Khởi từ việc xin điều ao ước, nghĩa là sự đau đớn, ưu sầu và ngượng ngùng về điều mà Chúa tối cao của mọi sự đã tự nộp mình như thế cho những tra tấn quá tàn bạo vì tội lỗi của tôi". Bản P xem ra nhấn mạnh đến chính chủ thể hơn khi viết: "... ở đây là xin sự đau đớn, xúc động và ngượng ngùng về chính tôi, vì chính do tội của tôi mà Đức Ki-tô đi vào cuộc khổ nạn."

Vậy cả ba bản văn đều xác định rằng cuộc khổ nạn mà Chúa phải chịu có nguyên do là "tội của tôi". Xem ra tình yêu đó chỉ dừng lại ở cái "có". Thế nhưng cái "có" này không phải là cái "có" tốt lành, thánh thiện mà là cái "có" đáng ghê tởm và phải chết (60), nên tình yêu cứu sống lại chạm đến cái "là" khi Đức Ki-tô đã chết thay cho tôi (53). Có vẻ bản P diễn tả sự đụng chạm này cách sinh động hơn. Nói cách khác, đó là một tình yêu chạm tới cái "là" trọn vẹn ngang qua cái "có" vì đó là hành vi chết thay để người khác được sống, không phải sống đời tạm bợ mà sống đời đời trong Thiên Chúa.

- Ơn xin của bài chiêm niệm thứ hai: Bản A viết: "Điều đặc biệt cần xin trong cuộc thương khó là phải xin cho được đau đớn với Chúa Ki-tô thống khổ, tan nát cõi lòng với Chúa Ki-tô tan nát tâm hồn, được khóc lóc, đau đớn trong lòng vì sự đau đớn dường ấy mà Chúa Ki-tô đã chịu vì tôi" (203). Về ơn xin này, có hai điều ta cần lưu ý:

Trước hết, ơn xin trực tiếp nhắm đến tình yêu ở tận cái "là", vì đây là cuộc thương khó Đức Ki-tô phải chịu vì chính bản thân tôi. Cả ba bản văn đều chân nhận rõ như thế. Ơn xin này vượt quá ơn xin của bài trên vì mối dây liên vị được tức khắc xác định, một mối dây đã được đề cập ngay từ đầu tuần hai (103; 113),

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
chí thánh phải chịu khổ hình cách ghê rợn như thế.	cho nhân tính rất thánh thiện của Ngài phải chịu hành hạ cách quá ghê rợn như thế.	Ngài chịu những đau khổ quá ghê rợn.
197. *Thứ sáu*: suy xét [s~~uy xét~~] Chúa Giê-su chịu tất cả những sự ấy vì tội lỗi tôi như thế nào..., và tôi, tôi phải làm gì và chịu những sự gì vì Chúa.	**197.** *Thứ sáu*: suy xét rằng Ngài chịu đựng tất cả các điều đó vì những tội lỗi của tôi v.v.; và suy xét điều tôi phải làm và chịu vì Ngài..	**197.** *Thứ sáu*: trong khi Ngài chịu bấy nhiêu điều vì những tội lỗi của tôi, suy nghĩ về điều tôi phải làm hay phải chịu vì Ngài.
198. Kết thúc bằng *một cuộc tâm sự* với Đức Ki-	**198.** Ta chấm dứt bằng *một cuộc tâm sự* dâng lên	**198.** *Một cuộc tâm sự* được làm với Đức Ki-tô, rồi kết thúc bằng một

vốn được Đức Ki-tô thiết lập, đi bước trước và đã được loan báo trước ngay từ thời thơ ấu(116[2]). Cảm nghiệm tình yêu Đức Ki-tô hiến tế vì tôi là điều rất quan trọng để thúc đẩy tôi sống hiến tế vì Ngài mà đáp lại tình yêu Ngài.

Sau nữa, từ việc đáp lại tình yêu của Đức Ki-tô, thao viên đi đến chỗ xây dựng tình yêu nên một với Ngài. Chính nơi này mà nội dung vế đầu của bài Lời Gọi Vua Hằng Sống được diễn đạt và trắc nghiệm: "Theo Ta trong đau khổ" (95[5]). Tất cả ba bản văn đều nhấn mạnh từ ngữ "với" ở đây, nhưng bản V đã không coi đây là đặc điểm của tuần ba như hai bản A và P đã làm: "điều đặc biệt cầu xin trong Cuộc Thương Khó" theo A và "điều thuộc riêng cho Cuộc Thương Khó" theo P (x. 203[b])

2.Các điểm chiêm niệm

Các điểm chiêm niệm của tuần ba khác với các điểm của tuần hai, mặc dù cả hai đều dành vào việc chiêm ngắm cuộc đời Chúa Giê-su.

Trước hết, ba điểm đầu tiên của tuần hai vốn chiếm ba số Linh Thao được dồn vào một số: nhìn xem nhân vật, nghe các nhân vật nói, xem các nhân vật làm (194 # 106-108). Việc chiêm niệm của tuần hai dừng lại ở đây để bước vào tâm sự, trong khi tuần ba còn tiếp tục khai triển ý nghĩa cuộc khổ nạn.

Sau nữa, ba điểm còn lại đào sâu cuộc khổ nạn của Chúa dưới ngôn ngữ của thần học Kinh Viện: Bản A và P cho thấy Chúa Giê-su chịu đau khổ nơi nhân tính của Ngài (195[1]) như thể thiên tính Ngài ẩn mặt đi (196) và trọn vẹn ngôi vị Ngài chịu những điều đó vì tội tôi (197). Qua ngôn ngữ Kinh Viện, thánh I-nhã muốn diễn đạt chính chân lý cứu độ vốn được thực hiện bằng con đường tự hủy nơi Đức Ki-tô như thánh Phao-lô muốn diễn tả (Pl 2,6-8). Dù vận dụng ngôn ngữ Kinh viện

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tô, Chúa chúng ta, và sau cùng đọc một Kinh Lạy Cha.	Đức Ki-tô Chúa chúng ta; và sau cùng tôi sẽ thêm một Kinh Lạy Cha.	Kinh Lạy Cha.
199. [1]*(Giải thích)* Cần chú ý rằng, như trước đã giải thích một phần, trong các cuộc tâm sự, chúng ta phải thân thưa và cầu xin theo đề tài đã đề ra, [2]nghĩa là theo như tôi đang bị cám dỗ hay được an ủi, theo như tôi ao ước được nhân đức này hay nhân đức khác, theo như tôi sắp xếp mình về phía này hay phía kia, theo như tôi muốn đau khổ hay vui mừng về điều tôi chiêm niệm, [3]sau cùng cầu xin điều tôi ao ước mãnh liệt	**199.** [1]*(Giải thích)* Như điều đó đã được giải thích một phần ở trên, cần chú ý rằng, trong những cuộc tâm sự, chúng ta phải thân thưa và dâng lên những lời cầu xin tùy theo đề tài được đề ra, [2]và theo như tôi sẽ bị cám dỗ hay được an ủi, và theo như tôi ao ước có được nhân đức này hay nhân đức khác, và theo như tôi ước ao và mong muốn tự sắp xếp mình về điều này hay điều kia, và theo như tôi muốn đau khổ hay vui	**199.** [1]*(Giải thích)* Phải ghi chú rằng trong các cuộc tâm sự (như chúng ta đã giải thích một phần ở trên), làm và nài xin điều gì đó khi lưu ý đến thời điểm hiện tại là một điều rất thích hợp, [2]nghĩa là tùy theo như tôi cảm thấy nơi mình có sự an ủi hay xáo trộn, tùy theo như tôi xin được nhân đức này hay nhân đức khác, tùy theo như tôi muốn quyết định về phía này hay phía kia, tùy theo như tôi muốn buồn rầu hay vui mừng nhiều nhất về một

cách khoáng đạt hơn, nhưng bản V cũng cho thấy thần tính Chúa ẩn mình (196) để toàn thể ngôi vị Ngài đi vào cuộc khổ nạn.

Có hai ghi nhận về các điểm này: thứ nhất về bài chiêm niệm thứ nhất, cho đến bây giờ thánh I-nhã mới hé mở cho thấy rằng cuộc khổ nạn của Chúa vì tội tôi đụng chạm đến tôi không chỉ ở cái "có" mà ở cái "là". Bởi lẽ ngay sau đó ngài đề nghị thao viên suy nghĩ để phải làm gì và chịu những gì "vì Chúa", một sự đáp lại ở cái "là" chứ không phải cái "có" (197). Điều này cho thấy có sự tương hợp giữa những bài thao luyện của tuần thứ nhất với bài thứ nhất của tuần ba (190-198): tình yêu Chúa đụng chạm đến cái "là" ngang qua cái "có".

Thứ hai, tình yêu Chúa ở tận cái "là" của bài chiêm niệm thứ hai ở ơn xin (203) lại cho thấy sự tương hợp giữa bài này với những bài thao luyện đầu tuần hai về những Mầu Nhiệm cuộc đời Chúa Ki-tô (104; 113). Điều này vừa diễn tả tính liên tục và thống nhất của Thiên Chúa trong hành trình cứu độ, vừa gợi lên sự đáp lại tình yêu của chủ thể cũng tận cái "là", một sự đáp lại không tính ở số lượng mà ở phẩm chất.

3. Những can thiệp của thánh I-nhã

Có hai can thiệp của thánh I-nhã vào bản A trong những bài chiêm niệm này:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hơn liên quan đến một số điều đặc biệt. [4]Và bằng cách đó, chỉ làm cuộc tâm sự với Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, hay nếu đề tài hay lòng sốt sắng thúc đẩy, có thể làm ba cuộc tâm sự: một với Đức Mẹ, một với Chúa Con, và một với Đức Chúa Cha, [5]theo cùng một hình thức như đã chỉ ở tuần thứ hai trong bài gẫm về Hai Người, cùng với lời ghi chú liền sau các hạng người đó.	mừng về điều tôi chiêm niệm; sau cùng, tôi sẽ nài xin điều mình ao ước mạnh mẽ hơn về một số điều đặc biệt; [4]và như thế, trong khi duy trì cách làm này, tôi có thể dâng cuộc tâm sự lên với Đức Ki-tô Chúa chúng ta; và nếu đề tài và lòng sốt sáng thúc đẩy tôi, thì làm ba cuộc tâm sự: cuộc thứ nhất lên với Mẹ Đức Ki-tô, Đức Ma-ri-a, thứ hai lên với Chúa Con, thứ ba lên với Chúa Cha, [5]bằng cách giữ nguyên cách làm đã được chỉ định trong tuần hai, ở bài suy gẫm về Hai Người, với ghi chú viết liền sau đó.	điều gì đó rõ ràng. [3]Sau cùng, sẽ phải xin điều tôi ao ước nhiều nhất về điều nào đó rõ ràng. [4]Và ta có thể làm một cuộc tâm sự với Đức Ki-tô Chúa, hoặc là, nếu lòng sốt sắng thúc đẩy, thì làm ba cuộc tâm sự, nghĩa là với Mẹ, với Con và với Cha, [5]như đã được chỉ ra trong việc chiêm niệm của tuần thứ hai về Ba Hạng, với chú dẫn theo sau đó.
200. [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ HAI VÀO BUỔI SÁNG, SẼ LÀ TỪ BỮA TIỆC LY ĐẾN HẾT NHỮNG VIỆC XẢY RA Ở VƯỜN	**200.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ HAI SẼ ĐƯỢC LÀM VÀO RẠNG ĐÔNG KHỞI TỪ KHI KẾT THÚC BỮA TIỆC LY ĐẾN HẾT	**200.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ HAI VÀO RẠNG ĐÔNG VỀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG CHÚA KI-TÔ ĐƯỢC HOÀN TẤT SAU BỮA

- Lần thứ nhất, trong điểm bốn của cuộc chiêm niệm thứ nhất, bản văn viết: "Suy xét về điều mà nhân tính của Đức Ki-tô, Chúa chúng ta chịu hoặc muốn chịu, tuỳ theo khung cảnh tôi đang chiêm niệm" (195[1]). Thánh I-nhã đã gạch bỏ từ ngữ "nhân tính của" và thêm cụm từ "***nơi nhân tính của Ngài***" sau câu: "suy xét về điều mà Đức Ki-tô Chúa chúng ta chịu hoặc muốn chịu" để xác định chính ngôi vị Chúa chịu nơi nhân tính Ngài chứ không phải chỉ có nhân tính Ngài phải chịu. Bản P viết theo sự điều chỉnh này. Bản V tránh sử dụng sự phân biệt theo ngôn ngữ Kinh viện ở đây để cho thấy chính Đức Ki-tô muốn chịu những điều đó.
- Lần thứ hai, trong tiền nguyện thứ nhất của bài chiêm niệm thứ hai về lịch sử, bản văn viết: "và bắt đầu cầu nguyện, Người chảy mồ hôi giống như mồ hôi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
DẦU.	VƯỜN DẦU.	TIỆC LY VÀ Ở VƯỜN.
[2]*Kinh dọn lòng* như thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng*: cùng một kinh như thường lệ.	[2]Luôn luôn *kinh dọn lòng* thường lệ.
201. [1]*Tiền nguyện thứ nhất* là lịch sử. Ở đây là việc Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, cùng mười một môn đệ đi xuống từ núi Si-on, nơi đã ăn bữa tiệc ly để tiến về thung lũng Giô-sa-phát như thế nào. [2]Ngài để tám môn đệ ở một nơi trong thung lũng và ba môn đệ khác một nơi trong vườn; [3]và bắt đầu cầu nguyện, Ngài [~~chảy mồ hôi giống như mồ hôi máu~~] ***chảy mồ hôi giống như những giọt máu*** như thế nào.	**201.** [1]*Tiền nguyện thứ nhất* là hồi tưởng về lịch sử, vốn ở đây là suy xét Đức Ki-tô sau khi đi cùng với mười một môn đệ, đang xuống từ núi Si-on, nơi Ngài đã ăn bữa tiệc ly trước đó, qua thung lũng Giô-sa-phát; [2]sau khi để tám môn đệ lại ở một nơi của thung lũng, và ba môn đệ khác ở một nơi của khu vườn, Ngài đã ra đi cầu nguyện; [3]khi Ngài cầu nguyện ở đó, Ngài chảy mồ hôi máu; [4]và sau khi đã cầu	**201.** [1]*Mở đầu thứ nhất* là tùy theo lịch sử: Đức Giê-su Ki-tô, cùng lúc với mười một tông đồ đi xuống khỏi núi Si-on, nơi các ngài ăn bữa tiệc ly như thế nào; và, khi đi ngang qua thung lũng Giô-sa-phát, [2]sau khi để tám người trong họ ở lại đó, và để ba người khác trong một nơi của khu vườn, chính Ngài đi riêng ra, [3]Ngài cầu nguyện cho đến khi chảy mồ hôi với máu, [4]sau khi đã nhắc lại ba lần cùng một lời

máu như thế nào" (201[3]). Thánh I-nhã cũng gạch bỏ cụm từ: "chảy mồ hôi giống như mồ hôi máu" và thay vào bằng cụm từ: "***chảy mồ hôi giống như những giọt máu***" cho sát với cách diễn tả của Tin Mừng hơn (Lc 22, 44). Hai bản P và V viết tổng quát hơn khi nói "mồ hôi máu" (P) hay "mồ hôi với máu" (V).

C.I.21 I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Giải thích

Có hai giải thích trực tiếp được thánh I-nhã thực hiện ở tuần Ba mà thôi, một ở đây và một ở sau các ngày mẫu.

21. Ở cuối bài chiêm niệm (199)

Giải thích ở đây nhắc lại lời giải thích về việc tâm sự ở tuần một (54). Nhưng trong khi lời tâm sự của tuần một nói tổng quát về mối liên hệ giữa hai chủ thể và sự việc được đặt ra trong bầu khí sám hối, thì lời tâm sự ở đây được đặt trong mối tương quan tình yêu vốn được diễn tả dưới ngôn ngữ biểu tượng: lực hút lực đẩy như cám dỗ hay an ủi, đứng về phía này hay phía kia... (199[1-3]).

Ngoài ra khi nói về hình thái tâm sự (199[4-5]), giải thích này cũng vừa nhắc lại lời giải thích sau cuộc tâm sự của bài Ba Mẫu Người, vừa mở rộng phạm vi của nó

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[4]Sau khi đã cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha ba lần, Ngài đánh thức ba môn đệ ra sao. Sau đó, khi nghe tiếng Ngài, các kẻ thù địch ngã xuống đất, và Giu-đa hôn Ngài bằng nụ hôn bình an; [5]và thánh Phê-rô chém đứt tai Mal-cô, và Chúa Ki-tô đặt tai vào lại chỗ. [6]Bấy giờ Ngài bị bắt như kẻ gian phi, chúng lôi Ngài xuống thung lũng rồi lại kéo lên dốc núi để đến nhà An-na.	nguyện ba lần với Cha, Ngài đánh thức ba môn đệ, Giu-đa đã hôn Ngài, và khi nghe tiếng Ngài, những kẻ thù của Ngài đều té ngã, [5]Phê-rô đã chém tai Mal-cô và Đức Ki-tô đã chữa lành anh ta; [6]và sau khi bắt Ngài như một tên gian phi, chúng điệu Ngài đi, xuống thung lũng và sau đó leo lên nhà ông An-na.	nguyện xin với Cha Ngài; sau đó, Ngài đánh thức các môn đệ còn mê ngủ, chỉ khi Ngài lên tiếng các đối thù của Ngài mới té nhào xuống đất, trong khi Giu-đa trao nộp Ngài bằng nụ hôn, [5]tiếp theo Ngài chữa lành tai ông Mal-cô mà Phê rô đã chém đứt, [6]sau cùng Ngài bị bắt như một tên trọng tội hay như bất cứ tên trộm cắp nào và bị điệu đi, qua thung lũng đến nhà ông An-na trước hết.
202. *Thứ hai* là nhìn xem nơi chốn. Ở đây là suy xét con đường từ núi Si-	**202.** *Thứ hai* là việc đặt khung cảnh, vốn ở đây là suy xét con đường từ núi	**202.** *Thứ hai*, coi như là việc cấu trúc khung cảnh: xem thấy con đường, dốc,

(157). Quả vậy, nó nhắc lại vì cả hai đều bàn về cách hành xử khi có tâm tình trái ngược với đề tài. Nhưng nếu lời giải thích sau bài Ba Mẫu Người nhắm đến tâm trạng trái ngược đối với sự bình tâm khiến chủ thể phải hành động ngược lại, thì lời giải thích này, cũng như lời giải thích ở bài Ba Cách khiêm nhường (168), không dừng lại ở sự bình tâm, nhưng dẫn vào mối tương quan tình yêu. Nghĩa là giục lòng ao ước, van nài được sống con đường hiến tế của Chúa dù thấy tâm tình ngược lại.

Điều đáng ghi nhận: nếu cha Polanco lúng túng và gặp sai sót khi đưa ra việc giải thích sau bài Ba Cách khiêm nhường trong bản V (168[1]), thì ở lời giải thích này, hai bản A và P lại lúng túng và sai sót. Dường như cả hai ghép con số hai của bài "Hai cờ hiệu" vào tựa đề "Ba Mẫu Người" để trở thành "Hai Người" thay vì "Ba (mẫu) Người" (199[5]). Một sai sót đáng ghi nhận.

C.II.4 I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Bộ ghi chú 3 (4) thuộc Tuần Ba (204-207)

Đây chính là những ghi chú vốn là khí cụ thứ hai của tuần hai trở đi tương ứng với Mười điều phụ thêm của tuần một. Những ghi chú này giống như những bộ ghi chú của tuần hai mà ta đã đề cập (127-131 và 162-164). Tuy nhiên, bản A gặp lúng túng ở đây. Vì bản P vẫn coi đây là những chú dẫn, bản V vẫn coi như

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
on xuống thung lũng Giô -sa-phát và cả cái vườn nữa; nó có rộng không, có dài không, và theo cách thức này hay cách thức khác.	Si-on đến thung lũng Giô -sa-phát, và con đường của chính khu vườn, rộng hay hẹp, về phương diện này hay phương diện khác.	bằng phẳng và dốc đứng; cũng thế, tưởng tượng khu vườn, với chiều kích như thế, hình dạng và tình trạng như thế này thế nọ.
203. ~~*[Thứ hai]*~~ ***Thứ ba*** là xin điều tôi muốn. Điều đặc biệt cần xin trong cuộc thương khó là phải xin được đau đớn với Chúa Ki-tô đầy đau đớn, tan nát cõi lòng với Chúa Ki-tô tan nát tâm hồn, được khóc lóc đau khổ trong lòng về sự đau khổ dường ấy mà Chúa Ki-tô đã chịu vì tôi.	**203.** *Tiền nguyện thứ ba* là xin điều tôi muốn: Điều đặc biệt cho cuộc Thương Khó là xin đau đớn với Đức Ki-tô đầy đau đớn, mệt mỏi và đau thắt con tim với Đức Ki-tô thống khổ, khóc lóc và đau buồn trong lòng vì sự đau khổ mà Đức Ki-tô phải chịu vì tôi.	**203.** *Thứ ba*, để nhận lãnh được điều tôi ao ước: xin được thống khổ, khóc lóc, khắc khoải và những đau khổ nội tâm khác tương tự, để được đau khổ với Đức Ki-tô đau khổ vì tôi.
204.[1]*[Ghi chú thứ nhất].* Trong cuộc chiêm niệm thứ hai này, sau khi đọc kinh dọn lòng và làm ba tiền nguyện như đã nói, sẽ theo cùng một cách thức tiến hành về các điểm và các cuộc tâm sự như trong cuộc chiêm niệm thứ nhất về Bữa Tiệc Ly. [2]Vào giờ thánh	**204.** [1]*Chú dẫn thứ nhất*. Trong cuộc chiêm niệm thứ hai này, sau kinh dọn lòng và ba tiền nguyện đã được nêu ra, trong cách tiến hành về những điểm và những cuộc tâm sự, ta sẽ tuân giữ cùng một trật tự mà mình đã tuân giữ trong cuộc chiêm niệm thứ nhất,	**204.** [1]Cũng phải ghi chú bốn điều này. *Thứ nhất*: sau kinh dọn lòng và ba mở đầu của cuộc thao luyện thứ hai này, phải tiến hành cùng một cách thức và cùng một trật tự, trong những điểm và cuộc tâm sự, như ta đã làm trong cuộc thao luyện trước đây về Bữa

những điều cần ghi chú thì bản A lại bỏ trống. Tuy rằng ở bên lề của bản văn có ghi nhận là những "ghi chú", nhưng có lẽ muộn thời do một tác giả vô danh nào đó *(Ignace de Loyola, Texte autographe des Ex. Sp., Christus N.60, Desclée de Brouwer, Paris, 1986, tr.126-127).* Có bốn ghi chú được nói đến:

l. Ghi chú thứ nhất (204)

Ghi chú thứ nhất về cuộc thao luyện thứ hai và về chương trình một ngày.

Đối với cuộc thao luyện thứ hai: như đã nói, những đề tài thao luyện mặc khải của tuần một thuộc về suy gẫm nên sau kinh nguyện dọn lòng chỉ có hai tiền

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lễ và giờ kinh chiều sẽ làm hai cuộc phục niệm về bài chiêm niệm thứ nhất và thứ hai. Rồi trước bữa tối áp dụng ngũ quan về hai bài chiêm niệm vừa nói trên. [3]Bao giờ cũng bắt đầu bằng kinh dọn lòng và ba tiền nguyện, tuỳ theo đề tài đã đề ra và theo cùng một cách thức như đã nói và giải thích trong tuần thứ hai.	cuộc chiêm niệm về Bữa Tiệc Ly. [2]Và, vào giờ thánh lễ và hát kinh chiều, ta sẽ làm hai cuộc phục niệm về cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai. Sau những cuộc phục niệm này, ta sẽ làm cuộc thao luyện áp dụng ngũ quan về những cuộc chiêm niệm nêu trên vào trước bữa ăn tối, [3]luôn làm trước hết kinh dọn lòng, với ba tiền nguyện tùy theo đề tài được đề ra, theo cách đã được nói và được giải thích trong tuần thứ hai.	Tiệc Ly; [2]Cũng sẽ phải thêm, vào khoảng giờ thánh lễ và hát kinh chiều, hai cuộc phục niệm về cuộc chiêm niệm thứ nhất và thứ hai đã nói đến; Trước bữa ăn tối, ta sẽ áp dụng ngũ quan, [3]bằng cách luôn luôn làm trước hết kinh dọn lòng, với ba mở đầu vốn am hợp với chủ đề được đề ra, như điều đó đã được giải thích trong tuần thứ hai.
205. *[Ghi chú thứ hai]* Tuỳ theo tuổi tác, sức	**205.** *Thứ hai*. Điều rất hữu ích cho thao viên là	**205.** *Thứ hai*: một khi lưu tâm đến tuổi tác, khí chất

nguyện: đặt khung cảnh và xin ơn (49), trong khi các đề tài thao luyện mặc khải của tuần hai trở đi thuộc chiêm niệm nên có thêm tiền nguyện về lịch sử (105). Thánh I-nhã ghi nhận thêm cách thức tiến hành về các điểm được rút ra từ cuộc chiêm niệm thứ nhất: "Bữa Tiệc Ly". Tại sao? Thưa vì bài chiêm niệm này có thêm ba điểm liên quan đến nhân tính, thiên tính và chính ngôi vị Chúa Ki-tô đi vào cuộc khổ nạn (195-197) và nhất là lời tâm sự có kèm theo lời giải thích về tâm tình trái ngược với con đường của Chúa(199).

Riêng về chương trình một ngày thao luyện, thánh I-nhã qui về ghi chú thứ hai của tuần hai: chương trình bình thường gồm hai bài chiêm niệm vào nửa đêm và ban sáng, hai cuộc phục niệm vào giờ Thánh Lễ và kinh chiều và một cuộc áp dụng ngũ quan vào trước bữa ăn tối (128) đã được vạch ra trong tuần một (72[1]).

2. Ghi chú hai (205)

Ghi chú này liên quan đến điều kiện chủ quan của thao viên để áp dụng một chương trình thao luyện thích hợp, nghĩa là trọn năm cuộc thao luyện hay ít hơn. Điều này đã nói đến ở tuần một (72[2]) và ghi chú thứ ba của tuần hai (129).

3. Ghi chú thứ ba (206)

Ghi chú này liên quan đến mười điều phụ thêm. Có hai điều phụ thêm phải sửa

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
khoẻ và tính khí, người luyện tập sẽ làm năm cuộc Linh Thao mỗi ngày hoặc ít hơn.	mỗi ngày làm năm cuộc thao luyện hay ít hơn, tùy theo tuổi tác, thể chất và tính khí.	thể lý và toàn thể tâm trạng, ta sẽ làm mỗi ngày năm cuộc thao luyện hay ít hơn.
206. [*Ghi chú thứ ba*] [1]Trong tuần thứ ba này sẽ sửa đổi một phần điều phụ thêm thứ hai và thứ sáu:	**206.** [1]*Thứ ba*: trong tuần thứ ba, ta sẽ sửa đổi một phần điều phụ thêm thứ hai và thứ sáu.	**206.** [1]*Thứ ba*: trong tuần thứ ba này, cần phải sửa đổi một phần điều phụ thêm thứ hai và điều phụ thêm thứ sáu.
[2]Về điều thứ hai là ngay khi thức dậy, đặt trước mắt: tôi đi đâu, và để làm gì, ôn lại vắn tắt cuộc chiêm niệm tôi sắp làm, tùy theo mầu nhiệm đang đề cập. [3]Đang khi dậy và mặc áo, tôi cố gắng giục lòng buồn sầu và phiền não vì những đau đớn và thống khổ dường ấy mà Đức Ki-tô, Chúa chúng ta đã chịu.	[2]Điều phụ thêm thứ hai là: ngay sau khi thức dậy, tôi tự đặt mình trước mắt xem mình đi đâu và làm gì, lược qua cuộc chiêm niệm mà tôi muốn làm, tùy theo mầu nhiệm đó là gì, [3]trong khi tôi thức dậy và mặc quần áo, tôi cố gắng thúc giục trong linh hồn tôi sự buồn phiền và đau đớn về sự đau đớn và cuộc khổ nạn của Đức Ki-tô Chúa chúng ta.	[2]Về điều liên quan đến điều thứ hai: ngay khi thức dậy, tôi sẽ suy nghĩ mình đi đâu và gợi nhớ cách mau lẹ cuộc chiêm niệm sắp đến; [3]và trong khi chỗi dậy và mặc quần áo, tôi khơi dậy cùng lúc cách mạnh mẽ nơi mình sự buồn sầu và đau đớn vì những đau khổ quá nhiều và quá lớn của Đức Ki-tô.
[4]Điều thứ sáu phải sửa đổi thế này: cố gắng		[4]Về điều thứ sáu: tôi sẽ tránh, đúng hơn là

đổi cho phù hợp với bầu khí u sầu và đau đớn của chủ thể ở cuộc thương khó.

- Điều phụ thêm thứ hai: thuộc về việc chuẩn bị khi thức dậy cho cuộc thao luyện nửa đêm và ban sáng vốn cũng đòi buộc tâm tình buồn phiền và đau đớn, nhưng không phải như một tội nhân bị xiềng xích ra trước vị thẩm phán tối cao (74[3]), mà vì những đau đớn Đức Ki-tô đã chịu (206[3]) vì tội tôi (193) và vì tôi (203). Việc chuẩn bị này cũng được nói ở tuần hai, nhưng tùy vào tâm tình của chủ thể đối với Mầu Nhiệm Nhập Thể (130).
- Điều phụ thêm thứ sáu liên quan đến tâm tình trong ngày sống: Chủ thể luôn phải suy nghĩ đến sự đau buồn, nhưng cũng không phải vì tội lỗi mình như tuần một vốn dẫn đến hình phạt của sự chết, sự phán xét (78[1]), mà là đến cuộc đau khổ Chúa chịu vì tội tôi và vì tôi (193; 203).

Tóm lại, ghi chú thứ ba đưa thao viên trở về bầu khí đau buồn như tuần một, nhưng với mục đích xây dựng tình yêu với Đức Ki-tô của đời sống soi sáng chứ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
đừng làm nảy nở những tư tưởng vui mừng dù tốt lành và thánh thiện như tư tưởng về sự phục sinh và vinh quang, nhưng trái lại giục lòng về sự đau đớn, đau khổ và tan nát; [5]năng nhớ đến những lao khổ, những khắc khoải và đau đớn mà Đức Ki-tô Chúa chúng ta đã chịu từ khi sinh ra cho đến mầu nhiệm trong cuộc thương khó mà tôi đang chiêm niệm.	[4]Điều phụ thêm thứ sáu sẽ được sửa đổi như sau: không được chấp nhận những tư tưởng hoan hỉ và vui mừng, cho dù thánh thiện và tuyệt hảo, như tư tưởng về sự phục sinh và sự vinh quang, đúng hơn, tôi sẽ thúc giục chính tôi về sự đau đớn và đau khổ, [5]luôn luôn nhớ lại những lao khổ, những nỗi thống khổ và những đau đớn mà Đức Ki-tô Chúa chúng ta đã phải chịu từ khi Ngài sinh ra cho đến mầu nhiệm mà tôi chiêm niệm.	không tìm kiếm và không chấp nhận những tư tưởng vui mừng, mặc dù ích lợi và thánh thiện đi chăng nữa, như những tư tưởng liên quan đến sự phục sinh của Đức Ki-tô và sự vinh quang; thay vì những tư tưởng ấy, trong khi suy gẫm cuộc thương khó của Ngài, tôi sẽ kín múc những sự khắc khoải và đau khổ, [5]thường xuyên nhớ lại những khắc khoải và đau khổ mà chính Ngài đã chịu từ khi sinh ra cho đến khi kết thúc cuộc đời Ngài.
207. [*Ghi chú thứ bốn]* Việc xét mình riêng về các cuộc thao luyện và các điều phụ thêm ở đây, cũng sẽ làm như đã làm trong tuần trước	**207.** *Thứ bốn*: việc xét mình riêng về các cuộc thao luyện và những điều phụ thêm hiện tại sẽ được làm như đã được nói trong tuần trước đây.	**207.** *Thứ bốn*: việc xét mình riêng về việc thực hành các cuộc thao luyện và những điều phụ thêm được làm cùng một cách thức như trong tuần trước.
208. [1]NGÀY THỨ HAI	**208.** [1]NGÀY THỨ HAI	**208.** [1]NGÀY THỨ HAI
Vào nửa đêm, cuộc chiêm niệm sẽ từ Vườn	Vào nửa đêm, ta sẽ làm cuộc chiêm niệm về	Một cuộc chiêm niệm khác tiếp theo, phải làm

không phải tìm đến sự sám hối của đời sống thanh luyện.

4. Ghi Chú thứ bốn (207)

Ghi chú liên quan đến việc xét mình riêng ở đó có hai đối tượng dành vào việc xét mình riêng trong cuộc Linh Thao: thứ nhất, về việc loại bỏ một tội riêng hay một nết xấu chủ đạo và việc canh tân bậc sống - thứ hai, về chính cuộc Linh Thao.

- Thứ nhất, việc xét mình riêng liên quan đến một tội lỗi xét về mặt ý thức và một nết xấu xét về mặt vô thức (24^2). Điều này đã được gợi ý ngay khi thao viên bước vào cuộc Linh Thao để thực tập sau khi tìm được chân tướng của mình (90) cho tới trước cuộc chọn lựa (160). Sau cuộc chọn lựa, việc xét mình

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Dầu cho đến hết nhà An-na (số 291). Và buổi sáng từ nhà An-na đến hết các việc ở nhà Cai-pha (số 292). [2]Rồi làm hai cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan như đã nói đến.	điều trải qua từ khi rời khỏi Vườn Cây Dầu đến hết khi ở nhà ông An-na (291); vào rạng đông, về điều xảy ra từ khi rời khỏi nhà ông An-na đến hết khi ở nhà ông Cai-pha, [2]và sau đó ta sẽ làm hai cuộc phục niệm và cuộc thao luyện về ngũ quan, như đã nói đến.	vào nửa đêm, về điều xảy ra trong nhà ông An-na như điều ấy được kể ở số 291; vào lúc rạng đông, về những điều được xảy đến sau đó trong nhà ông Cai-pha (292); [2]Tiếp theo, những cuộc phục niệm và áp dụng những giác quan, như trước đây.
[3]NGÀY THỨ BA Vào nửa đêm, cuộc chiêm niệm từ nhà ông Cai-pha đến hết dinh ông Phi-la-tô (số 293). Và buổi sáng, từ dinh ông Phi-la-tô đến hết dinh ông Hê-rô-đê (số	[3]NGÀY THỨ BA, Vào nửa đêm, ta sẽ làm cuộc chiêm niệm về điều xảy ra từ khi rời khỏi nhà ông Cai-pha cho đến hết khi ở dinh ông Phi-la-tô (293); vào lúc rạng đông, về điều xảy ra	[3]NGÀY THỨ BA, Chúng ta sẽ chiêm ngắm, vào nửa đêm, Đức Ki-tô đã bị dẫn đến ông Phi-la-tô thế nào, và điều đã được xảy ra ở đó như sẽ được nói ở số 293; lúc bình minh, điều xảy ra

riêng trở thành chương trình sống cho việc "cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống (189). Đó là lý do tại sao thánh I-nhã không còn đề cập đến việc xét mình riêng về một tội riêng hay một nết xấu chủ đạo ở tuần ba này và cả tuần sau nữa, cho dù ngài đòi việc xét mình riêng phải thực hiện ở cả bốn tuần (90).

- Thứ đến, Thánh Inhã chỉ còn đề cập đến việc xét mình riêng trong chính cuộc thao luyện ở đây. Có hai điều bàn đến: về chính việc thao luyện và về các điều phụ thêm mà những hướng dẫn trước cho rằng chủ thể đã trễ nải (90; 160). Ở đây, thánh I-nhã bỏ từ ngữ "trễ nải" đi vì giả thiết chủ thể đã có sự trưởng thành và nghiêm túc trong thao luyện. Và như thế việc xét mình này không còn dừng lại ở thiếu sót để sửa đổi mà mở ra với thành quả để rút ra ích lợi thiêng liêng. Cũng theo chiều hướng này mà sang tuần thứ tư, thánh I-nhã không còn đề cập về việc xét mình riêng nữa, cho dù trước đây ngài luôn nhắc phải làm trong cả bốn tuần (90; 160).

Tóm lại, trong tuần ba, việc xét mình riêng về Linh Thao còn giữ lại, trong khi việc xét mình riêng về tội lỗi hay nết xấu được thay thế cách mặc nhiên bằng "việc cải thiện đời sống và bậc sống" (189).

B.(II-VII). ĐỀ TÀI TỪ NGÀY HAI ĐẾN NGÀY BẢY (208)

Vai trò đào sâu và trắc nghiệm của tuần ba có một tầm quan trọng rất lớn. Vì

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
294). [4]Rồi làm hai cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan như đã nói đến.	từ khi rời khỏi dinh ông Phi-la-tô đến hết khi ở nhà ông Hê-rô-đê; [4]và ta làm hai cuộc phục niệm và cuộc thao luyện áp dụng ngũ quan, bằng cách tuân giữ hình thức nói trên.	khi Đức Ki-tô bị gởi đến ông Hê-rô-đê (294); [4]việc thực hành thường lệ về những cuộc phục niệm và việc áp dụng những giác quan sẽ theo sau.
[5]NGÀY THỨ BỐN	[5]NGÀY THỨ BỐN,	[5]NGÀY THỨ BỐN,
Vào nửa đêm, từ dinh ông Hê-rô-đê về dinh ông Phi-la-tô (số 295), chiêm niệm một nửa các mầu nhiệm xảy ra tại dinh ông Phi-la-tô. [6]Rồi trong cuộc thao luyện vào buổi sáng: các mầu nhiệm khác xảy ra cũng tại dinh ấy. Rồi làm các cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan như đã nói đến.	Vào nửa đêm, ta sẽ làm cuộc chiêm niệm về điều xảy ra từ khi rời khỏi nhà ông Hê-rô-đê cho đến khi đến dinh ông Phi-la-tô lần thứ hai (295). Ở đó, chúng ta chiêm ngắm phần thứ nhất của những mầu nhiệm ở tại dinh ông Phi-la-tô; [6]sau đó, trong cuộc thao luyện vào lúc rạng đông, phần thứ hai của những mầu nhiệm; và ta	Cuộc suy gẫm nửa đêm sẽ lược qua lịch sử, từ nhà Hê-rô-đê đến một nửa những mầu nhiệm diễn ra nơi ông Phi-la-tô; [6]chúng ta sẽ tiếp tục phần cuối lúc ngày bắt đầu; ta cũng nên làm những cuộc phục niệm và áp dụng những giác quan như thói quen.

thánh I-nhã đã đưa ra những chỉ dẫn về các mầu nhiệm chiêm niệm khá chi tiết tương tự với tuần hai. Một số nhận định về những cuộc thao luyện này như sau:

1. Về chương trình một ngày

Chúng ta thấy rằng trong tất cả những Mầu Nhiệm được đề nghị từ ngày thứ hai đến ngày thứ bảy, thao viên sống chương trình bình thường. Mỗi ngày có năm cuộc thao luyện: một vào nửa đêm, một vào buổi sáng cùng với hai cuộc phục niệm vào giờ thánh lễ và giờ kinh chiều và một cuộc áp dụng ngũ quan vào trước lúc ăn tối (208^{1-2}). Riêng ngày thứ bảy được coi như "ngày phục niệm" về cuộc thương khó: chiêm niệm chung về toàn bộ cuộc thương khó vào hai giờ chính, và thay vào những cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan, thao viên suy nghĩ trong ngày về cái chết của Chúa, sự cô đơn của Mẹ và các môn đệ(208^{9-11}). Điều này tương ứng với ngày suy xét về Ba Cách khiêm nhường của tuần hai (164).

2. Về việc tiến hành những Mầu Nhiệm.

Việc tiến hành các Mầu Nhiệm của tuần ba khác với tuần hai. Trong khi việc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	sẽ làm những cuộc phục niệm và cuộc thao luyện về ngũ quan.	
[7]NGÀY THỨ NĂM Vào nửa đêm, từ dinh ông Phi-la-tô đến việc đóng đinh trên Thánh Giá (số 296). Và buổi sáng, từ việc treo trên Thánh Giá đến khi tắt thở (số 297). Rồi làm hai cuộc phục niệm và áp dụng giác quan.	[7]NGÀY THỨ NĂM, Về điều xảy ra từ dinh ông Phi-la-tô đến hết khi chịu đóng đinh (296); vào rạng đông, về điều xảy ra sau khi Đức Ki-tô đã bị treo lên trên Thập Giá cho đến khi Ngài trao ban Thần Khí.	[7]NGÀY THỨ NĂM, Vào khoảng nửa đêm, chúng ta sẽ chiêm ngắm phần tiếp theo của cuộc thương khó từ bản kết án của Phi-la-tô cho đến việc đóng đinh thập hình; tiếp theo, vào khoảng rạng đông, từ khi treo lên Thập Giá cho đến hơi thở cuối cùng của Đức Ki-tô (x. 296-297); Những cuộc phục niệm và cuộc thao luyện các giác quan như ở trên.
[8]NGÀY THỨ SÁU Vào nửa đêm, từ khi hạ xác khỏi Thánh Giá cho đến mồ, không kể đến sự kiện ở mồ (số 298). Và buổi sáng, từ	[8]NGÀY THỨ SÁU, Vào nửa đêm, từ khi Ngài được tháo xuống khỏi Thập Giá cho đến trước khi ở trong mồ (298[2]); vào rạng đông, về	[8]NGÀY THỨ SÁU, Nửa đêm, Chúa chết được tháo khỏi Thập Giá và được đem đến mồ như thế nào (298²); vào rạng sáng, từ khi Ngài được

tiến hành của tuần hai mỗi lúc một đi sâu và tập trung hơn thì việc tiến hành của tuần ba biểu lộ tính đan xen. Quả vậy, vào thời thơ ấu của Chúa Giê-su trong đầu tuần hai mỗi ngày có hai Mầu Nhiệm được đề nghị (101-126; 132; 134). Thế nhưng vào thời công khai, mỗi ngày chỉ còn thao luyện về một Mầu Nhiệm (158; 161). Ngược lại, vào tuần ba, thao viên thao luyện phần lớn mỗi ngày hai Mầu Nhiệm trừ hai ngày thứ tư (208[5-6]) và thứ sáu (208[8]) có một mầu nhiệm phân đôi. Sự đan xen xảy ra vào những ngày cuối tuần này biểu thị rõ tính thử thách dành cho những thao viên khi theo Chúa trong cuộc khổ nạn (x. chú giải 289-298).

Ngoài ra sự vận hành của các bài chiêm niệm của tuần ba cũng khác biệt so với tuần hai và tuần bốn. Trong khi các bài chiêm niệm của hai tuần ba và bốn được chọn theo từng biến cố: Nhập thể, Giáng sinh, Chúa hiện ra cho Đức Mẹ ... (101/110; 219) thì các bài chiêm niệm tuần ba được chọn theo từng giai đoạn:"từ... đến..." (190/200...). Mục đích nhằm cho thao viên đi trọn cuộc khổ nạn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mồ [~~tới~~] đến nhà mà Đức Mẹ về ở, sau khi đã táng xác Con trong mồ.	điều xảy ra từ khi đặt vào mồ (298[3]) cho đến nhà nơi Mẹ trở về sau khi Con Mẹ được mai táng.	mai táng đến lúc Đức Trinh Nữ diễm phúc trở về nhà (298[3]).
[9]NGÀY THỨ BẢY	[9]NGÀY THỨ BẢY	[9]NGÀY THỨ BẢY
Chiêm niệm chung về tất cả cuộc thương khó trong các cuộc thao luyện ở nửa đêm và buổi sáng, [10]và thay vì hai cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan, thì suốt ngày, nhiều lần chừng nào có thể, suy xét về xác cực thánh của Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, bị tách rời và lìa bỏ linh hồn thế nào, và được mai táng ở đâu và thế nào.	Ta sẽ làm cuộc chiêm niệm về toàn thể cuộc khổ nạn cả trong cuộc thao luyện vào nửa đêm lẫn cuộc thao luyện vào rạng đông; [10]và, thay vì hai cuộc phục niệm và thay vì cuộc thao luyện về ngũ quan, rất năng suy xét trong cả ngày xem thân xác rất thánh của Đức Ki-tô Giê-su tách lìa khỏi linh hồn, và thân xác ấy đã được mai táng ở đâu; [11]và, cùng một	Nửa đêm và ban sáng, chúng ta sẽ lấy lại toàn bộ cuộc khổ nạn; [10]tiếp theo, thay vì những cuộc phục niệm và áp dụng những giác quan, thường xuyên hơn bao nhiêu có thể, chúng ta sẽ suy xét suốt cả ngày xem xác rất thánh của Đức Giê-su Ki-tô vẫn tách rời khỏi linh hồn bằng cách nào, và Ngài được mai táng ở đâu; [11]cũng thế, suy xét sự cô đơn của Đức Ma-ri-

của Chúa (208). Như thế tính trắc nghiệm của tuần này càng được củng cố.

C.I.22 I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Giải thích

22 . Về việc thích nghi của Linh Thao (209)

Ở đây thánh I-nhã bàn về việc kéo dài hay rút ngắn cuộc thương khó. Điều này cũng đã được bàn đến khi thao viên sống trong những cuộc thao luyện của tuần hai. Lý do thánh I-nhã đưa ra rất rõ: "tùy theo thời giờ mỗi người muốn đề ra hoặc theo những tiến bộ họ đạt được mà có thể kéo dài hay rút ngắn" số ngày thao luyện (162[1]).

Cũng thế, thánh I-nhã cũng chỉ cho người hướng dẫn có thể kéo dài hoặc rút ngắn thời gian thao luyện của tuần thương khó ở đây. Muốn kéo dài, người ta có thể chia nhỏ các mầu nhiệm ra (209[1-2]); hoặc muốn rút ngắn, người ta bao gộp những Mầu Nhiệm lại (209[4]). Tuy nhiên, khi muốn rút ngắn, thánh I-nhã đề nghị bỏ hai cuộc phục niệm và cuộc áp dụng ngũ quan (209[5]) để thao luyện năm Mầu Nhiệm cho năm cuộc thao luyện một ngày (209[5]), còn khi muốn kéo dài, ngài lại đề ra bốn Mầu Nhiệm cho bốn cuộc thao luyện mà không đả động gì đến cuộc thao luyện thứ năm. Cả ba bản văn đều bỏ ngỏ. ***Cứ theo luận lý thì bài thứ năm này là bài áp dụng ngũ quan của tất cả các Mầu Nhiệm đã chiêm ngắm trong***

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[11]Cũng theo cách ấy, suy xét về nỗi cô đơn của Đức Mẹ với sự đau đớn và khắc khoải biết bao, rồi đàng khác, nỗi cô đơn của các môn đệ.	cách thức như thế, nỗi cô đơn của Mẹ chúng ta, bị đè nặng bởi một sự đau đớn và sầu khổ vô cùng lớn lao; mặt khác cũng thế, sự đau đớn của các môn đệ, v.v.	a, Mẹ diễm phúc của Ngài, sự sầu khổ của Mẹ thế nào, mối ưu sầu của Mẹ lớn biết bao, sự buồn sầu của các môn đệ Ngài cũng tỏ ra sống động biết mấy.
209. [1]*(Giải thích)* Nên ghi chú rằng, nếu muốn ở lại lâu hơn trong cuộc khổ nạn thì trong mỗi cuộc chiêm niệm phải vận dụng ít mầu nhiệm hơn, chẳng hạn trong cuộc thứ nhất, nguyên về bữa Tiệc Ly thôi; [2]trong cuộc thứ hai, về sự Rửa Chân; trong cuộc thứ ba, về việc thiết lập Bí Tích Thánh Thể cho các môn đệ; trong cuộc thứ bốn, về diễn từ mà Chúa ban cho họ và cũng làm như vậy trong các cuộc chiêm niệm và các mầu nhiệm	**209.** [1]*(Giải thích)* Phải chú ý rằng người muốn ở lại lâu hơn trong cuộc khổ nạn phải suy xét làm cho con số mầu nhiệm ít hơn trong tất cả cuộc chiêm niệm, thí dụ trong cuộc chiêm niệm đầu tiên chỉ là Bữa Tiệc Ly; [2]cuộc thứ hai, việc Rửa Chân; trong cuộc thứ ba, Việc Thiết Lập và Ơn của Bí Tích; trong cuộc thứ bốn, Diễn Từ của Đức Ki-tô dành cho các môn đệ; và cũng như thế về các cuộc chiêm niệm khác và những mầu	**209.** [1]*(Giải thích)* Nên ghi chú rằng nếu ai có ý muốn ở lại lâu hơn để suy gẫm cuộc khổ nạn của Đức Ki-tô, người ấy phải phân chia con số các mầu nhiệm ít hơn nơi mỗi cuộc chiêm niệm, đến nỗi cuộc chiêm niệm thứ nhất chỉ được hiểu là Bữa Tiệc Vượt Qua; [2]cuộc thứ hai, Việc Rửa Chân; thứ ba, Việc Thiết Lập Thánh Thể; thứ tư, Diễn Từ theo sau Thánh Thể; và ta cũng sẽ làm như thế trong những cuộc chiêm niệm khác. [3]Hơn nữa, sau

ngày: vì nếu loại suy từ một chương trình tương tự mà thánh I-nhã đề nghị ở tuần thứ tư, thì bài thao luyện cuối cùng chính là bài áp dụng ngũ quan của tất cả những bài trước đó (x.227[3]).

Việc kéo dài hay rút ngắn cũng còn được áp dụng cho "ngày phục niệm" sau cùng về cuộc thương khó. Nếu muốn kéo dài, có thể phục niệm cuộc thương khó làm hai phần cho hai ngày và ngày sau cùng phục niệm toàn bộ cuộc thương khó (209[3]). Nếu muốn rút ngắn, ta dành việc phục niệm toàn bộ cuộc thương khó vào một ngày nơi các cuộc thao luyện (209[6]).

C.III.2. I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Bộ quy tắc chỉnh đốn về việc ăn uống

Đây là những qui tắc liên quan đến sự chỉnh đốn trong việc ăn uống (210-217). Bộ qui tắc này có liên can đến viêc hãm mình đền tội ở đời sống thanh luyện

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
khác. [3]Cũng thế, khi đã hết cuộc Thương Khó, hãy dành trọn một ngày để chiêm niệm lại phân nửa cuộc Thương Khó, và ngày nữa về nửa kia, rồi ngày thứ ba về tất cả cuộc Thương Khó.	nhiệm khác. [3]Cũng vậy, sau khi đã chiêm ngắm một lần toàn thể cuộc khổ nạn, ngươi ấy dành trọn một ngày để chiêm niệm một nửa cuộc thương khó, và ngày thứ hai một nửa khác, và ngày thứ ba toàn bộ cuộc thương khó.	khi đã đi qua toàn thể cuộc thương khó, hôm sau có thể phục niệm một nửa cuộc thương khó, và phần còn lại vào hôm sau nữa; ngày tiếp theo, phục niệm lại một lần nữa toàn thể cuộc thương khó cùng lúc.
[4]Trái lại nếu muốn rút ngắn cuộc Thương Khó, lúc nửa đêm chiêm niệm bữa Tiệc Ly; buổi sáng: Vườn Dầu; giờ lễ: nhà An-na; giờ kinh chiều: nhà Cai-pha; và giờ trước bữa tối: dinh Phi-la-tô. [5]Như vậy trong khi bỏ các cuộc phục niệm và áp dụng giác quan, mỗi ngày làm năm cuộc	[4]Mặt khác, ngược lại, người muốn hoàn tất ngắn gọn hơn phải dành Bữa Tiệc Ly vào nửa đêm; Còn lúc rạng đông, Vườn Dầu; vào giờ thánh lễ, tại Nhà An-na; vào giờ hát kinh chiều, tại Nhà Cai-pha; vào trước lúc ăn tối, tại Dinh Phi-la-tô; [5]như thế, bằng cách cắt bỏ các cuộc phục niệm và cuộc	[4]Ngược lại, nếu ai muốn giảm ngắn thời gian, người ấy sẽ chiêm ngắm Bữa Tiệc Ly của Chúa vào nửa đêm; Vườn Dầu, vào rạng đông; tại Nhà Ông An-na, vào khoảng giờ thánh lễ; vào giờ hát kinh chiều, tại Nhà Ông Cai-pha; tại dinh Phi-la-tô, vào trước bữa ăn tối. [5]Và

gồm ba sự việc: ăn uống, ngủ nghỉ và phạt xác (82-87). Ở đời sống soi sáng, những sự việc này vẫn còn duy trì nhưng không với mục đích đền tội mà tiến vào nhân đức trong đó, thánh I-nhã lấy việc ăn uống làm đại biểu.

1/ Nhận định tổng quát

- Với tư cách là người hướng dẫn Linh Thao, thánh I-nhã vận dụng những khí cụ khác nhau để dẫn dắt thao viên. Ngoài khí cụ giải thích trực tiếp và mười điều phụ thêm cho tuần một hay những bộ ghi chú cho các tuần còn lại, ngài còn sử dụng những quy tắc như khí cụ cuối cùng. Khí cụ này được vận dụng để hướng dẫn người tập Linh Thao cách tổ chức đời sống từ trong Linh Thao đến hậu Linh Thao và được xếp ở sau các tuần Linh Thao từ tuần hai trở đi. Chẳng hạn ở sau tuần hai: quy tắc chọn lựa và canh tân (184-188; 189), ở sau tuần ba: quy tắc chỉnh đốn về việc ăn uống (210-217) và ở sau tuần bốn: từ những quy tắc nhận định thần loại đến những quy tắc để có cùng cảm nghĩ với Giáo Hội (313 -370). Ba cách cầu nguyện cũng thuộc loại khí cụ này nhưng mang tựa đề khác vì thuộc lãnh vực cầu nguyện (238-260).
- Về tựa đề: Tựa đề của cả ba bản văn đều nói về sự điều chỉnh trong việc ăn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thao luyện khác nhau, và mỗi cuộc về một mầu nhiệm khác của Chúa Ki-tô, Chúa chúng ta. [6]Rồi khi đã chấm dứt hết tất cả cuộc Thương Khó như thế, có thể lấy một ngày khác làm chung về trọn cuộc Thương Khó trong một hay nhiều cuộc thao luyện khác nhau, tùy theo đàng nào thấy có ích lợi hơn.	thao luyện về ngũ quan, người ấy nên làm năm cuộc thao luyện riêng biệt vào mỗi ngày; [6]rồi, một khi hoàn tất tất cả cuộc thương khó, họ có thể chiêm ngắm vào một ngày khác toàn bộ cuộc thương khó cùng lúc vào một cuộc thao luyện hay vào các cuộc thao luyện khác nhau, như điều đó thích hợp với thao viên và phát sinh hoa trái cho người ấy hơn,	cứ tiếp tục như thế, ta sẽ hoàn tất mỗi ngày năm cuộc thao luyện khác nhau, bằng cách bỏ những cuộc phục niệm và những việc áp dụng giác quan. [6]Một khi cuộc khổ nạn đã được rảo qua, điều tốt đẹp là chiêm niệm lại toàn bộ cuộc khổ nạn vào cùng một lúc trong một ngày, hoặc bằng cách tập hợp cuộc khổ nạn vào thành một cuộc thao luyện duy nhất, hoặc phân chia nó ra thành nhiều cuộc, theo điều người ấy xét thấy có ích lợi hơn cho mình.
210.[1]NHỮNG QUY TẮC ĐỂ TỰ CHỈNH ĐỐN	**210.** [1]NHỮNG QUY TẮC ĐỂ NGƯỜI TA CANH	**210.** [1]MỘT SỐ QUY TẮC NHẮM ĐẾN MỘT SỰ

uống. Bản A và P còn xác định thời gian của việc điều chỉnh này: "từ nay về sau" hay "sau này" (210[1]). Hai bản văn A và P nói về mục đích phải làm sau này trong việc ăn uống: tự chỉnh đốn hay canh tân. Tương tự bản V xác định mục đích đạt được trong tương lai: sự trung dung trong việc ăn uống.

Thực ra, những quy tắc này có liên hệ mật thiết với việc hãm mình đền tội trong việc ăn uống vốn được thánh I-nhã đề cập đến trong Điều Phụ Thêm thứ mười thuộc tuần một (83). Sang tuần hai, khi những điều phụ thêm được giải thích để thích nghi cách sống Linh Thao vào trong những ghi chú, thánh I-nhã nói: "Và về điều thứ mười, thao viên phải thích ứng với những mầu nhiệm mà họ chiêm niệm, vì có những mầu nhiệm đòi phải hãm mình đền tội, có những mầu nhiệm lại không" (130[5]). Đi vào nội dung, chúng ta sẽ thấy sự liên đới và cả sự vượt qua của những quy tắc về việc ăn uống này với việc hãm mình đền tội ở trên. Vì bản văn chia làm hai phần rõ rệt: phần một từ số 211-213 và phần hai từ số 214-217.

2/ Phần thứ nhất: khía cạnh nhân bản về ăn uống (210-213)

Phần thứ nhất này có bốn quy tắc. Ta sẽ tìm hiểu chúng và sẽ thấy sự liên đới của chúng với việc hãm mình đền tội:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
TRONG VIỆC ĂN UỐNG TỪ NÀY VỀ SAU	TÂN SAU NÀY TRONG ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG.	TRUNG DUNG TRONG VIỆC ĂN UỐNG.
[2]*Quy tắc thứ nhất*: về bánh mì, việc kiêng bớt ít thích hợp, vì nó không phải món ăn gây thèm thuồng thái quá, hoặc tạo cám dỗ thúc bách như các món ăn khác.	[2]*Quy tắc thứ nhất*: đối với bánh, thực hiện việc kiêng bớt là điều ít thích hợp, vì thường không phải thức ăn gây nên sự thèm thuồng thái quá hay tạo ra cám dỗ có tính thúc bách, như trong những thức ăn khác.	[2]*Thứ nhất*: phải ít kiêng bớt bánh mì hơn là kiêng những thức ăn khác, vì nó không kích thích lòng tham ăn quá đỗi và nó cũng không đưa chúng ta vào sự cám dỗ.
211. [1]*Thứ hai*: về đồ uống, việc kiêng bớt hình như thích hợp hơn so với bánh mì, [2]nên phải xét kỹ xem cái gì có ích để tiếp nhận, và cái gì có hại để loại bỏ.	**211.** [1]*Thứ hai*: về thức uống, việc kiêng bớt dường như thích hợp hơn so với bánh; [2]vì thế ta phải rất cẩn thận mà tiếp nhận cái gì có ích lợi và khước từ cái gì gây nguy hại.	**211.** [1]*Thứ hai*: đối với đồ uống, phải canh chừng về việc kiêng bớt hơn so với bánh mì, [2]quan sát cách cẩn trọng đồ uống ở mức độ nào thì có ích lợi, để luôn luôn duy trì điều ấy, và ngược lại mức độ nào có nguy hại, để khử trừ

- Hai quy tắc đầu tiên đề cập đến đối tượng phải kiêng bớt. Đó là đồ uống (211) và các thức ăn khác ngoài bánh mì (210). Vì bánh mì không gây nên sự thèm thuồng thái quá và không tạo ra sự cám dỗ có tính thúc bách. Sự phân biệt này được diễn tả rõ hơn so với sự diễn tả ở điều phụ thêm thứ mười. Vì ở đó cả ba bản văn đều chỉ nói đến việc ăn uống hay đồ ăn thức uống cách chung chung (83^1).
- Quy tắc thứ ba đề cập về mục đích việc kiêng bớt. Mục đích được xác định rõ: để tránh hỗn loạn theo A hoặc tránh thái quá theo V (212^2). Có ba lý do phải kiêng bớt: nơi chủ thể, sự thèm khát mau gây hỗn loạn và tỏ ra hỗn loạn (A và P) - chính món ăn gây nên ước muốn phạm tội (V) - và kẻ thù cám dỗ hay cám dỗ xúi giục mau lẹ (A,P,V). Mục đích này khác với điều phụ thêm thứ mười của tuần một (83^2) và ghi chú thứ sáu của tuần hai trước khi chọn lựa (130^5), vì cả hai đều tập trung vào việc hãm mình đền tội.

Ngoài ra, nếu bản văn tuần một đề ra ý hướng kiêng bớt cách tổng quát khi cho rằng càng kiêng bớt nhiều thì việc hãm mình đền tội càng tốt đẹp, thì quy tắc thứ ba ở đây xác định rõ hai cách thực hiện ngược lại: thứ nhất, tập quen ăn những

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		nó đi.
212. [1]*Quy tắc thứ ba*: Về các món ăn khác, việc kiêng bớt phải thật nghiêm ngặt và trọn vẹn, vì trong phạm vi đó sự thèm khát mau gây hỗn loạn, cũng như sự cám dỗ mau tìm được cơ hội hơn; [2]bởi đó việc kiêng bớt các loại thức ăn này, nhằm tránh sự hỗn loạn, có thể giữ theo hai cách: một là tập quen ăn những món bình thường; cách khác, nếu là những món mỹ vị, thì ăn số lượng ít đi.	**212.** [1]*Thứ ba*. Về những thức ăn khác, ta phải tuân giữ việc kiêng bớt cách cẩn thận hơn và trọn vẹn hơn, vì cách chung, sự thèm thuồng tỏ ra hỗn loạn hơn và cám dỗ thúc bách cách mau lẹ hơn; [2]và như thế việc kiêng bớt đối với những thức ăn khác phải được tuân thủ bằng hai cách: thứ nhất, nếu ta tập quen với những thức ăn bình thường hơn; sau đó, trong trường hợp ăn những thức ăn mỹ vị, ta	**212.** [1]*Thứ ba*: đối với món ăn và tất cả những gì được ăn, ta sẽ lưu ý bao nhiêu có thể đến việc kiêng bớt, vì chúng thường xuyên tạo cơ hội hơn cho lòng ước muốn phạm tội và cho kẻ thù đến cám dỗ. [2]Vì thế phải sử dụng sự trung dung về những điều ấy để tránh sự thái quá, vốn được thực hiện bằng hai cách: hoặc bằng việc ăn những thức ăn bình thường đủ để thành thói quen về điều đó, hoặc ăn đồ ăn mỹ vị với số lượng ít đi.

món ăn thường và thứ hai, ăn những món ăn mỹ vị ít đi (212^2).

- Quy tắc thứ tư cho thấy việc kiêng bớt càng nhiều sẽ cho ta tìm được mức độ trung dung thích hợp trước nhu cầu tự nhiên đòi hỏi nhưng phải tránh để khỏi rơi vào bệnh tật nguy hiểm. Bản văn ở điều phụ thêm thứ mười chỉ lưu ý đến việc tránh không để rơi vào bệnh tật nguy hiểm hay suy nhược trầm trọng mà thôi (83^2) mà không đá động chút gì đến việc tìm kiếm mức trung dung trong việc ăn uống.

Cách chung, những quy tắc đầu tiên về việc chỉnh đốn trong việc ăn uống của tuần ba vừa tiếp nối, vừa xác định rõ và vừa vượt qua điều phụ thêm thứ mười của tuần một vốn thuộc đời sống thanh luyện: tiếp nối khi đòi hỏi việc kiêng bớt phải tránh gây nên bệnh tật (213^1 # 83^2); rõ ràng khi xác định đối tượng phải kiêng bớt (211; 212^1 so với 83^1); và vượt qua khi nêu lên mục đích không phải là hãm mình đền tội của tuần một (83^1) mà là tìm được sự trung dung, tìm được điều phù hợp với nhu cầu thể xác (213) và chống lại kẻ thù (212^1) trong hành trình thăng tiến đời sống thiêng liêng sau cuộc chọn lựa.

Ba đặc tính tiếp nối, rõ ràng và vượt qua này được tìm thấy dấu ấn của nó không ở đâu khác ngoài chính việc chọn lựa (169-188) nơi đó hành trình thiêng liêng được cụ thể hoá trong một hoàn cảnh mới thuộc đời sống soi sáng. Không chỉ có

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	dùng số lượng ít đi.	
213. [1]*Thứ bốn*: tuy luôn phải giữ mình cho khỏi đau yếu, nhưng nếu càng bỏ bớt những điều thích hợp, thì càng mau tới được mức trung dung phải giữ trong đồ ăn và thức uống; vì hai lẽ: [2]thứ nhất là trong khi cố gắng và tự chuẩn bị như vậy, ta thường cảm thấy được những hiểu biết bên trong, những an ủi và những sự khởi hứng thần linh dồi dào hơn để tỏ cho ta thấy sự trung dung vốn thích hợp với chúng ta; [3]thứ hai, nếu trong lúc kiêng bớt như vậy mà thấy mất nhiều sức mạnh phần xác và những khả năng để tập Linh Thao,	**213.** [1]*Thứ bốn*: khi ta càng tiết chế về đồ ăn thích hợp, miễn là ta không rơi vào bệnh tật, thì ta càng khám phá ra cách mau lẹ mức trung dung mà ta phải giữ trong đồ ăn và thức uống, vì hai lý do: [2]thứ nhất, vì người sẵn sàng và chuẩn bị như thế thường dễ nghiệm rõ hơn những ánh sáng nội tâm và những an ủi và những khởi hứng thần linh vốn tỏ cho họ mức trung dung thích hợp; [3]thứ hai, vì nếu khi thực hành một việc kiêng bớt như thế, họ thấy rằng mình không có sự sẵn sàng và sức mạnh thể lý đủ cho những cuộc thao	**213.** [1]*Thứ bốn*: ta càng cắt bớt cho mình đồ ăn thích hợp (đồng thời tránh mọi nguy hiểm nghiêm trọng về sức khỏe), ta sẽ càng tìm ra mức độ trung dung chính xác cho đồ ăn và thức uống. [2]Một mặt, vì trong khi sẵn sàng hơn cho cách thức này, và trong khi hướng về sự hoàn thiện một cách nghiêm khắc hơn, đôi khi ta sẽ cảm thấy một số nét hiểu biết nội tâm và những chuyển động của sự an ủi vừa được ban xuống từ trời; khởi đi từ đó, ta sẽ dễ dàng có thể nhận định được một qui luật thích hợp cho đồ ăn. [3]Mặt

"việc hãm mình đền tội liên quan đến việc ăn uống" được chuyển hoá sang "việc chỉnh đốn trong việc ăn uống sau này" mà cả đến "việc xét mình riêng" (24-31) được chuyển hoá sang "việc cải thiện đời sống và canh tân bậc sống" (189) dưới lăng kính của việc chọn lựa bậc sống đó.

3/ Phần thứ hai: khía cạnh Ki-tô tính trong việc ăn uống (214-217)

Phần thứ hai cũng có thể chia làm hai đề mục.

- Đề mục thứ nhất về cách hành xử gián tiếp khi ăn uống (214-215), nghĩa là sử dụng những phương cách thiêng liêng khác nhằm hỗ trợ cho công việc chỉnh đốn trong việc ăn uống. Hai phương cách này là chiêm ngắm hay suy xét cách Chúa Giê-su ăn uống (214[1)] hoặc suy xét đời sống các thánh hoặc một việc đạo đức (215[1]). Mục đích việc suy xét này nhằm cho thấy một khi trí khôn chú tâm vào các việc thiêng liêng và ít bận tâm đến việc ăn uống (214[2]), người ta sẽ ít bị thu hút bởi việc ăn uống và khoái cảm của việc ăn uống (215[2]).

Bản văn A muốn phân chia trí khôn thành hai phần: phần thượng và phần hạ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thì ta sẽ dễ phán đoán được điều gì phù hợp hơn đối với những nhu cầu thể xác.	luyện thiêng liêng, người ấy dễ dàng hiểu ra điều gì hữu ích hơn đối với những nhu cầu thể xác.	khác, vì nếu khi thực hành việc kiêng bớt như thế ta thấy mình thiếu sức khỏe quá nhiều khiến không thể làm những cuộc thao luyện cách thích hợp, khi đó ta sẽ dễ dàng nhận ra đâu là mức độ trong việc ăn uống mà đòi hỏi tự nhiên cần đến.
214. [1]*Thứ năm*: trong khi ăn, suy xét như thể xem thấy Đức Ki-tô, Chúa chúng ta đang ăn với các tông đồ, Chúa uống thế nào, Chúa nhìn ra sao, Chúa nói thế nào và cố gắng noi gương Ngài; [2]như vậy, phần thượng của trí khôn chăm lo suy xét về Chúa chúng ta và phần hạ lo về việc nuôi dưỡng thể xác; [3]và nhờ thế người ta sẽ đạt được một sự hòa hợp tốt hơn và một trật tự hoàn hảo hơn trong cách xử sự và tu thân.	**214.** [1]*Thứ năm*: trong khi ăn, ta có thể suy xét cách thức Đức Ki-tô Chúa chúng ta ăn uống với các tông đồ, để tâm nhìn những người này, chú ý nói với những người khác; và ta cố gắng noi gương Ngài. [2]Đến nỗi trí khôn trước hết phải dừng lại và bận tâm suy xét về Đức Ki-tô nhiều hơn và ít bận tâm đến việc nuôi sống thân xác, [3]để như thế, toàn thể con người rút tỉa được khuôn mẫu và trật tự trong cách tu thân từ đó.	**214.** [1]*Thứ năm*: trong khi ăn, điều có ích lợi là tưởng tượng rằng chúng ta xem thấy Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta đang dùng bữa với các môn đệ của Ngài, bằng cách quan sát xem đâu là cách ăn, cách uống, cách nhìn và cách nói khi phác họa cho chúng ta như khuôn mẫu noi theo. [2]Thật vậy, lúc đó, khi trí khôn phải bận tâm vào một việc suy gẫm như thế hơn là vào lương thực nuôi thân xác, [3]chúng ta sẽ học biết để điều chỉnh việc ăn uống của chúng ta cách dễ dàng hơn.
215. [1]*Thứ sáu*: trong khi	**215.** [1]*Thứ sáu*: mặt khác,	**215.** [1]*Thứ sáu*: để cho

(214[2]). Nhưng xem ra việc phân chia đó không hoàn chỉnh lắm. Vì hai bản P và V đều nhất trí rằng chỉ một trí khôn nếu được tập trung vào điều này thì sẽ không bị phân tâm vào việc khác, thế nên ta có thể điều chỉnh bản A như sau: "như vậy phần thượng là trí khôn chăm lo suy xét về Chúa chúng ta và phần hạ là tình cảm lo về việc nuôi sống thể xác" (214[2]). Điều này ta thấy rõ ở ghi chú thứ nhất của điều phụ thêm thứ mười của bản V khi nói đến lợi ích về việc đền tội ở bên

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ăn còn có thể có những việc suy xét khác, hoặc về đời sống các thánh, hay về một việc chiêm niệm đạo đức nào khác hoặc một việc thiêng liêng nào mà người ta phải làm: [2]vì khi mắc chú ý đến những điều ấy thì sẽ giảm bớt sự khoái cảm và thỏa mãn đối với các đồ ăn phần xác.	trong khi ăn, ta có thể suy xét về đời sống các thánh hay về một cuộc chiêm niệm nào đó hoặc là ta sẽ suy nghĩ về một việc thiêng liêng mà ta phải làm, [2]để một khi chuyên chú về điều này, ta giảm bớt sự khoái cảm và thỏa mãn giác quan trong các thức ăn phần xác.	phong phú, ta có thể chạy đến những việc suy gẫm khác ***trong bữa ăn***, thí dụ, về đời sống các thánh, một số giáo huấn đạo đức hay về một việc thiêng liêng mà người ta phải làm, [2]Theo cách ấy, một khi tinh thần được thấm nhuần như thế, ta sẽ cảm thấy ít bị thu hút bởi chính việc ăn uống và bởi sự khoái cảm của bữa ăn mà ta dùng.
216. [1]*Thứ bảy*: trên hết, giữ cẩn thận đừng để	**216.** [1]*Thứ bảy*: trên hết, ta hãy canh chừng dừng	**216.** [1]*Thứ bảy*: phải đặc biệt canh chừng đừng để

ngoài như sau: "chiến thắng chính mình, bằng cách bắt phần hạ của con người, mà ta gọi là tình cảm phải phục tùng phần thượng hơn nữa, nghĩa là lý trí." (87[2])

Về mục đích của những phương cách đó, bản V xem ra xác định rõ ràng hơn khi cho rằng: "Chúng ta sẽ học biết để điều chỉnh việc ăn uống của chúng ta cách dễ dàng hơn" (214[3]).

Cha Polanco đã can thiệp để hoàn chỉnh bản V ở quy tắc thứ sáu. Bản văn của Frusius viết: "Để thay đổi, ta có thể chạy đến những việc suy gẫm khác" (215[1]). Ngài đã thêm vào cụm từ "***trong bữa ăn***" ở cuối câu cho hợp với khung cảnh như hai bản A và P.

- Đề mục thứ hai liên quan trực tiếp đến ý hướng chủ thể đang khi ăn và sau khi ăn (216-217).

Đang khi ăn, thao viên phải biết tự chủ trước sự thèm muốn cả trong cách ăn lẫn về lượng đồ ăn bằng cách không dồn hết tâm trí vào đồ ăn và không ăn vội vàng như bị sự thèm thuồng thôi thúc (216).

Sau khi ăn, thao viên cần biết suy nghĩ để lượng định số lượng đồ ăn thích hợp cho bữa sau để tập sự tự chủ, bằng cách không vượt quá số lượng ấy, dù bị cám dỗ bởi kẻ thù hoặc nữa phải hành động ngược lại bằng cách ăn ít hơn thay vì chiều theo cám dỗ muốn ăn nhiều hơn (217).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tâm trí dồn hết vào cái mình ăn, và đừng vội vàng khi ăn như thể bị cơn thèm khát lôi vào, [2]nhưng phải tự chủ trong cách ăn cũng như trong lượng đồ ăn.	quá chăm chú vào đồ ăn, và đừng ăn một cách vội vàng như bị sự thèm thuồng thúc đẩy, [2]nhưng trong mọi sự, ta nên đạt đến sự tự chủ, cả trong cách thức lẫn số lượng ăn.	có sự trào xuất quá đáng của linh hồn dồn vào các món ăn ta phải dùng và đừng để chúng ta dùng bữa cách ngấu nghiến và vội vàng; [2]nhưng luôn luôn làm chủ cơn thèm khát, để điều chỉnh cùng lúc cả lượng đồ ăn lẫn cách ăn.
217. [1]*Thứ tám:* để tránh xa những hỗn loạn, điều rất có ích là sau bữa trưa hoặc sau bữa tối hay lúc nào khác mà mình không cảm thấy thèm ăn, [2]tự xác định số lượng đồ ăn thích hợp cho mình trong bữa trưa hoặc bữa tối sau đó, và cứ như thế mỗi ngày. [3]Không được vượt quá số lượng ấy cho dù thấy ngon miệng hay bị cám dỗ thế nào đi nữa. Trái lại, để dễ thắng sự thèm thuồng hỗn loạn và	**217.** [1]*Thứ tám*: để tống khứ những hỗn loạn, thì điều rất có ích lợi là sau bữa ăn trưa và bữa ăn tối, hoặc vào một giờ mà ta không cảm thấy lòng ước muốn thèm ăn, [2]tự xác định số lượng đồ ăn thích hợp cho mình vào bữa ăn trưa và bữa ăn tối sắp tới cho mỗi ngày; [3]bằng bất cứ cách nào ta sẽ không vượt quá số lượng đó cho dù thấy ngon miệng hay cám dỗ; hơn nữa, để chiến thắng sự thèm thuồng hỗn loạn và mọi	**217.** [1]*Thứ tám*: để tiêu diệt sự thái quá trong việc ăn uống, thì điều rất có ích là, trước bữa ăn buổi trưa hay buổi tối và vào giờ tôi không cảm thấy đói, [2]phải xác định bằng cách quyết định trước hết lượng chính xác về đồ ăn mà ta sẽ dùng vào lần tới; [3]trong lần tiếp theo đó, chúng ta không bao giờ vượt quá số lượng ấy, chẳng vì sự thèm muốn quá độ cũng chẳng vì sự kích thích của kẻ thù; nhưng đúng hơn

Tóm lại, phần hai diễn tả việc ăn uống dưới khía cạnh Ki-tô tính vượt xa phần một và nói về phương cách gián tiếp và trực tiếp giúp chủ thể đạt được sự tự chủ và sự điều chỉnh hay canh tân ở mức trung dung trong việc ăn uống mau hơn. Tất cả việc điều chỉnh này vừa tiếp nối, vừa làm rõ và vừa vượt qua việc hãm mình đền tội trong việc ăn uống của tuần một (83) vì nó thuộc về tuần ba trở đi sau cuộc chọn lựa (169-188) để hòa nhập vào việc cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống (189) ở cuối tuần hai vốn thuộc đời sống soi sáng.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
TUẦN THỨ BỐN	**TUẦN THỨ BỐN**	**TUẦN THỨ BỐN**
218. [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT. ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA ĐÃ HIỆN RA CÙNG ĐỨC MẸ NHƯ THẾ NÀO (SỐ 299)	**218.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT VỀ VIỆC HIỆN RA ĐẦU TIÊN CỦA CHÚA KI-TÔ CHO ĐỨC TRINH NỮ DIỄM PHÚC MA-RI-A (299).	**218.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT. CHÚA GIÊ-SU ĐÃ HIỆN RA THẾ NÀO SAU KHI PHỤC SINH CHO MẸ THÁNH CỦA NGÀI (299).
[2]*Kinh dọn lòng* thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng* là cùng một kinh như thường lệ.	[2]*Kinh dọn lòng* như thói quen.

TUẦN THỨ BỐN: Ở VỚI TA TRONG VINH QUANG

(Tính phê chuẩn tình yêu trong đời sống soi sáng)

TỔNG QUÁT

1. Đặc tính

Giống như tuần thứ ba, tuần thứ tư cũng không khởi đầu bằng bài thao luyện cá nhân nên không có khoảng cách giữa những bài thao luyện cá nhân với các cuộc thao luyện mặc khải. Bởi lẽ cả hai đều khởi đầu bằng bài chiêm niệm thứ nhất của mặc khải ngay sau tựa đề mỗi tuần: "Tuần thứ ba" (190) và "Tuần thứ bốn" (218). Tuy nhiên, sự đồng nhất này vẫn chưa phải là sự đồng nhất của đời sống thần hiệp (vie unitive, vita unitiva). Vì cũng như tuần ba, sự đồng nhất này vẫn còn dừng lại ở bình diện chủ động và ý thức của thao viên trong hành trình cải thiện đời sống và canh tân bậc sống (189). Chúng ta sẽ nêu rõ những tương đồng giữa hai tuần Linh Thao này cả về cách tổ chức lẫn diễn tiến đề tài.

Chính sự đồng nhất này cho phép chúng ta kết luận rằng: tương tự như tuần ba, những cuộc thao luyện của tuần bốn chỉ có mục đích đào sâu vế thứ hai của bài chiêm niệm "Lời Gọi Vua Hằng Sống", nghĩa là đào sâu ý niệm "Ở với Ta trong vinh quang" (95^5) theo chiều hướng phê chuẩn sự chọn lựa để sống việc cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống (189).

2. Cấu trúc tuần bốn

Có lẽ không có tuần Linh Thao nào mà thánh I-nhã hướng dẫn quá ngắn gọn bằng tuần thứ tư này. Ta có thể thấy rõ tính chính xác của khẳng định này khi nghiên cứu những thành tố của nó. Quả vậy, ba yếu tố làm nên Linh Thao: những bài thao luyện cá nhân I-nhã, những bài thao luyện mặc khải và những khí cụ hướng dẫn đều giảm thiểu tối đa trừ những bộ qui tắc tăng lên (313-370).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
219. [1]*Tiền nguyện thứ nhất* là lịch sử. Ở đây là sau khi Chúa Ki-tô tắt thở trên Thập Giá, và xác Ngài vẫn tách khỏi linh hồn, nhưng vẫn luôn kết hợp cùng bản tính Thiên Chúa như thế nào, linh hồn đầy phúc đức của Người xuống ngục tổ tông, vẫn luôn kết hiệp cùng thần tính. [2]Người rước linh hồn các thánh ra khỏi ngục, đoạn trở lại mồ, và khi đã sống lại, Người hiện ra cùng Đức Mẹ đầy ân phúc, bằng cả xác và hồn.	**219.** [1]*Tiền nguyện thứ nhất* là gợi nhớ về lịch sử, bây giờ là suy xét Đức Ki-tô, từ khi Ngài tắt hơi thở trên Thập Giá và là nơi thân xác bị tách khỏi linh hồn nhưng không khỏi thần tính, đang xuống âm phủ mà linh hồn Ngài vẫn kết hiệp với thần tính; [2]trong khi rước các linh hồn thánh thiện ra khỏi đó, trở lại ngôi mồ, chính Ngài phục sinh, trước hết Ngài hiện ra bằng cả thân xác lẫn linh hồn với Mẹ đầy ơn phúc.	**219.** [1]*Mở đầu thứ nhất* được rút ra từ lịch sử: Làm thế nào, sau khi Chúa đã tắt thở trên Thập Giá, thân xác của Ngài được mai táng nhưng luôn kết hợp với thần tính, chính Ngài xuống âm phủ khi linh hồn không ngừng kết hợp với thần tính;[2]sau khi giải thoát những linh hồn của những người công chính ra khỏi đó và trở lại mồ, Ngài kết hiệp lần nữa thân xác với linh hồn và sau cùng, khi phục sinh, Ngài hiện ra sống động cho Đức Trinh Nữ diễm phúc, Mẹ Ngài, ***như phải tin cách đạo đức như thế và dường như vậy.***

- Trước hết, còn giản lược hơn tuần ba, tuần bốn này không có một bài thao luyện nào thuộc kinh nghiệm riêng của I-nhã. Cho dù tuần bốn này có bài "Chiêm Niệm Để Được Tình Yêu" (230-237), nhưng đúng ra bài này nên được coi như bài chiêm niệm kết thúc toàn thể Linh Thao, vốn đối ứng với bài khởi đầu "Nguyên Lý và Nền Tảng" (23) xét như là cấu trúc bao hàm của toàn bộ những cuộc thao luyện (inclusion).
- Thứ đến, về các bài thao luyện theo mặc khải, ta cũng thấy thánh I-nhã chỉ còn đưa ra duy nhất một bài mẫu: "Chúa hiện ra với Đức Mẹ" (218-225) mà cơ cấu và diễn tiến các điểm đã được thánh I-nhã chọn trong bài chiêm niệm ở "Tiệc Ly" (190-198) làm mẫu, nhưng bớt đi một điểm vì bầu khí mới. Yếu tố này cho thấy tính liên tục của tuần ba và tuần bốn.
- Sau cùng, chân dung thánh I-nhã hướng dẫn xuất hiện ở đây bớt hẳn đi. Ngoài khí cụ "ghi chú" được vận dụng (226-229), ta không còn thấy bất cứ một khí cụ giải thích trực tiếp nào cả. Tuy nhiên ta lại thấy xuất hiện nhiều bộ quy tắc đàng sau là khí cụ không chỉ hướng dẫn thao viên tập luyện trong toàn cuộc Linh Thao mà còn giúp đem vào cuộc sống hậu Linh Thao nữa(313-370).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
220. <u>*Thứ hai*</u>: đặt khung cảnh bằng cách xem nơi chốn. Ở đây là xem thấy sự xếp đặt của ngôi mộ thánh, và nơi hay nhà Đức Mẹ; nhìn xem riêng từng phần một, phòng ngủ, phòng cầu nguyện...	**220.** <u>*Tiền nguyện thứ hai*</u> là việc đặt khung cảnh, ở đây là suy xét sự xếp đặt của ngôi mộ thánh và nơi hay ngôi nhà của Đức Mẹ, trong khi chiêm ngắm từng nơi một, thí dụ căn phòng hay nhà nguyện.	**220.** <u>*Thứ hai*</u>: về việc đặt khung cảnh, ta nhìn xem ngôi mộ và nơi ở của Đức Trinh Nữ diễm phúc, ngắm nghía hình dạng cách chi tiết về những nơi đó, những phần và toàn thể sự sắp đặt, như căn phòng và nhà nguyện.

B.II.1 CUỘC CHIÊM NIỆM THỨ NHẤT: Chúa hiện ra cho Đức Mẹ

1/ Nhận định

Có hai nhận định về bài chiêm niệm này.

- Thứ nhất về tựa đề: cả ba bản văn đều ghi nhận đề tài này là cuộc hiện ra cho Đức Mẹ vốn là bài chiêm niệm thứ nhất của tuần thứ tư. Lại nữa, bản P còn xác định rõ rằng đây còn là cuộc hiện ra đầu tiên (218[1b]), nghĩa là sau khi phục sinh từ cõi chết, người đầu tiên mà Chúa Giê-su hiện đến và tỏ mình ra cho là chính Đức Mẹ chứ không phải ai khác. Quả thế, tựa đề của bài chiêm niệm trong danh sách các "Mầu nhiệm trong cuộc đời Chúa Giêsu Ki-tô Chúa chúng ta" (261-312) cho thấy đây là cuộc hiện ra đầu tiên (299[1]).
- Thứ hai về chính bài chiêm niệm: Đây là một trong hai bài chiêm niệm duy nhất không được rút ra từ Kinh Thánh, vì Kinh Thánh không nói đến. Đó là bài Chúa hiện ra cho Đức Mẹ (218/299) và bài Chúa hiện ra cho ông Giu-se Ari-mathia (310). Thánh I-nhã biết rõ điều này vì những bài này thuộc về truyền thống, được Ludolphe đưa vào trong tác phẩm của mình (Vit. II, 70 và Vit. II, 75) và được thánh I-nhã vận dụng vào Linh Thao. Ngài viết trong bài Chúa hiện ra cho Đức Mẹ: "Mặc dù điều đó không được nói đến trong Kinh Thánh, nhưng coi như được đề cập khi nói rằng Ngài hiện ra cho biết bao nhiêu người khác" (299[1]).
- Trong bài Chúa hiện ra cho Giu-se Arimathia ngài cũng viết: "như người ta suy gẫm như thế theo lòng đạo đức và như người ta đọc trong đời sống các thánh" (310[2]). Trong chủ đề này, thánh I-nhã đã can thiệp để sửa bản văn A. Câu văn "***như người ta suy gẫm như thế theo lòng đạo đức và như người ta đọc trong đời sống các thánh***" đã được thánh I-nhã viết vào thay cho câu văn: "Như Tin Mừng của Ni-cô-đê-mô nói" từ tác phẩm của Ludolphe (Vit. II, 75). Cả hai bản P và V đều viết theo bản văn đã được sửa rồi: "Như ta có thể suy gẫm điều đó cách đạo đức" theo P và "và điều ấy tương tự và có tính đạo đức

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
221. *Thứ ba:* cầu xin điều tôi muốn. Ở đây là xin ơn được hoan lạc và vui mừng mãnh liệt vì sự vinh quang và vui mừng dường ấy của Đức Ki-tô Chúa chúng ta.	**221.** *Thứ ba*: xin điều tôi muốn, và bây giờ ta sẽ xin ơn được cảm nghiệm sâu xa niềm vui mừng và hoan lạc vì sự vinh quang và khải hoàn của Đức Ki-tô Chúa chúng ta.	**221.** *Thứ ba:* hàm chứa ơn phải xin, nghĩa là chúng ta thông chia niềm vui mừng vô biên của Đức Ki-tô và Mẹ Ngài.
222. *Điểm thứ nhất, hai, ba* cũng là những điểm quen thuộc mà chúng ta đã làm trong cuộc chiêm	**222.** *Những điểm thứ nhất, thứ hai và thứ ba* cũng là những điểm như thường lệ, những điểm	**222.** *Điểm thứ nhất, thứ hai và thứ ba* ở đây sẽ là những nhân vật đã được trình bày ở trên trong

---

để suy gẫm" theo V.

Trong tiền nguyện thứ nhất về lịch sử của biến cố Chúa hiện ra cho Đức Mẹ, bản V kết thúc bởi câu: "... và sau cùng, trong khi phục sinh, Ngài hiện ra sống động cho Đức Trinh Nữ diễm phúc, Mẹ Ngài". Câu văn dừng lại ở đây. Cha Polanco thêm vào cuối câu này một cụm từ: "***như phải tin cách đạo đức như thế và dường như vậy***" vốn được rút ra từ bài Chúa hiện ra cho ông Giu-se Arimathia (310^2). Câu văn đã sửa không thêm ý nghĩa gì hơn cho bản văn.

2/ Xin ơn (221)

Hai vấn đề còn lại để chúng ta bàn thảo ở bài chiêm niệm đầu tiên này là tiền nguyện thứ ba về việc xin ơn và các điểm chiêm niệm.

Cả ba bản văn đều cho thấy đối tượng của ơn xin chính là niềm vui và niềm hoan lạc của Đức Ki-tô. Đây không phải là một niềm vui nhỏ bé, tầm thường, nhưng là niềm vui mãnh liệt (A), niềm vui vô biên (V) hoặc sâu xa (P).

Niềm vui phục sinh mà Đức Ki-tô ban cho thao viên là kết quả không chỉ bởi tình yêu tha thứ Ngài thực hiện trong cuộc khổ nạn (193) mà còn bởi tình yêu thông hiệp giữa các ngôi vị (203) mà chính Ngài thông ban cho những ai bước theo Ngài trong đau khổ (95^5). Ba bản văn đưa ra cho chúng ta một mẫu gương sống động: Mẹ Ma-ri-a, cho dù Kinh Thánh không hề đả động đến. Hơn nữa, bản V không chỉ nói đến niềm vui của Đức Ki-tô mà thôi, nhưng còn là của chính Đức Mẹ nữa (221^b). Chắc chắn Mẹ là người đã đi theo Chúa trong đau khổ (95^5), vì thế niềm vui của Mẹ gián tiếp bộc lộ niềm vui mà chính thao viên sẽ nhận được. Và không chỉ bộc lộ mà còn đảm bảo cho niềm vui đó nữa.

Như vậy, niềm vui này là hệ quả tất yếu của việc "ở với Chúa trong đau khổ" và là sự phê chuẩn cho việc "chọn lựa cũng như việc canh tân" mà thao viên đang dấn thân vào. Chính vì thế mà bản V diễn tả mối tương quan giữa Chúa Ki-tô và

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
niệm về Bữa Tiệc Ly của Đức Ki-tô, Chúa chúng ta.	mà chúng đã có về Bữa Tiệc Ly của Đức Ki-tô Chúa chúng ta, ***nghĩa là suy xét những nhân vật, những lời nói, những hành động.***	cuộc chiêm niệm về Bữa Tiệc Ly, ***nghĩa là suy xét những nhân vật, những lời nói, những hành động.***
223. *Thứ bốn*: suy xét xem bản tính Thiên Chúa đã có vẻ như ẩn giấu như thế nào trong cuộc Thương Khó, bây giờ hiện ra và tỏ mình cách lạ lùng biết bao	**223.** *Thứ bốn*: suy xét thiên tính, vốn tự ẩn mình trong cuộc thương khó, đã xuất hiện và bày tỏ ra một cách lạ lùng trong cuộc phục sinh rất thánh và trong những hậu quả	**223.** *Thứ bốn* là ghi nhận thiên tính của Đức Ki-tô, một khi đã ẩn giấu đi trong cuộc Thương Khó và trong cái chết, bày tỏ ra ánh sáng trong cuộc phục sinh và chói sáng

---

Mẹ Ngài bằng từ ngữ "thông chia" của tình yêu (221[a]). Niềm vui thông chia chắc chắn diễn tả sự hiệp thông nên một của những ngôi vị yêu nhau, niềm vui ấy cũng là lời hứa chắc chắn cho thao viên trong hành trình bước theo Chúa.

3/ Điểm chiêm niệm

Điểm chiêm niệm phản chiếu rõ ràng cách tiến hành của bài chiêm niệm đầu tiên trong tuần ba (194-197). Nó phản chiếu rõ ràng đến nỗi tư tưởng của ba điểm chiêm niệm đầu tiên này lấy lại cùng tư tưởng của bài Tiệc Ly nhưng thích nghi vào trong mầu nhiệm khác (222/ 194). Cha Polanco đã hiểu đúng ý nghĩa này nên đã giải thích rõ vào bản P và V cụm từ sau: "***nghĩa là suy xét những nhân vật, những lời nói, những hành động***" (222[b]).

Chỉ có một chút khác biệt ở những điểm cuối cùng: Ở tuần bốn này, thánh I-nhã đề nghị năm điểm chiêm niệm thay vì sáu điểm, nghĩa là ngoài ba điểm giống nhau ở trên, ta chỉ còn hai điểm. Tuy nhiên, điểm thứ tư dường như tóm kết tất cả ba điểm cuối cùng của bài Tiệc Ly khi diễn tả thiên tính của Chúa tỏ hiện thay vì ẩn giấu bằng ngôn ngữ kinh viện (223).

Sau cùng thánh I-nhã nói về chức vụ an ủi của Chúa (224). Chắc chắn chức vụ này trong bài chiêm niệm được Chúa Giê-su dành trước hết cho Mẹ. Nhưng nó cũng trực tiếp hướng về thao viên như ơn xin diễn tả và chúng ta đã giải thích (221). Nhất là người ấy lúc này được ở trong mối tương quan tình bạn với Đức Ki-tô. Điều này làm cho chúng ta liên tưởng đến tâm tình Đức Ki-tô nói với các môn đệ: "Thầy không còn gọi anh em là tôi tớ, vì tôi tớ không biết việc chủ làm. Thầy gọi anh em là bạn hữu, vì tất cả những gì Thầy đã nghe biết nơi Cha Thầy, thì Thầy đã cho anh em biết" (Ga 15,15). Thao viên lúc này đã được một sự hiểu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trong việc Phục Sinh rất thánh, bởi những hiệu lực chân thật và rất thánh của chính sự Phục Sinh ấy.	rất thánh thiện của nó.	sau đó bằng vô số phép lạ.
224. *Thứ năm*, nhìn xem chức vụ an ủi mà Đức Ki-tô, Chúa chúng ta thực hiện và so sánh việc ấy với cách thức mà các bạn hữu quen an ủi lẫn nhau.	**224.** *Thứ năm*: suy xét sứ vụ an ủi mà Đức Ki-tô Chúa chúng ta thực hiện, như ta vẫn quen làm giữa những bạn hữu an ủi lẫn nhau.	**224.***Thứ năm*: định lượng xem Chúa hoàn tất chức vụ an ủi cho những người của mình cách nhanh chóng và dư đầy, khi so sánh với sự an ủi vốn có thể được thực hiện cho một người bạn hữu rất thân thiết.
225. Kết thúc bằng một hay *nhiều cuộc tâm sự*, tùy theo đề tài và đọc một Kinh Lạy Cha.	**225.** Ta sẽ kết thúc với một hay *nhiều cuộc tâm sự* tùy theo đề tài đã đề	**225.** Sau một hay *nhiều cuộc tâm sự*, mà ta sẽ làm tùy theo đề tài, ta kết

biết trọn vẹn của mặc khải không phải bằng lý thuyết của trí hiểu, nhưng bằng sự trải nghiệm của con tim.

C.II.5 I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Bộ Ghi chú 4 (5) thuộc tuần bốn (226-229)

Trong tuần bốn, chân dung I-nhã hướng dẫn cũng xuất hiện dưới hình thức "giải thích", "ghi chú" và "quy tắc". Về ghi chú, bản văn P và V giữ nguyên lập trường khi gọi những điều này là "Những Chú Dẫn" hay bằng cụm từ "Cần phải Ghi Chú" (226[1]) tương đương với tuần ba (204) và tuần hai (127 và 162). Ngược lại bản A lại tỏ ra lúng túng khi gọi loại khí cụ này là "ghi chú", vì lẽ từ ngữ được sử dụng cách chính xác ở tuần hai (127 và 162) nhưng lại bỏ trống hoàn toàn tựa đề này ở tuần ba (204-207) và ở ghi chú thứ nhất của tuần bốn (226[1]) dù ngoài lề trái có từ ngữ "ghi chú" *(Ignace de Loyola, Texte autographe des EX. SP. , sách đã dẫn, tr. 126-127 và 133).* Tuy nhiên, từ ghi chú thứ hai trở đi, thánh I-nhã đã viết từ ngữ "ghi chú" ngay ở đầu làm tựa đề (227[1]; 228[1];229[1]). Như thế đích thực đây là khí cụ thứ hai của Linh Thao mà thánh I-nhã gọi là "Những ghi chú" nơi bản A. Đây là bộ ghi chú thứ bốn thuộc đời sống soi sáng của Tuần bốn và cũng là bộ thứ năm nếu tính cả Mười Điều Phụ Thêm của Tuần một, xét như là khí cụ hướng dẫn một tuần lễ Linh Thao.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	ra, và sau cùng ta sẽ thêm một Kinh Lạy Cha.	thúc cuộc chiêm niệm bằng một Kinh Lạy Cha.
226.[1]*[Ghi chú thứ nhất]* Trong các cuộc chiêm niệm sau, nên tiến hành theo cách thức sẽ chỉ dưới đây, về tất cả các mầu nhiệm từ sự sống lại cho đến hết việc Chúa lên trời;[2]về điều còn lại, trong suốt tuần về sự phục sinh, sẽ đi theo và tuân giữ cùng một hình thức và cách thế như đã giữ trong tất cả tuần về sự thương khó.[3]Vậy, cứ theo mẫu bài chiêm niệm thứ nhất này về sự phục sinh mà các tiền nguyện được điều chỉnh tùy theo đề tài được đề ra;[4]năm điểm cũng như thế; các điều phụ thêm	**226.** [1]*Chú dẫn thứ nhất*. Trong những cuộc chiêm niệm tiếp theo, phải tiến hành trong tất cả những mầu nhiệm về Phục Sinh như sẽ được chỉ định ngay sau đây, cho đến hết cuộc Thăng Thiên, [2]bằng việc tuân giữ cùng một hình thức và cùng một phương pháp về mọi mầu nhiệm trong trọn cả tuần Phục Sinh này như ta đã tuân giữ trong tuần về cuộc thương khó. [3]Vì vậy, theo như chính cuộc chiêm niệm đầu tiên này về sự phục sinh mà tất cả sẽ được điều chỉnh và xác định: về điều liên quan đến những tiền	**226.** [1]Cần phải *ghi chú* rằng, trong những cuộc chiêm niệm hay thao luyện tiếp theo, sẽ phải sử dụng một số này hay một số khác trong số những mầu nhiệm của việc phục sinh và thăng thiên và những mầu nhiệm được tìm thấy giữa hai biến cố này, [2]bằng cách luôn luôn giữ nguyên hình thái và cách thức tiến hành, như ta đã làm cả tuần mà chúng ta đã chiêm ngắm những mầu nhiệm của Cuộc Khổ Nạn. [3]Và chính cách thức và mẫu mực của cuộc suy gẫm đầu tiên này về sự phục sinh của

1. Ghi chú thứ nhất (226)

Ghi chú này lấy tuần ba làm mẫu. Và xác định phạm vi việc thao luyện của tuần bốn từ Mầu Nhiệm Phục Sinh đến hết Mầu Nhiệm Thăng Thiên (299-312).

Hiểu như thế thì cụm từ "Những điều còn lại, en lo restante" trong quy tắc này của A (226^2) xem ra dư thừa. Bản P và V chứng thực điều này khi nói rằng: "bằng việc tuân giữ cùng một hình thức và cùng một phương pháp" (P) hay "bằng cách giữ nguyên hình thái và cách thức tiến hành y như ta đã làm cả tuần mà chúng ta đã chiêm ngắm những mầu nhiệm của cuộc khổ nạn" (V).

Cụ thể mẫu ấy được áp dụng ngay trong bài thứ nhất này. Tất cả được điều chỉnh từ ghi chú thứ nhất của tuần ba (204): các tiền nguyện được điều chỉnh theo đề tài của tuần Phục Sinh, trừ số điểm chiêm niệm giảm lại còn năm điểm thay vì sáu (204^1); việc điều chỉnh cũng chuyển vào các thao luyện trong một ngày: phục niệm, áp dụng ngũ quan (204^2); và sau cùng thánh I-nhã điều chỉnh cả việc kéo dài hay rút ngắn các mầu nhiệm trong tuần này vốn đã được nói chi tiết ở một

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nói dưới đây cũng vậy. [5]Và cũng thế, đối với tất cả các điều còn lại có thể điều chỉnh theo cách thức đã làm trong tuần về sự thương khó, chẳng hạn về các cuộc phục niệm, áp dụng ngũ quan, rút ngắn hay kéo dài các mầu nhiệm...	nguyện, tùy theo đề tài đề ra; [4]và về điều liên quan đến năm điểm, cũng như thế; và những điều phụ thêm cũng luôn như vậy; [5]và như thế ta có thể giữ trong tất cả cùng một cách làm như ta đã tuân giữ trong tuần về Cuộc Khổ Nạn, cả trong những cuộc phục niệm và những cuộc thao luyện ngũ quan lẫn việc kéo dài hay rút ngắn những mầu nhiệm.	Chúa mà tất cả những cuộc suy gẫm tiếp theo phải được hình thành và điều chỉnh, cả những mở đầu (nếu không phải là những mở đầu phải được thích nghi với sự việc) [4]lẫn năm điểm và từng điều phụ thêm một. [5]Về những cuộc phục niệm và những cuộc áp dụng giác quan, và cả về việc gia tăng hay giảm thiểu con số những cuộc thao luyện tùy theo những mầu nhiệm, chúng ta sẽ theo cùng một quy tắc như quy tắc đã được chỉ dạy cho chúng ta trong tuần trước về việc suy gẫm Cuộc Khổ Nạn của Đức Ki-tô.

ghi chú của tuần hai (162) và ở một giải thích của tuần ba (209).

Tóm lại, mẫu tuần ba hoàn toàn áp dụng cho tuần bốn chỉ trừ sự di dời tâm trạng thao viên từ cuộc thương khó sang phục sinh. Điều ấy cho thấy tính đồng nhất của tuần bốn với tuần ba của Linh Thao, nghĩa là tuần bốn cũng thuộc về đời sống soi sáng như tuần ba và tuần hai, tuy đây là lý chứng ngoại tại.

Ngoài lý chứng này, chúng ta sẽ đề cập đến một lý chứng nội tại khác mà thánh I -nhã để lại khi sắp xếp các mầu nhiệm chiêm niệm trong danh sách "Những Mầu Nhiệm về Cuộc đời Đức Ki-tô". Ngài xếp các mầu nhiệm biểu lộ sự yếu tin của các môn đệ lên trước nhằm cho thấy rằng các ông đã sống tình yêu với Thầy mình, nhưng là một tình yêu chưa trọn vẹn *(x. chú giải các mầu nhiệm tuần bốn từ số 299-312).*

2. Ghi chú thứ hai và ba (227-228)

Hai ghi chú này thuộc riêng tuần bốn với hai yếu tố:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
227. [1]*Ghi chú thứ hai*: cách chung, trong tuần thứ tư này, xét thấy thích hợp hơn so với ba tuần trước là làm bốn cuộc thao luyện thay vì năm: [2]cuộc thứ nhất ngay khi thức dậy buổi sáng; cuộc thứ hai vào giờ lễ hoặc trước bữa trưa, thay vì cuộc phục niệm thứ nhất; cuộc thứ ba vào giờ kinh chiều thay vì cuộc phục niệm thứ hai;[3]cuộc thứ bốn trước bữa tối bằng cách áp dụng ngũ quan vào ba bài thao luyện của cùng một ngày; nên để ý ngừng lại ở những điểm quan trọng hơn và ở đó nghiệm được nhiều	**227.** [1]*Thứ hai*: thông thường nhất, trong tuần thứ bốn này, điều thích hợp hơn so với ba tuần trước là làm bốn cuộc thao luyện chứ không phải năm: [2]cuộc thứ nhất, ngay khi tôi thức dậy khỏi giường của tôi, vào rạng đông; cuộc thứ hai, vào giờ thánh lễ hay trước bữa ăn trưa, thay vì cuộc phục niệm thứ nhất; cuộc thứ ba, vào giờ hát kinh chiều, thay vì cuộc phục niệm thứ hai; [3]thứ bốn, trước bữa ăn tối, bằng cách áp dụng ngũ quan về ba cuộc thao luyện của cùng ngày ấy, trong khi ghi nhận và	**227.** [1]*Thứ hai*: phải ghi chú rằng điều thích hợp hơn về tuần thứ tư này đối với các tuần trước đây là chỉ làm bốn cuộc thao luyện: [2]cuộc thứ nhất, sau khi chúng ta thức dậy vào buổi sáng; cuộc thứ hai, vào khoảng giờ thánh lễ hay trước bữa ăn trưa, thay vì cuộc phục niệm thứ nhất; cuộc thứ ba, vào giờ hát kinh chiều, thay vì cuộc phục niệm thứ hai; [3]cuộc thứ bốn, trước bữa ăn tối, bằng cách nại đến giác quan để ghi khắc mạnh mẽ hơn vào linh hồn ba cuộc chiêm niệm trong ngày đó, cùng lúc ghi dấu

a/ Chương trình một ngày (227)

Sau khi xác định tính đồng nhất của hai tuần ba và bốn cách gián tiếp và ngoại tại, thánh I-nhã đề nghị một chương trình khác mà ngài nghĩ thích hợp hơn cho tuần thứ tư. Tuy nhiên, thánh I-nhã đã đề nghị một chương trình tương tự ở tuần ba vốn không phải gồm bốn mà năm cuộc thao luyện, nhưng bài thứ năm không nói đến (209). Và nhờ chương trình của tuần bốn này, ta có thể tìm được đặc tính của bài thứ năm đó. Về chương trình này, ta thấy có một số nét khác biệt chính so với chương trình bình thường sau đây:

- Trước hết, chương trình một ngày sẽ có bốn cuộc thao luyện chứ không phải là năm. Nghĩa là bỏ cuộc thao luyện thứ nhất vào lúc nửa đêm và giữ những cuộc thao luyện còn lại (227^1).
- Thứ đến, các cuộc thao luyện buổi sáng khi thức dậy, vào giờ thánh lễ và vào giờ kinh chiều sẽ không phải là cuộc thao luyện thứ hai và hai cuộc phục niệm nữa, nhưng cả ba đều là những cuộc thao luyện riêng biệt với những đề tài riêng (227^2).
- Sau cùng, cuộc thao luyện thứ tư trước bữa ăn tối vẫn là cuộc áp dụng ngũ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
xúc động và nhiều hương vị thiêng liêng hơn.	dừng lại ở những nơi quan trọng trong đó tôi có thể cảm thấy những xúc động mạnh mẽ hơn và những hương vị thiêng liêng nồng nàn hơn.	và đụng chạm tận phần sâu thẳm những chỗ hay những nơi trong đó chúng ta sẽ cảm thấy trong linh hồn những chuyển động mạnh mẽ hơn và một hương vị thiêng liêng nồng nàn hơn.
228. [1]*Thứ ba*: mặc dù trong tất cả các cuộc chiêm niệm con số điểm nhất định đã được đề nghị, chẳng hạn ba, năm... nhưng người chiêm niệm có thể tăng hay bớt số điểm như họ thấy đàng nào mình thấy tốt hơn; [2]như thế, điều rất có ích là trước khi bắt đầu cuộc chiêm niệm biết dự phòng và xác định chính xác số điểm sẽ làm.	**228.** *Thứ ba*: mặc dù trong mọi cuộc chiêm niệm, con số điểm rõ ràng được đề nghị cho, thí dụ ba hay năm, v.v., người chiêm niệm có thể xác định số điểm nhiều hay ít hơn, tùy theo như người ấy xét thấy tốt hơn và ích lợi hơn cho mình; [2]chính vì vậy điều rất hữu ích là trước khi đề cập đến việc chiêm niệm, nên suy nghĩ và xác định con số điểm chính xác mà ta phải làm.	**228.** *Thứ ba*: mặc dù người ta xác định cho thao viên con số điểm nhất định, thí dụ ba hay năm, tuy nhiên cũng tự do để đưa cuộc chiêm niệm đến con số nhiều hay ít điểm hơn theo như thao viên cảm thấy rằng điều ấy thích hợp hơn. [2]Như vậy, sẽ rất ích lợi cho thao viên nếu trước khi vào cuộc thao luyện, hình dung những điểm phải làm và cần xác định trước con số rõ ràng.

quan nhưng không phải là của hai cuộc thao luyện thường lệ mà là của cả ba cuộc thao luyện trước đó (227[3]). Chính ở chỗ này, chúng ta có thể phỏng đoán về bài thao luyện thứ năm của tuần thứ ba khi thánh I-nhã đề nghị một chương trình năm bài thao luyện trong đó có bốn bài riêng biệt, nhưng bài thứ năm không được xác định (x. 209[1-2]).

b/ Xác định số điểm chiêm niệm (228)

Việc xác định số điểm có tính uyển chuyển, nghĩa là có thể tăng thêm hay giảm bớt các điểm chiêm niệm. Tuy nhiên ở đây, theo A và P, thánh I-nhã dành phần quyết định cho chính thao viên tuỳ theo họ xét thấy thế nào là tốt hơn cho chính họ (228[1]). Điều này giả thiết thao viên đã có kinh nghiệm và tỏ ra rất quen thuộc với phương pháp Linh Thao để tự xác định chất liệu cầu nguyện cho mình. Bản V xem ra dành sự quyết định ấy nơi người hướng dẫn, tùy theo nhu cầu thích hợp của thao viên.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
229. [1]*Thứ bốn*: trong tuần thứ tư này, về cả thảy mười điều phụ thêm, phải sửa đổi điều thứ hai, sáu, bảy và mười. [2]Điều hai là ngay khi thức dậy, để trước mặt cuộc chiêm niệm mà tôi phải làm, ước ao được cảm kích và hoan lạc vì sự vui mừng và hoan lạc dường ấy của Đức Ki-tô Chúa chúng ta. [3]Điều sáu: hướng trí	**229.** [1]*Thứ bốn*: trong tuần thứ bốn này, về tổng số mười điều phụ thêm, ta phải sửa đổi điều thứ hai, thứ sáu, thứ bảy, thứ mười. [2]Điều thứ hai: ngay khi tôi sẽ thức dậy, tôi tự đặt mình trước con mắt tinh thần cuộc chiêm niệm mà tôi phải làm, bằng cách vận dụng sức lực và con tim mình để được vui mừng về niềm	**229.** [1]*Thứ bốn*: sau cùng, phải ghi chú rằng, trong tuần thứ bốn này, những điều phụ thêm thứ hai, thứ sáu, thứ bảy và thứ mười phải được thay đổi. [2]Trong điều thứ hai: ngay khi tôi thức dậy, tôi tự đặt mình tức khắc trước mắt mầu nhiệm đã được xác định và tôi cũng tập trung phấn khích, cả tôi nữa, vào niềm vui của Chúa với những người

3. Ghi chú thứ tư (229)

Ghi chú này liên quan đến mười điều phụ thêm (73-90). Thánh I-nhã nói rằng cả những điều phụ thêm cũng được điều chỉnh dưới ánh sáng tuần ba (226^4) và đây là sự điều chỉnh mà thao viên sống bầu khí ngược lại với bầu khí của Tuần Ba. Vì thế bốn điều phụ thêm được sửa đổi như sau:

- Điều phụ thêm thứ hai (229^2): về tâm tình chuẩn bị việc chiêm niệm khi thức dậy vào nửa đêm và ban sáng (226^5) hay vào ban sáng (227^2). Đó là tâm tình gợi nhớ về cuộc chiêm niệm sẽ làm và thúc đẩy niềm vui nơi thao viên khởi từ niềm vui của Chúa. Bản V gián tiếp hướng về niềm vui của chính chủ thể khi diễn tả niềm vui của Chúa được thông chia cho những người thuộc về Ngài (229^{2b}). Tâm tình này ngược lại với tâm tình tuần ba vốn phải giục lòng đau buồn vì những đau đớn và nỗi thống khổ Chúa phải chịu (206^3) vì tội tôi (193) và vì tôi (203).
- Điều phụ thêm thứ sáu (229^3): tâm tình chủ đạo của tuần bốn nơi thao viên cũng đối nghịch lại với tuần ba. Họ có thể hướng về những điều gây nên niềm vui mừng và hoan lạc trong khi điều phụ thêm này ở tuần ba và tuần một lại không cho phép (206^{4-5} ; x. 76).
- Điều phụ thêm thứ bảy (229^4): Về khung cảnh sống cũng thế. Khung cảnh tuần ba trở về khung cảnh của tuần một (79) cho dù ý nghĩa rất khác biệt nhau. Trong khi đó khung cảnh tuần bốn lại cho phép chủ thể tận dụng ánh sáng và thời tiết thích hợp để nghiệm được niềm vui Phục sinh. Chúng ta cẩn trọng về việc vận dụng này. Vì điều thánh I-nhã mô tả thuộc về cách sống của dân chúng miền ôn đới.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nhớ và tư tưởng vào những điều có thể gây sung sướng, hoan lạc và vui mừng thiêng liêng, như sự vinh quang.	vui và vinh quang rất lớn lao của Đức Ki-tô Chúa.	thuộc về Ngài.
[4]Điều bảy: tận dụng ánh sáng và những sự thuận tiện của thời tiết, chẳng hạn sự mát mẻ trong mùa hạ, hoặc mặt trời và sự ấm áp trong mùa đông, tùy theo mức độ mà linh hồn tưởng nghĩ hay phỏng chừng có thể giúp mình vui mừng trong Đấng Tạo Dựng và cứu chuộc mình.	[3]Điều thứ sáu: tôi đặt nơi trí nhớ và nơi tư tưởng những điều có thể gây vui mừng và hoan lạc thiêng liêng, như sự vinh quang, v.v.	[3]Trong điều thứ sáu: tôi tự khơi dậy trong trí nhớ điều gợi lên niềm vui thiêng liêng, như tư tưởng về vinh quang.
[5]Điều mười: Thay vì sự hãm mình đền tội,	[4]Điều thứ bảy: tôi sẽ sử dụng sự sáng sủa của ban ngày và sự thuận tiện của thời tiết; như, vào mùa xuân, vẻ đẹp và sự dễ chịu của mùa; vào mùa đông, mặt trời và ánh lửa; tùy mức độ linh hồn nhận thấy rằng có thể tìm được ở đó sự trợ giúp để vui mừng với	[4]Trong điều thứ bảy: tôi sẽ vận dụng sự dễ chịu của ánh sáng hay của bầu trời dành cho tôi; thí dụ, vào mùa xuân, quang cảnh cây cỏ xanh tươi và các loại hoa hay sự hấp dẫn ở một nơi tràn ngập ánh sáng mặt trời; vào mùa đông, sự ấm áp đến từ mặt trời hay từ lửa nóng; và cũng thế những việc giải trí hợp pháp

– Điều phụ thêm thứ mười (229[5]): về việc ăn uống. Có thể nói mọi sự trong tuần này đều phải điều chỉnh ngược lại với tuần ba trừ một điều duy nhất ở điều phụ thêm này.

Quả vậy, điều phụ thêm thứ mười này có liên quan cách đặc biệt với việc ăn uống. Bản A và P chỉ nói về sự tiết độ và trung dung hay thanh đạm (229[5]). Còn V xác định rõ "việc tiết độ và trung dung trong việc ăn uống". Cả ba bản đều đồng thanh nói về việc thay đổi mục đích của nó so với tuần một: không phải để đền tội hãm mình nữa mà là tiết độ và trung dung. Điều này được khai triển cách rộng rãi trong tuần ba với tựa đề "Những quy tắc tự chỉnh đốn trong việc ăn uống từ nay về sau" theo A (210[1]). Tựa đề này có cụm từ "từ nay về sau" cho phép chúng ta tìm thấy sự thống nhất này. Đặc biệt mục đích của việc kiêng bớt ở đây không còn trở về việc hãm mình đền tội, mà để tự chủ trước sự thèm khát, chống trả cám dỗ (212) và tìm được mức tiết độ và trung dung (213), còn điều phụ thêm thứ mười ở đây là để sống sự trung dung đó (229[5]).

Tóm lại, cách sống và tâm tình của các cuộc thao luyện tuần bốn ngược lại hoàn toàn với cách sống của tuần ba, trừ việc ăn uống. Từ đây, ta thấy rõ rằng nội dung thao luyện tuần bốn chỉ đào sâu vế thứ hai của bài "Lời gọi Vua Hằng Sống" mà ý tưởng của nó là "Ở với Ta trong vinh quang" (95[5]) theo nghĩa nhằm phê chuẩn hành trình đi theo Đức Ki-tô.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hãy nhắm đến sự tiết độ và trung dung trong mọi sự trừ khi có luật ăn chay và kiêng thịt mà Giáo Hội truyền dạy, vì những luật ấy phải luôn luôn được giữ chu đáo, trừ trường hợp ngăn trở chính đáng.	Đấng Tạo Hóa và Cứu Chuộc mình. [5]Điều thứ mười: thay vì việc hãm mình đền tội, tôi giữ sự điều độ và sự thanh đạm, trừ những thời gian ấn định bởi Giáo Hội về việc ăn chay và kiêng thịt, vì những giới luật của Giáo Hội phải luôn được tuân giữ, trừ khi có ngăn trở chính đáng.	khác cho thân thể và tinh thần, nhờ đó, tôi có thể vui mừng với Đấng Sáng Tạo và Cứu Chuộc tôi. [5]Điều thứ mười: thay vì việc hãm mình đền tội, tôi bằng lòng về việc tiết độ và trung dung trong việc ăn uống, và trừ thời gian chay tịnh hay kiêng bớt được qui định bởi Giáo Hội, trừ những mệnh lệnh của ai ta luôn phải tuân giữ, trừ khi có một ngăn trở chính đáng.

A.I.3.2. CHIÊM NIỆM ĐỂ ĐƯỢC TÌNH YÊU (230-237)

I/ NHẬN ĐỊNH

1/ Bài chiêm niệm thuộc kinh nghiệm I-nhã

Đây là bài chiêm niệm kết thúc toàn bộ Linh Thao vốn đã được qui định (4^{8}). Cuộc thao luyện này có tính đối ứng với bài Nguyên Lý và Nền Tảng (23) và được xác định rõ là một bài chiêm niệm. Sở dĩ hai bài thao luyện này đối ứng với nhau vì cả hai đều cho thao viên nhận biết cứu cánh đời mình để sống, nhưng bằng hai phương thế khác nhau: một theo viễn tượng tiên thiên, còn một theo viễn tượng hậu nghiệm.

Chúng ta thấy rõ lược đồ hậu nghiệm này trong vận hành "Thiên Chúa đã làm - tôi đáp lại" của tất cả những điểm thao luyện: "Thiên Chúa đã ban các ơn (234^{1}), ngự lại và thông chia chính Ngài (235^{1-2}), làm việc và hành động vì tôi trong thụ tạo (236^{1-2a}) và ban các điều tốt lành cho tôi (237^{1}) – Về phần tôi, suy xét theo lẽ công bằng của tình yêu (234^{2-5} ; 235^{3} ; 236^{2b} ; 237^{2})...". Cũng chính từ cái nhìn hậu nghiệm này mà thánh I-nhã đề ra cách chọn lựa thứ hai của thì thứ ba và chúng ta cũng đã tìm hiểu *(x. chú giải về những quy tắc chọn lựa thứ hai từ số 184-188).*

Hiểu như thế, ta cũng có thể di dời cấu trúc của Linh Thao: Linh Thao khởi đầu bằng Nguyên Lý và Nền Tảng (23) - được khai triển trong bốn tuần (24-229) - và kết thúc bằng bài Chiêm Niệm Để Được Tình Yêu (230-237) dưới viễn tượng của cấu trúc bao hàm (inclusion).

Tuy nhiên, bài chiêm niệm này lại có mối liên hệ với bài chiêm niệm về Lời gọi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
230. [1]CHIÊM NIỆM ĐỂ ĐƯỢC TÌNH YÊU	**230.** [1]CHIÊM NIỆM ĐỂ ĐƯỢC TÌNH YÊU	**230.** [1]CUỘC CHIÊM NIỆM ĐỂ GÂY NÊN NƠI CHÚNG TA TÌNH YÊU THIÊNG LIÊNG.
[2]*(Giải thích)* Trước hết nên quan sát hai điều:	[2]*(Giải thích)* Ta phải quan sát hai điều.	[2]*(Giải thích)* Trước hết cần phải ghi chú hai điều:
<u>*Thứ nhất*</u>: tình yêu phải được đặt ở trong hành động hơn là trong lời nói.	<u>*Thứ nhất*</u>: tình yêu phải được tỏ ra và được thể hiện trong việc làm hơn là trong lời nói.	<u>*Thứ nhất*</u>: là chính tình yêu dựa trên những việc làm hơn là vào những lời nói.
231. [1]<u>*Thứ hai*</u>: tình yêu cốt ở sự trao đổi giữa hai bên, nghĩa là người yêu trao tặng và thông truyền cho người được yêu cái mình có, một phần cái	**231.** [1]<u>*Thứ hai*</u>: tình yêu cốt ở sự trao đổi giữa hai bên, nghĩa là nơi điều mà người yêu không tiếc nhưng thông truyền cho người được yêu điều mà	231. [1]<u>*Thứ hai*</u>: tình yêu cốt ở sự thông truyền giữa hai bên những nguồn lợi, những sự vật, và những việc làm, [2]thí dụ như sự

(91-98). Vì cả hai đều là bài cầu nguyện cá nhân thánh I-nhã thuộc về thể loại chiêm niệm, một ở đầu và một ở cuối hành trình chiêm niệm về cuộc đời Chúa bao gồm tuần hai đến hết tuần bốn, như thể một thứ cấu trúc bao hàm khác của hành trình đào luyện. Mà nếu hai bài chiêm niệm này làm nên một cấu trúc bao hàm, ta có thể kết luận rằng thánh I-nhã đã cố ý liên kết 3 tuần lễ sau cùng thành một đơn vị mà thánh nhân gọi là đời sống soi sáng. Điều này chứng minh rằng vận hành thao luyện của Linh Thao không vượt quá đời sống soi sáng.

Chắc chắn bài chiêm niệm này được khởi đi từ chính kinh nghiệm của thánh I-nhã: hoán cải (TT. 19-27[a]) và ơn riêng (TT. 27[b]-30) để ngài thực hiện việc cải thiện và canh tân (TT. 35-96). Nó cũng là chính kinh nghiệm I-nhã được diễn tả trong Linh Thao vì cả ba bản văn đều xác định đây là bài chiêm niệm (230[1]), nhưng cấu trúc của nó lại tương ứng với một bài suy gẫm mặc khải của tuần một (x. 45-54 ; 55-61), nghĩa là không có tiền nguyện thứ nhất về lịch sử sau Kinh Dọn Lòng như những bài chiêm niệm mặc khải vẫn có (102 ; 111 ;191 ;201 ;219).

2/ Thiên Chúa là cứu cánh nào ?

Nếu Nguyên Lý và Nền tảng là định đề của đời sống thiêng liêng, nghĩa là khởi từ tình yêu tạo dựng, nguyên lý này đặt nền cho đời sống ấy một cách tiên thiên để thao viên tìm kiếm được ơn cứu độ (23). Ơn cứu độ được đào luyện ở hai cấp độ: lề luật của đời sống thanh luyện ở tuần một (24-90) và tình yêu như Đức Ki-tô của đời sống soi sáng ở các tuần khác (101-229). Như vậy Nguyên Lý và Nền

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mình có hay có thể có, và người được yêu đối lại với người yêu cũng vậy. [2]Như thế, nếu người này có được sự hiểu biết sẽ đem cho người không có; cả danh vọng hay của cải cũng thế; và người kia cũng đối lại với người này như vậy.	mình có hay một phần điều mình có và điều mình có thể có; và cũng thế, đến lượt mình, người được yêu đối với người yêu, [2]đến nỗi, nếu một ai có được sự hiểu biết người ấy sẽ chia sẻ cho người không có; cũng như thế, nếu người ấy có	hiểu biết, của cải, vinh dự và bất cứ sự thiện hảo nào.

Tảng vừa là khởi điểm cho việc thao luyện ở bình diện tự nhiên vừa khai mở ra việc thao luyện ở bình diện siêu nhiên mới và toàn vẹn hơn vốn khởi đi từ bài Vương Quốc (91-99). Chiêm Niệm để Được Tình Yêu cũng được đặt làm nền tảng của đời sống ấy cách hậu nghiệm, và chắc chắn nền tảng này cũng phải được diễn đạt ở hai cấp độ lề luật và tình yêu: ơn tạo dựng, ơn cứu chuộc và ơn riêng (234[1]) mà thao viên đã trải nghiệm cách sống động trong 4 tuần Linh Thao.

Chính nơi cái nhìn hậu nghiệm này mà Linh Thao mở ra một giai đoạn mới, giai đoạn thực tế của cuộc canh tân để thao viên cụ thể hoá tình yêu của mình trong đời sống hằng ngày mà đáp lại tình yêu Chúa. Đó là cách truyền thống D trong Torah vận dụng để đào luyện đức tin cho người Do Thái và là lý do tại sao truyền thống D trong Torah đã ảnh hưởng mạnh mẽ trong các sách Tiên Tri tiền. Vì D cho thấy những ơn huệ nhưng không Thiên Chúa thực hiện cho dân Israel khi giải phóng họ khỏi ách nô lệ Ai-cập và ban cho họ Đất Hứa làm gia sản. Họ được mời gọi sống yêu mến và trung tín với Ngài trong cái hiện tại của cuộc sống hằng ngày. Đây cũng là kinh nghiệm mà thánh Lu-ca đã vận dụng để nhấn mạnh đến cái "ngày hôm nay" của ơn cứu độ (Lc 4,21 ; 19,9 ; 23,43...).

C.I.23-24 I-NHÃ HƯỚNG DẪN: Giải thích (230[2]-231[1])

Chính vì ý nghĩa hậu nghiệm này mà trước khi vào cuộc chiêm niệm, thánh I-nhã đã đưa ra khí cụ giải thích trực tiếp hoàn toàn mới. Đó là hai tiên niệm về tình yêu.

23. Thứ nhất về đặc tính hành động của tình yêu (230[2])

Tình yêu đặt ở (A), được tỏ ra (P) hay dựa vào (V) việc làm hơn là lời nói. Bởi lẽ việc làm bày tỏ và chứng thực lời nói. Không có việc làm, lời nói trở thành sáo ngữ và phi bác tình yêu chân chính. Dụ ngôn về hai người con được sai đi làm vườn nho bộc bạch cho thấy chỉ có người con thứ ba mới hoàn hảo. Mà người con ấy lại chẳng phải là ai khác ngoài chính Đức Giê-su, Đấng vừa thưa có và vừa thực hiện chính lời thưa ấy (Mt 21,28-32). Thánh Gia-cô-bê đã khẳng khái chống

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	được vinh dự, của cải; và từ cách thức này người này người nọ giúp đỡ lẫn cho nhau.	
[3]*Lời nguyện* thường lệ.	[3]*Kinh nguyện dọn lòng* vốn thường lệ.	[3]*Kinh nguyện mở đầu* như thường lệ.
232. *Tiền nguyện thứ nhất:* là đặt khung cảnh. Ở đây là xem thấy tôi đang ở trước nhan Thiên Chúa, Chúa chúng ta thế nào, trước các thiên thần và các thánh đang cầu bầu cho tôi.	**232.** *Tiền nguyện thứ nhất* là việc đặt khung cảnh: bây giờ là suy xét mình đang ở trước Chúa, Thiên Chúa chúng ta và trước các thiên thần, các thánh đang cầu bầu cho tôi.	**232.** *Mở đầu thứ nhất:* là xem thấy tôi đứng trước Chúa, các thiên thần và toàn thể các thánh đang cầu bầu cho tôi.

lại những kẻ sống đức tin trên môi miệng mà rằng: "Bạn, bạn có đức tin; còn tôi, tôi có hành động. Bạn thử cho tôi thấy thế nào là tin mà không hành động, còn tôi, tôi sẽ hành động để cho bạn thấy thế nào là tin" (Gc 2, 18).

24. Thứ hai về đặc tính thông chia của tình yêu (231)

Hành động của tình yêu tự bản chất là một cuộc chia sẻ, một sự trao đổi hay thông chia lẫn cho nhau giữa hai ngôi vị. Sự thông chia này không dừng lại ở cái "có" mà phải đạt đến tận cái "là". Nếu một tình yêu chỉ dừng lại ở cái "có", nó vẫn có thể có nguy cơ bộc lộ sự lừa đảo, sự đào mỏ... vốn không phải là tình yêu trong khi cái « có » diễn tả phần nào cái « là ». Mặt khác, một tình yêu đạt đến cái "là", một khi diễn tả qua cái "có", sẽ biểu thị phẩm chất cái "là" cách tương xứng. Cái "có" của bà goá dâng cúng vào đền thờ rất nhỏ bé (Mc 12, 41-44), nhưng nó đáng giá của chính cái "là" vì nó là tất cả những gì bà có thể có để nuôi sống chính bà. Nó là toàn bộ cái "là" hay là cái "là" trọn vẹn vì tất cả mạng sống bà được đặt cược vào đó.

Từ ánh sáng của hai tiên niệm ấy, người tập Linh Thao đã nghiệm thấy tất cả tình yêu trọn vẹn Thiên Chúa dành cho mình trong suốt hành trình tập luyện: Ngài luôn đi bước trước để hành động. Tình yêu Ngài đạt đến đỉnh cao của cái "là" nơi thập giá ngang qua cái "có". Vì lẽ cái "có" của chúng ta không phải là sự thánh thiện, những tài năng... mà là những tội lỗi khiến chúng ta đáng phải chết. Nhưng chúng ta không chỉ được cứu sống bằng cái chết của Đức Ki-tô mà Ngài còn đưa chúng ta vào tình yêu và cho nên một với Ngài. Từ viễn tượng này, chúng ta đi vào chính cuộc chiêm niệm.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
233. <u>*Thứ hai*</u>: Cầu xin điều tôi muốn. Ở đây là xin được hiểu biết thâm sâu về biết bao ơn lành đã nhận: để khi nhận biết những ơn lành đó cách trọn vẹn, tôi có thể yêu mến và phụng sự Chúa chí tôn trong mọi sự.	**233.** <u>*Tiền nguyện thứ hai*</u> là để xin điều tôi muốn: ở đây là xin sự hiểu biết thâm sâu về biết bao nhiêu ơn lành đã lãnh nhận, để về phần tôi, một khi nhận biết những ơn lành đó cách trọn vẹn, tôi có thể yêu mến và phụng sự Thiên Chúa Chí Tôn trong mọi sự.	**233.** <u>*Thứ hai*</u> là nài xin cách khẩn thiết ơn sủng của Thiên Chúa, đang khi chiêm ngắm vô số ơn lành mà Ngài đã ban cho tôi, để tôi biết dâng hiến trọn vẹn chính bản thân tôi vào việc yêu mến, tôn vinh và phụng sự Ngài.
234. [1]<u>*Điểm thứ nhất*</u> là nhớ lại trong trí những ơn lành đã nhận: ơn tạo dựng, ơn cứu chuộc và	**234.** [1]<u>*Điểm thứ nhất*</u> là nhớ lại trong trí những ơn lành đã nhận được: ơn tạo dựng, ơn cứu chuộc, và	**234.** [1]<u>*Điểm thứ nhất*</u> là để nhắc lại những ơn lành trong trí nhớ của tôi về sự tạo dựng và cứu

II. CHÍNH CUỘC CHIÊM NIỆM

1. Các tiền nguyện (232-233)

- Về khung cảnh (232): Đây là khung cảnh long trọng được thánh I-nhã luôn vận dụng trong những biến cố có tính quyết định, có tầm mức hệ trọng của cuộc sống: để suy xét về tình thương của Chúa trước tội lỗi của mình (60); để thực hiện quyết định đi theo Chúa trong hành trình cứu độ của Chúa (98); để xin ơn sống dưới cờ Đức Ki-tô (147), chọn sống sự bình tâm của mẫu người thứ ba (156-157), quyết định ôm ấp chính cách sống của Đức Ki-tô trong cách khiêm nhường thứ ba (168), và cả trong lời tâm sự của tuần ba (199[4-5]). Đặc tính long trọng này nằm trong những lời tâm sự hoặc những việc đặt khung cảnh vốn có sự hiện diện của các thánh, của Mẹ Ma-ri-a.
- Về ơn xin (233): Ơn xin liên quan đến ba tài năng linh hồn: trí nhớ, trí hiểu và ý chí và mối tương quan biện chứng của hai tài năng sau cùng này.

Đối tượng của trí nhớ là những ơn lành mà tôi đã nhận được (A, P) từ Thiên Chúa (V). Như vậy, tác nhân và thụ nhân được nói đến cách bổ túc nhau. Có hai đặc điểm liên quan đến sự hiểu biết ở đây: trước hết, đây phải là sự hiểu biết thâm sâu (A) hay sự hiểu biết bên trong (P), tức là một sự hiểu biết của cảm nghiệm nơi con tim chứ không phải sự hiểu biết nông cạn hay lý thuyết; sau nữa, đây là sự hiểu biết về vô số hay biết bao ơn lành đã lãnh nhận. Sự hiểu biết này liên quan đến quá khứ cuộc sống của chủ thể, nghĩa là chủ thể phải nỗ lực đọc ra những ơn lành Thiên Chúa đã ban cho trong chính kinh nghiệm sống của mình,

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
các ơn ban riêng. [2]Cân nhắc với lòng cảm mến thiết tha về biết bao nhiêu điều Thiên Chúa, Chúa chúng ta, đã làm cho tôi từ những điều Ngài có; sau nữa, Chúa lại còn ước muốn ban chính mình Ngài cho tôi bao nhiêu có thể, theo như quyết định thần linh của Ngài.	những ơn ban riêng; [2]cân nhắc với lòng cảm mến về biết bao nhiêu điều Thiên Chúa, Chúa chúng ta đã làm cho tôi, và biết bao nhiêu điều Ngài đã thông ban cho tôi từ những điều Ngài có, và sau đó chính Chúa còn muốn tự thông chia chính mình bao nhiêu có thể theo như ý định thần linh của Ngài.	chuộc, và cũng để nêu lên những ơn ban đặc biệt và riêng tư, [2]và để cân nhắc từ đáy sâu con tim tất cả mọi điều mà Chúa rất nhân lành đã làm và đã đem đến cho tôi, tất cả mọi điều mà Ngài đã ban cho tôi từ những kho tàng của Ngài, và Ngài còn muốn, theo như quyết định thần linh và sở thích tốt lành của Ngài, tự trao ban chính bản thân Ngài cho tôi, bao nhiêu có thể.
[3]Và từ đó, tôi phản tỉnh trong lòng, suy xét theo đúng lẽ phải và sự công bằng về điều mà về phần tôi, tôi phải tiến dâng và dâng hiến cho Thiên Chúa chí tôn, nghĩa là tất cả những gì	[3]Và tôi phản tỉnh những điều này trong lòng, bằng cách suy xét với lý trí và sự công bình về điều tôi phải tiến dâng cho Ngài và về điều tôi phải dâng hiến cho Thiên Chúa Chí Tôn, nghĩa là	[3]Sau khi đã quan sát kỹ lưỡng điều đó, tôi sẽ tra khảo chính bản thân mình, và tôi tìm kiếm điều phải

---

hay đúng hơn là làm sống lại những ơn huệ đó nhờ tài năng của trí nhớ.

Chính sự hiểu biết thâm sâu này tác động trên ý chí để làm phát sinh lòng biết ơn sâu xa và chân thực vốn tương ứng với sự hiểu biết này. Cả ba bản văn đều nhất trí sử dụng tính từ "sâu xa" cho lòng biết ơn đó. Và vì sự hiểu biết qui những ơn huệ Thiên Chúa làm về quá khứ như nền tảng đảm bảo cho đời sống tương lai, nên ý chí cũng được tác động để biến lòng biết ơn thành hành động cụ thể. Vì nhờ lòng biết ơn đó, "tôi có thể yêu mến và phụng sự Thiên Chúa trong mọi sự (A, P). Bản V nói rõ hơn đối tượng của sự dâng hiến: "để tôi dâng hiến trọn vẹn chính bản thân tôi cho việc yêu mến, tôn vinh và phụng sự Ngài" (233).

2. Các điểm chiêm niệm (234-237)

a/ Điểm thứ nhất (234)

Các điểm của bài chiêm niệm vận dụng các tài năng linh hồn: trí nhớ, trí hiểu và ý chí để đặt sự liên hệ giữa chủ thể với Thiên Chúa trong thời gian, đặc biệt các điểm ấy khai triển mối tương quan giữa hai tài năng trí hiểu và ý chí và giữa hai thì quá khứ và tương lai một cách rõ nét nhất.

Ta thấy rõ điểm thứ nhất liên quan đến con người mới đối nghịch với con người tội lỗi (56-57).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tôi có lẫn chính bản thân tôi, như một người dâng hiến với tình yêu tha thiết: [4]"Lạy Chúa, xin tiếp nhận và nhận lấy trọn cả tự do, trí nhớ, trí hiểu và toàn thể ý muốn con, tất cả những gì con có và sở hữu. [5]Chúa đã ban cho con; Lạy Chúa, con xin dâng lại Chúa tất cả. Mọi sự đều là của Chúa, xin Chúa định đoạt hoàn toàn	tất cả những điều thiện hảo của tôi và chính bản thân tôi, như một người dâng cho người khác một điều gì đó, khi nói với cả con tim: [4]Lạy Chúa, xin tiếp nhận và nhận lấy tự do của con, trí nhớ của con, trí hiểu của con, tất cả ý muốn của con; tất cả những gì con có và sở hữu, chính bản thân con, [5]con đã nhận lãnh từ tay	làm và điều hợp với lẽ công bình và chính trực để tiến dâng và bày tỏ với Thiên Chúa Chí Tôn. Không còn chút nghi ngờ gì nữa là tôi phải dâng hiến tất cả mọi sự thiện hảo của tôi và cả bản thân tôi, với tất cả con tim và ***với những lời này hay những lời khác tương tự:*** [4]Lạy Chúa, xin đón nhận tất cả tự do của con.

- Trí nhớ có can dự vào là để cho trí hiểu thực hiện việc cân nhắc cách nghiêm túc và tận căn về những điều Thiên Chúa đã làm: ơn tạo dựng của Nguyên Lý và Nền Tảng, ơn cứu chuộc của tuần một và các ơn riêng khác trong việc đi theo Chúa Giêsu của các tuần khác. Cách vận dụng trí nhớ được thực hiện cách tương tự như D đã vận dụng trong bộ Torah vì tính nhưng không của ân sủng.
- Trí hiểu cân nhắc là để nhận biết tình yêu Thiên Chúa thực hiện là một tình yêu quá lớn: tình yêu đi từ cái "có" đến cái "là" (234^{2}). Cả ba bản văn đều xác quyết cho ta thấy một tình yêu trọn vẹn như thế mà Thiên Chúa đã làm vốn đòi chúng ta phải cân nhắc với lòng cảm mến (A,P), hoặc bằng con tim sâu thẳm (V) để tác động mạnh mẽ trên ý chí bao nhiêu có thể (234^{1-2}).

Sau cùng, suy xét sự đáp lại phải có theo đúng lẽ phải và sự công bình (A), bằng lý trí và sự công bình (P) hay suy xét kỹ lưỡng... (V) để hiến dâng cho Thiên Chúa cùng một tình yêu dâng hiến từ cái "có" đến cái "là", nghĩa là từ những gì tôi có đến chính bản thân tôi mà thân thưa với Chúa. Cha Polanco còn thêm vào V cụm từ: "với những lời này hay những lời khác tương tự" (234^{3}) dù không làm rõ thêm ý nghĩa của bản văn.

- Ý chí được vận dụng nơi chính lời tâm sự được thưa lên với Thiên Chúa:"Kinh Dâng Hiến", ở đó chủ thể dâng lại cho Chúa tất cả những gì mình có và chính bản thân mình vốn cũng được ban cho từ Chúa để chỉ xin được lòng yêu mến Chúa, nghĩa là dâng lên Chúa cả cái « có » lẫn cái « là » của mình.

Lời kinh Dâng Hiến có những đặc nét sau: thứ nhất, theo nguyên tắc của sự công

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
theo ý Chúa. Xin Chúa ban cho con lòng yêu mến Chúa và ân sủng vốn cho con được mãn nguyện.”	của Ngài những điều ấy và con dâng lại Chúa tất cả; xin xếp đặt chúng tùy theo sở nguyện tốt lành của ý muốn Chúa: xin đổ tràn nơi con tình yêu và ân sủng của Chúa; chỉ ân sủng đó cho con mãn nguyện.	Xin nhận lấy trí nhớ, trí hiểu và toàn thể ý muốn của con. Toàn thể điều con có hay sở hữu, [5]Chúa đã ban cho con; con dâng trọn vẹn và phó giao toàn thể điều ấy cho ý muốn của Chúa điều khiển. Chỉ xin cho con được yêu mến Chúa, với ân sủng Chúa. Như vậy con đủ giàu sang và chẳng dám xin điều gì khác hơn nữa.
235. [1]*Thứ hai*: Nhìn xem Chúa ngự trong thụ tạo như thế nào, trong các nguyên tố bằng cách ban cho thực thể, trong thảo mộc bằng cách ban cho	**235.** [1]*Điểm thứ hai* là suy xét cách thức Thiên Chúa ở trong các thụ tạo: bằng cách thông chia cho các nguyên tố được hiện hữu, cho thảo mộc được sống,	**235.** [1]*Thứ hai* là nhìn xem Thiên Chúa đang hiện hữu trong từng thụ tạo của Ngài, khi ban cho những nguyên tố được hiện hữu, những thảo

---

bình, chủ thể nhận thấy Thiên Chúa đã thực hiện cho mình một tình yêu dâng hiến từ cái “có” đến cái “là” (234[2]), nên họ cũng muốn đáp lại bằng một tình yêu như thế (234[3]). Nhưng với viễn tượng hậu nghiệm, thánh I-nhã không viết sự dâng hiến của chủ thể theo trật tự từ cái « có » đến cái « là », mà ngược lại từ cái « là » đến cái « có ». Nơi cả ba bản văn, cái « là » được nói đến bằng những phạm trù của tài năng linh hồn : tự do, trí nhớ, trí hiểu và ý muốn rồi đến cái có: điều chủ thể có và sở hữu.

Thứ hai, ở bình diện của cái « có », thánh I-nhã đưa ra một sự phân biệt rất tinh tế giữa cái « có » và cái « sở hữu ». Bản A viết: “Tất cả những gì con có và sở hữu”; tương tự như thế, bản P viết: “những gì con có và sở hữu”; còn bản V viết: “toàn thể điều con có hay sở hữu”. Bản V cho ta ý niệm chọn lựa khiến hai lãnh vực của cái « có » và cái « sở hữu » trở nên đồng nghĩa với nhau. Tuy nhiên, sự phân biệt tinh tế hệ ở hai bản văn A và P: cái « có » và cái « sở hữu » tuy thuộc cùng một lãnh vực, nhưng vẫn khác biệt về biên độ. Vì biên độ của cái « có » rộng hơn biên độ của cái « sở hữu »: điều tôi có chưa chắc đã sở hữu hết và điều tôi sở hữu chắc chắn nằm ở trong phạm vi cái « có ».

Luận lý đầy đủ của việc dâng hiến đòi buộc lời kinh này phải diễn tả trọn vẹn ý nghĩa dâng hiến của chủ thể. Nghĩa là sự dâng hiến phải vượt qua “cái có” để

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
sức tăng trưởng, trong thú vật bằng cách ban cho cảm giác, trong loài người bằng cách ban cho trí khôn; [2]và như vậy trong tôi bằng cách ban cho tôi thực thể, sự sống, cảm giác [~~và trí khôn~~] ***và làm cho tôi hiểu biết.*** *Cũng vậy,* xét xem Chúa đã làm tôi nên đền thờ của Ngài như thế nào, vì Ngài đã tạo dựng tôi nên giống như Thiên Chúa chí tôn và theo hình ảnh của Ngài.[3]Cũng phản tỉnh trong lòng theo cách đã chỉ ở điểm thứ nhất hay cách nào khác tôi thấy tốt hơn. Về mỗi	cho các thú vật được cảm giác, cho con người được hiểu biết; [2]và cũng như thế khi thông chia cho tôi được hiện hữu, được sống, được cảm giác, ***được hiểu biết***, khi làm cho tôi nên đền thờ được tạo nên giống Thiên Chúa Uy Linh và là hình ảnh của Ngài; [3]và tôi sẽ phản tỉnh nơi mình theo cách thức đã nói ở trên trong điểm thứ nhất, hay theo một cách thức nào tốt hơn mà tôi có thể tìm ra. Ta sẽ làm theo cùng một cách thức về toàn bộ những điểm tiếp theo.	mộc được sống động và được cả sự sống thực vật, hơn nữa cho những thú vật được cảm giác, và sau cùng cũng ban cho con người được hiểu biết; [2]và chính tôi, trong số những điều ấy, tôi đã nhận lãnh tất cả những ơn lành này: hiện hữu, sự sống, cảm giác và ***hiểu biết***; và Ngài đã muốn làm cho tôi trở nên đền thờ của Ngài, được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài và nên giống như Ngài. [3]Trong sự cảm phục về tất cả những điều đó, khi đang phản tỉnh nơi chính mình, như

đạt đến tận "cái là". Vì trong sự dâng hiến trọn vẹn như thế, "cái là" có thể bao hàm "cái có" nhưng không thể ngược lại. Sỡ dĩ con cái trong nhà được miễn nộp thuế đền thờ vì họ đã nộp chính bản thân mình cho Thiên Chúa trước (x. Mt 17,26[b]). Chính trong ý nghĩa dâng hiến có tính trọn vẹn như thế mà thao viên có thể dâng lên Chúa «tất cả», tức là «chính bản thân con» (P). Họ chỉ xin tình yêu và ơn sủng để tiến trình dâng hiến ngày một thực hiện cách hoàn hảo và trọn vẹn hơn.

b/ Điểm hai và ba (235-236)

Điểm hai và ba cho chủ thể sống trong vườn địa đàng mới. Vì nếu điểm thứ nhất cho phép họ nhận biết mình là một thụ tạo mới đối nghịch với con người tội lỗi, tức thụ tạo cũ (56-57), thì điểm thứ hai và thứ ba lại đặt họ vào một cảnh sống mới, cảnh sống của vườn địa đàng mới đối nghịch với hoả ngục của tuần một (58 và 60). Đây là một kinh nghiệm mới của chủ thể vốn nhận ra sự hiện diện của Chúa (235[1]) và hoạt động của Ngài (236) nơi các thụ tạo và bản thân mình. Mối tương quan mới của chủ thể với các thụ tạo khác được khởi sự từ đây. Động từ ở thì hiện tại hay động tính từ hiện tại biểu thị điểm khởi này (235[1]; 236[1]). Sở dĩ mối tương quan mới ấy có được vì nó được phát xuất từ kinh nghiệm của chính bản thân đã được đổi mới, vừa thông chia, vừa ưu việt đối với mọi tạo thành hữu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
điểm dưới đây cũng vậy.		trong điểm thứ nhất, tôi sẽ làm điều mà người ta cũng sẽ phải làm trong những điểm tiếp theo, hay làm tốt hơn nếu điều đó xuất hiện cho thấy.
236. [1]*Thứ ba*: Suy xét xem Thiên Chúa làm việc và hành động vì tôi như thế nào trong mọi thụ tạo trên mặt đất, nghĩa là Ngài đã xử sự theo cách một người làm việc như thế nào, [2]chẳng hạn trên các tầng trời, trong các nguyên tố, thảo mộc, trái cây, thú vật... bằng cách ban cho chúng thực thể, sự sinh tồn, sức tăng	**236.** [1]*Điểm thứ ba* là suy xét Thiên Chúa đang làm việc vì tôi trong mọi thụ tạo trên mặt đất, nghĩa là xử sự theo cách một ai đó làm việc, [2]thí dụ trên các tầng trời, trong các nguyên tố, trong trái cây, trong đoàn thú vật, v.v., bằng cách làm cho chúng hiện hữu, sinh tồn, tăng trưởng về sự sống và cho chúng được cảm giác,	**236.** [3]*Thứ ba* là suy xét chính Thiên Chúa và là Chúa đang hành động và làm việc theo một cách nào đó vì tôi trong mọi thụ tạo của Ngài, [2]trong khi Ngài ban cho chúng và duy trì nơi chúng điều chúng là, điều chúng có, điều chúng có thể và điều chúng làm. Tôi phải suy nghĩ về tất cả những điều đó bằng cách suy

hình khác: nguyên tố, thảo mộc, thú vật, trí hiểu ở mặt tự nhiên và đền thờ Thiên Chúa ở mặt siêu nhiên.

Mối liên hệ mới của hiện tại hoàn toàn đối nghịch với mối liên hệ cũ của hoả ngục (60) khiến chủ thể nhận ra tình yêu Thiên Chúa dành cho mình để ngẫm nghĩ trong lòng và cất lên lời tâm sự (234^{4-5}/ 235^{3}; 236^{2b}).

Trong điểm thứ hai của bản A, thánh I-nhã đã chỉnh sửa bản văn. Bản văn viết: "và như vậy, trong tôi bằng cách ban cho tôi thực thể, sự sống, cảm giác và trí khôn" (235^{2a}). Ngài gạch bỏ từ ngữ "và trí khôn" và thay vào cụm từ: "và làm cho tôi hiểu biết". Sự chuyển đổi từ danh từ sang động từ cho ta thấy sự cách biệt giữa chủ thể và các thụ tạo khác và sự can thiệp đặc biệt của Thiên Chúa vào đời sống chủ thể. Bản P và V không hiểu đủ nên đã chuyển hết tất cả sang động từ: hiện hữu, sống, cảm giác và hiểu biết.

c/ Điểm bốn (237)

Về kinh nghiệm hiệp thông với Thiên Chúa. Đây là sự hiệp thông từ trên ban xuống như tia sáng từ mặt trời, dòng nước từ nguồn mạch, chẳng hạn quyền lực hữu hạn (A,P,V), sự công chính (A,P,V), lòng tốt lành (A,P,V), lòng thương xót

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trưởng và cảm giác... rồi phản tỉnh trong lòng.	v.v. Tôi sẽ phản tỉnh sau đó nơi chính mình.	xét chính mình như trên.
237. [1]*Thứ bốn*. Nhìn xem mọi điều tốt lành và mọi ơn ban đều từ trên ban xuống như thế nào, chẳng hạn quyền lực hữu hạn của tôi, bởi quyền lực tối cao và vô hạn ở trên và cả sự công chính, lòng tốt lành, sự trắc ẩn, lòng thương xót... như những tia sáng mặt trời chiếu xuống, như nước trong nguồn chảy ra...[2]Rồi kết thúc bằng cách phản tỉnh trong lòng như đã chỉ dẫn. Kết thúc bằng cuộc tâm sự với Chúa, và đọc một Kinh Lạy Cha.	**237.** [1]*Điểm thứ bốn* là suy xét rằng mọi điều tốt lành và mọi ơn ban đều ban xuống từ trên cao, như quyền lực hữu hạn của tôi từ quyền lực tối cao và vô biên xuống, vốn ở trên cao; cũng thế, sự công chính, lòng đạo đức, lòng tốt lành, lòng thương xót, v.v., như các tia sáng phát xuất từ mặt trời, những dòng suối phát xuất từ nguồn mạch. [2]Sau đó, tôi kết thúc, như đã nói, bằng cách phản tỉnh nơi chính mình.	**237.** [1]*Thứ bốn*. Quan sát mọi quà tặng và mọi sự thiện hảo xuống từ trời như thế nào: như quyền lực, sự công chính, lòng tốt lành, sự hiểu biết và mọi sự hoàn hảo khác của con người. Một khi bị hạn chế trong những giới hạn cố định, tất cả những sự thiện hảo đó được phát xuất ra từ chính kho tàng vô biên của mọi sự thiện hảo này như ánh sáng từ mặt trời và nước từ nguồn mạch. [2]Còn phải thêm vào sự phản tỉnh như đã nói, bằng cách xem xét chính mình tôi. Sau cùng ta cũng làm một cuộc tâm sự và rồi kết thúc bằng một Kinh Lạy Cha.

(A,P), sự trắc ẩn (A), lòng đạo đức (P) và sự hiểu biết (V).

Sự hiệp thông mới này diễn đạt sự thông ban của Thiên Chúa cho con người những phẩm chất mới đối nghịch lại với phẩm chất xấu xa tội lỗi của tuần một vốn làm cho chủ thể bị cắt đứt với mọi mối tương quan khác, nhất là với Thiên Chúa (59). Sự thông hiệp này biểu thị một tình yêu biến đổi sâu xa và vĩ đại mà Thiên Chúa thực hiện cho chủ thể để họ nhận ra phẩm giá đích thực của mình mà suy xét và cất lời tâm sự (234^{4-5}/ 237^{2}).

Tóm lại, với cái nhìn hậu nghiệm về cứu cánh của mình dưới ánh sáng bài « Chiêm niệm để được tình yêu », Thao viên xác định rõ cứu cánh đời mình ngang qua những trải nghiệm về tình yêu của Thiên Chúa và đáp lại trong một hành trình « cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống » (189) của một thụ tạo mới (234) trong vườn địa đàng mới, ở đó họ có mối tương quan mới với các thụ tạo khác (235-236) và với chính Thiên Chúa (237). Chính trong hành trình này mà Thiên Chúa mời họ vươn vào đời sống thần hiệp như lời hứa dành cho họ.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
238.[1]BA CÁCH CẦU NGUYỆN VÀ CÁCH THỨ NHẤT VỀ CÁC GIỚI RĂN [2]Cách cầu nguyện thứ nhất về mười điều răn và bảy tội trọng, ba tài năng của linh hồn, và năm giác quan của thể xác.	**238.** [1]SAU ĐÂY LÀ BA CÁCH CẦU NGUYỆN VÀ THỨ NHẤT VỀ CÁC GIỚI RĂN. [2]Cách cầu nguyện thứ nhất liên quan và xoay quanh mười giới răn, bảy tội trọng, ba tài năng linh hồn và ngũ quan của thân	**238.**[1]BA CÁCH CẦU NGUYỆN. [2]Cách cầu nguyện thứ nhất phải được thực hiện từ một việc suy xét những giới răn, bảy tội trọng, ba khả năng linh hồn và ngũ quan. [3]Cách này cũng không nhằm

B.I-II. BA CÁCH CẦU NGUYỆN

Thánh I-nhã xác định rõ ràng rằng ba cách cầu nguyện này thuộc về thành phần của cuộc Linh Thao (4^{3b}). Chúng thuộc về Linh Thao vì có một cơ cấu rất thống nhất với những bài tập luyện và được phân biệt bởi những đề tài suy gẫm hay chiêm niệm. Cuối cùng ngài đề cập đến những nét riêng biệt của chúng. Vậy chúng ta tìm hiểu ở đây những nét tổng quát và những nét riêng biệt.

Tương tự như các bộ qui tắc khác, đây là những chỉ dẫn giúp thao viên bước vào giai đoạn hậu Linh Thao, nhưng không ở những vấn đề thực tế mà trong việc cầu nguyện khi áp dụng việc cầu nguyện trong Linh Thao vào đời sống thường ngày.

Thế nhưng có một yếu tố sai lầm của thánh Inhã khi đề cập về cách cầu nguyện thứ nhất: ngài coi các tài năng linh hồn và áp dụng ngũ quan là đối tượng của cách cầu nguyện thứ nhất là không chính xác. Thực ra đó không phải là đối tượng cầu nguyện mà chỉ là phương thế để cầu nguyện với đối tượng là các giới răn, tội trọng và kinh đọc mà thôi.

I. NHỮNG NÉT TỔNG QUÁT

Hai nét tổng quát được xét đến: về đặc tính và cơ cấu của việc cầu nguyện.

1.Về đặc tính

- Trong Linh Thao, thánh I-nhã sử dụng hai hình thức căn bản của cầu nguyện thuộc mặc khải: đó là những bài suy gẫm và những bài chiêm niệm. Chúng ta đã biết rằng trong tuần một, những bài cầu nguyện theo mặc khải là những bài suy gẫm về tội lỗi; ngược lại, trong tuần hai đó là những bài chiêm niệm về cuộc đời Đức Ki-tô. Sự khác biệt về hai cách cầu nguyện này trong Linh Thao chính yếu hệ ở hai điểm: thứ nhất về cấu trúc, các bài chiêm niệm có thêm tiền nguyện về lịch sử (102; 111); thứ hai về cách thức gặp gỡ Thiên Chúa, những bài suy gẫm vận dụng những tài năng linh hồn (50-52), còn những bài chiêm niệm vận dụng những giác quan thiêng liêng (106-108).

Căn cứ vào việc phân biệt trên, cách cầu nguyện thứ nhất (238-248) thuộc về suy

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[3]Cách cầu nguyện này nhằm cho một khuôn khổ, một phương pháp và những cuộc thao luyện qua đó linh hồn được chuẩn bị và rút được ích lợi hơn từ đó và để việc cầu nguyện được đúng quy định, hơn là đặt một hình thức hay một phương pháp cầu nguyện nào đó.	xác. [3]Cách cầu nguyện này hệ ở việc đưa ra một hình thức và một phương pháp và một việc thao luyện qua đó linh hồn được chuẩn bị và rút được hoa trái từ đó, và để cho việc cầu nguyện được thích hợp hơn, hơn là áp đặt ra một hình thức và phương pháp cầu nguyện nào đó.	đưa ra một hình thức của việc cầu nguyện cho bằng hình thức của một cuộc thao luyện thiêng liêng nhằm giúp đỡ linh hồn và làm cho việc cầu nguyện được đẹp lòng Thiên Chúa.
239. [1]Trước hết làm một điều tương đương với điều phụ thêm thứ hai của tuần thứ hai, nghĩa là trước khi bước vào cầu nguyện, để cho tinh thần được nghỉ ngơi đôi chút, như đi tản bộ tùy thấy đàng nào tốt hơn, rồi suy	**239.** [1]Trước hết, ta sẽ làm một điều tương đương với điều phụ thêm thứ hai của tuần thứ hai, nghĩa là trước khi đi cầu nguyện tôi dành để cho tinh thần nghỉ ngơi chút ít, bằng cách ngồi xuống hay đi dạo, theo như điều	**239.** [1]Chính vì thế, trước khi cầu nguyện theo cách này, am hợp với điều có giá trị như ở điều phụ thêm ***thứ ba***, tôi sẽ ngồi xuống hay đi dạo một khoảnh khắc (theo như tôi có thể thấy linh hồn mình được ngơi nghỉ),

gẫm vì đề tài cầu nguyện liên quan đến tuần thứ nhất của Linh Thao thuộc đời sống thanh luyện: về các giới răn và tội trọng cho dù bản văn A và P không xác định cách cầu nguyện này thuộc loại nào (298[1]) còn V gọi là suy xét. Cách cầu nguyện thứ hai và thứ ba thuộc về chiêm niệm vì đề tài cầu nguyện là kinh đọc dâng lên Thiên Chúa, Đức Mẹ hoặc các thánh thuộc đời sống soi sáng(249-260).

Khi đề cập về cách cầu nguyện thứ hai, bản văn A và P ủng hộ chúng ta về cách phân chia này. Bản A viết: "cách cầu nguyện thứ hai là chiêm niệm ý nghĩa từng từ của một kinh đọc", và bản P viết: "cách cầu nguyện thứ hai là chiêm niệm ý nghĩa của từ này hay từ khác của việc cầu nguyện" (249). Cách thứ ba có cùng một đối tượng cầu nguyện như cách thứ hai, chỉ khác về cách thức nên nó cũng thuộc về chiêm niệm. Tuy nhiên, bản V không qui theo cái nhìn này khi coi cách thứ hai là suy nghĩ và trong khai triển lại cho đó là việc suy gẫm (254[1] ; 255[1]).

2. Về cơ cấu

Ba cách cầu nguyện đều được tổ chức theo một hệ thống duy nhất: bước vào cầu nguyện – xin ơn – chính việc cầu nguyện – tâm sự.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
xét mình đi đâu và để làm gì. [2]Và điều phụ thêm này phải được thực hiện ở khi bắt đầu của mọi cách cầu nguyện.	tôi xét thấy tốt hơn, suy xét xem tôi đi đâu và để làm gì; [2]và chính điều phụ thêm này sẽ giúp ích về việc khởi đầu của mọi cách cầu nguyện.	trong khi suy nghĩ nơi chính mình rằng tôi phải đi đâu và tôi phải làm gì. [2]Chính điều phụ thêm này phải tiến hành trước toàn bộ cách cầu nguyện.
240. [1]Một kinh dọn lòng, chẳng hạn xin ơn Thiên Chúa, Chúa chúng ta, để có thể nhận biết tôi đã lỗi phạm điều nào trong mười điều răn, [2]và cũng xin ơn và sự trợ giúp (của Chúa) để sửa mình từ này về sau; xin được	**240.** [1]Tôi sẽ đọc kinh dọn lòng để xin với Thiên Chúa, Chúa chúng ta ngõ hầu có thể nhận biết những thiếu sót của tôi về mười giới răn; [2]và cũng cùng một cách thức, tôi sẽ xin ơn và sự trợ giúp để tôi sửa mình từ	**240.** [1]Kinh dọn lòng sẽ là việc xin ơn: xin cho tôi được nhận biết tất cả những điều gì nơi đó tôi đã phạm tội chống lại những giới luật của Mười Điều Răn [2]và được sửa mình trong tương lai, bằng cách hiểu biết

a/ Trước khi bước vào cầu nguyện

Đây là tâm tình phải có trước khi chính thức bước vào giờ cầu nguyện. Cả ba bản văn đều xác định như thế (239[1]). Nhưng chính các bản văn lại gây nên vấn đề.

Tâm tình này phải tuân thủ ở trong cả ba cách cầu nguyện: cách cầu nguyện thứ nhất về các giới răn (239), về tội trọng (244[2]), theo ba tài năng (246[2]) và theo ngũ quan (247[2]); cách cầu nguyện thứ hai (250) và cách cầu nguyện thứ ba (258[2]). Thực ra tâm tình này chỉ là việc lặp lại những chỉ dẫn mà thánh I-nhã gọi là "Điều Phụ Thêm" ở phần thứ hai của số 239 vốn phải được thực hiện trong mọi cách cầu nguyện (239[2]).

Cách thực hiện điều phụ thêm được tiến hành như sau theo bản A: "Trước khi bước vào cầu nguyện, để cho tinh thần được nghỉ ngơi đôi chút, như đi tản bộ tuỳ thấy đàng nào tốt hơn, rồi xét xem mình đi đâu để làm gì" (239[1b]). Bản P và V có cùng một tư tưởng và còn thêm vào tư thế "ngồi xuống" với "việc đi tản bộ". Việc làm này được ngài coi là tương đương với "điều phụ thêm thứ hai của tuần thứ hai" theo hai bản A và P (239[1a]). Thế nhưng vì tuần thứ hai không có điều phụ thêm nên cha Polanco đã tìm thấy ý tưởng này trong điều phụ thêm thứ ba của tuần một và đã chỉnh sửa cụm từ trên của hai bản văn trên thành "điều phụ thêm thứ ba" trong bản văn V.

Cứ theo sự chỉnh sửa của cha Polanco thì đây không phải là tâm tình trước khi cầu nguyện, mà là thái độ ngay khi bắt đầu cầu nguyện. Vì điều phụ thêm thứ ba nói: "Chừng độ một hay hai bước cách chỗ tôi phải chiêm niệm hay suy gẫm, lâu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
sự hiểu biết tường tận về các điều răn, hầu tuân giữ kỹ hơn để làm vinh danh Chúa chí tôn hơn và ca tụng Ngài hơn.	nay về sau, và tôi sẽ xin được sự hiểu biết hoàn hảo về các giới răn để tuân giữ những điều ấy tốt hơn mà làm vinh danh và ca tụng Thiên Chúa chí tôn.	những điều ấy cách chính xác hơn và (như phải có) bằng cách xem xét những điều ấy cách thận trọng hơn thường lệ, để làm vinh danh Thiên Chúa và cứu rỗi linh hồn tôi.
241. [1]Đối với cách cầu nguyện thứ nhất, nên suy xét và suy nghĩ về điều răn thứ nhất, xem tôi đã tuân giữ điều răn ấy thế nào, và đã lỗi phạm điều gì. [2]Cứ sự thường sẽ ngừng khoảng thời gian đọc ba Kinh Lạy Cha và ba Kinh Kính Mừng làm chuẩn mực, và nếu trong thời gian ấy tôi xét thấy	**241.** [1]Về cách cầu nguyện thứ nhất, điều rất có ích là suy xét và suy nghĩ xem tôi đã tuân giữ giới răn thứ nhất như thế nào và tôi đã thiếu sót ở điểm nào. [2]Tôi sẽ lấy thời gian đọc ba lần Kinh Lạy Cha và Kinh Kính Mừng làm chuẩn mực để ở lại trong việc suy xét này. Và nếu trong thời	**241.** [1]Vì thế, trước hết tôi sẽ xét mình về một trong các giới răn, trong khi chú tâm đến cách thức mà tôi đã tuân giữ hoặc tôi đã vi phạm điều răn đó, [2]và tôi sẽ xin ơn tha thứ về những lỗi phạm vốn hiện lên trong trí nhớ của tôi, rồi đọc một lần Kinh Lạy Cha. Trong việc xét mình về

độ bằng Kinh Lạy Cha, tôi nâng trí lên nghĩ ngay đến Thiên Chúa, Chúa chúng ta đang nhìn xem tôi như thế nào v.v. và làm một cử chỉ tỏ lòng cung kính thờ lạy" (75 theo A). Nội dung này hẳn không giống với nội dung của điều phụ thêm mà thánh I-nhã mô tả ở trên. Như thế việc chỉnh sửa của cha Polanco đã đi sai lệch điều thánh I-nhã muốn nói.

Thực ra, nơi thánh I-nhã muốn qui chiếu về chính là điều phụ thêm thứ hai (74) vốn liên quan đến thái độ trước khi vào cầu nguyện.Tuy nhiên, điều phụ thêm thứ hai viết trong tuần một chỉ dành để áp dụng cho những bài cầu nguyện vào nửa đêm và ban sáng và được nhắc lại ở ghi chú thứ hai của tuần thứ hai (128). Còn điều tương tự với điều phụ thêm thứ hai được áp dụng cho những bài cầu nguyện khác lại được viết ở ghi chú thứ năm trong bộ ghi chú thứ nhất của tuần thứ hai. Ghi chú này nói rằng: "Trong tất cả các cuộc thao luyện, trừ lần thao luyện vào nửa đêm và ban sáng, sẽ làm một điều tương tự với điều phụ thêm thứ hai theo cách thức sau đây: ngay khi nhớ đến giờ thao luyện mà tôi phải làm, trước khi làm việc ấy, tôi sẽ đặt trước mặt: tôi đi đâu và đến trước mặt ai, rồi tóm lược sơ qua bài thao luyện mà tôi sắp phải làm, và sau đó làm điều phụ thêm thứ ba rồi tôi đi vào cầu nguyện" (131).

Vậy điều phụ thêm của ba cách cầu nguyện này đích thực là điều phụ thêm thứ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
những lỗi đã phạm, tôi xin ơn khoan hồng và tha thứ về những lỗi đó, rồi đọc một Kinh Lạy Cha. Cứ làm theo cách thức như vậy về mỗi điều trong cả mười điều răn.	gian này, tôi tìm ra những thiếu sót, tôi sẽ xin sự tha thứ và sẽ đọc một Kinh Lạy Cha và một Kinh Kính Mừng. Và tôi sẽ giữ cách làm này cho toàn bộ mười giới răn.	mỗi giới răn tôi dành một khoảng thời gian đọc ba Kinh Lạy Cha là đủ.
242. *(Giải thích)*[1] Nên ghi chú rằng khi ai suy nghĩ về một điều răn mà thấy mình không hề có thói quen lỗi phạm bao giờ, thì không cần ngừng lại đó lâu như thế. [2]Nhưng tùy như thấy mình vấp phạm nhiều hay ít về một điều răn nào, mà phải ngừng lại lâu hay chóng để suy xét và phân tích kỹ về điều ấy. [3]Đối với các tội trọng cũng làm như vậy.	**242.** *(Giải thích)* [1]Phải ghi chú rằng, khi ta đã suy xét điều gì liên hệ đến một giới răn nơi đó ta không tìm thấy mình có thói quen phạm tội, thì không cần ở lại đó quá lâu; [2]nhưng, tùy mức độ mình thấy thiếu sót nhiều hay ít đối với điều răn ấy, mà ta phải ở lại lâu hay mau trong việc suy xét và phân tích kỹ lưỡng này; [3]và ta tuân giữ như vậy về những tội trọng.	**242.** *(Giải thích)* [1]Tuy nhiên phải ghi chú rằng, về một giới răn mà rất ít khi xảy ra khiến chúng ta lầm lạc, thì phải ở lại đó ít hơn, [2]nhưng phải ở lại lâu hơn đối với những sa ngã thường hằng hơn vì thói quen. [3]Cũng phải tiến hành cùng một cách thức về những tội trọng.
243. [1]Sau khi đã ngẫm	**243.** [1]Một khi tôi đã	**243.** [1]Một khi tôi đã

hai, nhưng áp dụng không phải cho hai cuộc thao luyện vào nửa đêm và ban sáng, mà áp dụng cho những cuộc thao luyện còn lại trong ngày vốn được diễn tả cách chính xác ở "***Ghi Chú thứ năm trong bộ ghi chú thứ nhất của tuần thứ hai***", chứ không phải là điều phụ thêm thứ ba như cha Polanco đã chỉnh sửa và cũng không phải là điều phụ thêm thứ hai của tuần thứ hai như bản A và P. Đúng hơn, bản A và P muốn qui điều phụ thêm này về ghi chú thứ hai của tuần thứ hai (128), nhưng ghi chú này cũng chỉ nói về việc chuẩn bị đối với hai giờ thao luyện nửa đêm và ban sáng như điều phụ thêm thứ hai mà thôi.

b/ Về kinh dọn lòng : ơn xin

Ơn xin trong ba cách cầu nguyện được thánh I-nhã gọi là kinh dọn lòng (240[1]; 244[2]; 246[2]; 247[2]). Chắc chắn kinh dọn lòng này không phải là kinh dọn lòng trong các cuộc thao luyện ở trên. Vì kinh dọn lòng ở trong các tuần Linh Thao là ơn xin của Nguyên Lý và Nền Tảng (23) vốn được tóm kết và đặt ở trên đầu mọi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nghĩ như vậy về các điều răn, cáo mình về những điều lỗi phạm và xin ơn cùng sự trợ giúp để sửa mình từ nay về sau,[2]rồi kết thúc bằng một cuộc tâm sự với Chúa, Chúa chúng ta, theo như đề tài đã đề ra.	ngẫm nghĩ xong mười giới răn như đã nói, tôi sẽ xin lỗi và xin ơn cũng như sự trợ giúp để sửa mình từ nay về sau; [2]tôi cũng sẽ kết thúc với một cuộc tâm sự duy nhất dâng lên Chúa là Thiên Chúa như đề tài đề ra.	hoàn thành việc ngẫm nghĩ từng giới răn, sau khi đã xin lỗi và đã khẩn xin ân sủng để tuân giữ chúng một cách chăm chú từ nay về sau, [3]tôi sẽ dâng lên Thiên Chúa một cuộc tâm sự theo như điều hiện đến.
244. [1]THỨ HAI VỀ CÁC TỘI TRỌNG [2]Về bảy tội trọng, sau điều phụ thêm, đọc kinh dọn lòng như cách thức đã nói đến, [3]chỉ thay đổi đề tài mà điều này ở đây là về các tội phải tránh, còn trước kia là về các điều răn phải giữ. [4]Và cũng thế, theo cùng trật tự và những quy tắc đã chỉ, rồi làm cuộc tâm sự.	**244.** [1]CẦU NGUYỆN THỨ HAI, VỀ BẢY TỘI TRỌNG. [2]Còn về bảy tội trọng, sau điều phụ thêm, ta sẽ đọc kinh dọn lòng, bằng cách tuân giữ cách làm đã được nói đến; [3]ta sẽ chỉ đổi đề tài, mà ở đây liên quan đến những tội lỗi, và làm cách nào để tránh xa tội lỗi ấy, trong khi trước đây đề tài lại	**244.** [1]THỨ HAI. [2]Chúng ta sẽ đi theo cùng một cách cầu nguyện về bảy tội trọng, sau điều phụ thêm và kinh nguyện dọn lòng, như chúng ta đã làm về các giới răn; [3]vì không có gì khác biệt ở cả hai phía, trừ điều liên hệ đến đề tài, vì một bên hệ ở những giới răn phải tuân giữ, và bên kia là những

cuộc thao luyện (46; 55[3]; 91[2]; 101[2]...), trong khi ơn xin ở đây liên hệ đến đề tài cầu nguyện vốn tương ứng với tiền nguyện thứ hai nếu là những bài suy gẫm mặc khải của tuần một (48[1]; 55[4]) và của những bài chiêm niệm cá nhân I-nhã trong các tuần khác (91[2]; 231[3]) hay với tiền nguyện thứ ba của các tuần còn lại, nếu là bài chiêm niệm theo mặc khải (104; 193; 221) và suy gẫm theo kinh nghiệm I-nhã (136[2]; 149[2]).

Ở đây, kinh dọn lòng của những bài suy gẫm cũng khác với kinh Dọn Lòng những bài chiêm niệm: Trong những bài suy gẫm về tội, ơn xin là nhận ra những lỗi phạm trong Mười Điều Răn (240) hoặc trong những tội trọng (244[3]) và ơn trợ giúp để sửa mình. Ngược lại, ơn xin trong các bài chiêm niệm lại phải thích ứng với kinh đọc, nghĩa là với Đấng mà ta cầu nguyện (251). Ơn xin của cách cầu nguyện thứ ba cũng vậy (258[3]).

c/ Cuối cùng là lời tâm sự

Lời tâm sự đều có trong mọi cách cầu nguyện (243; 244[4]; 246[2]; 247[2]; 257) trừ cách cầu nguyện thứ ba theo nhịp thở, vì trong cách này, chủ thể chú ý đến ý

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	liên quan đến những giới răn phải giữ; [4]và ta cũng sẽ phải giữ cùng một trật tự và cùng một quy tắc đã được chỉ định cùng với cuộc tâm sự.	tội lỗi phải tránh. [4]Tất cả điều còn lại đều giống nhau, và ta sẽ làm một cuộc tâm sự theo cùng một cách thức.
245. *(Giải thích)* Để biết rõ hơn những lỗi phạm về các tội trọng, ta nhìn xem những điều trái ngược với chúng; và cũng vậy để dễ tránh các tội đó hơn, ta quyết tâm và cố gắng bằng những việc thao luyện thánh thiện đạt tới và thủ đắc bảy nhân đức trái ngược với chúng.	**245.** *(Giải thích)* Để biết rõ hơn những nét xấu xa và những trễ nải liên quan đến những tội trọng, ta sẽ suy xét những điều ngược lại với những tội đó; và để giữ mình cẩn thận hơn, ta sẽ tự đề ra và cố gắng, bằng việc áp dụng cho mình những việc thao luyện thánh thiện, đạt được bảy nhân đức vốn ngược lại với những tội trọng đó.	**245.** *(Giải thích)* Cần phải biết rằng việc nhận biết những tội lỗi và những tật xấu trở thành thuận lợi khi ta lưu tâm đến những hành vi và những thói quen ngược lại. Chính vì thế, với sự trợ giúp của ân sủng Thiên Chúa và của cuộc thao luyện đạo đức này hay khác, mỗi người phải làm việc để thủ đắc cho mình những nhân đức ngược lại với bảy tội trọng.
246. [1]THỨ BA VỀ CÁC TÀI NĂNG CỦA LINH HỒN	**246.** [1]CẦU NGUYỆN THỨ BA, VỀ BA TÀI NĂNG LINH HỒN.	246. [1]THỨ BA. [2]Về ba tài năng linh

nghĩa của từng từ và các nhân vật được nói đến trong kinh nguyện (258[5]).

II. ĐẶC ĐIỂM CỦA MỖI CÁCH CẦU NGUYỆN

1. Cách cầu nguyện thứ nhất (238-248)

Cách cầu nguyện này bao gồm nhiều yếu tố: nội dung về mười điều răn và bảy tội trọng - hình thức về ba tài năng linh hồn và ngũ quan (238[1]). Vì nội dung có tương quan với tuần một nên theo thánh I-nhã, cách cầu nguyện này đương nhiên là những bài suy gẫm, cho dù ngài không xác định ở đây.

Mục đích của cách cầu nguyện này nhằm cho linh hồn chuẩn bị và được ích lợi thiêng liêng (A,P) hoặc để linh hồn được giúp đỡ và cho việc cầu nguyện được đẹp lòng Chúa (V) như ta thấy ở lời dẫn nhập (238[2-3])

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]Về ba tài năng của linh hồn, cũng giữ cùng trật tự và quy tắc như về các điều răn: làm điều phụ thêm, kinh dọn lòng và tâm sự.	[2]Về ba tài năng linh hồn, ta sẽ giữ cùng một thứ tự và cùng một quy tắc như trong những giới răn, bằng cách làm điều phụ thêm, kinh dọn lòng và cuộc tâm sự.	hồn, ta cũng đi theo cùng một tiến trình, bằng cách làm điều phụ thêm, kinh nguyện, việc xét mình của mỗi tài năng, với một cuộc tâm sự ở sau cùng.
247. [1]THỨ BỐN VỀ NGŨ QUAN PHẦN XÁC	**247.** [1]CẦU NGUYỆN THỨ TƯ VỀ NGŨ QUAN CỦA THÂN XÁC.	**247.** [1]THỨ BỐN.
[2]Về ngũ quan phần xác, cũng vẫn theo trật tự như trên, trong khi thay đổi đề tài.	[2]Về ngũ quan của thân xác, ta sẽ luôn tuân giữ cùng một trật tự, bằng cách chỉ thay đổi đề tài.	[2]Về ngũ quan của thân xác, không thay đổi một điều gì, ngoại trừ đề tài.
248. *(Giải thích)*[1] Ai muốn noi gương Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, trong việc dùng ngũ quan, thì trong kinh dọn lòng, hãy cầu xin Chúa chí tôn phù trợ và sau khi suy xét về mỗi giác quan, đọc một Kinh Kính Mừng hay	**248.** *(Giải thích)*[1] Ai muốn noi gương Đức Ki-tô Chúa chúng ta trong việc sử dụng những giác quan, sẽ cầu xin Chúa Chí Tôn phù trợ trong kinh dọn lòng; sau đó, khi suy xét giác quan này hay giác quan khác,	**248.** *(Giải thích)* [1]Cần phải chú ý ở đây rằng, nếu một ai ao ước, trong việc sử dụng những giác quan, noi theo Đức Ki-tô, thì trong kinh dọn lòng, người ấy phải cầu xin Thiên Chúa giúp đỡ về điều ấy và, một khi đã

a/ Về các giới răn (238[2]-243[2])

Trong ơn xin có hai điều cần lưu ý: nhận biết tội lỗi đã phạm và ơn trợ giúp để sửa mình và ơn hiểu biết các điều răn tường tận hơn để tuân giữ kỹ hơn (240).

Đây chính là việc xét mình về từng giới răn. Thời gian làm chuẩn để suy xét từng giới răn dài khoảng độ ba Kinh Lạy Cha và ba Kinh Kính Mừng (A, P) hoặc ba Kinh Lạy Cha (V), để thẩm định việc tuân giữ và những lỗi phạm của bản thân mình (241).

Thời lượng được áp dụng một cách uyển chuyển và thích nghi tuỳ vào mối liên hệ của chủ thể với các giới răn đó theo như lời giải thích sau: không dừng lại lâu khi thấy mình không hay vấp phạm – ngược lại, phải ngừng lại lâu hay mau tuỳ ở việc mình vấp phạm nhiều hay ít (242).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
một Kinh Lạy Cha. [2]Ai muốn noi gương Đức Mẹ trong việc dùng ngũ quan, thì trong kinh dọn lòng, hãy cầu xin Ngài phù trợ để Ngài xin ơn đó nơi Con và Chúa Ngài ban cho. Sau khi suy xét về mỗi giác quan, đọc một Kinh Kính Mừng.	người ấy sẽ đọc một Kinh Kính Mừng hay một Kinh Lạy Cha; [2]Và người nào khao khát noi gương Mẹ chúng ta trong việc sử dụng giác quan, lại cầu xin Đức Trinh Nữ phù trợ cho trong kinh dọn lòng, để Mẹ xin với Con và Chúa của mình ban ơn về điều đó; và sau việc suy xét về giác quan này hay giác quan khác, họ sẽ đọc một Kinh Kính Mừng.	hoàn tất việc xem xét mỗi giác quan, hãy thêm Kinh Lạy Cha. [2]Nếu người ấy khao khát được theo gương Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, thì nên cầu xin Mẹ trợ giúp để Mẹ sẽ xin điều đó nơi Con; và trong khi người ấy xem xét kỹ lưỡng những giác quan, thì nên đọc từ từ chính lời chào của thiên thần.
249. CÁCH CẦU NGUYỆN THỨ HAI LÀ CHIÊM NIỆM Ý NGHĨA TỪNG TỪ CỦA MỘT KINH	**249.** CÁCH CẦU NGUYỆN THỨ HAI LÀ CHIÊM NIỆM Ý NGHĨA CỦA TỪ NÀY HAY TỪ KHÁC CỦA VIỆC CẦU NGUYỆN.	**249.** CÁCH CẦU NGUYỆN THỨ HAI, BẰNG VIỆC SUY TƯỞNG Ý NGHĨA TỪNG TỪ CỦA KINH ĐỌC.

b/ Về các tội trọng

Các tội trọng ở đây cũng như phần xác định nội dung cách cầu nguyện thứ nhất được hiểu là bảy mối tội đầu (238[2] ; 242[3] ; 244). Cách cầu nguyện dưới hình thức xét mình về các tội trọng cũng được tiến hành như cách cầu nguyện về mười giới răn (242[3]).

Có hai điều cần được lưu tâm về loại tội trọng này: trước hết, so với mười giới răn, chỉ có sự thay đổi duy nhất về ý nghĩa của đề tài: giới răn là những điều phải giữ còn tội trọng là những điều phải tránh (244[3]).

Thứ đến, xét những nhân đức ngược lại với mối tội đầu ta sẽ hiểu nó rõ hơn và tập luyện những đức tính ngược lại đó, như khiêm nhường, rộng rãi, sạch sẽ..., ta sẽ tránh các loại tội trọng này cách dễ dàng hơn (245). Đây là cách thức ta đã đưa vào để áp dụng cho việc cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống (189).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
250. Trong cách cầu nguyện thứ hai này, cũng giữ điều phụ thêm như trong cách cầu nguyện thứ nhất.	**250.** Cùng một điều phụ thêm vốn được tuân giữ trong cách cầu nguyện thứ nhất cũng sẽ được tuân giữ trong cách cầu nguyện thứ hai này.	**250.** Ta sẽ làm trước tiên cùng một điều phụ thêm như ở trên.
251. *Kinh dọn lòng* được thích ứng cho phù hợp với Đấng mà ta cầu nguyện.	**251.** *Kinh dọn lòng* sẽ được làm với Đấng mà lời kinh nguyện sẽ hướng đến.	**251.** *Kinh dọn lòng* sẽ thích nghi vào nhân vật mà với người ấy lời nguyện được dâng lên.
252. [1]Cách cầu nguyện thứ hai là quỳ gối hay ngồi lên tuỳ theo tư thế nào hợp hơn, tuỳ cách nào hợp với ta hơn và tuỳ theo lòng sốt mến kèm theo nhiều hơn, nhắm mắt lại hay nhìn chăm chú vào một nơi nào đó, không để mắt liếc nhìn chỗ này hay chỗ nọ, rồi đọc hai từ "Lạy Cha", [2]và dừng lại suy xét hai từ đó bao lâu ta còn thấy những ý nghĩa, những sự so sánh,	**252.** [1]Cách cầu nguyện thứ hai: hoặc quì gối hoặc ngồi lên, theo như ta sẽ được sẵn sàng hơn cho điều này hay điều kia hay theo như ta sẽ tìm thấy một lòng sốt sắng hơn ở đó, mắt nhắm lại hay nhìn chăm chú vào chỉ một nơi mà không động đậy, ta sẽ đọc lời Kinh Lạy Cha, v.v.; [2]và ta sẽ ở lại trong việc suy xét từ này hay từ khác bao lâu ta còn thấy ý nghĩa, hương vị, an ủi, trong	**252.** [1]Cách cầu nguyện thứ hai là thế này: quỳ gối hay ngồi lên (tùy theo tình trạng thân xác và lòng sốt sáng của linh hồn), mắt khép lại hay nhìn thẳng vào một nơi và không di chuyển đi đây đó, chúng ta đọc Kinh Lạy Cha khởi đi ngay từ đầu. Và ở từ ngữ đầu tiên là "Lạy Cha", [2]chúng ta dừng lại trong việc suy gẫm của chúng ta bao lâu mà những ý nghĩa khác nhau, những

c/ Về các tài năng linh hồn

Ngoài việc kê khai thứ tự cách tiến hành như A và P: làm điều phụ thêm, kinh dọn lòng và tâm sự, bản V còn thêm cụm từ: "Việc xét mình của mỗi tài năng" trước việc tâm sự. Điều này cho thấy cách cầu nguyện này thuộc về việc suy gẫm của tuần một liên quan đến tội lỗi (246^2).

Vậy ba tài năng đó là những tài năng nào ? Qui về tuần thứ nhất, chúng ta sẽ thấy rõ: trí nhớ, trí hiểu và ý chí. Ba tài năng này được áp dụng nơi khách thể trong bài suy gẫm thứ nhất: "Cuộc thao luyện thứ nhất là một bài suy gẫm bằng ba tài năng về tội thứ nhất, thứ hai và thứ ba" (45^1) nơi chủ thể trong bài suy gẫm thứ hai: "Cuộc thao luyện thứ hai là một bài suy gẫm về các tội" (55^1).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
sự cảm nếm và an ủi khi suy xét về hai từ đó. [3]Làm tương tự với từng từ trong Kinh Lạy Cha hay kinh nào khác mà ta muốn cầu nguyện theo thể thức đó.	những suy xét vốn chỉ liên quan đến những từ này thôi. [3]Ta sẽ tuân giữ cùng một điều như thế về toàn thể từ khác của Kinh Lạy Cha và bất cứ kinh đọc nào ta sẽ sử dụng.	việc so sánh, những hương vị thiêng liêng và những chuyển động khác về lòng sốt sáng hiện ra cho chúng ta liên quan về chủ đề đó. [3]Và tiếp theo ta sẽ làm như thế về từng từ của cùng một kinh đọc hay một kinh khác.
253. <u>*Quy tắc thứ nhất*</u> là theo thể thức được nói đến, sẽ lưu lại một giờ trong toàn thể Kinh Lạy Cha; xong kinh này, ta đọc Kinh Kính Mừng, kinh Tin Kính, kinh Lạy Hồn Chúa Ki-tô, kinh Lạy Nữ Vương, đọc ra tiếng hay thầm trong trí theo cách quen làm.	**253.** <u>*Quy tắc thứ nhất*</u>: ta sẽ ở lại một giờ về Kinh Lạy Cha, bằng cách vận dụng cách thức đã chỉ dẫn. Một khi đã cầu nguyện xong Kinh Lạy Cha, ta sẽ đọc một Kinh Kính Mừng, một kinh Tin Kính, một kinh Lạy hồn Chúa Ki-tô, một kinh Lạy Nữ Vương, bằng lời hay bằng tâm trí theo như cách thức thường làm.	**253.** <u>*Ba quy tắc*</u> phải tuân theo về điều đó: <u>*Thứ nhất*</u>: ta dùng một giờ để nghiền ngẫm như thế mỗi kinh đọc này hay kinh đọc khác. Khi điều đó kết thúc, ta đọc một Kinh Kính Mừng, kinh Tin Kính, kinh Anima Christi và kinh Lạy Nữ Vương theo thói quen thông thường, hoặc chỉ đọc trong tâm trí hoặc đọc bằng lời.
254. [1]<u>*Thứ hai*</u> là nếu người chiêm niệm Kinh Lạy Cha, trong một từ	**254.** [1]<u>*Quy tắc thứ hai*</u>: nếu ai chiêm niệm Kinh Lạy Cha thấy nơi một	**254.** [1]<u>*Thứ hai*</u>: nếu, khi chúng ta cầu nguyện theo cách này về một từ hay

d/ Về ngũ quan

Việc áp dụng ngũ quan có cả ở tuần thứ nhất trong bài suy gẫm về hoả ngục và tuần thứ hai trong bài về Mầu Nhiệm Nhập Thể và Giáng Sinh. Đây là cách cầu nguyện bằng việc áp dụng năm giác quan thiêng liêng: thị giác (66/ 122) ; thính giác (67/ 123) ; khứu giác (68/ 124) ; vị giác (69/ 124) và xúc giác (70/ 125). Điều khác biệt là: trong tuần hai, thành ngữ "áp dụng ngũ quan" được xác định minh nhiên, còn trong tuần một, ta chỉ thấy có sự diễn tả những yếu tố của ngũ quan (121^1/ 65^1). Từ chỗ này, ta có thể phân biệt như sau:

- Nếu đề tài thuộc về tội lỗi, việc áp dụng ngũ quan này là bài suy gẫm và chỉ dẫn ở 247^2 đã đủ ý nghĩa. Lúc đó người ta chỉ thay đổi đề tài mà thôi.
- Phần giải thích sau đó của thánh I-nhã đã chuyển phạm trù tội lỗi của suy gẫm

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hay hai từ mà tìm được một đề tài tốt cho việc suy tưởng, sự cảm nếm và sự an ủi, [2]thì đừng bận tâm đi xa hơn, cho dù giờ cầu nguyện kết thúc ở nơi đó. Khi hết giờ, đọc hết phần còn lại của Kinh Lạy Cha theo cách đã quen làm.	hay hai từ một đề tài phong phú cho việc suy tưởng, cho việc cảm nếm và cho sự an ủi, [2]người ấy không phải bận tâm để đi đến những từ khác, cho dù giờ đã kết thúc nơi một hay hai từ đó. Sau khi giờ cầu nguyện kết thúc, người ấy sẽ đọc phần còn lại của Kinh Lạy Cha, theo như cách thức thông thường.	hai từ, việc suy gẫm gia tăng lên cùng lúc với sự an ủi bên trong, [2]thì sẽ phải tránh để không bận tâm đi xa hơn, cho dù đã trải qua đủ một giờ. Một khi giờ đó qua đi hết, ta sẽ đọc cách mau lẹ phần còn lại của kinh đọc.
255. [1]*Thứ ba* là nếu ta đã lưu lại cả một giờ ở một hay hai từ trong Kinh Lạy Cha, rồi ngày khác muốn trở lại kinh đó, thì đọc một hay hai từ đó như thường lệ, [2]rồi dừng lại ở từ tiếp theo ngay đó, ta bắt đầu chiêm niệm theo như điều được nói đến ở quy tắc thứ hai.	**255.** [1]*Quy tắc thứ ba*: nếu người ấy đã ở lại nơi một hay hai từ trong vòng trọn vẹn một giờ, ngày kế tiếp, khi trở lại với việc cầu nguyện, người ấy sẽ đọc một hay hai từ đó một cách thông thường, [2]và nơi từ tiếp theo, người ấy bắt đầu chiêm niệm, như ta đã nói như thế trong quy tắc thứ hai.	**255.** [1]*Thứ ba*: khi đến giờ dành vào việc suy gẫm chỉ một từ hay một số từ, ngày hôm sau, sau khi đã đọc ngắn gọn điều đã được suy xét, [2]chúng ta sẽ tiếp nối bằng cách suy xét từ tiếp theo sau đó.
256. *[Ghi chú thứ nhất]*	**256.** *Chú dẫn thứ nhất*.	**256.** *[Cần phải ghi chú:*

sang phần noi gương của chiêm niệm. Lúc này ơn xin, tức là kinh dọn lòng, việc áp dụng ngũ quan và việc kết thúc đều thay đổi: về ơn xin, nếu muốn noi gương Chúa thì ơn xin trực tiếp hướng đến Ngài để xin ơn trợ giúp; còn nếu muốn noi gương Đức Mẹ, ơn xin phải là xin Mẹ cầu bầu để Mẹ xin ơn đó nơi Con của Mẹ cho (248[1-2]) – Về các điều khác, sau khi suy xét nơi mỗi giác quan, ta kết thúc bằng một kinh đọc: Kinh Lạy Cha hoặc Kinh Kính Mừng (248[1-2]).

Tóm lại, bài áp dụng ngũ quan được coi như bài trung gian giữa đời sống thanh luyện và soi sáng, và được đặt vào giữa hai loại bài suy gẫm và chiêm niệm.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Nên để ý rằng, khi đã chiêm niệm xong Kinh Lạy Cha trong một hay nhiều ngày, ta sẽ làm theo cùng một cách thức như vậy với Kinh Kính Mừng, rồi với các kinh khác. Như thế trong suốt một khoảng thời gian nào đó, ta luôn tập luyện theo một trong các kinh đó.	Một khi Kinh Lạy Cha đã hoàn tất trong một hay nhiều ngày, tiếp theo ta sẽ làm cùng một điều về kinh chào thăm của thiên thần Kính Mừng Ma-ri-a; và sau đó ta sẽ làm cùng một điều về những kinh đọc khác; và như thế ta luôn luôn tập luyện trong một số thời gian về một trong những kinh đọc trên.	*thứ nhất]* Một khi toàn thể kinh nguyện của Chúa đã được suy xét xong, sau đó là Kinh Kính Mừng, rồi đến kinh này hay kinh khác, đến nỗi việc thao luyện về cầu nguyện này được tiếp tục mà không có sự ngắt quãng.
257. *Ghi chú thứ hai*: khi kết thúc việc cầu nguyện, và bằng một lời nguyện tắt, ta hướng về Đấng mà ta đã cầu nguyện để xin những nhân đức hay những ơn ta cảm thấy cần đến nhiều hơn.	**257.** *[Chú dẫn thứ hai]* Khi xong việc cầu nguyện này, người chiêm niệm quay lại với Đấng mình đang cầu nguyện, và với một ít lời nài xin ngài những nhân đức hay những ơn ban vốn cần hơn nơi mình.	**257.** *[Thứ hai]* Ngoài ra, một khi việc cầu nguyện như thế kết thúc, dù thế nào, chúng ta sẽ thưa ít lời đến nhân vật mà lời nguyện ấy có liên quan đến, bằng cách xin một nhân đức hay một ơn mà chúng ta có thể cảm thấy

2. Cách cầu nguyện thứ hai (249-257)

Cách cầu nguyện này nhằm thấu đạt ý nghĩa từng từ ngữ và có chất liệu ở những kinh đọc thường ngày (249) với Đấng mà ta cầu nguyện (251) nên thuộc về phần chiêm niệm như bản A và P cho thấy (249). Bản V lại coi đó là việc suy tưởng ý nghĩa của từng từ. Ta đề cập về một số nét chính.

a/ Về điều phụ thêm không đổi, nhưng kinh dọn lòng thay đổi (250-251)

Điều phụ thêm không đổi vì nó thuộc về phần chuẩn bị, còn kinh dọn lòng thay đổi vì đề tài chuyển từ suy gẫm sang chiêm niệm và ơn xin phải tương ứng với Đấng mà ta cầu xin.

b/ Về việc tiến hành, quy tắc và ghi chú

Thánh I-nhã đề cập đến việc tiến hành cùng với ba quy tắc và hai ghi chú.

- Trước hết về việc tiến hành, gồm hai yếu tố: tư thế cần phải giúp cho chủ thể được tập trung, chẳng hạn ngồi hay quì, mắt nhắm lại để tập trung vào một nơi nào đó (252[1]) – tiếp theo, đọc từng từ ngữ của kinh đọc, dừng lại ở đó, suy xét ý nghĩa để cảm nếm hương vị và sự an ủi bao lâu ta còn gặt hái được ích lợi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		cần hơn.
258. [1]CÁCH CẦU NGUYỆN THỨ BA LÀ THEO NHỊP.	**258.** [1]CÁCH CẦU NGUYỆN THỨ BA THEO NHỊP.	**258.** [1]CÁCH CẦU NGUYỆN THỨ BA BẰNG CÁCH ĐẶT TƯƠNG QUAN NHỮNG TỪ VÀ NHỮNG THỜI GIAN.
[2]*Điều phụ thêm* cũng như trong cách cầu nguyện thứ nhất và thứ hai.	[2]*Điều phụ thêm* là chính điều phụ thêm trong cách cầu nguyện thứ nhất và thứ hai.	[2]*Điều phụ thêm* không khác gì với hai cách cầu nguyện khác trước đây.
[3]*Kinh dọn lòng* như trong cách cầu nguyện thứ hai.	[3]*Kinh dọn lòng* là cùng một kinh trong cách cầu nguyện thứ hai,	[3]*Kinh dọn lòng* được làm như trong cách thứ hai.
[4]Cách cầu nguyện thứ ba là trong mỗi hơi thở hay nhịp thở, ta nguyện thầm trong trí bằng cách đọc một từ trong Kinh	[4]Cách cầu nguyện thứ ba: người cầu nguyện sẽ cầu nguyện bằng tâm trí trong toàn thể mỗi hơi thở hay nhịp thở khi đọc	[4]Cách cầu nguyện thứ ba này hệ ở chỗ, giữa mỗi lần chúng ta thở, chúng ta đặt ra mỗi một từ của Kinh Lạy Cha hay

thiêng liêng (252[2]).

- Và trong việc tiến hành này, thánh I-nhã đưa ra những quy tắc hành xử phải có: trước hết, thời lượng dành cho việc chiêm niệm là một giờ cho một kinh đọc. Nếu kết thúc việc chiêm niệm kinh đọc đó xong trước thời gian qui định, người ta sẽ đọc một số kinh quen thuộc trong khoảng thời gian còn lại (253). Cả ba bản văn đều không nói rõ về quy tắc này. Vì cứ theo mạch văn, người ta sẽ đọc các kinh khác tiếp nối Kinh Lạy Cha mà mình vừa chiêm niệm cho đến hết một giờ - Thứ đến, nếu nơi một từ hay một số từ ở đó ta gặp được sự cảm nếm thiêng liêng lâu dài suốt cả giờ chiêm niệm, ta cứ dừng lại ở đó mà không lo đi xa hơn (76[3]). Và để kết thúc giờ chiêm niệm cho kinh đọc đó, ta đọc nốt phần còn lại như thường đọc (254) – Sau cùng, vào ngày khác, nếu ta muốn tiếp tục chiêm ngắm các từ còn lại trong kinh đọc, thì sau điều phụ thêm và xin ơn, ta đọc như thường ở phần đã chiêm niệm và rồi bắt đầu từ từ ngữ mình chưa chiêm niệm (255).
- Sau cùng, thánh I-nhã đưa ra cho chúng ta hai ghi chú nếu chúng ta muốn tiếp tục hay kết thúc việc chiêm niệm này: Nếu tiếp tục với kinh đọc khác, thể thức tiến hành như ở trên, chỉ thay đổi nội dung và nhân vật (256). Ngược lại, nếu ta muốn kết thúc cách cầu nguyện này, dâng lên Đấng mình cầu xin để xin

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Lạy Cha hay một kinh nào khác mà ta đang đọc; làm sao để chỉ đọc một từ giữa hơi thở này và hơi thở khác, [5]và trong khoảng thời gian từ hơi thở này đến hơi thở khác, ta chú ý chính yếu vào ý nghĩa của từ đó hay vào Đấng mà ta cầu xin, hoặc vào sự thấp hèn của chính mình hay sự khác biệt giữa sự cao cả dường ấy của Ngài với sự thấp hèn biết bao của mình. [6]Cứ theo cùng cách thức và quy tắc ấy mà tiến hành về các từ khác của Kinh Lạy Cha và đọc các kinh khác, như Kinh Kính Mừng, Lạy Hồn Chúa Ki-tô, Tin Kính và Lạy Nữ Vương như đã quen.	một từ của kinh đọc của Chúa, Lạy Cha hay bất cứ kinh đọc nào khác, đến nỗi, giữa một nhịp thở này đến một nhịp thở khác hay (cùng một điều) giữa một hơi thở này sang hơi thở khác, người ấy chỉ thốt lên duy chỉ một từ; và trong tất cả khoảng cách của thời gian này, chính yếu ta phải suy xét ý nghĩa của từ này, hoặc nữa phẩm cách của Đấng mình dâng việc cầu nguyện, hoặc nữa sự yếu đuối của tôi mà tôi cầu cho tôi, hoặc nữa sự khác biệt quá lớn lao có được giữa Đấng tôi cầu nguyện và sự thấp hèn và cùng khốn của tôi mà tôi cầu cho tôi. [6]Và cần phải giữ chính phương pháp và quy tắc tiến	của một kinh nào khác, [5]trong thời gian này suy nghĩ hoặc là ý nghĩa của từ được thốt lên, hoặc là phẩm cách của nhân vật mà lời nguyện hướng về đó, hoặc là sự khốn cùng của tôi, sau cùng hoặc sự khác biệt giữa nhân vật này với nhân vật khác. [6]Phải tiến hành cùng một cách thức đối với các từ khác. Ta cũng sẽ thêm những kinh đọc được nhắc lại ở đây: Kính Mừng, Tin Kính, v.v.

những ơn ban hoặc nhân đức cần thiết hơn cho bản thân mình (257).

Cả ba bản văn đều nhất trí về những quy tắc, nhưng về ghi chú lại không đồng nhất và tỏ lộ sự lộn xộn. Bản văn A có cụm từ "ghi chú thứ hai" mà không có cụm từ "ghi chú thứ nhất" - ngược lại, bản P vẫn gọi đó là những chú dẫn, nhưng chỉ ghi nhận cụm từ "chú dẫn thứ nhất" mà không có cụm từ "chú dẫn thứ hai" - Bản V lẽ ra sử dụng câu dẫn nhập "Phải ghi chú rằng" như ở những nơi khác (226 ; 204...), nhưng lại không sử dụng nó ở cả hai số này.

3. Cách cầu nguyện thứ ba

Đây là cách cầu nguyện theo nhịp thở và chất liệu cầu nguyện cũng là những kinh đọc như cách thứ hai. Vì thế cách cầu nguyện này cũng thuộc về chiêm niệm. Hiểu như vậy thì cả những điều liên hệ đến điều phụ thêm lẫn ơn xin trong kinh dọn lòng đều giống như cách cầu nguyện thứ hai. Chỉ có một điều khác biệt

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	hành này về mỗi một từ của kinh đọc Lạy Cha. Về những kinh đọc khác: kinh chào thăm của thiên thần, kinh Lạy Hồn Chúa Ki-tô, kinh Tin Kính và kinh Lạy Nữ Vương, người ấy sẽ đọc theo cách thức quen làm.	
259. *Quy tắc thứ nhất* là nếu muốn cầu nguyện vào ngày hôm sau hay vào một giờ cầu nguyện khác, đọc Kinh Kính Mừng theo nhịp thở, rồi đọc các kinh khác như đã quen, rồi sau đó cứ tiến hành như thế đối với các kinh khác.	**259.** *Quy tắc thứ nhất*: vào ngày tiếp theo hay vào bất cứ một giờ nào khác mà mình sẽ xác định cho việc cầu nguyện, người ấy sẽ đọc kinh chào thăm của thiên thần theo cùng một hình thức, nhưng những kinh đọc khác tuân theo cách thức thường làm.	**259.** *Hai quy tắc* vốn liên hệ với điều đó *Thứ nhất*: một khi Kinh Lạy Cha đã xong theo cách cầu nguyện này, ta sẽ lấy, vào ngày khác hay giờ khác, Kinh Kính Mừng bằng cách tiến hành với cùng nhịp hơi thở, những kinh đọc khác được đọc theo cách thông thường.
260. *Thứ hai* : ai muốn ở lại lâu hơn nữa trong	**260.** *Quy tắc thứ hai*: ai muốn dành nhiều thời	**260.** *Thứ hai*: ai muốn thao luyện lâu dài hơn

là cách tiến hành.

Thánh I-nhã đề cập về cách tiến hành và hai quy tắc cần tuân theo trong cách cầu nguyện này.

a/ Về cách tiến hành (258[4-6])

Điều giống nhau trong cách cầu nguyện thứ hai và thứ ba là việc suy nghĩ từng từ ngữ trong kinh đọc. Như vậy, chất liệu và cách suy nghĩ từng từ ngữ không thay đổi. Chỉ có một sự thay đổi duy nhất ở cách cầu nguyện này là: thay vì dành thời gian cách tự do cho việc suy nghĩ từng từ ngữ, ngắn dài tuỳ theo cảm nghiệm của chủ thể, thì thời gian ở đây được dành cho mỗi từ ngữ là khoảng từ nhịp thở này sang nhịp thở khác. Cả ba bản văn đều diễn tả cùng một ý tưởng này.

Trong thời gian ở giữa hai nhịp thở, người ta suy nghĩ ý nghĩa của từ ngữ được đem ra chiêm niệm, tìm hiểu phẩm cách Đấng mình chiêm niệm và nhận ra sự cách biệt với bản thân. Cứ như thế, đọc và suy nghĩ những kinh đọc khác theo

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
việc cầu nguyện theo nhịp có thể đọc tất cả các kinh kể trên hay một phần các kinh đó bằng cách đọc theo nhịp điệu của hơi thở như đã chỉ dẫn.	gian hơn cho cách cầu nguyện này, có thể rảo qua tất cả những kinh đọc đã được chỉ định hay một phần những kinh đọc đó, bằng cách giữ nguyên trật tự đã được giải thích.	cách cầu nguyện này, sẽ áp dụng nó vào tất cả những kinh đọc ở trên hoặc một phần trong các kinh đó; người ấy sẽ tuân thủ những ngắt quãng tương tự giữa những hơi thở và những từ.

---

nhịp thở của mình.

b/ Hai quy tắc (259-260)

Có hai quy tắc được thánh I-nhã đưa ra để kéo dài cách cầu nguyện này. Trước hết, trong số những kinh đọc còn lại, nếu ta chọn một kinh đọc để áp dụng cách cầu nguyện này, thì các kinh khác sẽ đọc thông thường, rồi cứ tiếp tục với các kinh khác nữa (259).

Muốn ở lại lâu hơn nữa trong cách cầu nguyện theo nhịp thở, có thể áp dụng cho mọi kinh đã được đề nghị: Kinh Kính Mừng, Lạy Hồn Chúa Ki-tô, Tin Kính, Lạy Nữ Vương... (258[6]) hay một phần các kinh đó theo nhịp thở (260).

<u>Kết Luận</u>: dù xác định ba cách cầu nguyện thuộc về Linh Thao, nhưng thánh I-nhã không cho thấy nó được thực hiện vào lúc nào và giai đoạn nào. Xem ra đây không phải là những thời điểm thức dậy vào ban sáng hay nửa đêm, và cũng không thuộc về tiến trình đào luyện Linh Thao, ít là phần chiêm niệm của kinh đọc. Nếu đây là những hình thức mẫu thì khi áp dụng trong Linh Thao phải có những đề tài hay bản văn am hợp với tiến trình đào luyện, nếu không khoa sư phạm của Linh Thao sẽ mất ý nghĩa.

Cho dù ba cách cầu nguyện được đặt vào hai hình thức suy gẫm tương ứng với thao luyện tuần một và chiêm niệm tương ứng với thao luyện tuần hai trở đi, nhưng có lẽ được giản lược vào tình huống phổ thông nhất của kinh đọc hay bản văn để mọi người đều có thể tiếp cận, thực hành và rút ra ích lợi cho đời sống thiêng liêng. Và cứ theo chú dẫn, nếu cách cầu nguyện thứ nhất dành cho những người kết thúc Linh Thao ở tuần một (18[5.7b] # 238-248) thì cả ba cách cầu nguyện sẽ dành cho những người làm trọn cuộc Linh Thao vì họ trải qua cả hai chặng đường suy gẫm và chiêm niệm ấy. Vậy ba cách cầu nguyện có giá trị tương đương với những bộ "quy tắc", nhưng mang tên gọi khác vì thuộc lãnh vực cầu nguyện nhằm giúp người ta sống việc cầu nguyện đơn giản nhất trong đời sống hằng ngày sau khi đã làm Linh Thao, một khi không có phương tiện nào khác.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
261. [1]CÁC MẦU NHIỆM CỦA CUỘC ĐỜI ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA	**261.** [1]CUỘC SỐNG CỦA ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ	**261.** [1]NHỮNG MẦU NHIỆM VỀ CUỘC SỐNG CỦA CHÚA CHÚNG TA, ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ
[2]*(Giải thích)* Nên chú ý rằng, trong tất cả các mầu nhiệm dưới đây, những từ ngữ đặt *trong ngoặc: (...)* là của chính Tin Mừng, mà những từ ngữ đặt ở ngoài thì không phải; [3]trong mỗi mầu nhiệm, phần lớn sẽ có ba điểm để suy gẫm và chiêm niệm những điểm đó dễ hơn.	[2]*(Giải thích)* Về tất cả những mầu nhiệm sau đây, phải chú ý rằng tất cả những chữ được đặt trong ngoặc đơn bằng dấu hiệu (...) đều được dùng theo bản văn Tin Mừng, nhưng những chữ khác thì không; [3]và trong mỗi mầu nhiệm, thường thường sẽ có ba điểm, để ta suy gẫm và chiêm niệm về những mầu nhiệm ấy cách dễ dàng hơn.	[2]*(Giải thích)* Trước hết phải chú ý rằng tất cả nhưng chữ được đặt trong ngoặc đơn là được trích ra từ chính Tin Mừng, nhưng những chữ khác thì không phải. [3]Ngoài ra, trong mỗi mầu nhiệm, có ba điểm được đề nghị luôn luôn hoặc hầu như thế, để cho việc chiêm niệm càng được dễ dàng bao nhiêu khi nó càng được phân chia cách rõ ràng bấy nhiêu.
262. [1]VỀ VIỆC TRUYỀN TIN CHO	**262.** [1]TRUYỀN TIN, LU-CA 1.	**262.** [1]VIỆC NHẬP THỂ CỦA ĐỨC KI-TÔ ĐƯỢC LOAN BÁO CHO ĐỨC

(B.II) NHỮNG MẦU NHIỆM CUỘC ĐỜI ĐỨC KI-TÔ

(261-312)

I. TỔNG QUÁT

l. Về những Mầu Nhiệm cuộc đời Chúa Ki-tô

Sau cuộc sống thanh luyện của tuần thứ nhất (vita purgativa), thao viên bước vào đời sống soi sáng của tuần hai (vita illuminativa) và ở đó họ được chiêm ngưỡng cuộc đời Chúa Ki-tô (10^{2-3}). Thế nhưng việc chiêm niệm về cuộc đời Chúa Ki-tô kéo dài trọn ba tuần Linh Thao: Tuần thứ hai đề cập cuộc đời Chúa Ki-tô từ thời thơ ấu đến hết giai đoạn hoạt động công khai; tuần thứ ba đề cập về cuộc thương khó của Chúa và tuần thứ tư về cuộc phục sinh vinh hiển của Ngài cho đến mầu nhiệm thăng thiên (4^{2b-3}).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ĐỨC MẸ, THÁNH LU-CA VIẾT Ở CHƯƠNG THỨ NHẤT, LC 26–38		TRINH NỮ DIỄM PHÚC MA-RI-A, LU-CA 1
[2]*Điểm thứ nhất,* là thánh thiên thần Gabriel, khi chào Đức Mẹ, đã loan báo việc thụ thai Đức Ki-tô Chúa chúng ta.[3]*(Khi Thiên thần vào nơi Đức Mẹ đang ở, chào Mẹ và nói: Thiên Chúa cứu Bà, Bà đầy ân sủng, bà sẽ thụ thai trong lòng và sẽ sinh một con trai.)*	[2]*Điểm thứ nhất*. Thiên thần Gabriel, trong khi chào Đức Ma-ri-a, đã tiên báo cho Mẹ biết việc thụ thai của Đức Ki-tô: [3]*(Đang khi vào nhà Ngài, thiên thần nói với Ngài: Kính chào Bà, Đấng đầy ơn sủng, Chúa ở cùng Bà, Bà sẽ thụ thai nơi lòng Bà và Bà sẽ sinh hạ một người con trai).*	[2]*Điểm thứ nhất*. Làm thế nào thiên thần Gabriel, khi cúi chào Đức Trinh Nữ diễm phúc, đã loan báo cho Mẹ việc nhập thể của Ngôi Lời thần linh: [3]*(Khi vào nhà Mẹ, thiên thần nói: Kính chào Bà Ma-ri-a, Đấng đầy tràn ơn sủng, v.v. Này đây Bà sẽ thụ thai trong lòng Bà và Bà sẽ sinh một người con trai, v.v.)*
[4]*Điểm thứ hai:* thiên thần xác nhận điều mình đã nói với Đức Mẹ khi báo tin sự thụ thai của thánh Gio-an Tẩy Giả, thiên thần nói với Đức Mẹ. *(Và này Bà Ê-li-za-bét, người họ hàng của bà, đã thụ thai một con*	[4]*Thứ hai*: thiên thần xác nhận tất cả, khi tiên báo về việc thụ thai của Gio-an: *(Và này Ê-li-za-bét, người họ hàng của Bà, bà ấy cũng thế, đã thụ thai một người con trai trong tuổi già của bà.)*	[4]*Thứ hai*: thiên thần xác nhận điều mình đã báo trước, khi nêu ra trường hợp thụ thai diệu kỳ của thánh Gio-an Tẩy giả: (*Và này đây Ê-li-za-bét, người họ hàng của Bà, bà ấy cũng đã thụ thai một người con trai*

Chất liệu cho những cuộc chiêm niệm này được thánh I-nhã trích ra từ Tân Ước và phân chia thành 51 mầu nhiệm, nghĩa là từ số 262 đến số 312, và đặt ở sau Ba Cách Cầu Nguyện (238-260), nhưng ở trước các bộ Quy tắc khác nhau (313-370). 51 mầu nhiệm này không phải là tất cả những gì Tân Ước nói về cuộc đời Chúa Ki-tô, nhưng là những chọn lựa có khi liên quan đến những đề tài như tuần hai và tuần bốn, có khi liên quan đến diễn tiến thời gian như tuần ba. Những gợi ý này được hiểu như những hình thức mẫu cho người hướng dẫn được tự do chọn lựa và xếp đặt. Chính thánh I-nhã cũng không tuyệt đối tuân theo những gì ngài đề ra trong hệ thống này cách máy móc. Bởi lẽ trong khi hướng dẫn, có lúc ngài bỏ một số mầu Nhiệm. Thí dụ, về mầu nhiệm Thăm viếng (263) và rồi cũng có những mầu nhiệm được gợi ra nhưng không nằm trong Tân Ước: Thí dụ, việc Chúa từ biệt Đức Mẹ (273^{2}) trong Mầu Nhiệm Chúa chịu Phép Rửa, Mầu Nhiệm từ Mồ Thánh đến nhà Đức Mẹ (208^{8b}), Mầu nhiệm Chúa Phục sinh hiện ra cho Đức Mẹ (299) và cho ông Giu-se Arimathia (310). Ngài đặt tựa đề cho 51 Mầu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trai trong lúc tuổi già.)		*trong lúc tuổi già, v.v.*)
[5]*Điểm thứ ba,* Đức Mẹ trả lời cho thiên thần. *(Đây là nữ tỳ của Chúa, xin cho điều ấy được thực hiện nơi tôi theo như lời Ngài.)*	[5]*Thứ ba*. Đức Ma-ri-a đã trả lời: (*Này đây là nữ tỳ của Chúa, ước được thành sự cho tôi theo như lời Ngài.*)	[5]*Thứ ba*. Đức Trinh Nữ trả lời với thiên thần: (*Đây là nữ tỳ của Chúa, ước được thành sự cho tôi theo những lời Ngài.*)
263. [1]VỀ VIỆC ĐỨC MẸ ĐI THĂM BÀ Ê-LI-ZA-BÉT, THÁNH LU-CA NÓI Ở CHƯƠNG THỨ NHẤT, c. 39–56	**263.** [1]CUỘC THĂM VIẾNG, LU-CA 1	**263.** [1]ĐỨC MA-RI-A ĐI THĂM CHỊ HỌ MÌNH LÀ Ê-LI-ZA-BÉT, LU-CA 1.
[2]*Điểm thứ nhất,* khi Đức Mẹ viếng thăm bà Ê-li-za-bét, đang khi còn ở trong lòng mẹ mình, thánh Gio-an Tẩy Giả đã cảm thấy cuộc viếng thăm của Đức Mẹ.[3]*(Và vừa khi bà Ê-li-za-bét nghe thấy lời chào của Đức Mẹ, đứa trẻ nhảy mừng trong bụng bà;[4]và được đầy Thánh Thần, bà*	[2]*Thứ nhất*. Đức Ma-ri-a đi thăm bà Ê-li-za-bét, và Gio-an, trong bụng mẹ mình, đã nhận biết Mẹ: [3](*Ngay khi Elizbeth nghe lời chào của Mẹ Ma-ri-a, đứa trẻ hớn hở vui mừng trong lòng bà,[4]và được đầy tràn Thánh Thần, Ê-li-za-bét kêu lớn tiếng và nói: Em được chúc phúc giữa những*	[2]*Thứ nhất*. Làm sao Đức Ma-ri-a đã đi thăm bà Ê-li-za-bét, và thánh Gio-an, đang sống trong lòng bà, đã nhận biết lời chào của Đức Ma-ri-a và đã nhảy mừng: [3](*Ngay khi Ê-li-za-bét nghe lời chào của Đức Ma-ri-a, hài nhi đã hớn hở vui mừng trong lòng bà; [4]và Ê-li-za-bét được tràn đầy Thánh*

Nhiệm này là: "Những Mầu Nhiệm của cuộc đời Đức Ki-tô, Chúa chúng ta" (261[1]).

Ngay từ việc giải thích đầu tiên, thánh I-nhã đã cho thấy hầu hết những Mầu Nhiệm được chia làm ba điểm. Mục đích để Thao viên dễ suy gẫm hoặc chiêm niệm hơn. Những điểm thường kèm theo lời Tin Mừng hay Tân Ước vốn được đặt trong ngoặc đơn (261[2]). Về việc trích dẫn Kinh Thánh, chú giải của cha J.N. Aleti trong tác phẩm Écrits cho biết như sau: "Về tất cả những Mầu Nhiệm (262-312), những trích dẫn Kinh Thánh của P và V đến từ bản dịch bằng tiếng La tinh của thánh Giê-rô-ni-mô. Còn về những trích dẫn của bản A, cha De Dalmases (Mon. Ex., trg. 55) nghĩ rằng chúng được thánh I-nhã dịch từ bản La tinh sang tiếng Tây Ban Nha, nhờ đọc tác phẩm được xuất bản do Montesino năm 1512, Evangelios y Epistolas para todo el año" (*Ignace de Loyola, Écrits, được dịch và trình bày dưới sự điều khiển của M. Giuliani, Desclée de Brouwer, C. Christus 76, 1991, tr 191).*

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Ê-li-za-bét kêu lớn tiếng nói: Em được chúc phúc giữa những người phụ nữ, và hoa quả lòng em được chúc phúc).	*người phụ nữ và hoa quả của lòng em được chúc phúc*).	*Thần, và bà cất cao giọng khi nói: Em được chúc phúc giữa những người phụ nữ và hoa quả của lòng em được chúc phúc*).
[5]*Điểm thứ hai,* Đức Mẹ hát bài thánh thi rằng: *(Linh hồn tôi chúc tụng Thiên Chúa.)*	[5]*Thứ hai*. Đức Ma-ri-a hát bài thánh thi: (*Linh hồn tôi ngợi khen Chúa.*)	[5]*Thứ hai*. Đức Trinh Nữ bùng lên niềm vui sướng bằng thánh thi này: (*Linh hồn tôi ngợi khen Chúa, v.v.*)
[6]*Điểm thứ ba. (Đức Ma-ri-a ở lại với bà Ê-li-za-bét khoảng ba tháng, và sau đó trở về nhà mình).*	[6]*Thứ ba*. Đức Ma-ri-a (*ở lại với bà khoảng ba tháng, và Bà trở về nhà mình*).	[6]*Thứ ba*. (*Đức Ma-ri-a ở lại với bà khoảng ba tháng, và Bà trở về nhà mình*).
264. [1]VỀ VIỆC SINH RA CỦA ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA, THÁNH LU-CA NÓI Ở CHƯƠNG THỨ HAI, 1–14	**264.** [1]VIỆC GIÁNG SINH CỦA ĐỨC KI-TÔ, LU-CA 2	**264.** [1]CUỘC GIÁNG SINH CỦA ĐỨC KI-TÔ, LU-CA 2
	[2]*Thứ nhất*. Đức Ma-ri-a	[2]*Thứ nhất*. Đức Ma-ri-a

2. Khung cảnh của Linh Thao

Như chúng ta đã tìm hiểu, cho dù thánh I-nhã không xác định tuần ba và tuần bốn thuộc về giai đoạn nào của đời sống thiêng liêng, nhưng những dữ kiện chúng ta đã đưa ra cho phép kết luận rằng toàn bộ những cuộc thao luyện trong Linh Thao không vượt quá "đời sống soi sáng". Bởi lẽ Linh Thao chỉ hứa cho người ta đạt tới cấp độ của sự an ủi có nguyên do trước với danh nghĩa là "linh hồn sốt mến" (332[1]) vốn được nói đến ngay trong những chú dẫn khi giới thiệu Linh Thao cho chúng ta (15[3]). Và chỉ những người này mới có thể thực hiện việc chọn lựa ở thì thứ nhất, tức thì của lòng mến, nếu Thiên Chúa muốn, khi có một sự chắc chắn không nghi ngờ và không thể nghi ngờ (175[2]).

Người sốt mến đã đạt đến tình yêu nên một với Đức Ki-tô khi họ "muốn và chọn... sự sỉ nhục với Chúa Ki-tô chịu sỉ nhục hơn là danh vọng, và ao ước được coi là ngu dại và điên rồ vì Chúa Ki-tô, Đấng đầu tiên đã bị coi như thế, hơn là được coi như người thông thái và khôn ngoan ở thế gian này" (167[3]). Từ đây thao viên chọn một bậc sống mà theo ngôn ngữ ngày nay là một ơn gọi để cho việc cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống được cụ thể hoá (189) cho đến khi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]*Điểm thứ nhất*. Đức Bà và chồng là Giu-se đi từ Na-za-rét đến Bê-lem. *(Giu-se từ Ga-li-lê lên Bê-lem để tuân phục Cêsar, cùng với Đức Ma-ri-a là vợ mình và là người đàn bà đang mang thai.)*	và Giu-se chồng Bà rời khỏi Na-za-rét đến Bê-lem: (*Giu-se từ Ga-li-lê lên Bê-lem để kê khai dân số với Đức Ma-ri-a, người đã hứa hôn với ông, người vợ của ông đang mang thai.*)	diễm phúc và Giu-se chồng bà rời Na-za-rét để lên Bê-lem: (*Giu-se từ Ga-li-lê lên Bê-lem, để kê khai dân số với Ma-ri-a vợ mình đã có thai.*)
[3]*Điểm thứ hai*. *(Bà đã sinh Con Trai đầu lòng và lấy tã bọc con và đặt trong một máng cỏ.)*	[3]*Thứ hai*. (*Bà sinh con trai đầu lòng và bọc con bằng tã và đặt vào trong một máng cỏ.*)	[3]*Thứ hai*. (*Bà đã sinh con trai đầu lòng của mình và bọc Ngài bằng tã và đặt Ngài nằm trong một máng cỏ.*)
[4]*Điểm thứ ba*. *(Vô số đạo binh thiên quốc xuất hiện, nói: Vinh quang cho Thiên Chúa trên các tầng trời.)*	[4]*Thứ ba*. (*Một đoàn binh đông đảo của đạo binh thiên quốc xuất hiện và nói: Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời.*)	[4]*Thứ ba*. Vào lúc này, (*Một đoàn binh đông đảo của đạo binh thiên quốc xuất hiện, ca ngợi Thiên Chúa và nói: Vinh danh trên chốn cao thẳm.*)

Chúa đến chiếm hữu vào lòng yêu mến Ngài cách trọn vẹn nếu Ngài ban cho. Lúc đó, họ mới là người thuần thiêng (336[2]) của sự an ủi không có nguyên do trước (330[1]), nghĩa là người thuộc đời sống thần hiệp (vita unitiva).

Điểm khởi của hành trình này bắt đầu từ bài "Lời gọi của Vua Hằng Sống" (91-98) vốn được coi là nguyên lý mới ở đó Đức Ki-tô là mẫu mực. Chính nhờ Ngài mà thao viên được thao luyện với nội dung chính yếu sau: "Theo Ta trong đau khổ thì sẽ ở với Ta trong vinh quang" (95[5]). Tuần hai và ba khai triển vế thứ nhất, còn tuần bốn đào sâu vế thứ hai của Nguyên Lý mới này.

II. TUẦN THỨ HAI: ĐỜI SỐNG SOI SÁNG

Từ tuần thứ hai trở đi việc sắp đặt chất liệu ngược với Tuần Một: những bài chiêm niệm mặc khải đặt trước thao luyện thực hành cá nhân và được bao hàm bởi hai bài chiêm niệm cá nhân: Lời Gọi Vua Hằng Sống và Chiêm niệm để được Tình Yêu. Ngoài ra, trong Tuần hai, ta còn thấy có sự đan kết những bài chiêm niệm với những bài cầu nguyện cá nhân khác: hai bài suy gẫm Hai Cờ Hiệu (136-148) và Ba Mẫu Người (149-156) thuộc ngày trung chuyển- hai bài

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
265. [1]VỀ CÁC MỤC ĐỒNG, THÁNH LU-CA VIẾT Ở CHƯƠNG THỨ HAI, 8 – 20	**265.** [1]NHỮNG MỤC ĐỒNG, LU-CA 2	**265.** [1]NHỮNG MỤC ĐỒNG, LU-CA 2
[2]*Điểm thứ nhất*. Việc Đức Ki-tô Chúa chúng ta sinh ra, được thiên thần mặc khải cho các mục đồng. *(Ta báo cho anh em một tin vui trọng đại, bởi vì hôm nay Đấng Cứu Thế được sinh ra cho anh em).*	[2]*Thứ nhất*. Việc Giáng Sinh được thiên thần loan báo cho các mục đồng: (*Tôi loan báo cho anh em một tin vui trọng đại, vì một Đấng Cứu Thế được sinh ra cho anh em*).	[2]*Thứ nhất*: Việc giáng sinh của Đức Ki-tô được mặc khải cho các mục đồng bởi thiên thần: (*Tôi loan báo cho anh em một tin vui trọng đại, vì hôm nay Đấng Cứu Thế được sinh ra cho anh em, v.v.*).
[3]*Điểm thứ hai*. Các mục đồng đi Bethlem. *(Họ vội vã tới nơi và gặp thấy Đức Ma-ri-a và Giu-se và Hài Nhi đặt trong máng cỏ.)*	[3]*Thứ hai*. Những mục đồng rời đi Bethlem: (*Họ vội vã ra đi, và họ thấy Đức Ma-ri-a và Giu-se, và Hài Nhi đặt nằm trong máng cỏ.*)	[3]*Thứ hai*. Những mục đồng chạy mau tới Bethlem: (*Họ hớt hả đi đến, và họ tìm thấy Đức Ma-ri-a và Giu-se, và Hài nhi được đặt trong máng cỏ.*)
[4]*Điểm thứ ba*. *(Các mục đồng trở về, tôn vinh và ca tụng Chúa.)*	[4]*Thứ ba*. (*Những mục đồng trở về, tôn vinh và ca ngợi Thiên Chúa.*)	[4]*Thứ ba*. (*Những mục đồng trở về, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa.*)
266. [1]VỀ VIỆC CẮT BÌ, THÁNH LU-CA VIẾT Ở CHƯƠNG THỨ HAI, 21	**266.** [1]VIỆC CẮT BÌ, LU-CA 2	**266.** [1]VIỆC CẮT BÌ, CÙNG MỘT CHƯƠNG

suy xét phi lộ để suy xét bậc sống (135) và Ba Cách khiêm nhường (165-168).

Thiết tưởng để có thể nhận biết cách thức vận dụng chất liệu thao luyện của mặc khải, chúng ta xét đến sự vận hành của tuần hai mà thánh I-nhã muốn nhắm đến.

1. Vận hành tuần Linh Thao thứ hai

Nghiên cứu và tìm ra cách thức sắp xếp cho việc vận hành của Linh Thao, chúng ta sẽ hiểu được ý hướng đào luyện của thánh I-nhã. Quả vậy ý hướng cho sự vận hành ấy đã được ngài bộc lộ ngay trong kinh nghiệm bản thân của mình trong bài "Lời gọi Vua Hằng Sống".

Chúng ta đã biết ý định của bài thao luyện này được tóm kết ở câu nói của Chúa Ki-tô: "Bởi vậy, ai muốn đến với Ta, phải lao nhọc cùng Ta, để khi đã theo Ta

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]*Điểm thứ nhất*. Người ta cắt bì Hài Nhi Giê-su.	[2]*Thứ nhất*. Hài Nhi được cắt bì.	[2]*Thứ nhất*. Hài nhi được cắt bì.
[3]*Điểm thứ hai*. *(Tên Ngài là Giê-su, tên đã được thiên thần đặt cho trước khi Ngài thụ thai trong lòng.)*	[3]*Thứ hai*. (*Người ta đặt tên cho Ngài là Giê-su, tên đã được thiên thần đặt cho trước khi Ngài được thụ thai trong lòng.*)	[3]*Thứ hai*. (*Ngài được đặt tên cho là Giê-su, tên vốn đã được thiên thần đặt cho trước khi Ngài được thụ thai trong lòng.*)
[4]*Điểm thứ ba*. Người ta trao Hài Nhi cho Mẹ Ngài, Mẹ Ngài cảm thương vì máu chảy ra từ nơi Con mình.	[4]*Thứ ba*. Hài Nhi được đưa lại cho Mẹ ngài, kẻ đớn đau vì sự tuôn trào máu Ngài ra.	[4]*Thứ ba*. Hài Nhi được đem đến cho Mẹ Ngài, đấng đã cảm thương với Ngài khi thấy máu chảy ra.
267. [1]VỀ BA VỊ ĐẠO SĨ, THÁNH MÁT-THÊU VIẾT Ở CHƯƠNG 2, 1 – 12	267. [1]NHỮNG VỊ VUA ĐẠO SĨ, MÁT-THÊU 2	**267.** [1]BA VỊ ĐẠO SĨ, MÁT-THÊU 2

---

trong đau khổ, cũng sẽ được theo Ta trong vinh quang" (95[5]). Nói cách khác, nội dung là: "Theo Ta trong đau khổ sẽ ở với Ta trong vinh quang".

Lời mời gọi này đưa người ta đến hai cấp độ của việc đáp lại:

- Cấp độ tự nhiên: mọi người có lương tri đều dâng trót mình chịu lao nhọc (96).
- Cấp dộ siêu nhiên: những kẻ muốn yêu mến hơn và trổi vượt hơn trong việc phụng sự Vua Hằng Sống, họ không chỉ hiến thân chịu lao nhọc mà còn hành động chống lại tình cảm tự nhiên và tình yêu có tính xác thịt và thế gian của mình (97). Họ dâng lên Chúa kinh dâng mình đi theo Chúa như là một ơn xin cho mình (98).

Hai cấp độ này là hai cấp độ đi theo Chúa: cấp độ thứ nhất là những người đi theo Chúa ở bình diện giới luật mà đỉnh cao là sự bình tâm của mẫu người thứ ba trong bài Ba Mẫu Người (149-156) và cấp độ thứ hai là cấp độ của những người theo Chúa ở bình diện tình yêu hoặc lời khuyên mà đỉnh cao là hạng người ở cách khiêm nhường thứ ba trong bài Ba Cách khiêm nhường (165-167).

Chúng ta có thể phác hoạ sự vận hành của tuần hai này dưới dạng lược đồ sau :

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]*Điểm thứ nhất*. Ba vị đạo sĩ theo ngôi sao dẫn đường, đã đến thờ lạy Chúa Giê-su và nói. *(Chúng tôi xem thấy ngôi sao của Ngài ở Phương Đông, và chúng tôi đến thờ lạy Ngài.)*	[2]*Thứ nhất*. Những đạo sĩ, dưới sự dẫn dắt của ngôi sao, đã đến thờ lạy Đức Giê-su, rồi nói: (*Thật vậy, chúng tôi đã xem thấy ngôi sao của Ngài ở Phương Đông và chúng tôi đến thờ lạy Ngài*).	[2]*Thứ nhất*. Ba vị đạo sĩ đã đến thờ lạy Hài Nhi Giê-su, là những kẻ được dẫn dắt bởi ngôi sao, đang chứng nhận: (*Chúng tôi đã xem thấy ngôi sao của Ngài ở Phương Đông và chúng tôi đã đến thờ lạy Ngài.*)
[3]*Điểm thứ hai*. Các ông thờ lạy Ngài và dâng cho Ngài lễ vật. *(Sấp mình xuống đất, các ông thờ lạy Ngài và dâng cho Ngài lễ vật: vàng, nhũ hương và mộc dược.)*	[3]*Thứ hai*. Họ thờ lạy Ngài và dâng những lễ vật: (*Trong khi sấp mình xuống đất, họ thờ lạy Ngài và dâng lên ngài vàng, nhũ hương và mộc dược làm lễ vật.*)	[3]*Thứ hai*. (*Trong khi sấp mình, họ thờ lạy Ngài và dâng lên Ngài vàng, nhũ hương và mộc dược làm lễ vật.*)

LỜI GỌI VUA HẰNG SỐNG

HAI CỜ HIỆU

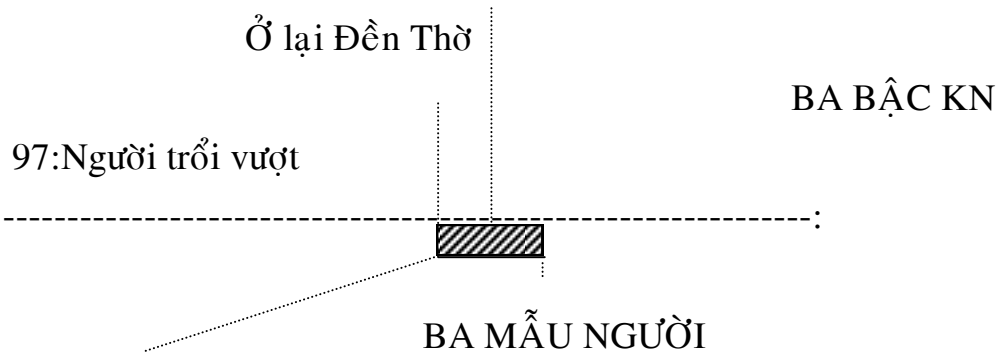

Theo lược đồ này, vận chuyển của tuần hai chia làm hai phần tương ứng với hai việc theo Chúa: cấp độ lề luật từ kinh nghiệm I-nhã ở Lời bài Gọi Vua Hằng Sống đến Ba Mẫu Người vốn bao gồm các Mầu Nhiệm từ Nhập Thể đến Mầu Nhiệm Ẩn Dật (262-271) và đạt đến đỉnh cao ở Mẫu người thứ ba (155)– cấp độ tình yêu hay lời khuyên cũng từ kinh nghiệm I-nhã ở bài Lời Gọi Vua Hằng Sống vươn đến Cách khiêm nhường thứ ba (167), và rõ ràng tách khỏi bậc kia từ Mầu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[4]*Điểm thứ ba. (Đang khi ngủ, họ nhận được lời dặn đừng trở lại gặp Hê-rô-đê; và các ông trở về xứ sở mình bằng con đường khác.)*	[4]*Thứ ba. (khi nhận được lời báo trong giấc ngủ đừng trở về nơi Hê-rô-đê, chính bằng con đường khác mà họ trở về quê hương mình.)*	[4]*Thứ ba. (Trong khi nhận được lời báo trong giấc ngủ dừng trở về với Hê-rô-đê, chính qua con đường khác mà họ trở về quê hương mình.)*
268. [1]VỀ VIỆC THANH TẨY ĐỨC MẸ VÀ VIỆC DÂNG HÀI NHI GIÊ-SU, TH. LU-CA VIẾT, CHƯƠNG 2, 21 – 38	**268.** [1]VIỆC THANH TẨY ĐỨC MA-RI-A VÀ VIỆC DÂNG HÀI NHI, LU-CA 2	**268.** [1]VIỆC THANH TẨY ĐỨC TRINH NỮ DIỄM PHÚC VÀ VIỆC TIẾN DÂNG HÀI NHI GIÊ-SU, LU-CA 2
[2]*Điểm thứ nhất*. Các ngài đưa Hài Nhi Giê-su đến Đền Thờ để Hài Nhi được dâng cho Chúa như đứa con đầu lòng, và các ngài dâng thay cho Hài	[2]*Thứ nhất*: Hài Nhi Giê-su được đưa đến Đền Thờ để được dâng lên cho Chúa như đứa con đầu lòng, và họ dâng	[2]*Thứ nhất*. Các ngài đem Hài Nhi đến Đền Thờ để dâng Ngài lên cho Thiên Chúa như con đầu lòng, bằng việc dâng cho Người lễ vật theo tục

Nhiệm Chúa Ở Lại Đền Thờ cho đến ngày Lễ Lá (272-287). Bài Hai Cờ Hiệu ở tâm điểm nói lên vai trò và tầm quan trọng của việc nhận định thần loại nơi hai cấp độ theo Chúa ấy. Chúng ta bàn đến từng cấp độ theo Chúa ở đây.

2. Theo Chúa ở giai đoạn thơ ấu

a/ Các Mầu Nhiệm được vận dụng

Cứ theo sự chỉ dẫn của thánh I-nhã thì tuần thứ hai kéo dài từ Mầu Nhiệm Nhập Thể (262) đến hết ngày Lễ Lá (287) vốn đã được xác định ngay ở chú dẫn (4^2). Thế nhưng trong thực tế, Mầu nhiệm Chúa Rao Giảng Trong Đền Thờ, dù sau biến cố Lễ Lá (288) vẫn thuộc về tuần hai. Bởi lẽ thánh I-nhã đặt biến cố này vào ngày thao luyện thứ mười của tuần hai trước khi đưa ra việc chọn lựa (161^5). Vậy lẽ ra tuần hai gồm 26 mầu nhiệm được vận dụng cho các cuộc thao luyện, nhưng thực tế có 27 mầu nhiệm. Sự chênh lệch này có thể lý giải được vì sự chuyển dời từ tuần này sang tuần khác có những Mầu Nhiệm đóng vai trò trung gian có thể được vận dụng cho tuần này hay tuần kia.

Trong giai đoạn đầu của tuần hai, theo nguyên tắc sẽ có mười một mầu nhiệm về cuộc đời Chúa Giê-su có thể được vận dụng cho việc thao luyện, nghĩa là từ Mầu Nhiệm Nhập Thể (262) cho đến Mầu Nhiệm Chúa ở lại trong Đền Thờ (272).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Nhi *(một đôi chim gáy hoặc hai con chim bồ câu non).*	thay cho Ngài (*một đôi chim gáy hay hai con chim bồ câu non.*)	lệ: (*Một đôi chim gáy hay hai con chim bồ câu non*).
[3]*Điểm thứ hai*. Ông Si-mê-on đến Đền Thờ, *(ẵm lấy Hài Nhi trong lòng)*, ông nói: *(Bây giờ, lạy Chúa, xin để cho tôi tớ Chúa ra đi trong bình an).*	[3]*Thứ hai*. Ông Si-mê-on, lên Đền Thờ, (*ẵm lấy Ngài trong tay và nói: Bây giờ, lạy Chúa, Chúa có thể để cho tôi tớ Ngài ra đi.*)	[3]*Thứ hai*. Ông Si-mê-on, trong khi vào Đền thờ cùng giờ đó, (*Ông ẵm Hài Nhi trong tay, chúc tụng Thiên Chúa*) và nói: (*Bây giờ, lạy Chúa, Ngài có thể để cho tôi tớ Ngài được ra đi, v.v.*)
[4]*Điểm thứ ba*. Rồi bà An-na *(đến, tuyên xưng Chúa và nói về Hài Nhi cho mọi người đang mong đợi ơn cứu chuộc Israel).*	[4]*Thứ ba*. (*bà An-na bất chợt đến tuyên xưng Chúa và nói về Ngài cho mọi người đang trông chờ ơn cứu chuộc Israel*).	[4]*Thứ ba*. (*Bà An-na xuất hiện đã tuyên xưng Chúa và nói về Ngài cho mọi người đang trông chờ ơn cứu chuộc Israel*)

Trong thực tế, chúng ta lưu ý đến hai yếu tố chính:

- Trước hết, theo chỉ dẫn, giai đoạn này chỉ kéo dài ba ngày thay vì bốn ngày như các bản văn đã tính sai (x.133[1]). Và cho dù theo chương trình mẫu ngày thứ nhất: hai cuộc thao luyện vào nửa đêm và ban sáng, hai cuộc phục niệm vào giờ thánh lễ và giờ kinh chiều và một lần áp dụng ngũ quan (128; 162) - hay theo chương trình thích nghi cho am hợp với những ngày này: hai cuộc thao luyện vào rạng đông và vào giờ lễ, một cuộc phục niệm vào giờ kinh chiều và một lần áp dụng ngũ quan trước bữa ăn tối (133) thì số mầu nhiệm cho việc thao luyện chỉ chiếm 6/11, nghĩa là người ta chiêm niệm những mầu nhiệm Nhập Thể (262) và Giáng Sinh (264) trong ngày thứ nhất, mầu nhiệm Dâng Chúa vào Đền Thờ (268) và Trốn Sang Ai-cập (269) vào ngày thứ hai và mầu nhiệm Vâng Lời Cha Mẹ (278) và Ở lại Đền Thờ (272) vào ngày thứ ba. Các mầu nhiệm Đi Viếng (263), Các Mục Đồng (265), Việc Cắt Bì (266), Ba Vua (267), Trở Về Từ Ai-cập (270) đều không được vận dụng.
- Thứ đến, có một yếu tố rất quan trọng nói lên chủ đích của thánh I-nhã: Ngài đảo lộn tiến trình của hai mầu nhiệm cuối cùng. Lẽ ra theo Tin Mừng, mầu nhiệm Ở Lại Trong Đền Thờ (Lc 2,41-50) phải được đặt trước mầu nhiệm về Đời Sống Ẩn Dật (Lc 2,51-52). Nhưng Ngài đã đảo lộn trật tự. Làm như thế, ngài chủ trương xác định cách minh nhiên ý hướng thao luyện ở bình diện tình yêu nơi việc ở lại Đền Thờ (134) trước khi việc thao luyện ở bình diện lề luật đạt đến đỉnh cao của nó nơi bài Ba Mẫu Người (149-157).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
269. [1]VỀ VIỆC TRỐN SANG AI-CẬP, TH. MÁT-THÊU VIẾT Ở CHƯƠNG 2, 13 – 18	**269.** [1]TRỐN SANG AI-CẬP, MÁT-THÊU 2	**269.** [1]VIỆC CHẠY TRỐN SANG AI-CẬP, MÁT-THÊU 2
[2]*Điểm thứ nhất*. Hê-rô-đê muốn giết Hài Nhi Giê-su, và vì thế ông đã giết các hài nhi vô tội; và trước cái chết của các ngài, thiên thần báo cho Giu-se trốn sang Ai-cập: *(Hãy chỗi dậy và đưa Hài Nhi và Mẹ Ngài và hãy trốn sang Ai-cập).*	[2]*Thứ nhất*. Hê-rô-đê muốn tiêu diệt Đức Giê-su. Vì thế ông đã cho giết các hài nhi vô tội; và thiên thần báo cho Giu-se trốn sang Ai-cập: (*hãy chỗi dậy, và đem Hài nhi và mẹ Ngài và trốn sang Ai-cập.*)	[2]*Thứ nhất*. Hê-rô-đê, trong khi muốn tiêu diệt Hài Nhi nhỏ bé Giê-su, đã cho giết những hài nhi vô tội, Giu-se được tin báo trốn sang Ai-cập nhờ thiên thần: (*Hãy chỗi dậy, và đem Hài Nhi cùng với bà Ma-ri-a, mẹ Ngài, và trốn sang Ai-cập, v.v.*)
[3]*Điểm thứ hai*. Ông trẩy đi Ai-cập: *(Chỗi dậy vào ban đêm, ông trẩy đi Ai-cập.)*	[3]*Thứ hai*. Ông đã khởi hành sang Ai-cập: (*Ông thức dậy vào ban đêm, ra đi đến Ai-cập.*)	[3]*Thứ hai*. Giu-se lên đường cách vội vã sang Ai-cập: (*Còn ông, khi thức dậy ngay trong đêm, đã rút lui sang Ai-cập.*)

b/ Ý hướng thần học

Các mầu nhiệm thời thơ ấu từ Nhập Thể đến Việc Ở Lại trong Đền Thờ đều phản chiếu ý hướng đào luyện của Linh Thao qua lăng kính lời gọi của Đức Ki-tô: "Theo Ta trong đau khổ" (95[5]). Lời gọi này trước hết được tỏ bày nơi chính Đức Ki-tô là gương mẫu. Còn những nhân vật khác trong Tin Mừng đã đi theo Chúa hay chính chủ thể hiện đang bước vào đều là những người muốn đáp lại lời mời gọi ấy.

- Về Đức Giê-su: Có hai chiều kích cần bàn đến trong thời thơ ấu.

Trước hết là chiều kích tình yêu thuộc đời sống soi sáng: qui theo các tác giả Tin Mừng, thánh I-nhã đã đọc và giải thích cuộc đời thơ ấu của Chúa Giê-su dưới ánh sáng cuộc khổ nạn và phục sinh. Thế nên, hành trình cứu độ mà Thiên Chúa thực hiện từ mầu nhiệm Nhập Thể đến tận sự chết trên thập giá là một hành trình lao khổ. Tất cả hành trình này có thể tóm kết trong từ ngữ "Kenosis", huỷ mình ra không của thánh Phao-lô (Pl 2,6-8).

Hành trình lao khổ này là hành trình của tình yêu, một tình yêu nhưng không của Thiên Chúa dành cho loài người, một tình yêu đạt đến sự hiệp thông trọn vẹn của cái "là" đến nỗi thánh Phao-lô đã xác tín mạnh mẽ trước tín hữu của ngài:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[4]*Điểm thứ ba*. Ông ở lại đó cho tới khi vua Hê-rô-đê băng hà.	[4]*Thứ ba*. (*Và ông đã ở lại đó cho đến khi Hê-rô-đê chết.*)	[4]*Thứ ba*. (*Và ông ở lại đó cho đến khi Hê-rô-đê chết.*)
270. [1]VỀ VIỆC ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA TỪ AI-CẬP TRỞ VỀ NHƯ THẾ NÀO, TH. MÁT-THÊU VIẾT Ở CHƯƠNG 2,19–23	**270.** [1]TRỞ VỀ TỪ AI-CẬP, MÁT-THÊU 2	**270.** [1]CUỘC TRỞ VỀ TỪ AI-CẬP, MÁT-THÊU 2
[2]*Điểm thứ nhất*. Thiên thần báo cho Giu-se trở về Israel: *(Hãy chỗi dậy và hãy đưa Hài Nhi và Mẹ Ngài và hãy đi về đất Israel).*	[2]*Thứ nhất*. Giu-se được thiên thần báo trở về đất Israel: (*hãy chỗi dậy, và đem Hài Nhi và Mẹ Ngài, và đi về đất Israel.*)	[2]*Thứ nhất*. Giu-se được báo tin trở về lại đất Israel nhờ thiên thần: (*Hãy chỗi dậy, đem Hài Nhi và Mẹ Ngài và đi về đất Israel.*)
[3]*Điểm thứ hai*. Chỗi dậy, ông về đất Israel.	[3]*Thứ hai*. Chỗi dậy, ông trở về đất Israel.	[3]*Thứ hai*. (*Thức dậy, ông đi về đất Israel.*)
[4]*Điểm thứ ba*. Vì lẽ Archêlaô, con Hêrôđê,	[4]*Thứ ba*. Vì lẽ Archêlaô, con của Hê-rô-	[4]T*hứ ba*. Vì lẽ Archêlaô, con trai Hê-rô-

"Quả thật, anh em biết Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, đã có lòng quảng đại như thế nào: Người vốn giàu sang phú quí, nhưng đã tự trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có" (2Cr 8,9).

Chính trong viễn tượng tự hiến đó mà "ngay từ thuở đời đời, trước tình trạng con người sa ngã và đang sa xuống hoả ngục, Ba Ngôi đã quyết định rằng Ngôi Hai sẽ làm người để cứu chuộc nhân loại" (102[2]), và rồi cái chết của Chúa trên thập tự được chính thánh I-nhã đề cập ngay trong mầu nhiệm Giáng Sinh, khi ngài đề nghị thao viên "nhìn ngắm và xem xét việc các ngài làm, như đi đường xa xôi, chịu vất vả để Chúa sinh ra trong cảnh khó nghèo tột cùng, và sau bao nhiêu lao khổ của sự đói, khát, nóng bức, giá lạnh, của bất công và nhục nhã, Chúa chịu chết trên thập giá, và tất cả những sự ấy vì tôi" (116[1-2]).

Như vậy Đức Giê-su thực là Đấng Cứu Thế, vì chính tên Ngài là tên đã được thiên thần báo trước khi Ngài được thụ thai trong lòng Mẹ (266[2]). Ngài là hiện thân cho tình yêu của Thiên Chúa Cha để những ai tin vào Ngài sẽ được cứu độ (Ga 3,16). Sự trao ban được trả bằng chính giá máu của sự chết mà ngay khi được cắt bì, máu đổ ra đã loan báo trước sự đổ máu có tính cứu chuộc sau này (266[4]).

Đây là hành trình hoàn toàn đi ngược với thế gian, nên tự nó kẻ đi trong hành trình này sẽ bị thế gian chống đối. Bài gẫm về Hai Cờ Hiệu cho thấy rõ sự đối

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
đang trị vì xứ Giu-đa, nên ông lui về Na-za-rét.	đê, cai trị miền Giu-đa, ông lui về Na-za-rét.	đê cai trị vùng đất Giu-đa, nên ông rút lui về Na-za-rét.
271. [1]VỀ CUỘC ĐỜI ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA TỪ MƯỜI HAI ĐẾN BA MƯƠI TUỔI, TH. LU-CA VIẾT Ở CHƯƠNG 2, 50–52	271. [1]ĐỜI SỐNG CỦA ĐỨC KI-TÔ TỪ MƯỜI HAI ĐẾN BA MƯƠI TUỔI, LU-CA 2	**271.** [1]CUỘC ĐỜI CỦA CHÚA TỪ NĂM MƯỜI HAI ĐẾN NĂM BA MƯƠI TUỔI, LU-CA 2
[2]*Điểm thứ nhất*.Ngài vâng lời cha mẹ (*Ngài tiến tới trong khôn ngoan, cả về tuổi tác lẫn ân sủng.*)	[2]*Thứ nhất*. Ngài đã phục tùng cha mẹ mình.	[2]*Thứ nhất*. Ngài đã tuân phục và vâng lời cha mẹ mình như thế nào.
[3]*Điểm thứ hai*. ***Hình như*** Ngài làm nghề thợ mộc, như có vẻ thánh Máccô [~~nói~~] *ghi nhận*	[3]*Thứ hai*. (*Ngài tiến tới trong khôn ngoan, cả về tuổi tác lẫn ơn sủng.*) [4]*Thứ ba*. Ngài làm	[3]*Thứ hai*. (*Ngài tiến tới trong khôn ngoan, cả về tuổi tác lẫn ơn sủng*) [4]*Thứ ba*. ***Dường như***

kháng và cách hành xử ngược dòng của Ngài đối với thế gian (136-147). Cái chết là hệ quả tất yếu của lối sống lội ngược dòng này. Ý định Hê-rô-đê muốn tiêu diệt Hài Nhi Giê-su, tự nó biểu lộ sự đối kháng ngay từ đầu mà các Hài Nhi vô tội được diễm phúc liên luỵ đến (269[2]).

Đó là hành trình tình yêu vốn phản chiếu chính tình yêu Thiên Chúa và diễn tả chính ý muốn cứu độ của Thiên Chúa dành cho loài người. Vì thế trong biến cố ở lại trong Đền Thờ, Chúa Giê-su đã không ngần ngại trả lời với thánh Giu-se và Đức Mẹ: "Cha Mẹ lại không biết là con phải lo những việc của Cha con đó sao?" (272[5]).

Thứ đến, về chiều kích nhân bản thuộc đời sống soi sáng. Không phải ngẫu nhiên mà thánh I-nhã đã chỉnh sửa tiền nguyện thứ nhất về lịch sử trong mầu nhiệm Nhập Thể. Ngài không chỉ cho thấy việc Nhập Thể là một quyết định từ thuở đời đời của Ba Ngôi mà hơn nữa, ngài còn thêm cụm từ: "và như thế khi thời gian đã đến thời viên mãn, các Ngài sai thiên thần Gabriel..." (102[3]). Tự nó, cụm từ cho chúng ta liên tưởng đến lời thánh Phao-lô: "Nhưng khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa đã sai Con Mình tới, sinh làm con một người đàn bà, và sống dưới lề luật để chuộc những ai sống dưới lề luật, ngõ hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa tử" (Gl 4,4-5).

Không chỉ đem ơn cứu độ cho những kẻ sống dưới chế độ lề luật, Chúa Giê-su

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
như thế ở chương thứ sáu *(Người này lại chẳng là gã thợ mộc đó sao?)*	nghề thợ mộc, ***dường như*** thế, Mác-cô chương sáu: (*Người này lại chẳng phải là gã thợ mộc ư?*)	Ngài làm nghề thợ mộc, vì Mác-cô nói ở chương 6:(*Người này lại chẳng phải là gã thợ mộc ư?*)
272. [1]VỀ VIỆC ĐỨC KI-TÔ CHÚA VÀO ĐỀN THỜ KHI LÊN 12 TUỔI, TH. LU-CA VIẾT Ở CHƯƠNG 2, 41–50	**272.** [1]VIỆC ĐỨC GIÊ-SU LÊN ĐỀN THỜ KHI NGÀI LÊN MƯỜI HAI TUỔI, LU-CA 2	**272.** [1]VIỆC LÊN ĐỀN THỜ NĂM MƯỜI HAI TUỔI, LU-CA 2
[2]*Điểm thứ nhất*. Đức Ki-tô Chúa chúng ta, khi lên 12 tuổi, đã từ Na-za-rét lên Giê-ru-sa-lem.	[2]*Thứ nhất*. Ngài từ Na-za-rét lên Giê-ru-sa-lem khi Ngài lên mười hai tuổi.	[2]*Thứ nhất*. Năm mười hai tuổi, Đức Giê-su khởi hành từ Na-za-rét lên Jerusalem.

còn nêu gương mẫu về việc hoàn thiện theo lề luật. Mầu nhiệm Chịu Cắt Bì cho thấy Đấng vượt trên lề luật và ban lề luật đã tự nguyện vâng phục lề luật để tỏ cho thấy rằng lề luật cho người ta được phép đạt đến sự hoàn thiện tự nhiên của phẩm giá làm người. Tất cả đời sống ẩn dật của Chúa ở Na-za-rét chứng minh điều này. Bởi lẽ ở Na-za-rét, Ngài vâng phục cha mẹ: "Ngài tiến tới trong sự khôn ngoan, tuổi tác và ơn sủng" (271^2). Chính ở đây thánh I-nhã cho thấy Đức Giê-su Chúa chúng ta đã nêu gương cho chúng ta về bậc sống thứ nhất, tức là giữ các giới luật khi Ngài sống trong sự vâng lời cha mẹ mình (135^2).

Không chỉ vâng phục cha mẹ, Đức Giê-su còn vâng phục cả những người cầm quyền. Thật táo bạo cho thánh I-nhã khi trích dẫn Kinh Thánh đã dám thêm chi tiết này vào bản A mà nói: "Giu-se từ Ga-li-lê lên Giê-ru-sa-lem đã tuân phục Cêsar, cùng với Đức Ma-ri-a là vợ mình và là người đàn bà đang mang thai" (264^2). Thực ra, tâm tình này đã được diễn tả trong tác phẩm của Ludolphe vốn nói về Đức Mẹ và cho rằng: "Đức Trinh Nữ Diễm Phúc Ma-ri-a, cho dù đã thụ thai Vua cả trời đất, nhưng đã muốn vâng lời mệnh lệnh đế vương như chồng mình là Giu-se" (Vit. I, 9, 2). Dù táo bạo, nhưng cả thánh I-nhã lẫn Ludolphe đều minh định rằng quyền bính nhân loại hợp pháp vẫn luôn giúp người ta đạt đến sự thiện hảo.

Tóm lại, chính qua Lời Gọi Vua Hằng Sống mà thao viên muốn đi theo Chúa trong lao khổ, thánh I-nhã đã trình bày cho chúng ta hai cấp độ của lao khổ Chúa đã sống ngay trong thời thơ ấu: lao khổ của tình yêu và lao khổ của lề luật.

- Về những mẫu gương đi theo Chúa: Trong khi chiêm niệm Đức Giê-su như mẫu mực, thao viên còn được soi sáng bởi những gương mẫu đáp lại lời mời

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[3]*Điểm thứ hai*. Đức Ki-tô Chúa chúng ta ở lại Giê-ru-sa-lem, và cha mẹ Ngài không hay biết.	[3]*Thứ hai*. Ngài ở lại Giê-ru-sa-lem, và cha mẹ Ngài không hay biết được điều đó.	[3]*Thứ hai*. Ngài ở lại đó, mà cha mẹ không hay biết.
[4]*Điểm thứ ba*. Qua ba ngày, cha mẹ Ngài tìm thấy Ngài đang tranh luận trong Đền Thờ và đang ngồi giữa hàng thầy dạy; và cha mẹ Ngài hỏi Ngài đã ở đâu, Ngài trả lời [5]*(Cha mẹ không biết là con phải lo những việc*	[4]*Thứ ba*. Khi trở về được ba ngày, họ thấy Ngài đang tranh luận trong Đền Thờ, ngồi giữa hàng thầy dạy; và, khi bị cha mẹ hỏi, Ngài trả lời: [5](*Cha mẹ lại không biết rằng con phải lo những việc của Cha con sao?*)	[4]*Thứ ba*. Đến ngày thứ ba, họ tìm thấy Ngài trong Đền thờ, ngồi giữa hàng thầy dạy; và khi cha mẹ hỏi Ngài tại sao Ngài lại ở lại, Ngài trả lời cha mẹ: [5](*Cha mẹ không biết rằng con phải lo những việc của Cha con sao?*)

gọi đi theo Chúa.

Trước hết phải kể đến Đức Mẹ và thánh Giu-se. Các ngài vừa là cha mẹ của Chúa (271[2]), và đồng thời cũng vừa là những môn đệ trung tín của Ngài. Trong hành trình đi theo Chúa bằng lòng tin, Mẹ đã dung hợp được vấn nạn vừa không biết đến người nam, vừa có thể sinh con để Mẹ can đảm thưa lên với Thiên Chúa lời xin vâng (262[5]). Cũng chính trong viễn ảnh đức tin, Mẹ đã trải nghiệm được sự đảo lộn của trật tự cứu độ mà cất lên lời kinh Magnificat nơi thẳm sâu lòng mình (263[5]). Những điều này dẫn Mẹ đến chỗ kết hiệp vận mệnh mình với vận mệnh Con mình vốn được loan báo trước nơi nghi thức cắt bì (266[4]).

Thánh Giu-se không chỉ tiếp nhận Hài Nhi vào đời mình để lời hứa cứu độ được hoàn tất, nhưng như Maria, ngài cũng can đảm lấy vận mệnh của Hài Nhi làm vận mệnh của mình khi lên đường về Bê-lem (264[2]), mau mắn đưa Hài Nhi và Mẹ Ngài trốn sang Ai-cập (269[2]) và đưa Ngài trở về sống ẩn dật ở Na-za-rét. Hành trình cho thấy Hài Nhi chính là Mô-sê mới siêu việt hơn Mô-sê cũ vì Ngài đã vào Đất Hứa vốn là hình ảnh tiên trưng cho một Đất Hứa khác vĩnh cửu.

Những mẫu gương khác cũng không kém sáng ngời: Ê-li-za-bét nghiệm được niềm vui của ơn cứu độ trong hành trình tự huỷ của Ngôi Lời đã cất lên lời tuyên xưng đầy quả quyết trong Thánh Thần (263[3]); những vị đạo sĩ hăng hái lên đường tìm gặp Hài Nhi, vị Tân Vương để dâng lên những lễ vật biểu thị niềm tin của họ vào Ngài (267[2-4]); hoặc nữa, cụ già Si-mê-on và bà An-na đã được mãn nguyện khi gặp Đấng Cứu Tinh của mình và loan báo cho mọi người đang mong đợi hồng ân cứu độ (268[3-4]).

- Sau cùng là chính thao viên: Sau lời mời gọi bước theo Chúa ở hai cấp độ: Lề luật (96) và tình yêu hay lời khuyên (97), thao viên được chiêm ngắm hành

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
của Cha con sao?)		
273. [1]VỀ VIỆC ĐỨC KI-TÔ CHỊU PHÉP RỬA NHƯ THẾ NÀO, TH. MÁT-THÊU VIẾT Ở CHƯƠNG 3, 13 – 17	**273.** [1]PHÉP RỬA CỦA ĐỨC KI-TÔ, MÁT-THÊU 3	**273.** [1]PHÉP RỬA CỦA NGÀI, MÁT-THÊU 3
[2]*Điểm thứ nhất*. Đức Ki-tô Chúa chúng ta, sau khi từ giã người mẹ diễm phúc của Ngài, Ngài từ Nazarét đi đến sông Gio-	[2]*Thứ nhất*. Đức Ki-tô, khi từ giã Mẹ mình, đã đi từ Na-za-rét đến sông Gio-đan, và đến với Gio-an.	[2]*Thứ nhất*. Một khi giã từ Mẹ Ngài, Ngài bỏ Na-za-rét đến sông Gio-đan nơi ông Gio-an lúc đó làm phép rửa.

trình lao khổ của Chúa từ mầu nhiệm Nhập Thể đến khi Ngài ở lại trong Đền Thờ (262-272). Tất cả những mầu nhiệm này nhắc nhở cho họ biết rằng để được ở với Ngài trong vinh quang, để được dự phần chiến thắng với Ngài, họ phải đi theo Ngài trên hành trình lao khổ và tự huỷ (95[5]).

Đồng hành với Chúa trước hết ở cấp độ tình yêu. Bởi lẽ chính Chúa đã đến "làm người vì tôi" (104). Không chỉ đến làm người, Ngài còn mang thân phận nô lệ và chịu chết trên thập giá cách ô nhục cũng "vì tôi" (116[2]). Tình yêu của Ngài không chỉ đụng chạm đến cái "có" đáng chết của tôi là tội lỗi mà còn đụng chạm đến tận cái "là" của tình yêu hiệp thông nơi các ngôi vị. Chắc chắn một khi chiêm ngắm các mầu nhiệm thời thơ ấu của Chúa Giê-su, họ sẽ thêm sự hiểu biết sâu xa về Ngài, để yêu mến Ngài hơn và bước theo Ngài hơn (104).

Nếu tình yêu Đức Giê-su không đụng chạm đến họ ở mức độ tình yêu thì chí ít cũng đụng chạm đến họ ở mức độ lề luật, nghĩa là ở mức độ của lẽ phải. Bởi lẽ lề luật phản chiếu sự hoàn thiện nhân bản trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa mà chính Chúa Ki-tô đã qui phục sự hoàn thiện ấy trước khi bày tỏ sự hoàn thiện mới của tình yêu. Thao viên cũng được mời gọi sống sự hoàn thiện này để đạt đến cùng đích đời mình.

c/ Đỉnh cao của việc theo Chúa theo lề luật: Ba Mẫu Người (149-157)

Có thể nói đỉnh cao của việc bước theo Chúa ở bình diện lề luật được thánh I-nhã diễn đạt bằng chính kinh nghiệm của mình vốn được chuyển hoá thành bài thao luyện Ba Mẫu Người.

Nội dung chính yếu của nó đã được phân tích từ Linh Thao số 149-158. Ta có thể tóm kết ý nghĩa của nó ở đây là một lòng yêu mến Chúa trên hết mọi sự vốn lấy Ngài làm cùng đích, một tình yêu được đặt liên hệ với Thiên Chúa trước mọi sự vật chứ không phải là mối tương quan với Thiên Chúa nơi Đức Ki-tô. Có thể nói

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
đan, nơi đây thánh Gioan Tẩy Giả đang sống.		
[3]*Điểm thứ hai*. thánh Gio-an làm phép rửa cho Đức Ki-tô Chúa chúng ta; và vì ông muốn từ chối khi nghĩ mình không xứng đáng làm phép rửa cho Ngài, nên Đức Ki-tô nói với ông: *(Bây giờ hãy làm việc đó vì cần thiết là chúng ta phải hoàn thành tất cả sự công chính như thế).*	[3]*Thứ hai*. Ngài chịu phép rửa bởi người từ chối vì sự bất xứng của mình, nhưng Đức Ki-tô nói với ông: (*Bây giờ hãy để vậy, thực thế, chúng ta nên hoàn tất toàn bộ sự công chính như thế.*)	[3]*Thứ hai*. Ngài được làm phép rửa bởi Gio-an, kẻ trước hết xưng thú sự bất xứng của mình, nhưng bị ép buộc bởi những lời này: (*Bây giờ hãy để vậy, thực thế, chúng ta nên hoàn tất toàn bộ sự công chính như thế.*)
[4]*Điểm thứ ba*. *(Chúa Thánh Thần đến, và tiếng Chúa Cha từ trên trời chứng thực: Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người.)*	[4]*Thứ ba*. Thánh Thần đến, và từ trời, tiếng của Chúa Cha chứng thực: (*Người này là Con Ta rất yêu dấu, Ta hài lòng về Người.*)	[4]*Thứ ba*. Thánh Thần ngự xuống trên Ngài và một tiếng từ trời chứng thực bằng những lời sau: *(Người này là Con Ta rất yêu dấu, Ta hài lòng về Người.)*

bài thao luyện diễn đạt chính ý niệm của sự bình tâm mà người thứ ba có được (155) nhờ ánh sáng của Nguyên Lý và Nền Tảng (23^{6-7}).

Việc thánh I-nhã đặt bài thao luyện này ở giữa tuần hai không có nghĩa là việc thao luyện ở bình diện lề luật dừng lại ở đây, nhưng nó vẫn còn phải tiếp tục để bước vào việc chọn lựa bậc sống. Bởi lẽ đây là điều kiện tối thiểu để có thể thực hiện việc chọn lựa *(Ignace de Loyola, Notes pour un Directoire des Ex. (Notes autographes), III, N.17).* Ngài xếp bài thao luyện này ở đây như để so sánh giữa hai cách thức đi theo Chúa Giê-su: cách thức theo Ngài ở bình diện lề luật (155) thua kém cách theo Ngài ở bình diện tình yêu vốn được diễn tả ở cách khiêm nhường thứ ba (167).

Tóm lại, những cuộc thao luyện về thời thơ ấu của Chúa Giê-su vừa đưa chúng ta vào hành trình đi theo Ngài bằng tình yêu vừa xác định giới hạn của việc đi theo Ngài ở mức độ lề luật. Cả hai cách đi theo Ngài dẫn chúng ta vào việc chọn lựa bậc sống vốn thuộc về những phạm vi cụ thể để thao viên diễn tả sống động cách sống của con người mới trong việc canh tân bậc sống và cải thiện đời sống của mình (189).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
274. [1]VỀ VIỆC ĐỨC KI-TÔ CHỊU CÁM DỖ NHƯ THẾ NÀO, TH. LU-CA VIẾT Ở CH. 4, 1 – 13, VÀ MÁT-THÊU CH.4,1 – 11	**274.** [1]CƠN CÁM DỖ CỦA ĐỨC KI-TÔ, LU-CA 4; MÁT-THÊU 4	**274.** [1]CÁM DỖ CỦA ĐỨC KI-TÔ, LU-CA 4 VÀ MÁT-THÊU 4
[2]*Điểm thứ nhất*. Sau khi đã chịu phép rửa, Ngài đi đến hoang địa, ở đó Ngài nhịn ăn bốn mười ngày và bốn mươi đêm.	[2]*Thứ nhất*. Sau phép rửa Ngài tiến vào sa mạc, (*nơi Ngài ăn chay bốn mươi ngày và bốn mươi đêm.*)	[2]*Thứ nhất*. Sau phép rửa, Đức Ki-tô rút lui vào sa mạc, và Ngài ăn chay trong bốn mươi ngày và đêm cũng như thế.
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài bị kẻ thù cám dỗ ba lần *(Tiến lại gần, tên cám dỗ nói với Ngài: Nếu ngươi là Con Thiên Chúa, ngươi hãy khiến những hòn đá này trở thành bánh đi; ngươi hãy gieo mình xuống khỏi nơi đây; hết thảy mọi điều ngươi thấy, ta sẽ cho ngươi nếu ngươi sấp mình xuống đất thờ lạy ta.)*	[3]*Thứ hai*. Ngài bị cám dỗ do một loạt ba cơn cám dỗ bởi quỉ dữ; (*Tiến lại gần, tên cám dỗ nói với Ngài: Nếu ngươi là con Thiên Chúa, hãy phán cho những cục đá này trở thành bánh. Ngươi hãy nhảy xuống nào. Tất cả những điều đó, ta sẽ cho ngươi nếu ngươi phủ phục xuống chân ta mà thờ lạy ta.*)	[3]*Thứ hai*. Ngài chịu cám dỗ ba lần bởi kẻ thù; *(Tiến lại gần, tên cám dỗ nói với Ngài: Nếu ngươi là con Thiên Chúa, hãy phán cho những cục đá này trở thành bánh. Ngươi hãy nhảy xuống nào. Tất cả những điều đó, ta sẽ cho ngươi nếu ngươi phủ phục xuống chân ta mà thờ lạy ta.)*

Chúng ta cũng không quên đưa ra một nhận xét về bản văn: trong mầu nhiệm về "Cuộc đời Đức Ki-tô Chúa Chúng Ta Từ Mười Hai Đến Ba Mươi Tuổi" (271[1]) có một sai sót và một chỉnh sửa do thánh I-nhã trong bản A: việc sai sót hệ ở việc trích dẫn Kinh Thánh. Mầu nhiệm này được trích ra từ Tin Mừng Lu-ca đoạn hai từ câu 51 đến câu 52 chứ không phải từ câu 50 đến 52 (271[1]); Việc chỉnh sửa nằm trong điểm thứ hai. Bản văn viết: "Ngài làm nghề thợ mộc, như có vẻ thánh Mác-cô nói như thế..." (271[2]). Thánh I-nhã thêm từ ngữ "hình như" vào đầu câu, gạch bỏ động từ "nói" và thay thế bằng động từ "ghi nhận". Có lẽ mục đích nhằm tương đối hoá khẳng định của mình. Các bản P và V đều viết theo sự chỉnh sửa này ở vế thứ nhất nhưng vẫn duy trì động từ "nói".

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[4]*Điểm thứ ba*. Các thiên thần đến và phụng sự Ngài.	[4]*Thứ ba*. (*Các thiên thần tiến đến và phụng sự Ngài.*)	[4]*Thứ ba*. *(Các thiên thần tiến lại gần và phụng sự Ngài).*
275. [1]VỀ VIỆC KÊU GỌI CÁC TÔNG ĐỒ	**275.** [1]KÊU GỌI CÁC MÔN ĐỆ,	**275.** [1]KÊU GỌI CÁC TÔNG ĐỒ
[2]*Điểm thứ nhất*. ***Hình như là*** thánh Phê-rô và thánh An-rê được kêu gọi ba lần: thứ nhất, để có một sự hiểu biết nào đó; điều này là xuất phát từ thánh Gio-an ở chương thứ nhất. [3]Thứ hai, để đi theo Đức Ki-tô cách nào đó, với ý định quay về lấy lại điều các ông đã bỏ, như thánh Lu-ca nói ở chương năm. [4]Thứ ba, để luôn mãi đi theo Đức Ki-tô Chúa chúng ta, như thánh Mát-thêu nói ở	[2] *[Thứ nhất]* An-rê và Phê-rô dường như đã được gọi ba lần: trước hết để có sự hiểu biết nào đó (Ga l); [3]thứ hai, để theo Ngài một cách nào đó, nhưng với ý nghĩ rồi trở về công việc của mình (Lc 5); [4]Thứ ba, để đi theo Ngài cách trọn vẹn (Mt 4 và Mc 1).	[2]*Thứ nhất*. Dường như thánh Phê-rô và thánh An-rê được kêu gọi ba lần. Trước hết, chỉ để được một sự hiểu biết nào đó về Đức Ki-tô (Ga 1). [3]Sau đó, chỉ để đi theo Ngài một thời gian, với ý hướng muốn trở về nghề chài lưới (Lc 5). [4]Sau cùng, để mãi mãi đi theo Ngài (Mt 4 và Mc 1).

---

3. Theo Chúa ở giai đoạn hoạt động công khai

a/ Về các Mầu Nhiệm

Nếu lấy ngày thứ tư làm mốc phân chia hai giai đoạn của cuộc đời Chúa Giê-su: thơ ấu và công khai, thì giai đoạn đời sống công khai khởi đi từ mầu nhiệm Đức Ki-tô Chịu Phép Rửa (273). Trong sách Linh Thao, thánh I-nhã cũng muốn diễn đạt như thế khi đặt mầu nhiệm này vào ngày thứ năm (158). Và cứ theo sự xác định của thánh I-nhã thì tuần thứ hai kết thúc vào hết ngày Rước Lá (4^{2b}; 287). Như vậy giai đoạn này chiếm mười lăm mầu nhiệm. Thế nhưng khi đảo lộn mầu nhiệm Ẩn Dật xuống và đưa biến cố Ở Lại Đền Thờ lên, thánh I-nhã đã nối mầu nhiệm Ở Lại Đền Thờ (272) vào tiến trình thao luyện của tình yêu, và khi đưa ra mầu nhiệm Chúa Giảng Dạy Trong Đền Thờ (288) vốn ở sau mầu nhiệm Ngày Rước Lá (287) vào ngày thứ mười của tuần hai, thánh I-nhã kéo dài tuần hai thêm hai mầu nhiệm nữa thành 17 mầu nhiệm.

Có một số yếu tố đáng ghi nhận về giai đoạn này:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
chương thứ bốn và thánh Mac-cô ở chương thứ nhất.*		
[5]*Điểm thứ hai*. Ngài kêu gọi Phi-líp-phê, như ở chương thứ nhất của thánh Gio-an, và Mát-thêu như chính Mát-thêu nói ở chương thứ chín.	[5]*Thứ hai*. Ngài đã kêu gọi Phi-líp-phê (Ga 1) và Mát-thêu (Mt 9).	[5]*Thứ hai*. Ngài kêu gọi những người con ông Zê-bê-đê (Mt 4) và Phi-líp-phê (Ga 1), và Mát-thêu (Mt 9).
[6]*Điểm thứ ba*. Ngài kêu gọi các tông đồ khác, mà ơn kêu gọi đặc thù của các ông lại không được ghi nhận trong Tin Mừng.	[6]*Thứ ba*. Ngài kêu gọi những người khác, mà ơn gọi đặc thù không tìm thấy trong Tin Mừng. [7]Và trước hết, ta phải suy xét điều kiện thấp	[6]*Thứ ba*. những người khác cũng được kêu gọi, mặc dù không được ghi nhận rõ ràng trong Tin Mừng về lời kêu gọi và về lệnh truyền trong đó họ được kêu gọi.

- Thứ nhất, khi mở rộng cách minh nhiên mầu nhiệm Chúa Ở Lại Đền Thờ vốn thuộc về thời thơ ấu vào những cuộc thao luyện của tình yêu hay lời khuyên, và rồi khi kéo dài việc thao luyện ở bình diện lề luật tới bài Ba Mẫu Người (149-157), đồng thời đặt bài suy gẫm về Hai Cờ Hiệu vào giữa (136-148), thánh I-nhã muốn cho chúng ta thấy hai chủ tâm của ngài rất quan trọng: trước hết, việc đi theo Chúa cả ở hai bình diện đều đòi hỏi chúng ta phải lớn lên trong việc nhận định khi nghiệm ra cuộc chiến nội tâm giữa thế lực của Lu-xi-phe và của Chúa Giê-su nơi mình: cờ hiệu của Lu-xi-phe là của cải, danh vọng trần thế từ đó dẫn đến kiêu ngạo và mọi nết xấu (142^{3}) - ngược lại, cờ hiệu của Chúa Giê-su là nghèo khó, chịu sỉ nhục và từ đó dẫn tới đức khiêm nhường và mọi nhân đức khác (146^{5-6}) – Thứ đến, chính qua cách bài trí về cấu trúc tuần hai như thế, thánh I-nhã muốn mặc nhiên giới thiệu về ba thì của việc chọn lựa: chọn lựa theo lòng mến của tình yêu ở thì thứ nhất; chọn lựa theo cảm xúc của việc nhận định ở thì thứ hai và chọn lựa theo lý trí của khả năng tự nhiên ở thì thứ ba (175-177).
- Thứ hai, trong số 17 mầu nhiệm được đề nghị, chúng ta thấy chỉ có 8 mầu nhiệm được thánh I-nhã chọn đưa vào chiêm niệm: ngày thứ năm, mầu nhiệm Chúa Đến Sông Gio-đan Và Chịu Phép Rửa (273); ngày thứ sáu, Chúa Từ Sông Gio-đan vào Sa Mạc và Ở Lại Đó (274); ngày thứ bảy, Thánh An-rê và Các Vị Khác Theo Đức Ki-tô, Chúa Chúng Ta (275); ngày thứ tám, Bài Giảng Trên Núi Về Tám Mối Phúc Thật (278); ngày thứ chín, Đức Ki-tô Chúa Chúng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[7]Và ba điều khác cũng phải được xét tới: điều thứ nhất, các tông đồ xuất thân từ giai cấp thấp hèn và mọc mạc như thế nào; [8]điều thứ hai, phẩm chức ở đó các ông được kêu gọi cách dịu ngọt biết bao; [9]điều thứ ba, các ơn ban và các ân sủng mà nhờ đó các ông được nâng lên trên tất cả các tổ phụ của Tân Ước và Cựu Ước.	hèn của các tông đồ; [8]thứ hai, phẩm chức của Đấng đã kêu gọi họ với biết bao êm ái; [9]thứ ba, những ơn ban và ơn sủng mà ở đó họ được kêu gọi vượt lên trên mọi tổ phụ của Cựu Ước và Tân Ước.	[7]Ba điều phải được suy xét ở đây: thứ nhất, các tông đồ ở trong điều kiện thấp hèn thế nào; [8]thứ hai, các ngài được gọi đến một phẩm chức cao cả biết bao và dịu ngọt biết bao. [9]Thứ ba, ân ban của ơn sủng ở mức nào mà các ông được nâng lên trên cả mọi tổ phụ của Cựu Ước và toàn thể các thánh của Tân Ước.
276. [1]VỀ PHÉP LẠ ĐẦU TIÊN ĐƯỢC LÀM Ở TIỆC CƯỚI TẠI CA-NA XỨ GA-LI-	**276.** [1]PHÉP LẠ Ở TIỆC CƯỚI TẠI GA-LI-LÊ, Ga 2	276. [1]PHÉP LẠ ĐẦU TIÊN CỦA ĐỨC KI-TÔ ĐƯỢC LÀM Ở TIỆC CƯỚI,

Ta Hiện Ra Cùng Các Môn Đệ Trên Sóng Biển (280); ngày thứ mười, Chúa Giảng Trong Đền Thờ (288); ngày thứ mười một, về việc La-za-rô Sống Lại (285) và ngày thứ mười hai, về Ngày Rước Lá (287).

Từ ngày thứ năm trở đi, chương trình trở về nhịp bình thường, nghĩa là có hai cuộc thao luyện nửa đêm và ban sáng, tiếp theo là hai cuộc phục niệm vào giờ lễ và kinh chiều, sau cùng là một cuộc áp dụng ngũ quan vào trước giờ ăn tối (159; 161[1b]). Ta cũng có hai ghi nhận rất quan trọng:

Trước hết, ngược với giai đoạn thời thơ ấu, giai đoạn thuộc đời sống công khai không có hai mầu nhiệm cho hai cuộc thao luyện vào nửa đêm và ban sáng, nhưng chỉ có một mầu nhiệm.

Sau nữa, từ ngày thứ năm đến ngày thứ bảy, mỗi mầu nhiệm đều được chia làm hai bởi liên từ "và" dường như để phân ra cho hai cuộc chiêm niệm đầu tiên trong ngày. Còn từ ngày thứ tám đến thứ mười hai ta lại không thấy có sự phân chia nữa. Có lẽ mục đích ngài muốn thao viên phải tự thực hiện việc phân chia đó như sau này thánh I-nhã nhắc họ tự xác định số điểm cho mỗi mầu nhiệm (228).

Nhưng hiện tượng ấy cho ta ý nghĩa khác thú vị hơn. Sự kiện giảm bớt mỗi ngày từ hai mầu nhiệm xuống còn một ở giai đoạn hai của tuần hai, rồi lại giảm từ việc phân chia mỗi mầu nhiệm thành hai đến chỗ không phân chia nữa ở năm

Bản văn A	**Bản văn P**	**Bản văn V**
LÊ, TH. GIO-AN VIẾT, CH. 2, 1 – 12		GIO-AN 2
[2]*Điểm thứ nhất*. Đức Ki-tô Chúa chúng ta được mời cùng với các môn đệ của Ngài đến dự tiệc cưới.	[2]*Thứ nhất*. Đức Ki-tô được mời dự tiệc cưới cùng với các môn đệ Ngài.	[2]*Thứ nhất:* Đức Ki-tô được mời đến dự tiệc cưới với các môn đệ của Ngài.
[3]*Điểm thứ hai*. Mẹ báo cho Con mình biết là thiếu rượu, khi nói: (*Họ không có rượu*); và Mẹ ra lệnh cho người giúp việc: *(Hãy làm bất cứ điều gì Ngài sẽ bảo các con).*	[3]*Thứ hai*. Mẹ ra dấu hiệu thiếu rượu cho con; (*Họ không có rượu*); và Mẹ ra lệnh cho những người giúp việc: (*Bất cứ điều gì Ngài sai các con, hãy cứ làm.*)	[3]*Thứ hai*. Mẹ Ngài ra dấu hiệu cho Ngài rằng thiếu rượu: *(Họ không có rượu)*; và Mẹ nói với những người giúp việc: *(Bất cứ điều gì Ngài sai các con, hãy cứ làm).*

ngày cuối cho chúng ta tìm được một ý nghĩa rất quan trọng trong hành trình thao luyện ở bình diện tình yêu: sự hiệp nhất và hiệp thông tình yêu giữa thao viên và Đức Ki-tô mỗi ngày trở nên một một cách sâu đậm và bền vững hơn.

Quả vậy, nếu bước vào thao luyện ở tuần một, ta thấy có một sự cách biệt vời vợi giữa chủ thể và Thiên Chúa, một sự cách biệt được biểu thị từ kinh nghiệm I-nhã ở Nguyên Lý và Nền Tảng (23) đến bài thao luyện theo mặc khải đầu tiên về các tội (45) vốn được biểu trưng bằng 22 số Linh Thao, thì sự cách biệt ấy giảm dần khi họ kết thúc tuần một. Bởi lẽ khi bước vào tuần hai, sự cách biệt từ bài Lời Gọi Vua Hằng Sống (91) đến bài chiêm niệm đầu tiên thuộc mặc khải là mầu nhiệm Nhập Thể (101) chỉ còn mười số. Đây là sự cách biệt không phải từ tội nhân với Đấng Cứu Độ, mà là sự cách biệt của mối liên hệ giữa lề luật và tình yêu mà đỉnh cao của lề luật ở bài Ba Mẫu Người (149-157) . Vì đó là sự cách biệt của những người có lương tri, khi nghe Lời Gọi Vua Hằng Sống đều muốn đáp lại để đi theo Chúa (96).

Nhưng đối với những người trổi vượt hơn (97[1]), họ đã xin ơn để được sống mối tương quan tình yêu một cách long trọng (98), nên họ bước vào hành trình thao luyện của mối liên hệ hiệp nhất của những ngôi vị yêu nhau. Ở giai đoạn thơ ấu, sự cách biệt được diễn tả bằng sự cách biệt của hai mầu nhiệm. Vì từ ngày đầu tiên đến ngày thứ ba, thao viên đều thao luyện hai mầu nhiệm trong một ngày (101 và 110; 132; 134). Ở ba ngày đầu của giai đoạn công khai, sự cách biệt được diễn tả qua việc phân đôi một mầu nhiệm duy nhất (158; 161[1];161[2]) và năm ngày cuối tuần hai, ta không còn thấy sự phân đôi mầu nhiệm nữa, nghĩa là mối tương

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[4]*Điểm thứ ba. (Ngài đã biến nước thành rượu, và đã bày tỏ vinh quang của Ngài, và các môn đệ Ngài tin vào Ngài.)*	[4]*Thứ ba*. Ngài biến nước thành rượu (*và Ngài tỏ vinh quang của Ngài, và các môn đệ Ngài tin vào Ngài.*)	[4]*Thứ ba*. Chúa đã biến nước thành rượu: *(Và Ngài bày tỏ vinh quang của Ngài, và các môn đệ Ngài tin vào Ngài).*
277. [1]VỀ VIỆC ĐỨC KI-TÔ ĐUỔI NHỮNG NGƯỜI BUÔN BÁN RA KHỎI ĐỀN THỜ THẾ NÀO, THÁNH GIOAN VIẾT, CH. 2, 13 – 25	**277.** [1]VIỆC XUA ĐUỔI LẦN ĐẦU TIÊN NHỮNG KẺ BUÔN BÁN TRONG ĐỀN THỜ, Ga 2	**277.** [1]NHỮNG KẺ BUÔN BÁN BỊ ĐUỔI RA KHỎI ĐỀN THỜ LẦN THỨ NHẤT, GIO-AN 2
[2]*Điểm thứ nhất*. Ngài đuổi tất cả những người buôn bán ra khỏi Đền Thờ bằng cái roi làm bằng các sợi dây.	[2]*Thứ nhất*. Ngài xua đuổi họ hết thảy ra khỏi Đền Thờ bằng roi kết bằng sợi dây.	[2]*Thứ nhất*. Ngài xua đuổi những người bán và mua ra khỏi Đền thờ bằng roi kết bằng sợi dây.

quan tiến đến sự nên một hoàn toàn. Thế nhưng đây không phải là sự nên một thụ động của sự chiếm đoạt trọn vẹn vào lòng yêu mến Chúa (330[1]) của người thuần thiêng (336[2]) vốn nhận được sự an ủi không có nguyên do trước, nhưng chỉ là sự nên một còn mang tính chủ động của người sốt mến (332) vốn được phép làm việc chọn lựa ở thì thứ nhất của lòng muốn (175) nếu được Thiên Chúa ban cho và là người được thánh I-nhã nêu danh là linh hồn công chính hay sốt mến (332)vốn đạt tới sự an ủi có nguyên do trước (330[2]/ 331).

b/ Sự hiệp nhất nên một theo kinh nghiệm I-nhã.

Để khám phá sự tiến bộ và giới hạn của sự hiệp nhất này của chủ thể đối với Đức Ki-tô, chúng ta rảo qua những điểm chính yếu trong kinh nghiệm của thánh I -nhã nơi ba bài chốt: Lời Gọi Vua Hằng Sống (91-98), Ba Mẫu Người (149-156) và Ba Cách khiêm nhường (165-167).

Tình yêu của thao viên dành cho Đức Ki-tô đã được tỏ lộ ngay khi bắt đầu bước vào tuần hai. Chúng ta thấy rõ điều này trong lời tâm sự của họ (98). Lời tâm sự này được đặt trong bầu khí của triều đình thiên quốc vì tính hệ trọng của nó nằm ở hai khía cạnh: trước hết, đó là một quyết tâm đã được cân nhắc của chủ thể muốn chịu mọi sỉ nhục, mọi khinh chê để noi gương Chúa Ki-tô (98[2-3]). Sau nữa đây là một lời cầu xin có điều kiện: "nếu Chúa Chí Tôn rất thánh muốn tuyển

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài hất đổ những chiếc bàn và những đồng tiền của những người đổi tiền giàu có đang ở trong Đền Thờ.	[3]*Thứ hai*. (*Ngài hất đổ bạc và bàn những người đổi tiền.*)	[3]*Thứ hai*. Trong khi lật đổ bàn của những người đổi tiền, Ngài hất tung bạc của họ.
[4]*Điểm thứ ba*. Với những người nghèo bán chim bồ câu, Ngài nói dịu dàng: *(Hãy đem những cái này ra khỏi đây và đừng biến nhà của Ta thành nhà buôn bán.)*	[4]*Thứ ba*. với những người nghèo bán chim bồ câu, Ngài nói với lòng nhân lành: (*Hãy đem những thứ này ra khỏi nơi đây và đừng biến nhà của Ta thành nhà buôn bán.*)	[4]*Thứ ba*. Với những người bán chim bồ câu, Ngài nói cách dịu hiền: *(Hãy đem những thứ này ra khỏi đây và đừng biến nhà của Ta thành nhà buôn bán.)*
278. [1]VỀ BÀI GIẢNG ĐỨC KI-TÔ ĐÃ THỰC HIỆN Ở TRÊN NÚI,TH. MÁT-THÊU VIẾT Ở CHƯƠNG 5, 1 – 48	**278.** [1]BÀI GIẢNG CỦA CHÚA TRÊN NÚI, MÁT -THÊU 5	**278.** [1]BÀI GIẢNG DO ĐỨC KI-TÔ THỰC HIỆN Ở TRÊN NÚI, MÁT-THÊU 5
[2]*Điểm thứ nhất:* Ngài nói riêng với các môn đệ yêu dấu của Ngài về tám mối phúc: *(Phúc thay những người nghèo khó trong tinh thần, những*	[2]*Thứ nhất*: với những môn đệ rất yêu dấu của Ngài, Ngài giải thích cách đặc biệt về tám mối phúc;(*Phúc thay những người có tinh thần nghèo khó; những người hiền*	[2]*Thứ nhất*: với những môn đệ rất yêu dấu của Ngài, Đức Ki-tô trình bày tám loại mối phúc: *(Phúc thay những người nghèo khó trong lòng; những người hiền lành; những*

chọn và chấp nhận con vào đời sống và bậc ấy" (98[4]). Nói cách khác, đây là một quyết tâm có tính chủ động của chủ thể nhưng trước hết quyết tâm ấy được thẩm định như một ơn ban tuỳ vào thánh ý Chúa chứ không tuỳ vào mình.

Hành trình đào luyện mối tương quan này tiếp tục được đào sâu mãi cho đến ngày cuối cùng. Trước khi bước vào chọn lựa, thánh I-nhã đề nghị thao viên dành một ngày để thực hiện việc suy xét liên quan đến Ba Cách khiêm nhường. Chúng ta lưu ý đến cách khiêm nhường thứ ba (167) vừa bao gồm vừa vượt lên trên sự bình tâm của mẫu người thứ ba (155) vốn chỉ thuộc về cách khiêm nhường thứ hai (166). Vì ở cách khiêm nhường thứ ba này, chủ thể xác tín rằng: "... để noi gương và nên giống Đức Ki-tô, Chúa chúng ta cách thiết thực hơn, tôi muốn và tôi chọn sự nghèo khó với Chúa Ki-tô nghèo khó hơn là sự giầu sang, sự sỉ nhục với Chúa Ki-tô bị sỉ nhục hơn là danh vọng và ao ước được coi là ngu dại và điên

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
người hiền lành, những người có lòng thương xót, những người khóc than, những người đói khát sự công chính, những người có con tim trong sạch, những người đem an bình, và những người chịu bách hại.)	*lành; những người có lòng thương xót; những người than khóc; những người đói khát sự công chính; những người có lòng trong sạch; những người đem an bình; những người chịu bách hại.*)	*người có lòng xót thương; Những người than khóc; những người đói khát sự công chính; những người có lòng trong sạch; những người đem sự an bình; những người chịu bách hại.)*
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài khuyến khích các ông sử	[3]*Thứ hai*. Ngài khích lệ các ông biết sử dụng	[3]*Thứ hai*. Ngài khuyên nhủ các ông sử dụng tốt

rồ vì Chúa Ki-tô, Đấng đầu tiên đã bị coi như thế hơn là được coi như người thông thái và khôn ngoan ở thế gian này" (167^{2-3}).

Sự hiệp nhất của tình yêu này chắc chắn vượt lên trên lời nguyện trong bài Lời Gọi Vua Hằng Sống. Vì ở đây chủ thể không chỉ nhắm đến việc noi theo Đức Ki-tô chịu sỉ nhục mà còn chọn lựa điều ấy để nên giống Ngài hơn cả danh vọng. Sự so sánh này diễn tả sự kết hiệp tuyệt vời đến nỗi ơn xin của tuần hai đã thực sự thành tựu (104; 114) vì lúc này họ nhận thức rõ tình yêu họ có với Đức Ki-tô được khởi đi từ chính tình yêu đi trước của Ngài dành cho họ (167^{3b}).

Dù đạt đến cấp độ tình yêu như thế, nhưng quyết định của chủ thể vẫn là quyết định mang tính chủ động. Chúng ta không hề thấy dấu vết gì về sự chiếm đoạt trọn vẹn của Thiên Chúa vào lòng yêu mến Ngài của ơn thần hiệp (x. 330^{1}). Cụ thể ở lời giải thích, thánh I-nhã mời gọi thao viên mượn lời tâm sự của bài Ba Mẫu Người (156). Thực ra cuộc tâm sự này qui về cuộc tâm sự của bài Hai Cờ Hiệu (147). Nhưng ngài vẫn nhất quyết đưa họ về cuộc tâm sự này, vì lẽ sau lời tâm sự có một lời giải thích rất quan trọng: "Khi cảm thấy một tâm tình hoặc lòng gớm ghét chống lại sự nghèo khó hoặc giầu có, thì điều này giúp ích nhiều để diệt trừ lòng quyến luyến lệch lạc ấy, trong các tâm sự, hãy nài xin Chúa chọn mình vào trong sự khó nghèo thực sự (mặc dù nghịch ý xác thịt) và giục lòng ước muốn, cầu xin, van nài cho được điều ấy, miễn là để phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa nhân lành" (157). Lời giải thích này có đối tượng là sự bình tâm trong khi đối tượng của cách khiêm nhường thứ ba là tình yêu nên một với Đức Ki-tô. Nếu có sự chống lại mà phải xin được tình yêu đó chính là vì chủ thể chưa có được sự chiêm hữu trọn vẹn hữu thể họ vào lòng yêu mến Ngài vậy.

c/ Hướng thần học của các mầu nhiệm

- Một số ghi nhận: Trước khi đề cập hướng thần học của các mầu nhiệm này, ta đề ra một số ghi nhận chính nơi các mầu nhiệm ở đời sống công khai như sau:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dụng các tài năng cho tốt: *(Cũng thế, ánh sáng anh em phải chiếu sáng trước mặt người ta sao cho người ta trông thấy các việc tốt lành của anh em và tôn vinh Cha anh em là Đấng ở trên trời.)*	tốt nhưng tài năng: (*Như thế, ánh sáng của anh em phải chiếu sáng trước mặt mọi người, để họ xem thấy những việc tốt lành của anh em và tôn vinh Cha anh em Đấng ngự ở trên trời.*)	nhưng ân ban và những tài năng đã nhận được: *(như thế, ánh sáng của anh em phải chiếu sáng trước mặt mọi người, để họ xem thấy những việc tốt lành của anh em và tôn vinh Cha anh em Đấng ngự ở trên trời.)*
[4]*Điểm thứ ba*. Ngài tỏ mình ra không phải là một kẻ vi phạm lề luật, nhưng là kẻ hoàn thành, khi Ngài giải thích huấn lệnh không giết người, không gian dâm, không thề gian dối và phải thương yêu kẻ thù: *(Thầy bảo anh em rằng hãy thương yêu những kẻ thù*	[4]*Thứ ba*. Ngài tỏ cho thấy Ngài không vi phạm lề luật, nhưng kiện toàn nó, khi đưa ra giới răn không giết người, chớ tà dâm, chớ thề gian, và phải yêu mến kẻ thù: (*Nhưng, Thầy, Thầy bảo anh em: hãy yêu mến kẻ thù và hãy làm điều thiện cho những kẻ thù ghét*	[4]*Thứ ba*. Ngài tỏ cho thấy Ngài không bãi bỏ lề luật, nhưng kiện toàn nó, khi giải thích những giới răn cấm giết người, trộm cắp, ngoại tình, thề gian và phải yêu mến cả kẻ thù mình: *(Nhưng, Thầy, Thầy nói cho anh em: hãy yêu mến kẻ thù*

Thứ nhất, về mầu nhiệm Kêu Gọi Các Tông Đồ, ta thấy thánh I-nhã đã chịu ảnh hưởng bởi truyện về Hạnh Các Thánh (Flos Sanctorum) ở đó diễn tả rằng thánh An-rê được gọi đi theo Chúa bằng một tiến trình tiệm tiến gồm ba giai đoạn: trước hết để ông nhận biết Đức Ki-tô, thứ đến để ông đi theo Chúa nhưng vẫn có thể rút lui và sau cùng để ông thực sự làm môn đệ Chúa. Dầu thế, ngài đã thêm từ ngữ "hình như" ở đầu câu để tương đối hoá khẳng định của tác phẩm. Các bản văn khác đều viết theo ý hướng tương đối hoá này (275[2-4]). Cũng trong mầu nhiệm này, bản P đã thay đổi ý nghĩa của vấn đề ở điểm thứ ba. Vì các bản A và V đều nói về phẩm tính của các tông đồ được biến đổi khi đi theo Chúa, trong khi bản P lại xác định phẩm tính của chủ thể mời gọi (275[8]).

Thứ hai, về mầu nhiệm Chúa Đuổi Quân Buôn Ra Khỏi Đền Thờ vốn được rút ra từ Tin Mừng Gio-an, thánh I-nhã đã trích dẫn đoạn văn Tin Mừng Gio-an 2,16. Nhưng vì chịu ảnh hưởng Ludolphe, ngài đã biến đổi ý nghĩa: thay vì nói "đừng biến nhà Cha Ta thành nhà buôn bán", cả ba bản văn đều viết: "đừng biến nhà Ta thành nhà buôn bán" (277[4]), hoặc viết đoạn Tin Mừng Gio-an do ảnh hưởng Mát-thêu và Mác-cô (x. Mt 21,13; Mc 11,17).

Thứ ba, về mầu nhiệm Đức Ki-tô Làm Cho Bão Tố Yên Lặng, thánh I-nhã đã sửa bản A vì có sự sai sót. Ngài gạch bỏ từ ngữ "terremoto" có nghĩa là "động

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
của anh em và hãy làm điều thiện cho những kẻ thù ghét anh em.)	*anh em.*)	*của anh em, hãy làm điều thiện cho nhưng người thù ghét anh em .)*
279. [1]VỀ VIỆC ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA LÀM CHO BÃO TỐ TRÊN BIỂN YÊN LẶNG NHƯ THẾ NÀO, TH. MÁT-THÊU VIẾT, CHƯƠNG THỨ TÁM, 23 – 27	**279.** [1]BÃO TỐ PHẢI YÊN LẶNG, MÁT-THÊU 8	**279.** [1]BÃO TỐ BIỂN CẢ PHẢI YÊN LẶNG, MÁT-THÊU 8
[2]*Điểm thứ nhất*. Trong khi Đức Ki-tô Chúa chúng ta đang ngủ thì một [trận ~~động đất~~]****cơn bão tố lớn*** nổi lên trên biển.	[2]*Thứ nhất*. Một cơn bão tố xảy ra trên biển, trong khi Đức Ki-tô đang ngủ.	[2]*Thứ nhất*. Trong khi Đức Ki-tô đang ngủ, một trận ***cuồng phong*** nổi lên trên biển.
[3]*Điểm thứ hai*. Trong khi sợ hãi, các môn đệ Ngài đánh thức Ngài dậy; Ngài quở trách các	[3]*Thứ hai*. Ngài bị các tông đồ đánh thức dậy, là những người Ngài quở trách họ kém tin: (*Tại sao*	[3]*Thứ hai*. Các môn đệ sợ hãi đánh thức Ngài dậy; Ngài quở trách các ông về lòng tin nông cạn:

đất" và thay thế vào bằng từ ngữ "gran tempestas" nghĩa là "cơn bão tố lớn" cho hợp với chủ đề của mầu nhiệm (279[2b]). Các bản văn P và V đều viết theo sự chỉnh sửa của bản A này.

Thứ tư, về mầu nhiệm Chị Ma-đa-lê-na Sám Hối dựa theo Tin Mừng Lu-ca (Lc 7,36-50). Trong Tin Mừng, thánh Lu-ca không xác định danh tánh của chị phụ nữ tội lỗi này, nhưng thánh I-nhã cho rằng đó chính là chị Ma-đa-lê-na (282[1-4]). Sự đồng hoá chị phụ nữ này với bà Ma-đa-lê-na vốn được Chúa chữa cho khỏi bảy quỉ (Lc 8,2) và ngay cả với bà Ma-ri-a ở Bê-ta-ni-a (Mc 14,3; Mt 26,6-7) phát xuất ở Tây Phương thời Đức Grê-gô-ri-ô cả. Tuy nhiên đây là một sự đồng hoá không chính xác. Cha Polanco còn thêm vào bản V một chi tiết "em của Mát-ta" càng làm cho bản văn xa ý nghĩa thực của nó. Thực ra bản V đã nhận ra điều này nên không xác định danh tánh của chị ta trong những điểm chiêm niệm, nhưng lại giữ danh tánh ấy ở tựa đề như bản A và P (282[1]).

- Trong 16 mầu nhiệm được đề nghị, thánh I-nhã trích ra 8 mầu nhiệm làm mẫu. Điều xem ra hợp lý nếu chúng ta đề cập về hướng thần học của 8 mầu nhiệm này. Bởi lẽ cả 8 mầu nhiệm đều nằm ở vị trí quan trọng trong đời sống hoạt

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ông vì kém tin khi nói với các ông: *(Anh em sợ cái gì, hỡi những kẻ kém tin?).*	*anh em lại sợ hãi, hỡi những kẻ kém tin?*)	*(Tại sao anh em sợ hãi ?)*
[4]*Điểm thứ ba*. Ngài truyền cho gió và biển ngừng lại. Do vậy khi ngừng lại, biển trở nên yên lặng; người ta kinh ngạc về việc đó khi nói: *(Ông này là ai mà gió và biển cũng vâng lời?)*	[4]*Thứ ba*. Ngài ra lệnh cho gió và biển, và sự yên lặng liền có, điều mà mọi người khâm phục nói: (*Người này là ai, mà cả đến gió và biển cũng phải vâng nghe.*)	[4]*Thứ ba*. Ngài ra lệnh cho gió và biển yên lặng, và sự yên lặng thành sự ngay tức khắc; Cũng thế những người trong thuyền sợ hãi nói: *(Người này là ai, mà cả đến gió và biển cũng phải vâng nghe.)*
280. [1]VỀ VIỆC ĐỨC KI-TÔ ĐI TRÊN BIỂN NHƯ THẾ NÀO, TH. MÁT-THÊU VIẾT, CHƯƠNG 14, 22 – 33	**280.** [1]VIỆC ĐỨC KI-TÔ ĐI TRÊN BIỂN, MÁT-THÊU 14	**280.** [1]ĐI TRÊN BIỂN, MÁT-THÊU 14
[2]*Điểm thứ nhất*. Trong khi Đức Ki-tô Chúa chúng ta ở trên núi, Ngài	[2]*Thứ nhất*. Đức Ki-tô buộc các môn đệ đi xuống thuyền; và (*sau khi*	[2]*Thứ nhất*. Khi Đức Ki-tô ở trên núi, các môn đệ đã nhận lệnh đi xuống

động công khai của Chúa Giê-su, nghĩa là ở vị trí khởi đầu và kết thúc. Chỉ có một mầu nhiệm duy nhất nằm ở vị trí tâm điểm mà thôi. Đó là Mầu nhiệm Đức Ki-tô Đi Trên Biển (280).

Có thể nói, ngang qua ánh sáng của mầu nhiệm khổ nạn và phục sinh, thánh I-nhã tiếp tục đào sâu con đường hiến tế của Đức Ki-tô trong giai đoạn hoạt động công khai của Ngài, đặc biệt ở điểm khởi đầu và kết thúc của giai đoạn này. Quả vậy, ngay sau khi từ giã Mẹ diễm phúc của mình (273[2]) vốn được rút ra từ niềm tin truyền thống, Chúa Giê-su đã đến với Gio-an để ông này làm phép rửa cho. Thánh I-nhã đã cố tình chọn Tin Mừng Mathêu hầu làm nổi bật sự từ chối của Gio-an (273[3]). Bởi lẽ vấn nạn của Gio-an: "chính tôi mới cần được Ngài làm phép Rửa?" không chỉ phản chiếu não trạng Giáo hội thời tác giả Tin Mừng mà là của con người thuộc mọi thời, nghĩa là tất cả mọi người của mọi thời đều không hoặc khó chấp nhận sự tự huỷ của Chúa. Tuy nhiên, đó lại là sự công chính mới Ngài muốn tỏ lộ cho những kẻ muốn theo Ngài, một sự công chính được chính Chúa Cha phê chuẩn (Mt 3,17) và phải sống nhờ Thánh Thần.

Sự công chính này được kết tụ trong diễn từ trên núi (Mt 5,1-48) ở đó Chúa xuất

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
truyền cho các môn đệ của Ngài xuống thuyền và, sau khi cho dân chúng ra về, Ngài bắt đầu cầu nguyện một mình.	*đám đông được giải tán, Ngài lên núi, một mình, để cầu nguyện.*)	thuyền và đám đông đã được giải tán, Ngài ở lại một mình để cầu nguyện.
[3]*Điểm thứ hai*. Chiếc thuyền bị sóng đập vào; Đức Ki-tô đi trên mặt nước mà tiến về phía thuyền, và các môn đệ nghĩ rằng đó là ma.	[3]*Thứ hai*. (*Thuyền bị chao đảo bởi những luồng sóng*); Đức Ki-tô đi trên biển mà đến; Các môn đệ tưởng Ngài như một con ma.	[3]*Thứ hai*. Trong khi đêm tối con thuyền bị lảo đảo, chính Ngài đến đó bằng cách đi trên nước; cũng vậy, một khi khiếp sợ, các môn đệ nghĩ đó là ma.
[4]*Điểm thứ ba*. Đức Ki-tô nói với các ông: (*Thầy đây, đừng sợ*), theo lệnh Ngài, thánh Phê-rô đi trên mặt nước đến với Ngài; vì nghi ngờ, ông bắt đầu chìm xuống; nhưng Đức Ki-tô Chúa chúng ta cứu ông và quở	[4]*Thứ ba*. Rồi Ngài nói; (*Chính Thầy đây, đừng sợ hãi*), Phê-rô, nghe lệnh Ngài, đã đi trên biển mà đến với Ngài. Vì nghi ngờ, ông bắt đầu chìm xuống, và ông đã được giải thoát nhờ Đức Giê-su. Đấng quở trách ông	[4]*Thứ ba*. Sau khi Ngài nói với các ông: *(Chính Thầy đây đừng sợ)*, thánh Phê rô xin có thể tiến gần; và khi đi trên nước, ông bắt đầu chìm vì sự sợ hãi đến với ông; trong khi quở trách ông kém tin, Chúa lên thuyền và gió

hiện như một Mô-sê mới. Bởi lẽ giới luật mới Ngài dành cho những kẻ đi theo Ngài không phải dừng lại ở chỗ tuân giữ luật Cựu Ước mà bước vào lề luật tình yêu hiến tế của Giao Ước mới (278[4]). Chính trong giới luật này, Ngài không chỉ tỏ lộ mình là Đấng Trung Gian duy nhất mà còn là cùng đích, là chính Thiên Chúa như Thiên Chúa Cựu Ước khi Ngài chúc phúc cho những ai dám chết vì Ngài (Mt 5, 11-12) một khi họ nhận biết Ngài đã chết vì họ. Vậy Chúa Giê-su đích thực minh nhiên hoá chính lời gọi "Theo Ta trong đau khổ" và giải thích đó là thứ đau khổ nào trong cuộc đời công khai của Ngài. Cũng chính trong ý hướng này mà vào lúc kết thúc giai đoạn công khai, Chúa Giê-su long trọng vào Thành Thánh không phải với uy quyền trần thế, nhưng trong sự khiêm hạ khi ngồi trên lưng một con lừa (287[2]).

Tuy nhiên, con đường hiến tế vốn diễn tả cụ thể chân dung Thiên Chúa tình yêu lại luôn đi ngược với tinh thần thế gian và luôn bị kẻ thù tìm cách chống lại. Chính kinh nghiệm Chúa Ki-tô cũng không thoát khỏi thân phận này. Trong điểm thứ hai của mầu nhiệm Đức Giê-su Chịu Cám Dỗ (274), thánh I-nhã đã kê khai thứ tự các cuộc cám dỗ trong Tin Mừng của thánh Mát-thêu cho dù ở tựa đề, ưu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trách ông yếu tin; và sau đó, khi Ngài bước xuống thuyền thì gió lặng yên.	kém tin; khi ông vào trong thuyền, gió ngưng thổi.	ngừng thổi.
281. [1]VỀ CÁC TÔNG ĐỒ ĐƯỢC SAI ĐI RAO GIẢNG NHƯ THẾ NÀO, TH. MÁT-THÊU VIẾT Ở CH. 10, 1 – 15	**281.** [1]SỨ MẠNG RAO GIẢNG CỦA CÁC MÔN ĐỆ, MÁT-THÊU 10	**281.** [1]CÁC TÔNG ĐỒ ĐƯỢC SAI ĐI RAO GIẢNG, MÁT-THÊU 10
[2]*Điểm thứ nhất*. Đức Ki-tô kêu gọi các môn đệ yêu dấu của Ngài, và ban cho các ông quyền xua đuổi ma quỷ ra khỏi thân xác người ta và quyền chữa lành mọi bệnh tật.	[2]*Thứ nhất*. Đức Ki-tô kêu gọi các môn đệ và trao cho các ông quyền trên các tà thần, để các ông xua đuổi chúng và để các ông chữa lành mọi kẻ yếu đau.	[2]*Thứ nhất*. Sau khi đã kêu gọi các môn đệ của mình, Đức Giê-su ban cho các ông quyền trừ quỉ ra khỏi con người và quyên chữa lành mọi loại bệnh tật.
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài dạy các ông về sự khôn ngoan và sự kiên nhẫn: *(Này đây, Thầy sai anh em đi như những con chiên ở giữa sói rừng; vậy anh em hãy khôn ngoan như những con rắn và đơn sơ như những con chim bồ câu.)*	[3]*Thứ hai*. Ngài dạy các ông về sự khôn ngoan thận trọng và lòng kiên nhẫn: (*Này Thầy sai anh em như những con chiên ở giữa sói rừng. Hãy khôn ngoan như những con rắn và đơn sơ như những con bồ câu.*)	[3]*Thứ hai*. Ngài dạy các ông sự khôn ngoan và kiên nhẫn: *(Đây Thầy sai anh em như con chiên ở giữa bầy sói. Vì thế, anh em phải khôn ngoan như con rắn và đơn sơ như bồ câu.)*
[4]*Điểm thứ ba*. Ngài ban cho các ông cách đi đường: *(Anh em đừng có*	[4]*Thứ ba*. Ngài ban cho các ông cách thức lên đường; (*Đừng tích trữ cả*	[4]*Thứ ba*. Ngài chỉ cho các ông cách đi đường: *(Đừng tích trữ cả vàng*

tiên này được dành cho Lu-ca: Cám dỗ hoá bánh ra nhiều – gieo mình từ nóc Đền Thờ – và thờ lạy ma quỉ (Mt 4, 1-11 so với Lc 4, 1-13). Chính sự chọn lựa này làm cho việc cám dỗ Chúa Giê-su và cuộc chiến của người môn đệ muốn theo Ngài trở nên gần gũi với nhau hơn: của cải – vinh dự trần thế – kiêu ngạo và các nết xấu (136-147),

Cũng dưới ánh sáng của lời gọi của Vua Hằng Sống, thao viên không chỉ được chiêm ngắm Đức Giê-su như mẫu mực, mà còn chiêm ngắm những môn đệ của Ngài trong hành trình bước theo Ngài. Trước hết, trong mầu nhiệm Chúa Kêu Gọi Các Tông Đồ, thánh I-nhã đề cập đến các ơn gọi của An-rê và Phê-rô ở

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vàng cũng đừng có tiền; điều anh em đã nhận được cách nhưng không, anh em hãy cho đi cách nhưng không). Và Ngài đã cho các ông cách rao giảng: *(Dọc đường anh em hãy rao giảng, nói rằng Nước Trời đã đến gần).*	*vàng lẫn bạc, v.v..; điều anh em đã nhận lãnh nhưng không, hãy cho đi nhưng không*); và Ngài ban cho các ông đề tài để rao giảng; (*Dọc đường, anh em hãy rao giảng và nói rằng Nước Trời đã đến gần.*)	*lẫn bạc; điều anh em đã nhận lãnh nhưng không, hãy cho đi nhưng không).* Ngoài ra, Ngài trình bày đề tài để rao giảng: *(Dọc đường, anh em hãy rao giảng khi nói: Này đây Nước Trời đã đến gần.)*
282. [1]VỀ VIỆC HỐI CẢI CỦA BÀ MA-ĐA-LÊ-NA, TH. LU-CA VIẾT Ở CHƯƠNG 7, 36 – 50	**282.** [1]VIỆC HOÁN CẢI CỦA BÀ MA-ĐA-LÊ-NA, LU-CA 7	**282.** [1]VIỆC HOÁN CẢI CỦA BÀ MA-ĐA-LÊ-NA, LU-CA 7
[2]*Điểm thứ nhất*. Một phụ nữ đi vào nơi Đức Ki-tô Chúa chúng ta ngồi ở bàn ăn, trong nhà người Pha-ri-siêu, bà mang một bình bạch ngọc đựng đầy dầu thơm.	[2]*Thứ nhất*. Một phụ nữ vào trong nhà người Pha-ri-siêu và tiến về phía Đức Ki-tô đang ngồi bàn, với một bình dầu thơm.	[2]*Thứ nhất*. Đức Ki-tô đang ngồi bàn trong nhà người Pha-ri-siêu, một phụ nữ đi vào, mà lại là một người tội lỗi trong thành (***hoặc đây là Ma-ri-a Ma-đa-lê-na, em của chị Mát-ta, hoặc đó là một người khác***), mang một bình bạch ngọc chứa dầu thơm.

điểm thứ nhất (275[2-4]), Phi-líp-phê và Mát-thêu ở điểm thứ hai (275[5]) và các tông đồ khác ở điểm thứ ba (275[6-9]). Ở điểm thứ hai, bản V còn thêm vào việc kêu gọi cả Gia-cô-bê và Gio-an nữa (275[5]).

Có hai ghi nhận cần được đề cập ở đây:

Thứ nhất, vì chịu ảnh hưởng bởi cuốn Flos Sanctorum, thánh I-nhã cho thấy quyết định các ông đi theo Chúa là một quyết định có tính tiệm tiến vốn dựa vào kinh nghiệm khác nhau của các tác giả Tin Mừng: để hiểu biết Chúa, để thử đi theo Chúa và sau cùng quyết định theo Chúa cách dứt khoát (275[2-4]). Thứ đến, phẩm chức các ông cũng tăng dần: từ giới thấp hèn đi theo Chúa mà có được phẩm chức cao cả với các ơn ban và ơn sủng khiến các ông vượt lên trên mọi tổ phụ của cả Cựu Ước lẫn Tân Ước (275[7-9]). Sở dĩ thế, vì các ông được Chúa giáo huấn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[3]*Điểm thứ hai*. Đứng phía sau Chúa, gần chân Ngài, bà bắt đầu lấy nước mắt rửa chân Ngài và lấy tóc của bà mà lau, và bà hôn chân Ngài và lấy dầu thơm mà xức.	[3]*Thứ hai*. "Tiến đến đàng sau, ở dưới chân, chị ta bắt đầu rửa chân cho Ngài bằng nước mắt, và chị ta lau chân Ngài bằng tóc mình, và chị ta hôn chân Ngài và xức dầu thơm vào chân".	[3]*Thứ hai*. Đứng phía sau, chị ta bắt đầu rửa chân Ngài bằng nước mắt, lau sạch bằng tóc của chị, rồi ôm và xức dầu vào chân Ngài.
[4]*Điểm thứ ba,* Vì người Pha-ri-siêu kết án bà Ma-đa-lê-na, Đức Ki-tô lên tiếng bênh vực bà khi nói: *(Những tội chị ấy có nhiều, được tha thứ, bởi vì chị ấy yêu mến nhiều)*. Và Ngài nói với bà: *(Lòng tin của con đã cứu con, con hãy đi bình an).*	[4]*Thứ ba*. Bị tố cáo bởi người Pha-ri-siêu, chị ta được Đức Ki-tô bảo vệ, Ngài nói về chị; (*Vô số tội của chị đã được tha cho chị, vì chị đã yêu mến nhiều*), và, quay về phía chị, Ngài nói; (*Đức tin của con đã cứu con, hãy ra đi bình an.*)	[4]*Thứ ba*. Khi chị ta bị tố cáo bởi người Pha-ri-siêu, Đức Ki-tô bảo vệ chị và nói với ông này: *(Vô số tội của chị đã được tha cho chị, vì chị đã yêu mến nhiều)*, và, sau đó nói với chị: *(Đức tin của con đã cứu con, hãy ra đi bình an.)*
283. [1]VỀ VIỆC ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA CHO NĂM NGÀN NGƯỜI ĂN NHƯ THẾ NÀO, TH. MÁT-THÊU VIẾT Ở CH. 14, 13 – 21	283. [1]LƯƠNG THỰC ĐƯỢC BAN CHO NĂM NGÀN NGƯỜI ĐÀN ÔNG, MÁT-THÊU 14	283. [1]LƯƠNG THỰC ĐƯỢC BAN CHO NĂM NGÀN NGƯỜI ĐÀN ÔNG, MÁT-THÊU 14
[2]*Điểm thứ nhất*. Vì đã	[2]*Thứ nhất*. Những môn	[2]*Thứ nhất*. Các môn đệ

để sống con người mới ở lãnh vực tình yêu và nhận Ngài làm cứu cánh đời mình (278). Đặc biệt trong Bài Giảng Trên Núi, thánh I-nhã cho thấy các tông đồ được Chúa khích lệ sử dụng những tài năng, ân ban cho tốt để làm vinh danh Thiên Chúa trong viễn tượng của con người mới (278[3]).

Nếu hành trình đi theo Chúa của các ông có tính tiệm tiến, thì lòng mến của các ông đối với Chúa cũng dần dà sáng tỏ. Lòng mến đó cũng mang nét tiệm tiến vì dưới ảnh hưởng của cuộc chiến trong bài suy gẫm về Hai Cờ Hiệu, các ông còn phải lột bỏ con người trần thế. Chúng ta không lạ gì khi thánh I-nhã đề cập đến mầu nhiệm Chúa Hiện Đến Trên Biển vốn diễn tả niềm tin còn non yếu nơi tất cả các ông khi các ông nghĩ Thầy là ma (280[3]) hoặc sợ chìm xuống nước khi đi trên biển mà đến với Thầy (280[4]). Chính trong hành trình này mà các ông cũng có nguy cơ biểu lộ sự rút lui như nhiều người không tiếp nhận Chúa khi Ngài rao

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
muộn, các môn đệ xin Đức Ki-tô cho đám người đông đảo đang ở với Ngài ra về.	đệ nài xin Đức Giê-su, chiều đã đến, giải tán đám đông.	xin Đức Giê-su giải tán đám đông đang ở đó.
[3]*Điểm thứ hai*. Đức Ki-tô Chúa chúng ta ra lệnh cho các môn đệ mang bánh đến cho Ngài, và Ngài truyền cho người ta ngồi vào bàn, và Ngài làm phép và bẻ ra, và trao bánh cho các môn đệ của Ngài, và các môn đệ cho đám đông.	[3]*Thứ hai*. Đức Ki-tô ra lệnh cho người ta đem bánh đến cho Ngài và cho đám đông ngồi xuống; và Ngài làm phép trên bánh, và bẻ ra và trao cho các môn đệ, và các môn đệ trao cho đám đông.	[3]*Thứ hai*. Ngài ra lệnh cho các ông đem bánh các ông có, và sau lời chúc tụng, Ngài bẻ ra đưa cho các môn đệ để các ông đem đến cho đám đông mà Ngài đã cho ngồi xuống.
[4]*Điểm thứ ba*. *(Họ ăn và được no nê, và còn lại mười hai giỏ.)*	[4]*Thứ ba*. Họ ăn và no thỏa, và còn lại mười hai giỏ.	[4]*Thứ ba*. *(Họ ăn và no thỏa, và còn lại mười hai giỏ.)*
284. [1]VỀ VIỆC BIẾN HÌNH CỦA ĐỨC KI-TÔ, TH. MÁT-THÊU VIẾT Ở CHƯƠNG 17, 1 – 13	**284.** [1]VIỆC BIẾN HÌNH, MÁT-THÊU 17	**284.** [1]VIỆC BIẾN HÌNH CỦA ĐỨC KI-TÔ, MÁT-THÊU 17
[2]*Điểm thứ nhất*. Khi đưa ba môn đệ yêu dấu Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an đi theo mình, Đức Ki-tô Chúa chúng ta đã biến hình đổi dạng, và	[2]*Thứ nhất*. "Khi đem theo Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an, mặt Ngài tỏa sáng như mặt trời, và y phục Ngài như tuyết".	[2]*Thứ nhất*. Đang khi đem ba môn đệ rất yêu quí là Phê rô, Gio-an và Gia-cô-bê theo, Đức Giê-su đã được biến hình, và mặt Ngài sáng chói như

giảng trong Đền Thờ (288[3]), hoặc ngược lại, có cơ hội đạt đến mức độ nên một với Chúa như La-za-rô vốn sẽ mang lấy chính thân phận của Thầy mình sau khi được phục sinh từ cõi chết (Ga 12,10). Cuối cùng thánh I-nhã cho thấy các tông đồ đã diễn đạt lòng mến của mình đối với Chúa khi trải quần áo mình trên lưng con lừa cho Chúa cưỡi lên (287[2]).

Dù đạt đến sự hiệp nhất với Thầy trong tình yêu như La-za-rô, dù trải áo ra để Thầy ngồi lên, nhưng tình yêu đó còn phải được tinh luyện nhờ cuộc khổ nạn. Đó cũng là hành trình đào luyện tình yêu của thao viên vốn ngang qua cuộc chiến của Hai Cờ Hiệu, vươn lên sự gắn bó của cách khiêm nhường thứ ba (167) và chuẩn bị bước vào cuộc tinh luyện đó.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mặt Ngài chói lọi như mặt trời, và y phục Ngài như tuyết.		mặt trời, và y phục Ngài trở nên trắng như tuyết.
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài đàm đạo với ông Mô-sê và Ê-li-a.	[3]*Thứ hai*. Ngài đàm đạo với Mô-sê và Ê-li-a.	[3]*Thứ hai*. Ngài đàm đạo với Mô-sê và Ê-li-a.
[4]*Điểm thứ ba*. Khi thánh Phê-rô nói làm ba chiếc lều, thì có tiếng từ trời vang lên, phán rằng: (*Người này là Con yêu dấu của Ta, các ngươi hãy nghe lời Người*); [5]khi nghe thấy tiếng ấy, các môn đệ của Ngài vì sợ hãi, ngã sấp mặt xuống đất, và Đức Ki-tô Chúa chúng ta chạm vào họ, và nói: (*Hãy đứng dậy và đừng sợ; đừng nói thị kiến này cho ai biết cho tới khi Con Người phục sinh*).	[4]*Thứ ba*. Trong khi Phê-rô nói làm ba lều, một tiếng phát ra từ trời; (*Người này là Con yêu dấu của Ta, các ngươi hãy nghe lời Người*); [5]trong khi nghe tiếng ấy, các môn đệ, trong nỗi sợ hãi, đã té sấp mặt xuống đất; Đức Giê-su đụng đến các ông và nói; (*Hãy đứng lên và đừng sợ hãi nữa; Đừng nói thị kiến này cho ai, cho đến khi Con Người phục sinh.*)	[4]*Thứ ba*. Ngay khi Phê rô xin làm ba chiếc lều, thì một tiếng phát ra từ trời: *(Người này là Con yêu dấu của Ta, các ngươi hãy nghe lời Người.)* [5]Và các môn đệ, sợ hãi, lăn ra đất, Đức Ki-tô, đang khi đụng vào các ông và nói: *(Hãy đứng lên và đừng sợ hãi nữa; Đừng nói thị kiến này cho ai, cho đến khi Con Người phục sinh từ cõi chết.)*

III. TUẦN THỨ BA: TÍNH THỬ THÁCH TRONG ĐỜI SỐNG SOI SÁNG

Trước khi bàn về hướng thần học của tuần thứ ba, chúng ta nói đến mục đích của tuần này và đưa ra những ghi nhận trong những mầu nhiệm.

1. Mục đích của tuần ba

Để có thể hiểu được mục đích của tuần ba, chúng ta tìm hiểu cách sắp xếp các mầu nhiệm của nó. Trong tuần ba, thánh I-nhã đề nghị một danh sách gồm mười mầu nhiệm cho việc tập luyện (289-298). Việc sắp xếp các mầu nhiệm ở đây không đi theo các chủ đề như tuần hai, nhưng theo diễn biến của thời gian theo từng giai đoạn trong cuộc khổ nạn và kết hợp các Tin Mừng với nhau. Việc sắp xếp này có lẽ được rút ra từ tác phẩm Vita Jesu Christi của Ludolphe dòng Chartreux, đặc biệt từ số 290-298 *(Ignace de Loyola, Ecrits, traduits et presentés sous la direction de M. Giuliani, C. Christus 76, Desclée de Brouwer, Paris 1991,*

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
285. [1]VỀ VIỆC PHỤC SINH LA-ZA-RÔ, GIO-AN CHƯƠNG 11, 1–44	**285.** [1]PHỤC SINH LA-ZA-RÔ, GIO-AN 11	**285.** [1]PHỤC SINH LA-ZA-RÔ, GIO-AN 11
[2]*Điểm thứ nhất*. Bà Mát-ta và Ma-ri-a cho Đức Ki-tô Chúa chúng ta biết bệnh của anh La-za-rô; khi đã biết điều đó, Ngài còn ở lại hai ngày để phép lạ còn hiển nhiên hơn.	[2]*Thứ nhất*. Mát-ta và Ma-ri-a cho Đức Ki-tô biết bệnh tình của La-za-rô; khi biết được điều này, chính Ngài còn ở lại hai ngày để cho phép lạ được tỏ bày rõ ràng.	[2]*Thứ nhất*: Đang khi hay tin La-za-rô bị bệnh, Đức Ki-tô ở lại tại chỗ trong hai ngày. Để cho phép lạ được rõ ràng.
[3]*Điểm thứ hai*. Trước khi làm cho anh ta sống lại, Ngài yêu cầu cả chị này và chị kia hãy tin khi nói: (*Ta là sự sống lại và là sự sống; ai tin vào Ta, thì dù có chết, cũng sẽ được sống.*)	[3]*Thứ hai*. Trước việc cho sống lại, Ngài đòi hỏi đức tin nơi chị này và chị kia, khi nói: (*Ta là sự sống lại và là sự sống; Ai tin vào Ta, dù đã chết, sẽ sống.*)	[3]*Thứ hai*. Trước khi phục sinh người đã chết, Ngài khêu gợi niềm tin của hai chị em: *(Ta là sự sống lại và là sự sống; Ai tin vào Ta, dù đã chết, sẽ sống.)*
[4]*Điểm thứ ba*. Ngài làm cho anh ta sống lại sau khi đã khóc than và	[4]*Thứ ba*. Ngài phục sinh anh ta. Sau khi khóc than và cầu nguyện; Ngài	[4]*Thứ ba*. Sau khi đã khóc với chị và cầu nguyện, Ngài phục sinh

207). Ít nhất có 5 yếu tố rút ra từ đó: Chúa Rửa chân cho Giu-đa (289[3]# Vit. II,54,5), con số 8 môn đệ (290[3]# Vit. II, 59,1), áo Chúa dính đầy máu khi hấp hối (290[4]# Vit. II, 59,4), Phê-rô chối Chúa lần thứ nhất ở nhà An-na và hai lần khác ở nhà Cai-pha (291[5]# Vit. II, 60) và Chúa bị trói suốt đêm (191[5]# Vit. II, 60).

Ngoài việc thích nghi theo tuổi tác(205) hoặc ý hướng kéo dài hay rút ngắn thời gian của tuần Linh Thao này (209), người ta trở về chương trình bình thường của năm cuộc thao luyện: hai cuộc vào nửa đêm và ban sáng, hai cuộc phục niệm vào giờ thánh lễ và giờ kinh chiều và một cuộc áp dụng ngũ quan (204).

Các mầu nhiệm được đề nghị cho 7 ngày thao luyện như sau: ngày thứ nhất hai mầu nhiệm từ lúc Đức Ki-tô Chúa chúng ta từ Bê-ta-ni-a lên Giê-ru-sa-lem đến hết bữa tiệc ly (190/ 289) và từ bữa tiệc ly đến hết những việc xảy ra ở Vườn Dầu (200/ 290); ngày thứ hai từ Vườn Dầu đến hết nhà An-na (208[1]/ 291) và từ nhà An-na đến hết các việc ở Nhà Cai-pha (208[1]/ 292); ngày thứ ba từ Nhà Cai-pha đến hết Dinh Phi-la-tô (208[3]/ 293) và từ Dinh Phi-la-tô đến hết Dinh Hê-rô-đê (208[3]/ 294); ngày thứ bốn từ Dinh Hê-rô-đê về Dinh Phi-la-tô (208[5]/295) với

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
cầu nguyện; và cách thức làm cho anh ta sống lại là truyền lệnh: (*Hỡi La-za-rô, hãy ra ngoài*).	phục sinh anh ta với quyền năng khi nói; (*Hỡi La-za-rô, hãy ra ngoài.*)	anh ta; và cách Ngài dùng để phục sinh anh ta là một lệnh truyền: *(Hỡi La-za-rô, hãy ra ngoài).*
286. [1]VỀ BỮA ĂN TỐI Ở BÊ-TA-NI-A, MT CH. 26, 1–13	**286.**[1]BỮA TIỆC Ở BÊ-TA-NI-A, MÁT-THÊU 26	**286.** [1]BỮA ĂN Ở BÊ-TA-NI-A, MÁT-THÊU 26
[2]*Điểm thứ nhất*. Chúa ăn tối trong nhà ông Si-mon phong cùi, cùng với anh La-za-rô.	[2]*Thứ nhất*. Chúa dùng bữa trong nhà ông Simon cùi, nơi La-za-rô được cùng bàn với Ngài.	[2]*Thứ nhất*. Đức Ki-tô dùng bữa trong nhà ông Simon cùi, và cũng có La -za-rô.
[3]*Điểm thứ hai*. Chị Ma-ri-a đổ dầu thơm trên đầu Đức Ki-tô.	[3]*Thứ hai*. Ma-ri-a đổ dầu thơm lên đầu Ngài.	[3]*Thứ hai*. Chị Ma-ri-a đổ dầu thơm trên đầu Ngài.
[4]*Điểm thứ ba*. Giu-đa càu nhàu, nói: (*Việc phung phí dầu thơm này để làm gì?*) Nhưng một lần nữa Ngài bào chữa cho chị Ma-đa-lê-na khi nói: (*Tại sao lại làm phiền lòng người phụ nữ này, bởi lẽ chị ấy đã làm một việc tốt đối với Thầy?*)	[4]*Thứ ba*. Giu-đa càu nhàu, khi nói; (*Việc phung phí dầu thơm này có gì tốt?*); nhưng Chúa bào chữa cho chị Ma-đa-lê-na một lần nữa, khi nói; (*Tại sao lại làm phiền lòng người phụ nữ này? Chính vì một việc tốt mà chị ta đã thực hiện cho Thầy.*)	[4]*Thứ ba*. Giu-đa càu nhàu: *(Việc phung phí này có gì tốt?)* Nhưng Đức Ki-tô, một lần nữa bào chữa cho chị Ma-đa-lê-na: *(Tại sao lại làm phiền lòng người phụ nữ này? Chính vì một việc tốt mà chị ta đã thực hiện cho Thầy.)*
287. [1]CHỦ NHẬT LỄ LÁ, MT CH. 21, 1 – 11	**287.**[1]CHÚA NHẬT	**287.** [1]NGÀY RƯỚC LÁ,

nửa các mầu nhiệm xảy ra ở đó và một nửa khác vào cuộc thao luyện khác (208[6]/ 295); ngày thứ năm từ Dinh Phi-la-tô đến việc Đóng Đinh Trên Thánh Giá (208[7]/ 296) và việc Treo Trên Thánh Giá đến Khi Tắt Thở (208[7]/297); ngày thứ sáu từ khi Hạ Xác Chúa cho đến Mồ (208[8]/ 298) và từ Mồ đến nhà Đức Mẹ (208[8]); cuối cùng, vào ngày thứ bảy thao viên phục niệm toàn bộ cuộc thương khó (208[9-11]).

Như vậy, ngoài ngày thứ bảy ra, có mười mầu nhiệm cho sáu ngày trong đó ngày thứ tư có một mầu nhiệm (208[5-6]) và ngày thứ sáu cũng chỉ có một mầu nhiệm cùng với một mầu nhiệm không có trong Kinh Thánh nhưng thuộc về truyền thống (208[8]).

Bản văn A	Bản văn P RƯỚC LÁ, MÁT-THÊU 21	Bản văn V MÁT-THÊU 21
[2]*Điểm thứ nhất*. Chúa sai đi tìm con lừa cái và con lừa con khi nói: (*Hãy cởi chúng ra và dẫn chúng đến cho Thầy; và nếu có ai nói với anh em điều gì, thì hãy nói rằng Chúa cần đến, và tức khắc họ sẽ để cho chúng đi*).	[2]*Thứ nhất*. Chúa sai hai môn đệ để họ đem đến một con lừa cái và một con lừa con, khi nói: (*Tháo chúng ra và dẫn chúng về cho Thầy; và nếu có ai hỏi anh em điều gì, hãy nói rằng Chúa cần đến chúng. Và ngay tức khắc người ấy để cho chúng đi.*)	[2]*Thứ nhất*. Chúa đã ra lệnh rằng con lừa mẹ và con của nó được đem về: *(Tháo chúng ra và dẫn chúng về cho Thầy; và nếu có ai hỏi anh em điều gì, hãy nói rằng Chúa cần đến chúng. Và ngay tức khắc người ấy để cho chúng đi.)*
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài cưỡi lên con lừa cái được che phủ bằng những chiếc áo của các tông đồ.	[3]*Thứ hai*. Ngài cưỡi lên con lừa cái, được che phủ bằng những chiếc áo của các tông đồ.	[3]*Thứ hai*. Ngài cưỡi lên con lừa cái, được che phủ bằng những chiếc áo của các tông đồ.
[4]*Điểm thứ ba*. Người ta ra đón tiếp Ngài, khi họ trải áo của họ và những cành lá lên đường và nói: (*Xin cứu chúng tôi, con vua Đavít; chúc tụng*	[4]*Thứ ba*. Một đám đông đến gặp Ngài, trong khi trải áo xống của họ và những cành cây, họ hô: (*Hoan hô, Con Vua Đavit; Chúc tụng Đấng đến nhân danh Chúa;*	[4]*Thứ ba*. Dân chúng khi đến gặp Ngài để tiếp đón Ngài, trải lên con đường bằng y phục của họ và bằng những cành cây, và họ ca hát: *(Hoan hô-nghĩa là xin cứu chúng*

Sự phân phối này biểu lộ tính liên tục của tuần ba đối với tuần hai khi chiêm niệm hai hay một mầu nhiệm trong một ngày. Tuy nhiên, nó cũng mang dấu vết của sự thử thách hay trắc nghiệm khi hai ngày thứ tư và thứ sáu chỉ có một mầu nhiệm trong khi các ngày khác đều có hai mầu nhiệm. Dầu vậy, một mầu nhiệm trong hai ngay này vẫn có hiện tượng chia đôi (208[5-8]), dấu chỉ không có sự liên kết nên một giữa thao viên với Đức Kitô như trong Tuần hai *(x. chú giải 161[1-7])*.

Tóm lại, mục đích tuần ba vừa tiếp tục đào luyện vế thứ nhất của bài Lời Gọi như tuần hai, vừa đào sâu theo hướng trắc nghiệm và thử thách.

2. Những ghi nhận về các mầu nhiệm

Có một số ghi nhận về các mầu nhiệm được diễn tả trong các bản văn như sau:

- Thứ nhất, có ba lần bản A trích dẫn Kinh Thánh sai so với các mầu nhiệm: mầu nhiệm đã được thực hiện từ Vườn cho đến hết khi ở nhà ông An-na thuộc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Đấng nhân danh Chúa mà đến. Xin cứu chúng tôi từ trên chốn trời cao.)	*Hoan hô trên các tầng trời.*)	*tôi-hỡi Con Vua Đavit; Chúc tụng Đấng đến nhân danh Chúa; Hoan hô trên những chốn cao vời.)*
288. [1]VỀ VIỆC RAO GIẢNG TRONG ĐỀN THỜ, LC CH. 19, 47-48	**288.** [1]VIỆC RAO GIẢNG TRONG ĐỀN THỜ, LU-CA 19	**288.** [1]VIỆC RAO GIẢNG TRONG ĐỀN THỜ, LU-CA 19
[2]*Điểm thứ nhất*. Ngài giảng dạy mỗi ngày trong Đền Thờ.	[2]*Thứ nhất*. Ngài giảng dạy mỗi ngày trong Đền Thờ.	[2]*Thứ nhất*. Ngài giảng dạy hằng ngày trong Đền Thờ.
[3]*Điểm thứ hai*. Sau khi giảng xong, vì không có ai tiếp nhận Ngài ở Giê-ru-sa-lem, nên Ngài trở lại Bê-ta-ni-a.	[3]*Thứ hai*. Khi việc rao giảng kết thúc, như thể không có ai tiếp nhận Ngài ở Giê-ru-sa-lem, Ngài trở về Bê-ta-ni-a.	[3]*Thứ hai*. Sau khi rao giảng xong, Ngài trở về Bê-ta-ni-a, vì không ai tiếp nhận Ngài ở Giê-ru-sa-lem
289.[1]VỀ BỮA TIỆC LY, MT 26, GA 13, 1 – 30	**289.** [1]BỮA TIỆC LY CỦA CHÚA, MÁT-THÊU 26 VÀ GIO-AN 13	**289.** [1]BỮA ĂN LY BIỆT, MÁT-THÊU 26 VÀ GIO-AN 13
[2]*Điểm thứ nhất*. Ngài ăn thịt con chiên vượt qua cùng với mười hai tông đồ của Ngài, Ngài báo trước cái chết của Ngài cho họ: (*Quả thật, Thầy*	[2]*Thứ nhất*. Ngài ăn chiên vượt qua với mười hai tông đồ của Ngài, mà Ngài báo trước cái chết cho họ: (*Thật, Thầy nói*	[2]*Thứ nhất*. Ngài ăn con chiên vượt qua với các môn đệ, và Ngài báo cho các ông về cái chết sắp đến của Ngài: *(Thật, Thầy nói cho anh em biết*

Tin Mừng Mc 14 trong khi bản A lại ghi là chương 15 (291[1]); mầu nhiệm từ nhà ông Cai-pha cho đến hết khi ở nhà ông Phi-la-tô thuộc Mt 27 mà bản A ghi ở Mt 26; cũng thế về những mầu nhiệm từ nhà ông Hê-rô-đê đến nhà ông Phi-la-tô ở Mt 27 cũng được ghi Mt 26. Các bản P và V đều sửa lại cho am hợp với Kinh Thánh: lần thứ nhất P chỉ ghi Mt 26 nhưng thiếu Lc và Mc trong khi V ghi cả ba Tin Mừng và sửa Mc 15 thành Mc 14; lần thứ hai cả hai bản P và V sửa Mt 26 thành Mt 27 và bản V còn thêm Ga 18 (293[1]); sau cùng lần thứ ba, bản P không rõ ràng vì chỉ nói trích dẫn Tin Mừng như trên trong khi bản V sửa Mt 26 thành Mt 27 (295[1]).

- Thứ hai, Có hai lần thánh I-nhã sửa bản A: lần thứ nhất tại điểm thứ nhất của mầu nhiệm từ nhà ông Cai-pha cho đến hết dinh Phi-la-tô (293[2]), ngài gạch bỏ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nói cho anh em biết rằng một người trong anh em sẽ bán Thầy.)	*cho anh em biết rằng một trong anh em sẽ nộp Thầy.*)	*rằng một trong anh em sẽ nộp Thầy.)*
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài rửa chân cho các môn đệ, cả chân Giu-đa nữa, bắt đầu từ thánh Phê-rô; ông này vì suy xét đến sự uy nghi của Chúa và sự thấp hèn của riêng mình, nên không muốn chấp nhận, đã nói: [4](*Lạy Chúa, Chúa rửa chân con sao?*). Nhưng thánh Phê-rô đã không biết rằng, ở trong việc đó, Ngài đã nêu gương về sự khiêm nhường, và vì thế Ngài nói: (*Thầy đã làm gương cho anh em để anh em làm như Thầy đã làm.*)	[3]*Thứ hai*. Ngài rửa chân các môn đệ, cả chân Giu-đa nữa, bằng cách bắt đầu từ Phê-rô, khi thấy sự cao cả của Chúa và sự thấp hèn của mình, Phêrô đã cưỡng lại và nói rằng; [4](*Lạy Chúa, Chúa mà lại rửa chân cho con ư?*) Phê-rô không biết rằng Ngài đưa ra một gương khiêm nhường về điều đó, và chính vì thế Ngài nói; (*Thầy đã làm gương cho anh em, để, như Thầy, Thầy đã làm, anh em cũng hãy làm.*)	[3]*Thứ hai*. Ngài rửa chân cho các ông, kể cả Giu-đa, bằng cách khởi đầu từ Phê rô là kẻ, suy xét thấy sự cao cả của Đức Ki-tô và sự bất xứng của mình, nên đã chống lại: [4]*(Lạy Chúa, Chúa mà lại rửa chân cho con ư?)* Bởi vì ông không biết rằng Chúa đưa ra một gương khiêm nhường, Ngài tuyên bố sau đó; *(Thầy đã làm gương cho anh em, để, như Thầy, Thầy đã làm, anh em cũng hãy làm.)*
[5]*Điểm thứ ba*. Ngài thiết lập hiến lễ cực thánh của phép Thánh Thể, như dấu chỉ rất cao cả về tình yêu của Ngài khi nói: (*Hãy cầm lấy mà ăn*). Khi ăn bữa tối xong, Giuđa đi ra để bán Đức Ki-tô Chúa chúng ta.	[5]*Thứ ba*. Ngài thiết lập bí tích Thánh Thể rất cao trọng của, như dấu chỉ rất bao la về tình yêu của Ngài, khi nói: (*Hãy cầm lấy và ăn.*) Khi bữa tiệc chấm dứt, Giu-đa ra đi để trao nộp Đức Ki-tô.	[5]*Thứ ba*. Ngài thiết lập bí tích Thánh Thể rất cao trọng, như dấu chỉ tình yêu rất bao la của Ngài, khi tuyên bố những lời này: *(Hãy cầm lấy và ăn)*. Khi bữa tiệc kết thúc, Giu -đa ra đi để bán Ngài.

cụm từ "tất cả dân chúng đê hèn người Do Thái" và thay thế bằng cụm từ "tất cả đám đông người Do Thái" có lẽ để loại bỏ tính kỳ thị; lần thứ hai ở điểm thứ hai của mầu nhiệm ở trên Thập Giá (297[5]), cụm từ "đá của các mồ mả mở tung ra, màn trong Đền Thờ đã bị xé rách", ngài gạch bỏ từ ngữ "đá" và " bị xé rách" và viết lại: "các mồ mả mở tung ra và màn trong Đền Thờ bị xé làm đôi từ trên xuống" nhằm cho hợp với Kinh Thánh. Cả hai bản văn P và V đều viết theo hướng bản A đã chỉnh sửa rồi. Yếu tố này cho phép xác định hai bản

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
290. [1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TỪ BỮA ĂN TỐI CHO ĐẾN HẾT KHI Ở TRONG VƯỜN, MT CH 26 VÀ MÁC-CÔ CH 14	**290.**[1]CÁC MẦU NHIỆM, TỪ BỮA TIỆC LY ĐẾN HẾT KHI Ở VƯỜN, MÁT-THÊU 26	**290.** [1]NHỮNG MẦU NHIỆM ĐƯỢC HOÀN TẤT SAU BỮA TIỆC VÀ TRONG VƯỜN, MT 26 VÀ MC 14
[2]*Điểm thứ nhất*. Khi bữa ăn tối đã xong và đang khi hát bài thánh thi, Chúa đi đến núi Ôliu cùng với các môn đệ đầy sợ hãi của Ngài; và để tám người ở lại vườn Ghết-sê-ma-ni khi nói: (*Anh em hãy ngồi ở đây, còn Thầy lại đằng kia để cầu nguyện.*)	[2]*Thứ nhất*. Sau khi bữa tiệc ly chấm dứt, Thánh Thi kết thúc, Chúa ra đi, với mười một môn đệ đang sợ hãi, để lên núi cây dầu; Ngài để tám môn đệ ở vườn Ghết-sê-ma-ni: (*Anh em hãy ở lại đây, trong khi Thầy sẽ đi đến nơi kia và cầu nguyện.*)	[2]*Thứ nhất*. Khi bữa tiệc đã kết thúc và thánh thi đã được hát, Đức Ki-tô đi ra núi cây dầu với mười một môn đệ đầy sợ hãi; và Ngài ra lệnh cho tám ông ở lại vườn Ghết-sê-ma-ni: *(Anh em hãy ở lại đây, trong khi Thầy sẽ đi đến nơi kia và cầu nguyện.)*
[3]*Điểm thứ hai*. Trong	[3]*Thứ hai*. Trong khi	[3]*Thứ hai*. Trong khi

P và V viết sau và dựa vào bản sửa của A; sau cùng ở tựa đề của mầu nhiệm số 298 bản A viết: "về những mầu nhiệm đã được thực hiện từ trên Thập Giá", thánh I-nhã thêm vào cụm từ: "cho đến khi ở trong mồ". Bản P đi theo bản sửa này trong khi bản V chỉ nói chung về "mầu nhiệm cuộc mai táng" (298[1]). Như thế ngài chuyển điểm nhấn của bài chiêm niệm từ từng mầu nhiệm sang từng giai đoạn cho hợp với chủ đích tuần ba về các mầu nhiệm.

- Thứ ba, về những mầu nhiệm ở trên Thập Giá (297), ta thấy có sự đảo lộn các điểm chiêm niệm ở các bản văn, nghĩa là bản A có một thứ tự khác với P và V. Thứ tự của A là: Những lời Chúa nói trên Thập Giá ở điểm thứ nhất trở thành điểm thứ hai của bản P và V – những điểm lạ xuất hiện lúc Chúa chết ở điểm hai của bản A thành điểm thứ ba của P và V – và những lời chế nhạo Chúa ở điểm thứ ba của A trở thành điểm thứ nhất của P và V. Theo luận lý, P và V chỉnh sửa thứ tự bản A cho đúng với trật tự thời gian.

Cũng trong mầu nhiệm này, ta thấy có sự trích dẫn Kinh Thánh khác nhau giữa các bản văn: khi Chúa kêu Ta khát, theo Mát-thêu, người Do Thái cho Chúa uống rượu và mật đắng (Mt 27,34) trong khi các Tin Mừng khác đều nói rằng họ cho Chúa uống giấm chua (Mc 15,38; Lc 23,37; Ga 19,22). Bản A và P kết hợp Mt và các Tin Mừng khác, nhưng không nói đến rượu, trong khi V chỉ trích dẫn các Tin Mừng khác.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
khi đem theo thánh Phê-rô, thánh Gia-cô-bê và thánh Gio-an, Ngài cầu xin cùng Chúa ba lần, Ngài nói: (*Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho chén này xa khỏi con; tuy nhiên, xin đừng để ý muốn của con được thực hiện, mà là ý muốn của Cha.*) Và trong cơn hấp hối, Ngài cầu xin khẩn thiết hơn.	đem theo Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an, Ngài cầu nguyện ba lần với Thiên Chúa, khi nói: (*Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho chén này qua đi xa con; tuy nhiên, xin cho điều ấy không phải là ý muốn của con, nhưng mà ý muốn của Cha được thực hiện.*) Và trong khi hấp hối, Ngài cầu nguyện khẩn thiết hơn.	đem theo ba ông đi với Ngài, Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an, Ngài cầu nguyện ba lần, khi nói: *(Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho chén này xa đi khỏi con; tuy nhiên, xin cho điều ấy không phải là ý muốn của con, nhưng mà ý muốn của Cha được thực hiện)*; và thấy mình trong cơn hấp hối, Ngài cầu nguyện khẩn thiết hơn.
[4]*Điểm thứ ba.* Ngài sợ hãi đến nỗi Ngài nói: (*Linh hồn Ta buồn rầu đến chết được*); và Ngài đổ mồ hôi bằng máu nhiều đến nỗi thánh Lu-ca nói: (*Mồ hôi Ngài như những giọt máu chảy xuống đất*), điều này giả thiết là y phục Ngài đã đầy máu.	[4]*Thứ ba*. Sau khi cảm nhận sự sợ hãi và mệt mỏi, khi đó Ngài nói: (*Linh hồn Ta buồn rầu đến chết được*), Ngài cảm nhận một sự kinh hãi đến nỗi Ngài chảy rất nhiều mồ hôi mà Lu-ca nói: (*mồ hôi trở nên như những giọt máu rơi xuống đất*), điều vốn giả thiết y phục Ngài đã thấm đẫm	[4]*Thứ ba*. Như thể Ngài để cho sự sợ hãi chiếm hữu Ngài đến nỗi Ngài nói: *(Linh hồn Ta buồn rầu đến chết được)*, Ngài chảy mồ hôi máu tràn trề, theo như lời chứng của Lu-ca: *(mồ hôi trở nên như những giọt máu rơi xuống đất)*. Từ đó được phép ước đoán rằng y phục Ngài đã thấm đẫm máu.

– Thứ bốn, về mầu nhiệm sau cùng, tức cuộc thao luyện thứ hai của ngày thứ sáu: "Mầu nhiệm từ mồ thánh đến nhà Đức Mẹ sau khi Con mình được chôn cất" (208[8b]) là mầu nhiệm được xác định vào ngày thứ sáu, nhưng lại không có trong danh mục của "Những Mầu Nhiệm về Cuộc Đời Đức Ki-tô Chúa chúng ta" (x. 289-298). Mầu nhiệm này cũng không được khai triển ở bất cứ nơi nào trong Kinh Thánh mà chỉ thuộc về tâm tình đạo đức mà thôi.

3. Ý hướng thần học của tuần ba

Để tìm hiểu ý hướng thần học về cuộc khổ nạn của Chúa Ki-tô trong tuần ba, chúng ta đưa ra một số ghi nhận ở trong chính những mầu nhiệm:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
máu.		
291. [1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TỪ VƯỜN CHO ĐẾN HẾT KHI Ở NHÀ ÔNG AN-NA, MT 26, LC 22, MC 15	291. [1]NHỮNG MẦU NHIỆM XẢY RA TỪ VƯỜN ĐẾN HẾT Ở NHÀ AN-NA, MÁT-THÊU 26	**291.** [1]ĐỨC KI-TÔ BỊ BẮT VÀ BỊ ĐIỆU ĐẾN NHÀ ÔNG AN-NA, MÁT-THÊU 26, LU-CA 22 VÀ MÁC-CÔ 14
[2]*Điểm thứ nhất*. Chúa để cho ông Giu-đa hôn, và để bị bắt như một tên trộm cướp, Ngài nói với những người đến bắt Ngài: (*Các ngươi đến để bắt Ta như một tên trộm cướp, với gươm giáo và gậy gộc, trong khi hằng ngày Ta ngồi với các ngươi trong Đền Thờ để dạy dỗ mà các ngươi không bắt Ta.*) [3]và khi Ngài nói: (*Các ngươi tìm ai?*), những kẻ thù ngã xuống đất.	[2]*Thứ nhất*. Chúa nhận một nụ hôn của kẻ phản bội là Giu-đa và Ngài bị bắt như một tên trộm cướp bởi nhóm quân lính, mà với họ Ngài nói: (*Các ngươi đến tìm bắt Ta như một tên trộm cướp; hằng ngày Ta giảng dạy trong Đền Thờ giữa các ngươi, và các ngươi đã không bắt Ta.*) [3]Và như Ngài đã nói trước đó: (*Các ngươi tìm ai?*), Ngài đã làm cho những kẻ thù ngã lăn xuống đất.	[2]*Thứ nhất*. Chúa cho phép Giu-đa phản bội Ngài bằng một nụ hôn và người ta bắt Ngài như một tên trộm cướp: *(Các ngươi đến tìm bắt Ta như một tên trộm cướp; hằng ngày Ta giảng dạy trong Đền Thờ giữa các ngươi, và các ngươi đã không bắt Ta.)* [3] Và khi Ngài hỏi: *(Các ngươi tìm ai?)*, những kẻ thù của Ngài té nhào xuống đất.
[4]*Điểm thứ hai*. Thánh Phê-rô đả thương một người đầy tớ của vị thượng tế, Chúa dịu hiền	[4]*Thứ hai*. Phê-rô chém một người đầy tớ vị thượng tế; Chúa nhân hiền nói với ông: (*Hãy*	[4]*Thứ hai*. Với Phê-rô kẻ đã đánh một người đầy tớ của vị thượng tế, Ngài nói: *(Hãy xỏ gươm*

a/ Những ghi nhận

Có hai ghi nhận cần lưu ý:

- Trước hết về việc khai triển Kinh Thánh, chúng ta thấy rằng hầu hết các mầu nhiệm đều được rút ra từ những đoạn Kinh Thánh rõ ràng. Trong số 11 mầu nhiệm phân chia trong sáu ngày, chỉ có cuộc thao luyện thứ hai của ngày thứ ba (294) và mầu nhiệm thứ mười một, từ mồ thánh về nhà Đức Mẹ (208[8b]) là không xác định những đoạn Kinh Thánh tương ứng. Cuộc thao luyện thứ hai của ngày thứ hai theo bản A không ghi bản văn Kinh Thánh tương ứng, nhưng P và V đều xác định là Mt 26. Tuy nhiên cuộc thao luyện thứ hai của ngày thứ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nói với ông: (*Hãy xỏ gươm vào chỗ của nó*), và Ngài chữa lành vết thương của người đầy tớ.	*xỏ gươm vào chỗ của nó*), và Ngài chữa lành tên đầy tớ vừa bị chém.	*của ngươi vào vỏ)*, và Ngài chữa lành người đầy tớ.
[5]*Điểm thứ ba*. Bị các môn đệ bỏ rơi, Ngài bị dẫn đến nhà ông An-na, ở đó thánh Phê-rô, kẻ đã đi theo Ngài ở xa, chối Ngài một lần; và người ta vả má Đức Ki-tô khi nói với Ngài: (*Mày trả lời vị thượng tế như thế ư?*)	[5]*Thứ ba*. Bị bỏ rơi bởi các môn đệ, Ngài bị điệu đến cho ông An-na; Phê-rô theo Ngài từ xa, và ở đó ông đã chối Ngài một lần; và Đức Ki-tô bị vả má bởi một người đang nói với Ngài: (*Mày trả lời vị thượng tế như thế ư?*)	[5]*Thứ ba*. Bị bắt và bị những môn đệ bỏ rơi, Ngài bị điệu đến nhà ông An-na; ở đó, Ngài bị chối bỏ một lần bởi Phê-rô là kẻ đi theo đàng sau Ngài một chút và Ngài nhận một cái tát của một người đầy tớ kẻ chửi rủa Ngài: *(Mày trả lời vị thượng tế như thế ư?)*
292. [1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TỪ NHÀ ÔNG AN-NA CHO TỚI HẾT KHI Ở NHÀ ÔNG CAI-PHA	**292.** [1]ĐIỀU XẢY RA TỪ NHÀ ÔNG AN-NA ĐẾN HẾT KHI Ở NHÀ ÔNG CAI-PHA, MÁT-THÊU 26	**292.** [1]ĐIỀU ĐƯỢC HOÀN TẤT SAU ĐÓ TRONG NHÀ ÔNG CAI-PHA, MÁT-THÊU 26
[2]*Điểm thứ nhất*. Họ dẫn Ngài đang bị trói, từ nhà ông An-na đến nhà ông Cai-pha, ở đây thánh Phê-rô chối Ngài hai lần, và khi Chúa nhìn, (*ông ra ngoài khóc thảm thiết*)	[2]*Thứ nhất*. Ngài bị điệu, bị lôi đi, từ nơi ông An-na đến ông Cai-pha, nơi Phê-rô đã chối Ngài hai lần, và khi Chúa nhìn ông, (*ra ngoài, ông khóc lóc thảm thiết.*)	[2]*Thứ nhất*. Suy xét Ki-tô bị dẫn đi, bị trói, từ nơi ông An-na cho đến nhà ông Cai-pha, nơi Phê rô đã chối từ Ngài hai lần nữa, và Chúa nhìn ông, *(ra ngoài, Ông khóc lóc thảm thiết.)*
[3]*Điểm thứ hai*. Chúa	[3]*Thứ hai*. Đức Giê-su	[3]*Thứ hai*. Ngài vẫn bị

ba có chủ đề là "Những mầu nhiệm từ Phi-la-tô đến hết khi ở Hê-rô-đê chắc chắn chỉ có trong Tin Mừng Lu-ca (Lc 23,6-11). Vì đây thuộc truyền thống riêng của tác giả Tin Mừng thứ ba. Còn lại mầu nhiệm thứ mười một thuộc cuộc thao luyện thứ hai của ngày thứ sáu không có trong Kinh Thánh mà thuộc về truyền thống đạo đức mà thôi.

Tuy xác định Kinh Thánh khá rõ ràng cho các mầu nhiệm, nhưng việc khai triển lại khá phóng khoáng: Trong Mầu nhiệm thứ ba "Từ Vườn Dầu đến hết khi ở nhà An-na" (291), đoạn Kinh thánh tương đương được đề nghị là Mt 26, Lc22 và Mc 15, nhưng điểm chiêm niệm lại thuộc về Tin Mừng Gio-an. Vì các chi tiết

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Giê-su chịu trói suốt đêm.	bị trói giữ suốt đêm đó.	trói suốt đêm hôm đó.
[4]*Điểm thứ ba*. Ngoài ra, những kẻ giam giữ Ngài nhạo báng Ngài, và đánh đập Ngài, và bịt mặt Ngài, và vả má Ngài, và hỏi Ngài: (*Hãy nói tiên tri cho chúng ta, ai là kẻ đánh ngươi?*) Và họ nói phạm thượng bằng những lời tương tự.	[4]*Thứ ba*. Ngoài ra, những người bắt giữ Đức Giê-su phỉ báng Ngài, khi nói: (*hãy nói tiên tri đi, xem đứa nào đã đánh ngươi?*); và chúng nói chống lại Ngài bằng những lời phạm thượng tương tự.	[4]*Thứ ba*. Những tên lính canh vây quanh Ngài và chế nhạo Ngài, hành hạ Ngài và sau khi bịt mặt Ngài, chúng đánh đập Ngài và hỏi: *(hãy nói tiên tri đi, xem đứa nào đã đánh ngươi?)*; và chúng nói phạm thượng bằng những cách khác.
293. [1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TỪ NHÀ ÔNG CAI-PHA CHO ĐẾN HẾT KHI Ở DINH ÔNG PHI-LA-TÔ, MT 26, LC 23, MC 15	**293.** [1]ĐIỀU XẢY RA TỪ NHÀ ÔNG CAI-PHA ĐẾN HẾT KHI Ở DINH ÔNG PHI-LA-TÔ, MÁT-THÊU 27. LU-CA 23, MÁC-CÔ 15	**293.** [1]ĐỨC KI-TÔ BỊ TỐ CÁO NƠI PHI-LA-TÔ, MÁT-THÊU 27, LU-CA VÀ GIO-AN 18, MÁC-CÔ 15
[2]*Điểm thứ nhất*. ***Tất cả*** ~~[dân chúng đê hèn của người Do Thái]~~ ***đám đông Do Thái*** dẫn Ngài đến ông Phi-la-tô, và tố	[2]*Thứ nhất*. Ngài bị điệu đến ông Phi-la-tô và bị tố cáo trước mặt ông ta bởi đám đông người Do Thái, họ nói: (*Chúng tôi đã tìm*	[2]*Thứ nhất*. Đức Ki-tô sau đó bị điệu đến Phi-la-tô và vì thù oán mà Ngài bị người Do Thái tố trước mặt ông: *(Chúng tôi đã*

quân lính ngã xuống đất (291[2]), Phê-rô chối Chúa lần thứ nhất ở nhà An-na đều thuộc về Tin Mừng này – Hai mầu nhiệm 8 và 9 về những mầu nhiệm từ nhà Phi -la-tô đến thập giá và những mầu nhiệm ở thập giá đều khai triển theo Tin Mừng Gio-an (Ga 19,13-22 và 19, 23-27) nhưng lại thêm chi tiết về việc Simon vác thánh giá và các điểm lạ khi Chúa tắt thở thuộc về Tin Mừng Nhất lãm. Điểm chiêm niệm về bảy lời của Chúa trên Thập giá cũng chỉ có một lời trong Tin Mừng Gio-an mà thôi, trong khi đề tài lại có vẻ coi tất cả thuộc Tin Mừng này (x. 297).

Ngoài ra, thánh I-nhã diễn đạt chi tiết cũng không ăn khớp với Kinh Thánh. Chẳng hạn, ngài nói Hê-rô-đê khinh bỉ Chúa bằng cách mặc áo trắng cho Ngài

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
cáo Ngài trước mặt ông ta khi nói: (*Chúng tôi đã thấy tên này tìm cách làm cho dân tộc chúng tôi diệt vong và cấm nộp thuế cho vua Cêsar*).	*thấy tên này làm đất nước chúng tôi xáo trộn và ngăn cản người ta nộp thuế cho Cêsar.*)	*tìm thấy tên này làm đất nước chúng tôi xáo trộn và ngăn cản người ta nộp thuế cho Cêsar.)*
[3]*Điểm thứ hai*. Sau khi ông Phi-la-tô đã tra hỏi Ngài một lần và một lần nữa, ông Phi-la-tô nói: (*Ta không thấy người này có lỗi nào cả*).	[3]*Thứ hai*. Phi-la-tô, khi tra hỏi Ngài nhiều lần, đã nói: (*Ta, Ta không thấy nơi ông này bất cứ một lời buộc tội chính yếu nào;*)	[3]*Thứ hai*. Sau khi đã tra hỏi Ngài lần thứ nhất và lần thứ hai, Phi-la-tô đáp lại: *(Ta, Ta không thấy nơi ông này bất cứ một lời buộc tội chính yếu nào;)*
[4]*Điểm thứ ba*. Ba-ra-ba, tên trộm cướp, được họ ưa chuộng hơn Ngài: (*Mọi người kêu to lên khi nói: Không thả tên này, mà Ba-ra-ba*).	[4]*Thứ ba*. Tên trộm cướp Ba-ra-ba đã được ưa chuộng hơn Ngài: Họ la lên hết thảy, khi nói: (*Không phải nó, mà là Ba -ra-ba.*)	[4]*Thứ ba*. Những người Do Thái kêu la lớn tiếng rằng họ thích thả cho tên trộm cướp Ba-ra-ba hơn là cho Đức Ki-tô Giê-su: *(Không phải nó mà là Ba-ra-ba.)*
294. [1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TỪ DINH ÔNG PHI-LA-TÔ CHO ĐẾN KHI Ở NHÀ ÔNG HÊ-RÔ-ĐÊ	**294.** [1]ĐIỀU XẢY RA TỪ DINH ÔNG PHI-LA-TÔ ĐẾN ÔNG HÊ-RÔ-ĐÊ, CÙNG MỘT CHƯƠNG	**294.** [1]ĐỨC KI-TÔ BỊ GỞI SANG ÔNG HÊ-RÔ -ĐÊ, NHƯ TRÊN

(294[1]). Thực ra Hê-rô-đê mặc áo đỏ rực rỡ để chế nhạo Ngài (Lc 23,11). Tuy nhiên, đó lại là hình ảnh biểu tượng minh định Chúa là Đấng vô tội và để tránh sự trùng lấp với Tin Mừng Gio-an trong mầu nhiệm thứ bảy (295[3]).

- Thứ đến, khi chịu ảnh hưởng sâu xa thần học của Vita Jesu Christi, thánh I-nhã đã nhấn mạnh thêm nhiều phẩm chất khác nhau về cuộc khổ nạn của Chúa Ki-tô: Để nhắc lại nhục hình của Chúa trong lao khổ (95) hay làm rõ tính điên rồ của Chúa vì tình yêu (167), ngài thêm yếu tố "y phục Ngài thấm đầy máu" vào biến cố Chúa hấp hối trong Vườn Dầu theo Lu-ca (Lc 22,44 // Vit. II, 59,4); hoặc trong mầu nhiệm thứ tư, Chúa Bị điệu từ nhà An-na đến nhà Cai-pha, thánh I-nhã lấy tư tưởng của tác phẩm này để cho thấy Chúa đã bị trói suốt cả đêm (Vit. II,60).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]*Điểm thứ nhất*. Ông Phi-la-tô trao Chúa Giê-su, người xứ Ga-li-lê, đến ông Hê-rô-đê là quận vương xứ Ga-li-lê.	[2]*Thứ nhất*. Phi-la-tô trao Đức Giê-su với tư cách là người Ga-li-lê sang cho ông Hê-rô-đê, quận vương xứ Ga-li-lê.	[2]*Thứ nhất*. Phi-la-tô cho trao Đức Ki-tô đến ông Hê-rô-đê, vì xét rằng Ngài là người Ga-li-lê.
[3]*Điểm thứ hai*. Ông Hê-rô-đê, vì tò mò, tra hỏi Ngài nhiều điều, và Ngài không trả lời cho ông một điều gì, cho dù những luật sĩ và các thầy tư tế không ngừng tố cáo Ngài.	[3]*Thứ hai*. Hê-rô-đê, tò mò, tra hỏi Ngài khi đặt vô số câu hỏi, và Ngài, Ngài chẳng trả lời điều gì, trong khi các luật sĩ và tư tế không ngừng tố cáo Ngài.	[3]*Thứ hai*. Với Hê-rô-đê kẻ đòi những dấu lạ, Ngài hoàn toàn không trả lời một điều gì, mặc dù Ngài bị người Do Thái tố cáo cách dữ dội.
[4]*Điểm thứ ba*. Ông Hê-rô-đê, cùng với quân lính của ông, khinh bỉ Ngài bằng cách mặc cho Ngài một chiếc áo trắng.	[4]*Thứ ba*. Hê-rô-đê, cũng như quân lính của ông, đã đối xử với Ngài đầy sự khinh bỉ, bằng cách mặc lại cho Ngài một chiếc áo trắng.	[4]*Thứ ba*. Ngài bị Hê-rô-đê cũng như nhóm quân lính đối xử một cách khinh bỉ, và Ngài để họ mặc cho một áo trắng.
295. [1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TỪ NHÀ	**295.** [1]ĐIỀU XẢY RA TỪ NHÀ ÔNG HÊ-RÔ-ĐÊ ĐẾN ÔNG PHI-LA-	**295.** [1]ĐỨC KI-TÔ BỊ GỞI TỪ ÔNG HÊ-RÔ-ĐÊ ĐẾN ÔNG PHI-LA-

Cũng thế, để diễn tả Chúa nêu gương chinh phục kẻ thù đến cùng như trong bài Lời Gọi Vua Hằng Sống, thánh I-nhã xác định rõ hơn các Tin Mừng khi nói rằng Chúa rửa chân cho cả Giu-đa trong bữa tiệc ly, một chi tiết được rút ra từ Vita Jesu Christi (Vit. II, 54, 5).

b/ Những yếu tố chính trong ý hướng thần học

Ý hướng thần học ở đây chính là khía cạnh trắc nghiệm và thử thách tình yêu và sự chọn lựa trong cuộc khổ nạn với hai yếu tố:

- Thứ nhất, về gương mẫu Chúa Giê-su: tư tưởng chủ đạo để phác họa chân dung Đức Giê-su trong tuần ba là chính hai bài thao luyện Lời Gọi Vua Hằng Sống và Ba Cách Khiêm Nhường ở đó lời gọi "Theo Ta Trong Đau Khổ" (95[5]) và Cách khiêm nhường Thứ Ba (167) được làm nổi bật lên.

Quả vậy, ngay từ mầu nhiệm đầu tiên trong bữa tiệc ly, thành ngữ "Ngài đã nêu gương về sự khiêm nhường" (289[4b]) và "Phép Thánh Thể như dấu chỉ rất cao cả

Bản văn A	**Bản văn P**	**Bản văn V**
ÔNG HÊ-RÔ-ĐÊ, CHO TỚI DINH ÔNG PHI-LA-TÔ, MT 26, LC 23, MC 15 VÀ GA 19	TÔ, NHƯ TRÊN VÀ GIO-AN 19	TÔ, MÁT-THÊU 27, LU-CA 23, MÁC-CÔ 15 VÀ GIO-AN 19
[2]*Điểm thứ nhất*. Ông Hê-rô-đê gởi trả Ngài lại cho ông Phi-la-tô; do vậy mà họ trở thành bạn hữu, trong khi trước kia họ là kẻ thù.	[2]*Thứ nhất*. Hê-rô-đê trao Ngài trở lại; vì điều này Hê-rô-đê và Phi-la-tô hòa giải với nhau, trong khi trước đó họ là kẻ thù của nhau.	[2]*Thứ nhất*. Hê-rô-đê trả Đức Giê-su lại cho ông Phi-la-tô và vào cùng ngày, cả hai ông xưa kia là kẻ thù của nhau, nay được hòa giải với nhau.
[3]*Điểm thứ hai*. Ông Phi-la-tô bắt Chúa Giê-su và đánh đòn Ngài; và quân lính làm một triều thiên bằng gai, và đội trên đầu Ngài, và mặc cho Ngài chiếc áo đỏ sẫm, và đến gần Ngài và nói: (*Thiên Chúa cứu ông, lạy vua dân Do Thái*); và họ tát Ngài.	[3]*Thứ hai*. (*Phi-la-tô tiếp nhận Đức Giê-su và cho đánh đòn Ngài; và những người lính, trong khi kết một vương miện bằng gai, đã đặt nó lên đầu Ngài, và mặc cho Ngài một áo choàng đỏ sẫm; và chúng tiến đến gần Ngài và nói: Kính chào, Đức Vua người Do Thái!; và chúng vả má Ngài.*)	[3]*Thứ hai*. Phi-la-tô ra lệnh cho đánh đòn Đức Giê-su bằng roi; rồi quân lính đội vòng gai cho Ngài và mặc cho Ngài áo đỏ sẫm; sau đó trong khi chế diễu Ngài, họ nói: *(Kính chào, vua dân Do Thái)*, và cùng lúc họ vả má Ngài.
[4]*Điểm thứ ba*. Ông đưa Ngài ra ngoài, trước mặt mọi người: (*Vậy Chúa*	[4]*Thứ ba*. Ông đem Ngài ra ngoài, để cho mọi người xem thấy	[4]*Thứ ba*. Khi bị đội triều thiên bằng gai và bị cho mặc áo đỏ sẫm như

về tình yêu của Ngài" (289[5a]) đã được làm nổi bật. Khi lấy con đường tình yêu của sự khiêm nhường làm điểm khởi, mọi diễn biến khác đều được khai triển dưới khía cạnh điên dại này: không chỉ bị trói suốt đêm, Chúa Giê-su còn bị quân lính chế diễu, đánh đập, bịt mặt và xỉ vả (292[3-4]); Ngài bị người Do Thái vu khống trước Phi-la-tô và bị họ đòi đem đi đóng đinh trong khi đòi tha cho Ba-ra-ba (293[2-4]); Ngài bị Hê-rô-đê cùng với quân lính của ông khinh bỉ và mặc cho áo trắng (294[4]), bị Phi-la-tô cho đánh đòn và quân lính của ông đội cho Ngài triều thiên bằng gai nhọn, mặc áo điều thẫm và chế diễu cách lố bịch (295[3]); và sau cùng, chính Phi-la-tô đã quyết định trao Ngài cho quân lính đem đi đóng đinh cùng với những tên trộm cướp ở đó dân chúng báng bổ Chúa, quân lính chia nhau áo Ngài và lấy đòng đâm cạnh sườn Ngài (296[2]; 297[6]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Giê-su đi ra, mang triều thiên bằng gai và mặc áo đỏ sẫm; và ông Phi-la-tô nói với họ: Đây là người). Và khi các thượng tế thấy Ngài, họ la hét, nói: (*Hãy đóng đinh, hãy đóng đinh nó đi*).	Ngài: (*Đức Giê-su cũng đi ra, trong khi mang vương miện và áo choàng mầu đỏ sẫm*), và ông nói với họ: (*Đây là người*); và, khi xem thấy Ngài, những vị thượng tế la lên, và nói: (*Đóng đinh nó đi, đóng đinh nó đi!*)	thế, Phi-la-tô cho Ngài ra đứng trước công chúng và nói: *(Đây là người)*; Nhưng những vị thượng tế kêu la: *(Đóng đinh nó đi, đóng đinh nó đi!)*
296. [1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TỪ DINH ÔNG PHI-LA-TÔ TỚI HẾT KHI Ở TRÊN THẬP GIÁ, GA 19, 13–22	**296.** [1]ĐIỀU XẢY RA TỪ DINH ÔNG PHI-LA-TÔ ĐẾN HẾT KHI Ở THẬP GIÁ, GIO-AN 19	**296.** [1]VIỆC KẾT ÁN VÀ KHỔ HÌNH CỦA ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ. GIO-AN 19
[2]*Điểm thứ nhất*. Ông Phi-la-tô ngồi với tư cách	[2]*Thứ nhất*. Phi-la-tô, ngồi trên tòa, đã trao	[2]*Thứ nhất*. Ngồi trên toà, Phi-la-tô xét xử Đức

---

Cuộc khổ hình và cái chết của Chúa thuộc về hàng nô lệ đích thực, nhưng lại đụng chạm đến tất cả mọi người: ngay khi bị quân lính vây bắt, Chúa đã đứng ra chữa lành vết thương người đầy tớ viên thượng tế là kẻ đã bị Phê-rô đả thương (291[4]); chính khi bị đem đi xét xử, Chúa đã đem lại sự hoà thuận cho những giới lãnh đạo ngoại giáo (295[2]). Không chỉ thế, Chúa còn lấy tình yêu mà chinh phục các môn đệ bội phản khi rửa chân cho Giu-đa (289[3]), khi đưa mắt nhìn Phê-rô (292[2]). Sau cùng đang khi bị treo nhục nhã trên thập giá, Chúa thốt lên lời cầu xin cho những người đóng đinh mình, tha thứ cho tên trộm cướp sám hối (297[2]).

Nếu tình yêu khiêm nhường và tự hiến cách mù quáng và điên rồ của Chúa đi trước (167[4b]) đụng chạm đến mọi người, thì chắc chắn cũng đụng chạm đến chính bản thân thao viên. Ơn xin của họ muốn cảm nhận được Ngài đi vào cuộc thương khó vì tội của họ (193) và vì chính họ (203) hơn lúc nào hết, bây giờ tác động trên con tim của họ, để họ thực hiện một sự xác quyết cách dứt khoát và mạnh mẽ hơn nữa tâm tình của cách khiêm nhường thứ ba mà đi vào hành trình xây dựng tình yêu nên một với Chúa mình (167[1-3]). Bởi lẽ họ tìm được những mẫu gương liên kết với Chúa rất sống động: Thánh Gio-an và Đức Mẹ dưới chân thập giá (297[2]), ông Giu-se và Ni-cô-đê-mô xin xác Chúa để đem đi an táng (298[2-3]), và đặc biệt tâm trạng đau khổ tột cùng của Mẹ khi tiếp nhận xác Con mình và mai táng (298[2]), cũng như sau khi Ngài được an táng (208[8b]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
quan toà, trao Chúa Giê-su cho họ để họ đóng đinh Ngài sau khi những người Do Thái đã không chấp nhận Ngài là vua mà nói: (*Chúng tôi không có vua, trừ vua Cêsar*).	Đức Giê-su cho họ để Ngài bị đóng đinh thập giá, sau khi người Do Thái từ chối Ngài làm vua, khi nói: (*Chúng tôi không có vua, trừ Cêsar.*)	Ki-tô và trao Ngài để bị đóng đinh khổ hình, sau khi người Do Thái, muốn từ chối Ngài làm vua, đã nói: *(Chúng tôi không có vua nào cả, trừ Cêsar.)*
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài vác thập giá trên vai, và vì Ngài không có thể vác được, nên ông Simon, người Cyrênê, bị bắt buộc vác thập giá đi sau Chúa Giê-su.	[3]*Thứ hai*. Ngài vác trên mình cây thập giá; khi Ngài không thể vác được nó, Simon người Cyrênê bị bắt vác nó đi sau Đức Giê-su.	[3]*Thứ hai*. Đức Ki-tô vác trên mình cây thập giá cho đến khi, vì sự suy yếu của Ngài, nên ông Simon người Cyrênê bị ép vác nó đi sau Ngài.
[4]*Điểm thứ ba*. Họ đóng đinh Ngài ở giữa hai tên trộm cướp và treo lên tấm biển viết: (*Giê-su người Na-za-rét, vua dân Do Thái*).	[4]*Thứ ba*. Họ đóng đinh Ngài cùng với hai tên trộm cướp, mỗi tên một bên, với một tấm biển được treo ở bên trên: (*Giê-su người Na-za-rét, vua dân Do Thái.*)	[4]*Thứ ba*. Ngài bị đóng đinh giữa hai tên trộm cướp, cùng với một tấm biển: *(Giê-su người Na-za-rét, vua dân Do Thái).*
297. [1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN	297. [1]ĐIỀU XẢY RA TRÊN THẬP GIÁ, NHƯ TRÊN, GIO-	**297.** [1]NHỮNG MẦU NHIỆM ĐƯỢC XẢY RA TRÊN THẬP GIÁ,

– Thứ đến về sự thách đố đi theo Chúa: mặc dù khát vọng đáp lại tình yêu Đức Ki-tô dành cho mình là hệ quả tất yếu trong hành trình "Theo Ngài trong đau khổ", thế nhưng khát vọng ấy không phải không gặp những thách đố. Một lần nữa cuộc chiến của Hai Cờ Hiệu xét như tâm điểm của hành trình đi theo Chúa lại xuất hiện. Bởi lẽ kẻ thù của bản tính loài người không ngừng len lỏi vào tận cõi lòng họ để lôi kéo họ ra khỏi quĩ đạo tình yêu của Ngài: mặc lấy thái độ ngoan cố của dân Do Thái vốn chọn lựa tội lỗi khi đòi tha cho Ba-ra-ba (293[4]); trở nên phản đạo như dân Do Thái khi tuyên nhận Cêsar là vua của mình (296[2]); mặc lấy cách hành xử tàn bạo và man rợ của hàng binh lính (292[4]; 295[3]); mặc lấy lối sống thoả hiệp để nhắm mắt và diễu cợt trước sự thật như Hê-rô-đê (294[4]); mặc lấy tâm tình sợ hãi của các môn đệ (290[2]) đến nỗi có kẻ bán Thầy (289[2b]), kẻ chối Thầy (291[5]; 292[2]) còn những kẻ khác bỏ rơi

Bản văn A THẬP GIÁ, GA 19, 23–27	**Bản văn P** AN 19	**Bản văn V** GIO-AN 19
[2]*<u>Điểm thứ nhất</u>*. [3]Ngài nói bảy lời trên thập giá: Ngài cầu xin cho những kẻ đóng đinh Ngài; Ngài tha thứ cho tên trộm cướp; Ngài gửi gắm thánh Gio-an cho Mẹ Ngài, và Mẹ cho thánh Gio-an; [4]Ngài nói lớn tiếng: (*Ta khát*), và người ta cho Ngài mật đắng và giấm; Ngài nói rằng Ngài bị bỏ rơi; Ngài nói: (*Đã hoàn tất*); Ngài nói: (*Lạy Cha, con trao phó hồn con trong tay Cha*).	[2]*<u>Thứ nhất</u>*. Người ta nhục mạ Ngài khi nói: (*Nào, ngươi là kẻ phá Đền Thờ Thiên Chúa*), (*hãy xuống khỏi thập giá*), và y phục Ngài bị phân chia.	[2]*<u>Thứ nhất</u>*. Ngài chịu những lời nhục mạ trên thập giá: *(Nào, ngươi là kẻ phá Đền Thờ Thiên Chúa)*, và y phục Ngài bị phân chia.
[5]*<u>Điểm thứ hai</u>*. Mặt trời trở nên tối tăm, các núi đá vỡ ra, [~~đá của~~] các mồ mả mở tung ra, màn trong Đền Thờ [~~đã bị xé rách~~] ***bị xé làm đôi từ trên xuống dưới.***	[3]*<u>Thứ hai</u>*. Ngài nói bảy lời trên thập giá: Ngài cầu xin cho những người đóng đinh Ngài; Ngài tha tội cho tên trộm cướp; Ngài trao phó Gio-an cho Mẹ và Mẹ cho Gio-an; [4](*Ngài kêu lên:*	[3]*<u>Thứ hai</u>*. Chúa tuyên bố bảy lời trên thập giá: cầu nguyện cho những kẻ đóng đinh Ngài; tha thứ cho tên trộm cướp; trao phó người này cho người khác, Mẹ Ngài và Gio-an; [4]Ngài kêu lên: *(Ta*

Thầy (291[5a]).

Ma quỉ không chỉ len lỏi vào tâm hồn con người, nó còn hành động nơi chính Chúa. Dù xưa kia bị bại trận, nay nó tìm cơ hội thuận tiện để trở lại (Lc 4,13). Đây chính là dịp thuận tiện. Vì khi bước vào cuộc khổ nạn, tâm hồn Đức Giê-su cũng tràn ngập sợ hãi (290[4]). Kẻ thù lúc này có thể mượn uy lực loài người nơi Hê-rô-đê (294[3]) hay Phi-la-tô (293[3]) để Chúa dựa vào mà thoát chết. Nó cũng mượn lại chính những cám dỗ xưa thách thức Ngài xuống khỏi thập giá để ra khỏi con đường cứu độ của Thiên Chúa (297[6]).

Một khi Chúa phải chịu thách đố như thế, làm sao những kẻ muốn đi theo Chúa có thể thoát khỏi thân phận này. Vì kẻ thù sẽ không buông tha họ như nó đã không buông tha Chúa của họ. Chính vì sự thách đố này mà thánh I-nhã chỉ dẫn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	Ta khát) và được nếm mật đắng với dấm chua; Ngài kêu rằng Ngài bị bỏ rơi; (*Ngài nói: Đã hoàn tất*); Ngài thưa với Cha: (*Trong tay Người, con xin phó thác hồn con*	*khát)*, khi họ cho Ngài uống dấm chua; sau đó nói rằng Ngài bị Cha bỏ rơi; rồi: *(Đã hoàn tất)*; và sau cùng, *(Lạy Cha, con xin phó thác hồn con.)*
[6]*Điểm thứ ba*. Người ta nhục mạ Ngài khi nói: (*Mày là kẻ phá Đền Thờ của Thiên Chúa, hãy xuống khỏi thập giá đi*); y phục của Ngài được phân chia; cạnh sườn Ngài do bị chiếc giáo đâm thâu đã để cho nước và máu chảy ra.	[5]*Thứ ba*. (*Mặt trời tối sầm lại, và những tảng đá nứt rẽ ra, và những ngôi mộ mở ra, và bức màn Đền Thờ xé ra làm hai mảnh*); [6]cạnh sườn Ngài, sau khi bị đâm thâu bằng một lưỡi đòng, tuôn chảy nước và máu.	[5]*Thứ ba*. Mặt trời tối sầm lại khi Ngài tắt hơi thở, và những tảng đá nứt vỡ ra; Những mồ mả cũng mở ra và màn trong Đền Thờ bị xé ra từ trên xuống dưới; [6]và cạnh sườn Ngài, khi bị đâm thâu bởi lưỡi đòng, đã tuôn trào nước và máu.
298.[1]VỀ NHỮNG MẦU NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC	**298.** [1]ĐIỀU XẢY RA TỪ THẬP GIÁ ĐẾN	**298.** [1]MẦU NHIỆM VỀ CUỘC MAI TÁNG,

thao viên trở về với cuộc tâm sự của bài Ba Mẫu Người (156) với ghi chú quan trọng liên quan đến lời tâm sự bài Ba Mẫu Người (157) nếu nhận thấy nơi mình những tâm tình ngược lại với lối sống của Thầy mình (199).

IV. TUẦN THỨ TƯ: TÍNH PHÊ CHUẨN THUỘC ĐỜI SỐNG SOI SÁNG

Trước khi đề cập về các mầu nhiệm của tuần bốn và ý hướng thần học của nó, chúng ta tìm hiểu sự liên hệ của tuần này với tuần trên.

1. Liên hệ của tuần bốn và tuần ba

Chúng ta đã tìm hiểu sự liên hệ này ở ghi chú thứ nhất của tuần bốn (x. chú giải 226), tuy nhiên ta cũng thấy có một sự liên hệ dưới hình thức khác về chương trình thao luyện trong ghi chú thứ hai của tuần bốn, ở đó thánh I-nhã đưa ra một ghi nhận là thích hợp hơn so với ba tuần trước (227[1]). Chương trình có sự thay đổi như sau: thứ nhất, thay vì có năm cuộc thao luyện trong một ngày thì chỉ còn bốn vì không có giờ thao luyện nửa đêm; thứ đến, thay vì có hai cuộc thao luyện chính rồi tiếp theo là phục niệm và áp dụng ngũ quan về hai mầu nhiệm đó thì sẽ làm ba cuộc thao luyện về ba mầu nhiệm khác nhau: ban sáng khi thức dậy, tiếp theo vào giờ thánh lễ, giờ kinh và còn lại áp dụng ngũ quan về cả ba mầu nhiệm

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
THỰC HIỆN TỪ TRÊN THẬP GIÁ CHO ĐẾN ***HẾT KHI Ở TRONG MỒ***	HẾT KHI Ở MỒ THÁNH, NHƯ TRÊN	NHƯ TRÊN
[2]*Điểm thứ nhất*. Ngài được ông Giu-se và ông Ni-cô-đê-mô đem xuống khỏi thập giá, trước mặt người mẹ đau khổ của Ngài.	[2]*Thứ nhất*. Ngài được hạ xuống khỏi thập giá nhờ ông Giu-se thành Arimathi và ông Ni-cô-đê-mô trước sự hiện diện của người Mẹ đau khổ của Ngài.	[2]*Thứ nhất*. Chúa chết được ông Giu-se và Ni-cô-đê-mô tháo xuống khỏi thập giá trước mắt của chính người Mẹ rất sầu khổ của Ngài.
[3]*Điểm thứ hai*. *Thân* xác Ngài được đưa tới ngôi mộ và được xức dầu thơm và được mai táng.	[3]*Thứ hai*. Thân xác Ngài được đem đến ngôi mộ và Ngài được xức dầu thơm.	[3]*Thứ hai*. Thân xác được đem tới ngôi mộ, Ngài được xức dầu, ngôi mộ được đóng kín lại.
[4]*Điểm thứ ba*. Người ta chỉ định quân lính đến canh giữ.	[4]*Thứ ba*. Ngài được mai táng và một vệ binh được chỉ định.	[4]*Thứ ba*. Người ta đặt ở đó những lính canh.
299. [1]VỀ SỰ PHỤC SINH CỦA ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA. VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ NHẤT CỦA NGÀI	**299.** [1]SỰ PHỤC SINH CỦA ĐỨC KI-TÔ VÀ CUỘC HIỆN RA ĐẦU TIÊN	**299.** [1]CUỘC PHỤC SINH CỦA ĐỨC KI-TÔ VÀ CUỘC HIỆN RA ĐẦU TIÊN
[2]*Điểm thứ nhất*. Ngài	[2]*Thứ nhất*. Ngài hiện	[2]Chúa đã hiện ra trước

đó vào trước bữa ăn tối (227[2-3]).

Thực ra, ở tuần ba chương trình này đã được đề nghị cho thao viên khi bàn về việc kéo dài hay rút ngắn tuần thao luyện (209) trừ một số khác biệt chi tiết như sau: trước hết, ở tuần ba, thánh I-nhã vẫn giữ lại năm cuộc thao luyện cho một ngày thay vì bốn; thứ đến, khi muốn kéo dài tuần này ra, ngài đề nghị phân chia mỗi mầu nhiệm ra thành nhiều mầu nhiệm khác, nhưng lại không nói gì về cuộc thao luyện thứ năm. Nghĩa là thao viên phải làm cuộc thao luyện này thế nào, ngài không đề cập đến (209[1-2]). Chỉ khi nói về việc rút ngắn, ngài xác định đó là năm cuộc thao luyện khác nhau trong ngày mà bỏ đi tất cả các cuộc phục niệm và áp dụng ngũ quan (209[4-5]).

Như vậy, tuần ba và tuần bốn hoàn toàn có cùng một hình thức tập luyện, đến

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
hiện đến với Đức Ma-ri-a đồng trinh; cho dù điều đó không được nói đến trong Thánh Kinh, nhưng coi như được đề cập khi nói rằng Ngài hiện đến với biết bao nhiêu người khác; [3]bởi vì Thánh Kinh giả thiết rằng chúng ta có sự hiểu biết, như có lời chép: (*Anh em cũng không hiểu ư ?*)	ra với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a. Mặc dầu không được nói đến trong Kinh Thánh, điều đó có thể được xét là có nói, vì đã được nói rằng Ngài hiện ra với bao nhiêu người khác; [3]thật vậy, Kinh Thánh giả thiết rằng chúng ta có trí hiểu, theo như lời này: (*Còn anh em, anh em vẫn không hiểu sao?*)	hết với Mẹ Ngài sau khi Ngài phục sinh, vì Kinh Thánh nói rằng Ngài đã hiện ra với nhiều người. Thật vậy, mặc dù Kinh thánh không nêu lên một cách minh nhiên, [3]tuy nhiên lại để lại cho chúng ta điều ấy như đã được bảo đảm, theo như chúng ta hiểu được như thế; nếu không, chúng ta nghe cách chính đáng lời này: *(Còn anh em, anh em vẫn không hiểu sao?)*
300. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ HAI, MÁC-CÔ CH. 16, 1–11	**300.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ HAI, MÁC-CÔ 16	**300.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ HAI, MÁC-CÔ 16
[2]*Điểm thứ nhất*. Khi còn ***rất sớm*** của ban mai [~~khi mặt trời mọc~~], bà Ma-ri-a Ma-đa-lê-na, bà mẹ ông Gia-cô-bê và bà Salômê đến mồ, họ nói: (*Ai sẽ lăn phiến đá khỏi*	[2]*Thứ nhất*. Ngay từ sáng sớm, Ma-ri-a Ma-đa-lê-na, mẹ ông Gia-cô-bê và Sa-lô-mê đi đến mộ, và nói: (*Ai sẽ lăn phiến đá cửa mồ cho chúng ta?*)	[2]*Thứ nhất*. Ngay từ sáng sớm, Ma-ri-a Ma-đa-lê-na, mẹ ông Gia-cô-bê và Sa-lô-mê đi đến mộ, và nói với nhau: *(Ai sẽ lăn phiến đá cửa mồ cho chúng ta?)*

---

nỗi nếu có sự thay đổi nào về chương trình ở bên này thì cũng áp dụng được cho bên kia, chỉ thay đổi những chi tiết liên quan đến tâm tình và bầu khí thao luyện mà thôi. Cho dù đây là một sự đồng nhất ngoại tại, nhưng nó góp phần minh chứng rằng nếu tuần ba thuộc về đời sống soi sáng như tuần hai, thì tuần bốn cũng không vượt quá phạm vi thao luyện của tuần này.

Tuy nhiên, chính khi so sánh sự tương đồng về chương trình này của hai tuần Linh Thao mà chúng ta có thể giải đáp được vấn nạn cho lời giải thích số 209 của tuần ba. Ta có hai khả thể: nếu chương trình năm cuộc thao luyện mà chỉ có bốn mầu nhiệm, thì dưới ánh sáng của ghi chú thứ hai của tuần bốn, bài thao luyện thứ năm chắc chắn là cuộc áp dụng ngũ quan của bốn bài thao luyện trước đó (x. 227) – ngược lại, dưới ánh sáng của việc rút ngắn, mỗi cuộc thao luyện là một mầu nhiệm riêng biệt, thì sau cụm từ: "***trong cuộc thứ bốn, về bài Chúa***

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
cửa mồ cho chúng ta ?)		
[3]*Điểm thứ hai*. Họ thấy hòn đá đó được lăn đi và thấy thiên thần lên tiếng nói: (*Có phải chính Đức Giê-su người Na-za-rét mà các bà tìm kiếm không? Ngài đã sống lại, Ngài không ở đây.*)	[3]*Thứ hai*. Các bà trông thấy phiến đá đã được lăn ra và thiên thần nói: (*Có phải chính Đức Giê-su người Na-za-rét mà các bà tìm kiếm không? Ngài không còn ở đây.*)	[3]*Thứ hai*. Các bà trông thấy phiến đá đã được lăn ra và các bà nghe những lời nói của thiên thần: *(Có phải Đức Giê-su người Na-za-rét mà các bà tìm kiếm không? Ngài không còn ở đây.)*
[4]*Điểm thứ ba*. Ngài hiện ra cho Ma-ri-a, bà là kẻ đã ở cạnh ngôi mộ sau khi những người khác đi khỏi.	[4]*Thứ ba*. Ngài hiện ra cho Ma-ri-a người ở lại đó gần ngôi mộ, trong khi những người khác đi khỏi.	[4]*Thứ ba*. Ngài hiện ra cho Ma-ri-a Ma-đa-lê-na người, trong khi các bà khác đã bỏ đi, vẫn ở lại đó gần ngôi mộ.
301. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ BA, TH. MT CHƯƠNG CUỐI CÙNG	**301.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ BA, MÁT-THÊU CHƯƠNG CUỐI CÙNG	**301.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ BA, MÁT-THÊU, CHƯƠNG CUỐI CÙNG
[2]*Điểm thứ nhất*. Nhưng bà Ma-ri-a này ra khỏi mồ với sự sợ hãi và niềm vui mừng mãnh liệt, muốn báo tin cho các	[2]*Thứ nhất*. Những phụ nữ ra khỏi mộ với nỗi sợ hãi và đầy vui mừng, muốn loan báo cho các môn đệ việc phục sinh	[2]*Thứ nhất*. Những phụ nữ ra khỏi mộ với nỗi sợ hãi và cùng lúc với niềm vui mừng mãnh liệt hầu kể lại cho các môn đệ tất

giảng cho họ", thiếu mất đề tài của cuộc thao luyện thứ năm trước khi tiếp tục câu văn: "và cũng làm như vậy trong các cuộc chiêm niệm và các mầu nhiệm khác" (x. 209[2b]). Vì khi rút ngắn, thánh I-nhã đề nghị bỏ hết các phục niệm và áp dụng ngũ quan (209[4-5]). Cứ theo nguyên tắc kéo dài số ngày trong tuần: các mầu nhiệm phân nhỏ đi và kéo dài ra thì giải đáp thứ nhất được chọn lựa.

2. Các mầu nhiệm

Ở tuần thứ tư việc thao luyện tập trung vào những mầu nhiệm từ khi Chúa Ki-tô phục sinh cho đến khi lên trời (4[3]). Chúng ta có thể bàn đến một số nét sau đây:

a/ Về các mầu nhiệm

Trong bản liệt kê các mầu nhiệm, ta thấy có 13 mầu nhiệm về phục sinh và một mầu nhiệm về Chúa lên trời vốn được xếp đặt thứ tự theo những lần hiện ra. Khác với tuần hai và ba, thánh I-nhã không đưa ra một chỉ dẫn nào về việc thao

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
môn đệ về việc Chúa sống lại.	của Chúa.	cả những điều các bà đã hiểu về sự phục sinh của Chúa.
[3]*Điểm thứ hai*. Đức Ki-tô Chúa chúng ta hiện đến với họ ở dọc đường, Ngài nói với họ: (*Thiên Chúa cứa chị em*); và các phụ nữ lại gần, sấp mình xuống dưới chân Ngài và thờ lạy Ngài.	[3]*Thứ hai*. Đức Ki-tô đến gặp các phụ nữ trên đường đi, và nói: (*Chào chị em*); nhưng các phụ nữ này tiến đến gần, và ôm lấy chân Ngài, và các phụ nữ thờ lạy Ngài.	[3]*Thứ hai*. Trong khi hiện ra cho các phụ nữ trên đường đi, Đức Ki-tô nói với họ: *(Chào chị em!)* Và những phụ nữ này, trong khi tiến lại gần và sấp mình dưới chân Ngài, họ thờ lạy Ngài.
[4]*Điểm thứ ba*. Chúa Giê-su nói với họ: (*Đừng sợ; hãy đi và nói với các anh em của Ta rằng họ phải đến Ga-li-lê, vì ở đó họ sẽ thấy Ta.*)	[4]*Thứ ba*. Đức Giê-su nói với các phụ nữ: (*Đừng sợ; hãy đi và loan báo cho anh em của Ta rằng họ phải đi đến Ga-li-lê: chính ở đó mà họ sẽ xem thấy Ta.*)	[4]*Thứ ba* Chúa nói với các phụ nữ: *(Đừng sợ; hãy đi và loan báo cho anh em của Ta rằng họ phải đi đến Ga-li-lê: chính ở đó mà họ sẽ xem thấy Ta.)*
302. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 4, CHƯƠNG CUỐI CÙNG CỦA	**302.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ TƯ, LU-CA, CHƯƠNG CUỐI CÙNG	**302.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ TƯ, LU-CA, CHƯƠNG CUỐI CÙNG

luyện những mầu nhiệm này trong tuần thứ tư. Ta có thể nhận thấy một số đặc tính liên quan đến những mầu nhiệm này như sau: trước hết, trong số 14 mầu nhiệm, có hai mầu nhiệm không được đề cập trong Kinh Thánh: mầu nhiệm thứ nhất về cuộc hiện ra thứ nhất cho Đức Mẹ Ma-ri-a thuộc về truyền thống của Giáo Hội (299[2]) và mầu nhiệm thứ mười hai về việc hiện ra cho ông Giu-se Arimathia thuộc về ngụy thư (310).

Thứ đến, tất cả những mầu nhiệm hiện ra đều được ghi nhận trong cuốn Vita Jesu Christi từ chương 70 đến 80 trừ mầu nhiệm Chúa hiện ra cho Phao-lô không có trong tác phẩm đó (x. 311[2]). Tuy thế, việc sắp xếp thứ tự trong Linh Thao không đi theo thứ tự của Vita Jesu Christi, vì thánh I-nhã đã tự ý chuyển dời các cuộc hiện ra cho thánh Gia-cô-bê, cho ông Giu-se Arimathia và cho các tổ phụ xuống cuối cùng (308-311).

Sau cùng, việc chia điểm chiêm niệm không đồng đều ở các mầu nhiệm: có

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
LU-CA 9 – 12; 33 – 34		
[2]*Điểm thứ nhất*. Khi nghe những người phụ nữ nói rằng Đức Ki-tô đã sống lại, thánh Phê-rô vội vàng đi đến mồ.	[2]*Thứ nhất*, Khi được các phụ nữ cho biết rằng Đức Ki-tô đã phục sinh, Phê-rô vội vã đi ra mộ.	[2]*Thứ nhất*. Ngay khi các phụ nữ cho biết về sự phục sinh của Đức Ki-tô, Phê rô liền chạy ra mộ.
[3]*Điểm thứ hai*. Khi bước vào mồ, ông thấy chỉ có những tấm vải dùng để bọc xác Đức Ki-tô Chúa chúng ta, và không có gì khác.	[3]*Thứ hai*. Khi vào trong mộ, (*ông chỉ xem thấy những tấm khăn liệm được đặt ở đó*)	[3]*Thứ hai*. Trong khi đi vào trong, ông chỉ xem thấy những tấm khăn liệm mà thân xác đã được bọc.
[4]*Điểm thứ ba*. Đang khi thánh Phê-rô suy nghĩ về những sự này, Đức Ki-tô hiện đến với ông, và vì thế các tông đồ nói: (*Quả thực Chúa đã phục sinh và đã hiện ra với ông Simon*).	[4]*Thứ ba*. Đang khi ông nghĩ về những điều này, Đức Giê-su hiện ra với ông; Vì thế các tông đồ nói: (*Chúa đã thực sự phục sinh và Ngài đã hiện ra với ông Simon.*)	[4]*Thứ ba*. Trong khi Phê rô đang suy nghĩ về những điều đó, Đức Ki-tô tỏ mình ra cho ông; cũng vì thế, các tông đồ nói: *(Chúa đã thực sự phục sinh và Ngài đã hiện ra với ông Simon.)*

những mầu nhiệm chỉ đề cập một điểm duy nhất hay một câu giới thiệu mà thôi (299; 308; 309; 310; 311) trong khi các mầu nhiệm khác đều khai triển ba điểm.

b/ Về những can thiệp.

Trong 14 mầu nhiệm phục sinh và lên trời, có ba sự chỉnh sửa của thánh I-nhã ở bản văn A và một lần can thiệp của cha Polanco vào bản văn P và V, và hai lần can thiệp của cha này vào bản V.

- Thánh I-nhã sửa bản A lần thứ nhất ở mầu nhiệm thứ hai về cuộc hiện ra lần thứ hai cho các phụ nữ (300[2]). Bản văn viết: "Khi còn sớm của ban mai, lúc mặt trời mọc", Thánh I-nhã đã gạch bỏ cụm từ "***khi mặt trời mọc***" và thêm từ "***rất***" vào cụm từ "khi còn sớm của ban mai". Các bản P và V đều viết theo hướng đã sửa của A: "ngay từ sáng sớm".

Lần thứ hai ngài can thiệp ở lần hiện ra thứ tám, khi Chúa hiện ra cho các tông đồ theo Tin Mừng Gio-an, phần phụ trương (Ga 21,1-17/ 306[1]). Bản văn viết: "Chúa Giê-su hiện ra cho bảy tông đồ". Ngài gạch bỏ từ "Tông Đồ" và thêm

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
303. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 5, Ở CHƯƠNG CUỐI CÙNG CỦA TH. LU-CA	303. [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ NĂM, LU-CA , NHƯ TRÊN	303. [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ NĂM, NHƯ TRÊN
[2]*Điểm thứ nhất*. Ngài hiện đến với các môn đệ là những kẻ đi về Em-mau đang nói về Đức Ki-tô.	[2]*Thứ nhất*. Chính Đức Ki-tô hiện ra cho các môn đệ đang đi về Emmau và nói về Ngài.	[2]*Thứ nhất*. Sau đó Ngài hiện ra cho hai môn đệ, khi các ông đi về Emmau và đang bàn bạc với nhau về Ngài.
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài quở trách các ông rồi ngang qua Thánh Kinh chỉ cho thấy rằng Đức Ki -tô phải chết và sống lại: (*Ôi những kẻ khờ dại và lòng chậm tin mọi điều các ngôn sứ đã nói! Há không phải là Đức Ki-tô phải chịu đau khổ và vào trong vinh quang của Ngài như thế sao?*)	[3]*Thứ hai*. Ngài quở trách họ, rồi từ Kinh Thánh Ngài chỉ cho thấy sự phục sinh và cái chết của Đức Ki-tô: (*Hỡi những con tim không hiểu và chậm tin mọi điều các ngôn sứ đã nói! Không phải là Đức Ki-tô phải chịu đau khổ và vào trong vinh quang của Ngài như thế sao?*)	[3]*Thứ hai*. Ngài quở trách các ông về sự cứng tin của các ông và trình bày cho các ông những mầu nhiệm cuộc khổ nạn và phục sinh: *(Hỡi những con tim không hiểu và chậm tin mọi điều các ngôn sứ đã nói! Không phải là Đức Ki-tô phải chịu đau khổ và vào trong vinh quang của Ngài như thế sao?)*
[4]*Điểm thứ ba*. Theo lời nài xin của các ông, Ngài dừng lại đó và ở với các ông cho tới khi cho các ông rước lễ, Ngài biến đi; về phần	[4]*Thứ ba*. Theo lời nài xin của các ông, Ngài dừng lại, và Ngài ở lại với các ông cho đến khi, qua ***việc bẻ bánh***, Ngài biến đi; và những người này,	[4]*Thứ ba*. Theo lời nài xin của các ông, Ngài ở lại với các ông và trong khi ***bẻ bánh cho các ông***, Ngài biến đi mất. Ngay lập tức khi trở lại Giê-ru-

---

cụm từ: "***trong số các môn đệ***". Các bản P và V đều viết theo bản sửa của A.

Lần thứ ba ngài can thiệp ở lần hiện ra thứ mười hai khi Chúa hiện ra cho ông Giu-se Arimathia (310). Bản văn viết: "Cuộc hiện ra cho ông Giu-se Arimathia như Tin Mừng Ni-cô-đê-mô nói". Tin Mừng Ni-cô-đê-mô thuộc ngụy thư Tân Ước viết khoảng năm 350 mà thánh I-nhã biết được nhờ cuốn Vita Jesu Christi (Vit. II, 75). Thánh I-nhã đã gạch bỏ cụm từ "Tin Mừng Ni-cô-đê-mô nói" và thêm cụm từ: "***người ta suy gẫm như thế theo lòng đạo đức và như người ta đọc thấy trong đời sống các thánh***". Cả hai bản còn lại cũng viết theo hướng đã sửa của bản A này.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
các ông, khi trở về, đã nói cho các môn đệ việc các ông đã nhận ra Ngài như thế nào khi rước lễ.	khi trở về, đã loan báo cho các môn đệ biết (*Họ đã nhận biết Ngài lúc bẻ bánh như thế nào.*)	sa-lem, các ông loan báo cho các tông đồ biết các ông đã xem thấy Ngài và đã nhận biết Ngài thế nào khi bẻ bánh.
304. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 6, GA CH. 20, 19 – 23	**304.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ SÁU, GIO-AN 20	304. [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ SÁU, GIO-AN 20
[2]*Điểm thứ nhất*. Các môn đệ tụ họp (*vì sợ người Do Thái*), trừ thánh Tô-ma ra.	[2]*Thứ nhất*. Các môn đệ qui tụ lại với nhau vì sợ người Do Thái, trừ Tôma.	[2]*Thứ nhất*. Tất cả các môn đệ, trừ Tô-ma, đang tụ họp trong nhà, vì sợ người Do Thái.
[3]*Điểm thứ hai*. Chúa Giê-su hiện đến với các ông trong khi các cửa đóng kín; và khi đứng giữa các ông, Ngài nói: (*Bình an cho anh em*).	[3]*Thứ hai*. Ngài hiện ra cho họ, khi các cửa đều đóng kín: (*Và, đứng giữa họ, Ngài nói: Bình an cho anh em.*)	[3]*Thứ hai*. Trong khi đi vào, dù các cửa đều đóng kín, và khi tỏ mình ra ở giữa các ông, Đức Ki-tô nói với các ông như sau: *(Bình an cho anh em).*
[4]*Điểm thứ ba*. Ngài ban Thánh Thần cho các ông khi nói với các ông: (*Anh em hãy nhận lấy*	[4]*Thứ ba*. Ngài thở hơi trên các ông và ban Thánh Thần cho các ông, khi nói: (*Anh em hãy*	[4]*Thứ ba*. Ngài ban Thánh Thần cho các ông và nói: *(Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần; Tội lỗi*

- Cha Polanco can thiệp lần thứ nhất về mầu nhiệm Chúa hiện ra lần thứ năm cho hai môn đệ đi Emmaus theo Tin Mừng Lu-ca. Ở điểm thứ ba, bản văn viết: "Theo lời nài xin của các ông, Ngài dừng lại đó và ở với các ông cho tới khi các ông rước lễ, Ngài biến đi" (303[4]). Đề cho đúng với cách diễn đạt của thánh Lu-ca, cha Polanco sửa bản P như sau: ***"... và Ngài ở lại với các ông cho đến khi, qua việc bẻ bánh, Ngài biến đi"*** – còn trong bản V, ngài viết: "***Ngài ở lại với các ông và trong khi bẻ bánh cho các ông, Ngài biến đi mất***".

Lần thứ hai cha Polanco can thiệp ở mầu nhiệm Chúa hiện ra lần thứ mười ba khi đề cập về việc Chúa hiện ra cho thánh Phao-lô. Cha Frusius viết: "Ngài hiện ra cho Phao-lô sau Cuộc Thăng Thiên, (sau cùng Ngài đã được xem thấy bởi tôi, tôi vốn như đứa con sinh non)"(311[2]). Cha Polanco thêm cụm từ: "chính ông đã nói" nhằm xác định kinh nghiệm cá vị của thánh nhân trong việc gặp gỡ Đấng Phục Sinh.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Thánh Thần; Tội lỗi sẽ được tha cho những ai mà anh em tha cho.)	*nhận lấy Thánh Thần; Tội lỗi sẽ được tha cho những ai mà anh em tha cho.*)	*sẽ được tha cho những ai mà anh em tha cho.)*
305. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ BẢY, GA 20, 24 – 29	**305.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ BẢY, GIO-AN 20	305. [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ BẢY, GIO-AN 20
[2]*Điểm thứ nhất*. Thánh Tô-ma không tin bởi vì ông vắng mặt trong cuộc hiện ra lần trước, ông nói: (*Nếu tôi không xem thấy Ngài, tôi không tin*).	[2]*Thứ nhất*. Không tin, Tô-ma vốn vắng mặt trong cuộc hiện ra lần trước, nên đã nói: (*Nếu tôi không xem thấy, tôi sẽ không tin;*)	[2]*Thứ nhất*. Vì không có ở đó trong cuộc hiện ra lần trước, thánh Tô-ma đã khẳng định: *(Nếu tôi không xem thấy, tôi sẽ không tin;)*
[3]*Điểm thứ hai*. Chúa Giê-su hiện đến với các ông, tám ngày sau, trong lúc các cửa đóng kín, và Ngài nói với thánh Tô-ma: (*Hãy đặt ngón tay anh vào đây và hãy xem sự thật, và đừng cứng tin nữa, nhưng hãy tin*).	[3]*Thứ hai*. Đức Giê-su hiện ra cho các ông, khi các cửa đều đóng kín, vào tám ngày sau, và nói với Tô-ma: (*Hãy đặt ngón tay anh và hãy nhìn xem, v.v., đừng cứng tin nữa, nhưng hãy tin.*)	[3]*Thứ hai*. Tám ngày sau, các cửa cũng đều đóng kín, Đức Ki-tô cũng tỏ cho các ông xem thấy một lần nữa, và Ngài nói với Tô-ma: *(Hãy đặt ngón tay vào đây và hãy nhìn xem, v.v., đừng cứng tin nữa, nhưng hãy tin.)*
[4]*Điểm thứ ba*. Thánh Tô-ma đã tin và thưa lên: (*Lạy Chúa của tôi và Thiên Chúa của tôi*); Đức Ki-tô nói với ông:	[4]*Thứ ba*. Tô-ma đã tin và nói: (*Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa của tôi*); Đức Ki-tô nói với ông: (*Phúc cho những ai không thấy*	[4]*Thứ ba*. Tô-ma đã kêu lên: *(Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa của tôi)*; và Đức Ki-tô trả lời cho ông: *(Phúc cho những ai không*

Lần thứ ba cha Polanco can thiệp ở mầu nhiệm Chúa lên trời. Bản A và P viết: "trong khi các ông nhìn lên trời, các thiên thần nói với các ông" (312[4]). Cha Polanco chỉ sửa bản V và viết: "***Trong khi các ông nhìn lên trời, Ngài được nói cho các ông bởi hai người đàn ông mặc áo trắng đứng bên cạnh các ông (chúng ta tin rằng những người này là thiên thần)***". Phần đầu được viết dựa theo sách Công Vụ (Cv 1,10) – còn phần thứ hai để trong ngoặc dựa vào hai bản A và P và chỉnh sửa cho gần với Kinh Thánh hơn.

3. Ý hướng thần học

Trước khi đề cập về hướng thần học chúng ta đưa ra một số ghi nhận liên quan đến việc khai triển Kinh Thánh của thánh I-nhã.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
(*Phúc cho những người không thấy mà lại tin*).	*mà lại tin!*)	*thấy mà lại tin!)*
306. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 8, GA CH. CUỐI CÙNG, 1 – 17	**306.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ TÁM, GIO-AN CHƯƠNG CUỐI CÙNG	**306.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ TÁM, GIO-AN CHƯƠNG CUỐI CÙNG
[2]*Điểm thứ nhất*. Chúa Giê-su hiện đến với ***bảy vị [~~Các tông đồ~~] trong các môn đệ của Ngài*** đang đánh cá; suốt đêm các ông đã không bắt được con cá nào; và thả lưới theo lệnh của Ngài, (*các ông không thể kéo lưới lên được vì rất nhiều cá*).	[2]*Thứ nhất*. Đúc Giê-su hiện ra cho bảy môn đệ đang đánh cá; những người này đã không đánh được gì trong suốt cả đêm, và theo lệnh của Ngài, trong khi thả lưới, (*Các ông không thể kéo lưới lên vì một lượng lớn đầy cá*.)	[2]*Thứ nhất*. Đức Ki-tô tỏ mình ra một lần nữa cho bảy môn đệ đang đi đánh cá; trong khi các ông không bắt được gì suốt cả đêm, nhưng các ông không thể kéo được lưới mà các ông đã thả xuống theo lệnh của Ngài, vì một lượng cá quá nhiều.
[3]*Điểm thứ hai*. Với phép lạ này, thánh Gio-an nhận ra Ngài và nói với thánh Phê-rô: (*Chúa đấy*); ông này nhảy xuống biển và đến với Đức Ki-tô.	[3]*Thứ hai*. Qua dấu lạ này, Gio-an nhận ra Ngài và nói với Phê-rô: (*Chúa đấy*); ông này, lao mình xuống biển mà đến với Đức Giê-su.	[3]*Thứ hai*. Qua dấu chỉ này, Gio-an khi nhận ra Ngài, đã nói với Phê-rô: *(Chúa đấy)*; ông này, liền tức khắc lao mình xuống biển mà đến với Đức Ki-tô.

a/ Khai triển Kinh Thánh

Trước hết, khoa phê bình Kinh Thánh thời thánh I-nhã chưa được phát triển, có thể ngài chưa hiểu biết được vấn đề biên soạn. Thí dụ về cuộc hiện ra lần thứ hai, phần chính lục của Tin Mừng Mc kết thúc ở Mc 16,8 sau đó là phần phụ lục thuộc truyền thống Mác-cô. Thánh I-nhã không hiểu ra hệ thống này nên đã kéo dài mầu nhiệm hiện ra cho các bà đến Mc 16,11. Và để hòa hợp việc Chúa hiện ra cho Ma-ri-a mà không có các bà khác, thánh I-nhã dựa vào truyền thống mà xác định rằng các bà khác đã về (300[4]).

Thứ đến có sự khác biệt trong việc khai triển Kinh Thánh nơi các bản văn: trong cuộc hiện ra lần thứ tám theo Tin Mừng Gio-an (21,1-17), Chúa dọn cho các môn đệ ăn sau mẻ cá lạ. Bản văn A đã lộn sang Tin Mừng Lu-ca khi nói về Chúa Phục Sinh trao cho các môn đệ một phần cá nướng và một tảng mật ong (Lc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[4]*Điểm thứ ba*. Ngài cho các ông ăn một phần cá nướng và một tảng mật ong; và Ngài trao phó những con chiên mẹ của Ngài cho thánh Phê-rô là người trước hết được tra khảo ba lần về lòng mến; và Ngài nói với ông:(*Hãy chăn những chiên mẹ của Thầy*).	[4]*Thứ ba*. Ngài cho họ ăn bánh và cá; và Ngài trao phó những con chiên cho Phê-rô, sau khi đã tra vấn ông ba lần về tình yêu, khi nói với ông: (*hãy chăn dắt những con chiên của Thầy.*)	[4]*Thứ ba*.. Ngài cho họ ăn bánh và cá, v.v. và sau khi đã hỏi ông Phê-rô ba lần nếu ông có yêu Ngài không, Ngài trao phó đàn chiên cho ông: *(hãy chăn dắt những con chiên của Thầy.)*
307. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 9, MT CH. CUỐI CÙNG, 16 – 20	**307.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ CHÍN, MÁT-THÊU, CHƯƠNG CUỐI CÙNG	**307.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ CHÍN, MÁT-THÊU, CHƯƠNG CUỐI CÙNG
[2]*Điểm thứ nhất*. Theo lệnh của Chúa, các môn đệ đi đến núi Tabor.	[2]*Thứ nhất*. Các môn đệ, do lệnh truyền của Chúa, đã leo lên núi gọi là Tabor.	[2]*Thứ nhất*. Theo như lệnh truyền của Chúa, các môn đệ đi lên núi Ta-bor.
[3]*Điểm thứ hai*. Đức Ki-tô hiện đến với các ông và nói: (*Hết mọi quyền năng trên trời dưới đất đã được ban cho Thầy*).	[3]*Thứ hai*. Đức Giê-su hiện ra cho họ, khi nói; (*Mọi quyền năng đã được ban cho Thầy trên trời và dưới đất.*)	[3]*Thứ hai*. Trong khi hiện ra với các ông, Ngài nói: *(Mọi quyền năng đã được ban cho Thầy ở trên trời và dưới đất.)*
[4]*Điểm thứ ba*. Ngài sai	[4]*Thứ ba*. Ngài sai ho đi	[4]*Thứ ba*. Trong khi sai

24,42), còn bản P và V xác định đúng về bánh và cá theo Tin Mừng Gio-an (Ga 21,13). Về cuộc đối thoại giữa Chúa Phục Sinh với Phê-rô, bản A và P dựa vào cuốn Vita Jesu Christi để nói Chúa tra vấn Phê-rô (Vit. II, 79,4-5) trong khi bản V chuyển ý nghĩa "tra khảo" thành "hỏi" (306[4]).

Sau cùng, trong lần hiện ra sau cùng theo Tin Mừng Mát-thêu, cả ba bản văn đều xác định danh tánh của quả núi, núi Thabor. Chi tiết này cũng phát xuất từ sách Vita Jesu Christi (Vit II, 80,1), trong đó lẽ ra việc xác định địa danh là một khả thể hơn là một khẳng quyết.

b/ Hướng thần học:

Có ba ngoại trừ sau đây: ngoại trừ mầu nhiệm thứ nhất là mầu nhiệm hiện ra đầu tiên cho Đức Ma-ri-a, ở đó Chúa đóng vai trò Đấng an ủi dành cho Mẹ, kẻ vừa là

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
họ đi khắp thế giới để rao giảng khi nói: (*Anh em hãy đi và dạy dỗ muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần*).	rao giảng trên toàn thế giới, khi nói: (*Anh em hãy đi dạy dỗ muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần.*)	các ông đi rao giảng trên toàn thế giới, Ngài ra lệnh cho các ông: *(Anh em hãy đi dạy dỗ muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần.)*
308.[1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 10, TRONG THƯ THỨ NHẤT GỬI CHO NHỮNG NGƯỜI CÔ-RIN-TÔ, CH. 15, 6 [2]"Sau đó Ngài được hơn năm trăm anh em xem thấy cùng một lúc."	**308.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ MƯỜI, 1 Cr 15, 6 [2]Sau đó, Ngài đã được xem thấy bởi hơn năm trăm anh em cùng một lúc.	**308.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ MƯỜI, 1CO 15 [2]Sau đó, Ngài đã được xem thấy bởi hơn năm trăm anh em cùng một lúc.
309.[1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 11, TRONG THƯ THỨ NHẤT CÔ-RIN-TÔ, CH. 15, 7 [2]"Sau đó Ngài hiện đến với thánh Giacôbê."	**309.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ MƯỜI MỘT, NHƯ TRÊN, 6 [2]Ngài hiện ra sau đó cho Gia-cô-bê.	**309.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ MƯỜI MỘT, NHƯ TRÊN [2]Ngài hiện ra sau đó cho Gia-cô-bê.

Mẹ sinh ra Chúa, vừa là môn đệ theo Chúa đến cùng (218-225//299); ngoại trừ thứ hai liên quan đến hai lần hiện ra cho các phụ nữ: Ma-ri-a (300) và các bà (301) trong sứ mạng loan báo Tin Mừng Phục Sinh; ngoại trừ thứ ba về việc Chúa hiện ra cho Phê-rô vốn được I-nhã tôn kính như người đại diện Đức Ki-tô ở trần gian (302), còn lại việc sắp xếp thứ tự các lần hiện ra cho phép chúng ta dễ dàng nhận ra ý hướng thần học được diễn đạt trong tuần thứ tư của Linh Thao: tiến trình đào luyện con người từ chỗ cứng tin đến chỗ tin nhận. Tiến trình này còn được củng cố vững chắc khi thánh I-nhã hoán chuyển thứ tự những lần hiện ra của Chúa trong sách Vita Jesu Christi.

Quả vậy, nếu trung thành với tư tưởng của Ludolphe, thánh I-nhã phải đặt những lần Chúa Phục Sinh hiện ra ở lần thứ 11, 12 và 13 lên trên lần hiện ra thứ 5. Vì ông này đã sắp xếp việc Chúa hiện ra cho Gia-cô-bê (304) cho Giu-se Arimathia (310) và cho các tổ phụ trong Lâm Bô và nhiều lần khác cho các môn đệ (311[3]) trong cuốn thứ 2 chương 75 cùng với việc Chúa hiện ra cho Phê-rô (Vit. II,75) và cho hai môn đệ đi Emmau (Vit. II,76).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
310. [1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 12	**310.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ MƯỜI HAI	**310.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ MƯỜI HAI
[2]Ngài hiện đến với ông Giu-se Arimathia, như ~~[Tin Mừng của Ni-cô-đê-mô nói~~] ***người ta suy gẫm như thế theo lòng đạo đức*** và như ta đọc thấy trong đời sống các thánh.	[2]Ngài hiện ra cho ông Giu-se thành Arimathia, Như ta có thể suy gẫm theo lòng đạo đức.	[2]Người ta đọc nơi một số các thánh sử rằng Đức Ki-tô cũng đã hiện ra cho ông Giu-se thành Arimathia, và điều này dường như đúng và có tính đạo đức để suy gẫm.
311.[1]VỀ CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ 13, THƯ THỨ NHẤT, CR CH. 15, 8	**311.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ MƯỜI BA, 1 Cr, 15, 8	**311.** [1]CUỘC HIỆN RA LẦN THỨ MƯỜI BA, 1 CO, 15
[2]Ngài hiện đến với thánh Phao-lô sau cuộc thăng thiên: (*Sau cùng Ngài hiện đến với tôi là người giống như một kẻ sinh non*). [3]Bằng linh hồn Ngài cũng hiện đến với các thánh tổ phụ ở trong lâm-bô; [4]và sau khi đưa các ông ra khỏi đó và lấy lại thân xác, Ngài hiện ra nhiều lần với các	[2]Ngài hiện ra cho Phao-lô sau cuộc thăng thiên: (*Sau cùng, Ngài đã được xem thấy bởi tôi, tôi vốn như đứa trẻ sinh non.*) [3]Ngài cũng hiện ra, bằng linh hồn, cho các thánh sống trong lâm bô; [4]sau đó, sau khi cho các ngài ra khỏi đó và sau khi lấy lại thân xác mình, Ngài vẫn thường hiện ra cho các môn đệ và	[2]Ngài cũng hiện ra cho Phao-lô sau cuộc thăng thiên: *(Sau cùng, Ngài đã được xem thấy bởi tôi, tôi vốn như đứa trẻ sinh non.)*, ***chính ông đã nói***. [3]Ngài cũng hiện ra, bằng linh hồn, cho các tổ phụ trong lâm bô [4]và sau đó Ngài cho họ ra khỏi đó. Sau cùng, sau khi lấy lại thân xác mình, Ngài hiện ra cho

Sở dĩ thánh I-nhã đã cả gan làm điều này khi chuyển dời những lần hiện ra ở trên xuống dưới và đặt sau mầu nhiệm Chúa hiện ra cho 500 anh em (308) là vì mục đích trên. Quả vậy, trong những trình thuật này ta không hề thấy từ ngữ quở trách các môn đệ cứng tin nữa.

Một lý chứng khác củng cố lập trường chúng ta là thánh I-nhã đã di dời cách bất hợp lý biến cố Chúa Phục Sinh hiện ra cho các tổ phụ trong Lâm Bô (311^3) xuống tận phía dưới trước khi Ngài lên trời (312) và còn đặt biến cố này sau khi Chúa hiện ra cho thánh Phao-lô (311^2). Ngài ghép hai việc hiện ra cho thánh Phao-lô và cho các tổ phụ ở Lâm Bô lại với nhau thành một mầu nhiệm với tựa đề Cuộc hiện ra lần thứ mười ba. Mà nguồn của nó phải được trích từ thư thứ nhất gởi tín hữu Corintô (1 Cr 15). Tuy nhiên trong thư thánh ấy, Phao-lô kể việc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
môn đệ và nói chuyện với họ.	chuyện vãn với các ông.	các môn đệ ở những nơi khác nhau và thường đàm đạo với các ông.
312. [1]VỀ VIỆC LÊN TRỜI CỦA ĐỨC KI-TÔ CHÚA CHÚNG TA, C.V. 1, 1 – 12	**312.** [1]CUỘC THĂNG THIÊN CỦA ĐỨC KI-TÔ, TÔNG ĐỒ CÔNG VỤ 1	**312.** [1]CUỘC THĂNG THIÊN CỦA ĐỨC KI-TÔ, CV 1
[2]*Điểm thứ nhất*. Sau thời gian bốn mươi ngày Ngài đã hiện đến với các tông đồ, làm nhiều chứng cớ và dấu hiệu và nói về nước Thiên Chúa, Ngài truyền cho các ông ở Giê-ru-sa-lem chờ đợi Thánh Thần đã được hứa ban.	[2]*Thứ nhất*. Sau khi, (*trong vòng bốn mươi ngày Ngài hiện ra cho các tông đồ với vô số chứng cớ và dấu lạ, khi nói về Nước Thiên Chúa*), Ngài ra lệnh cho các ông chờ đón Thánh Thần đã được hứa cho ở Giê-ru-sa-lem.	[2]*Thứ nhất*. Trong vòng bốn mươi ngày, sau khi Đức Ki-tô tỏ cho thấy Ngài vẫn sống trước các môn đệ của Ngài *(với vô số chứng cớ và dấu lạ, bằng cách nói cho các ông về Nước của Thiên Chúa)*, Ngài sai các ông đi Giê-ru-sa-lem để chờ đón Thánh Thần vốn đã hứa cho các ông.
[3]*Điểm thứ hai*. Ngài dẫn các ông lên núi Ô-liu, và trước mặt các ông Ngài được cất lên, và một đám mây che khuất	[3]*Thứ hai*. Ngài cho các ông ra đi đến núi Ô-liu, "và trước mắt các ông, Ngài được cất lên, và một đám mây đến lấy	[3]*Thứ hai*. Ngài cho các ông ra đi đến núi Ô-liu, "và trước mắt các ông, Ngài được cất lên, và một đám mây đến lấy

Chúa hiện ra trước hết cho Phê-rô rồi đến nhóm 12, tiếp đến cho 500 anh em, rồi đến Gia-cô-bê và tất cả các tông đồ. Sau cùng Ngài hiện ra cho chính thánh nhân (1 Cr 15, 5-8). Như thế không hề có sự kiện Đấng Phục Sinh hiện ra cho các tổ phụ ở Lâm Bô trong thư của ngài.

Thực ra, biến cố Đấng Phục Sinh hiện ra cho các tổ phụ như thánh I-nhã nói, có lẽ liên hệ đến Tin Mừng Mát-thêu khi diễn tả các dấu lạ về việc Chúa Giê-su tắt thở trên thập giá: "Mồ mả bật tung và xác của nhiều vị thánh đã an nghỉ được chỗi dậy. Sau khi Chúa chỗi dậy, các ngài ra khỏi mồ, vào thành thánh và hiện ra với nhiều người" (Mt 27,52-53). Như thế, thánh I-nhã đã lẫn lộn mầu nhiệm và địa chỉ của nó ở đây. Dẫu sao việc lẫn lộn ấy lại bộc lộ chủ ý của ngài: sẵn sàng di dời ngay cả biến cố xảy ra đầu tiên xuống sau cùng để trình bày ý định và khoa sư phạm của mình, khoa sư phạm bộc lộ việc phát triển đức tin có tính

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Ngài khỏi con mắt các ông.	Ngài đi khỏi tầm nhìn của các ông.”	Ngài đi khỏi tầm nhìn của các ông.
[4]*Điểm thứ ba*. Trong khi các ông nhìn lên trời, các thiên thần nói với các ông: (*Hỡi những người xứ Ga-li-lê, tại sao ở lại đó mà nhìn lên trời?	[4]*Thứ ba*. Trong khi các ông đang nhìn lên trời, các thiên thần nói với các ông: (*Hỡi những người xứ Ga-li-lê, tại sao còn ở lại đó mà nhìn trời? Chính	[4]*Thứ ba*. Trong khi các ông nhìn lên trời, Ngài được nói cho các ông bởi ***hai người đàn ông mặc áo trắng đứng bên cạnh các ông [chúng ta tin***

---

tiệm tiến nơi người làm Linh Thao qua ánh sáng của các môn đệ.

Quả vậy, từ mầu nhiệm hiện ra lần thứ năm cho tới hiện ra lần thứ 9 đều có những dấu vết của việc thiếu lòng tin nơi môn đệ và cả đến sự quở trách của Chúa Giê-su: Chúa quở trách hai môn đệ về Emmaus (A và P) vì sự cứng tin của các ngài (V) và giải thích ý nghĩa mầu nhiệm phục sinh cho các ngài (300[3]); Tô-ma không tin vì đã vắng mặt trong việc hiện ra lần trước (305[2]) nên tám ngày sau Chúa hiện ra và nói với Tô-ma “hãy đặt ngón tay anh vào đây và hãy xem sự thật, và đừng cứng tin nữa mà hãy tin” (305[3]); trong mầu nhiệm hiện ra lần thứ 8 với mẻ cá lạ ở hồ Tibêria (Ga 21,1-17), việc trắc nghiệm về lòng mến rơi vào Phê-rô, người làm đầu Giáo Hội, khi Chúa tra khảo (bản A và P) hay xét hỏi ông (bản V) về tình yêu đối với Ngài (306[4]); cuối cùng trong mầu nhiệm hiện ra lần thứ 9 ở đoạn cuối cùng của Tin Mừng Matthêu (309), tuy thánh I-nhã không nói đến lòng tin các môn đệ, nhưng bản văn cũng xác định một chi tiết “nhưng có mấy người còn hoài nghi” (Mt 28,9).

Tóm lại, hướng thần học ở tuần IV ủng hộ lập trường chúng ta về thành quả thao luyện sau bốn tuần lễ: kết quả ấy cho thấy sự trưởng thành của thao viên không vượt qua tình yêu ở bình diện ý thức và chủ động vốn được diễn đạt bằng kinh nghiệm đức tin chưa hoàn hảo nơi các môn đệ, điều này đòi buộc họ phải tiếp tục hành trình canh tân (189) để cách hành xử của Đức Ki-tô ăn sâu nơi họ cho tới khi Thiên Chúa đến chiếm đoạt trọn vẹn vào tình yêu mến Ngài nếu Ngài muốn (330). Kinh nghiệm này rất gần gũi với kinh nghiệm của Mác-cô trong Tin Mừng của ngài. Sứ thần nói với các bà: “xin các bà về nói với môn đệ Người và ông Phê-rô rằng Người sẽ đến Ga-li-lê trước các ông. Ở đó các ông sẽ được thấy Người như Người đã nói với các ông” (Mc 15,7). Điều ấy có nghĩa gì nếu không phải là một cuộc khởi hành mới các ông phải thực hiện? Quả vậy, xưa kia tại Ga-li-lê các ông đã bỏ cha mẹ, nghề nghiệp... để đi theo Chúa (Mc 1,16-20). Tuy

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Đức Giê-su, Đấng được đưa lên trời trước mặt các ông, sẽ đến giống như các ông đã thấy Ngài lên trời.)	*Đức Giê-su đã được đưa lên trời khỏi các ông, sẽ đến cùng một cách thức mà các ông đã thấy khi Ngài lên trời.*)	***rằng những người này là thiên thần]***: *(Hỡi những người xứ Ga-li-lê, tại sao còn ở lại đó mà nhìn trời? Chính Đức Giê-su đã được đưa lên trời khỏi các ông, sẽ đến cùng một cách thức mà các ông đã thấy Ngài lên trời.)*

nhiên hành trình đi theo Chúa gặp thất bại nơi các ông vì lẽ các ông mới chỉ từ bỏ cái "có" để yêu Chúa; còn cái "là" các ông chưa thực hiện cho dù Chúa đã dầy công đào luyện các ông. Bây giờ Đấng Phục Sinh hẹn gặp lại các ông ở Ga-li-lê nơi các ông phải khởi đầu lại. Và chỉ khi nào các ông khởi đầu lại với cả cái "là", các ông mới có cơ may gặp gỡ Chúa trong niềm vui phục sinh đích thực.

Thật tuyệt vời khi Mác-cô "không cho phép" Đấng Phục Sinh hiện ra ngay cho các môn đệ mình. Tuyệt vời và quá tuyệt vời!!! Mác-cô kết thúc Tin Mừng quá đẹp, một kết thúc mở, không hậu chứ không phải một tay viết văn tồi.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
313. [1]NHỮNG QUY TẮC ĐỂ CẢM THẤY VÀ NHẬN BIẾT CÁCH NÀO ĐÓ NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG KHÁC NHAU [2]VỐN GÂY RA TRONG LINH HỒN ĐIỀU TỐT ĐỂ ĐÓN NHẬN VÀ ĐIỀU XẤU ĐỂ LOẠI BỎ. CÁC QUY TẮC NÀY THÍCH HỢP HƠN CHO TUẦN THỨ NHẤT	**313.** [1]MỘT SỐ QUY TẮC SAU ĐÂY ĐỂ NHẬN ĐỊNH NHỮNG THẦN LOẠI KHÁC NHAU [2]VỐN KHUẤY ĐỘNG LINH HỒN, ĐỂ ĐÓN NHẬN NHỮNG THẦN LÀNH VÀ LOẠI BỎ NHỮNG THẦN DỮ. NHỮNG QUY TẮC NÀY THÍCH HỢP HƠN CHO TUẦN THỨ NHẤT.	**313.** [1]MỘT SỐ NHỮNG QUY TẮC ĐỂ NHẬN ĐỊNH NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG CỦA LINH HỒN MÀ NHỮNG THẦN LOẠI KHÁC NHAU LÀM PHÁT SINH RA, [2]ĐỂ CHỈ TIẾP NHẬN NHỮNG ĐIỀU TỐT VÀ LOẠI ĐI NHỮNG ĐIỀU XẤU. PHẢI CHÚ Ý RẰNG NHỮNG QUY TẮC NÀY THÍCH HỢP CHỦ YẾU CHO NHỮNG CUỘC THAO LUYỆN CỦA TUẦN THỨ NHẤT.
314. [1]*Quy tắc I*: Nơi	**314.** [1]*Quy tắc thứ nhất*:	**314.** [1]*Quy tắc thứ nhất*:

C.III.3-4 BỘ QUY TẮC NHẬN ĐỊNH THẦN LOẠI

Thánh I-nhã kết thúc cuốn Linh Thao bằng một chuỗi các bộ quy tắc: những quy tắc về nhận định thần loại (313-336), những quy tắc về việc bố thí (337-344); và những quy tắc để có cùng cảm nghĩ với Giáo Hội (352 -370), ngoại trừ chủ đề về bối rối mà các bản văn xếp vào loại những ghi chú (A), những chú dẫn (P) hay những điểm phải ghi chú (V) được gói ở giữa (345-351). Xem ra đây là những quy tắc ở ngoài Linh Thao vì được sắp xếp ở sau điều thánh I-nhã định nghĩa về Tuần IV của Linh Thao (4^3). Tuy nhiên đây là loại khí cụ hướng dẫn Linh Thao thứ ba vốn được thánh I-nhã sử dụng cùng với những giải thích và những bộ ghi chú (phụ thêm). Những quy tắc này được nối kết với những quy tắc trong Tuần II: về việc chọn lựa theo cách thứ hai của Thì Thứ Ba (184-187) và Tuần III: về việc chỉnh đốn trong việc ăn uống (210-217). Như thế những quy tắc này dù nằm ở sau Linh Thao nhưng thật sự thuộc về Linh Thao. Đúng hơn, những bộ quy tắc là một loại khí cụ hướng dẫn Linh Thao được xếp ở sau mỗi tuần mà phạm vi hướng dẫn của nó rộng hơn hai khí cụ kia: trong cuộc Linh Thao và hậu Linh Thao thay vì phạm vi là một tuần hay một ngày thao luyện. Quả vậy, những quy tắc mà thánh I-nhã đề cập ở đây liên hệ đến sự trưởng thành thiêng liêng trong

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
những người sa ngã hết tội trọng này sang tội trọng khác, kẻ thù thường quen bày cho họ những vui thú bề ngoài, xui họ tưởng đến những khóai lạc và vui thú giác quan [2]để dễ cầm giữ họ và gia tăng nơi họ những nết xấu và tội lỗi. [3]Với những người như thế, thần lành dùng phương pháp ngược lại, bằng cách thôi thúc và cắn rứt	Đối với những người rơi vào từ tội trọng này sang tội trọng khác, quỉ dữ thường có thói quen bày ra nơi sự tưởng tượng của họ những thú vui, những lạc thú và những thỏa mãn giác quan, [2]để họ được chuẩn nhận hơn trong tội lỗi và trở nên ngoan cố hơn; [3]Chính nhờ một cách thức ngược lại mà thần lành có thói quen hành động ngược lại	Đối với những người vốn phạm dễ dàng những tội trọng và gia tăng tội với tội, kẻ thù của chúng ta hầu như có thói quen bày ra những quyến rũ về xác thịt và những thú vui giác quan, [2]để cầm giữ họ tràn ngập tội lỗi và luôn gia tăng khối lượng tội lỗi; [3]nhưng thần lành, thì ngược lại, hằng cắn rứt lương tâm của họ và can ngăn họ phạm tội nhờ sự

đời sống cá nhân (nhận định thần loại) – đến mối tương quan đức ái với tha nhân (bố thí) – đến dạng thức hoạt động các thần trong chính nhận thức thiêng liêng mờ tối của từng cá nhân (bối rối) và lòng yêu mến của chủ thể đối với chính thân thể Giáo Hội (cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội), là những quy tắc được áp dụng cho mọi tín hữu ở mọi tình huống của cuộc sống. Và nếu những quy tắc ấy có thể xảy ra cho bất cứ ai, thì cũng sẽ xảy ra cho mọi thao viên.

I. NHỮNG Ý NIỆM TỔNG QUÁT

1. Về tựa đề của hai bộ quy tắc

Cách đặt tựa đề cho hai bộ nhận định thần loại không chỉ khác nhau ở hai đối tượng nhận định là sầu khổ và an ủi, nhưng còn khác biệt và phong phú ở từng bản văn. Trước hết ta đề cập đến tựa đề của từng bộ quy tắc.

a/ Tựa đề của bộ nhận định thần loại thứ nhất

Tựa đề của bộ nhận định thần loại thứ nhất diễn tả hai phần: phần thứ nhất liên quan đến định nghĩa của việc nhận định và phần thứ hai xác định vị trí của nó.

Trong phần thứ nhất ba bản văn đều đưa ra những định nghĩa khác nhau.

- Bản A: "những quy tắc để cảm thấy và nhận biết cách nào đó những chuyển động khác nhau vốn gây ra trong linh hồn, điều tốt để đón nhận và điều xấu để loại bỏ" (313 [1-2a]).

Đây là phần định nghĩa về việc nhận định dưới hình thức mô tả. Vì trong việc nhận định thần loại, người ta không trực tiếp bắt gặp những tác nhân khác nhau, nhưng chỉ trực tiếp tiếp xúc với hệ quả của những tác nhân để lại, nghĩa là với cảm xúc vốn tỏ lộ qua an ủi và sầu khổ. Và từ cảm xúc ấy trí hiểu vạch mặt

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lương tâm họ bằng "lương tri" của lẽ phải.	với thần dữ: nó thôi thúc bằng việc cắn rứt lương tâm và thúc đẩy họ không ngừng bằng "lương tri".	vận hành của "lương tri" và của lẽ phải.
315. [1]*Quy tắc II*. Nơi những người vốn tiến bước cách mạnh mẽ từ điều tốt đến tốt hơn, trong việc diệt trừ tội lỗi của mình và trong việc phụng sự Thiên Chúa,	**315.** [1]*Quy tắc thứ hai*: Nơi những người tiến bộ cách mau lẹ và nhiệt tâm về việc tẩy luyện đầy đủ khỏi tội lỗi của họ, và là những người ngày càng tiến lên hơn trong việc	**315.** [1]*Thứ hai*. Đối với những người khác, vốn chăm lo một cách nghiêm túc tẩy trừ mình khỏi những tật xấu và những tội lỗi và ngày này qua ngày khác, luôn tiến bộ

được tác nhân khi qui chiếu về Nền tảng để biết được đâu là điều tốt và đâu là điều xấu, rồi từ đó tìm ra tác nhân: thần lành hay dữ. Chính vì ý nghĩa này mà hai bộ nhận định thần loại nguyên thủy bắt đầu từ qui tắc thứ ba hiện thời vốn định nghĩa về an ủi (316) và sầu khổ (317) chứ không phải xác định tác nhân và chủ thể như hiện tại ở hai qui tắc đầu (314-315).

Quả thế, chúng ta tìm ra dấu vết xác định những hệ quả này ngay ở điểm khởi đầu của bộ nhận định thần loại nhưng bản văn đã được thánh I-nhã đã chỉnh sửa : dấu vết thứ nhất được tìm thấy ở quy tắc thứ tư về sầu khổ – bản văn nói: "tôi gọi là sầu khổ tất cả những gì trái ngược với quy tắc thứ nhất". Thánh I-nhã đã gạch bỏ từ ngữ "thứ nhất" và sửa thành "thứ ba". Hiện tại, quy tắc về sầu khổ là quy tắc thứ tư mà quy tắc thứ ba là qui tắc Inhã định nghĩa về an ủi thiêng liêng vốn xưa kia là quy tắc thứ nhất. Vậy trước đây đã có một thời việc nhận định thần loại trong bộ thứ nhất khởi đầu bằng việc định nghĩa về an ủi. Bản P và V không nói rõ ở đây. Vì bản V không đặt quy tắc này đối chiếu với quy tắc trên, còn bản P tuy có đối chiếu nhưng lại không xác định thứ tự của quy tắc đó, mà chỉ nói trống: "Sầu khổ thiêng liêng thì hoàn toàn ngược lại với an ủi vốn đã được giải thích trong quy tắc trên" (317[1]).

Dấu vết thứ hai cũng cho chúng ta nhận được cùng một kết quả: ở quy tắc thứ 8 (321) khi nói về cách hành xử trong khi gặp sầu khổ, bản văn A mời gọi chủ thể kiên trì chống lại sự sầu khổ ấy như đã nói ở quy tắc thứ bốn (319). Từ ngữ "thứ bốn" bị thánh I-nhã xóa đi và thay thế bằng từ ngữ "thứ sáu". Nếu quy tắc thứ 6 hiện tại là quy tắc thứ bốn xưa kia thì chắc chắn đã có một thời bộ nhận định thần loại bắt đầu bằng quy tắc mà ngày nay gọi là quy tắc thứ ba (316), nghĩa là quy tắc định nghĩa về an ủi thiêng liêng. Bản P và V viết theo bản sửa của A.

– Bản P định nghĩa trực tiếp hoạt động tác nhân trên chủ thể mà không hề đả

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Chúa chúng ta, thì lại có phương pháp ngược lại với quy tắc thứ nhất. [2]Vì khi đó, đặc điểm riêng của thần dữ là cắn rứt, làm buồn phiền và đặt chướng ngại bằng cách gây băn khoăn lo lắng với những lý lẽ giả tạo để người ta khỏi tiến tới, [3]còn đặc điểm riêng của thần lành là đem đến sự can đảm và sức mạnh, an ủi, nước mắt, ơn soi giục và an nghỉ, bằng cách làm cho vượt thắng cách dễ dàng và huỷ diệt mọi	phụng sự Thiên Chúa bằng cách đi lên từ nhân đức này đến nhân đức khác, thì xảy ra điều ngược lại với điều đã được nói trong quy tắc thứ nhất; [2]vì khi đó thần tinh quái có thói quen cắn rứt, gây nên buồn phiền, ngăn chặn tất cả sự tiến bộ lại bằng vô số những cản trở, và sau cùng bằng những lý lẽ giả tạo làm loại trừ đi sự yên tĩnh của tinh thần, để họ không thể đạt đến một sự tiến bộ hoàn toàn	hơn trong niềm hăng say phụng sự Thiên Chúa, [2]thần xảo trá đưa vào những khó khăn, những bối rối, những buồn chán, những lý lẽ giả tạo và những xáo động khác thuộc loại này qua đó nó ngăn cản sự tiến bộ ấy. [3]Ngược lại, đặc điểm riêng và thói quen của thần lành là gia tăng lòng can đảm, sức mạnh nơi những người hành động ngay thẳng, an ủi họ, cho xảy đến nước mắt của lòng sốt sắng, soi sáng

động chút gì liên quan đến hệ quả khi nói: "một số quy tắc sau đây để nhận định những thần loại khác nhau vốn khuấy động linh hồn, để đón nhận những thần lành và loại bỏ những thần dữ" (313^{1-2a}).

- Bản V đi theo chiều hướng của A tức định nghĩa bằng hệ quả, nhưng xác định các hệ quả đó bởi các tác nhân khác nhau khi nói: "một số những quy tắc để nhận định những chuyển động của linh hồn mà những thần loại khác nhau làm phát sinh ra, để chỉ nhận những điều tốt và loại đi những điều xấu" (313^{1-2a}).

Vậy nhận định thần loại được định nghĩa là tiến trình cảm thấy của cảm xúc và nhận biết của trí hiểu về những chuyển động của cảm xúc mà những thần loại khác nhau làm phát sinh ra và để lại trong tâm hồn. Trí hiểu nhận ra chuyển động đó dưới ánh sáng Nguyên lý nền tảng tự nhiên (23) mà nguyên tắc hành xử qui theo luật luân lý: làm điều lành-tránh điều dữ, nhờ đó người ta biết được điều tốt hay xấu để đón nhận hay loại bỏ.

b/ Tựa đề bộ quy tắc nhận định thứ hai

Tựa đề bộ quy tắc thứ hai cũng nói về việc nhận định và vị trí của những quy tắc này. Về việc nhận định, bản P không đưa ra sự phân biệt nào giữa bộ quy tắc này và bộ quy tắc trước mà chỉ xác định cùng một kết quả cho việc nhận định (328).

Bản A và V có sự chuyển đổi đối tượng: việc nhận định không trực tiếp nhắm kết quả mà là các tác nhân. Hai bản văn đều coi đây là việc nhận định tốt hơn (A) hay đầy đủ hơn (V) về các thần loại. Điểm đặc biệt là từ ngữ "nhận định" được cả hai sử dụng danh từ "discreción" (discretio).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trở ngại để cho người ta tiến lên trong đàng lành.	trong các nhân đức. [3]Với cách thức ngược lại, thần lành có thói quen là, mang lại sức mạnh, gia tăng lòng can đảm, khơi dậy sự kiên cường, thông ban những an ủi, nước mắt, soi giục, và sự ngơi nghỉ của linh hồn, bằng cách giảm bớt mọi ngăn cản và trở ngại và cho thấy dễ dàng để thành công trong những hành động đã bắt đầu và tiến bộ cách hạnh phúc ở đó.	tinh thần họ và ban cho sự yên tĩnh, bằng cách hủy diệt mọi trở ngại để họ luôn tiến lên bằng những hành động tốt lành cách dễ dàng hơn và vui sướng hơn.
316. [1]*Quy tắc III*: Về an ủi thiêng liêng. Tôi gọi là an ủi khi trong linh hồn phát khởi một chuyển động nội tâm nào đó, khiến linh hồn bừng cháy lửa kính mến Đấng Tạo Hóa và Chúa mình [2]và do	**316.** [1]*Thứ ba*: chúng tôi gọi là an ủi thiêng liêng mọi chuyển động bên trong của linh hồn, nhờ đó linh hồn bừng cháy lòng yêu mến nồng nàn đối với Thiên Chúa của mình và là Đấng Sáng	**316.** [1]*Thứ ba*:Ta biết rằng đúng là có sự an ủi thiêng liêng khi, do một sự thúc đẩy bên trong nào đó, linh hồn bừng cháy lòng yêu mến đối với Đấng Tạo Hóa [2]và không thể yêu mến bất

Trong tiếng Tây Ban Nha, động từ "discernir" có danh từ discernimiento phát sinh ra từ đó. Nhưng trong bộ quy tắc thứ hai, thánh I-nhã không sử dụng danh từ này mà là danh từ "discreción" bởi lẽ danh từ này rút ra từ tính từ "discreto" vốn diễn tả đặc tính thận trọng, kín đáo trong những mối tương quan của các ngôi vị. Vậy việc nhận định ở đây tốt hơn, hoàn hảo hơn và tinh tế hơn vì đối tượng nhận định không dừng lại ở sự vật mà vươn lên tới ngôi vị với tính kín đáo và bí mật mà người ta chỉ có thể nhận biết được khi chủ thể tiết lộ cho mà thôi. V sử dụng danh từ "discretion" ở tựa đề có lẽ là từ ngữ được la tinh hóa từ A mà thôi.

Quả thế, tuần Linh Thao thứ hai dẫn thao viên vào cuộc đào luyện không ở bình diện tự nhiên mà siêu nhiên. Nền tảng chọn lựa vươn vào ánh sáng mặc khải của bài Lời Gọi ((91-98). Vì thế con đường thập giá chính là chuẩn mực xác định cái tốt hơn cả cái tốt nhân bản.

2. Sự liên hệ giữa hai bộ quy tắc

Các tựa đề ở phần hai của hai bộ quy tắc đều xác định vị trí của chúng trong Linh Thao: ở bộ thứ nhất, bản A và P nói "thích hợp hơn cho tuần thứ nhất" còn bản V

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
đó, không có thể yêu một thụ tạo nào trên mặt đất vì chính thụ tạo ấy, nhưng chỉ yêu trong Đấng tạo dựng mọi sự. [3]Đó cũng là, khi linh hồn chảy nước mắt vốn thúc đẩy đến lòng yêu mến Chúa của mình, hoặc bởi đau đớn vì tội lỗi mình, hay vì sự thương khó của Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, hay vì những điều khác trực tiếp hướng về việc phụng sự và ca tụng Ngài. [4]Sau cùng, tôi gọi là an ủi mọi gia tăng của đức cậy, đức tin và đức mến, cùng mọi niềm vui bề trong mời gọi và lôi	tạo của chúng ta. [2]Và cũng thế khi chúng ta không thể yêu mến bất cứ một thụ tạo nào vì chính nó, nhưng, dù thụ tạo ấy thế nào đi nữa, chúng ta yêu mến nó trong Thiên Chúa, Đấng là tác giả của tất cả những điều này. [3]Và cũng là, khi chảy nước mắt vốn hướng đến lòng yêu mến Thiên Chúa, hoặc vì sự đau đớn vì tội lỗi mình, hoặc giả vì nhớ đến cuộc khổ nạn quá khắc nghiệt của Đức Giê-su Ki-tô, hoặc nữa vì điều gì khác vốn trực tiếp hướng về việc ca tụng và	cứ thụ tạo nào nếu không phải vì Ngài. [3]Cũng là khi, ta chảy nước mắt vốn khêu gợi tình yêu đó, nước mắt vốn xuất phát hoặc từ sự đau đớn vì những tội lỗi, hoặc từ việc suy gẫm cuộc khổ nạn Đức Ki-tô, hoặc từ bất cứ nguyên do nào khác được sắp xếp một cách ngay thẳng vào việc phụng sự và tôn kính Thiên Chúa. [4]Sau cùng, cũng có thể gọi là an ủi mọi gia tăng đức tin, đức cậy và đức mến; và mọi niềm vui thường khích lệ linh hồn vào việc suy gẫm những sự trên trời,

nói "chính yếu thích hợp cho tuần thứ nhất" (313^{2b}) - về bộ thứ hai, bản A và P cũng nói "thích hợp hơn cho tuần thứ hai", còn bản V cho rằng "am hợp nhất với tuần này" (328^{b}). Vậy cả ba bản văn và đặc biệt bản A và P xác định tính ưu thế của mỗi bộ cho mỗi tuần, một ưu thế tương đối để diễn tả mối liên hệ của chúng với nhau, còn bản V nghiêng về ưu thế tuyệt đối. Vậy đó là mối liên hệ nào?

a/ Mỗi bộ quy tắc nhấn mạnh vào một đối tượng để nhận định

Những biểu lộ của xúc cảm: an ủi và sầu khổ là đối tượng của việc nhận định thần loại. Vì lẽ cả hai loại xúc cảm này đều có thể là hậu quả của hai tác nhân đối nghịch là thần lành và thần dữ, nhưng dẫn đến mục đích trái ngược nhau.

- Trước hết, hai qui tắc đầu của bộ thứ nhất có đối tượng để nhận định là sầu khổ. Vì chủ thể mà bộ quy tắc này nói đến trước là "những kẻ phạm hết tội trọng này đến tội trọng khác" và sau đó mới đến"những người tiến bước mạnh mẽ", cả hai tác nhân là thần lành và thần dữ đều gây nên sầu khổ và an ủi. Tuy nhiên, kẻ thù và sầu khổ được nói đến trước (314-315).
- Ngược lại, bộ quy tắc thứ hai lại có an ủi làm đối tượng cho việc nhận định. Vì trong bộ quy tắc này, chúng ta không hề thấy xuất hiện một từ ngữ sầu khổ nào. Rồi khi đề cập đến tác nhân hoạt động ở quy tắc thứ nhất, thánh I-nhã đề cập đến Thiên Chúa và các thiên thần trước kẻ thù (329). Sau cùng, khi đề cập

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
kéo (*tâm hồn*) đến những sự trên trời và phần rỗi riêng của linh hồn mình, làm cho nó được nghỉ ngơi và an bình trong Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.	phụng sự Chúa là Thiên Chúa. [4]Sau cùng tôi gọi là an ủi mọi tiến bộ và mọi gia tăng đức tin, đức cậy và đức mến, và mọi niềm vui bên trong vốn mời gọi và đem đến những điều trên trời và vĩnh cửu và việc cứu rỗi riêng của linh hồn, bằng cách ban cho nó sự ngơi nghỉ và bình an trong	vào lòng nhiệt thành cho việc cứu rỗi, để được nghỉ ngơi và được bình an với Chúa.

về chủ thể, ta cũng thấy nói về "những người tiến tới và hoạt động của thiên thần lành" trước những người sa sút và hoạt động của thần dữ (335).

Những chi tiết trên cho thấy bộ quy tắc một có sầu khổ là đối tượng nhận định vì lúc đó chủ thể thuộc sân chơi của kẻ thù - hoạt động kẻ thù chiếm ưu thế trong sự chọn lựa đối kháng tốt-xấu. Ngược lại bộ quy tắc hai có an ủi là đối tượng nhận định, lúc đó chủ thể thuộc sân chơi của thần lành vì được Đức Kitô soi sáng - hoạt động của thần lành chiếm ưu thế trong sự chọn lựa hơn kém.

b/ Đối tượng nhận định của tuần này làm mẫu cho tuần kia

Xét về chủ thể, chúng ta thấy cả hai bộ quy tắc đều đề cập đến hai loại chủ thể. Ở bộ quy tắc thứ nhất, loại chủ thể thứ nhất là "những người sa ngã hết tội trọng này đến tội trọng khác" (314) – loại thứ hai là "những người tiến bước mạnh mẽ từ điều tốt đến điều tốt hơn trong việc diệt trừ tội lỗi và phụng sự Chúa" (315).

Tuy không có một từ ngữ sầu khổ nào, bộ quy tắc thứ hai cũng phân chia thành hai loại chủ thể: thứ nhất gồm "những người tiến từ điều tốt đến điều tốt hơn" (335^1) và thứ hai gồm "những người đi từ điều xấu đến điều tệ hơn"(335^3) nghĩa là cũng có người tiến bộ và sa sút. Vậy đối tượng và cách thức nhận định cho những hạng người ở bộ quy tắc thứ nhất cũng áp dụng cho những người cùng một chiều hướng ở bộ quy tắc thứ hai và ngược lại. Đây là phương pháp dùng đại biểu: lấy sầu khổ và an ủi của tuần này làm đại biểu áp dụng cho tuần khác.

c/ Đâu là những đại biểu cho việc nhận định của hai bộ quy tắc?

Chắc chắn đại biểu được chọn để nhận định ở bộ quy tắc thứ nhất là sự sầu khổ của những kẻ ở mức độ thiêng liêng thấp nhất của đời sống thanh luyện (314^1) mà nguyên tắc tiến hành việc nhận định cho những người này sẽ vượt qua ranh giới của tuần một với ngôn ngữ lề luật, như sự cắn rứt bởi tiếng nói "lương tri" (314^3) để áp dụng cách loại suy cho sự sầu khổ của những người sống cấp độ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	Thiên Chúa, Đấng sáng tạo và là Chúa của mình.	
317. [1]*Quy tắc IV*: Về sầu khổ thiêng liêng. Tôi gọi là sầu khổ tất cả những gì trái ngược với quy tắc [~~thứ nhất~~] ***thứ ba***, [2]như sự [~~mù lòa~~] ***tối tăm*** trong linh hồn, xao xuyến bề trong, chuyển động về những điều thấp hèn và phàm tục, lo lắng từ những xao động và cám	**317.** [1]*Thứ bốn*: Sầu khổ thiêng liêng thì hoàn toàn ngược lại với an ủi vốn đã được giải thích trong quy tắc trên. [2]Thí dụ, sự tối tăm của tinh thần, sự xao xuyến của linh hồn, sự lôi cuốn về những điều thấp hèn và phàm tục, sự lo lắng phát sinh từ những thúc đẩy và	**317.** [1]*Thứ bốn*: Ngược lại, phải gọi là sầu khổ thiêng liêng [2]mọi sự tối tăm và xáo trộn trong linh hồn, mọi sự xúi giục đến những điều thấp hèn hay phàm tục, sau cùng mọi sự bất an, thúc đẩy hoặc cám dỗ, [3]vốn lôi kéo đến chỗ thiếu đức tin trong việc cứu độ và xóa

thiêng liêng cao hơn của đời sống soi sáng và thần hiệp vốn đang sa sút (335[3]) với ngôn ngữ tình yêu. Cả hai nằm ở cấp độ thiêng liêng khác nhau nhưng cùng nằm ở sân chơi của kẻ thù như nhau.

Ngược lại, đại biểu được chọn để nhận định ở tuần hai là sự an ủi của những người ở cấp độ thiêng liêng cao nhất: an ủi có và không có nguyên do trước của đời sống soi sáng và thần hiệp với ngôn ngữ tình yêu (335). Từ đó người ta sẽ áp dụng cách loại suy cho những người tiến bộ ở bình diện nhân bản của đời sống thanh luyện với ngôn ngữ lề luật (315).

Ta cần ghi nhận rằng an ủi không có nguyên do trước ở ngoài phạm vi Linh Thao cũng được nói ở đây xét như là cấp độ cao nhất của đời sống thiêng liêng: đời sống thần hiệp của giai đoạn hậu Linh Thao. Vậy ta có một biểu đồ sau:

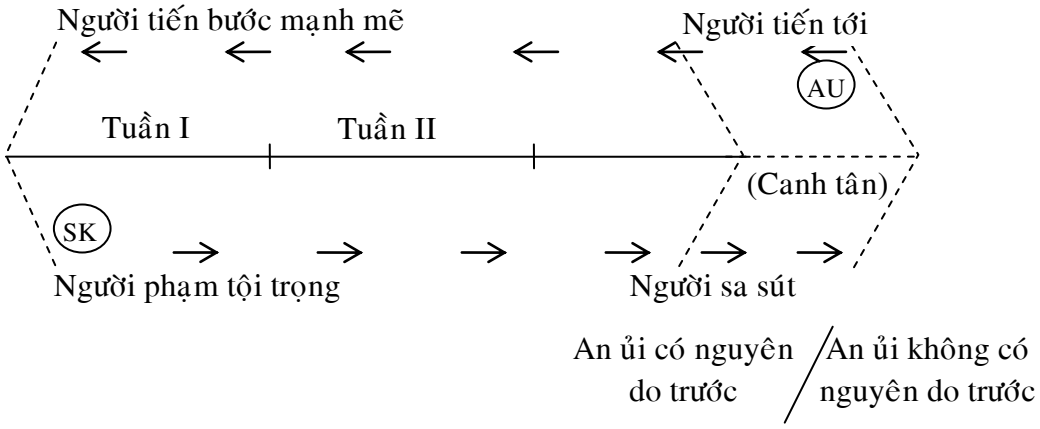

Ghi chú: khi thánh I nhã nói về các tác nhân: các thần ở bộ một - Thiên Chúa và các thiên thần ở bộ hai, mục đích ngài nhắm đến không phải nói về chính những tác nhân ấy, mà về sự trưởng thành của chủ thể: thần chỉ sự trưởng thành cuả chủ thể ở mức độ nhân bản của đời sống thanh luyện (314-315), thiên thần và Thiên

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dỗ khác nhau [3]vốn xui bẩy đến chỗ thiếu lòng tin tưởng, mất niềm hy vọng, mất lòng yêu mến, khi cảm thấy mọi sự lười biếng, khô khan, buồn sầu và như bị lìa xa Đấng Tạo Hóa và Chúa	những tác động khác nhau, [3]khi dẫn đến có lúc thiếu sự tin tưởng, không có niềm hy vọng, không còn lòng yêu mến, có lúc đến sự trì trệ và đến sự nguội lạnh, có lúc đến sự buồn rầu như thể ta muốn	bỏ đức cậy và đức mến; từ đó linh hồn cảm thấy buồn sầu, nguội lạnh, và trì trệ. Hầu như thất vọng đối với lòng thương xót của Thiên Chúa, là chính Đấng tạo dựng. [4]Thật vậy, cũng như sầu khổ

Chúa ở mức độ siêu nhiên của đời sống soi sáng và thần hiệp (329).

II. TÌM HIỂU BỘ QUY TẮC THỨ NHẤT

Bộ quy tắc thứ nhất chia làm bốn phần được tìm hiểu như sau:

1. Những quy tắc tổng quát (314-317)

a/ Các tác nhân, chủ thể và mục đích (314-315)

Như chúng ta đã xác định, hai quy tắc đầu tiên của bộ quy tắc thứ nhất là hai quy tắc được viết sau cùng và được san định vào hệ thống quy tắc nhận định muộn thời. Hai quy tắc này đề cập đến hai loại chủ thể đối nghịch nhau:"những người phạm hết tội trọng này đến tội trọng khác" (314^1) và "những người tiến bước trong việc diệt trừ tội lỗi và phụng sự Chúa" (315^1) - là những kẻ bị tác động bởi hai thần loại đối nghịch nhau: kẻ thù hay thần dữ (314^1, 315^2) và thần lành (314^2, 315^3) - bằng những phương cách đối nghịch nhau: bày ra, cắn rứt, làm buồn phiền bằng những lý lẽ giả tạo (314^1 và 315^2) hoặc cắn rứt bằng lương tri, đem đến sự can đảm, soi giục (314^3 và 315^3) – để dẫn đến mục đích đối nghịch nhau: giữ lại trong tội lỗi và ngăn cản sự tiến tới hoặc thôi thúc người ta tiến lên (314^2, 315^2 và 315^3).

Phạm vi hoạt động của các tác nhân ở đây là phạm vi của lề luật vì ngôn ngữ sử dụng ở đây có tính pháp lý và thô thiển: lương tri của lẽ phải, cắn rứt, ngăn cản... vì thế thánh I-nhã gọi những tác nhân này là những thần lành, thần dữ đối nghịch nhau. Điểm qui chiếu khách quan để vạch mặt các thần ở đây là "Nguyên Lý Nền Tảng" mà thần lành khích lệ người tiến tới và cắn xé lương tâm người tội lỗi - ngược lại, thần dữ cắn rứt người tiến tới và khích lệ cùng gia tăng tội lỗi và nết xấu nơi người tội lỗi.

Chúng ta đặc biệt lưu ý đến từ ngữ cắn rứt lương tâm bằng "lương tri" của thần lành mà cả ba bản văn đều nói đến (314^3) đối nghịch với sự cắn rứt của kẻ thù được A và P triển khai (315^2). Từ ngữ "lương tri" là một thuật ngữ chuyên biệt trong thần học kinh viện (συνδειρησις, syndérèse) mà thánh I-nhã đã vay mượn để chỉ về cảm thức luân lý của lý trí vốn đe dọa khi người ta muốn làm điều xấu,

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mình. [4]Vì như an ủi trái ngược với sầu khổ thế nào, thì các tư tưởng phát xuất từ sự an ủi cũng trái với các tư tưởng phát sinh từ sầu khổ như vậy.	làm cho linh hồn xa tránh và tách biệt khỏi Đấng Tạo Hóa của mình. [4]Thật vậy, như an ủi đối nghịch và ngược lại với sầu khổ thế nào, thì những tư tưởng sinh ra từ an ủi cũng hoàn toàn đối nghịch với những tư tưởng phát xuất từ sầu khổ như vậy.	đối nghịch với an ủi thế nào, thì tư tưởng phát sinh từ điều này và điều khác cũng hoàn toàn đối nghịch nhau như vậy.

---

kết án khi họ đã hành động hoặc ngược lại khích lệ khi muốn làm và tán thưởng khi đã thực hiện điều tốt.

b/ Hậu quả các tác nhân để lại nơi chủ thể (316-317)

Hai quy tắc 316 và 317 đã có lúc là hai quy tắc mở đầu cho bộ nhận định thần loại vì nó muốn định nghĩa về những hệ quả các thần để lại trong linh hồn: an ủi thiêng liêng và sầu khổ thiêng liêng. Các nhà chú giải tìm cách xác định thứ tự liệt kê các yếu tố mà thánh I-nhã diễn tả ở đó theo nhiều góc độ khác nhau, nhưng thực ra ngài chỉ liệt kê các yếu tố theo đúng tiến trình Linh Thao dưới dạng thức đối nghịch nhau giữa an ủi và sầu khổ. Chúng ta cần xác định an ủi và sầu khổ ở đây trong việc nhận định thần loại: là cảm xúc hay cảm tính liên quan đến giá trị luân lý và thiêng liêng chứ không phải bất cứ cảm xúc nào.

- Về an ủi: ngài tóm kết an ủi thành ba nhóm am hợp với chính tiến trình của Linh Thao: nhóm thứ nhất (316^{1-2}) và nhóm thứ ba (316^{4}) không có vấn đề. Vì sự an ủi của nhóm thứ nhất chính là sự an ủi của Nguyên Lý Nền Tảng tự nhiên (23) và an ủi của nhóm thứ ba là an ủi của Nguyên Lý và Nền Tảng siêu nhiên thuộc đời sống soi sáng. Chi tiết cần lưu ý ở chỗ này là sự gia tăng đức cậy, đức tin, và đức mến vốn thuộc những nhân đức đối thần chỉ hiện hữu nhờ vào sự hiện diện của Đức Ki-tô. Các bản P, V cũng thế.

Vấn đề ta cần bàn đến chính là sự mô tả ở nhóm hai vốn trình bày sự an ủi ở khía cạnh tiêu cực: "là khi linh hồn chảy nước mắt vốn thúc đẩy đến lòng yêu mến Chúa của mình, hoặc bởi đau đớn về tội lỗi mình, hay sự thương khó của Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, hay vì những điều khác trực tiếp hướng về việc phụng sự và ca tụng Ngài" (316^{3}). Bản P và V cũng diễn tả cùng một ý tưởng. Thứ tự ba bước này xác định rõ hai sự an ủi của tuần một thuộc đời sống thanh luyện , tức khóc lóc vì tội lỗi mình và tuần ba thuộc đời sống soi sáng, tức khóc lóc vì sự thương

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
318. [1]*Quy Tắc V*: Trong thời gian sầu khổ, đừng bao giờ thay đổi, nhưng hãy vững vàng và kiên trì trong những dốc lòng và quyết định có được trước khi gặp sự sầu khổ này, hoặc những quyết định đã có khi được an ủi trước đây. [2]Vì cũng như khi được an ủi, thần lành hướng dẫn và khuyên nhủ ta hơn thế nào, thì	**318.** [1]*Quy tắc thứ năm*. Trong thời gian gặp sầu khổ, không được làm bất cứ một sự thay đổi nào, nhưng điều thích hợp là tinh thần phải vững vàng và kiên trì trong những điều dốc lòng và quyết định mình đã có được trong thời gian đi trước sự sầu khổ này, hay trong sự dốc lòng khi gặp sự an ủi trước đây; [2]vì cũng như	**318.** [1]*Thứ năm*: Vào thời kỳ gặp sầu khổ, không được quyết định cũng như không được đổi mới điều gì liên quan đến quyết định đã được thực hiện bởi linh hồn hay liên quan đến bậc sống, nhưng phải kiên trì trong điều đã được thực hiện trước đây, chẳng hạn vào ngày hay giờ trước khi ta gặp sầu khổ. [2]Thật vậy,

khó của Đức Ki-tô. Còn bước thứ ba có thể quy về an ủi của việc phụng sự Chúa ở cả hai cấp độ tự nhiên thuộc đời sống thanh luyện và siêu nhiên thuộc đời sống soi sáng.

Đem ráp nối cả hai mặt tích cực và tiêu cực của an ủi ta thấy rõ trật tự sự an ủi khởi từ Nguyên Lý và Nền Tảng tự nhiên và siêu nhiên sang bốn tuần Linh Thao: tuần một thuộc đời sống thanh luyện và ba tuần còn lại thuộc đời sống soi sáng. Điều này cho thấy, an ủi là khi chủ thể có Nguyên Lý và Nền Tảng để tiến vào các chặng trưởng thành của đời sống thiêng liêng.

- Về sầu khổ: cũng được thánh I-nhã mô tả làm ba nhóm mà ngài gọi là trái ngược với an ủi: nhóm một ở 317^{2a} ; nhóm hai ở 317^{2b-3a}; và nhóm ba ở 317^{3b}.

Ta thấy sự mô tả ở nhóm thứ hai hoàn toàn trái ngược với nhóm thứ ba của an ủi (316^{4}) khi nói về sầu khổ: "lo lắng từ những xao động và cám dỗ khác nhau vốn xui bẩy đến chỗ mất lòng tin tưởng, mất niềm trông cậy, mất lòng yêu mến" (317^{2b-3a}). Chúng đối nghịch đến nỗi một bên gia tăng những nhân đức đối thần còn một bên mất cả những đức tính nhân bản. Bản V không hiểu rõ nên đã diễn tả sự đối nghịch chỉ dừng lại ở ba nhân đức đối thần: "đức tin, cậy, mến" .

Vấn đề khó xác định hơn về hai nhóm một và ba, vì cả hai đều có thể được xếp vào sầu khổ của tuần một hay vào sầu khổ của Nguyên Lý và Nền Tảng. Tuy nhiên, nếu ta trở về với quy tắc đầu tiên vốn nói đến hoạt động của thần dữ trên tội nhân, tức người đang thao luyện trong tuần một, ta sẽ tìm được sự tương đồng. Quả vậy, kẻ thù tác động trên họ bằng cách "bày cho họ những khoái lạc và vui thú giác quan" (314^{1}). Ý tưởng này chắc chắn tương ứng với ý tưởng của nhóm một, nên sầu khổ của nhóm một thuộc về sầu khổ của tuần một. Và đương nhiên

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trong cơn sầu khổ, thần dữ cũng (*hơn*) như vậy, mà theo lời khuyên của nó, ta chẳng thể gặp được con đường đưa tới đích.	trong sự an ủi, chính thần lành hướng dẫn và dạy dỗ chúng ta hơn thế nào, thì cũng thế, trong sự sầu khổ, chính thần tinh quái: mà một khi bị đánh lừa bởi những lời khuyên răn xảo trá và gian dối của	cũng như khi một ai đó vui hưởng sự an ủi mà ta đã nói đến, người ấy được dẫn dắt không phải bởi một sự thúc đẩy cá nhân nhưng bởi thúc đẩy của thần lành, cũng thế nếu sự sầu khổ

---

sầu khổ nhóm ba phải thuộc về sầu khổ của Nguyên Lý và Nền Tảng mà thôi.

Ta cũng cần đưa ra hai ghi nhận:

- Thứ nhất về sự chỉnh sửa của thánh I-nhã ở đây: ngoài dấu vết chỉnh sửa vốn bộc lộ quy tắc 316 xưa kia là quy tắc đầu tiên, thánh I-nhã chỉnh sửa ý nghĩa bản văn này khi kê khai nhóm sầu khổ thứ nhất: "như sự mù lòa trong tâm hồn, xao xuyến bề trong v.v." (317[2]), ngài gạch bỏ từ ngữ "mù lòa" và thay vào bằng từ ngữ "tối tăm" để tránh coi đó là một thực tại khách quan nhưng là một tình trạng đáng tiếc mà chủ thể phải rơi vào. Bản P và V cùng thuận theo ý nghĩa chỉnh sửa này.

- Thứ hai, sau khi kê khai định nghĩa về sầu khổ vốn đối nghịch lại với an ủi, thánh I Nhã đưa ra một kết luận tóm kết sự đối nghịch ấy. Thế nhưng câu kết luận này ở bản A và P làm đảo lộn trật tự luận lý của chính ngài. Bản A viết: "Vì như an ủi trái ngược với sầu khổ thế nào, thì các tư tưởng phát xuất từ sự an ủi cũng trái ngược với các tư tưởng phát sinh từ sầu khổ như vậy" (317[4]). Tương tự như thế, bản P cũng viết: "Thật vậy, vì như sự an ủi đối nghịch và đi ngược lại với chính sự sầu khổ thế nào, thì những tư tưởng phát sinh từ an ủi cũng hoàn toàn đối nghịch với những tư tưởng phát xuất từ sầu khổ như vậy". Thực ra câu văn phải đảo lộn cho hợp với luận lý, nghĩa là thay vì nói "an ủi trái ngược với sầu khổ", ta phải nói "sầu khổ trái ngược với an ủi". Bản văn V đã sửa sai lập luận này cách chính xác khi nói: "Thật vậy, cũng như sầu khổ đối nghịch với an ủi thế nào, thì tư tưởng phát sinh từ điều này và điều khác cũng hoàn toàn đối nghịch nhau như vậy".

Vậy, thứ tự sầu khổ mà thánh I-nhã diễn tả trong quy tắc 317 là: sầu khổ của tuần một, rồi đến sầu khổ tuần hai và sau cùng là sầu khổ của Nguyên Lý và Nền Tảng, Và ta có thể đưa ra một sơ đồ về an ủi và sầu khổ trái nghịch nhau như sau:

AN ỦI	NLNT	T. I	T. II
SẦU KHỔ	T. I	T. II	NLNT

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	nó, chúng ta không thể tìm được con đường tốt lành.	xảy đến cho họ, người ấy bị tác động bởi thần dữ dưới sự xúi bẩy mà từ đó ta không bao giờ thực hiện được điều gì ngay thẳng.
319. [1]*Quy tắc VI*: Mặc dù trong cơn sầu khổ, không nên thay đổi những điều đã quyết định, thì lại rất ích lợi khi cương quyết thay đổi chính mình để chống lại với cơn sầu khổ ấy, [2]chẳng hạn bằng cách kiên trì hơn trong việc cầu nguyện, suy gẫm, xét mình nhiều hơn và gia tăng việc hãm mình đền tội theo cách nào thích hợp.	**319.** [1]*Quy tắc thứ sáu*. Dẫu rằng, vào thời gian gặp sầu khổ, chúng ta không được thay đổi điều dốc lòng trước đây bằng bất cứ phương cách nào, nhưng một sự thay đổi thánh thiện và kiên tâm chống lại với chính sự sầu khổ lại không phải là có ích lợi ít, [2]thí dụ bằng cách nhấn mạnh hơn nữa đến việc cầu nguyện và suy gẫm, bằng cách xét	**319.** [1]*Thứ sáu*: mặc dù, khi bị giày vò bởi sầu khổ, ta hoàn toàn không được thay đổi những quyết định trước đó của mình, tuy nhiên là điều tốt nếu bảo vệ vững chắc và gia tăng điều nhắm vào việc chống lại tác động của sự sầu khổ, [2]như nhấn mạnh đến việc cầu nguyện và suy gẫm cùng với việc xét mình và làm thêm việc hãm

Sơ đồ này cho phép ta kết luận rằng an ủi tiến bước nhờ vào Nguyên Lý và Nền Tảng còn sầu khổ xảy ra khi người ta đánh mất nó, vì vậy muốn có lại sự an ủi, họ phải tìm về với Nguyên Lý và Nền Tảng của mình.

2. Cách hành xử khi gặp sầu khổ (318-319)

Các quy tắc 5 và 6 có mục đích chỉ cho ta cách hành xử khi gặp một sầu khổ mà chưa biết được tác nhân. Nguyên tắc để hành xử là hành động ngược lại (agere contra) nơi đối tượng và nơi chính mình. Lý do là vì khi gặp sầu khổ, chủ thể nằm trong "sân chơi" của kẻ thù vốn chiếm ưu thế hơn trong việc khuyên bảo và dẫn dắt họ (318[2]).

a/ Hành động ngược lại nơi đối tượng

Quả vậy, khi gặp sầu khổ, kẻ thù thường dễ dàng khuyên nhủ và thúc giục ta từ bỏ hay thay đổi những quyết định hoặc quyết tâm đã được thực hiện trước khi gặp sầu khổ hay khi gặp an ủi trước đây hơn. Bản V còn xác định rõ đối tượng của những quyết tâm đó liên hệ đến cả bậc sống nữa (318[1b]). Hành động ngược lại là kiên trì và vững vàng về những dốc quyết và quyết định đó. Vì thông thường hơn, đó là những điều ta được thần lành khuyên nhủ làm khi được an ủi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	mình cẩn thận hơn và bằng cách gia tăng gấp bội việc hãm mình đền tội theo một cách thức thích hợp.	mình đền tội nào đó.
320. [1]*Quy tắc VII*: Người đang gặp sầu khổ, hãy suy xét rằng Chúa đã để họ ở trong sự thử thách, theo những khả năng tự nhiên của họ như thế nào, để họ chống trả các tác động và cám dỗ khác nhau của kẻ thù; [2]như vậy họ vẫn có thể chống trả được, nhờ sự trợ giúp của Chúa vẫn luôn ở trong họ, dù họ không	**320.** [1]*Thứ bảy*. Khi một ai ở trong sự sầu khổ, người ấy phải suy xét rằng Chúa ẩn mình đi khỏi họ một thời gian, bằng cách để họ lại với chính họ và với những sức lực tự nhiên của họ để thử thách họ, nhằm cho họ học biết chống cự và đối đầu với những tác động và những cám dỗ của Sa-tan [2]với sự trợ	**320.** [1]*Thứ bảy*. Bao lâu chúng ta chịu sự sầu khổ, cần phải nghĩ rằng, vào lúc đó, chúng ta bị Chúa để chúng ta lại cho chính chúng ta để thử thách chúng ta, để chúng ta chống lại những cuộc tấn công của kẻ thù bằng những sức lực tự nhiên của mình; [2]chúng ta có thể làm được điều này mà không một chút nghi

---

trước đây.

b/ Hành động ngược lại nơi chính mình

Mặt khác, khi gặp sầu khổ, kẻ thù cũng dễ dàng khuyên nhủ ta hơn để bỏ bê hoặc buông bỏ những khí cụ thiêng liêng, như cầu nguyện, suy gẫm, xét mình, làm việc hãm mình đền tội... , nghĩa là buông lỏng những khí giới của ơn sủng. Làm như thế, người ta sẽ dễ dàng quay về với những toan tính phàm tục vốn do kẻ thù đang tìm cách dẫn dắt chủ thể lạc vào. Hành động ngược lại là kiên trì hơn trong việc cầu nguyện và suy gẫm, xét mình nhiều hơn và gia tăng việc hãm mình đền tội hơn, nhờ đó ta có cơ may chiến thắng những lời khuyên dụ của kẻ thù khi dựa vào sự soi sáng và ơn sủng Chúa mà chiến đấu với nó.

Cụm từ "cương quyết thay đổi chính mình để chống lại cơn sầu khổ" (319[1b]) của A xem ra mơ hồ và không rõ ràng, khiến cho P và V diễn tả như thể người ta phải chống lại sự sầu khổ. Thực ra ý nghĩa phải là "***chống lại kẻ thù vốn lợi dụng sầu khổ để khuynh đảo con người***". Vì lẽ không phải bất cứ sầu khổ nào cũng đến từ kẻ thù (x. 322[2-4]).

Tóm lại, vì khi gặp sầu khổ, chủ thể nằm ở phần sân chơi của kẻ thù nên nó dễ lợi dụng tình huống lôi kéo ta bỏ đối tượng đã quyết định hoặc buông xuôi việc thiêng liêng. Hành động ngược lại là làm ngược lại với những xúi bẩy đó chứ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
cảm thấy rõ ràng. [3]Vì Chúa rút bớt lòng sốt sắng nồng nàn, lòng mến bao la và ân sủng mãnh liệt, nhưng vẫn để lại ân sủng đủ cho sự cứu rỗi đời đời.	giúp của thần linh; người này không bị tước đi khỏi Ngài, mặc dù khi đó không thể biết Ngài một cách rõ ràng và minh nhiên, [3]vì Chúa chỉ lấy đi ơn ban về lòng nhiệt tâm mãnh liệt và lòng mến nồng nàn, mà vẫn để lại ơn sủng đủ để có thể đạt	ngờ với sự trợ giúp của Chúa vốn không ngừng giúp đỡ, cho dù lúc đó ta không cảm thấy chút trợ giúp nào. [3]Vì Chúa đã rút đi ân huệ trước đó về đức ái tuy nhiên hoàn toàn để lại ơn sủng vốn có thể đủ để hành động tốt và để đạt được sự cứu rỗi.

không phải chống lại sầu khổ.

3. Việc đào luyện của Thiên Chúa khi gặp sầu khổ (320-324)

Còn một trường hợp cần lưu ý: khi gặp sầu khổ mà chưa tìm được tác nhân, Thiên Chúa có thể vận dụng cơ hội này, hay chính Ngài đem đến sầu khổ nhằm mục đích huấn luyện sự trưởng thành của con người. Ý nghĩa này có ở phần thứ ba của bộ qui tắc.

Phần thứ ba này có một cấu trúc rất phức tạp và ta đọc thấy rõ ở bản A. Vì trong bản này, có bốn quy tắc đều khởi đầu bằng cụm từ "el que esta en" (ai ở trong) và được phân làm hai loại: "el que esta en desolacion", ai ở trong sự sầu khổ (320 và 321) và "el que esta en consolacion", ai ở trong sự an ủi hay "el que esta consolado", ai được an ủi (323 và 324).

Mặt khác, bốn quy tắc này bao quanh quy tắc thứ chín ở tâm vốn đề cập về những nguyên nhân gây nên sầu khổ với ba cấp độ trưởng thành về đời sống thiêng liêng: trưởng của đời sống thanh luyện, soi sáng và thần hiệp. Những dấu vết cho phép chúng ta tìm ra ý nghĩa này nhờ vào hệ thống cấu trúc đối ngẫu cân xứng: A-B-C-B'-A' ở đó chủ thể ở trung tâm vốn bị những đợt sóng sầu khổ và an ủi đập vào theo hướng đồng tâm và hướng tâm để tìm ra sự trưởng thành của chủ thể theo lược đồ sau:

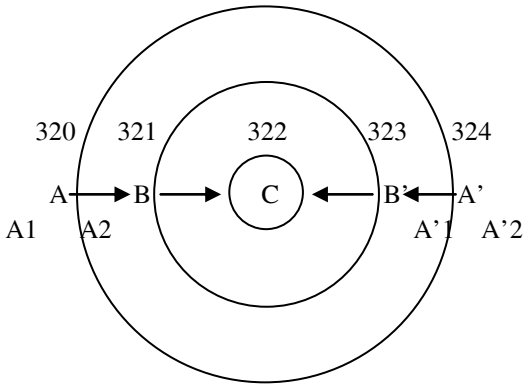

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	đến sự cứu rỗi đời đời.	
321. [1]*Quy tắc VIII*: Người đang gặp sầu khổ hãy gắng giữ sự nhẫn nại, là điều trái ngược với những xáo trộn xảy đến cho họ,[2]và nghĩ rằng, chẳng bao lâu nữa sẽ được an ủi, bằng cách nỗ lực vận dụng sự kiên trì chống lại cơn sầu khổ ấy, như đã nói ở quy tắc [~~thứ~~ b~~ốn~~] ***thứ sáu***.	**321.** [1]*Thứ tám*. Người gặp sầu khổ sẽ phải làm việc hết sức mình để giữ linh hồn mình ở trong sự nhẫn nại, vốn ngược lại với những xáo trộn xảy đến; [2]người ấy cũng sẽ suy xét rằng sự an ủi sẽ có ngay đó, nếu chí ít họ mau mắn chống trả lại sự sầu khổ, như điều đó đã được nói đến trong quy tắc thứ sáu.	**321.** [1]*Thứ tám*: sự kiên nhẫn phải được giữ một cách cẩn thận thì rất có ích lợi cho người đang phải hứng chịu cơn cám dỗ, vì tự nhiên, sự kiên nhẫn ấy đối nghịch với những sự xáo trộn của loại này và hoàn toàn trụ vững trước những phiền nhiễu ấy. [2]Cũng phải nhờ vào niềm hy vọng và nghĩ rằng sự an ủi sẽ sớm có đó, nhất là nếu những tấn công của sầu khổ bị bẻ gãy nhờ sự cố gắng thánh thiện vốn được chỉ cho trong quy tắc thứ sáu.
322. [1]*Quy tắc IX*: Có ba nguyên do chính yếu khiến ta gặp sầu khổ: *Thứ nhất*: Vì ta lạnh nhạt, lười biếng hay chểnh mảng trong các việc thao luyện thiêng liêng của chúng ta; và như vậy, vì lỗi ta mà sự	**322.** [1]*Thứ chín*. Chính yếu có ba điều làm cho ta rơi vào sự sầu khổ. *Thứ nhất*, vì chúng ta nguội lạnh và chểnh mảng trong những cuộc thao luyện thiêng liêng của chúng ta; vì những lỗi lầm này, sự an ủi	**322.** [1]*Thứ chín*: Có ba nguyên nhân chính về sự sầu khổ. *Thứ nhất*, vì sự nguội lạnh của chúng ta và vì sự chểnh mảng của chúng ta trong những cố gắng hay những cuộc thao luyện thiêng liêng,

Chúng ta đề cập trước hết tâm C, tức chủ thể (322) rồi sau đó tìm hiểu những cấu tố và sự kết hợp của chúng để tìm ra sự trưởng thành của chủ thể.

a/ Tâm C, về chủ thể (322)

Cả ba bản văn đều khởi đầu bằng câu nói: có ba nguyên nhân hay sự việc khiến ta gặp sầu khổ theo A, hay rơi vào sầu khổ theo P, hay về sầu khổ theo V (322^{1a}). Đọc kỹ ba nguyên nhân này, chúng ta thấy thánh I-nhã chỉ nói về một nguyên nhân tác thành, hai nguyên nhân còn lại thuộc về nguyên nhân cứu cánh.

- Về nguyên nhân tác thành (322^{1b}): hai từ "nguội lạnh và chểnh mảng" do lỗi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
an ủi thiêng liêng lìa bỏ ta;	thiêng liêng thường lìa bỏ và xa tránh chúng ta.	chúng ta đáng bị tước mất sự an ủi thần linh.
[2]*Thứ hai*: Để thử coi ta tới đâu và ta đáng giá điều gì trong việc phụng sự và ca ngợi Chúa, khi không được hưởng biết bao sự an ủi và ân sủng bao la như thế.	[2]*Thứ hai*,để thử ta và để ta học biết nơi mình rằng ta đáng giá bao nhiêu và tới đâu, dù không có chút ân thưởng gì về một sự an ủi và ơn sủng như thế, ta vẫn tiến bước trong việc phụng sự và tôn vinh Thiên Chúa.	[2]*Thứ hai*, để thử coi chúng ta là ai và chúng ta phải vất vả cách nào để phụng sự và làm tôn vinh Thiên Chúa mà không có sự thưởng công nào đó về an ủi và về ơn ban thiêng liêng.
[3]*Thứ ba*: Để cho ta một sự hiểu biết và nhận thức đích thực đến nỗi ta cảm thấy cách sâu xa rằng không phải tự ta làm phát sinh hay duy trì được lòng sốt sắng vô ngần, lòng mến mạnh mẽ, nước mắt hoặc bất cứ một sự an ủi thiêng liêng nào khác, nhưng tất cả đều là ân ban và ơn sủng của Thiên Chúa, Chúa chúng ta, [4]và để ta đừng "làm tổ ở cái khác", bằng cách nâng trí khôn của ta đến sự	[3]*Thứ ba*, để chúng ta hiểu biết đầy đủ và kinh nghiệm trong nội tâm rằng không tùy thuộc vào chúng ta mà có được hay duy trì được lòng sốt sáng vô ngần, lòng mến nhiệt thành, nước mắt hay bất cứ một sự an ủi thiêng liêng nào khác, vì tất cả những điều này là những ân ban từ lòng quảng đại của Thiên Chúa, [4]và cũng để cho chúng ta không đặt sự ngơi nghỉ của chúng ta nơi điều thuộc người khác, bằng	[3]*Thứ ba*, để cho chúng ta cảm nghiệm rõ ràng rằng việc thủ đắc hay duy trì được sự nhiệt tâm của lòng sốt sắng, sự mãnh liệt của tình yêu mến, sự phong phú của nước mắt và tất cả những an ủi bên trong không tùy thuộc vào sức lực chúng ta, nhưng hết thảy những điều ấy đều là ơn ban nhưng không của Thiên Chúa; [4]nếu chúng ta đòi hỏi như của riêng chúng ta, chúng ta sẽ ngã quỵ trong tội kiêu ngạo và hư

---

của chủ thể mà sự an ủi lìa bỏ họ. Vậy tác nhân gây nên sầu khổ ở đây không là ai khác ngoài chủ thể vốn được thánh I-nhã bắt đầu câu văn bằng liên từ "vì" (por, quia, propter) chỉ về nguyên nhân tác thành. Khi diễn tả sự việc bằng nguyên nhân tác thành, nếu người ta muốn huỷ bỏ kết quả, chỉ cần loại trừ nguyên nhân. Nghĩa là để tiêu diệt sầu khổ, chủ thể phải loại bỏ sự chểnh mảng và nguội lạnh. Nói cách khác, hăng say và chú tâm cách nghiêm túc vào việc thao luyện, an ủi sẽ đến. Nguyên nhân này xác định sự trưởng thành của đời sống thanh luyện hoặc cách hành xử theo sự trưởng thành ấy. Vì vấn đề được giải quyết bởi chính năng lực loài người, tức cấp độ nhân bản.

Đây chính là nguyên nhân tác thành nội tại. Thực ra thánh I-nhã đã đề cập đến

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
kiêu ngạo hay hư danh nào đó, khi tự gán cho mình lòng sốt sắng hay các hình thức khác của sự an ủi thiêng liêng.	việc nâng trí khôn của mình đến tận sự kiêu ngạo và hư danh và tự gán cho mình một lòng sốt mến, một sự an ủi và những điều khác nữa vốn không thuộc về chúng ta.	danh, không phải là không có nguy hiểm trầm trọng đối với việc cứu rỗi chúng ta.
323. *Quy tắc X*: Người đang được an ủi, phải nghĩ tới cách xử sự trong cơn sầu khổ sẽ đến, bằng cách dành lấy sức mạnh mới cho lúc đó.	323.*Thứ mười*. Người được an ủi sẽ suy xét rằng sự sầu khổ sẽ sắp xảy ra cho mình, và ngay từ bây giờ người ấy sẽ bắt đầu trang bị cho mình những khí giới của lòng cương nghị, của sự can đảm và kiên nhẫn chống lại nó.	**323.***Thứ mười*: người vui hưởng sự an ủi phải liệu xem mình có thể hành xử cách nào khi sự sầu khổ sau đó thình lình ập tới, để ngay bây giờ kịp thời, cấp ứng cho mình sự kiên vững và sức mạnh của linh hồn để xua đuổi sự tấn công của nó.
324. [1]*Quy tắc XI*: Người được an ủi, phải gắng tự khiêm và tự hạ chừng nào có thể, bằng cách nghĩ mình nhỏ hèn biết mấy trong thời gian sầu khổ, khi không có ân sủng hay sự an ủi như thế. [2]Trái lại, người lâm	**324.** [1]*Thứ mười một*. Người được an ủi sẽ cố gắng tự khiêm và tự hạ, bằng cách suy xét sự nhỏ nhoi biết bao mình có thể làm trong thời gian sầu khổ, khi họ không có được ơn sủng của sự an ủi như thế. [2]Ngược lại,	**324.** [1]*Thứ mười một*: khi sự an ủi tuân tràn, cũng chính người ấy sẽ tự khiêm và tự hạ bao nhiêu có thể, khi suy nghĩ nơi chính mình rằng mình sẽ tỏ ra yếu đuối và hèn nhát biết bao trước những sự tấn

hai nguyên nhân tác thành ngoại tại rồi ở ngay trong hai quy tắc đầu tiên khi nói về hai loại tác nhân đối nghịch nhau vốn dẫn đến hai kết quả đối nghịch nhau. Đó là sầu khổ mà thần lành tác động nơi kẻ tội lỗi với sự cắn rứt của lương tri (314[3]) và cùng một hậu quả đó mà thần dữ hoạt động nơi người tiến bộ với sự cắn rứt của những lý lẽ giả tạo (315[2]). Thánh I-nhã không cần lập lại ở đây. Bởi lẽ đó là những sầu khổ mà người ta biết chắc chắn tác nhân của chúng nhờ vào tiêu chuẩn khách quan của Nguyên Lý và Nền Tảng (23).

- Về nguyên nhân cứu cánh (322[2. 3-4]): cùng một liên từ "Por" trong tiếng Tây Ban Nha, nhưng thánh I-nhã đã chuyển ý nghĩa của nguyên nhân: không còn là nguyên nhân tác thành, mà là nguyên nhân cứu cánh. Các ngôn ngữ khác không dịch là "vì" mà là "để" (ut, pour, pour que, in order to...)

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
cơn sầu khổ phải nghĩ mình có thể làm được nhiều với ơn sủng đủ, để chống trả mọi kẻ thù của mình, nhờ lấy sức nơi Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.	người bị sầu khổ sẽ suy xét mình có thể làm được nhiều nhờ ơn sủng của Thiên Chúa để chống lại mọi kẻ thù, khi mình được củng cố trong Đấng Tạo Hóa của mình.	công của sự sầu khổ nếu mình không được nâng đỡ mau lẹ bằng sự trợ giúp của ơn sủng và của sự an ủi của Thiên Chúa. [2]Ngược lại, kẻ bị sự sầu khổ làm choáng ngợp phải lượng định rằng mình có thể làm được nhiều với ơn sủng của Thiên Chúa và sẽ chiến thắng cách dễ dàng mọi đối thủ của mình miễn là người ấy đặt niềm hy vọng của mình trong sức mạnh của Thiên Chúa và củng cố linh hồn mình.
325. [1]*Quy tắc XII*: Kẻ thù xử sự như đàn bà, trở nên yếu nhược vì ta mạnh mẽ và mạnh mẽ nếu ta để mặc. [2]Quả vậy, đặc tính của đàn bà khi gây gổ với đàn ông, là mất can đảm mà chạy	**325.** [1]*Thứ mười hai*. Satan, tên cám dỗ, hoàn toàn giống như một người đàn bà, sẽ yếu nhược nếu chúng ta chống lại nó một cách kiên quyết, nhưng lại rất mạnh mẽ nếu chúng ta để cho nó hành	**325.** [1]*Thứ mười hai*: kẻ thù của chúng ta có bản chất và cách thức hành xử của một người đàn bà về cả sự dòn mỏng của sức mạnh lẫn sự cứng đầu về tinh thần. [2]Thật vậy, nếu một người đàn

Đối với nguyên nhân thứ hai, mục đích nhằm tìm ra sự trưởng thành siêu nhiên của linh hồn sốt mến (công chính) thuộc đời sống soi sáng hay cách hành xử theo sự trưởng thành của đời sống này. Các bản văn nói khác nhau, nhưng có chung một ý tưởng: thử coi ta tới đâu và vươn lên tới đâu (A), hoặc ta đáng giá bao nhiêu (P), hoặc chúng ta là gì (V), khi không có ân sủng hay an ủi như thế.

Đối với nguyên nhân thứ ba, mục đích để tìm ra sự trưởng thành ở cấp độ người thuần thiêng thuộc đời sống thần hiệp, nghĩa là mức độ chủ thể nhận ra và dấn thân sống dưới ơn sủng trong mọi trường hợp để khỏi làm tổ nơi mình. Ý niệm này cũng chỉ về cách hành xử theo loại trưởng thành của đời sống thần hiệp này.

Cụm từ "đừng để ta làm tổ ở cái khác" theo A hay "để chúng ta không đặt sự nghỉ ngơi của chúng ta nơi điều thuộc người khác" theo P làm cho người ta lúng túng và khó hiểu. Nhưng những cụm từ ấy đã được V giải thích rất chính xác:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trốn khi người đàn ông tỏ ra vững mạnh. [3]Trái lại, nếu người đàn ông bắt đầu chạy trốn và mất can đảm, thì cơn giận, sự trả thù và sự hung dữ của người đàn bà thật kinh khủng và không sao lường được.	động. [2]Thật vậy, bản chất và đặc điểm của chính phái nữ (*khi đánh nhau và gây gổ với người đàn ông*) là suy yếu và tẩu thoát, trong chừng mực mà người đàn ông trực diện chống lại; [3]và ngược lại, nếu người đàn ông nhu nhược và chạy trốn, bình thường người đàn bà sẽ đứng lên chống lại ông ta với cơn giận dữ mãnh liệt và sự hung hăng khủng khiếp.	bà, khi cãi nhau với một người đàn ông, thấy rằng người ấy đối diện với mình bằng vẻ mặt quả quyết và kiên cường, chị ta lập tức mất can đảm và chạy trốn; [3]nếu, ngược lại, chị ta nhận thấy rằng người đàn ông đó nhút nhát và có khuynh hướng bỏ chạy, chị ta vươn đến một sự táo bạo cực kỳ và tấn công người đó cách hung dữ.
[4]Cũng vậy, đặc tính của kẻ thù trở nên yếu nhược, mất can đảm bằng cách bỏ chạy với những chước cám dỗ của nó, [5]khi thao viên trong đàng thiêng liêng thẳng tay chống trả các cám dỗ của kẻ thù, bằng cách làm điều ngược hẳn lại. [6]Trái lại, nếu thao viên bắt đầu sợ hãi và mất can đảm khi chịu các cơn cám dỗ, [7]thì không có	[4]Cũng thế, cùng một cách thức ấy, đặc điểm của Sa-tan là yếu nhược và tẩu thoát, [5]khi thao viên trong những việc thiêng liêng đứng lên cách kiên vững chống lại những cơn cám dỗ của kẻ	[4]Cũng thế thường quỉ dữ hoàn toàn mất can đảm và sức mạnh [5]mỗi khi nó xem thấy người lực sĩ thiêng liêng chống trả những cám dỗ, con tim không nao núng và đầu ngẩng cao; [6]nhưng, nếu người ấy khiếp sợ ở

"Nếu chúng ta đòi hỏi như của riêng chúng ta, chúng ta sẽ ngã gục... trong tội kiêu ngạo và hư danh" (322[4]).

b/ Tìm hiểu các vế (320-321 và 323-324)

Tất cả các vế của cấu trúc đối ngẫu được kết hợp bởi bốn yếu tố: sầu khổ và an ủi thuộc về cảm xúc của chủ thê- tự nhiên và ơn sủng thuộc về sự cộng tác giữa con người với Thiên Chúa. Nhờ sự kết hiệp bốn yếu tố này mà người ta tìm ra sự trưởng thành của chủ thể.

- Vế A : quy tắc 7 (320) có hai hai thành tố:
  - A1 : (320[1]) : Sầu khổ / tự nhiên (lấy sức tự nhiên)
  - A2 : (320[2]) : Sầu khổ / ơn sủng (nhờ ơn sủng đủ)
- Vế B : quy tắc 8 (321) có một thành tố:
  - B : (321) : Sầu khổ / tự nhiên (sầu khổ chuẩn bị an ủi)
- Vế B' : quy tắc 10 (323) có một thành tố:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
một thú vật nào trên mặt đất này hung dữ cho bằng kẻ thù của bản tính loài người trong việc theo đuổi ý định xấu xa của nó cùng với sự hiểm độc lớn lao đường ấy.	thù bằng cách đối đầu trực diện với nó. Chính vì thế thánh Gia-cô-bê nói: "Hãy chống cự lại với ma quỉ và nó sẽ trốn chạy xa ngươi". [6]Ngược lại, nếu thao viên bắt đầu sợ hãi và bắt đầu mất tất cả sự kiên trì và sự nhẫn nại để chống trả và cả đến chiến thắng những cám dỗ, [7]thì trên mặt đất này, không có một con thú vật nào lại có thể hung dữ hơn Sa-tan, kẻ thù phải chết của bản tính loài người; vì khi đó nó tìm cách, với ý hướng hung ác và sự hiểm độc xấu xa, làm hư hỏng mọi người. Chính vì thế, Job	những cuộc tấn công đầu tiên mà mình phải chống đỡ và mất can đảm cách nào đó, [7]khi đó không có một con thú nào trên mặt đất này chống lại người ấy lại hung dữ, khủng khiếp và dai dẳng hơn kẻ thù này, để thực hiện ước muốn thuộc tâm địa xấu xa và bướng bỉnh của nó nhằm cho ta phải diệt vong.

B' : (323) : an ủi / tự nhiên (an ủi chuẩn bị sầu khổ)

-Về A' : quy tắc 11 (324) có hai thành tố:

A'1: (324^1) : an ủi / ơn sủng (khiêm hạ nhờ ơn sủng)

A'2: (324^2) : sầu khổ / ơn sủng (làm được nhờ ơn sủng)

c/ Sự trưởng thành của chủ thể

Ta tìm ra sự trưởng thành của chủ thể ở ba cấp độ của tám trường hợp khi phối hiệp các yếu tố theo chiều hướng tâm và đồng tâm trong đó A2 và A'2 là một: trưởng thành nhân bản của đời sống thanh luyện - trưởng thành siêu nhiên của đời sống soi sáng và thần hiệp hay cách hành xử theo ba loại trưởng thành đó. Chúng ta nói: cách hành xử theo các loại trưởng thành đó vì người trưởng thành ở cấp độ thấp có thể có những hành xử của cấp độ cao nhưng hiếm dịp. Ngược lại, người ở cấp độ cao đòi hỏi thuần thục lối hành xử cấp độ mình và thấp hơn.

- Cấp độ *trưởng của đời sống thanh luyện* hay cách hành xử theo sự trưởng thành của đời sống này: khi gặp cả an ủi lẫn sầu khổ , chủ thể đều hành xử bằng năng lực tự nhiên. Trong lược đồ trên, chúng ta đọc được hai trường hợp:

Đồng tâm B-B' : sầu khổ / tự nhiên – an ủi / tự nhiên

đã nói rất đúng về ma quỉ: "không có quyền lực nào trên trái đất có thể so sánh với hắn."

326. [1]*Quy tắc XIII*: Kẻ thù cũng còn xử sự như kẻ si tình phù phiếm, muốn giữ bí mật để khỏi bị lộ diện. [2]Quả vậy, một người đàn ông phù phiếm dùng lời xảo trá quyến rũ một thiếu nữ con nhà lành, hoặc vợ một người đứng đắn, thì muốn cho những lời nói và lời dụ dỗ của nó được giữ kín; [3]và trái lại, nó rất bất mãn khi thiếu nữ mách với cha, thiếu phụ mách với chồng những lời nói hão huyền và những ý định xấu xa của nó, vì nó dễ dàng suy ra rằng, nó không thể nào thành công được với chuyện nó đã bắt đầu.

326. [1]*Quy tắc thứ mười ba*. Cùng một Sa-tan ấy, giống như một ai yêu mến một người con gái, không muốn bị bại lộ và tỏ hiện cách công khai bằng bất cứ cách thức nào. [2]Thật vậy, khi một thanh niên, chỉ đi tìm kiếm những sự phù phiếm, quyến rũ một người thiếu nữ bằng những lời nói mê hoặc: con gái của người cha liêm khiết, hay vợ của một phối ngẫu trung thành, thì nó muốn rằng những lời nói của mình và những lời dụ dỗ phải được giấu kín và không được tiết lộ. [3]Điều ngược lại làm cho nó bất mãn

326. [1]*Thứ mười ba*: cũng thế, kẻ thù của chúng ta có cách xử sự như một gã si tình rất độc ác [2]vốn, khi muốn dụ dỗ một cô gái trẻ, con của những người cha mẹ lương thiện, hoặc vợ của một người chồng tốt lành, làm mọi cách để cho những lời nói và những dự định của mình được giữ kín. [3]Người đàn ông đó không còn nghi ngờ gì nữa và khó chịu đựng được nếu cô gái mách với ba mình hay người vợ mách với chồng, vì nó biết rằng, trong những hoàn cảnh này, những niềm hy vọng và cố gắng của nó phải chấm dứt.

Hướng tâm A1-B: sầu khổ / tự nhiên – sầu khổ / tự nhiên

- Cấp độ *trưởng thành của đời sống soi sáng* hay cách hành xử theo sự trưởng thành của đời sống này: khi gặp cả an ủi lẫn sầu khổ, chủ thể hành xử trong sự cộng tác giữa tự nhiên và ơn sủng. Lược đồ trên có 4 trường hợp:

Đồng tâm A1-A'2 :	sầu khổ / tự nhiên	–	sầu khổ / ơn sủng
Hướng tâm A1-A2 :	sầu khổ / tự nhiên	–	sầu khổ / ơn sủng
Hướng tâm A2-B :	sầu khổ / ơn sủng	–	sầu khổ / tự nhiên
Hướng tâm A'2-B' :	sầu khổ / ơn sủng	–	an ủi / tự nhiên

- Cấp độ *trưởng thành của đời sống thần hiệp* hay cách hành xử theo sự trưởng thành này : khi gặp cả an ủi lẫn sầu khổ, chủ thể đều hành xử dưới sức mạnh của ơn sủng. Lược đồ có hai trường hợp mà A2 và A'2 là một (320^{2-3} và 324^{2}) nên chỉ còn một trường hợp duy nhất mà thôi:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[4]Cũng vậy, khi kẻ thù của bản tính loài người đưa những sự xảo trá và xúi giục của nó vào linh hồn công chính, thì mong muốn và ước ao những điều đó được tiếp nhận và giữ bí mật. [5]Nhưng khi linh hồn tỏ ra với cha giải tội tốt hay một người thuần thiêng nào khác	vô cùng, khi người con gái vạch trần cho cha mình sự cưỡng bức của nó hay người vợ cho chồng mình những lời nói phù phiếm và những ý định đồi bại của nó, vì nó dễ dàng suy ra rằng nó không thể đạt được mục tiêu mà nó đã ao ước. [4]Cũng cùng một cách	[4]Cùng một cách thức như thế, quỉ dữ cố gắng bằng tất cả sức lực của nó để cho linh hồn mà nó muốn tác động và muốn bị diệt vong phải giữ bí mật về những gợi ý lừa đảo của nó. [5]Nó sẽ tuyệt đối cuồng nộ và chịu đựng cách hung dữ khi việc làm của nó bị tiết lộ

Đồng tâm (A2)-A'1 : sầu khổ / ơn sủng – an ủi / ơn sủng

Hướng tâm (A'2)-A'1: sầu khổ / ơn sủng – an ủi / ơn sủng

4. Chiến thuật chống lại kẻ thù (325-327)

Thánh I-nhã chỉ cho chúng ta vận dụng chiến thuật chống lại kẻ thù ngay khi khám phá ra chân tướng bằng nguyên tắc « làm ngược lại » (agere contra). Tất cả những chiến thuật này được mô tả bằng ba dụ ngôn có sắc thái tâm lý.

a/ Chiến thuật "làm điều ngược lại" cách trực tiếp (325)

Chiến thuật này được tập trung vào cụm từ "el opposito per diametrum" theo A (đối đầu ngược lại) hay « opponendo se illi per diametrum » (đối đầu với nó cách trực diện) theo P để chủ thể thực hiện hành vi đối nghịch lại với điều kẻ thù xúi bẩy. Bởi lẽ trong mối tương quan đối kháng, kẻ thù cám dỗ người ta làm ngược lại với Nguyên Lý và Nền Tảng ở bình diện tự nhiên và siêu nhiên (23; 91-97).

Để trưng dẫn mối tương quan này, thánh I-nhã đưa ra một dụ ngôn về cách hành xử của người phụ nữ: nếu người ta tỏ ra mạnh mẽ, người phụ nữ trở nên yếu nhược, và ngược lại, nếu người ta tỏ ra vô cùng yếu nhược, người phụ nữ lại trở nên dữ tợn khủng khiếp (325^{1-3}). Kẻ thù cũng bộc lộ chính lối hành xử này khi đối diện với con người. Bản V diễn tả sự bộc lộ chân dung kẻ thù cách toàn diện khi nói: "Kẻ thù của chúng ta có bản chất và cách hành xử của một người đàn bà về cả sự dòn mỏng của sức mạnh lẫn sự cứng đầu về tinh thần" (325^{1}). Bản P còn quảng diễn những đặc tính này khi trích dẫn Kinh Thánh để chứng minh: về sự yếu nhược của kẻ thù trong thư Gia-cô-bê (Gc 4,7) và về sự bạo tàn của nó trong sách Giob (G 41,25).

b/ Chiến thuật làm ngược lại nhờ khoa sư phạm trung gian (326)

Chiến thuật này tập trung vào từ ngữ "giữ bí mật" mà kẻ thù vận dụng nhốt người ta trong chủ quan. Và để chống lại, người ta vận dụng khoa sư phạm trung gian của Thiên Chúa vốn thực hiện trong hành trình cứu độ của Ngài: từ Ab-ra-

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vốn am tường những dối trá và sự hiểm độc của nó, thì nó rất bất mãn, [6]vì nó kết luận rằng mình không thể thành công trong ác tâm mà nó đã bắt đầu, vì sự lừa đảo rõ rệt của nó đã bị phanh phui.	thức, khi kẻ thù của bản tính loài người đưa vào trong linh hồn của người công chính những lời nói mưu mô và những lời dụ dỗ lừa bịp, nó muốn và ao ước rằng những lời ấy phải được tiếp nhận thế nào để những lời ấy phải được giữ bí mật và được giấu kín. [5]nhưng khi linh hồn ấy tiết lộ cho cha giải tội của mình hay cho một người nào khác am tường về những điều thiêng liêng, vốn có kinh nghiệm về những mưu mô và những lừa đảo của ma quỉ, thì điều đó làm cho nó rất bất mãn, [6]vì nó suy ra rằng nó không thể đạt tới mục đích mà nó ao ước khi bắt đầu mưu mô đồi bại của nó, khi những lừa đảo và mưu mô bị phơi ra ánh sáng.	hoặc cho một cha giải tội, hoặc cho một ngươi thuần thiêng, [6]vì nó biết rằng vì những vị này, nó sẽ hoàn toàn thất bại.
327. [1]*Quy tắc XIV*: kẻ thù	**327.** [1]*Quy tắc thứ mười*	**327.** [1]*Thứ mười bốn*: đối

ham, Mô-sê, Đa-vít, đến các ngôn sứ của Cựu Ước rồi đến Đức Giê-su, vị trung gian duy nhất của Giao ước mới. Sau cùng những người có sứ mạng dẫn dắt dân Chúa trong Giáo Hội và những người thánh thiện được tham dự vào sứ mạng đó.

Để giải thích chiến thuật này, thánh I-nhã đưa ra dụ ngôn về một người đàn ông si tình vốn dùng những lời nói phù phiếm để cám dỗ phụ nữ lương thiện với ước muốn được giữ bí mật. Hành động theo lời dụ dỗ ấy là sa vào cạm bẫy của họ và phải nhận lãnh những hậu quả khôn lường. Còn hành động ngược lại là tiết lộ những âm mưu xảo trá đó cho người thân thích, kẻ ấy sẽ thất bại vì âm mưu của mình bị bại lộ (326^{1-3}). Kẻ thù cũng vận dụng chiến thuật này nhằm dẫn chủ thể rơi vào cạm bẫy của nó khi dừng lại ở cái nhìn chủ quan của mình. Hành xử ngược lại là trình bày cho người khác để được khách quan hóa và được hướng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lại còn xử sự như một tướng quân để chiến thắng và cướp đi những gì nó muốn. [2]Vì như một vị chỉ huy hay vị tướng quân, sau khi đặt bản doanh trại và xem xét lực lượng hoặc cách bố trí của một thành trì, sẽ tấn công vào nơi nào yếu hơn; [3]thì cũng vậy, kẻ thù của bản tính loài	*bốn*: cùng một Sa-tan xử sự giống như một thủ lãnh cầm đầu trận chiến muốn chiếm một pháo đài để tàn phá và tước lột như nó muốn. [2]Thật vậy, vị chỉ huy một đội quân muốn chiếm hữu một pháo đài thì suy xét sự vững chãi, hỏa lực và cách bố trí của pháo đài ấy, để tấn công vào một	thủ cũng có thói quen làm việc như vị tướng quân , một khi muốn chiếm cứ và cướp bóc một thành trì bị vây hãm, [2]sau khi đã xem xét đặc tính và những công cụ phòng thủ của nơi đó, thì tấn công vào nơi yếu hơn. [3]Hắn cũng vậy, nó lượn quanh linh hồn và thường tìm kiếm xem

dẫn chính xác.

Thế nhưng vấn đề được đặt ra: tới mức độ thiêng liêng nào người ta còn phải cậy nhờ và ai là những người được người khác chạy đến? Bản V không xác định ai là người phải đi cậy nhờ như thể muốn nói rằng tất cả mọi người đều phải vận dụng khoa sư phạm này cho dù họ là ai. Bởi lẽ không ai có thể tự mình đứng vững và giải quyết cho mình được. Bản A và P đưa ra mối tương quan của hai loại người: người công chính đối với cha giải tội và người thuần thiêng. Môi tương quan ấy cho thấy rằng chỉ người có mức độ thiêng liêng cao hơn mới có thể hướng dẫn người thấp hơn hay người được Chúa trao sứ mạng dẫn dắt dân mới có thể hướng dẫn người khác: Người công chính (326[4]) là người đạt đến sự an ủi có nguyên do trước của đời sống soi sáng - người thuần thiêng là người đạt đến an ủi không có nguyên do trước của đời sống thần hiệp. Bản P xác định chân dung người thuần thiêng này dưới hình thức giải thích: " ... người nào khác am tường về những điều thiêng liêng, người vốn có kinh nghiệm về những mưu mô và những lừa đảo của ma quỉ" (326[6]) - về cha giải tội, phẩm chất của ngài phải là cha giải tội "tốt" chứ không phải bất cứ cha nào (theo A).

Như thế ngoài cha giải tội "tốt" vốn có sứ mạng dẫn dắt dân Chúa cách chính thức, chỉ người ở mức độ thiêng liêng cao hơn mới có thể dẫn dắt người thấp hơn. Nếu không sẽ chỉ là hiện tượng của những người mù dắt người mù (Mt 15,14). Chắc chắn cha giải tội cũng phải là những người am tường về đời sống thiêng liêng để có thể dẫn dắt đàn chiên mình cách đúng đắn.

c/ Chiến thuật làm ngược lại nhờ việc loại trừ nhược điểm (327)

Chiến thuật này được tập trung vào cụm từ "tấn công vào nơi yếu hơn" theo A và V. Bản P diễn tả theo hướng giải thích: "tấn công vào nơi ít được bảo vệ và kém vững mạnh hơn" (327[2]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
người lượn quanh để dò xét lần lượt hết các nhân đức đối thần, các nhân đức trụ và các nhân đức luân lý khác của ta, [4]và điểm nào nó thấy ta yếu hơn và cần thiết hơn cho phần rỗi đời đời của ta, nó sẽ tấn công vào đó và cố hạ gục ta.	nơi ít được bảo vệ và kém vững mạnh hơn. [3]Cũng thế, cùng một cách thức, kẻ thù của bản tính loài người, là Sa-tan, chạy quanh và suy xét mọi sức mạnh phòng thủ của chúng ta và những sức mạnh của chúng ta về các nhân đức đối thần, nhân đức trụ và nhân đức luân lý; [4]chính nơi nó thấy chúng ta yếu hơn và kém mạnh mẽ hơn để đạt đến sự cứu rỗi của đời sống vĩnh cửu, mà nó tấn công chúng ta để chiến thắng chúng ta.	những sự phòng vệ nào về mặt nhân đức, thuộc luân lý hay có tính đối thần, vốn bảo vệ linh hồn ấy mà dễ gây nên lầm lẫn cho nó; [4]và chính việc chọn lựa ưu tiên đối với nơi mà nó thấy rằng linh hồn không vững chắc bằng và là nơi ít được canh phòng hơn những nơi khác, mà sau khi đã cho tất cả chiến xa tiến lên, nó tấn công chúng ta và hy vọng lật nhào chúng ta.

Để giải thích chiến thuật này, thánh I-nhã đưa ra chân dung và mưu kế của một vị tướng quân khi muốn chiến thắng kẻ thù, vị ấy phải tấn công vào nơi nào mà đối phương bộc lộ sự yếu nhược hơn cả. Có như thế ông mới mong đạt được chiến thắng. Nếu không sẽ chuốc lấy sự thất bại thê thảm. Kẻ thù cũng vận dụng chiến thuật này khi nghiên cứu hoả lực của con người về các nhân đức đối thần và nhân đức luân lý, xem điểm nào người ta tỏ ra yếu hơn và kém mạnh mẽ hơn theo A và P, hoặc kém vững chắc hơn và ít được canh phòng hơn theo V, kẻ thù sẽ tìm cách tấn công vào đó. Ngoài hai loại nhân đức trên, bản A và P còn thêm cả các nhân đức trụ (327[3]). Dù không nói về nhân đức này, nhưng V nêu lên những bất cẩn về những nhân đức vốn gây nên những nết xấu cho nó (327[3b]).

Đây là chiến thuật để cải thiện đời sống và canh tân bậc sống mà thánh I-nhã đã đề cập sau việc chọn lựa. Vì nhờ vào việc tìm ra chân tướng cũ ở tuần một, thao viên thực hiện việc xét mình riêng để loại trừ một tội chính yếu hay một nết xấu chủ đạo ở tận vô thức (24-31). Và nhờ việc lựa chọn bậc sống, họ tập luyện điều thiện hảo hay nhân đức ngược lại với nết xấu trong việc xét mình này nơi ơn gọi đã chọn lựa (189) để tiến sâu vào đời sống thiêng liêng của những giai đoạn trưởng thành khác nhau: thanh luyện, soi sáng và thần hiệp.

Đây cũng chính là việc xét mình riêng để cải thiện đời sống dành cho những người chỉ làm Linh Thao ở tuần một để họ kéo dài ích lợi thiêng liêng ở giai đoạn hậu Linh Thao bằng cách loại trừ một tội riêng hay một nết xấu của con người cũ (24-31).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
328. NHỮNG QUY TẮC VỀ CÙNG MỘT HIỆU QUẢ VỚI VIỆC NHẬN ĐỊNH TỐT HƠN VỀ CÁC THẦN LOẠI VÀ CÁC QUY TẮC NÀY THÍCH HỢP HƠN CHO TUẦN THỨ HAI.	**328.** NHỮNG QUY TẮC NHẮM ĐẾN CÙNG MỘT KẾT QUẢ: ĐỂ NHẬN ĐỊNH CÁC THẦN LOẠI. NHỮNG QUY TẮC NÀY GIÚP ÍCH HƠN CHO TUẦN THỨ HAI.	**328.**NHỮNG QUY TẮC KHÁC ÍCH LỢI CHO MỘT VIỆC NHẬN ĐỊNH ĐẦY ĐỦ HƠN VỀ CÁC THẦN LOẠI VÀ AM HỢP NHẤT VỚI TUẦN THỨ HAI
329. [1]*Quy tắc I*: đặc điểm của Thiên Chúa và các thiên thần của Ngài trong các thúc đẩy của các Ngài là ban sự hoan hỉ và mừng vui thiêng liêng thật, bằng cách xoá	**329.** [1]*Quy tắc thứ nhất*: đặc điểm của Thiên Chúa tốt lành và các thánh thiên thần trong những thúc đẩy của các ngài là đem lại sự hoan hỉ và niềm vui mừng thiêng	**329.** [1]*Thứ nhất*: đặc tính riêng của Thiên Chúa và của thiên thần lành là gieo rắc một sự sảng khoái thiêng liêng thực trong linh hồn mà các Ngài tác động, bằng cách

III. TÌM HIỂU BỘ QUY TẮC THỨ HAI

1. Lược đồ đề nghị và nhận định tổng quát

Chúng ta đã nói về tựa đề của bộ quy tắc nhận định thần loại thứ hai để tìm ra sự liên lạc giữa hai bộ quy tắc với nhau. Bây giờ, chúng ta bàn định về chính bộ quy tắc này bằng cách tìm hiểu cấu trúc của bộ quy tắc trước khi tìm hiểu về việc nhận định thần loại ở đó.

a. Cấu trúc đề nghị

Để có thể tìm được cấu trúc bộ nhận định thứ hai này, ta tìm những dấu vết của nó dựa vào ý nghĩa của những quy tắc mà thánh I-nhã muốn diễn đạt:

- Quy tắc thứ nhất (329): đề cập về những tác nhân đối nghịch nhau: một bên, Thiên Chúa và các thiên thần của ngài đem đến sự an ủi, còn bên kia là kẻ thù hành động chống lại sự an ủi đó.
- Quy tắc thứ hai (330): trực tiếp đưa ra định nghĩa về sự an ủi không có nguyên do trước, nhưng cũng muốn gián tiếp giới thiệu sự an ủi có nguyên do trước.
- Quy tắc thứ ba (331): xác định khả thể hoạt động của các thiên thần trong việc an ủi có nguyên do trước, nhưng khác nhau về mục đích.
- Quy tắc thứ bốn (332): diễn tả chiến thuật "nhập thể" của kẻ thù qua con đường an ủi.
- Quy tắc thứ năm (333): nói về chính việc nhận định dành cho sự an ủi có nguyên do trước.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
bỏ mọi buồn sầu và xao xuyến do kẻ thù đưa vào. [2]Còn đặc điểm của kẻ thù là chiến đấu chống lại sự hoan hỉ và niềm an ủi thiêng liêng ấy bằng cách đưa ra những lý lẽ giả tạo, cầu kỳ và ngụy	liêng, và lấy đi mọi sự buồn sầu và sự xao xuyến mà Sa-tan đã có thói quen đưa vào. [2]Và đặc điểm của quỉ dữ là hành động chống lại một niềm vui và an ủi của tinh thần như thế, bằng	loại bỏ mọi buồn sầu và xáo trộn mà quỉ dữ đã đưa vào, [2]trong khi tên này, ngược lại bằng những ngụy biện vốn bộc lộ vẻ bên ngoài của sự thật, thường tấn công sự sảng khoái hiện có trong

- Quy tắc thứ sáu (334): dạy ta cách rút bài học quý hoá từ việc nhận định này.
- Quy tắc thứ bảy (335): đề cập về các chủ thể đối nghịch nhau vốn được các thiên thần đụng chạm đến cách khác nhau.
- Quy tắc thứ tám (336): nói về chính việc nhận định dành cho sự an ủi không có nguyên do trước.

Dựa vào tóm tắt này, chúng ta nhận thấy rằng dường như bộ nhận định thần loại đề cập về hai loại chủ thể: linh hồn sốt mến hay công chính và người thuần thiêng; hai sự an ủi có và không có nguyên do trước, và ba loại tác nhân chính yếu ở hai bên: một bên, Thiên Chúa, thiên thần lành và bên kia, thiên thần dữ trong đó nói thêm thần dữ và kẻ thù.

Thứ đến, khi đọc bộ nhận định này, ai cũng phải nhận rằng có một sự liên hệ mật thiết giữa hai quy tắc thứ hai (330) và thứ tám (336). Bởi lẽ, một phần quy tắc này định nghĩa về sự an ủi không có nguyên do trước (330^1), còn tất cả quy tắc kia bàn về việc nhận định sự an ủi đó (336). Điều không thể chối cãi là hai quy tắc này cho thấy tác nhân hoạt động chính là Thiên Chúa và chủ thể chính là người được Ngài chiếm đoạt trọn vẹn vào lòng yêu mến Ngài (330^1) và được thánh I-nhã lượng định là người thuần thiêng, la persona espiritual (336^2)

Tiếp theo, chúng ta cũng nhận thấy những quy tắc thứ ba đến thứ sáu (331-334) làm nên một đơn vị vì nói đến việc nhận định của sự an ủi có nguyên do trước (331^1) nơi những người được gọi là linh hồn sốt mến hay công chính (anima deuota hay iusta). Những người này được/bị các thiên thần lành và thiên thần dữ an ủi với mục đích trái ngược nhau (331). Sở dĩ thiên thần dữ có thể làm như vậy, vì nó có thể vận dụng chiến thuật "nhập thể" (332). Thế nên người ta cần phải biết cách thức nhận định (333) và rút tỉa từ đó những bài học thích đáng (334).

Sau cùng, khi liên tưởng với bộ quy tắc thứ nhất, không ai lại không thấy có sự liên hệ giữa quy tắc thứ nhất và thứ bảy này(329 và 335) với quy tắc thứ nhất và thứ hai của bộ thứ nhất mà ta gọi là những quy tắc tổng quát (314-315): Cả hai đều bàn về các tác nhân đối nghịch nhau, hoạt động trong những chủ thể đối nghịch nhau và dẫn đến mục đích đối nghịch nhau. Tuy nhiên, trong khi thánh I-

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
biện không cùng.	cách bày ra cho người ấy những lý lẽ giả tạo, cầu kỳ và lừa đảo.	linh hồn.
330. [1]*Quy tắc II*: Chỉ có Thiên Chúa, Chúa chúng ta, mới ban sự an ủi cho	**330.** [1]*Thứ hai*. Duy chỉ có Thiên Chúa mới đem đến cho linh hồn một sự an ủi	**330.** [1]*Thứ hai*. Chỉ có Thiên Chúa an ủi linh hồn mà không có bất cứ

nhã đặt hai quy tắc của bộ thứ nhất liền với nhau và xếp chúng ở đầu các quy tắc, thì ở đây, ngài lại tách quy tắc thứ nhất vốn đề cập về các chủ thể của bộ quy tắc thứ hai ra khỏi quy tắc thứ nhất vốn bàn về các tác nhân để đặt nó nằm giữa hai việc nhận định của hai sự an ủi có và không có nguyên do trước. Cách xếp đặt này bộc lộ sự lưu tâm đặc biệt của ngài về hai sự an ủi này vốn được xét như đỉnh cao của đời sống thiêng liêng và là đại biểu cho việc nhận định về tất cả những sự an ủi khác. Khi là đại biểu, chỉ có hai sự an ủi này mới áp dụng việc nhận định ở đây theo đúng nghĩa. Còn các an ủi khác thấp hơn chỉ được áp dụng cách loại suy mà thôi.

Như thế, chúng ta có thể thấy rằng bộ nhận định thứ hai có những đặc điểm sau: quy tắc thứ nhất nói chung về các tác nhân của hai sự an ủi, quy tắc thứ hai bàn chung về hai sự an ủi đó (330); từ quy tắc ba đến quy tắc sáu đề cập về việc nhận định sự an ủi có nguyên do trước (331-334); quy tắc thứ bảy mô tả các chủ thể đối nghịch nhau của hai loại an ủi này (335); sau cùng quy tắc thứ tám bàn về việc nhận định sự an ủi không có nguyên do trước (336).

Như vậy, ta tìm ra cách bài trí tư tưởng của thánh I-nhã khi ngài đề cập hai sự an ủi chung với nhau: vừa liên kết, vừa tách biệt và chúng ta xếp những quy tắc này vào một hệ thống cấu trúc như sau:

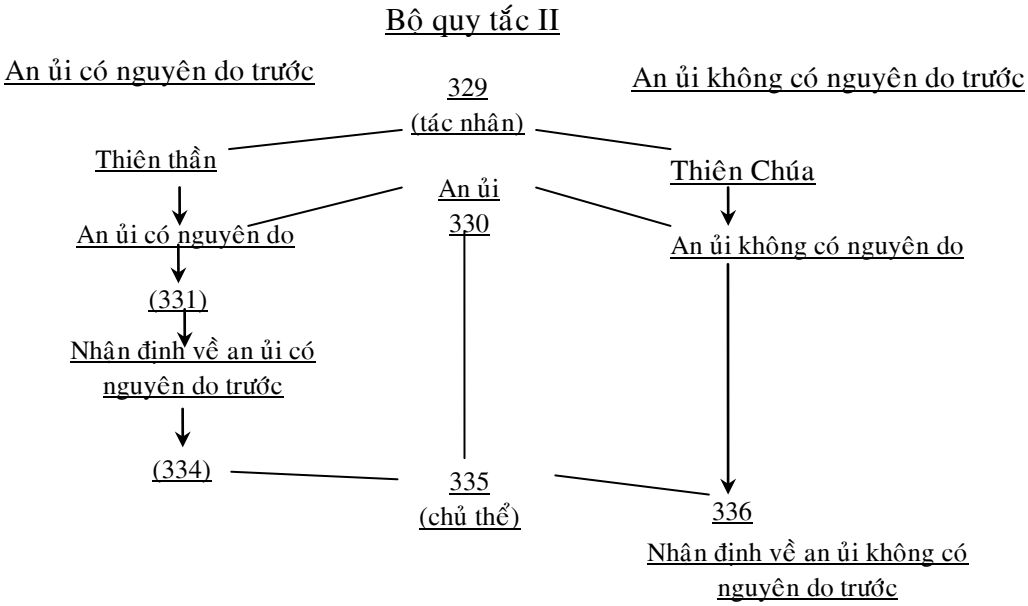

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
linh hồn mà không có nguyên do trước; vì quyền riêng của Đấng Tạo Hóa là đi vào, đi ra, làm phát sinh nơi nó một chuyển động lôi cuốn trọn vẹn linh hồn vào tình yêu mến Thiên Chúa chí tôn.	mà không có nguyên do trước, vì đây là đặc điểm riêng của Đấng Tạo Hóa là đi vào, đi ra, tác động linh hồn và lôi kéo nó đến lòng yêu mến Thiên Chúa Chí Tôn của mình.	nguyên do nào của an ủi đi trước; vì quyền riêng của Thiên Chúa là đi vào trong thụ tạo của Ngài, là xoay chuyển trọn vẹn ***linh hồn*** hướng về tình yêu vì Ngài, là lôi kéo và biến đổi linh hồn vào tình yêu đó.
[2]Tôi nói không có nguyên do, nghĩa là,	[2]Tôi nói: không có nguyên do, nghĩa là không có một tình cảm cũng như một sự hiểu	[2]Chúng tôi nói rằng không có bất cứ một ngu-

b/ Nhận định tổng quát

Nếu đem bộ quy tắc này đối chiếu với bộ quy tắc thứ nhất, chúng ta cũng tìm thấy được bộ quy tắc thứ hai này đề cập đến những tác nhân đối nghịch nhau (329) hoạt động trên các chủ thể đối nghịch nhau (335) để dẫn đến kết quả đối nghịch nhau (329). Tuy nhiên, đối tượng để nhận định là sự an ủi và kết quả cho người ta chọn lựa trong mối tương quan hơn kém, giữa điều tốt hơn so với điều tốt. Điều tốt hơn ở đây được hiểu là giá trị mới của mặc khải mà Chúa Kitô đem đến (tuần 2) so với giá trị nhân bản thuộc lãnh vực luân lý (tuần 1), một giá trị mà người Do Thái coi là cớ vấp phạm, người Hy lạp coi là sự điên rồ (1Co 1, 17-31).

- Về tác nhân và hậu quả (329): nếu tác nhân đầu tiên được đề cập đến trong bộ quy tắc thứ nhất là kẻ thù đối với cả kẻ tội lỗi (314) lẫn người tiến bộ (315) và được gọi là thần dữ đối lại với thần lành, thì ngược lại, tác nhân được đề cập đầu tiên ở bộ quy tắc thứ hai không phải là thần dữ, cũng chẳng phải là thần lành, nhưng là Thiên Chúa và các thiên thần của Ngài (329^1). Tuy nhiên, kẻ thù vẫn còn được đề cập cách chung mà danh tánh chưa được xác định (329^2).

Hậu quả do các tác nhân đem đến: Thiên Chúa và các thiên thần của Ngài đem đến sự hoan hỉ và niềm vui thiêng liêng thật và loại bỏ sự buồn sầu của kẻ thù (329^1). Ngược lại, kẻ thù chống lại sự hoan hỉ và an ủi đó bằng những lý lẽ giả tạo, cầu kỳ và ngụy biện không cùng (329^2).

Ta thấy rõ ngôn ngữ sử dụng trong quy tắc tiên khởi này là thứ ngôn ngữ vượt lên trên ngôn ngữ có tính luân lý như hai quy tắc đầu của bộ quy tắc thứ nhất, nhưng là ngôn ngữ thuộc phạm trù mới có tính tinh vi hơn với những ý niệm: "thật" hoặc "giả", cầu kỳ, ngụy biện (A), lừa đảo (P), vẻ bên ngoài của sự thật (V). Những ý niệm này muốn dẫn vào mối tương quan tình yêu có tính cá vị sau này giữa chủ thể và các tác nhân (335) mà chúng ta sẽ bàn đến.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
không có bất cứ một tình cảm hay một hiểu biết nào trước đây về bất cứ một đối tượng nào, nhờ đó một sự an ủi như thế phát sinh qua trung gian những hoạt động của trí hiểu và ý chí, (c~~hân phước Thomas đã chứng minh điều đó 1a p^{a} 2^{a} q.9 art 6^{0} et q.10 art 4^{0}~~).	biết nào trước đó của một đối tượng vì đó một sự an ủi thần linh có thể đến với chúng ta qua trung gian của những hành vi trí hiểu và ý chí. Đây là điều mà chân phúc Thomas chứng minh trong 1^{a} 2^{ae}, q.9^{a}, art.1.6; et q.10, art,4.	yên do nào đi trước khi không có một điều gì đã được đề ra cho cả giác quan lẫn trí hiểu và cả ý chí của chúng ta, vốn tự nó có thể tạo nên một sự an ủi như thế.

Ở đây, ta thấy các tác nhân được diễn tả bằng các từ ngữ khác: Thiên Chúa và các thiên thần của Ngài và nghịch lại là kẻ thù (329) mà trong đó thiên thần được giải thích bằng ý niệm thiên thần lành còn kẻ thù là thiên thần dữ (331). Ngài có một dụng ý rất đặc biệt: việc sử dụng những tác nhân mới khác nhau không muốn nhắm đến chính tác nhân cho bằng nhắm đến việc phân biệt sự trưởng thành thiêng liêng của chủ thể. Vì trong bộ nhận định thứ nhất, ngài chỉ nói đến thần lành, thần dữ (314-315) và Thiên Chúa (322) trong tương quan với chủ thể ở tuần một, tức tuần của đời sống thanh luyện. Ở đây ngài còn đề cập đến thiên thần và Thiên Chúa khi chủ thể đã vượt qua đời sống thanh luyện và đang ở trong đời sống soi sáng, đặc biệt ở trong cấp độ của tình yêu với Đức Ki-tô (167). Dụng ý ấy muốn dẫn đến cấp độ trưởng thành thiêng liêng cao nhất mà Linh Thao nhắm đến là hai sự an ủi có nguyên do và không có nguyên do trước của đời sống soi sáng và thần hiệp. Chủ thể có thể đạt được an ủi có nguyên do trước ở cuối tuần hai của Linh Thao, nhưng an ủi không có nguyên do trước chỉ hiện hữu trong bộ nhận định thần loại như lời hứa cho họ ở giai đoạn hậu Linh Thao nếu Chúa ban cho họ ngang qua cuộc canh tân đời sống và bậc sống (189).

Chúng ta cần đưa ra một ghi nhận như sau: ngược với hai quy tắc tổng quát của bộ quy tắc thứ nhất, ở quy tắc thứ nhất của bộ thứ hai này, thánh I-nhã không nói đến thần dữ trước khi nói đến thần lành (x. 314-315), nhưng ngài đề cập Thiên Chúa và thiên thần trước khi nói đến kẻ thù (329). Điều này cho thấy rằng ngài muốn giới thiệu cho chúng ta về ý niệm "sân chơi" như ngài đã đề cập ở bộ quy tắc thứ nhất. Nghĩa là trong bộ nhận định thần loại thứ hai về an ủi, ưu thế hoạt động không thuộc về thần dữ, nhưng thuộc về Thiên Chúa và các thiên thần.

- Về chủ thể (335): Cũng như bộ quy tắc một, bộ quy tắc thứ hai cũng có một quy tắc bàn về hai loại chủ thể: những người tiến từ điều tốt đến tốt hơn (335^{1}# 315^{1}) và những người sa sút từ điều xấu đến điều tệ hơn (335^{3}# 314^{1}). Tuy nhiên hai loại chủ thể này lại thuộc về cấp độ thiêng liêng hoàn toàn khác với

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
331.[1]*Quy tắc III*: có nguyên do thì thiên thần lành cũng như thiên thần dữ đều có thể an ủi linh hồn, nhưng nhằm mục đích trái ngược nhau: [2]thiên thần lành nhằm mưu ích cho linh hồn, để	**331.** [1]*Thứ ba*: khởi đi từ một nguyên nhân có trước, thiên thần lành cũng như thiên thần dữ đều có thể đem đến sự an ủi, nhưng nhằm những mục đích khác nhau: [2]thiên thần lành nhằm	**331.** [1]*Thứ ba*: mỗi khi có một nguyên nhân của an ủi đi trước, tác giả có thể là thiên thần dữ cũng như thiên thần lành; nhưng chúng qui hướng đến những mục đích đối nghịch nhau; [2]thiên thần

hai loại chủ thể của bộ qui tắc thứ nhất vì hai lý do:

* Thứ nhất, quy tắc này diễn tả mối tương quan giữa chủ thể với các tác nhân bằng một ngôn ngữ biểu tượng chứ không hoàn toàn là ngôn ngữ tả chân, nghĩa là ngoài việc diễn tả một thực thể: hình ảnh giọt nước rơi vào miếng bọt biển đối nghịch với giọt nước rơi vào tảng đá, qui tắc còn muốn nói về lực hút và lực đẩy của tình yêu, hoặc về tính hoà hợp hay bất hoà của các lực ấy giữa hai ngôi vị yêu nhau. Chính sự đụng chạm êm ái hay chát chúa biểu trưng cho mối liên hệ hoà hợp hay đối kháng của những ngôi vị yêu nhau đó.

Quả vậy, đối với "người tiến từ điều tốt đến tốt hơn", thánh I-nhã gọi tác nhân của họ là "thiên thần". Vì đối với những người này, "thiên thần lành đụng chạm vào chủ thể cách êm ái, nhẹ nhàng và dịu ngọt như giọt nước thấm vào miếng bọt biển, còn thiên thần dữ lại chạm vào cách chát chúa, ồn ào và náo động như khi giọt nước rơi trên tảng đá" (335[1]). Và ngược lại đối với những "người đi từ điều xấu đến điều tệ hơn" (335[3]).

Để giải thích rõ hơn, thánh I-nhã đưa ra ý niệm "hoà hợp" hay "trái ngược" theo A, "tương đồng" hay "đối nghịch" theo P và V (335[4]). Những ý niệm này có nghĩa gì nếu không phải là để diễn tả mối tương quan tình yêu giữa hai ngôi vị. Vì khi hoà hợp, người ta đi vào trong nhau cách êm ái và nhẹ nhàng như vào nhà của chính mình, còn khi trái ngược, người ta tác động trên nhau cách chát chúa và ồn ào như thể họ muốn từ khước, chống đối và loại trừ nhau (335[5]).

Một chi tiết rất quan trọng để hiểu được ý định thánh I-nhã ở đây: khi đề cập về "những người sa sút từ điều xấu đến điều tồi tệ hơn", ngài không còn dùng từ ngữ "thiên thần lành" hay "thiên thần dữ" để diễn tả các tác nhân trên họ nữa, mà sử dụng từ ngữ "những thần" trong các bản văn A và P (335[3]). Vậy họ là ai? Chắc chắn những người này không còn ở cùng một mức trưởng thành của đời sống soi sáng, tức cấp độ tình yêu ý thức của những người tiến bộ ở trên, việc cám dỗ của kẻ thù trở về với cấp độ nhân bản của đời sống thanh luyện nơi người sa sút và bản văn trở về với ngôn ngữ thực tại vốn được loại suy từ ngôn ngữ biểu tượng ở trên. Như thế, ý định của thánh I-nhã muốn đề cao cách đặc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nó lớn lên và tiến bước từ điều tốt đến tốt hơn, [3]còn thiên thần dữ nhằm điều ngược lại, để rồi lôi cuốn linh hồn theo ý muốn và sự hiểm độc xấu xa của nó.	mưu ích cho linh hồn để nó tiến bộ mỗi ngày trong sự tốt đẹp hơn bằng cách vươn lên từ nhân đức này đến nhân đức khác; [3]thiên thần dữ, theo cách thức ngược lại, để dẫn linh hồn đến ý định	lành nhằm cho linh hồn tiến hơn trong việc hiểu biết và hoàn thành sự thiện, [3]thiên thần dữ nhằm cho linh hồn hành động cách xấu xa và tiêu vong.

biệt hai hạng người "an ủi có nguyên do" và "an ủi không có nguyên do trước" trong bộ quy tắc thứ hai này (331 và 336), đồng thời cảnh tỉnh người ta có nguy cơ sa sút ra khỏi mối tương quan này với Chúa.

Vì không hiểu được ý nghĩa này của thánh I-nhã nên Frusius đã tỏ ra lúng túng khi chuyển dịch và áp dụng phạm trù: khi nói về những người tiến tới, ông đã sử dụng từ ngữ "thần lành" (335[1]) và "thần dữ" (335[2]) thay vì thiên thần lành và thiên thần dữ. Ngay cả khi giải thích, ông cũng vẫn lúng túng vì có lúc ông xác định tác nhân là "thiên thần này hay thiên thần kia" (335[4]) nhưng có lúc lại nói "thần này hay thần nọ" (335[5]).

Cha Polanco cũng không hơn gì cha Frusius khi can thiệp vào bản V ở chỗ này: ngay câu văn đầu tiên bản V viết: "nơi những người tiến lên trong sự thiện hảo của ơn cứu rỗi, bằng một cách thức khác biệt nhau..." (335[1]), ngài đã xen vào giữa một cụm từ "hai thần loại len lỏi vào" để câu văn trở thành: "nơi những người tiến lên trong sự thiện hảo của ơn cứu rỗi, hai thần loại len lỏi vào bằng một cách thức khác biệt nhau". Sự can thiệp này không thay đổi tư tưởng của Frusius vì vẫn lẩn quẩn trong tình huống mơ hồ mà thôi.

Tuy nhiên, ngài đã đưa ra ý niệm tình yêu khi tổng quát mối tương quan giữa các thần và chủ thể ở câu kết luận vì bản văn của Frusius viết: "thật vậy nếu thần này hay thần kia thấy linh hồn đối nghịch với mình, cách ồn ào và gây chấn động vốn có thể ghi nhận dễ dàng, nhưng nếu nó thấy linh hồn tương ứng với nó, nó đi vào cách nhẹ nhàng..." (335[5]). Hai vế của câu văn đều có chung động từ "đi vào". Cha Polanco để động từ "đi vào" cho vế thứ hai và thêm động từ "kết hợp với linh hồn đó" ở vế thứ nhất. Tuy nhiên sự thêm vào này lại làm cho ý nghĩa bị đảo ngược. Vì chỉ khi thuận với nhau người ta mới nói rằng sự kết hợp trở nên nhẹ nhàng.

* Thứ hai, mặc dù quy tắc thứ bảy này (335) cũng thuộc về hai quy tắc tổng quát như hai quy tắc đầu tiên của bộ thứ nhất, nhưng thánh I-nhã đã không đặt nó liền với quy tắc thứ nhất (329), mà chuyển xuống giữa hai việc nhận định của hai sự an ủi có nguyên do trước (331-334) và không có nguyên do trước (336)

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	tai hại và xấu xa của nó.	
332. [1]*Quy tắc IV*: đặc điểm của thiên thần dữ là giả dạng thành thiên thần ánh sáng đi vào theo cách thức của linh hồn sốt mến và đi ra theo cách của chính nó; [2]nghĩa là nó bày ra những tư tưởng tốt lành	**332.** [1]*Thứ bốn*: đặc điểm của thiên thần dữ là giả dạng thành thiên thần ánh sáng, để trước hết thích nghi vào linh hồn sốt mến, nhưng kết thúc với điều mà nó muốn, [2]và trình bày những tư tưởng tốt lành và thánh	**332.** [1]*Thứ bốn*: đây là cách cư xử của thần dữ; trong khi giả dạng thành thiên thần ánh sáng, trước hết nó ưng thuận những lời hứa đạo đức của linh hồn mà nó đã biết, rồi ngay tức khắc lôi kéo linh hồn đó rơi vào

vì ngài có một dụng ý rất độc đáo. Chúng ta cũng có thể giải thích cách dễ dàng dụng ý này như sau: vì chỉ có những người ở trong tương quan tình yêu cá vị với Thiên Chúa nơi hai sự an ủi có và không có nguyên do trước mới có thể áp dụng việc nhận định của bộ quy tắc này theo nghĩa chặt. Còn những người ở cấp độ thiêng liêng thấp hơn, kể cả những người thuộc sự an ủi có nguyên do trước nhưng lại sa sút từ "điều xấu này đến điều xấu khác" (335[3]) chỉ áp dụng bộ nhận định này một cách loại suy mà thôi.

Điều này cho phép chúng ta khẳng định rằng hai sự an ủi có và không có nguyên do trước thuộc về những giai đoạn đỉnh cao của đời sống thiêng liêng và đồng thời việc nhận định của hai an ủi này trở nên mẫu cho những an ủi của những cấp độ trưởng thành thiêng liêng thấp hơn không chỉ ở tuần hai mà cả tuần một nữa. Vậy bộ quy tắc thứ hai bàn về hai sự an ủi ở cấp độ cao nhất của đời sống thiêng liêng, nhưng vẫn áp dụng cách loại suy cho mọi cấp độ thiêng liêng ở bên dưới tương đương với bộ quy tắc thứ nhất vốn bàn về sầu khổ ở cấp độ thiêng liêng thấp nhất, nhưng cũng được áp dụng cho mọi loại sầu khổ ở cấp độ cao, kể cả sầu khổ của những người đạt đến sự an ủi có và không có nguyên do trước.

c/ Xác định hai sự an ủi có và không có nguyên do trước (330)

Cho đến bây giờ, quy tắc thứ hai của bộ thứ hai này vẫn là khúc xương khó nuốt nhất và đồng thời trở thành cớ vấp phạm lớn nhất và khó chịu nhất đối với các tác giả nghiên cứu về Linh Thao.

Quy tắc này gồm hai phần: phần thứ nhất, thánh I-nhã định nghĩa sự an ủi không có nguyên do trước (330[1]) rồi sau đó giải thích sự an ủi này bằng phương pháp phủ quyết (330[2]). Nhưng chính sự phủ quyết này cho người ta được phép tìm ra sự phân biệt về hai sự an ủi. Đó là điểm độc sáng của thánh I-nhã. Vì không lưu tâm đủ, nên rất nhiều người đã nhảy vội vào phần thứ hai để xác định sự an ủi không có nguyên do trước và vô tình đã không những làm mất ý nghĩa đích thực của nó mà còn làm cho người khác hiểu sai điều thánh I-nhã muốn diễn tả trong

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thánh thiện hợp với linh hồn công chính, rồi lần lần gắng lôi kéo linh hồn ra theo những mưu mô ẩn kín và những ý định tồi tệ của nó.	thiện mà linh hồn sốt mến ao ước; sau đó, nó dần dà cố gắng đi ra bằng cách dẫn linh hồn đó đến những mưu mô kín ẩn và những ý định tai hại của nó.	những ước ao độc ác của nó. [2]Thật vậy, lúc khởi đầu dường như nó chấp nhận và khích lệ những tư tưởng tốt lành và thánh thiện của con người; nhưng rồi, sau khi lôi kéo từ từ linh hồn về những cạm bẫy vốn ẩn chứa đầy những lừa bịp của nó, nó bắt được linh hồn nằm

chính kinh nghiệm thiêng liêng của ngài, một kinh nghiệm vẫn luôn trung thành với truyền thống về hành trình trưởng thành thiêng liêng. Bởi lẽ, đối với họ, sự an ủi không có nguyên do trước là sự an ủi hoặc không có nguyên do nào đi trước, hoặc tự nó chẳng có một nguyên do nào.

- Thực ra, thánh I-nhã đã định nghĩa sự an ủi không có nguyên do trước ngay ở phần thứ nhất khi nói: "Chỉ có Thiên Chúa, Chúa chúng ta mới ban sự an ủi cho linh hồn mà không có nguyên do trước; vì quyền riêng của Đấng Tạo Hoá là đi vào, đi ra, làm phát sinh nơi nó một chuyển động lôi cuốn trọn vẹn linh hồn vào lòng yêu mến Thiên Chúa Chí Tôn" theo A (330[1]).

Chúng ta cần thận trọng đừng để cho cụm từ "nguyên do trước" đánh lừa chúng ta. Thực ra, đó là tên gọi cho một thứ an ủi mà thực tại của nó là: "Duy chỉ Thiên Chúa đi vào linh hồn, đi ra, và làm phát sinh ở đó một chuyển động lôi cuốn trọn vẹn linh hồn vào lòng yêu mến Thiên Chúa". Ý niệm này diễn tả một sự chiếm hữu trọn vẹn của Thiên Chúa và duy chỉ có Thiên Chúa thực hiện. Chủ thể đóng vai trò thụ động hoàn toàn. Loại người này được thánh I-nhã gọi là "người thuần thiêng", la persona espiritual (336[2]) và chỉ có họ mới có thẩm quyền hướng dẫn người công chính hay người sốt mến (326[4-5]) vốn được đồng hoá với người đạt tới sự an ủi có nguyên do trước (332/ x.331) để làm việc chọn lựa ở thì thứ nhất (175).

Hai đặc tính của sự an ủi: chỉ có Thiên Chúa chiếm hữu trọn vẹn vào tình yêu Ngài và chủ thể ở vào thế thụ động hoàn toàn biểu thị thực trạng của chính người ở cấp độ thiêng liêng thần hiệp của truyền thống tu đức. Đây là cấp độ thiêng liêng mà thánh I-nhã chưa nêu lên vì nó không nằm trong phạm vi của việc tập luyện Linh Thao như hai cấp độ đời sống thanh luyện (vita purgativa) và đời sống soi sáng (vita illuminativa) đã được nói đến (10[2-3]). Nếu được phép nêu danh, thì sự an ủi này am hợp với chính chặng đường thần hiệp của truyền thống mà, loại suy từ hai đời sống trên, ta được phép gọi là « đời sống thần hiệp » (vita unitiva)

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		trong chài lưới của nó.
333. [1]*Quy tắc V*: cần chú ý nhiều về diễn biến của tư tưởng. Nếu từ khởi đầu, ở giữa và cuối cùng đều tốt, hoàn toàn hướng về điều thiện, là dấu hiệu của thiên thần lành. [2]Nhưng nếu diễn biến của tư tưởng đưa ta tới	**333.** [1]*Thứ năm*: chúng ta cần phải chú ý một cách cẩn thận về diễn biến của các tư tưởng chúng ta. Nếu ở điểm khởi đầu, ở giữa cũng như đến cuối cùng đều thánh thiện và hướng đến sự thánh thiện, đó là dấu hiệu của	**333.** [1]*Thứ năm*: người ta phải xem xét cách chuyên chăm và cẩn thận lúc khởi đầu, khi ở giữa và cho đến cuối của những ý tưởng nơi chúng ta. Nếu cả ba đều tốt, đó là dấu hiệu rằng thiên thần lành gợi ra những ý

chứ không là điều gì khác. Vậy đây là một biến cố chiếm hữu của Thiên Chúa vào tình yêu của Ngài mà chủ thể ở vào tình thế thụ động. Vì thế ta gọi là an ủi không có nguyên do trước. An ủi này không miễn cho chủ thể nỗ lực hoàn thiện mình bằng việc canh tân bậc sống của giai đoạn an ủi có nguyên do trước (189) và khi biến cố chiếm hữu xảy ra, an ủi có nguyên do trước trở thành an ủi không có nguyên do trước.

Một ghi nhận cần nêu lên ở đây: sự chiếm hữu mà thánh I-nhã nói đến ở đây chính là sự chiếm hữu của Thiên Chúa nơi chủ thể trong mối tương quan của họ với Đức Kitô, chứ không phải bất cứ một sự chiếm hữu nào. Bởi lẽ chính nhờ sự biến đổi nên một với Đức Kitô mới cho phép người ta trở nên « những người con trong Người Con Duy nhất » (filii in Filio). Chúng ta không được phép bỏ qua cơ sở này nếu không muốn lẫn lộn hay lúng túng giữa nền tảng nhân bản với siêu nhiên. Thí dụ, chọn lựa của Eleaza (2Mcb 6,18-31), các chàng trai trẻ trong sách Đaniel (Đn 3,1-4,30), và cả đến cái chết của Gioan chăng nữa (Mc 6,14-29).

Đây chính là một kinh nghiệm thiêng liêng thánh I-nhã đã trải qua trong cuộc đời của ngài (TT. 96) nơi đó ngài thấy rõ Thiên Chúa Cha đặt ngài với Con của Người đang vác thập giá và nói với Con: “Cha muốn Con nhận người này làm tôi tớ” để Chúa Con nói: “Ta muốn con phục vụ Chúng Ta” theo như lời cha Lainez kể về biến cố La Storta vào tháng 11 năm 1537. Biến cố này xảy ra sau gần mười lăm năm ngài làm “Linh Thao” ở Manresa và cũng là lúc ngài tự thẩm định mình là “người công chính” (TT. 32).

Vì đây là một kinh nghiệm thiêng liêng cá nhân của ngài và không phải là một kiến thức về cấu trúc đời sống thiêng liêng, nên chính tay thánh I-nhã đã gạch bỏ trích dẫn bên dưới của bản A vốn được trích từ Tổng luận thần học của thánh Tô-ma Aquino, một trích dẫn mà bản P vẫn còn giữ lại với câu nói: “Đây là điều mà chân phúc Tô-ma chứng minh trong $1^{a}2^{ae}$qu.[9], art.[1.6] và qu.[10], art.[4]” (330^{2b}). Bản V

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
bất cứ điều nào xấu hoặc gây lo ra, hay không được tốt như điều trước đó linh hồn định làm, [3]hoặc làm giảm sút, khiến ta lo lắng, làm cho linh hồn bối rối khi lấy mất sự bình an, sự tĩnh lặng và an tĩnh đã có từ trước, [4]đó là dấu hiệu rõ ràng điều ấy bởi thần dữ,	thần lành. [2]Nhưng nếu diễn biến của những tư tưởng vốn được đưa vào chúng ta lại dẫn đến điều gì đó xấu xa hay chuyển hướng ra khỏi sự thiện hảo, hay đến một điều ít tốt lành hơn điều mà linh hồn tự đề ra để thực hiện, [3]hoặc nếu nó gây nên sa sút hay lo lắng, khi làm	tưởng này. [2]Nếu ngược lại, trong diễn biến của tư tưởng, một điều gì đó tự nó là xấu xuất hiện hay đi theo sau, hay xoay hướng ra khỏi sự thiện, hoặc dẫn đến một điều thiện ít hơn điều mà linh hồn đã quyết định làm trước đó, [3]hay làm cho chính linh hồn yếu nhược

không đưa ghi chú này vào vì trung thành với bản văn A đã được chỉnh sửa.

Bản P có cùng một ý tưởng này nhưng lại tương đối hoá ý nghĩa vì thiếu từ ngữ "trọn vẹn". Ngược lại, bản V duy trì được ý nghĩa này khi giải thích sự an ủi này bằng câu nói: " Chỉ có Thiên Chúa mới an ủi linh hồn mà không có bất cứ một nguyên do nào của an ủi đi trước"(330[1a]) và diễn tả cách chi tiết cách thức Thiên Chúa hành động:"là xoay chuyển trọn vẹn về tình yêu cho Ngài, là lôi kéo và biến đổi linh hồn vào tình yêu đó". Cha Polanco đã thêm từ ngữ "linh hồn"sau động từ "xoay chuyển trọn vẹn" cho câu văn được hoàn hảo mà thôi.

- Sang vế thứ hai, thánh I-nhã giải thích sự an ủi không có nguyên do trước bằng cách phủ định sự an ủi có nguyên do trước khi nói: "Tôi nói không có nguyên do nghĩa là không có bất cứ một tình cảm hay một hiểu biết nào trước đây về bất cứ một đối tượng nào, nhờ đó mà một sự an ủi như thế phát sinh ra qua trung gian những hoạt động của trí hiểu và ý chí" (330[2]). Quả vậy, cách giải thích phủ quyết này nhằm để nói rằng điều ấy không phải là cái kia, tức là cái phủ định cái kia. Vậy để tìm ra cái kia, ta chỉ cần phủ định cái phủ định về nó. Như thế nếu nội dung phủ định về an ủi có nguyên do trước được viết như trên thì nội dung của an ủi có nguyên do trước phải là:"có một tình cảm hay một hiểu biết nào trước đây về bất cứ một đối tượng nào, nhờ đó mà sự an ủi phát sinh ra qua trung gian những hoạt động của trí hiểu và ý chí". Nghĩa là bỏ phân từ phủ định ở định nghĩa đi.

Khi đọc định nghĩa này, ta thấy có hai yếu tố để xác định sự an ủi này: trước hết, nếu sự an ủi không có nguyên do xuất hiện khi Thiên Chúa hoạt động còn chủ thể hoàn toàn ở trong tâm trạng thụ động, thì ngược lại định nghĩa về an ủi có nguyên do trước trên đây biểu lộ rõ ràng tính chủ động của chủ thể: bất cứ một đối tượng nào mà chủ thể còn phải vận dụng trí hiểu để hiểu biết và ý chí để yêu mến thì nỗ lực vươn đến với nhau vẫn nằm về phía chủ thể chứ không phải khách thể. Định nghĩa trên không hề cho chúng ta thấy một dấu vết hoạt động của

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
kẻ thù của sự tiến tới và phần rỗi đời đời của ta.	mất đi sự bình an, sự yên lặng và sự an tĩnh mà linh hồn đã có trước đấy, [4]đó là dấu chỉ rằng điều đó đến từ thần dữ, tên ghen tị và là kẻ thù của sự tiến bộ và sự cứu rỗi.	đi, lo lắng và xáo trộn, bằng cách lấy đi sự an tĩnh, sự bình an và trầm tĩnh vốn đã có nơi nó trước đây, [4]đó là dấu hiệu hiển nhiên rằng tác giả của một tư tưởng như thế là thần dữ, nó vốn luôn

khách thể, nghĩa là của Thiên Chúa mà chỉ phát xuất từ chủ thể, nghĩa là người làm Linh thao.

Thứ đến, định nghĩa cho thấy rõ sự cách biệt giữa chủ thể và đối tượng. Vì bất cứ đối tượng nào còn buộc chủ thể phải vận dụng trí hiểu và ý chí để vươn đến, thì đối tượng ấy vẫn còn ở ngoài chủ thể và chưa có sự hiệp thông trọn vẹn của tình yêu. Ta cũng không hề tìm thấy dấu vết của bất cứ một sự hiệp thông trọn vẹn nào của chủ thể và đối tượng ở đây, tức giữa người làm Linh Thao và Thiên Chúa. Việc cải thiện đời sống và canh tân bậc sống (189) chính là hành trình chọn lựa nhân đức ngược với nết xấu chủ đạo tập quen đưa vào trong ý thức nơi việc xét mình riêng để dần dà thấm nhuần vào trong vô thức mà trở thành một văn hóa mới theo chiến thuật của vị tướng quân (327).

Vậy định nghĩa ở phần hai này, một khi trực tiếp phủ quyết an ủi có nguyên do trước lại là lúc gián tiếp xác quyết về sự an ủi có nguyên do trước. Đó là sự an ủi chưa được Thiên Chúa chiếm hữu trọn vẹn, nghĩa là chủ thể còn phải đặt Ngài trong mối tương quan như một đối tượng để vươn tới chứ chưa được ở trong tư thế thụ động và chưa được ở trong sự hiệp thông nên một của tình yêu.

2. Về an ủi có nguyên do trước

Cấu trúc của bộ quy tắc thứ hai ở trên cho chúng ta thấy bộ quy tắc lấy việc nhận định về hai sự an ủi vốn ở đỉnh điểm của đời sống thiêng liêng ra bàn định và làm mẫu: hai sự an ủi này có sự liên hệ với nhau và khác biệt nhau. Bây giờ chúng ta bàn đến hệ thống của an ủi có nguyên do trước.

a/ Những quy tắc liên hệ

Có ba quy tắc vừa xác định cấp độ thiêng liêng của chủ thể, vừa đặt ra mối liên hệ giữa hai loại an ủi này với nhau. Ta đã tìm hiểu cả ba quy tắc này: hai quy tắc tổng quát về tác nhân và chủ thể (329, 335) và một quy tắc phân biệt hai loại an ủi (330). Ở đây ta chỉ cần xác định rõ hơn hai yếu tố chính của các quy tắc này.

- Yếu tố thứ nhất: liên quan đến vị trí của hai sự an ủi

Có hai quy tắc tổng quát bàn về tác nhân và chủ thể (329 và 335): Cả hai quy tắc

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		chống lại với điều có ích lợi cho chúng ta và cho phần rỗi của chúng ta.

này có cấu trúc tư tưởng hoàn toàn đối nghịch với cấu trúc tư tưởng của hai quy tắc đầu của bộ quy tắc thứ nhất. Trước hết, quy tắc thứ nhất đề cập tác nhân là Thiên Chúa và các thiên thần trước còn kẻ thù nói sau. Hai tác nhân này sẽ được phân bố vào hệ thống nhận định của hai sự an ủi: thiên thần nơi việc nhận định của an ủi có nguyên do trước (331-334) còn Thiên Chúa nơi việc nhận định của an ủi không có nguyên do trước (336). Sự việc này cũng xác định sân chơi của tác nhân: thiên thần và Thiên Chúa đem đến niềm vui thật (329^1), còn kẻ thù chống lại niềm vui đó bằng những lý lẽ giả tạo (329^2).

Sau nữa quy tắc thứ 7 đề cập về chủ thể ở cấp độ tình yêu mà ngôn ngữ biểu tượng đã cho chúng ta thấy ý nghĩa của nó. Thánh I-nhã đã tách rời quy tắc này ra khỏi quy tắc thứ nhất mà đặt vào giữa công việc nhận định thần loại của hai an ủi trên. Điều này cho thấy rõ vị trí trưởng thành của chủ thể: biên giới của hai sự an ủi cao nhất này.

- Yếu tố thứ hai: liên quan đến mối tương quan của hai sự an ủi. Cả hai đều ở đỉnh điểm của tình yêu nhưng chúng có mối liên hệ nào? Cấp bậc hay bản chất?

Trong sách Linh Thao, thánh I-nhã sử dụng một thuật ngữ riêng dành cho hai người đạt đến cấp độ này:

Loại người thứ nhất vốn đạt tới sự an ủi có nguyên do trước được xác định hai nơi: trong hai bộ quy tắc nhận định thần loại và trong chính cuộc Linh Thao. Trong bộ quy tắc, thánh I-nhã xác định danh tánh của người đạt tới an ủi có nguyên do (331) là "linh hồn sốt mến" và "linh hồn công chính" (332) vốn ở dưới cấp độ của người thuần thiêng, vì họ cần phải nhờ những người này hướng dẫn (326). Bản V không nhận ra ý nghĩa thuật ngữ này nên đã bỏ qua tính từ xác định tính chất của loại người này (326^4, 332^1)

Trong hành trình Linh Thao, thánh I-nhã hứa cho Thao viên đạt đến mức độ thiêng liêng này như Ngài (TT 32) ngay trong các chú dẫn của ba bản văn (15^3). Ngài cho thấy chỉ có họ mới được phép làm việc chọn lựa ở thì thứ nhất, tức thì của tình yêu (175^2). Bản V cũng bỏ rơi tính từ "sốt mến" dành cho việc chọn lựa này. So vào Linh Thao, họ chính là người đạt đến tình yêu cá vị với Đức Ki-tô ở cách khiêm nhường thứ ba, ở đó họ quyết tâm chịu sự sỉ nhục với Chúa Ki-tô bị sỉ nhục và muốn được coi là ngu dại và điên rồ vì Chúa Ki-tô để đáp lại tình yêu Ngài (167). Hoàn toàn đây là quyết định chủ động và ở bình diện ý thức.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
334. [1]*Quy tắc VI*: Khi kẻ thù của bản tính loài người bị cảm thấy và nhận biết bởi cái đuôi rắn của nó và mục đích xấu xa nó muốn đưa tới, [2]thì điều có ích cho người bị cám dỗ là sau đó xem xét diễn biến về những tư tưởng tốt nó bày ra và khởi đầu của những tư	**334.** [1]*Thứ sáu*. Khi kẻ thù của bản tính loài người, là Sa-tan, bị phanh phui và nhận biết bởi đuôi rắn của nó và bởi mục đích xấu xa mà nó lôi kéo về đó, [2]thì điều có ích lợi không phải là ít đối với người đã bị nó cám dỗ là suy xét diễn biến của tư	**334.** [1]*Thứ sáu*: Trong một sự gợi ý nào đó, kẻ thù bị bại lộ ở đuôi rắn độc của nó, nghĩa là ở điểm tận cùng xấu xa mà nó luôn cố gắng gợi ra trong chúng ta, [2]thì điều rất có ích lợi nếu xét lại tất cả diễn biến và ghi nhận xem nó đã sử dụng loại tư tưởng tốt lành nào làm

Loại người thứ hai đạt tới sự an ủi không có nguyên do trước hoàn toàn không được nói ở trong Linh Thao mà chỉ được nói đến trong hai bộ quy tắc nhận định thần loại. Họ là người được duy mình Thiên Chúa chiếm trọn vẹn vào tình yêu của Ngài (330[1]), được mệnh danh là người thuần thiêng (336[2]) và chỉ người này mới có thể có khả năng thực sự hướng dẫn người khác kể cả người được an ủi có nguyên do trước trong khoa sư phạm trung gian của Thiên Chúa (326[5]). Sự xâm chiếm trọn vẹn bằng tình yêu này biểu lộ tính thụ động của chủ thể vốn tương hợp với chặng đường thứ ba của đời sống thiêng liêng mà theo thánh I-nhã, ta gọi là đời sống thần hiệp. Sự xâm chiếm ấy cho phép ta thấy rõ người đạt đến sự an ủi không có nguyên do trước không chỉ vượt trội kẻ được sự an ủi có nguyên do trước về cấp độ mà thôi: vì có thẩm quyền dẫn dắt người kia (326[4]) mà cả về bản chất: vì được một mình Thiên Chúa chiếm trọn bằng tình yêu của Ngài.

b/ Về việc nhận định sự an ủi có nguyên do trước

Việc nhận định về sự an ủi có nguyên do trước bao gồm 4 quy tắc:

- Hoạt động của kẻ thù ở sự an ủi: được đề cập ở hai qui tắc (331 – 332)

Quy tắc thứ ba (331): nếu như bộ quy tắc thứ nhất nói rằng kẻ thù không chỉ gây nên sự sầu khổ khi cắn rứt, làm buồn phiền và đặt chướng ngại bằng cách gây băn khoăn lo lắng (315[2]) mà cả thần lành cũng gây sầu khổ khi thôi thúc và cắn rứt lương tâm bằng lương tri của lẽ phải (314[3]), thì ở quy tắc này, thánh I-nhã cũng cho chúng ta thấy nguyên tắc ngược lại: không chỉ thiên thần lành an ủi linh hồn nhưng cả thiên thần dữ cũng có thể an ủi (331[1]). Sự khác biệt hệ ở mục đích mà các tác nhân đó muốn đưa đến có tính trái ngược nhau. Sự đối nghịch ở đây cũng được nói ở cấp độ cao hơn cấp độ của bộ quy tắc thứ nhất vì đó là đối nghịch của những sự lớn lên và tiến bước từ điều tốt đến điều tốt hơn của thiên thần lành (331[2]) so với việc "ban sự can đảm và sức mạnh... hủy diệt mọi trở ngại để người ta tiến lên trong đường lành" của thần lành (315[7]) – và sự "lôi cuốn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tưởng ấy, [3]và xem nó đã lần lần tìm cách khiến ta rời sự dịu ngọt và niềm vui thiêng liêng vốn có trước, cho đến chỗ đưa ta tới ý định tồi tệ của nó như thế nào; [4]để nhờ một kinh nghiệm đã được	tưởng mà nó đã đưa vào và sự khởi đầu của những tư tưởng ấy, [3]và xét xem bằng cách thức nào dần dà nó đã ra sức hạ người ấy xuống, đã tước khỏi người ấy sự dịu ngọt và niềm vui thiêng liêng mà	cớ ngay từ đầu, [3]và nó đã cố gắng từ từ tách ra khỏi sự dịu ngọt của hương vị thiêng liêng và sự thanh thản của linh hồn mà ta đã có trước đây và để gieo nọc độc vào. [4]Vì vậy, nhờ vào một kinh

linh hồn theo ý muốn và sự hiểm độc" của thiên thần dữ (331) so với sự " cắn rứt làm buồn phiền..." của thần dữ (315[2]).

Quy tắc thứ tư (332) giải thích lý do tại sao thiên thần dữ có thể an ủi được. Vì nó có thể giả dạng thành thiên thần ánh sáng đi vào cùng với "linh hồn sốt mến" hay "công chính" và đi ra theo chính nó (332[1]). Bản văn V loại bỏ tính từ "sốt mến" và "công chính" nên đánh mất đặc nét này của người được an ủi có nguyên do trước (331) cho dù có thể áp dụng cách phổ quát cho mọi trường hợp an ủi... Thực ra đây cũng là một chiến thuật đặc thù của kẻ thù khi chủ thể được an ủi và là chiến thuật kẻ thù học theo con đường nhập thể của chính Thiên Chúa trong mầu nhiệm cứu độ. Có thể nói đây là một chiến thuật mà ta thường nói cách ngắn gọn: "vào cửa người ta, ra cửa mình", một chiến thuật chính thánh I-nhã đã nói đến khi gửi hai cha Paschase Broët và Alphonse Salmeron đi sứ vụ ở Irlande *(Thư gửi P. Broët và A. Salmeron tháng 9/1541).*

Sở dĩ đây là một chiến thuật quan trọng nhưng không được đặt chung với ba chiến thuật trong bộ quy tắc một (325-327) vì ba quy tắc trên được kẻ thù vận dụng trong chiều hướng đối kháng để chống lại đường lối của Thiên Chúa nơi con người, còn quy tắc này được nó vận dụng không phải theo chiều hướng ấy, nhưng theo chiều hướng thích nghi của sự nhập thân mà chỉ có một cửa vào duy nhất là sự an ủi cho kẻ thù vào mà thôi. Vì thế thánh I-nhã giải thích: "Nghĩa là nó bày ra những tư tưởng tốt lành thánh thiện hợp với linh hồn công chính, rồi lần lần lôi kéo linh hồn ra theo những mưu mô ẩn kín và những ý định tồi tệ của nó" (bản A/332[2]) . Bản P có cùng ý niệm. Bản V diễn tả âm mưu độc ác của kẻ thù cách sống động hơn khi nói kẻ thù "sau khi lôi kéo từ từ linh hồn về những cạm bẫy được che giấu chứa đầy những lừa bịp của nó, nó bắt được linh hồn nằm trong chài lưới của nó" (332[2b]).

- Việc nhận định và sự an ủi có nguyên do trước (333)

Quy tắc thứ năm đề cập về chính việc nhận định của an ủi có nguyên do trước. Về dấu hiệu của thiên thần lành: hai bản A và V trung thành với quy tắc nói về tác nhân của an ủi này: "thiên thần", trừ bản P lại sử dụng từ ngữ "thần

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nhận biết và được ghi chép lại như thế, ta sẽ giữ mình cho khỏi những dối trá thường lệ của nó sau này.	họ đã thụ hưởng trước đây, để dẫn đưa người ấy theo ý định tồi tệ của nó. [4]Một kinh nghiệm đã được suy xét và nhận biết như thế sẽ giúp ích cho chúng ta trong tương lai để tránh xa những	nghiệm như thế, những lừa bịp của nó một khi bị bại lộ, ta sẽ giữ mình khỏi những lừa bịp đó cách dễ dàng hơn sau này.

lành" (333[1]). Chỉ có một điều liên quan đến kẻ thù, cả ba bản văn trên đều đồng loạt sử dụng từ ngữ thần dữ (333[4]) mà lẽ ra phải nói là thiên thần dữ vốn đã được nói đến trước đây (331[1], 332[1]), vì từ ngữ "thần lành" này không tương ứng với chính sự an ủi có nguyên do trước. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể hiểu được nếu đây là ý hướng thánh I-nhã muốn mở rộng xuống các cấp độ an ủi khác thấp hơn, hay cảnh báo người ta có nguy cơ bị sa sút từ đời sống soi sáng xuống tận đời sống thanh luyện.

Tiêu chuẩn của việc nhận định về an ủi có nguyên do trước hay mọi sự an ủi chính là "thời lượng". Có thể nói thời lượng là thước đo để biết an ủi có nguyên do trước nào là an ủi của thiên thần lành và ngược lại là của thiên thần dữ - hoặc mở rộng hơn, an ủi nào là của thần lành hay của thần dữ: của thiên thần lành hay của thần lành thì dấu chỉ tỏ lộ là sự bình an bền vững, ngược lại sự bình an không bền vững vốn dẫn đến lo lắng, bối rối... là dấu chỉ của thiên thần hay thần dữ. Đây chính là tiêu chuẩn áp dụng vào lãnh vực tình yêu của hai ngôi vị trước hết.

– Bài học rút ra từ việc nhận định (334)

Chiến thuật "vào cửa người ta ra cửa mình" của kẻ thù là một chiến thuật vô cùng tinh vi mà thánh I-nhã đòi buộc chủ thể phải rút ra bài học, không phải để chống lại nó như ba chiến thuật trên của bộ quy tắc thứ nhất (325-327), mà để "giữ mình khỏi những dối trá của nó" sau này (A và V) hay tương lai (P/ 334[4]).

Để làm quen với cách chống trả này, ngài đề nghị với người bị cám dỗ phải xem xét lại diễn biến về những tư tưởng tốt nó bày ra và khởi đầu tư tưởng ấy (334[3]). Tìm hiểu diễn biến để tìm được điểm khởi đầu mà kẻ thù đi vào rất quan trọng và có ý nghĩa, vì ở đó chúng ta cũng sẽ thấy được « điểm rơi » của bản thân mình nhờ việc so sánh các biến cố khác nhau. Vì chính từ điểm ấy mà kẻ thù xâm nhập và tìm cách lèo lái ta ra khỏi niềm vui và sự dịu ngọt của sự an ủi (334[3]).

Việc tập quen này cần thiết đến nỗi cả ba bản văn đều nói đến kinh nghiệm rút ra từ đó sẽ giúp mình né tránh được trong tương lai. Bản A còn đề cập đến việc ghi chép lại kinh nghiệm đó để rút ra bài học cụ thể và thiết thực hơn (334[4]).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thiên thần dữ lại chạm vào cách chát chúa, cách ồn ào và cách náo động, như khi giọt nước rơi trên tảng đá. [3]Và với những người đi từ điều xấu đến điều tệ hơn, thì chính các thần nói trên chạm vào theo cách thức ngược lại. [4]Lý do là tùy theo tình trạng của linh hồn trái	biển, [2]và thiên thần dữ đụng chạm linh hồn của họ cách chát chúa, với sự ồn ào và náo động, như nước rơi xuống một tảng đá. [3]Nơi những kẻ đi từ điều xấu đến điều tệ hơn, chính những thần này đụng chạm linh hồn một cách ngược lại. [4]Lý	giọt nước thấm vào miếng bọt biển; [2]thần dữ, cách chát chúa, với sự bồn chồn và cưỡng bức, như giọt nước mưa rơi trên tảng đá. [3]Nhưng nơi những người ngày càng trở nên tồi tệ ra, đích thực điều ngược lại xảy đến. [4]Lý do về sự khác nhau này do ở tình trạng

b/ Vào thời gian tiếp theo (336[2])

Đó là thời gian nào? Là "thời gian linh hồn còn nóng nảy và sung sướng vì ơn huệ và sự dư hưởng của sự an ủi vừa qua"(A); hay "khi linh hồn vẫn còn nhiệt thành, sốt sắng và phấn khởi bởi những đặc ân của những an ủi trước đây và bởi những dư hưởng của nó"(P); hoặc "lúc linh hồn còn cháy bừng và cảm nghiệm những dấu vết và ân huệ mà nó vừa nhận được một cách chính đáng" (V/336[3]). Đó là thời gian gắn liền và không tách khỏi sự an ủi và là sự dư hưởng của nó.

Chính lúc này là lúc mà các tác nhân khác ngoài Thiên Chúa có thể can dự vào: các tác nhân ấy trước hết là "chính chủ thể vốn suy diễn dựa vào thói quen hay dựa vào kết quả của những ý niệm và phán đoán" (A) - bản P tách chủ thể này ra và gồm tóm hai suy diễn theo A vào một ý niệm, tức là suy diễn về những điều tương đồng và hậu quả tôi có được trong các ý niệm và phán đoán trước đó – bản V cũng tách biệt thành hai yếu tố nơi chủ thể: tính khí hoặc suy luận và phán đoán riêng (336[4a]); kế đến là do thần lành hay thần dữ (336[4b]). Cả ba tác nhân này có thể thúc đẩy ta hoạch ra những dự định hay ý kiến (A và P) hoặc những quyết định (V) không phải từ Thiên Chúa hay do Người thông ban cho (336[4-5]).

Có hai yếu tố trong thời điểm này khiến chúng ta cần lưu ý: thứ nhất, tính chiếm hữu của duy chỉ Thiên Chúa lôi kéo trọn vẹn chủ thể vào tình yêu ngài không còn. Thứ hai, trước đây ở bộ quy tắc thứ nhất chắc chắn thần dữ luôn lôi kéo chủ thể đi ngược với Thiên Chúa (314-315), chủ thể có khi tách ra khỏi an ủi do nguội lạnh và sao lãng (322[1]), còn thần lành luôn ở về phía Thiên Chúa (314-315). Bây giờ ở cấp độ "tinh thần" đối với an ủi này, thánh I-nhã chấp luôn thần lành đứng về phía kẻ thù (336[4b]), một điều khiến chúng ta có cảm giác bị hỗng cẳng, mất phương hướng.

Thật ra nếu trở lại coi ý niệm xâm chiếm trọn vẹn của Thiên Chúa vào tình yêu ngài, ta sẽ hiểu được vấn đề. Đó không phải là bất cứ sự xâm chiếm nào và bất

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	mưu mô thường lệ của kẻ thù.	
335. [1]*Quy tắc VII*: Đối với những người đang tiến từ điều tốt đến điều tốt hơn, thiên thần lành chạm vào linh hồn cách êm ái, nhẹ nhàng và dịu ngọt, như giọt nước đi vào miếng bọt biển; [2]còn	**335.** [1]*Thứ bảy*. Nơi những người tiến tới từ điều tốt đến tốt hơn, thiên thần lành có thói quen đụng chạm linh hồn của họ một cách êm ái và dịu ngọt, hoàn toàn như nước đi xuống miếng bọt	**335.** [1]*Thứ bảy*: Nơi những người tiến lên trong sự thiện hảo của ơn cứu rỗi, ***hai thần loại len lỏi vào*** bằng một cách thức khác biệt nhau: thần lành, cách êm dịu, bình an, ngọt ngào, như một

3. Về an ủi không có nguyên do trước (336)

Như chúng ta đã tìm hiểu sự an ủi này có ba quy tắc chung với sự an ủi có nguyên do trước mà ở đó có một số yếu tố riêng hướng về an ủi này: tác nhân là Thiên Chúa (329) vốn duy chỉ có Ngài xâm chiếm chủ thể cách trọn vẹn vào tình yêu của Ngài, khiến chủ thể trở nên thụ động trong hoạt động của sự an ủi đó (330^1). Cho đến đỉnh điểm này của đời sống thiêng liêng, vẫn xuất hiện hai loại người: tiến bộ (335^1) và suy thoái (335^3). Chỉ còn quy tắc cuối cùng dành cho việc nhận định của sự an ủi không có nguyên do trước mà thôi. Bây giờ chúng ta bước vào chính việc nhận định của sự an ủi này với hai bước chính.

a/ Chính khi được an ủi (336^1)

Tên gọi cho sự an ủi không có nguyên do trước này được dành cho "những người thuần thiêng" (336^2). Bản P có cùng một ý kiến với bản A, nghĩa là chỉ về người được Thiên Chúa ban ơn đó. Bản V bỏ cách xác định này và khái quát hóa ơn này khi sử dụng đại từ "chúng ta" ($336^{1,2}$...). Cho dù không sử dụng thuật ngữ riêng của thánh I-nhã, nhưng V cũng nói về an ủi này như một lời hứa nếu mỗi chúng ta nhận được sự chiếm đoạt trọn vẹn này.

Đặc điểm việc nhận định của an ủi này được xét đến như một biến cố xảy ra mà diễn tiến của nó được phân chia làm hai thời điểm: chính thời gian được an ủi với thời gian tiếp theo mà cả ba bản văn nhất trí về sự phân chia trên (336^{2b-3}).

Ở chính thời gian được an ủi là lúc duy chỉ một mình Thiên Chúa đã chiếm đoạt trọn vẹn chủ thể vào tình yêu mến của Ngài (336^2), vì thế không thể có bất cứ một tác động nào của bất cứ thụ tạo nào có thể can dự vào. Nên tự thân, lúc đó không có cạm bẫy (A), ảo tưởng (P) hoặc bất cứ sự lừa đảo nào (V). Vì Thiên Chúa là Đấng ngay thẳng, chân thật và trong suốt nơi chính Ngài. Vậy ở thời điểm này không hề phải thực hiện việc nhận định thần loại. Bởi lẽ chỉ có nhận định thần loại khi chủ thể rơi vào tình trạng mờ tối và không xác định rõ được tác nhân nơi những hậu quả của chúng.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ngược hay hòa hợp với các thiên thần nói trên, [5]vì khi trái ngược, thì chúng đi vào cách chát chúa, dễ cảm thấy và nhận ra, [6]còn khi hòa hợp thì chúng đi vào cách lặng lẽ như vào nhà của mình, cửa đã mở toang.	do duy nhất là tình trạng của linh hồn thấy mình đối nghịch hay tương đồng với chính những thần loại này; [5]vì, khi linh hồn đối nghịch với chúng, thì chúng đụng chạm vào theo cách thức cảm thấy được, với sự chát chúa và ồn ào; [6]nhưng khi linh hồn tương đồng với chúng, thì chúng lướt đến không ồn ào và yên lặng, như kẻ đi vào ngôi nhà của mình, cửa đã mở toang.	của linh hồn tương đồng hay đối nghịch với các thiên thần này hay thiên thần kia. [5]Thật vậy, nếu thần này hay thần kia thấy linh hồn đối nghịch lại với mình, nó ***sẽ kết hiệp với linh hồn đó*** cách ồn ào và gây chấn động vốn có thể ghi nhận dễ dàng; [6]nhưng, nếu nó thấy linh hồn tương ứng với nó, nó đi vào cách nhẹ nhàng, như vào trong nhà của mình, cửa mở toang.
336. [1]*Quy tắc VIII*: khi an ủi không có nguyên do,	**336.** [1]*Thứ tám*: khi an ủi không có nguyên do,	**336.** [1]*Thứ tám*: mỗi khi có nơi chúng ta một sự an ủi

cứ tình yêu nào mà phải là tình yêu nên một với Thiên Chúa nơi Đức Ki-tô hiến tế của cách khiêm nhường thứ ba (167) mà người ở cấp độ "tinh thần" tức cấp độ lề luật và tự nhiên không thể nhận biết và thấu hiểu được (1Cr 1,17-31). Như thế, thánh I-nhã chấp cả "thần lành" vì tính bất khả vươn tới của nó ở cấp độ tự nhiên so với cấp độ mạc khải hay siêu nhiên của tình yêu này. Bởi lẽ, sự chiếm đoạt trọn vẹn của tình yêu này ắt hẳn là một mầu nhiệm được giấu kín từ muôn thuở nay được tỏ bày cách trọn vẹn cho môn đệ (Rm 16,25-27) là một mầu nhiệm mà Phao-lô mạnh mẽ lên tiếng: "Nếu có ai, kể cả chúng tôi hoặc một thiên thần nào từ trời xuống, loan báo cho anh em Tin Mừng khác với Tin Mừng chúng tôi loan báo cho anh em thì xin Thiên Chúa loại trừ kẻ ấy đi" (Gl 2,8).

Chính khi chuyển ý Chúa về một vị thế cao hơn không chỉ ở chỗ ý kiến tốt của thần dữ đội lốt thần lành hay của chính chủ thể mà cả ý kiến tốt của thần lành vốn luôn đứng về phía Thiên Chúa vẫn không thể vươn tới ý Thiên Chúa đối với hạng người này. Vì việc nhận định thần loại của họ không dừng lại ở sự chọn lựa giữa cái đúng và cái sai, mà vươn lên giữa cái tốt và cái tốt hơn, và vì chủ thể lúc này được chuẩn nhận sống ơn thần hiệp nên cái tốt hơn của con đường hủy mình nơi Chúa Kitô mới là tiêu chuẩn đích thực cho việc nhận định. Tiêu chuẩn ấy cho thấy đời sống thiêng liêng của họ đã vượt qua cái nhìn tự nhiên về sự vật mà luôn thẩm định sự việc dưới cái nhìn đức tin của mầu nhiệm hiến tế.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dù không có cạm bẫy nơi nó, vì như đã nói trên, đó là của một mình Thiên Chúa, Chúa chúng ta. [2]Tuy nhiên người thuần thiêng được Chúa ban sự an ủi như thế phải xem xét và nhận định, với sự tỉnh thức và cẩn trọng, chính thời gian được an ủi hiện tại [3]với thời gian tiếp sau, khi linh hồn còn nóng nảy và sung sướng	chắc chắn không có sự ảo tưởng nơi chính nó, vì nó là của Thiên Chúa duy nhất, Đấng là chân lý tối cao, như đã được nói đến; [2]nhưng người thuần thiêng được Thiên Chúa thuận ban cho sự an ủi này phải suy xét và nhận định với sự tỉnh thức và cẩn trọng, một mặt, chính thời gian của sự an ủi hiện tại, [3]và, mặt khác,	mà không có bất cứ một nguyên do nào trước, chắc chắn không thể có bất cứ một sự lừa đảo nào nơi sự an ủi đó, vì nó được Thiên Chúa đưa vào trong chúng ta, như đã được nói ở trên. [2]Tuy nhiên chúng ta phải chú ý và cẩn thận phân biệt chính thời gian của sự an ủi, [3]với thời gian theo ngay tức khắc, lúc linh

4. Áp dụng tính đại biểu

Việc nhận định thần loại ở bộ quy tắc thứ hai có đối tượng nhận định là sự an ủi vốn được thánh I-nhã lấy cấp độ cao nhất của nó ra làm mẫu, cấp độ của tình yêu chưa trọn vẹn nơi sự an ủi có nguyên do trước và của tình yêu trọn vẹn nơi sự an ủi không có nguyên do trước. Chính từ cách nhận định của cấp độ này mà người ta có thể áp dụng cách loại suy việc nhận định thần loại này vào cho sự an ủi ở những cấp độ thấp hơn.

Có hai yếu tố liên quan đến tính đại biểu của hai loại an ủi này cần lưu ý khi áp dụng cách loại suy vào những an ủi ở cấp độ thấp hơn: tính chiếm hữu của an ủi không có nguyên do trước và tính bền vững lâu dài của an ủi có nguyên do trước.

- Trước hết, về tính chiếm hữu: trong sự an ủi không có nguyên do trước, sự chiếm hữu này có liên quan đến giá trị mới của sự hiến tế của Đức Giêsu và được xét đến như sự phê chuẩn cho thứ văn hóa mới trong khi sự chiếm hữu của người thuộc hai đời sống thiêng liêng bên dưới cần phải được chứng minh. Trường hợp thánh Phaolô ngay tại biến cố Damas, thánh Augustinô khi nhận ra chân lý đích thực của Kitô giáo v.v... là những biến cố chiếm đoạt khởi đầu có vai trò quan trọng trong việc nên thánh nơi các ngài. Thánh I Nhã cũng trải qua biến cố chiếm đoạt cách loại suy của sự an ủi không có nguyên do trước khi được Đức Mẹ và Chúa Hài Đồng hiện ra và ban cho ơn khiết tịnh (TT 10). Và sự chiếm đoạt này phải được chứng minh: Sự trưởng thành trong việc sống đức khiết tịnh từ cấp độ lề luật (TT 39; 43) đến cấp độ tông đồ (TT 59; 61) chứng thực rằng biến cố Thiên Chúa chiếm đoạt Ngài ở Loyola là biến cố đích thực - Ngoài ra, chỉ có sự chiếm hữu của người ở hai đời sống sau cùng mới có giá trị chấp cả thần lành

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vì ơn huệ và sự dư hưởng của sự an ủi vừa qua. [4]Quả vậy, trong thời gian thứ hai này, do suy diễn riêng của mình dựa vào thói quen và vào những kết quả của những ý niệm và phán đoán, hoặc do thần lành hay thần dữ, [5]ta hoạch ra những dự định và ý kiến khác nhau mà không phải do Thiên Chúa, Chúa chúng ta, trực tiếp ban cho, [6]và vì thế, cần xem xét thật cẩn trọng trước khi hoàn toàn tin tưởng vào những điều ấy và đem ra thực hành.	thời gian tiếp theo, khi linh hồn vẫn còn nhiệt thành, sốt sắng và phấn khởi bởi những đặc ân của sự an ủi trước đây và bởi những dư hưởng của nó. [4]Thật vậy, thông thường vào thời gian thứ hai này, hoặc bởi chính kẻ ấy, hoặc bởi sự suy diễn về những điều tương đồng và hậu quả mà mình đã kín múc được trong những ý niệm và phán đoán được hình thành trước, hay được dạy dỗ bởi thần lành hoặc bị tác động bởi thần dữ, mà người ấy có thói quen [5]hình thành những	hồn còn cháy bừng và cảm nghiệm những dấu vết về ơn huệ mà linh hồn ấy vừa nhận được một cách chính đáng. [4]Vì, trong thời gian tiếp nối sau đó, thường xảy ra là, hoặc vì tính khí của chúng ta, hoặc vì sự lý luận và sự xét đoán riêng của chúng ta, hoặc do sự thúc đẩy của thần lành hay thần dữ, [5]chúng ta cảm thấy hay quyết định những điều, vốn không xuất phát từ chính Thiên Chúa, [6]thì cần được xem xét cách cẩn thận trước khi ta đồng thuận với chúng hay trước khi ta

về phía thần dữ. Vì họ được thẩm định thuộc bình diện siêu nhiên. Cấp độ của người ở dưới cùng không có giá trị ấy mà chỉ có giá trị hơn kém đồng đẳng cấp.

- Thứ hai, về tính bền lâu: yếu tố này được nói đến ở sự an ủi có nguyên do trước (333). Điều này đòi hỏi nơi mọi an ủi nhằm phân biệt an ủi thật và an ủi giả tạo. Vì lẽ ở bất cứ giai đoạn thiêng liêng nào, người ta đều phải qui về Nguyên Lý Nền Tảng ở hai cấp độ để tìm ra ý nghĩa và giá trị đích thực cho sự chọn lựa của mình. Không có điểm qui chiếu này, thao viên sẽ rơi vào lối sống chủ quan theo cái thích mà thôi.

Kết luận

Khi chọn sầu khổ của hạng người thấp nhất và an ủi của hạng người cao nhất trong tiến trình trưởng thành thiêng liêng làm đại biểu để trình bày những qui tắc về việc nhận định thần loại, thánh I Nhã cho ta một số áp dụng cụ thể sau:

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	ý kiến và những dự định khác nhau vốn không được Thiên Chúa thông ban cho, [6]Vì thế, những điều này cần đến một sự xem xét chín chắn và nhiều lần trước khi đồng thuận với chúng và đem ra thực hành.	đem chúng ra thực hành.

-Tính không rõ ràng về các tác nhân (318-319), tính đào luyện trong sự trưởng thành (320-324) và những chiến thuật chống lại kẻ thù (325-327) nơi hạng người thấp nhất vẫn xuất hiện nơi hạng người cao nhất, tức người được an ủi có và không có nguyên do (335^{3-6}). Bởi lẽ, họ vẫn phải sống trong tính đối kháng giữa hai thế lực, vẫn có những thời điểm nằm trong sân chơi của kẻ thù, phải tiếp tục lớn lên không ngừng trong sự trưởng thành thiêng liêng, và họ vẫn phải vận dụng những chiến thuật hành xử ngược lại để chiến thắng kẻ thù.

-Chiến thuật nhập thể của kẻ thù (332), cùng với hai yếu tố: cách dùng thời lượng để nhận định (334) và tính chiếm hữu của Thiên Chúa (330^{1}) nơi hạng người có an ủi cao nhất vẫn áp dụng cách loại suy cho những an ủi của hạng người thấp nhất, tức những người ở cấp độ lề luật (315). Vì lẽ, khi được an ủi, chủ thể ở trên phần sân chơi của thần lành, kẻ thù còn một chiến thuật duy nhất để tấn công ngoài sự lôi kéo ngược lại (315^{1-2}) là con đường "nhập thể" của sự an ủi, tức chiến thuật "vào cửa người ta ra cửa mình" và chủ thể cũng phải cân đo sự an ủi đó bằng thời lượng để có thể vạch mặt tác nhân. Ngoài ra nếu có sự chiếm hữu nào của Thiên Chúa nơi chủ thể, thì sự chiếm hữu đó chắc chắn không phải là "sự chiếm hữu trọn vẹn vào lòng yêu mến Ngài". Đó chỉ là ***sự chiếm hữu đặc thù*** được loại suy từ sự chiếm hữu trọn vẹn ở trên và có thể trở nên dấu ấn ghi khắc tiến trình phát triển đời sống thiêng liêng cho đến khi đạt tới mức thành toàn. Vì thế sự an ủi đó không phải là sự an ủi không có nguyên do trước theo đúng nghĩa, và khi nhận định, người ta không được phép áp dụng việc "chấp thần lành" đứng về phía kẻ thù vào việc nhận định mà chỉ nêu lên mối tương quan hơn kém mà thôi (x. 336^{4-6}).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
337. VỀ NHIỆM VỤ BỐ THÍ CỦA CẢI PHẢI TUÂN THEO CÁC QUY TẮC SAU ĐÂY	**337.** NHỮNG QUY TẮC PHẢI TUÂN THEO TRONG VIỆC BỐ THÍ.	**337.** MỘT SỐ QUY TẮC PHẢI XEM XÉT TRONG VIỆC BỐ THÍ.
338. [1]*Quy tắc I*: Nếu tôi thực hiện việc phân phát cho bà con hoặc bạn bè hay những người tôi quý mến, tôi phải chú ý đến bốn điều vốn đã được nói tới một phần trong đề tài về việc chọn lựa.	**338.** [1]*Quy tắc thứ nhất*. Nếu việc phân chia được thực hiện dành cho bà con, những người quen biết, bạn bè hay mọi người khác mà tôi trìu mến, thì tôi sẽ chú ý vào bốn điều mà người ta đã	**338.** [1]*Thứ nhất*. Nếu ta có ý muốn phân phối những quà tặng cho những người mà mình có mối liên hệ bởi gia đình hay tình bạn, và đối với họ ta cảm thấy một lòng quyến luyến rất nổi bật,

C.III.5 BỘ QUY TẮC VỀ BỐ THÍ

Đây là bộ quy tắc thứ ba sau tuần bốn không chỉ liên quan đến tha nhân chủ thể mà thôi, nhưng còn liên quan đến chính chủ thể mà thánh I-nhã gọi là việc bố thí. Tựa đề của A cho thấy bộ quy tắc này bao gồm những quy tắc "về nhiệm vụ bố thí của cải" mà người ta phải tuân theo, còn bản P và V đều thẩm định là những quy tắc người ta phải tuân theo (P) hay phải xem xét (V) trong việc bố thí (337). Thực ra chủ đề này vượt qua vấn đề bố thí của cải mà nhắm đến việc giúp nhau nên hoàn thiện trong việc hiệp thông sự thánh, điều mà trong Dòng Tên, việc thực hành này gọi là bố thí thiêng liêng (aumônes spirituelles) hay thực hành đức ái (exercices de charité).

I . NHẬN XÉT TỔNG QUÁT

Để có thể tìm hiểu những quy tắc này cách hữu ích nhất, thiết tưởng chúng ta cần đưa ra một số những nhận xét như sau:

1. Bộ quy tắc liên quan đến những quy tắc chọn lựa

Bộ quy tắc về việc bố thí này có một mối tương quan rất mật thiết với những quy tắc chọn lựa trong cách thứ hai của thì thứ ba (184-188). Bởi lẽ, khi so sánh hai bộ quy tắc với nhau, chúng ta thấy có tới bốn quy tắc giống nhau (184-187 // 338^2 -341^2). Chúng giống nhau cả về hình thức lẫn nội dung đến nỗi, ngoài sự khác biệt về từ ngữ của chủ đề, người ta có thể khẳng định bộ quy tắc về chọn lựa như là thành phần của bộ quy tắc về việc bố thí, hay ngược lại, bộ thứ hai này chỉ là sự khai triển của bộ thứ nhất. Ý kiến thứ hai xem ra có ưu thế hơn, vì chính quy tắc thứ nhất ở đây đã nhắc đến bộ quy tắc chọn lựa trong câu nói sau: "tôi phải chú ý đến bốn điều vốn đã được nói tới một phần trong đề tài về việc chọn lựa như sau" (338^{1b})

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
[2]Thứ nhất là tình yêu thúc đẩy tôi và khiến tôi làm việc bố thí phải đi xuống từ bên trên, từ tình yêu Thiên Chúa, Chúa chúng ta. [3]Vậy trước hết tôi phải cảm thấy trong lòng rằng, lòng yêu mến nhiều hay ít mà tôi có đối với những người ấy là vì Thiên Chúa, và rằng Thiên Chúa tỏa sáng trong động lực khiến tôi yêu mến họ hơn.	nói đến về đề tài chọn lựa. [2]Thứ nhất là tình yêu vốn thúc đẩy tôi phân phát của bố thí này phải xuống từ trên cao, từ tình yêu Thiên Chúa, [3]đến nỗi trước hết tôi cảm thấy rằng tình yêu và lòng quyến luyến này tôi dành cho họ trên hết phải vì Thiên Chúa và vì sự tỏ bày vinh quang Thiên Chúa.	ta sẽ phải chú ý đến bốn quy tắc mà chúng ta đã nói đến một phần ở chủ đề về những việc chọn lựa. [2]Vì thế, trước hết là quy tắc này: lòng quyến luyến của tôi với những người này phải đến trực tiếp từ tình yêu Thiên Chúa. [3]Tôi phải cảm nghiệm chắc chắn nơi tôi lòng yêu mến này như nguồn gốc và nguyên nhân của toàn bộ lòng quyến luyến mà tôi có đối với tất cả bà con và bạn hữu, và tôi phải làm

Quả vậy, trừ những quy tắc giống nhau ra, bộ quy tắc thứ nhất chỉ còn một ghi chú của riêng mình (188) và bộ quy tắc thứ hai còn lại chỉ một phần quy tắc đầu tiên (338[1]) và ba quy tắc cuối cùng mà thôi (342-344). Thực ra ghi chú ở bộ quy tắc chọn lựa quy về chính tiến trình chọn lựa phải làm (188) còn quy tắc thứ năm của việc bố thí muốn xác định rõ điều kiện phải có trong khi thực hiện việc bố thí: sự bình tâm (342). Như thế bộ quy tắc chỉ còn lại hai quy tắc sau cùng liên quan đến chủ thể (343) và lời mời gọi hoàn thiện ở bậc sống (344).

2 . Cấu trúc bộ quy tắc

Nhờ sự so sánh giữa hai bộ quy tắc với nhau, ta có thể tìm hiểu bộ quy tắc này khá dễ dàng. Vì ta được phép coi bộ quy tắc về việc bố thí này như thể khai triển bộ quy tắc về chọn lựa, nên chúng ta có thể phân chia bộ quy tắc này làm ba phần chính yếu. Hai phần đầu thuộc đời sống nhân bản, phân ba thuộc đới sống siêu nhiên:

- Phần một: những quy tắc về chính việc bố thí gồm năm quy tắc (338-342). Những quy tắc này hoàn toàn giống với những quy tắc chọn lựa trừ hai điều: quy tắc thứ năm ở đây (342) tương đương với ghi chú của bộ quy tắc chọn lựa (188) và bộ quy tắc này thêm phần đầu của quy tắc thứ nhất vốn xác định cảnh huống cho việc bố thí (338[1]).
- Phần hai: áp dụng việc bố thí vào chính chủ thể khi tiếp nhận sự bố thí (343).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		sao cho lý lẽ này bừng tỏa ra như nguyên lý trong việc làm hiện tại.
339. [1]*Quy tắc II*: tôi muốn nhìn xem một người tôi chưa hề gặp và cũng chẳng hề quen biết, [2]và khi ước ao cho người ấy được mọi sự hoàn thiện trong sứ vụ và bậc sống của họ. Lẽ ra tôi muốn người đó giữ mức trung dung như thế nào	**339.** [1]*Thứ hai*: tôi sẽ suy xét một người mà trước đây hoàn toàn tôi không biết đến [2]và là người tôi ước ao, chính tôi, cho người ấy được sự tiến bộ trọn vẹn trong tinh thần, trong bậc sống của người ấy. Tôi cũng sẽ suy xét điều đó: theo cách thức	**339.** [1]*Thứ hai*: tôi sẽ suy xét trường hợp mà một ai khác [2]tham khảo tôi về một việc làm thuộc loại này, người mà tôi phải ao ước cho họ một bậc sống hay một mức độ hoàn thiện như tôi: cách thực hiện nào mà lẽ ra chính tôi phải đề nghị cho

- Phần ba: lời mời gọi hoàn thiện trong bậc sống (344).

II. TÌM HIỂU NỘI DUNG

l. Phần thứ nhất

Như đã đối chiếu, chúng ta có thể tìm hiểu ba yếu tố cho phần thứ nhất như sau:

a/ Cảnh huống của việc bố thí (338[1])

Bố thí tự nó là một hành vi đức ái, nghĩa là hành vi cho không mà không mong được đền đáp lại, cho không đến nỗi chính bản thân cũng không được cho tay trái biết việc tay phải làm (Mt 6, 1-4). Và để cho việc bố thí mang đặc tính Ki-tô đích thực, chủ thể bị qui định bởi một điều kiện tiên quyết: tính vô vị lợi vốn giải phóng họ khỏi mọi thứ quyến luyến lệch lạc của tình cảm. Thế nên, cảnh huống được thánh I-nhã đặt ra ở đây chính là đối tượng mà việc bố thí dành cho. Đối tượng ấy không phải bất cứ ai, cũng không phải những kẻ xa lạ, nhưng là chính những người thân thuộc. Bởi lẽ chỉ với người thân thuộc: bà con, bạn bè hay người tôi quí mến (A), hoặc thêm người quen biết (P) trong mối dây gia đình và tình bạn (V) mà lòng quyến luyến bị đặt ra, khiến việc bố thí không còn mang tính nhưng không như người xa lạ. Mà vấn đề đặt ra ở đây là nhằm giải quyết lòng quyến luyến ấy.

Đây cũng là điều thánh I-nhã đề ra cho những ứng viên muốn vào Dòng. Họ phải giải quyết vấn đề tài sản ít nhất trước khi hết thời kỳ huấn luyện bằng cách phân phát cho người nghèo để nêu gương sáng và trút bỏ mọi tình yêu lệch lạc đối với gia đình mà làm việc bố thí không đúng chỗ (HP. 54). "Tuy nhiên, có thể có người phân vân, tự hỏi cho hoặc nhường lại cho người nhà thì hoàn thiện hơn chăng, vì người nhà cũng cần bằng hay hơn người khác, hoặc vì lý do chính đáng khác. Dầu sao, vì tình máu mủ ruột thịt có nguy cơ làm cho họ bị sai lầm khi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
trong cách phân phát để làm vinh danh Thiên Chúa, Chúa chúng ta hơn, và để linh hồn họ được hoàn thiện hơn. [3]Và tôi, khi làm như vậy, không hơn không kém, tôi sẽ tuân thủ quy tắc và tiêu chuẩn mà tôi mong muốn và xét là như vậy.	mà chính tôi lẽ ra ao ước rằng người này phân chia và phân phát tiền của của mình là nhằm làm vinh danh Thiên Chúa toàn năng hơn và nhằm sự tiến bộ riêng tư của mình, [3]cùng một cách thức ấy, tôi sẽ cố gắng thực hiện, cũng bằng cách tuân thủ	người ấy, nhằm phân phối của bố thí này, thì chính tôi, tôi phải tuân giữ điều ấy.

phán đoán, họ phải sẵn lòng chấp nhận trao sự việc cho một, hai hoặc ba người được chọn vì đức hạnh và học thức, mỗi người sẽ được chỉ định với sự phê chuẩn của bề trên, và coi điều những người này phán quyết là hoàn hảo hơn và tôn vinh Chúa chúng ta là Đức Ki-tô hơn"(HP. 55). Sở dĩ phải tiến hành như thế vì mục tiêu nhằm bảo vệ tính nhưng không và đào thải lòng quyến luyến lệch lạc cách triệt để bao nhiêu có thể. Nếu của cải trần thế có nguy cơ như vậy, thì hơn thế đối với của cải thiêng liêng khi người ta muốn giúp nhau hoàn thiện.

b/ Thi hành việc bố thí (338^{2}-342^{2})

Tiến trình thi hành việc bố thí được nói ở đây. Tiến trình gồm năm quy tắc vốn tương ứng với bốn quy tắc và một ghi chú của việc chọn lựa (184-188). Đối chiếu từ việc chọn lựa, ta có thể thấy việc thi hành này có ba yếu tố: Nguyên tắc nền tảng (338^{2-3}); điều kiện bình tâm (339-341) và duyệt xét lại điều kiện ấy (342).

- Nguyên tắc nền tảng (338^{2-3}): Nguyên tắc nền tảng này giống như nguyên tắc nền tảng của việc chọn lựa bậc sống (184) mà chỉ thay đổi vấn đề: một bên là bố thí còn một bên là chọn lựa. Tuy nhiên, bản A và P ở đây xác định điểm khởi nguồn của việc bố thí là chính Thiên Chúa, từ lòng yêu mến Thiên Chúa (338^{2-3}) và từ điểm khởi đó, quy tắc thứ nhất về bố thí chuyển sang tình yêu với người mà chủ thể muốn bố thí, nghĩa là lòng yêu mến nhiều hay ít mà chủ thể dành cho họ phải vì Thiên Chúa và bày tỏ vinh quang Thiên Chúa (338^{3}). Quy tắc về việc chọn lựa có điểm khởi về một chọn lựa nào đó khởi đi từ tình yêu Thiên Chúa như trên, và tiếp theo vẫn lặp lại điều chủ thể chọn lựa để "chủ thể phải nghiệm thấy tình yêu của họ nhiều hay ít đối với điều họ chọn lựa hoàn toàn hướng về Thiên Chúa" (184).

Bản V đi theo một ý hướng khác: cả điểm khởi nguồn của việc bố thí lẫn áp dụng vào sự cảm nghiệm của chủ thể đều khởi đi từ Thiên Chúa và nhắm vào lòng yêu mến hay lòng quyến luyến của chủ thể đối với người mà họ muốn bố thí. Vì bản văn nói: "lòng quyến luyến của tôi với những người này phải đến trực tiếp từ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	cho mình, chính quy tắc mà tôi xét là ích lợi cho những người khác.	
340. [1]*Quy tắc III*: Tôi muốn suy xét như tôi đang ở vào lúc nguy tử, xét xem hình thức và quy chuẩn lúc ấy lẽ ra tôi muốn mình đã giữ trong công việc quản trị của tôi thế nào; [2]và một khi khuân theo đó, tôi tuân thủ như thế nơi mỗi hành	**340.** [1]*Thứ ba*. Tôi sẽ suy xét chính tôi đang gần kề với cái chết; và qui chuẩn và hình thức lẽ ra tôi đã muốn tuân theo để phân phối và quản trị tiền bạc của mình thế nào, [2]bây giờ tôi sẽ cố gắng tuân giữ điều ấy.	**340.** [1]*Thứ ba*: Nếu sự kết liễu đời sống tôi bây giờ đã gần kề, tôi sẽ suy nghĩ về điều mà lẽ ra trước tất cả, tôi đã thực hiện xong về điều đó. [2]Vì thế chính tôi cũng thế, tôi phải tuân thủ điều đó

Thiên Chúa. Tôi phải cảm nghiệm nơi tôi lòng yêu mến này như nguồn gốc và nguyên nhân của toàn bộ lòng quyến luyến mà tôi có đối với tất cả bà con và bạn bè, và tôi phải thực hiện đến nỗi, trong công việc hiện tại, lý lẽ này phải toả chiếu như là chính yếu". Làm như thế, V tập trung vào chính lòng quyến luyến dành cho những người thân thuộc hơn.

Ta đã tìm hiểu ý nghĩa quy tắc này trong việc chọn lựa và nhận thấy rằng nó là quy tắc nền tảng khi chủ thể nhận biết Thiên Chúa là cứu cánh của mình nhờ viễn tượng hậu nghiệm, nghĩa là qua Linh Thao, chủ thể nhận biết những ơn huệ Thiên Chúa dành cho mình quá lớn lao khiến họ phải thực hiện việc chọn lựa theo ý Ngài muốn để đáp lại tình yêu Ngài, một việc chọn lựa đòi hỏi sự bình tâm mới có thể nhận thấy và thi hành ý muốn Thiên Chúa. Thế nên đây là một việc chọn lựa tự nhiên dựa vào lý trí *(x. chú giải chọn lựa cách thứ hai của thì thứ ba, từ số 184-188).* Ở đây cũng vậy, cả việc bố thí lẫn người được bố thí đều được nhìn dưới viễn tượng tình yêu Thiên Chúa. Việc bố thí được nhìn dưới khía cạnh này vì nó biểu lộ cụ thể tình yêu Chúa ban cho họ (A,P), còn người được bố thí cũng được nhìn như thế để chủ thể biết vượt thắng lòng quyến luyến lệch lạc đối với người thân thuộc nhờ đó họ thực hiện việc bố thí dưới cái nhìn của Chúa bằng sự bình tâm (A,P,V).

- Điều kiện bình tâm (339-341): Cũng như ở việc chọn lựa, ở đây thánh I-nhã cũng đề nghị chủ thể làm việc bố thí phải tìm kiếm cho mình sự bình tâm đích thực cách gián tiếp qua ba quy tắc khách quan hoá: nơi một người khác (339 # 185) và nơi chính mình vào lúc nguy tử hay vào ngày phán xét (340-341 # 186-187). Tuy nhiên có một số yếu tố khác biệt như sau:

Khi khách quan hoá nơi một người khác, trước hết hai bản A và P trung thành với

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vi phân phát của tôi.		
341. [1]*Quy tắc IV*: nhìn xem xem tôi sẽ như thế nào trong ngày phán xét, và suy nghĩ kỹ xem lẽ ra lúc đó tôi muốn mình đã thi hành công việc và đảm nhận sứ vụ như thế nào. [2]Và quy tắc mà lúc đó tôi muốn mình đã tuân theo, tôi giữ ngay bây giờ.	**341.** [1]*Thứ bốn*: tôi suy xét chính tôi đang hiện diện trước sự xét xử sau cùng của Thiên Chúa, và tôi sẽ suy nghĩ cẩn thận cách thức lẽ ra tôi đã muốn thực hiện việc phân chia và hoàn thành sứ vụ này rồi; [2]và chính vì am hợp với điều lúc đó tôi xét là hoàn hảo hơn và ích lợi hơn mà bây giờ tôi lo hành động.	**341.** [1]*Thứ bốn*: tôi sẽ tiên liệu tương tự điều mà, vào ngày phán xét, lẽ ra tôi ưu tiên đã thực hiện về công việc này rồi; [2]thì cũng thế đó chính là điều tôi sẽ chọn lựa lúc này mà không do dự.
342. [1]*Quy tắc V*: khi người nào tự cảm thấy nghiêng chiều và quyến luyến với người mình muốn phân phát cho, [2]hãy dừng lại và nghiền gẫm kỹ bốn quy tắc đã nói ở trên, để xét xem và thẩm định lại cảm tình của mình theo các quy tắc đó; [3]và không được phân phát của bố thí trước khi hoàn toàn xa rời và loại bỏ tình cảm lệch lạc ấy, theo đúng những quy tắc trên đây.	**342.** [1]*Thứ năm*: khi người ta cảm thấy mình bị lôi kéo bởi một sự quyến luyến nào đó về phía những người khác để có lợi cho kẻ mình muốn phân chia của bố thí, [2]trước hết ta dừng lại nơi chính mình và sẽ nghiền ngẫm cách cẩn thận bốn quy tắc trên, bằng cách suy xét lòng quyến luyến của mình theo những quy tắc đó; [3]và ta sẽ không làm việc bố thí bao lâu nhận thấy rằng mọi quyến luyến lệch lạc về	**342.** [1]*Thứ năm*: mỗi khi tôi cảm thấy rằng lòng quyến luyến của tôi hướng tôi nghiêng nhiều hơn về những người vốn được liên kết với tôi bằng một mối giây nhân loại, [2]tôi sẽ cân nhắc cách cẩn thận bốn quy tắc trên đây và tôi sẽ suy xét lòng quyến luyến của tôi theo những quy tắc ấy, [3]mà không suy nghĩ chút gì về việc bố thí hay về việc phân phát phải làm cho đến khi tôi loại bỏ khỏi linh hồn tôi mọi điều

quy tắc về chọn lựa khi đề nghị chủ thể tưởng tượng ra một người hoàn toàn xa lạ, trong khi bản V bỏ ý niệm về "người bạn thân thiết" đối với chủ thể (x. 185[1]) mà trung lập hoá bằng ý niệm người khác (339[2]); thứ đến, cả ba bản văn ở trên đều đặt việc bố thí vào trong bối cảnh cụ thể của chủ thể về một bậc sống (339[1]) trong khi bối cảnh này nơi việc chọn lựa không hề được nói đến vì mục đích việc chọn lựa, tức là để hướng về một bậc sống (339[2]) chứ không phải để diễn đạt

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	công việc này chưa được loại bỏ đi.	không ngay thẳng nơi nó.
343. [1]*Quy tắc VI*: không có lỗi gì khi lấy của cải của Thiên Chúa mà đem phân phát nếu ta đã được Thiên Chúa và Chúa chúng ta gọi vào sứ vụ ấy, [2]nhưng về tỉ lệ và số lượng lấy ra từ những của cải dành cho người khác mà chi dụng cho chính mình, thì có thể có lỗi phạm và lạm dụng. [3]Vậy có thể tự canh tân trong đời sống và bậc sống của mình nhờ những quy tắc nói trên.	**343.** [1]*Thứ sáu*: cho dù không có bất cứ một tội nào khi lấy của cải của Chúa là Thiên Chúa mà đem phân phát, khi người ta được Thiên Chúa kêu gọi vào sứ vụ này, [2]tuy nhiên, về số lượng của cải phải được chi ra và về số lượng phải được chi dụng cho chính mình trong số những của cải mình đã nhận được để phân chia cho những người khác, có thể xảy ra lỗi phạm và lạm dụng; [3]vì thế người ta có thể tự canh tân bậc sống của mình, bằng cách đặt trước mắt bốn quy tắc đã được đưa ra khi xét mình theo những quy tắc ấy.	**343.** [1]*Thứ sáu*: mặc dù những tài sản được dành vào việc phụng sự Thiên Chúa và vào việc chi dùng của Giáo Hội, có thể được sử dụng để được phân phát bởi người được gọi đảm nhận sứ vụ này mà không có sai lầm nào, [2]tuy nhiên, khi ta phải xác định phần chính đáng cho việc chi tiêu cá nhân, số đông thường gặp bối rối về sự lạm dụng trong việc trích ra như thế; [3]Cần phải xếp đặt cách ngay thẳng bậc sống của mình cho am hợp với những quy tắc đã nói ở trên.
344. [1]*Quy tắc VII*: vì các	**344.** [1]*Thứ bảy*: vì những lý	**344.** [1]*Thứ bảy*. Vì những

một bậc sống nào cụ thể; và sau cùng lời khuyên phải thực hiện trong A có thêm từ ngữ "trung dung" vốn không có ở những nơi khác (339[3]). Rất có thể từ ngữ này liên quan đến việc điều chỉnh trong việc ăn uống (210-217) vốn được thực hiện sau cuộc chọn lựa (169-188). Sự liên tưởng này cho phép ta chú ý một cách đặc biệt đến những người đã thực hiện việc chọn lựa. Vì việc bố thí được thực hiện sau việc chọn lựa biểu thị đúng mức độ và ý hướng hoàn thiện của chủ thể trong chính bậc sống của mình.

Trong những quy tắc khách quan hoá nơi chính chủ thể vào những giờ phút mà việc quyết định được đạt đến sự bình tâm nhất của sự chết và phán xét, các bản văn ở đây chỉ chuyển dời đề tài từ việc chọn lựa sang bố thí mà thôi (x. 185-187).

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
lý do đã nói trên và nhiều lý do khác, bao giờ điều tốt hơn và chắc chắn hơn về những gì liên quan tới bản thân và tình trạng nhà cửa vẫn là hạn chế càng nhiều và giảm bớt càng nhiều càng hay, [2]và gắng tiến gần tới vị Linh Mục Thượng Phẩm, là khuôn mẫu và quy chuẩn của chúng ta, Đức Ki-tô, Chúa chúng ta. [3]Theo ý đó, Đệ Tam Công Đồng Carthago (có thánh Au-gút-ti-nô dự) đã quyết	do đã được nêu trên và vì một số lớn những lý do khác, điều tốt hơn và chắc chắn hơn, về những điều liên quan đến mình và đến nhà cửa của mình, [2]là hạn chế và giảm bớt bao nhiêu có thể, và cố gắng tiến gần đến vị Linh Mục Thượng Phẩm của chúng ta, Đức Giê-su Ki-tô, là khuôn mẫu và gương soi của tất cả cuộc sống chúng ta. [3]Theo như giáo huấn này, Công Đồng Carthage đệ tam (ở đó thánh Au-gút-ti-nô đã	lý do đã nói và vì nhiều lý do khác, trong việc quản trị liên quan đến mỗi cá nhân, hoàn cảnh, nhà cửa, gia nhân của chúng ta, thì điều tốt nhất và chắc chắn nhất cho người đảm nhận việc phân chia tài sản của mình là, [2]xa tránh khỏi sự sung túc bao nhiêu có thể và theo sát mẫu mực của Chúa Giê-su Ki-tô, Linh Mục Thượng Phẩm của chúng ta. [3]Chính vì thế mà, trong Công Đồng Carthage Đệ Tam, nơi

c/ Xác định điều kiện bình tâm (342)

Quy tắc này liên hệ với ghi chú trong việc chọn lựa (188), nhưng trong khi ghi chú ấy dẫn chủ thể về chính việc chọn lựa theo như tiến trình của cách thứ nhất sau khi đã có đủ nguyên tắc và điều kiện cho việc chọn lựa (181-183), thì quy tắc này lại tra vấn chủ thể một lần nữa về chính sự bình tâm xét như điều kiện phải có cho việc bố thí này.

Sự tra hỏi này được đề nghị cho những người không đạt tới sự bình tâm mà nghiêng chiều (A) hay bị lôi kéo (P) đến sự quyến luyến với người mình muốn phân phát, nghĩa là để có lợi cho người ấy (P) qua một mối giây nhân loại (V), thánh I-nhã đòi buộc họ phải dừng lại nơi chính mình (P) để nghiền ngẫm hay suy nghĩ (P,A) hoặc cân nhắc (V) cách cẩn thận bốn quy tắc ở trên, để suy xét lòng quyến luyến của mình (P,V) hay xem xét và thẩm định tình cảm của mình (A) dựa vào các quy tắc đó. Và chỉ làm việc bố thí này sau khi đã hoàn toàn xa rời lòng quyến luyến hay tình cảm lệch lạc ấy.

2/ Phần thứ hai (343)

Quy tắc kế chót đề cập đến hai thực trạng của chủ thể về vấn đề sử dụng của cải « bố thí » vốn cũng liên can những quy tắc về chọn lựa và vẫn đòi điều kiện bình tâm nhưng không phải đối với người khác mà với chính bản thân mình.

Thực trạng này nhằm ngăn ngừa những sự lạm dụng không phải về của cải của chủ thể, nhưng là của Thiên Chúa. Bản V còn thêm vào cả những tài sản dành

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
định và chỉ thị rằng, đồ đạc trong nhà của giám mục phải tầm thường và nghèo nàn. [4]Cần phải suy xét như thế trong mọi cách sống, bằng cách xem xét và thích nghi với hoàn cảnh và bậc sống của người ta; [5]như trong bậc hôn nhân, chúng ta lấy gương thánh Gioakim và An-na đã chia gia sản làm ba phần: [6]các ngài đã chia phần thứ nhất cho người	tham dự) xác định và ra lệnh rằng đồ đạc trong nhà của vị giám mục phải là tầm thường và nghèo nàn, [4]người ta phải thực hiện cùng một suy xét này về những lối sống khác, bằng cách điều chỉnh và suy xét theo hoàn cảnh của những người phải làm điều đó; [5]cũng thế, những người được liên kết bằng giây hôn nhân phải lấy thánh Gio-a-kim và An-	thánh Au-gút-ti-nô đã tham dự, sắc lệnh đã được ban rằng đồ đạc trong nhà của giám mục phải tầm thường và nghèo nàn. [4]Điều thích hợp là thực hiện cùng một điều như thế trong mọi bậc sống và kiểu sống, trong khi quan tâm đến tất cả mọi người và mọi bậc sống. [5]Như trong bậc hôn nhân, thánh Gio-a-kim và thánh An-na đã nêu gương: hằng năm,

vào việc chi dụng của Giáo Hội nữa (343[1b]). Đối với những người được trao cho sứ mạng phân phát những của cải đó, họ được phép làm việc phân phát mà không hề mắc lỗi hoặc sai phạm nào.

Tuy nhiên, sẽ có thể có lỗi phạm và lạm dụng (A,P) hay có thể gặp bối rối (V) khi đem của cải ấy ra mà chi dụng cho chính mình. Và đây là việc chi dụng hợp lý khi việc rút ra có được một tỷ lệ thích hợp và cân xứng. Bản V gọi đó là phần chính đáng cho việc chi tiêu cá nhân (343[2]). Sở dĩ những hiện tượng đó có thể xảy ra vì chắc chắn có sự quyến luyến vốn không phải dành cho người khác như những quy tắc về bố thí ở trên, mà là sự quyến dành cho chính chủ thể, đặc biệt trong điều liên quan đến của cải thiêng liêng của chính mình mà người khác vạch ra cho mình: nết xấu, nhân đức v.v... mà người khác nói về mình.

Để giải phóng mình khỏi lòng quyến luyến lệch lạc này, thánh I-nhã đòi hỏi họ phải đem những quy tắc ở trên ra để suy xét và dựa vào đó mà canh tân đời sống và bậc sống cho am hợp (A, V). Bản P còn xác định rõ bốn quy tắc ở trên là cơ sở không những để chủ thể tự canh tân mà còn để xét mình nữa (343[3]).

3. Phần thứ ba (344)

Thực trạng này được dành để chỉ dẫn cách thức quản lý của cải. Bản V xác định rõ công việc quản lý đó chính là việc phân chia tài sản của chủ thể (344[1b]). Thánh I-nhã đưa ra cho chúng ta một nguyên tắc rất cụ thể về việc chi dụng của cải đối với những điều liên quan đến bản thân và nhà cửa của mình (A,P,V) và cả gia nhân (V) vào việc suy xét này (344[1a]). Nguyên tắc cho thấy trong thực hành người ta càng hạn chế và giảm bớt nhiều bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nghèo; phần thứ hai cho sứ vụ và việc phượng tự ở Đền Thờ; phần thứ ba cho cuộc sống của chính mình và gia đình mình.	na làm khuôn mẫu và gương soi, các ngài đã phân chia của cải của các ngài làm ba phần: [6]các ngài phân phát phần thứ nhất cho những người nghèo, đã sắp xếp phần thứ hai vào công việc phụng sự và tác vụ trong Đền Thờ, và giữ lại phần thứ ba vào cuộc sống và gia đình các ngài.	phân chia của cải làm ba phần, [6]các ngài phân phát một phần cho người nghèo, phần thứ hai dâng hiến vào việc phụng tự trong Đền thờ và việc thờ phượng Thiên Chúa và sau cùng dành phần thứ ba vào những nhu cầu của mình.

(A,P) và trong mục đích, người ta phải xa tránh sự sung túc bao nhiêu có thể (V) trong việc chi dụng này (344[2]). Hạn chế hay giảm bớt trong chi dụng chắc chắn liên quan đến lòng quyến luyến lệch lạc đối với chính bản thân mình và là cách thức hành động để chống lại lòng quyến luyến ấy.

Để cụ thể hoá, thánh I-nhã lấy chính Đức Ki-tô Chúa chúng ta làm mẫu mực và qui chuẩn để soi chiếu. Vì Ngài là vị Linh Mục Thượng Phẩm nên lối sống của chúng ta phải tiến gần đến Ngài (A,P) và theo sát Ngài (V). Từ mẫu gương sống động này mà thánh I-nhã đưa ra hai áp dụng:

Trước hết, ngài trưng dẫn một điều khoản của Công Đồng Carthago III nói về đời sống thanh đạm phải có của các Giám mục: Đồ đạc trong nhà của các ngài phải tầm thường và nghèo khó (344[3]). Điều khoản này được Công Đồng Trento nhắc lại và trích dẫn từ Công Đồng Carthago IV chứ không phải Công Đồng Carthago III *(Ignace de Loyola, Ecrits, sách đã dẫn tr. 241).* Từ điều khoản nói về các giám mục này mà thánh I-nhã mở rộng ra với tất cả những người sống trong những bậc sống khác - Thứ đến, ngài trưng dẫn một mẫu gương sống động trong đời sống hôn nhân: việc quản trị tài sản của thánh Gioakim và An-na vốn được nói đến trong sách Vita Jesu Christi của Ludolphe (Vit II,2,7). Các ngài đã chia gia sản mình làm ba phần: một cho người nghèo, một cho việc phụng tự trong Đền Thờ và một cho mình và gia đình.

Tóm lại, Bộ quy tắc về việc bố thí đồng nhất với bộ quy tắc về chọn lựa ở năm quy tắc đầu tiên, vì ở đó thánh I-nhã giải quyết vấn đề quyến luyến lệch lạc của chủ thể dành cho người họ muốn bố thí. Tuy nhiên, bộ quy tắc này đi xa hơn bộ quy tắc về chọn lựa ở hai quy tắc cuối cùng cũng để giải quyết vấn đề quyến luyến lệch lạc, nhưng không phải của chủ thể đối với người khác mà với chính mình, đồng thời mời họ tiến sâu vào mẫu gương sống động là Chúa Giêsu.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
345. NHỮNG GHI CHÚ SAU ĐÂY GIÚP CẢM THẤY VÀ HIỂU BIẾT NHỮNG BỐI RỐI CÙNG NHỮNG XÚI BẨY CỦA KẺ THÙ CHÚNG TA	**345.** NHỮNG CHÚ DẪN SAU ĐÂY ÍCH LỢI ĐỂ NHẬN ĐỊNH VÀ HIỂU BIẾT NHỮNG BỐI RỐI VÀ NHỮNG GỢI Ý CỦA SA-TAN.	**345.** MỘT SỐ NHỮNG ĐIỂM PHẢI GHI CHÚ ĐỂ NHẬN BIẾT NHỮNG BỐI RỐI MÀ QUỈ DỮ GỢI NÊN TRONG LINH HỒN
346. [1]*Ghi chú I*: ta thường gọi là bối rối điều gì xảy đến từ sự phán đoán và tự do của ta, nghĩa là khi ta tự ý cho là có tội một điều không phải là tội. [2]Chẳng hạn một người tình cờ dẫm lên một thánh giá do những cọng rơm làm thành, rồi do phán đoán riêng cho rằng mình đã phạm tội. Nhưng đúng ra đó chỉ là phán đoán sai lầm chứ không	**346.** [1]*Chú dẫn thứ nhất*: điểm chung con người thường gọi bối rối là sự nghi ngờ vốn phát sinh từ phán đoán riêng của ta và từ sự tự do của ta, nghĩa là một cách tự do, ta suy nghĩ là có tội điều không phải là tội; [2]cũng thế, nếu xảy ra cho một ai ngẫu nhiên đi đạp lên một thánh giá bằng cọng rơm, rồi bằng sự phán đoán riêng của mình,	**346.** [1]*Thứ nhất*: cách chung người ta nói là bối rối khi, bởi sự chuyển động riêng của ý chí tự do và bởi sự phán đoán, chúng ta kết luận điều gì đó là tội trong khi đó không phải là tội. [2]Thí dụ, nếu một ai nhận xét rằng, mình đã giẫm lên cây thánh giá được làm nên bởi cọng rơm trên đất khi đi đường, nên tự qui trách là có tội. Điều

C.II.6 BỘ GHI CHÚ 5 (6) VỀ BỐI RỐI

1. Nhận định tổng quát và lược đồ

- Vấn đề về bối rối nằm ở trong giữa hệ thống những "quy tắc" làm cho hệ thống này tuy được đặt ở phần cuối sách Linh Thao, nhưng lại không phải là phần phụ thuộc vì chúng nối kết với những bộ quy tắc về chọn lựa (184-188), về việc chỉnh đốn của sự ăn uống (210-214) ở trong Linh Thao. Vì những bộ quy tắc ở sau mỗi tuần giúp người làm Linh Thao tổ chức đời mình ngay trong Linh Thao để thực hiện sau Linh Thao.

Tuy nhiên, vấn đề bối rối lại không mang tựa đề của những "quy tắc" như những "bộ quy tắc" khác mà mang tựa đề như những "ghi chú" trong Linh Thao. Bản A viết: "những ghi chú dưới đây giúp tìm thấy và hiểu biết những bối rối cùng những xúi bẩy của kẻ thù chúng ta". Bản P gọi là những "chú dẫn" như vẫn gọi những "ghi chú" của A trong Linh Thao là "chú dẫn": "những chú dẫn sau đây ích lợi để nhận định và hiểu biết những bối rối và những gợi ý của Sa tan". Còn

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
phải là sự bối rối đúng nghĩa.	nghĩ rằng mình đã phạm tội; và thực đây là một phán đoán sai lầm và đích thực không phải là một sự bối rối.	đó không được gọi là một sự bối rối theo đúng nghĩa, nhưng đúng hơn là một sự phán đoán sai lầm.
347. [1]*Ghi chú II*: Khi tôi đã dẫm lên thánh giá, hoặc sau khi tôi đã suy nghĩ hay đã nói hay đã làm một điều gì khác, một ý tưởng cho rằng tôi đã phạm tội từ bên ngoài đến với tôi; và đàng khác, tôi lại thấy hình như tôi đã không phạm tội; [2]tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy phân vân về điều đó, nghĩa là có khi tôi nghi ngờ và có khi lại không nghi ngờ về điều ấy. Chính đó mới là bối rối và là chước cám dỗ mà kẻ thù bày ra.	**347.** [1]*Thứ hai*. Sau khi tôi đã giẫm chân lên thánh giá đó, hay sau khi tôi suy nghĩ hay nói hay làm một điều gì khác, một tư tưởng đến từ bên ngoài rằng tôi đã phạm tội, và mặt khác dường như tôi lại không phạm tội; [2]tuy nhiên tôi cảm thấy sự lo lắng, vì một mặt tôi nghi ngờ và mặt khác tôi không nghi ngờ; và điều này đích thực là một sự bối rối và là một sự gợi ý mà Sa-tan đưa vào.	**347.** [1]*Thứ hai*. Phải nói cách đích thực là bối rối mỗi lần mà, sau khi giẫm lên một thánh giá theo loại đó, hoặc sau một tư tưởng, một lời nói hay một hành động thì từ bên ngoài, sự nghi ngờ đã phạm tội phát sinh ra nơi chúng ta. [2]Mặt khác, xuất hiện trong hồn chúng ta rằng chúng ta đã không hoàn toàn phạm tội, tuy nhiên chúng ta cảm thấy một sự do dự và một sự xáo trộn trong linh hồn, vốn bị gợi ra bởi quỉ dữ.
348. [1]*Ghi chú III*: loại bối rối thứ nhất của ghi chú thứ nhất đáng khinh chê hẳn, vì nó là sự sai lầm hoàn toàn. Nhưng	**348.** [1]*Thứ ba*: sự bối rối thứ nhất được mô tả trong chú dẫn thứ nhất hoàn toàn đáng phải ghét bỏ, vì nó đầy dẫy sai lầm.	**348.** [1]*Thứ ba*: ta phải thực sự khinh chê loại bối rối thứ nhất, vốn được nêu danh cách lầm lẫn, vì hoàn toàn sai lầm. Về

lại bản V sử dụng động từ ghi chú: "một số điều phải ghi chú để nhận biết những bối rối mà quỉ dữ gợi lên trong tâm hồn" (345). Như vậy, tuy thuộc về một loại khí cụ của Linh Thao, nhưng một khi thánh I-nhã lại đặt khí cụ này lọt thỏm vào một rừng khí cụ khác chắc hẳn là ngài có một dụng ý nào đó. Có thể nói, trong hệ thống khí cụ, khí cụ "ghi chú" là thành phần của khí cụ "qui tắc"

- Lược đồ của các ghi chú về bối rối được chia làm hai phần:
  + Định nghĩa và xác định vấn đề bối rối (346-348)
  + Chiến thuật của kẻ thù và cách hành xử trong bối rối (349-351)

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
loại thứ hai của ghi chú thứ hai, trong một khoảng thời gian nào đó, lại giúp ích không ít cho linh hồn vốn chuyên chăm vào những việc thao luyện thiêng liêng, [2]vì điều ấy thanh tẩy và rửa sạch linh hồn đó rất nhiều, bằng cách giúp nó xa lánh biết bao tất cả những gì có vẻ là tội, theo như lời thánh Grê-gô-ri-ô: "Đặc điểm của các linh hồn lành thánh là xem thấy lỗi nơi không có lỗi gì cả."	Loại thứ hai, mà người ta đã nói ở chú dẫn thứ hai, chắc chắn có ích lợi không phải là ít, trong một khoảng thời gian nào đó, đối với người hoàn toàn dấn thân vào những cuộc thao luyện thiêng liêng. [2]Vì nó thanh tẩy và rửa sạch linh hồn, bằng cách làm cho linh hồn thoát khỏi tất cả điều gì có vẻ là tội, theo như lời của thánh Grê-gô-ri-ô: "Đặc điểm của linh hồn lành thánh là xem thấy lỗi nơi không có lỗi gì."	loại thứ hai, trong khoảng một thời gian nào đó (nhất là khi người ta mới dấn thân trong một cuộc sống tốt hơn), nó giúp ích không ít cho linh hồn chuyên chăm vào những việc thiêng liêng, [2]vì loại bối rối này thanh tẩy linh hồn cách đáng ngạc nhiên và giúp nó xa lánh tất cả những gì có vẻ là tội, theo như lời thánh Grê-gô-ri-ô: "đặc điểm của linh hồn lành thánh là xem thấy lỗi nơi không có một chút lỗi nào."
349. [1]*Ghi chú IV*: Kẻ thù thường nhìn ngắm kỹ coi linh hồn thô thiển hay tế nhị. Nếu tế nhị, nó cố làm cho tế nhị hơn nữa, tới mức thái quá, để làm cho linh hồn ấy bối rối và rối loạn hơn nữa. [2]Thí dụ nếu trước kia nó thấy một linh hồn không chịu chiều theo một tội trọng cũng như một tội nhẹ, và cả đến những gì có dáng vẻ của một tội cố tình; [3]lúc ấy, kẻ thù, vì không	**349.** [1]*Thứ bốn*. Sa-tan xem xét cách cẩn thận xem linh hồn mà nó muốn cám dỗ là gì, nghĩa là xem linh hồn đó có lương tâm tế nhị hay thô thiển. Nếu nó tìm ra một linh hồn có lương tâm tế nhị, nó tìm cách làm cho linh hồn ấy thêm tế nhị nhiều hơn, bằng cách đẩy nó đến cùng cực, để làm cho nó rối loạn và lo lắng nhiều hơn. [2]Thí dụ, nếu nó thấy một người không thuận lòng với một tội	**349.** [1]*Thứ tư*. Kẻ thù có thói quen thường xét xem lương tâm của mỗi linh hồn như thế nào, nó đúng là thô thiển hay tế nhị. Và nếu khám phá đó là một linh hồn tế nhị, nó làm cho linh hồn ấy càng thêm tế nhị hơn và dẫn linh hồn ấy đến mức cực đoan của sự xao xuyến để, một khi linh hồn ấy bị xáo trộn một cách sâu xa, sau cùng nó xoay chuyển linh hồn ấy khỏi mọi sự tiến bộ thiêng liêng. [2]Như

2. Xác định và định nghĩa về bối rối (346-348)

a/ Tổng quát:

Đọc các "ghi chú" hay "chú dẫn" này, chúng ta có cảm tưởng như đây là một số ghi nhận bổ túc cho cách hành xử trước chiến thuật của kẻ thù trong hai bộ quy tắc nhận định thần loại đối với những người có sự nhậy bén về đời sống luân lý và thiêng liêng. Điều này đã gây ra nơi chính bản thân thánh I-nhã trong giai

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thể làm cho linh hồn sa ngã vào điều gì có vẻ là tội, cố xúi linh hồn tưởng là có tội khi không phải là tội, như trong lời nói hay tư tưởng rất nhỏ nhặt. [4]Nếu linh hồn thô thiển, kẻ thù cố gắng làm cho ra thô thiển hơn, [5]thí dụ nếu trước kia không coi các tội nhẹ là gì, nó cố xui cho coi thường cả tội trọng, và nếu trước kia linh hồn coi tội nhẹ có một chút gì đó, thì nó cố xui cho giảm khinh đi nhiều hoặc coi chẳng còn gì cả.	nào, cả tội trọng lẫn tội nhẹ, cả đến bất cứ điều gì khác có vẻ là tội, [3]khi đó, vì nó không thể đưa linh hồn ấy rơi vào điều gì giống như một tội, Sa-tan làm mọi sự để ít ra một phán đoán sai lầm được hình thành, theo đó ta sẽ coi có tội ở nơi không có, như vào trường hợp một lời nói hay một tư tưởng không quan trọng. [4]Nếu một linh hồn có một lương tâm thô thiển một chút nào đó, Sa-tan làm mọi cách cho linh hồn thêm thô thiển hơn, [5]thí dụ, nếu trước đây linh hồn không coi các tội nhẹ là gì, nó dẫn dắt linh hồn cũng không coi cả các tội trọng là gì; và nếu trước đây linh hồn	thế, khi nó biết rằng một linh hồn không ưng thuận với bất cứ tội lỗi nào, cả tội trọng lẫn tội nhẹ, hơn nữa, rằng linh hồn đó không thể dung thứ cả đến bóng dáng (có thể nói như thế) của một tội cố tình, [3]thì, vì nó không thể đề nghị cho linh hồn ấy một điều gì thực sự là tội, nó gắng sức đưa dẫn linh hồn ấy đến chỗ tin rằng, đối với mình, là tội điều thực sự lại không phải là tội, thí dụ về một lời nói hay một tư tưởng bất thình lình không quan trọng. [4]Ngược lại, nếu đó là linh hồn hay lương tâm thô thiển, nó lại cố gắng làm cho linh hồn ấy thô thiển hơn, [5]đến nỗi linh hồn đó trước đây vốn lơ

đoạn thanh luyện ở Manresa. Ngài gặp bối rối như thể không được ơn tha thứ đến nỗi rơi vào tuyệt vọng và muốn tự tử (TT. 24). Nếu có một sự liên quan như thế thì vấn đề về bối rối được coi là ghi chú của những quy tắc nhận định thần loại ở trên mà thôi. Nhưng nếu thế, sao thánh I-nhã không đặt hệ thống "ghi chú" này sau hai bộ quy tắc nhận định thần loại, mà lại đặt nó sau cả những quy tắc bố thí?

Ta thấy, ý niệm về bối rối thật sự bổ túc cho những quy tắc nhận đinh thần loại. Bởi lẽ ở điểm nào người ta cần đến việc nhận định? Thưa chính là khi chủ thể ở trong tình huống bung xung không rõ ràng, một tình trạng rối như tơ vò. Bối rối và việc nhận định thần loại có điểm chung đó. Tuy nhiên đặc tính bung xung không rõ ràng ở việc nhận định thần loại và ở sự bối rối hoàn toàn khác nhau. Tính bung xung không rõ ràng của việc nhận định thần lọai hệ ở những khách thể, nơi đó những tác nhân đối nghịch nhau can dự và tác động trên chủ thể bằng những dụ dỗ hay lời khuyên đối nghịch nhau vốn tạo nên tâm tình hỗn mang khiến chủ thể phải ra công phân định về khách thể đó. Ngược lại tính bung xung không rõ ràng của sự bối rối lại hệ ở chính chủ thể: chủ thể không nhận thức rõ ràng về một thực tại, một biến cố cho dù rất minh nhiên và bị kẻ thù lợi dụng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	coi các tội trọng này ít quan trọng, thì nó dẫn linh hồn đó coi chúng chẳng còn chút gì quan trọng.	là với những tội nhẹ thì bây giờ, cũng xem thường những tội trọng và linh hồn ấy càng ngày càng ít để tâm đến những tội trọng ấy.
350. [1]*Ghi chú V*: Linh hồn muốn tiến tới trong đàng thiêng liêng bao giờ cũng phải xử sự theo cách ngược lại với cách thức của kẻ thù xử sự, [2]nghĩa là nếu kẻ thù muốn làm cho linh hồn ra thô thiển hơn, thì phải gắng trở nên tế nhị hơn. [3]Cũng vậy, nếu kẻ thù muốn làm cho linh hồn ra tinh tế để dẫn nó tới thái quá, thì linh hồn phải gắng giữ vững trong mức trung dung để được	**350.** [1]*Thứ năm*. Linh hồn muốn làm phát sinh hoa trái trong đời sống thiêng liêng phải luôn tiến bước theo cách thức ngược lại với cách thức của Sa-tan; [2]thí dụ, nếu Sa-tan làm mọi cách để cho lương tâm nên thô thiển hơn, ta phải tìm mọi cách để làm cho nó ngày càng trở nên tế nhị hơn; [3]cũng thế,, nếu Sa-tan thử làm cho linh hồn tinh tế và làm cho nó trở nên tế nhị hơn theo cách thức không chính đáng và thái quá, linh hồn sẽ làm tất cả để	**350.** [1]*Thứ năm*. Để linh hồn có thể tiến bộ trong con đường thiêng liêng, thiết yếu là nó phải đi ngược lại chiều hướng mà kẻ thù cố lôi kéo mình về nơi đó. [2]Nếu chính nó, nó cố gắng, làm cho lương tâm nên phóng khoáng hơn, thì linh hồn phải làm cho mình thêm chặt chẽ hơn. [3]Ngược lại, linh hồn phải làm cho lương tâm rộng rãi ra nếu quỉ dữ muốn siết chặt nó quá.Thật vậy, xảy ra là khi tránh

xâm nhập vào để khuynh đảo chủ thể.

Ta cũng nên đưa ra một nhận định cần thiết để tìm ra vị trí cho vấn đề bối rối này: Nếu hiểu rằng tính không rõ ràng của bối rối ở đây hệ ở chủ thể cho dù những yếu tố khách thể rõ ràng và minh bạch đi chăng nữa, thì thánh I-nhã đặt vấn đề bối rối ở đây, vốn được coi như là "ghi chú" (A), "chú dẫn" (P) và những điều "phải ghi chú" (V) lại rất hợp lý. Vì khi được đặt ở giữa hai bộ quy tắc về Bố Thí (337-344) và về việc Có Cùng Cảm Nghĩ Trong Giáo Hội (352-370) vấn đề này trở nên ghi chú hay chú dẫn cho không chỉ hai bộ nhận định thần loại mả cả hai bộ quy tắc trên để chủ thể tìm được sự chính xác cả về mặt chủ quan mà hành động khi người ta gặp bối rối trước các quy tắc hướng dẫn khách quan trên.

b/ Áp dụng vấn đề

Từ ý niệm tổng quát này có thể xác định phạm vi và định nghĩa về bối rối.

- Trước hết không phải là bối rối (346 và 348[1a]): người ta thường lẫn lộn để qui gán một phán đoán sai lầm là bối rối, nghĩa là tự ý phán đoán một điều có tội là không tội hay ngược lại một điều không tội là có tội. Đây không phải là bối

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
an tĩnh hoàn toàn.	giữ vững trong mức trung dung, để được an tĩnh hoàn toàn.	khỏi những nguy hiểm về hai thái cực, chính linh hồn luôn được ở trong mức trung dung của tình trạng an tĩnh và bình yên.
351. [1]*Ghi chú VI*: Đôi khi linh hồn ngay lành muốn nói hay làm điều gì am hợp với Giáo Hội, với sự hiểu biết của các Bề Trên chúng ta, mà là điều làm sáng danh Thiên Chúa, Chúa chúng ta, [2]và từ bên ngoài đưa tới ý tưởng hay cám dỗ xui đừng nói hoặc làm điều ấy, nại vào những lý do giả tạo như hư danh hay sự gì khác... Khi ấy phải nâng trí khôn lên Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, [3]và nếu thấy đó là	**351.** [1]*Thứ sáu*. Khi linh hồn sốt sáng muốn nói hay hoàn thành điều gì đó am hợp với Giáo Hội và với tư tưởng của các bề trên chúng ta, vốn là điều làm vinh danh Thiên Chúa, [2]và lại xảy đến cho họ từ bên ngoài một tư tưởng hay một gợi ý vốn ngăn cản không cho nói hay hoàn thành điều mà trước đó mình đã nghĩ, bằng cách đưa vào những lý lẽ giả tạo về hư danh hay một điều gì khác. Lúc đó, sau khi đã nâng	**351.** [1]*Thứ sáu*. Mỗi lần, khi ta muốn nói hay làm một điều gì không nghịch lại với phong tục Giáo Hội và ý kiến của những bề trên và điều ấy hướng về việc làm vinh danh Thiên Chúa, [2]bỗng trổi dậy từ bên ngoài một gợi ý vốn ngăn cản mình nói hay làm điều đã được đề nghị, bằng cách đưa ra một lý lẽ gian xảo của hư danh hay của điều gì xấu xa khác, lúc đó tinh thần phải hướng về Thiên Chúa. [3]Và nếu xuất hiện

rối nên cần loại bỏ bằng cách đào luyện lương tâm cho chính xác. Bởi lẽ ở đây chủ thể không ở trong tình thế bung xung hay mờ tối trước thực tại mà chỉ là xét thấy một điều lẽ ra phải ngược lại.

Thứ đến là chính sự bối rối (347 và 348[1b-2]): giải thích hiện tượng bung xung của chủ thể khi dẫm lên cọng rơm có hình thánh giá cho thấy đích thị đây là hiện tượng bối rối: một tác động đến từ bên ngoài cho rằng mình phạm tội trong khi chủ thể lại thấy không phạm tội, nhưng rồi sự nghi nan, một sự do dự xảy đến, vừa nghi ngờ vừa không, vốn hình thành một sự xáo trộn ở chính nội tâm chủ thể do kẻ thù đưa tới.

Thánh I-nhã nói loại bối rối thực này vào một giai đoạn nào đó lại giúp ích cho linh hồn, vì nó giúp thanh tẩy và rửa sạch linh hồn xa lánh những gì có vẻ là tội. Thành ngữ "nó (điều ấy, bối rối) thanh tẩy và rửa sạch linh hồn rất nhiều (A), cách đáng ngạc nhiên (V)" dễ làm cho người ta nghĩ chủ thể ở giai đoạn thanh luyện *(H. Coathalem, Commentaire du Livre des Ex., C. Christus 18 [Supplément], Desclée de Brouwer, Paris, 1965, tr.323).* Thực ra hiện tượng bối rối này thường xảy ra cả nơi những người lành thánh; vì thế thánh I-nhã đã dẫn lời thánh Grê-gô-ri-ô "đặc điểm của những người lành thánh là xem thấy lỗi nơi không có lỗi gì

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
việc phụng sự phải dành cho Ngài, hay ít là điều ấy không trái với Ngài, thì phải hành động ngược hẳn với chước cám dỗ đó, như thánh Bê-na-đô trả lời nó: "Không phải vì mày mà tao bắt đầu, cũng chẳng phải vì mày mà tao kết thúc".	trí khôn lên Đấng Tạo Hóa và Chúa, [3]nó phải suy xét rằng, nếu nhờ đó việc phụng sự phải dành cho Ngài được thực hiện, hay ít là nếu điều đó không trái với Ngài, tôi nói: nó phải làm ngược hẳn với tư tưởng đó, hợp với câu trả lời thánh Bênađô về nó: "không phải vì mày mà tao bắt đầu, cũng chẳng phải vì mày mà tao kết thúc."	một lời nói hay một hành vi về loại này liên quan đến việc làm vinh danh Ngài hay chắc chắn không ngược lại Ngài, ta sẽ phải trực tiếp làm ngược lại với một tư tưởng như thế và cùng với thánh Bê-na-đô trả lời với kẻ thù vốn quấy rầy chúng ta: "không phải vì mày mà tao bắt đầu, cũng chẳng phải vì mày mà tao kết thúc."

---

cả" *(Grê-gô-ri-ô, Epistolarum Libri, XI, 64 / PL 77, 1195).*

3. Chiến thuật kẻ thù và cách hành xử trong bối rối (349-351)

a/ Chiến thuật kẻ thù (349)

Đây là chiến thuật kẻ thù vận dụng cách loại suy ở quy tắc thứ tư của bộ nhận định thứ hai: "vào cửa người ta ra cửa mình" (332). Vì tùy vào tình trạng linh hồn mà kẻ thù đưa ra chiến thuật thích hợp: nếu là linh hồn thô thiển, nó làm cho thô thiển hơn (349^{4-5}), còn nếu linh hồn tế nhị, nó làm cho tế nhị hơn (349^{2-3}).

b/ Cách hành xử (350)

Chúng ta thực hiện cùng một nguyên tắc hành xử khi chống lại kẻ thù: "làm ngược lại" (agree contra). Hành xử theo cách ngược lại với cách của kẻ thù (A); tiến bước theo cách ngược lại với cách của Sa-tan (P); phải đi ngược lại chiều hướng mà kẻ thù lôi kéo mình về ($V/350^{1}$).

Thế nên nếu kẻ thù đẩy linh hồn tinh tế đến chỗ thái quá, thì chủ thể phải gắng giữ mức trung dung; ngược lại nếu kẻ thù đẩy linh hồn thô thiển đến chỗ thô thiển hơn thì chủ thể phải gắng trở nên tế nhị hơn. Bản V kết luận: "tránh nguy hiểm về hai thái cực, linh hồn luôn ở trong mức trung dung của sự bình an".

c/ Áp dụng cụ thể (351)

Cám dỗ của kẻ thù ngăn cản chủ thể thực hiện một việc lành thánh bằng những lý do giả tạo về hư danh hay điều gì khác... Hành động ngược lại bằng cách ra sức thực hiện khi mượn lời Thánh Bê-na-đô: "không phải vì mày mà tao bắt đầu, cũng chẳng vì mày mà tao kết thúc." Câu châm ngôn này được trích trong cuốn La Légende dorée về đời sống Thánh Bê-na-đô của Jacques de Voragine.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
352. ĐỂ CÓ CẢM NGHĨ CHÂN CHÍNH MÀ CHÚNG TA PHẢI CÓ TRONG GIÁO HỘI CHIẾN ĐẤU, NHỮNG QUY TẮC SAU ĐÂY PHẢI ĐƯỢC TUÂN GIỮ	**352.** ĐỂ CÓ CẢM NGHĨ CHẮC CHẮN VÀ CHÂN CHÍNH TRONG GIÁO HỘI CHIẾN ĐẤU, NHƯ Ở ĐÓ CHÚNG TA ĐƯỢC CHĂM SÓC, TA SẼ TUÂN GIỮ NHỮNG QUY TẮC SAU ĐÂY.	**352.** MỘT SỐ QUY TẮC PHẢI GIỮ ĐỂ CẢM NGHĨ CÁCH CHÂN CHÍNH VỚI GIÁO HỘI CHÍNH THỐNG
353. *Quy tắc I*: Trong khi gạt bỏ mọi phán đoán, ta phải giữ tâm hồn sẵn sàng và mau mắn vâng phục Hiền Thê đích thực của Chúa Ki-tô, Chúa chúng ta, là Giáo Hội Phẩm Trật, Mẹ Thánh chúng ta.	**353.** *Quy tắc thứ nhất*. Sau khi chúng ta được lột bỏ mọi phán đoán của chúng ta, chúng ta phải có một tinh thần mau mắn và sẵn sàng vâng phục Hiền Thê đích thực của Đức Giê-su Ki-tô Chúa chúng ta trong mọi sự; đó là Mẹ Thánh Giáo Hội phẩm trật, và là Giáo Hội Rô-ma.	**353.** *Thứ nhất*. Sau khi đã loại bỏ mọi phán đoán riêng, ta phải luôn luôn giữ tinh thần sẵn sàng và mau mắn vâng phục Hiền Thê đích thực của Đức Ki-tô và là Mẹ Thánh chúng ta, đó là Giáo Hội chính thống, Công Giáo và phẩm trật.

C.III.6 BỘ QUY TẮC "CÙNG CẢM NGHĨ TRONG GIÁO HỘI"

I. TỔNG QUÁT

1. Tựa đề

Bộ quy tắc sau cùng chúng ta quen gọi là "bộ quy tắc để có cùng cảm nghĩ với Giáo Hội". Thực ra đây là cách đặt tựa đề gần với bản văn V. Bản văn A có tựa đề: "Để có cùng cảm nghĩ chân chính mà chúng ta phải có trong Giáo Hội chiến đấu". Bản P có cùng một ý niệm ấy với một chút khác biệt: "Để có cùng cảm nghĩ chín chắn và chân chính trong Giáo Hội chiến đấu, như ở đó chúng ta được chăm sóc"; sau cùng bản V diễn đạt trong một ý nghĩa khác: "Một số quy tắc phải giữ để cảm nghĩ cách chân chính với Giáo Hội chính thống" (325).

So sánh những yếu tố trong tựa đề, ta thấy ba bản văn có một điểm chung và cũng có sự khác biệt. Về sự khác biệt, ta có cảm nhận bản A và P ở một phía, phía khác là bản V.

Nói chung, những quy tắc đề cập về một cảm nghĩ chân chính, hay cảm nghĩ một cách chân chính: đây là từ ngữ quan trọng được sử dụng trong Linh Thao. Sự

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
354. <u>*Quy tắc II*</u>: Ca ngợi việc xưng tội với linh mục và việc nhận lãnh Bí Tích Rất Thánh mỗi năm một lần, và hơn nữa mỗi tháng một lần, và tốt hơn nữa mỗi tám ngày một lần, với các điều kiện phải có và đúng phép.	**354.** <u>*Thứ hai*</u>. Chúng ta phải ca tụng việc xưng tội bằng tai nghe với linh mục, và việc tiếp nhận bí tích Thánh Thể một năm một lần; và điều này còn đáng ca ngợi hơn nếu được thực hiện cách thường xuyên hơn như mỗi tháng một lần, và càng đáng ca ngợi nhiều hơn nữa nếu được thực hiện khoảng tám ngày một lần, tuy phải tuân giữ những điều kiện phải có và đòi buộc.	**354.** <u>*Thứ hai*</u>. Ca ngợi việc xưng tội mà ta có thói quen làm với linh mục và việc nhận lãnh Thánh Thể, ít là một năm một lần là điều rất thích hợp, mặc dù còn đáng ca ngợi hơn là nhận lãnh bí tích này tám ngày một lần hay ít là một tháng một lần, trong khi vẫn tuân giữ những điều kiện phải có.
355.[1] <u>*Quy tắc III*</u>: Ca ngợi việc năng nghe thánh lễ ***cũng như*** việc đọc các ca vịnh, thánh vịnh và các kinh dài ở nhà thờ hoặc ở ngoài, [2]và cả các giờ có quy định thời gian dành cho tất cả kinh thần vụ,	**355.** [1]<u>*Thứ ba*</u>. Chúng ta phải ca ngợi rằng người ta phải tham dự cách thường xuyên những tế lễ thánh và thánh lễ và nghe ca vịnh và thánh vịnh, những buổi kinh nguyện dài được đọc	**355.** [1]<u>*Thứ ba*</u>. Khuyên nhủ các tín hữu nghe thường xuyên và với lòng sốt sắng thánh lễ hay tế lễ thánh thiện; và cả các ca vịnh của Giáo Hội, các thánh vịnh và kinh nguyện lâu giờ đọc

khác biệt căn bản ở hai phía hệ ở giới từ "trong" và "với". Chắc chắn hai giới từ có liên hệ nhưng mang sắc thái khác nhau. Cả hai diễn tả ý niệm cùng một phía, một lập trường nhưng giới từ "trong" đi sâu hơn vì diễn đạt ý niệm thuộc về, giới từ "với" có thể không diễn tả ý niệm đó. Bởi lẽ "cùng với" chưa hẳn thuộc về nhau vì vẫn có thể độc lập với nhau.

Bổ ngữ hoàn cảnh (complément circonstanciel) của hai giới từ này cũng khác nhau: một bên là Giáo Hội chiến đấu (A, P), một bên là Giáo Hội chính thống (V). Hai phạm trù này cho thấy một bên nhấn mạnh đến tính năng động và dấn thân nơi Giáo Hội, một bên đề cao khía cạnh tĩnh và chân lý tính của chính Giáo Hội đó. Hai ý niệm Giáo Hội khác nhau này cũng dẫn đến hai thái độ khác nhau của chủ thể: một bên nhấn mạnh đến chỗ đứng chủ động, tích cực ở trong Giáo Hội để chiến đấu và bảo vệ Giáo Hội, còn một bên xác định lập trường ở về phía Giáo Hội để bảo vệ tính chính thống của Giáo Hội. Ý niệm thứ nhất xem ra am hợp với hướng đi của thánh I-nhã hơn dựa vào các bài Lời Gọi Vua Hằng Sống

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
và toàn bộ các kinh nguyện và tất cả các giờ kinh phụng vụ.	trong hay ngoài một nhà thờ; [2]chúng ta cũng phải ca ngợi những giờ đã được thiết lập, những thời gian đã được qui định để đọc kinh thần vụ và để giữ trọn các giờ kinh phụng vụ.	trong các nhà thờ hay bên ngoài; [2]cũng chuẩn nhận thời gian xác định dành cho Kinh Thần vụ và mọi cách cầu nguyện, như những cách mà chúng ta gọi là giờ kinh phụng vụ.
356. *Quy tắc IV*: Ca ngợi nhiều về đời sống tu	**356.** *Thứ bốn*. Chúng ta phải ca ngợi đời sống tu	**356.** *Thứ bốn*. Ca ngợi cách đặc biệt bậc sống tu

(91-98), Hai Cờ Hiệu (136-148), Ba Mẫu Người (149-157) và Ba Cách khiêm nhường (165-167). Mà ở đây Giáo Hội được hiểu là Thân Thể Mầu Nhiệm của chính Đức Ki-tô. Bản văn P còn khai triển hơn A khi thêm cụm từ: "như ở đó chúng ta có được sự chăm sóc".

2. Về các bản văn và cấu trúc

a/ Về các bản văn

Trong ba bản văn, cha Polanco không thực hiện một sự can thiệp nào vào hai bản P và V. Thánh I-nhã đã thêm vào hai nơi và cha Broët thêm vào một nơi ở bản văn A:

- Trước hết: ở quy tắc 3, bản văn viết: "ca ngợi việc năng nghe thánh lễ, việc đọc các ca vịnh, thánh vịnh và các kinh dài...", giữa hai từ thánh lễ và việc đọc các ca vịnh, thánh I-nhã thêm vào từ ngữ "cũng như" và câu văn trở thành: "ca ngợi việc năng nghe thánh lễ cũng như việc đọc các ca vịnh, thánh vịnh..."(355). Chúng ta không thấy P và V viết theo sự can thiệp của thánh I-nhã ở đây.
- Thứ đến: ở quy tắc thứ 11, khi nói về việc ca ngợi thần học kinh viện và thần học tích cực, bản văn viết: "đặc điểm của các vị tiến sĩ thuộc kinh viện như thánh Bonaventura và vị tôn sư các châm ngôn (tức là thánh Lumbrado) là định nghĩa những điều cần thiết cho sự sống đời đời" (363^{2-3}). Thánh I-nhã thêm một cụm từ "hoặc giải thích cho thời đại chúng ta" và câu văn trở thành: "đặc điểm của các vị tiến sĩ... là định nghĩa hoặc giải thích cho thời đại chúng ta những điều cần thiết cho sự sống đời đời". Ở quy tắc này, bản V viết theo bản văn A mà thánh I-nhã đã thêm vào, còn bản P lại không qui theo bản này mà duy trì ý nghĩa bản văn chưa chỉnh sửa. Bản V không chỉ nhắm vào thời đại I-nhã mà cả thời đại của các vị tiến sĩ và tôn sư đó nữa.
- Sau cùng: ở quy tắc 15, khi đề cập về vấn đề tiền định, bản văn viết: "và như

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
dòng, đức trinh khiết và tiết hạnh, và không ca ngợi hôn nhân bằng bất cứ đời sống nào ở trên.	trì, đức trinh khiết, sự tiết hạnh; và không được ca ngợi hôn nhân bằng bấy nhiêu đời sống ở trên.	trì và yêu thích đời sống độc thân hay sự trinh khiết hơn hôn nhân.
357. [1]*Quy tắc V*: Ca ngợi lời khấn dòng, lời khấn vâng lời, khó nghèo, trinh khiết và các lời khấn về những sự trọn lành khác trên bổn phận. [2]Và nên lưu ý rằng vì	**357.** [1]*Thứ năm*. Chúng ta phải ca ngợi những lời tuyên khấn, được ban ra trong các Dòng Tu, về vâng phục, khó nghèo và khiết tịnh, và những điều khác ở ngoài bổn phận	**357.** [1]*Thứ năm*. Công nhận những lời khấn mà các tu sĩ thực hiện để giữ khiết tịnh, nghèo khó và vâng phục trọn đời, cần thêm vào đó những công việc trọn lành và vượt lên trên bổn phận khác. [2]Phải

vậy, một khi mất nhuệ khí, người ta coi thường những việc đưa đến phần rỗi và sự tiến bộ của linh hồn họ"(367[3]). Cha Broët đã thêm tính từ thiêng liêng sau sự tiến bộ, và bản văn trở thành: "... những việc đưa đến phần rỗi và sự tiến bộ thiêng liêng của linh hồn họ". Tính từ "thiêng liêng" không được đưa vào bản P và V.

Các chi tiết trên đều là những yếu tố phụ thuộc không thay đổi ý nghĩa bản văn trừ sự can thiệp thứ hai của thánh I-nhã cho chúng ta thấy được tầm quan trọng của việc thích nghi với não trạng thời đại về việc giải thích chân lý đức tin.

b/ Về cấu trúc

- Đọc bản văn một cách ngoại tại, chúng ta thấy có hai dấu vết để lại vốn giúp hiểu rõ những giai tầng soạn thảo: dấu vết thứ nhất ở quy tắc thứ chín của bản A. Với từ ngữ "sau cùng" ở quy tắc này, ta có thể xác định những quy tắc có cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội đã có một thời kết thúc ở đây (361) – dấu vết thứ hai có cùng một cách thức kết thúc như thế, nhưng không phải ở bản A mà ở bản V. Dấu vết này tìm thấy ở quy tắc thứ 13 (365).

Với hai dấu vết này ta có thể phỏng đoán bộ quy tắc được biên soạn ở ba giai tầng:

+ Lần thứ nhất từ 352 – 361
+ Lần thứ hai từ 362 – 365
+ Lần thứ ba từ 366 – 370

Với những nội dung khác nhau: lần thứ nhất về việc thờ phượng, lần thứ hai về quyền bính và lần thứ ba về việc giáo huấn đức tin.

- Khi phân tích nội tại nơi mỗi bản văn, chúng ta tìm ra một dấu vết khác để phân chia cách bài trí vấn đề: những quy tắc để có cùng cảm nghĩ trong Giáo

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
các lời khấn nhằm vào những điều đưa tới bậc trọn lành theo Phúc Âm, nên về những điều dẫn ra xa bậc trọn lành thì không được khấn: chẳng hạn đi buôn hay lập gia đình...	vốn dẫn đưa đến sự trọn lành. [2]Ở đây cũng phải chú ý rằng một lời khấn phải dựa vào điểm liên quan đến sự trọn lành phúc âm, nên người ta không được thực hiện lời khấn về điều không liên quan đến sự trọn lành này, thí dụ tôi muốn thành một thương gia hay lập gia đình.	chú ý về ý kiến này rằng, như bản chất một lời khấn liên quan đến việc dẫn tới sự trọn lành của đời sống Ki-tô hữu, nên không bao giờ thực hiện những lời khấn về những điều khác mà đúng hơn làm sao lãng chính sự trọn lành, như thương mại, hôn nhân.
358. *(Quy tắc VI:)* Ca ngợi các di tích của các thánh, bằng cách tôn kính các di tích ấy và cầu xin các ngài. Ca ngợi các nơi chặng kính, các cuộc hành hương, các ân xá, các năm toàn xá, các đoàn nghĩa binh thánh giá, và các đèn nến đốt trong nhà thờ.	**358.** *Thứ sáu*. Chúng ta phải ca ngợi các di tích của các thánh, việc tôn kính các di tích đó và những việc cầu nguyện dâng lên các ngài, việc kính viếng các nhà thờ để nhận một ân xá, những cuộc hành hương, những ân xá, những năm toàn	**358.** *Thứ sáu*. Cũng ca ngợi di tích, việc tôn kính và cầu khẩn các thánh; ngay cả các nơi thánh, những cuộc hành hương đạo đức, các ân xá, các năm toàn xá, các nến thường cho đốt trong các nhà thờ và các điều khác tương tự vốn nâng đỡ lòng đạo đức và lòng mộ

Hội được khởi đi từ một nguyên lý chính yếu (353) và tiếp theo là những quy tắc khai triển và chi tiết hóa nguyên lý này ở lĩnh vực thờ phượng và quyền bính (354-364). Tiếp theo, chúng ta lại thấy xuất hiện một nguyên lý khác như là một kết luận kết thúc bộ quy tắc ở bản văn V (365). Nguyên lý này như là một sự lặp lại và giải thích rõ hơn nguyên lý trên và như thế bản văn hình thành một cấu trúc bao hàm (inclusion) như một qui chuẩn để xác định những thực tại bên trong. Tuy nhiên theo sau nguyên lý mở rộng này chúng ta lại thấy có thêm những quy tắc bàn về vấn đề giáo huấn đức tin.

Phối hợp phân tích nội tại và ngoại tại với nhau, ta có thể đề nghị một cấu trúc bản văn như sau:

Trước hết: bản văn khởi đi từ một nguyên lý (353) vốn được khai triển rộng và rõ nét hơn (365).

Sau nữa: từ nguyên lý cơ bản đó, những quy tắc áp dụng được đề ra ở ba bình diện: về những truyền thống trong Giáo Hội (354-361), quyền bính và cách giải

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	xá, những đèn nến đốt trong các nhà thờ.	mến của chúng ta.
359. *(Quy tắc VII:)* Ca ngợi các luật giữ chay, kiêng thịt, chẳng hạn về mùa chay, về bốn mùa, các ngày áp lễ, các ngày thứ sáu và thứ bảy, cũng như các việc hãm mình đền tội, không những bên trong mà cả bên ngoài nữa.	**359.** *Thứ bảy*. Chúng ta phải ca ngợi những sắc lệnh liên quan đến việc ăn chay và kiêng thịt vào ngày thứ sáu và thứ bảy, và cả việc hãm mình đền tội, không chỉ ở bên trong mà cả ở bên ngoài.	**359.** *Thứ bảy*. Tán dương việc kiêng thịt và ăn chay, như việc ăn chay của mùa chay, của bốn mùa, của những ngày áp lễ, của thứ sáu, thứ bảy, và những việc ăn chay khác mà ta tự đề ra vì lòng mộ mến; cũng thế, về tất cả những điều mà

thích mặc khải trong Giáo Hội (362-364) và giáo huấn đức tin (366-370).

II. NHỮNG QUY TẮC LIÊN QUAN ĐẾN NGUYÊN LÝ CƠ BẢN

Ta đề cập nguyên lý cơ bản này liên quan đến Giáo Hội ở hai điểm: bản văn và kinh nghiệm thánh I-nhã.

1. Nơi bản văn (353; 365)

- Nguyên lý cơ bản được công bố lần đầu bằng hai động thái liên quan đến phán đoán và vâng phục (353).

Về phán đoán, các bản văn đều xác định nơi bản thân chúng ta: cần gạt bỏ (A), lột bỏ (P) hay loại bỏ (V) mọi phán đoán. Đó là phán đoán nào? Bản P xác định đó là phán đoán của chúng ta hay bản V nói phán đoán riêng.

Trong mối tương quan với Giáo Hội, chúng ta không chỉ từ bỏ phán đoán riêng của chúng ta vốn có nghĩa tiêu cực, nhưng còn phải có tinh thần (bản P và V) hay tâm hồn (A) sẵn sàng và mau mắn vâng phục Hiền Thê Đức Ki-tô và là Mẹ Thánh chúng ta. Đó là Giáo Hội phẩm trật ở cả ba bản văn (353). Bản A chỉ dùng một đặc tính này (353 và 365^1); bản P thêm hai đặc tính khác: Giáo Hội Rô -ma (353) và thánh thiện (365^2); còn bản V xác định thêm hai đặc tính khác: công giáo (353 và 365^1) và chính thống (353 và 365^2).

- Trên đây là lời phát biểu khô cứng như một mệnh lệnh phải thực hiện. Vế khai triển của nguyên lý ấy được phát biểu cụ thể hơn cùng với lời giải thích:

Phát biểu cụ thể khi đưa ra một trường hợp: điều mà tôi thấy là trắng (A & P) hoặc phát hiện là trắng trước mắt chúng ta (V) mà nếu Giáo Hội phán quyết (A) hay định nghĩa (P) hoặc công bố (V) là đen, thì tôi tin (A & P) hay công bố như thế (365^1). Khi đưa ra một sự kiện cụ thể, lời phát biểu có sắc thái một đòi hỏi

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
		ta tự nguyện chịu cách tự phát và điều chúng ta gọi là hãm mình đền tội; không chỉ là bên trong mà cả bên ngoài.
360. *(Quy tắc VIII:)* Ca ngợi việc trang hoàng và xây dựng các nhà thờ, cũng như các ảnh tượng, và tôn kính các ảnh tượng ấy tùy theo chúng biểu thị.	**360.** *Thứ tám*. Chúng ta phải ca ngợi những việc trang hoàng và xây dựng các nhà thờ; cũng thế việc sử dụng các ảnh tượng mà chúng ta phải tôn kính tùy theo vị thánh mà chúng biểu thị.	**360.** *Thứ tám*. Ngoài ra còn ca ngợi việc xây dựng những nhà thờ và những trang trí của chúng, chẳng hạn những ảnh tượng, vì phải tôn kính những ảnh tượng một cách chính đáng do điều mà những ảnh tượng này biểu thị.
361. *(Quy tắc IX:)* Sau hết, ca ngợi mọi giới luật của Giáo Hội, khi giữ tâm hồn sẵn sàng tìm lý lẽ để bênh vực và không bao giờ công kích bằng bất cứ cách nào.	**361.** *Thứ chín*. Chúng ta phải ca ngợi mọi giới luật của Giáo Hội, bằng cách có tinh thần mau mắn và sẵn sàng tìm kiếm và tìm tòi những lý lẽ để bênh vực, cả Giáo Hội lẫn những giới lệnh của Giáo Hội, và không tìm kiếm bất cứ cách thức nào để khinh thường hay công kích Giáo Hội.	**361.** *Thứ chín*. Ủng hộ bao nhiêu có thể những giới luật của Giáo Hội và không chống lại bằng bất cứ cách nào, nhưng còn bảo vệ chúng cách nhanh nhẹn chống lại những kẻ tấn công những giới luật ấy, bằng cách tìm kiếm các lý lẽ ở mọi mặt.
362. [1]*(Quy tắc X:)* Chúng ta phải sẵn sàng công	**362.** [1]*Thứ mười*. Chúng ta phải rất sẵn sàng bênh	**362.** [1]*Thứ mười*. Cũng công nhận cách chắc

quyết liệt hơn, dứt khoát hơn và có tính tận căn hơn không chỉ ở những nhận thức khác biệt nhau mà cả đến đối nghịch nhau.

Tiếp theo thánh I-nhã đưa ra lời giải thích: lời giải thích của A và P qui về một nhân tố là Thánh Thần trong khi V chia làm hai: Thánh Thần và Thiên Chúa.

Bản A và P đưa ra lý do cho thấy rằng chỉ có một Thánh Thần cai quản và hướng dẫn (A) hay dạy dỗ và hướng dẫn (P) chúng ta vì phần rỗi chúng ta trong Đức Ki-tô cũng như trong Giáo Hội: "Vì lẽ cũng một Thánh Thần và Chúa chúng ta, Đấng ban mười (những) điều răn mà Mẹ Thánh Giáo Hội chúng ta được hướng dẫn và cai quản" (365[2-3]). Hai từ ngữ "Thánh Thần" và "Chúa" nối với nhau

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
nhận và ca ngợi cả các quyết định, các mệnh lệnh cũng như cách ăn ở của các bề trên của chúng ta hơn. [2]Vì cho dù cách ăn ở của một số người không như thế, hoặc trước đã có như vậy, nhưng công kích các ngài hoặc trong khi rao giảng công khai hoặc khi nói chuyện trước mặt người bình dân, có thể gây bàn tán và gương xấu hơn là làm ích. [3]Và như vậy quần chúng có thể bất bình chống lại các Bề Trên của họ cả phần đời lẫn phần đạo. [4]Vậy nếu như nói xấu khi vắng mặt về các Bề Trên trước những người bình dân là điều có hại, thì lại là điều có thể có ích lợi khi nói những cách ăn ở xấu xa ấy với chính những người có thể sửa chữa.	vực và ca ngợi cả những qui chế và những giới lệnh của những bề trên cũng như cách ăn ở của họ; [2]vì, cho dù, một mặt, những giới lệnh và cách ăn ở không đáng được ca ngợi nơi một số người, tuy nhiên, công kích các ngài, hoặc bằng cách rao giảng công khai, hoặc bằng cách nói chuyện hay nói riêng biệt với những người thơ ngây, sẽ làm phát sinh sự bình phẩm và gương xấu hơn là sinh ích lợi; [3]và như thế quần chúng sẽ bị khiêu khích và phẫn nộ chống lại các bề trên, về phần đạo cũng như phần đời. [4]Vì thế, nếu như nói xấu về các bề trên trước mặt dân chúng gây nên nguy hại thế nào, thì cũng vậy nói về cách ăn nết ở xấu xa của họ cho	chắn những sắc lệnh, những mệnh lệnh, những mặc khải, những nghi thức và cả cách cư xử của những cha ông hay những bề trên. [2]Cho dù ta không luôn tìm thấy sự toàn vẹn vốn lẽ ra phải có trong cách cư xử, tuy nhiên nếu một ai, hoặc trong những việc giảng thuyết công khai, hoặc trong những cuộc trao đổi với dân chúng, lên tiếng chống lại các ngài, thì sẽ sinh ra những thiệt hại và gương xấu hơn là đem đến thuốc chữa hay sự giúp đỡ, [3]vì sẽ chẳng có kết quả gì trừ sự chua ngoa và sự bôi nhọ khiến dân chúng chống lại hàng vua chúa và những vị mục tử của mình. [4]Vì thế phải kiêng bỏ cách thức thóa mạ này. Tuy nhiên, cũng như sẽ có hại nếu lăng mạ và xúc phạm danh dự

bằng một liên từ "và" để chứng minh việc vâng phục Giáo Hội là đúng. Vì cả Thánh Thần và Thiên Chúa đều ban lề luật và dẫn dắt Giáo Hội.

Tác giả V nghĩ rằng việc nối kết này không hợp lý ở vế thứ hai, vì rằng chủ thể ban mười giới răn trong Cựu Ước không thể là Thánh Thần mà là Thiên Chúa nên đã chỉnh sửa Thánh Thần sang Thiên Chúa và qui tất cả vai trò ban lề luật và dạy dỗ Giáo Hội về cho Thiên Chúa như sau: "và rằng Thiên Chúa xưa kia vốn đã ban giới lệnh của mười điều răn thì cũng chẳng phải là ai khác ngoài chính Thiên Chúa vốn dạy dỗ và hướng dẫn Giáo Hội phẩm trật vào thời đại chúng ta đang sống" (365[3]). Điều này đi đến chỗ chứng minh Thiên Chúa Cựu Ước và Thiên Chúa ở trong Giáo Hội là một. Thế nhưng lại khó nối kết Thánh Thần và Thiên Chúa với nhau. Vì lẽ Thánh Thần dẫn dắt Đức Ki-tô và Giáo Hội

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
	những người mang đến thuốc chữa cho căn bệnh này, nếu họ có thể làm, thì có thể lại là điều hữu ích.	chính những bề trên trước mặt dân chúng khi các ngài vắng mặt, thì ngược lại, cần phải báo cho những người có thể đem thuốc chữa đến cho điều xấu xa này nếu họ muốn.
		, nếu họ muốn,
363. [1]*(Quy tắc XI:)* Ca ngợi cả thần học tích cực lẫn thần học kinh viện. Vì cũng như đặc điểm của những vị tiến sĩ tích cực như thánh Giê-rô-ni-	**363.** [1]*Thứ mười một*. Phải ca ngợi thần học kinh viện và tích cực. Thật vậy, vì như đặc điểm của những vị tiến sĩ tích cực, như thánh Au-gút-ti-nô,	**363.** [1]*Thứ mười một*. Phải rất coi trọng giáo thuyết thánh, cả giáo thuyết ta thường gọi là tích cực lẫn kinh viện. Thật vậy, các thánh tiến sĩ xưa kia, Giê

là một điều, còn Thiên Chúa ban lề luật và dẫn dắt Giáo Hội là một điều khác.

Vậy ta vâng phục vào Giáo Hội vì Thánh Thần dạy dỗ chúng ta trong Đức Ki-tô cũng như trong Giáo Hội vì chính Ngài là đấng ban lề luật mà Giáo Hội được dẫn dắt (A và P) hoặc chúng ta vâng phục Giáo Hội vì Thánh Thần hướng dẫn chúng ta là chính Thánh Thần của Đức Ki-tô và của Giáo Hội, và vì Thiên Chúa là Đấng ban lề luật cũng chính là Đấng hướng dẫn Giáo Hội ở thời đại ta (V).

2. Kinh nghiệm thánh I-nhã về việc vâng phục Giáo Hội

Muốn hiểu được ý nghĩa của những quy tắc "để có cùng cảm nghĩ trong Giáo Hội" của thánh I-nhã, chúng ta không thể nào không đề cập sơ qua về bối cảnh Giáo Hội thời ngài.

Có những yếu tố tích cực thuận lợi cho sự phát triển Giáo Hội thời ngài: việc khám phá ra châu Mỹ của Colombus cổ võ mạnh mẽ việc truyền giáo; sự phát minh máy in thúc đẩy việc phổ biến những tài liệu liên quan đến đức tin và phong hóa; trào lưu phục hưng làm sống dậy kho tàng văn hóa nhân loại được nhiều vị Giáo Hoàng cổ võ: từ Giáo Hoàng Six-tô V đến Lê-ô X (1441-1521).

Dầu sao những yếu tố ấy dù tích cực nhưng chỉ có tính ngoại tại. Điều chính yếu là chính sức sống nội tại bên trong Giáo Hội. Tuy nhiên sức sống ấy hiện thời lại phản chiếu đầy những nét tiêu cực: vừa trải qua thời kỳ khủng hoảng về việc di dời giáo triều từ Avignon trở lại Rô-ma, chính giáo triều rơi vào bối cảnh chia rẽ trầm trọng và làm cho Giáo Hội rơi vào tình trạng tê liệt lâu dài. Trước đây không xa, đời sống của Đức Alexandre VI (1492-1503) đã bôi nhọ chân dung Giáo Hội không ít. Không chỉ thế, hàng giám mục cũng chạy theo thế lực chính

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
mô, thánh Au-gút-ti-nô và thánh Grê-gô-ri-ô... là thúc đẩy tình cảm kính mến và phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, trong mọi sự, [2]thì đặc điểm của các vị tiến sĩ thuộc kinh viện như thánh Bonaventura và vị tôn sư các châm ngôn... [3]là định nghĩa ***hoặc giải thích cho thời đại chúng ta*** những điều cần thiết cho phần rỗi đời đời và để chiến đấu và giải thích tốt hơn mọi điều sai lạc và ngụy biện.[4]Quả thật các vị tiến sĩ kinh viện, có tính hiện đại hơn, nên không những tận dụng được những hiểu biết chân xác về Kinh Thánh và về các	Giê-rô-ni-mô, Grê-gô-ri-ô v.v., là kích thích tình cảm để người ta yêu mến và phụng sự Thiên Chúa trên hết mọi sự, [2]thì đúng hơn đặc điểm của những vị tiến sĩ kinh viện, như thánh Tô-ma, thánh Bonventura, vị tôn sư các châm ngôn, v.v., [3]là định nghĩa những điều thiết yếu cho việc cứu rỗi đời đời, và để chiến đấu và tỏ bày mọi sai lạc và mọi giáo lý sai lầm cùng với những ngụy biện mà nó mang theo. [4]Thật vậy, những vị tiến sĩ kinh viện, vì có tính hiện đại hơn, không chỉ tận dụng một sự hiểu biết đích thực về Kinh Thánh và giáo thuyết của các vị	-rô-ni-mô, Au-gút-ti-nô, Grê-gô-ri-ô và các thánh khác tương tự, đã có mục tiêu thúc đẩy con tim dấn thân vào lòng yêu mến và phụng sự Thiên Chúa; [2]và đặc điểm của thánh Tô-ma, thánh Bônaventu-ra, vị tôn sư các châm ngôn và những nhà thần học khác rất gần đây [3]là chuyển dịch và định nghĩa cách rõ ràng những giáo điều cần thiết cho việc cứu rỗi, theo như những gì am hợp với thời đại của các ngài và với những thời đại tương lai để bác bỏ những sai lạc của những lạc giáo. [4]Thật vậy, những vị tiến sĩ này, vốn là những người thuộc thế hệ sau này, không chỉ

trị và sống hưởng thụ, hàng giáo sĩ không được đào tạo khiến cho đời sống đức tin của dân Chúa tuy đạo đức nhưng đầy dẫy mê tín và nông cạn.

Trước hiện tượng này, người ta hô hào cải tổ Giáo Hội nhưng không thiếu những người hành xử với thái độ phản kháng hoặc tách rời Giáo Hội: phái Tin lành của Luther đào sâu đức tin theo hướng cá vị để bài xích những lạm dụng trong Giáo Hội, nghĩa là tự tách mình ra khỏi Giáo Hội; Erasmus với sức quyến rũ của mình đã đưa ra những châm biếm thái quá chống lại Đức Giáo Hoàng, các đức Giám Mục, những thần học gia, hàng linh mục và tu sĩ...

Thánh I-nhã nhận thức rất rõ hiện trạng của Giáo Hội thời ngài. Ngài ra sức canh tân Giáo Hội, nhưng không phải bằng cách ra ngoài Giáo Hội để đạp đổ hay đả phá, mà bằng việc ở lại với tình con thảo. Nói cách khác, ngài ở trong Giáo Hội để canh tân Giáo Hội bằng chính kinh nghiệm thiêng liêng của mình; vốn được bén rễ từ chính con đường tự hiến của Chúa Ki-tô. Bởi lẽ đối với ngài, Giáo Hội là Mẹ Thánh, là Hiền Thê của Đức Ki-tô Đấng duy nhất đem lại cho con người ơn cứu độ của Thiên Chúa bằng con đường hiến tế của tình yêu (167). Đó cũng

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
thánh tiến sĩ của thần học tích cực, [5]mà cũng còn – nhờ được ơn Chúa soi sáng và hướng dẫn – có thể dựa vào luật lệ và quy chế của Giáo Hội, Mẹ chúng ta từ các Công Đồng nữa.	tiến sĩ tích cực, [5]nhưng chính các ngài, nhờ được soi sáng và hướng dẫn bởi ơn sủng thần linh, còn sử dụng những qui chế và luật lệ của mẹ thánh Giáo Hội của chúng ta từ những Công Đồng.	thừa hưởng sự hiểu biết Kinh Thánh và vận dụng những điều mà những tác giả xưa kia viết ra, [5]mà cũng còn, nhờ ảnh hưởng của ánh sáng thần linh, các ngài có cơ hội sử dụng những quyết định thuộc Công Đồng, những sắc lệnh và các qui chế khác nhau của Giáo Hội thánh để giúp đỡ chúng ta cứu lấy mình.
364. [1]*(Quy tắc XII:)* Chúng ta phải tránh so sánh chúng ta, những kẻ còn đang sống, với các chân phước thời xưa, vì sẽ gặp sai lầm không ít về điểm này; [2]thí dụ khi nói: người này biết hơn thánh Au-gút-ti-nô, người kia là một thánh Phanxicô khác hoặc hơn thánh Phanxicô, người ấy là một thánh Phao-lô	**364.** [1]*Thứ mười hai*. Chúng ta phải canh chừng không so sánh cũng như đối chiếu giữa những kẻ ngày nay còn ở giữa những người sống và những chân phúc đã qua đời, vì không phải là một sai lầm nhỏ bé khiến người ta mắc vào [2]khi nói: "Người này thông thái hơn thánh Au-gút-ti-nô, đó là một Phanxicô	**364.** [1]*Thứ mười hai*. Đây là điều có tội và phải tránh xa là đi so sánh những người còn sống trên trần gian (dù xứng đáng được ca ngợi bao nhiêu chăng nữa) với các thánh và các chân phước, [2]thí dụ khi nói: "người này hiểu biết hơn thánh Au-gút-ti-nô, kẻ kia là một ông thánh Phanxicô, ông ta ngang bằng thánh

là Giáo Hội đang sống, Giáo Hội phẩm trật và Rô-ma nơi đó Đức Giáo Hoàng là đầu và cũng là đại diện Đức Ki-tô. Chính nơi Giáo Hội đó mà Thiên Chúa hướng dẫn và dạy dỗ chúng ta đạt đến ơn cứu độ đích thực chứ không ở đâu khác – chính vì thế ngay sau khi hoán cải, ngài luôn vâng phục những người có trách nhiệm nhân danh Giáo Hội: hành hương Giê-ru-sa-lem (TT 46-47), phán quyết ở Alcalá (TT 62), ở Salamanca (TT 70), ở Paris (TT 86).... Đó là vâng phục trong chiến đấu để bảo vệ chân lý và phục vụ Giáo Hội, chứ không phải thứ vâng phục mù quáng mà người ta vẫn thường vận dụng hình ảnh "chiếc gậy" hay "xác chết" ngài sử dụng để chống lại ngài (x. HP 550).

III. NHỮNG ÁP DỤNG

1. Về Những truyền thống Và Đời Sống Giáo Hội (354-361)

Ở phần áp dụng thứ nhất này, A và P có cùng một cách hành văn trong việc sử

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
khác xét về lòng tốt lành, thánh thiện...	khác, hay ông ta trổi vượt hơn Phanxicô, đây là một ông thánh Phao-lô khác xét về lòng tốt lành và thánh thiện."	Phao-lô về mặt thánh thiện hay không kém ngài ở một nhân đức nào khác v.v.."
365. [1]*(Quy tắc XIII:)* Để chắc chắn đúng trong mọi sự, chúng ta phải luôn luôn giữ vững rằng, điều mà tôi thấy là trắng, thì tin là đen nếu Giáo Hội phẩm trật phán quyết như thế. [2]Vì tin rằng cả nơi Đức Ki-tô, Chúa chúng ta là Đấng Lang Quân, lẫn Hiền Thê Ngài là Giáo Hội,	**365.** [1]*Thứ mười ba*. Để có một cảm thức đúng đắn, trên hết, chúng ta phải xem xét điều sau đây: điều mà tôi thấy là trắng, tôi sẽ tin là đen, nếu Giáo Hội phẩm trật định nghĩa rằng nó như thế, [2]Vì chúng ta tin rằng trong Đức Ki-tô Chúa, và trong Giáo Hội thánh thiện có cùng một Thánh	**365.** [1]*Thứ mười ba*. Sau cùng, để chúng ta hoàn toàn đồng thuận và phù hợp với chính Giáo Hội công giáo, nếu Giáo hội xác định là đen điều xuất hiện là trắng trước mắt chúng ta, chúng ta phải công bố như thế rằng điều đó là đen. [2]Thật vậy, ta phải tin mà không có một chút nghi ngờ

dụng từ ngữ: tất cả mọi quy tắc đều khởi đầu bằng động từ ca ngợi. Riêng bản A chỉ nêu thứ tự đến quy tắc thứ năm, các quy tắc tiếp theo không nêu thứ tự. Bản V sử dụng những động từ khác đồng nghĩa để đánh mất tính đơn điệu của các quy tắc khi xen kẽ chúng vào động từ "ca ngợi": khuyên bảo (355), công nhận (357), tán dương (359), ủng hộ (361).

Về nội dung, các quy tắc được tổ chức từng cặp cho từng chủ đề: chủ đề về Bí Tích và phụng vụ Giáo Hội được đề cập ở quy tắc 2 và 3, chủ đề về đời sống dòng tu theo lời khuyên Tin Mừng ở quy tắc 4 và 5, chủ đề về đời sống đạo bên ngoài và bên trong ở quy tắc 6 và 7, và chủ đề về phong tục tôn giáo bên ngoài và đời sống kỷ luật bên trong của Giáo Hội ở quy tắc 8 và 9.

Thánh I-nhã phản ứng lại Luther về truyền thống Giáo Hội vì ông này đã đứng ra phủ nhận quyền tối thượng của Đức Giáo Hoàng, từ chối sự biến thể trong Thánh Thể, kết án những ân xá, không công nhận lời khấn dòng tu... Dựa vào những chủ đề trên khi nêu lên những quy tắc, chúng ta thấy thánh I-nhã thấm nhuần cảm thức nên thánh vốn diễn tả trong mối tương quan giữa ân sủng và tự do. Ân sủng vốn được thực hiện nơi hiến tế tình yêu của Chúa Ki-tô trên thập giá (LT 53) được hiện tại hóa trong các Bí Tích nơi đó biểu thị cách cụ thể nhất hành trình thiêng liêng của mọi người tín hữu là Bí Tích Hòa Giải và Thánh Thể. Hai Bí Tích này tỏ lộ ơn sủng trên hành trình thanh luyện, soi sáng và thần hiệp (354).

Hành trình thiêng liêng này được nuôi dưỡng và củng cố trong việc thờ phượng công cộng và chính thức của Giáo Hội và nhân danh Giáo Hội. Bởi lẽ chính trong

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
vẫn có cùng một Thánh Thần cai quản và hướng dẫn chúng ta, vì phần rỗi của linh hồn chúng ta. [3]Vì lẽ, cũng một Thánh Thần và Chúa chúng ta, Đấng đã ban mười điều răn, mà Giáo Hội, Mẹ Thánh chúng ta được hướng dẫn và cai quản.	Thần cư ngụ, Đấng dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta vì phần rỗi của linh hồn chúng ta. [3]Vì lẽ, cũng chính một Thần Khí và Chúa, Đấng ban những điều răn mà Mẹ thánh Giáo Hội của chúng ta được quản lý và cai quản.	nào, rằng Thần Khí của Chúa Giê-su Ki-tô Chúa chúng ta cũng là chính Thần Khí của Giáo Hội chính thống, Hiền Thê của Ngài, nhờ Ngài mà chúng ta được điều khiển và hướng dẫn về sự cứu rỗi, [3]và rằng Thiên Chúa xưa kia đã ban những giới lệnh của mười Điều Răn thì cũng chẳng phải là ai khác ngoài chính Thiên Chúa đang dạy dỗ và hướng dẫn Giáo Hội phẩm trật vào thời đại chúng ta đang sống.
366. *(Quy tắc XIV:)* Mặc dù hoàn toàn đúng là "không ai có thể tự cứu rỗi nếu không được tiền định, không có đức tin và ân sủng", [2]nhưng phải rất cẩn thận [~~mà~~] trong cách nói và diễn tả về	**366.** [1]*Thứ mười bốn*. Mặc dù điều rất đúng là không ai được cứu rỗi nếu người ấy không được tiền định và bị tước mất ơn sủng, [2]tuy nhiên phải rất thận trọng trong cách nói, kẻo, khi qui gán quá	**366.** [1]*Thứ mười bốn*. Cũng phải chú ý rằng, cho dù hoàn toàn hiển nhiên và chắc chắn rằng không một ai có thể đạt được ơn cứu độ nếu người ấy không được tiền định, [2]tuy nhiên, phải nói về

việc thờ phượng này mà Đức Ki-tô hiện diện cách cụ thể để tôn thờ Thiên Chúa (355). Việc tôn thờ này càng có ý nghĩa trọn vẹn khi tín hữu sống sát với hiến tế Đức Ki-tô, Trưởng Tử và hình ảnh đích thực của Thiên Chúa. Vì vậy, đời tu với lời khấn sống theo các lời khuyên Tin Mừng trở nên đại biểu đích thực (356-357). Có thể nói đời sống tín hữu là một cuộc hành hương đi theo Đức Ki-tô nên cần có gương sống, có một thời gian ghi khắc ơn sủng (358) cùng với những bầu khí, khung cảnh và liên tưởng của đời sống phượng tự (360) qua đó họ được thúc đẩy sống biến đổi nhờ vào sự tu chỉnh cá nhân lẫn sự hoàn thiện tập thể (359 và 361). Tất cả được sống và phát triển trong Giáo Hội, thân thể của Đức Ki-tô.

Ta cần ghi nhận rằng trong quy tắc thứ ba về việc thờ phượng, bản A viết: "ca ngợi việc năng nghe Thánh Lễ, việc đọc các ca vịnh và thánh vịnh hoặc các kinh dài ở nhà thờ hoặc ở ngoài" (355[1]), thánh I-nhã đã can thiệp bằng cách thêm từ ngữ "cũng như" ở giữa "Thánh Lễ" và "việc đọc các ca vịnh và thánh vịnh" có

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
tất cả các điểm đó.	đáng về sự tiền định và ơn sủng, chúng ta tước bỏ sức mạnh và nỗ lực của ý chí tự do, hay khi tôn vinh quá đáng sức mạnh của ý chí tự do, chúng ta làm cho ơn sủng của Đức Giê-su Ki-tô trở nên suy yếu đi.	điều đó một cách thận trọng, kẻo, khi quá đề cao vị trí của ơn sủng hay sự tiền định của Thiên Chúa, chúng ta dường như lại muốn loại trừ những sức mạnh của ý chí tự do và công nghiệp của những việc lành, hoặc là ngược lại, khi qui gán cho họ hơn thực tế, qua đó chúng talàm giảm đi ơn sủng và sự tiền định của Thiên Chúa.
367. *(Quy tắc XV:)* [1]Thường ta không nên nói nhiều về ơn tiền định; nhưng nếu một cách nào đó và đôi khi có dịp phải nói tới, thì phải nói sao cho người bình dân không rơi vào một sai lầm nào như đôi khi xảy ra khi nói: [2]"Nếu tôi sẽ được cứu rỗi hay sẽ bị luận phạt thì đã được định trước rồi, nên tôi có làm việc lành hoặc việc dữ cũng không thể ra khác được". [3]Và như vậy, một khi mất nhuệ khí, người ta coi thường	**367.** [1]*Thứ mười lăm*. Chúng ta không được nói quá thường xuyên cách công khai về sự tiền định theo thói quen hay cách thường xuyên. Nhưng, nếu đôi khi có dịp phải làm, chúng ta sẽ phải làm sao cho những người không có học thức không rơi vào trong một sai lầm nào, như đôi khi có thể người ta suy nghĩ nơi chính họ: [2]"Nếu tôi được cứu rỗi hay bị luận phạt, điều đó là điều đã được thực hiện và đã được quyết định theo cách nhìn	**367.** [1]*Thứ mười lăm*. Cùng một lý do ấy, không được thường xuyên nói về sự tiền định. Và nếu đôi khi điều ấy xảy đến, thì nên làm trong một mức độ vừa đủ để không một cơ hội nào dành cho dân chúng đang nghe chúng ta lại phải rơi vào sai lầm mà nói: [2]"Nếu ơn cứu độ của tôi hay sự luận phạt của tôi đã là điều được quyết định sẵn rồi, tôi có hành động tốt hay xấu đi chăng nữa, thì ơn cứu độ chẳng có thể ra khác đi được."

lẽ với mục đích phân biệt Thánh Lễ với các việc thờ phượng khác.

2. Về Quyền Bính Và Giải Thích Mầu Nhiệm Trong Giáo Hội (362-364)

Nhóm qui tắc thứ hai không tập trung vào truyền thống phượng tự, tu đức và kỷ luật Giáo Hội nhưng đề cập về quyền bính, về nền thần học, về việc thẩm định. Cách hành văn của A và P vẫn đồng nhất với nhóm biên soạn đầu tiên, còn bản V vẫn thay thế việc ca ngợi bằng những từ ngữ tương tự.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
các việc đưa đến phần rỗi và sự tiến bộ ***thiêng liêng*** của linh hồn họ.	của Thiên Chúa và quyết định của ý muốn thần linh không đổi khác được nhờ vào những việc làm tốt hay xấu của tôi." [3]Và do một giáo thuyết như thế, những người ấy mất nhuệ khí và trở nên hờ hững với việc thiện vốn dẫn tới phần rỗi và sự tiến bộ của các linh hồn.	[3]Từ đó rất nhiều người sẽ dễ dàng hờ hững với những việc lành và những sự trợ giúp khác đối với việc cứu rỗi.
368. [1]*(Quy tắc XVI).* Cũng vậy, phải coi chừng việc nói nhiều về đức tin và nói với lòng nhiệt thành quá đáng mà lại không có chút phân biệt và giải thích nào, [2]kẻo gây dịp cho dân chúng ra nguội lạnh và lơ là trong việc làm, hoặc trước hoặc sau khi đức tin được định hình bằng đức mến.	**368.** [1]*Thứ mười sáu*. Cùng một cách thức ấy, phải tránh những lời nói thường xuyên và lặp đi lặp lại liên quan đến đức tin, những lời nói được dạy dỗ cách cứng ngắc mà không có sự phân biệt và cũng chẳng có sự giải thích, [2]gây cho những người không có học thức có cơ hội mất nhuệ khí trong những việc tốt lành và hững hờ với những việc ấy, hoặc trước hay sau khi đức tin được định hình bằng đức mến.	**368.** [1]*Thứ mười sáu*. Cũng không phải là hiếm khi xảy ra rằng, khi ta rao giảng hay ca ngợi đức tin một cách thái quá và không thêm vào đó bất cứ một sự phân biệt hay một sự giải thích nào, [2]dân chúng sẽ chộp lấy cơ hội mà sao lãng trong mọi thứ việc lành đi trước hay theo sau đức tin được định hình bằng đức mến.
369. [1]*(Quy tắc XVII:)* Cũng vậy, không nên nói nhiều và nhấn mạnh quá về ân sủng đến nỗi điều	**369.** [1]*Thứ mười bảy*. Cùng một cách thức ấy, không được nói quá nhiều về ơn sủng khiến	**369.** [1]*Thứ mười bảy*. Cũng thế, ta không được rao giảng và lặp lại nhiều về ơn sủng của Thiên

– Đối với các bề trên (362): Bản A gọi là Majores hay các bản văn P, V gọi là superiores hoặc còn thêm patres. Trong ý hướng xây dựng Giáo Hội, thánh I-nhã đưa ra cho chúng ta một sự phân biệt về thẩm quyền dạy dỗ, tức là quyết định, mệnh lệnh... với đời sống của những người có thẩm quyền. Chắc chắn nơi những vị này, một đời sống ăn khớp với sứ vụ của mình sẽ đóng góp nhiều cho lợi ích các linh hồn. Bởi lẽ chính Thiên Chúa tỏ lộ sự thánh thiện của Ngài ngang qua những mẫu gương cụ thể.

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
ấy làm phát sinh nọc độc giết chết tự do. [2]Vậy có thể nói về đức tin và ân sủng bao nhiêu có thể nhờ ơn Chúa giúp, để ca ngợi Chúa chí tôn hơn, [3]nhưng không được bằng cách này hay cách khác, nhất là trong thời buổi rất nguy hiểm của chúng ta ngày nay, làm cho các việc làm và sự tự do chọn lựa phải chịu sự thiệt thòi nào đó hoặc bị coi như không là gì cả.	làm phát sinh ra độc dược là phủ nhận sự tự do. [2]Đến nỗi chúng ta có thể nói về đức tin và ơn sủng, chừng nào điều ấy có thể thực hiện được với sự trợ giúp của Thiên Chúa, để làm vinh danh Thiên Chúa toàn năng hơn, [3]nhưng không được, bằng cách này hay cách khác, nhất là vào thời buổi nguy hiểm của chúng ta ngày nay, làm cho những việc làm tốt lành và ý chí tự do chịu thiệt hại và làm cho người ta coi thường những việc ấy.	Chúa quá, đến nỗi vì đó một sự sai lầm đến chết người có thể len lỏi vào trong tâm hồn các thính giả, một khi khả thể về ý chí tự do của chúng ta bị từ chối. [2]Vì thế được phép nói nhiều về ơn sủng, dưới sự khởi hứng của Thiên Chúa, nhưng trong mức độ điều đó qui về việc làm vinh danh Chúa dồi dào hơn, [3]và điều này phải qui theo cách thức thích hợp để cho cả việc vận dụng ý chí tự do lẫn thành quả của những việc lành không bị khử trừ, nhất là vào thời đại rất nguy hiểm của chúng ta.
370. [1]*(Quy tắc XVIII:)*	**370.** [1]*Thứ mười tám*. Mặc	**370.** [1]*Thứ mười tám*. Mặc

Thế nhưng nếu không có sự thống nhất giữa sứ vụ và cuộc sống, thánh I-nhã đưa ra cách thức xây dựng để đem lại lợi ích cho mọi người: thay vì công kích vốn có thể gây bàn tán và gương xấu, thì có thể trình bày với những người có thẩm quyền để được sửa chữa.

- Đối với khoa học thánh (363): thánh I-nhã tìm được sự liên đới và bổ túc giữa hai nền thần học tích cực và kinh viện: một bên có tính cảm nghiệm và sinh động nhờ nguồn Kinh Thánh và giáo phụ, nhưng một bên lại có tính suy luận vốn không chỉ dựa vào Kinh Thánh và ý kiến của các nhà thần học tích cực mà còn cả vào qui chế Giáo Hội và những xác quyết Công Đồng để bảo vệ vững vàng chân lý mạc khải cho thời đại của các ngài và để chống lại những sai lạc xảy đến. Thánh I-nhã thêm cụm từ "hoặc giải thích cho thời đại chúng ta" vào bản A mà bản V đi theo để xác định tính hợp thời của nền thần học này trong khi bản P không đề cập đến (363[3]).
- Sau cùng đối với việc thẩm định, bản A và P coi là một sai lầm không nhỏ; bản V cho là một tội cần phải tránh xa nếu đem so sánh đời sống chúng ta, hay những kẻ ngày nay đang sống với các thánh thời xưa. Một sự so sánh thiếu khôn ngoan khi mỗi người có kinh nghiệm và phương thế nên thánh theo thời

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
Dẫu việc phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, vì tình yêu tinh tuyền, phải được quý trọng hơn hết, nhưng chúng ta cũng phải ca ngợi nhiều về lòng kính sợ Thiên Chúa chí tôn. [2]Vì việc kính sợ như con thảo là việc đạo đức và rất thánh thiện, nhưng ngay cả việc kính sợ như tôi tớ cũng giúp nhiều để ra khỏi tội trọng khi con người không đạt đến điều khác tốt hơn và có ích hơn; [3]và một khi ra khỏi tội trọng, dễ tiến tới lòng kính sợ như con thảo, là điều được Thiên Chúa, Chúa chúng ta, chấp nhận và ưng thuận hoàn toàn vì điều ấy cũng chỉ	dù chúng ta phải quí trọng việc phụng sự mà chúng ta dành cho chính Thiên Chúa bằng tình yêu tinh tuyền đối với Thiên Chúa chí tôn trên hết mọi sự, tuy nhiên chúng ta cũng phải ca ngợi một sự kính sợ thánh thiện đối với Thiên Chúa toàn năng. [2]Thực vậy, sự kính sợ con thảo không chỉ có tính đạo đức và thánh thiện, nhưng ngay cả sự kính sợ theo tinh thần tôi tớ mà ở đó, người ta chứng nhận rằng không một điều gì khác có thể giúp ta chê ghét tội trọng cách thiết thực và thích hợp hơn, [3]và một khi chúng ta tránh xa tội lỗi này cũng như hoàn	dù việc phụng sự Thiên Chúa bằng tình yêu là điều đáng ca ngợi và ích lợi vô cùng, tuy nhiên lại cũng phải ca tụng thật nhiều việc kính sợ Thiên Chúa Chí Tôn; [2]và đây là sự kính sợ mà chúng ta gọi là con thảo không chỉ là đạo đức và rất thánh thiện mà cũng còn có sự kính sợ khác, được gọi là tôi tớ, vì nó rất hữu ích và thường cần thiết để chúng ta cố gắng mau mắn thoát ra khỏi tội trọng, khi chúng ta rơi vào đó. [3]Khi chúng ta không còn ở trong loại tội lỗi này nữa và tỏ ra xa lạ với nó, thì sẽ dễ đạt đến tận sự kính sợ của tình con thảo vốn được Thiên

đại của mình, vì một bên đã hoàn tất trọn cuộc đời mình trong Chúa, còn bên kia vẫn giả thiết sự vấp ngã của mình trong mối tương quan giữa cái "đã" và "chưa" của ơn cứu độ.

Tóm lại, ở đây thánh I-nhã nhắm nhiều hơn đến chủ thuyết của Erasmus (1466-1536) kẻ muốn đả phá nền thần học kinh viện và chỉ trích đời sống đạo đức thời trung cổ mà ông cho là mê tín dị đoan.

3. Về giảng dạy (366-370)

Có ba vấn đề liên quan ở lần biên soạn sau cùng: tiền định, đức tin và ơn sủng được giới thiệu ngay ở số đầu để cho thấy tính tế nhị của vấn đề trong tương quan giữa hoạt động Thiên Chúa và con người (366). Vì nếu nhấn mạnh hoạt động của Thiên Chúa sẽ thiệt hại về con người và ngược lại cũng thế:

Cụ thể về tiền định (367): nếu sự tiền định về ơn cứu độ đã được xác định trước mà việc làm tốt hay xấu cũng không thể thay đổi được thì việc làm trở nên vô nghĩa và sẽ dễ dẫn người bình dân (A) hay không học thức (P) vào một quan niệm sai lạc, vì họ sẽ coi thường việc làm đưa đến ơn cứu độ và việc tiến bộ (A & P) cùng với những sự trợ giúp khác (V). Cha Broët đã định tính cho sự tiến bộ

Bản văn A	Bản văn P	Bản văn V
là một với lòng mến Chúa.	toàn giũ bỏ được nó, ta dễ dàng đạt đến sự kính sợ có tính con thảo là điều được Thiên Chúa chấp nhận và ưng thuận hoàn toàn, vì nó tồn tại cùng lúc với tình yêu Thiên Chúa.	Chúa hoàn toàn chấp nhận, và sự kính sợ này ban cho chúng ta và duy trì nơi chúng ta một sự kết hiệp tình yêu với chính Thiên Chúa.

này khi thêm tính từ "thiêng liêng" vào bản A mà bản P và V không quy theo.

- Về đức tin (368): cũng tương tự như tiền định, nếu quá nhấn mạnh vào đức tin mà không lưu tâm đến sự cộng tác của con người cũng đánh mất tính quân bình Ki-tô giáo. Vì quá nhấn mạnh đến đức tin cách cứng ngắc (P) hay thái quá (V) hay với lòng nhiệt thành quá đáng (A), tức là nhấn mạnh đến nỗi không phân biệt và giải thích (A,P,V) thì sẽ gây cho dân chúng, kể cả những ngươì học thức (P) lơ là, sao lãng (V) hay mất nhuệ khí (P) so với việc làm. Nhưng đó không phải là bất cứ việc làm nào mà là việc làm được thấm nhuần bởi đức mến. Cả ba bản văn đều xác định yếu tố này (368[2]).
- Về ơn sủng (369): khi nhấn mạnh quá vể điều này, có thể làm phát sinh nọc độc (A,P) hay sai lầm chết người (V), vì khi đề cao quá về đức tin và ơn sủng thì việc làm và sự tự do chọn lựa (A) hay ý chí tự do (P,V) bị thương tổn.

Chắc chắn đây là những vấn đề thuộc lãnh vực học thuyết đang khuynh đảo các tín hữu thời thánh I-nhã: Wyclif (1330-1384) chủ trương đề ra thuyết tiền định theo định mệnh hay Luther đề cao đức tin và ơn sủng, đến nỗi cả hai người trong họ đều khước từ vai trò của việc làm.

- Vấn đề cuối cùng liên quan tới việc phụng sự Thiên Chúa với những cấp độ khác nhau (370): bằng tình yêu thuần khiết, bằng sự kính sợ Thiên Chúa như con thảo và kính sợ như tôi tớ. Và nếu chưa đạt đến mối tương quan với Thiên Chúa ở cấp độ cao thì việc kính sợ Thiên Chúa như tôi tớ trong việc phụng sự Ngài cũng đáng ca ngợi vì nó giúp ta mau thoát khỏi tội trọng để đạt đến tình con thảo và lòng mến.

Tóm lại kinh nghiệm thiêng liêng cá nhân dựa vào nguyên lý đức tin đã giúp thánh I-nhã nhận ra những sai lầm của thời đại liên quan đến truyền thống và học thuyết để ngăn ngừa tín hữu khỏi sai lầm nhưng tỉnh thức và sống trong sự tín trung với Giáo Hội. Đó là điều giúp ta hiểu rõ lời khấn thứ tư của Dòng Tên.

Vậy, những quy tắc về việc có cùng một cảm nghĩ trong Giáo Hội được khởi đi từ một nguyên tắc tổng quát về sự hiện diện và hoạt động của Thiên Chúa và Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội, và từ đó, thánh I-nhã rút ra những áp dụng cụ thể nhằm bảo vệ Giáo Hội ở ba lãnh vực: về truyền thống và đời sống của Giáo Hội, về quyền bính và giải thích các mầu nhiệm trong Giáo hội và về việc giảng dạy vốn là những vấn đề sôi bỏng đang đe dọa tính duy nhất của Giáo Hội thời ngài.

KẾT LUẬN

Sau khi hoàn tất việc chú giải ba bản văn Linh Thao chính yếu, chúng ta đã nhận được khá nhiều thành quả rất thú vị và có ý nghĩa. Những thành quả này giúp chúng ta không chỉ thấy rõ giá trị và chỗ đứng về khoa sư phạm thiêng liêng của thánh I-nhã trong sách Linh Thao để "giúp đỡ các linh hồn", mà còn được phép hoàn thiện những điều cần thiết để cho "phương tiện hữu ích" này có thể được vận dụng cách chính xác hơn vào lãnh vực hướng dẫn các linh hồn và làm vinh danh Chúa.

Chúng ta có thể tóm kết những thành quả này vào những điểm chính yếu sau đây:

I. Tác giả sách Linh Thao

1. Đặt vấn đề

Thông thường, người ta có hai cách thức để tìm ra tác giả của một tác phẩm: cách thức ngoại tại và cách thức nội tại. Cách thức ngoại tại được chính tác giả minh định cách trực tiếp hay gián tiếp hoặc do người khác đề cập đến. Đối với sách Linh Thao, rất nhiều người quả quyết thánh I-nhã là người sinh ra nó, đặc biệt những người trong nhóm bạn đầu tiên và các Giê-su hữu thuộc những thế hệ đầu. Tuy nhiên, những lý chứng ấy chưa có đủ sức mạnh thuyết phục người khác tin vào dù chúng có một chỗ đứng khiêm tốn nào đó.

Lý chứng đủ tầm cỡ thuyết phục trước hết phải từ chính tác giả, nhưng điều này không phải dễ dàng khám phá ra nơi tập sách Linh Thao. Quả vậy, chúng ta thấy thánh I-nhã ra công bảo vệ khí cụ mà ngài coi là rất hữu ích này, ngài đem ra giúp đỡ các linh hồn, cho các bạn thực tập, cũng như giới thiệu nó cho nhiều người và được nhiều người khen ngợi. Tuy nhiên, chúng ta lại không hề xem thấy mặt mũi tập sách ấy trong các mối liên hệ với ngài ra sao; thậm chí khi được phê chuẩn, tập sách Linh Thao cũng chẳng ghi tên tác giả. Chúng ta có cảm tưởng như thánh I-nhã chơi trò "ẩn nấp" của trẻ em trong chính tác phẩm của mình. Quả vậy, ngoài bản V vốn được xác định rõ chân dung dịch giả của nó ra, còn lại ta không tìm thấy tác giả của nó ở hai bản kia và nguồn gốc của bản văn mà ông dựa vào để thực hiện việc dịch thuật. Cho dù thánh I-nhã có can thiệp vào bản văn như những lần chỉnh sửa nội dung trong bản A hoặc như việc cầm bút phê trực tiếp trên bản văn P1 vốn từ đó bản P2 được biên soạn, nhưng điều ấy vẫn chưa chắc là cơ sở cho rằng đó là bản văn của thánh I-nhã. Vậy, chúng ta phải tìm kiếm cách nào?

2. Tiếp cận tác giả.

Thực ra, người sinh ra cuốn Linh Thao và phổ biến nó không ai khác ngoài thánh I-nhã. Cho dù ngài ẩn nấp vào chính đứa con mình cưu mang và sinh thành, chúng ta vẫn có thể vạch mặt chỉ tên được ngài. Quả thế, ngài đã ẩn núp kỹ đến nỗi ngài đã giết mình đi và trở nên vô danh trong đứa con mình bằng cách đem chính đứa con mình sinh ra cho những người khác uốn nắn và sửa chữa: ngoài ngài ra, cha P. Broët can thiệp vào A, rồi cũng chính cha P. Broët và cha Salmeron can thiệp vào P1, và sau cùng cha Polanco can thiệp vào P2 và V ..., thế nhưng ngài cũng không thể trốn thoát.

Đâu là cách thức chúng ta tìm được ngài? Thưa, bằng phương pháp nội tại khi đối chiếu sách Linh Thao với chính lời tự thuật của ngài về hành trình thiêng liêng của bản thân ngài. Vì lẽ, nếu tìm được một sự liên lạc giữa hai bản văn này, chúng ta có cơ may thấy được Linh Thao chính là phương pháp thao luyện được phổ quát hoá cho mọi người khởi từ kinh nghiệm của một người. Đây là điều cũng không dễ lộ diện vì ngài cũng tự trốn mình trong chính lời tự thuật ấy.

- Quả thế, cũng phải gian nan lắm, ngài mới ưng thuận kể lại đời mình cho con cái mình xét như đó là một bản di chúc đích thực làm gia sản như lời cha Giê-rô-ni-mô Nadal nói: "Được biết là các vị thánh sáng lập dòng đan tu thường để lại cho con cái những lời khuyên, như một bản di chúc, mà các ngài xét là hữu ích để họ tiến tới trong đức hạnh, tôi chờ dịp thuận tiện để xin cha I-nhã cũng làm như vậy".

Đi xa hơn, để thực hiện một di chúc thiêng liêng đúng nghĩa, vấn đề đặt ra là làm sao có thể vừa diễn đạt cách chính xác chính kinh nghiệm thiêng liêng của mình, vừa không tỏ ra phô diễn sự thánh thiện của mình trước mặt người khác. Để đạt được mục đích kia và thoát khỏi cám dỗ này, ngài đã phải chọn một số nét cơ bản: tự nói về mình ở ngôi thứ ba với tư cách như một người hành hương – nói về đời mình dưới hình thức lịch sử nhưng bằng ngôn ngữ biểu tượng – và chỉ nói về một giai đoạn lịch sử đủ để trở thành di chúc thiêng liêng thực sự.

Thực vậy, kinh nghiệm về đời sống thiêng liêng đích thực của ngài khởi đi từ khi ngài sống hơn 10 tháng ở Manresa. Đọc Tự Thuật, chúng ta có thể nhận thấy Manresa chính là giai đoạn làm "Linh Thao" của ngài. Bởi lẽ, ở đây chứ không phải ở đâu khác ngài trải nghiệm được cách đích thực hai yếu tố mà ngài gọi cách loại suy sau này ở trong tập sách Linh Thao là đời sống thanh luyện và đời sống soi sáng (4):

Đời sống thanh luyện (TT 20-25) đối với ngài là yếu tố cần thiết nhằm giải phóng ngài khỏi mọi tham vọng trần thế thuộc của nền văn hoá cũ (TT 1-4) vốn sau đó được chuyển vào bình diện thiêng liêng từ khi dưỡng thương ở Loyola cho đến khi lên đường đến Montserrat (TT 5-18). Hư danh trần thế này xét như chân

tướng cũ đã được ngài minh định ngay từ những câu đầu tiên của Tự Thuật (TT 1) và bao trùm lấy ngài trong cuộc thao luyện dưới hình dạng con rắn lấp lánh vốn được kẻ thù vận dụng để cám dỗ và tấn công ngài (TT 19 và 31). Quả vậy, nó lên tiếng phản kháng khi ngài quyết tâm từ bỏ lối sống cũ để dấn thân vào lối sống mới (TT 20); nó đến khuấy động khi gây nên các bối rối cho một tân binh chưa hiểu biết gì về đời sống thiêng liêng đối với ơn tha thứ của Thiên Chúa (TT 22). Sự khuấy động của kẻ thù trong cơn bối rối mạnh đến nỗi, mọi sự trợ giúp của những người đạo đức lẫn cha giải tội, mọi phương thức thiêng liêng, mọi việc hãm mình đền tội đều trở nên vô hiệu và sự bối rối trở nên cuộc khủng hoảng khiến ngài muốn tự tử (TT 24). Chính lúc này I-nhã thấy rõ sự bất lực của chính mình, đến khi nhận ra tính vô hiệu của mọi sự nương tựa, ngài mới nghiệm được sự giải thoát của Chúa dành cho mình khỏi những bối rối (TT 25).

Đời sống soi sáng (27[b]-30) được thánh I-nhã nói đến như một sự dạy dỗ của Thiên Chúa. Đây là một cuộc đào luyện tiệm tiến được thánh I-nhã diễn tả qua những thị kiến vốn bộc lộ sự tăng trưởng đời sống thiêng liêng của ngài: thị kiến thứ nhất về Thiên Chúa Ba Ngôi mà mức độ thiêng liêng khởi đầu ở bình diện trí hiểu và cảm xúc với sự ghi khắc sâu xa (TT 28); thị kiến thứ hai về việc tạo dựng muôn vật mà cấp độ hiểu biết được ghi khắc nhưng ngài không biết giải thích vì không nhớ rõ những hiểu biết Chúa in vào tâm hồn (TT 29[a]); thị kiến thứ ba về sự hiện diện của Chúa trong Bí Tích Thánh Thể, cho dù thánh I-nhã cho thấy sự tiến bộ thiêng liêng của mình và được thấy rõ bằng trí tuệ, nhưng vẫn không giải thích được hiện tượng đó (TT 29[b]); thị kiến thứ tư về nhân tính Đức Ki-tô và về Đức Mẹ bằng mắt tâm hồn, nơi đó việc ghi dấu không rõ ràng, nhưng sự xác tín của niềm tin rất vững mạnh đến nỗi ngài sẵn sàng chết để bảo vệ chân lý đó (TT 29[c]); sau cùng biến cố không phải là một thị kiến, nhưng là một sự hiểu biết vừa có tính thiêng liêng vừa thuộc đức tin và văn hoá hết sức rõ ràng đến nỗi những điều ngài học suốt cuộc đời đã qua không sánh bằng với những điều ngài nhận được ở đây (29[d]). Vậy bước tiến thiêng liêng chúng ta đọc được về ngài bao gồm ba cấp độ: cảm xúc mãnh liệt cùng với sự hiểu biết ở thị kiến thứ nhất; trí hiểu từ những bước còn mờ tối đến khi xác tín mãnh liệt nơi các thị kiến thứ hai, ba, bốn và năm; và sự ghi khắc con tim sâu xa ở thị kiến thứ nhất nhưng còn nông cạn ở thị kiến thứ tư. Và ngài tự thẩm định mình đạt đến cấp độ của "linh hồn công chính" (TT 32) vốn cũng được nói đến trong bộ nhận định thần loại (332) như người nhận được sự an ủi có nguyên do trước (330[2]/ 331).

Tâm điểm của cuộc thao luyện này là đời sống kỷ luật trong tập luyện (TT 26-27[a]): thánh I-nhã sắp xếp đời sống thao luyện cách hợp lý, nghiêm khắc trong việc giữ giờ giấc và bắt đầu cân đối việc hãm mình đền tội với sự dẫn dắt của cha linh hướng. Đó chính là cách thức ngài cộng tác với ơn Chúa để việc thao

luyện được sinh hoa kết trái.

Vậy lược đồ sách Tự Thuật gồm: tiền Linh Thao (TT 1-18) – trong Linh Thao với hai chặng thanh luyện cùng với người hướng dẫn (TT 20-25) và soi sáng cùng với người hướng dẫn (TT 27^b-30) mà chủ thể phải sống kỷ luật nghiêm túc (TT 26-27^a), tiếp theo là thời hậu Linh Thao với hành trình canh tân đời sống (TT 34-100) từ sự an ủi có nguyên do trước (TT 32) và sau cùng đạt đến ơn an ủi không có nguyên do trước của chặng đường thần hiệp do Thiên Chúa phê chuẩn (TT 96).

- Trong việc phân tích 20 chú dẫn Linh Thao, chúng ta đạt đến cùng một kết quả về lược đồ (x. chú giải chú dẫn 1-20). Vì lẽ 20 chú dẫn có một kết cấu cũng gồm ba phần: phần thứ nhất nói tổng quát về Linh Thao (1-6); phần thứ hai đề cập về chính cuộc Linh Thao với hai giai đoạn vốn tương ứng với bốn tuần lễ: giai đoạn thứ nhất thuộc về đời sống thanh luyện của tuần thứ nhất nơi đó thao viên có sầu khổ làm đối tượng cho việc nhận định và sẽ có người hướng dẫn bên cạnh (7-10) – giai đoạn thứ hai về đời sống soi sáng ứng với ba tuần lễ còn lại nơi đó thao viên có sự an ủi làm đối tượng cho việc nhận định và cũng có người hướng dẫn bên cạnh (14-17) – tâm điểm của cuộc thao luyện là chính chủ thể vốn phải sống kỷ luật của cuộc thao luyện cách nghiêm túc (11-13) ; sau cùng, phần thứ ba cũng giới thiệu tổng quát về những dạng thức làm Linh Thao (18-20).

Trong cuộc Linh Thao, thánh I-nhã cũng hứa cho thao viên đạt đến cấp độ thiêng liêng của một linh hồn sốt mến (15^3) vốn là đỉnh cao của việc thao luyện ở cuối tuần hai nơi bậc Khiêm Nhường thứ ba (167) mà hai tuần còn lại chỉ có giá trị trắc nghiệm và phê chuẩn sự trưởng thành thiêng liêng này. Khởi từ đỉnh cao ấy mà thao viên có thể làm cuộc chọn lựa bậc sống ở thì thứ nhất nếu Chúa ban cho sự chọn lựa này (175). Linh hồn sốt mến này cũng được nói đến trong bộ nhận định thần loại (332) như người nhận được an ủi có nguyên do trước (330^2/ 331).

Khi đối chiếu hai lược đồ với nhau, chúng ta có thể kết luận một cách chắc chắn rằng kinh nghiệm thiêng liêng của thánh I-nhã ở Manresa và của thao viên trong Linh Thao là một, vì hai kinh nghiệm ấy có cùng một tiến trình thao luyện và dẫn đến cùng một kết quả. Như vậy, dù thánh I-nhã không hề đả động gì đến mình khi viết những chú dẫn, nhưng khi so sánh với Tự Thuật, chúng ta tìm thấy rõ chân dung ngài. Nói cách khác, ngài giới thiệu về chính mình cách gián tiếp trong cuộc Linh Thao xét như người kiểu mẫu cũng như người hướng dẫn trong cấu trúc ở phần dẫn nhập. Và có thể nói, Linh Thao là khoa đào luyện thiêng liêng vốn được phổ quát hoá từ kinh nghiệm bản thân của ngài.

II. Phạm vi đào luyện trong Linh Thao.

Phạm vi đào luyện này hệ ở hai yếu tố cần thiết:

1. Sự trưởng thành thiêng liêng

Thành quả đầu tiên chúng ta gặt hái được chính là sự trưởng thành thiêng liêng trong cuộc thao luyện. Am hợp với ý nghĩa thích đáng của từ ngữ "thao luyện" (Exercices) trong Linh Thao, sự trưởng thành mà thao viên đạt đến chính là trưởng thành của người đạt được sự an ủi có nguyên do trước (330^{2}) với tư cách của một linh hồn sốt mến hay linh hồn công chính (15^{3}; 175; 332). Linh Thao của thánh I-nhã không đưa người ta đi xa hơn mức độ nên thánh này. Đành rằng thánh I-nhã chỉ nói đến hai mức độ trưởng thành: đời sống thanh luyện (vita purgativa) và đời sống soi sáng (vita illuminativa) tương ứng với tuần thao luyện thứ nhất và thứ hai (10^{2-3}), nhưng tất cả cuộc thao luyện cũng không thao viên một sự trưởng thành vượt quá mức độ soi sáng này, nghĩa là tuần ba và tuần bốn không đi xa hơn tuần hai. Cả hai tuần này dừng lại ở cấp độ đời sống soi sáng như tuần hai với ý nghĩa trắc nghiệm và phê chuẩn hành trình đi theo Chúa.

Để có thể chứng minh cho xác quyết này, chúng ta đã tìm ra sự thống nhất giữa tuần thứ hai, thứ ba và thứ tư vốn cho phép thao viên đạt tới tình yêu cá vị với Chúa Ki-tô ở cấp độ ý thức.

Quả vậy, vận hành của tuần hai khởi đi từ "Nguyên Lý và Nền Tảng mới" nơi đó Chúa Ki-tô là mẫu mực trong bài "Lời Gọi của Vua Hằng Sống" mà nội dung đào luyện chính được tóm kết vào cụm từ: "Theo Ta trong đau khổ, ở với Ta trong vinh quang" (95^{5}). Tuần hai đào luyện người thao viên ở vế thứ nhất của lời gọi này ở hai cấp độ: lề luật và lời khuyên hay tình yêu. Đỉnh cao của việc theo Đức Ki-tô ở đây được diễn tả ở cách khiêm nhường thứ ba nơi ngươi tập luyện muốn chọn lựa sự khó nghèo và chịu sỉ nhục với Chúa Ki-tô hơn là sự giàu có và danh vọng để nên giống Ngài cách thiết thực hơn (167^{2-3}). Đây là một sự chọn lựa hoàn toàn mang tính chủ động trong tình yêu, một sự kết hợp nên một còn ở bình diện ý thức và chủ động của linh hồn sốt mến với Thiên Chúa để có thể thực hiện việc chọn lựa bậc sống ở thì thứ nhất nếu Thiên Chúa tác động nơi ý muốn của họ một sự chỉ vạch chắc chắn mà không hồ nghi và cũng không thể hồ nghi (175^{2}). Vậy linh hồn sốt mến (332) chính là diễn ngữ chỉ về người nhận được sự an ủi có nguyên do trước (330^{2}) của cách khiêm nhường thứ ba để có thể làm cuộc chọn lựa bậc sống theo thì thứ nhất đó.

Sự thống nhất của ba tuần Linh Thao thứ hai, thứ ba và thứ bốn không chỉ tìm được về mặt ngoại tại, tức là qua sự vận hành và sự liên đới của những tuần này với nhau, mà nhất là về mặt nội tại, tức là qua ý hướng thần học của ba tuần Linh Thao này *(x. chú giải về "Những Mầu Nhiệm của cuộc đời Chúa Ki-tô" từ số 161-312).* Chính ý hướng thần học được thánh I-nhã gởi gấm vào trong những mầu nhiệm này dưới ánh sáng của bài Lời Gọi của Vua Hằng Sống (91-98) mà chúng ta thấy được rằng tuần hai đào luyện thao viên về ý tưởng "Theo Ta trong đau

khổ", còn tuần ba đào luyện họ cũng trong ý tưởng này cùng với ý hướng trắc nghiệm và thử thách, và tuần bốn đào luyện họ về ý tưởng "Ở với Ta trong vinh quang" (95^5) theo ý hướng phê chuẩn.

Đời sống thần hiệp không nằm trong phạm vi thao luyện ba mươi ngày (4^8), nhưng nằm sau cuộc thao luyện qua một quá trình "cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống" (189) cho đến khi Thiên Chúa đến chiếm đoạt trọn vẹn họ vào lòng yêu mến Ngài nếu Ngài muốn (330^1).

Như vậy, thánh I-nhã vừa vay mượn ý niệm truyền thống về hành trình phát triển đời sống thiêng liêng, vừa đem đến cho ý niệm ấy một sự tổng hợp có tính nhất quán và một sự phân biệt chi li và chính xác hơn. Ngài vay mượn lý thuyết về ba chặng đường phát triển đời sống thiêng liêng mà ngài gọi là đời sống: chặng đường thanh luyện, chặng đường soi sáng và chặng đường thần hiệp vốn được khai triển từ thời Cassien, và lý thuyết về hai con đường về đời sống cầu nguyện: cầu nguyện thủ đắc và cầu nguyện thụ động. Dấu vết của sự vay mượn này bộc lộ rõ ràng nơi bản V khi do dự giữa hai từ ngữ đời sống và chặng đường bằng cách nói: "Chặng đường của đời sống" (10^2). Và khi nối kết hai lãnh vực này lại với nhau, thánh I-nhã cho thấy việc hoàn thiện đời sống là một thể thống nhất của trọn vẹn hữu thể nhân linh chứ không tách ly hữu thể ấy thành từng mảng.

Đi xa hơn, thánh I-nhã đã nhất trí với truyền thống về đời sống thần hiệp vốn cho chủ thể đạt tới sự kết hiệp trọn vẹn nên một với Thiên Chúa trong tình yêu do sự chiếm đoạt của Ngài. Thế nhưng chính qua kinh nghiệm bản thân của mình, ngài chỉ cho thấy ở cấp độ nào của tình yêu mới có thể có sự chiếm đoạt đó: cấp độ liên kết tình yêu ở tận vô thức với Đức Ki-tô vốn hình thành một thứ văn hóa mới chứ không phải bất cứ tình yêu nào và bất cứ hạng tình yêu nào. Như thế, dù chưa biết gì về lý thuyết tâm lý học hiện đại của S. Freud, nhưng thánh I-nhã đã diễn đạt thực sự những thực tại biểu hiện về ngành tâm lý chiều sâu này không phải bằng lý thuyết, nhưng bằng kinh nghiệm sống của mình. Và không ai khác, chính ngài mới là cha đẻ về những phạm trù của tâm lý chiều sâu ấy, cũng không phải để khai thác nó như một môn khoa học thuần tuý cho lãnh vực hiểu biết, mà như một phương tiện và một ngưỡng cửa dẫn vào hành trình nên thánh cách trọn vẹn nhất của đời sống thiêng liêng bằng sự cộng tác giữa tự nhiên và ân sủng.

2. Sự trưởng thành thiêng liêng được diễn đạt trong hiện trạng cụ thể.

Phương pháp thao luyện của thánh I-nhã không dừng lại ở mặt lý thuyết, nó được cụ thể hoá ở từng giai đoạn và từng cấp độ trong một hệ thống kết nối rất chặt chẽ nhằm diễn tả mối tương quan biện chứng giữa ơn sủng và tự do (*x. chú giải hệ thống huấn luyện theo lược đồ hướng tâm và đồng tâm A-B-C-B'-A' của 320-324).* Vì thế không lạ gì khi thánh I-nhã đòi hỏi cách khắt khe nơi thao viên

không chỉ lòng quảng đại (5) mà cả kỷ luật sống vốn được đề ra cho thao viên như một điều kiện không thể miễn chuẩn trong cuộc thao luyện *(x. chú giải số 11 -13 trong hệ thống chú dẫn).*

- Trong tuần một, Nguyên Lý và Nền Tảng (23) nơi kinh dọn lòng (46; 55^{2}...) soi chiếu vào cuộc đời thao viên ở bình diện luân lý khiến họ nhận ra chân tướng đích thực của mình ở cấp độ ý thức của tội lỗi hay ở cấp độ vô thức của nết xấu khiến họ thấy mình đáng bị sa hỏa ngục (50^{3}; 52^{1-2}; 65-71) và đánh mất đi niềm hạnh phúc của vườn địa đàng (60). Vận hành của thao luyện cho phép thao viên đối diện với Chúa Ki-tô trên thập giá xét như Đấng Cứu Độ để sám hối và nhận lãnh ơn tha thứ nơi tận chân tướng của mình. Để cộng tác và sống ơn tha thứ của Chúa, thao viên bước vào hành trình cải thiện và tu sửa con người cũ bằng cách loại trừ một tội riêng hay một nết xấu chủ đạo qua việc xét mình riêng (24-31) trong mối tương quan với tha nhân, sống tu luyện qua việc hãm mình đền tội (82-87) và dấn thân xây dựng đời sống thiêng liêng dựa vào cách cầu nguyện thứ nhất (238-248) đối với những người dừng cuộc thao luyện ở tuần thứ nhất (18). Hành trình xét mình riêng (90; 160), việc hãm mình đền tội (130^{5}) và những việc thao luyện vẫn tiếp tục nơi những người có đủ điều kiện để tiếp tục cuộc Linh Thao vốn dành cho những người làm Linh Thao trong đời sống hằng ngày (19^{8}) và cho những người làm Linh Thao đầy đủ (20). Đối với những người không nhiệt tâm và không muốn tiến xa hơn, họ phải ngừng lại ở tuần một này hoặc ít là ngưng lại trong một thời hạn *(Ignace de Loyola, Directoire des Ex. de la deuxieme Semaine, notes autographes II, 13).*

- Trong tuần hai, Nguyên Lý và Nền Tảng ở cấp độ mới với ý niệm "Theo Ta trong đau khổ, ở với Ta trong vinh quang" (95^{5}) dẫn thao viên vào hành trình thao luyện gồm hai cấp độ: bước theo Đức Ki-tô ở bình diện lề luật vốn đạt đến đỉnh cao ở Mẫu người thứ ba (155) và bước theo Ngài ở bình diện lời khuyên hay tình yêu vốn đạt đến đỉnh cao ở Cách khiêm nhường thứ ba (167). Cả hai cấp độ này đều đòi hỏi người thao viên không ngừng lớn lên trong việc nhận định thần loại (313-336) vốn được cụ thể hoá nơi bài suy gẫm về Hai Cờ Hiệu (136-147). Chính qua sự vận hành của tuần hai như thế, thánh I-nhã gián tiếp giới thiệu việc chọn lựa bậc sống gồm ba thì vốn am hợp với ba tài năng linh hồn: lòng muốn của tình yêu, cảm xúc của việc nhận định thần loại và sự hiểu biết của lý trí tự nhiên để thao viên có thể cụ thể hoá việc bước theo Đức Ki-tô trong một ơn gọi nhất định (169-188). Vì vậy, thánh I-nhã sẽ không cho phép bất cứ một thao viên nào không đạt được cấp độ tối thiểu vào việc chọn lựa, cấp độ bình tâm để làm việc chọn lựa ở thì cuối cùng *(Ignace de Loyola, Directoire concernant les Elections, notes autographes III, 17^{b})* và ngài khuyên họ nếu có thể phải đạt đến cách khiêm nhường thứ ba (167) để có thể làm việc chọn lựa ở cấp độ tình yêu *(Ignace*

de Loyola, Dirctoire concernant les Elections, notes autographes III, 17[a]). Chính nhờ cuộc chọn lựa mang tính chung quyết này mà thao viên có thể làm cho việc bước theo Đức Ki-tô sinh hoa trái cách sống động trong việc cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống của mình (189).

Cột mốc chọn lựa dẫn chính thao viên vào việc xây dựng con người mới trong một hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của một ơn gọi vốn được Giáo Hội chấp nhận, nên hành trình sống con người mới lúc này vừa tiếp tục vừa vượt qua hành trình của những người dừng cuộc thao luyện ở tuần thứ nhất. Chúng ta nhận thấy rõ sự khác biệt này khi liên tưởng đến hai vấn đề: vấn đề xét mình riêng ở tuần một (24-31) và cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống (189) ở cuối tuần hai (*x. chú giải về việc canh tân ở số 189)* – vấn đề hãm mình đền tội ở tuần một (82-87) và việc tự chỉnh đốn trong việc ăn uống (210-217) ở tuần ba *(x. chú giải về việc chỉnh đốn trong việc ăn uống từ số 210-217).* Ngoài ra những vấn đề khác liên quan đến việc bố thí (337-344) và liên quan đến đời sống Giáo hội (352-370) có thể xảy ra bất cứ ở đâu và nơi nào của cuộc sống đều được diễn đạt bằng những quy tắc ở cuối sách Linh Thao để giúp người ta hành xử chính xác, cả khi họ rơi vào trường hợp bối rối (345-351).

III. Những vấn đề được đặt ra cho bản văn

Trong phần dẫn nhập, chúng ta đã giới thiệu rằng cho đến khi thánh Borja vận động để sách Linh Thao được Toà Thánh phê chuẩn, chưa có một bản văn nào trong tay thánh I-nhã đã được hoàn chỉnh. Vì thế ngoài bản văn A, ngài đã cho chỉnh sửa bản La Tinh P1 thành bản P2 và đồng thời ngài nhờ cha André des Freux mà tiếng La Tinh gọi là Frusius, một Giê-su hữu người Pháp dịch sang tiếng La Tinh thêm một bản Linh Thao khác để xin Toà Thánh phê chuẩn cả hai bản văn La Tinh này. Mặt khác, trước khi đệ trình lên Toà Thánh, ngài còn trao cho cha Polanco, thư ký của ngài sứ mạng duyệt xét lại và chỉnh sửa những điều cần thiết để hoàn thiện hai bản văn chính thức đó.

Vấn đề được đặt ra: Các bản văn được chỉnh sửa đã đạt đến mức hoàn hảo chưa? Công việc chú giải nhờ phương pháp so sánh nhất lãm dưới lăng kính đồng đại và lịch đại cho phép chúng ta kết luận rằng chúng chưa hoàn hảo. Kết luận này chúng ta gặt hái được và liệt kê một số yếu tố chính yếu sau đây:

1. Những yếu tố quan trọng.

- Thứ nhất, về việc xét mình hằng ngày (43): Các bản văn gọi là phương pháp xét mình chung (A,P) hay cách xét mình chung (V). Chúng ta đã tìm hiểu và nhận biết rằng việc xét mình hằng ngày này bao gồm hai yếu tố chính: việc xét mình riêng và xét mình chung nơi đó việc xét mình riêng vào lúc này nhằm xét đến việc loại bỏ, trong thời hạn một buổi, một đối tượng của chân tướng cũ mà

chủ thể đã quyết định thực hiện: một tội hay một nết xấu chủ đạo - và việc xét mình chung được hiểu là môi trường hoạt động của đối tượng đó, tức là tư tưởng, lời nói và việc làm khiến cho một tội hay một nết xấu bộc lộ cách ý thức hay vô thức.

Hai cách xét mình riêng và chung được phối hợp với nhau như thế trong việc xét mình hằng ngày, và như chúng ta đã phân tích khi qui chiếu về đối tượng việc xét mình riêng (25[2-3]*), bản A thiếu đối tượng của việc xét mình riêng: một tội hay một nết xấu - bản P thiếu một phần đối tượng: nết xấu và một phần môi trường: tư tưởng – còn bản V thiếu một phần đối tượng: nết xấu (x. chú giải, vấn đề về nội dung việc xét mình hằng ngày số 43[4]).*

-Thứ hai, về số Linh Thao 189: Số Linh Thao này liên quan trực tiếp đến việc xét mình riêng vì nó có tính vừa đồng nhất, vừa vượt qua việc xét mình riêng của tuần một. Thế nhưng các tựa đề đã diễn tả cách liên đới khác biệt nhau: Bản A có tựa đề: "Để cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống mình", bản P: "Để canh tân và cải thiện đời sống và Bậc sống riêng của mình" và bản V: "Về việc cải thiện hoặc canh tân mà mỗi người phải làm liên quan đến bậc sống" (189[1]).

Nếu qui về việc xét mình riêng, chúng ta nhận thấy rằng, mục đích của việc xét mình riêng là nhằm tu sửa (A,P) hay/ và cải thiện (A,P,V) một tội riêng hay một nết xấu chủ đạo (24[2]; 25[2b]). Việc tu sửa hay cải thiện này liên quan đến đời sống vì chưa được minh xác bằng những ơn gọi cụ thể. Chỉ sang cuối tuần hai, việc chọn lựa bậc sống mới được đặt ra (135; 169-188). Với đặc tính tiếp nối và vượt qua của số 189 sau việc chọn lựa bậc sống, tựa đề cho thấy việc cải thiện liên quan đến đời sống, còn việc canh tân liên quan đến bậc sống đã được chọn lựa. *Như thế, tựa đề của A hợp với luận lý vì đối cách của động từ "cải thiện" là "đời sống" còn đối cách của "canh tân" chính là "bậc sống". Bản P đảo lộn động từ và đối cách, vì khi khai triển bên dưới nó cho thấy tựa đề phải chỉnh sửa lại như A (x. 189[4]). Sau cùng tựa đề của V thiếu đối cách "đời sống" cho động từ "cải thiện" (189[1]) và khi khai triển lại thiếu động từ "canh tân" cho đối cách "bậc sống" (189[4]).*

- Thứ ba, về cách chọn lựa thứ hai của thì thứ ba (184-188): Cách thứ hai của thì thứ ba thuộc về việc chọn lựa dựa vào lý trí tự nhiên như cách thứ nhất, nhưng nền tảng của việc chọn lựa này không tìm ở nguyên lý tiên khởi (23), mà tìm ở kinh nghiệm sống loại suy từ bài Chiêm niệm để được tình yêu (230-237). Chính từ kinh nghiệm có được về tình yêu và ơn tha thứ của Thiên Chúa dành cho chủ thể cũng như việc theo Chúa ở cấp đổ nhân bản mà họ muốn chân nhận Ngài làm cứu cánh đời họ. Và để chọn lựa cho chính xác, họ phải đạt đến sự bình tâm để chỉ chọn điều gì đúng với ý Thiên Chúa nhất.

Cách chọn lựa này trong quy tắc thứ nhất (184) cho phép thao viên tìm đến cứu

cánh cho đời mình bằng viễn tượng hậu nghiệm này. Còn lại ba quy tắc tiếp theo (185-187) cho phép người thao viên trắc nghiệm sự bình tâm của mình trong cuộc chọn lựa khi khách quan hóa chính mình nơi người khác, và nơi chính mình trong giờ chết và giờ phán xét. Vậy đấy là hai bước tương ứng với ba điểm đầu: đặt khung cảnh, nêu điều kiện bình tâm và xin ơn (178-180) của cách thứ nhất để chủ thể bước vào chính cuộc chọn lựa. Như vậy, những bước còn lại phải làm là suy xét những ích lợi và bất lợi gây ra do đối tượng của việc chọn lựa đem lại cũng như việc từ khước (181), thực hiện việc chọn lựa theo sự nghiêng chiều hơn của lý trí (182) rồi mới đi cầu nguyện và dâng cho Chúa việc chọn lựa (183) như cách thứ nhất.

Nếu có sự tương ứng như thế, công việc còn lại của cách chọn lựa thứ hai phải làm ở ghi chú sau bốn quy tắc là suy xét đối tượng của việc chọn lựa, thực hiện việc chọn lựa và cầu nguyện dâng cho Chúa việc chọn lựa (# 181-183). Cả ba bản văn đều xác định hành vi tiếp theo là làm việc chọn lựa và dâng lên Chúa, nhưng chỉ qui chiếu về điểm thứ sáu của cách thứ nhất (A,P) hay điểm cuối cùng (V), tức việc dâng lên Chúa sự chọn lựa (#183), *Và như thế cách này thiếu hai điểm tương đương trước đó: suy xét và chọn lựa.*

Tuy nhiên, cũng có thể lấy quy tắc thứ năm của việc bố thí ra áp dụng , nghĩa là làm việc chọn lựa trong tình huống bình tâm đó và khi nào thấy quyến luyến xảy ra, chủ thể phải dừng lại suy xét các quy tắc trên (342). Khi chọn lựa xong, đi làm việc dâng hiến như điểm thứ sáu của cách thứ nhất.

-Thứ bốn, về việc chuẩn bị của Ba Cách Cầu Nguyện (239): Tâm tình chuẩn bị này phải thực hiện trong cả ba cách cầu nguyện: cách thứ nhất, trước khi bước vào cầu nguyện, để cho tinh thần được nghỉ ngơi đôi chút, như đi tản bộ từ thấy đàng nào tốt hơn, rồi suy xét xem mình đi đâu và để làm gì (239; 244^2; 246^2; 247^2), cách cầu nguyện thứ hai (250) và thứ ba (258^2). Việc chuẩn bị này được thánh I-nhã thẩm định là một việc tương đương với "Điều phụ thêm thứ hai của tuần thứ hai" theo A và P (239^1). Điểm qui chiếu của hai bản văn này không chính xác, vì khí cụ "điều phụ thêm" không có trong tuần hai mà chỉ có trong tuần thứ nhất của Linh Thao mà thôi.

Cha Polanco đã nhận ra sự sai sót này nên đã can thiệp vào bản V khi bỏ cụm từ "của tuần thứ hai" và đổi cụm từ " Điều phụ thêm thứ hai" sang "Điều phụ thêm thứ ba". Sự can thiệp này lại cũng chẳng được chính xác hơn. Vì lẽ điều phụ thêm thứ ba chính là thái độ ngay khi bước vào cầu nguyện chứ không phải sự chuẩn bị. Quả thế, tư tưởng của việc chuẩn bị này phải làm trước khi bước vào cầu nguyện (239^2).

Thực ra đây chính là việc chuẩn bị xa thứ hai vốn tương đương với việc chuẩn bị

cho việc suy gẫm hay chiêm niệm vào nửa đêm và vào ban sáng ở điều phụ thêm thứ hai nhưng thuộc tuần một (74). Còn sự chuẩn bị này cho các cuộc thao luyện khác đã được thánh I-nhã chỉnh sửa lại ở ghi chú thứ năm của tuần thứ hai vốn có đề nghị giống như việc chuẩn bị này (131). *Như thế, việc chuẩn bị này phải qui chiếu về ghi chú thứ năm trong bộ ghi chú thứ nhất (127-131) của tuần thứ hai chứ không phải điều phụ thêm thứ hai của tuần thứ hai như A và P hay điều phụ thêm thứ ba như V.*

-Thứ năm, về cách cầu nguyện thứ hai (249-257): Đây là việc chiêm niệm ý nghĩa từng từ của một kinh đọc (249) bằng cách dừng lại suy xét từng từ một của một kinh đọc, khởi từ những từ đầu tiên cho đến hết kinh đó. Việc dừng lại suy xét này kéo dài bao lâu tùy theo chủ thể còn thấy những ý nghĩa, cảm nếm, hương vị hay an ủi của nó rồi tiếp tục với những từ tiếp theo của kinh đọc (252). Và thời hạn cho mỗi lần cầu nguyện là một giờ đồng hồ (253).

Cách chiêm niệm này có hai trường hợp xảy ra: Nếu khi chiêm niệm một kinh đọc theo cách này xong mà thời lượng chưa hết, chủ thể sẽ đọc các kinh khác theo như thông lệ: Kinh Kính Mừng, Kinh Tin Kính, Kinh Lạy Hồn Chúa Ki-tô, Kinh Lạy Nữ Vương... cho đến khi kết thúc giờ chiêm niệm. Như vậy, trong quy tắc thứ nhất, Kinh Lạy Cha được đem ra để thực hiện việc chiêm niệm từng từ, còn các kinh khác đọc theo thường lệ (253).

Trường hợp thứ hai, nếu việc chiêm niệm từng từ trong kinh đọc trong thời hạn một giờ mà chưa xong, chủ thể ngừng lại nơi từ đó và rồi đọc những điều khác còn lại trong kinh đọc như thường lệ cho đến hết kinh đọc để kết thúc giờ cầu nguyện. Như thế kinh đọc có hai phần, phần đầu chiêm niệm từng từ và phần sau đọc theo thông lệ (254).

Cả ba bản văn đã không cho ta sự phân biệt rõ nét về cách cầu nguyện này ở quy tắc thứ nhất (253). Vì bản văn nói: "xong kinh này (mà còn thời gian), ta đọc Kinh Kính Mừng... theo cách quen làm (cho đến hết giờ)" theo A – hoặc "một khi đã cầu nguyện xong Kinh Lạy Cha (mà còn thời gian), ta sẽ đọc kinh... như cách thức thường làm (cho đến hết giờ)" theo P – hoặc "một khi điều đó kết thúc (mà còn thời gian), ta sẽ đọc... tuỳ theo thói quen thông thường (cho đến hết giờ)" theo V. *Để cho việc phân biệt rõ hơn, ta nên thêm cụm từ: "mà còn thời gian" vào sau vế thứ nhất và cụm từ "cho đến hết giờ" ở sau vế thứ hai của các bản văn vốn được đặt trong ngoặc đơn ở trên.*

2. Những ý niệm sai sót

Một số ý niệm sai sót sẽ được nêu ra sau đây giúp chúng ta bổ túc nơi từng bản văn cho được chính xác.

- Lầm lẫn từ ngữ: Theo lý thuyết, những cuộc thao luyện theo mặc khải của tuần

một thuộc về những bài suy gẫm, và ngược lại của những tuần còn lại thuộc về những bài chiêm niệm. Tuy nhiên có sự lầm lẫn cả ở bản A lẫn hai bản P và V: Ở cuộc thao luyện thứ bốn của tuần một, bản A và P lầm lẫn khi nói về "những điều đã chiêm niệm" mà lẽ ra là "*<u>những điều đã suy gẫm</u>" (64[2]); ngược lại, bản V lại lầm lẫn ngay sau đó ở bài suy gẫm về Hoả ngục, bản văn cho là bài "Chiêm niệm" (65[1]). Bản này cũng còn hai lần lầm lẫn từ ngữ ở tuần hai (101[1], 130[3] và 162) và tuần bốn (226). Trong bản văn còn nhiều chi tiết khác đặc biệt đối với V.*

- Số 172: Nằm trong việc chỉ dẫn của những việc chọn lựa, trong đó đối với việc chọn lựa không thể thay đổi, người ta không được chọn lại khi đã làm rồi vì không tháo bỏ được. Bản A sai chi tiết này khi nói: " chỉ còn phải xem xét nếu mình đã không làm việc chọn lựa cho phải phép và theo cách thức đúng trật tự, không có những quyến luyến lệch lạc, thì ăn năn hối hận..." (172[2]). Bản P đã điều chỉnh ý tưởng không rõ ràng này bằng cách thêm từ ngữ "*<u>nghĩa là</u>*" vào trước cụm từ "không có những quyến luyện lệch lạc", mà thực ra là có những quyến luyến lệch lạc.

- Số 203: thuộc về tiền nguyện ba của bài chiêm niệm mẫu thứ hai của tuần ba, tức là việc xin ơn. Bản văn A và P xác định điều xin ơn ở đây là điều đặc biệt hay là điều thuộc riêng trong cuộc thương khó (203[a]). Thuộc riêng tại sao? Thưa vì ơn xin ở đây khác với ơn xin ở bài thứ nhất ở chỗ ơn xin của bài thứ nhất có liên hệ với đời sống thanh luyện của tuần một vì chủ thể phản tỉnh về ơn huệ của tuần này: Chúa đi vào cuộc thương khó vì "tội của tôi" (193) trong khi ơn xin của bài này thuộc về đời sống soi sáng của tình yêu để xây dựng và trắc nghiệm tình yêu của chủ thể: Chúa đi vào cuộc khổ nạn vì "chính tôi" (203[b]). *<u>Bản V thiếu yếu tố đặc trưng này</u>* nên chỉ nói đến tính tổng quát của cuộc thương khó.

- Số 204-207: Những số Linh Thao này là những "ghi chú" vốn thuộc về hệ thống khí cụ hướng dẫn Linh Thao của bản A. Các bản văn P và V đều duy trì cách trung tín với hệ thống này khi P gọi là những "chú dẫn" và V sử dụng động từ "Phải ghi chú". Trong những số này, *<u>bản A thiếu những cụm từ "Ghi chú thứ nhất, thứ hai... ở đầu mỗi số</u>*.

- Số 214: Đây là qui tuắc thứ năm của phần thứ hai thuộc những quy tắc để tự chỉnh đốn trong việc ăn uống (214-217). Quy tắc này chỉ dẫn thao viên chiêm ngắm Đức Ki-tô đối xử khi ăn với các tông đồ để noi gương Ngài. Bản A viết sau đó một cách lẫn lộn như sau: "như vậy phần thượng của trí khôn chăm lo suy xét về Chúa chúng ta và phần hạ lo về việc nuôi dưỡng thể xác ..." (214[2]). Bản văn cho thấy rằng trí khôn có hai phần: thượng và hạ cách không chính xác. Bản P và V không phân biệt phần thượng hay phần hạ của trí khôn mà chỉ nói đến hoạt động của trí khôn khi chú tâm về Chúa Ki-tô thì sẽ ít bận tâm đến việc ăn uống. Như vậy hai bản này diễn tả sự việc chính xác hơn.

Nếu muốn có sự phân chia, ta qui về Mười điều phụ thêm ở đó thánh I-nhã bàn về mục đích thứ hai về việc đền tội bề ngoài (87^2) và nói: để chiến thắng mình khi bắt tình cảm phải vâng phục lý trí và mọi phần hạ phục tùng phần thượng (A,P). Cũng ở đây, bản V phân biệt rõ khi nói rằng phần hạ là tình cảm, còn phần thượng là lý trí.

Dưới ánh sáng của V ở đây, chúng ta có thể sửa số 214^2 của A như sau: "như vậy, phần thượng *là* trí khôn chăm lo suy xét về Chúa chúng ta và phần hạ *là tình cảm* lo về việc nuôi dưỡng thể xác".

- Số 226: Số này của bản A cũng thuộc về hệ thống ghi chú, khí cụ thứ hai để hướng dẫn Linh Thao mà thánh I-nhã áp dụng vào tuần ba. Bản P vẫn gọi là "Những chú dẫn" và bản V vẫn sử dụng động từ "ghi chú". Tuy nhiên trong khi hệ thống khí cụ này được P và V viết rõ ở đầu mối số thì *bản A thiếu cụm từ "Ghi chú thứ nhất" ở đầu số 226*.

Cũng trong số này, khi lấy tuần ba làm mẫu cho tuần thứ tư này, bản A nói: "trong các cuộc chiêm niệm sau, nên tiến hành theo cách thức sẽ chỉ dưới đây, về tất cả các mầu nhiệm, từ sự sống lại cho đến hết việc Chúa lên trời; ***Về điều còn lại***, trong suốt tuần về sự phục sinh sẽ đi theo và tuân giữ cùng một hình thức và cách thế như đã giữ trong tất cả tuần về sự thương khó" (216^{1-2}). Cụm từ "Về điều còn lại" (en lo restante) đã bị hai bản văn còn lại loại bỏ và động từ "đi theo và tuân giữ" trở nên phân từ. *Ý tưởng trở nên hợp lý hơn, nên ta có thể sửa lại câu văn như sau: "... từ sự sống lại cho đến hết việc Chúa lên trời, trong suốt tuần về sự phục sinh, bằng cách đi theo và tuân giữ cùng một hình thức và cách thế như đã giữ trong tất cả tuần về sự thương khó".*

- Số 256-257: Những số Linh Thao này thuộc về cách cầu nguyện thứ hai, chiêm niệm ý nghĩa từng từ của một kinh đọc. Trong cách cầu nguyện này, thánh I-nhã sử dụng hai hệ thống hướng dẫn: các quy tắc (253-255) và tiếp theo là hệ thống những "ghi chú" theo A, "chú dẫn" theo P và động từ "phải ghi chú" theo V. *Trong hệ thống khí cụ thứ hai này, Bản A thiếu cụm từ "Ghi chú thứ nhất" ở đầu số 256; bản P thiếu cụm từ " Chú dẫn thứ hai" ở đầu số 257 và bản V thiếu cụm từ "Cần phải ghi chú" ở cả hai số 256 và 257.*

- Số 271^1: thuộc mầu nhiệm về đời sống ẩn dật của Chúa Giê-su. Cả ba bản văn đều trích dẫn Kinh Thánh trong Tin Mừng Lu-ca đoạn hai. Bản A còn trích cả câu Tin Mừng và cho đó là những câu từ 50-52. *Thực ra đó là những câu 51-52*.

- Số 275^8: Số Linh Thao này thuộc về mầu nhiệm Chúa kêu gọi các tông đồ, trong đó điểm thứ ba giúp chiêm ngắm sự biến đổi của các ông ở ba mặt: từ giai cấp thấp hèn, được gọi vào phẩm chức cao trọng và những ơn ban vượt trên mọi phẩm tước. Bản A và V đi theo luận lý này, *còn bản P lại chỉnh sửa phẩm chức*

các tông đồ thành phẩm chức của Đức Ki-tô, điều cần phải được sửa lại cho hợp với luận lý.

- Số 277[4]: Số Linh Thao này nằm trong mầu nhiệm Đức Ki-tô đuổi quân buôn ra khỏi Đền Thờ theo Tin Mừng Gio-an 2,13-25. Tuy nhiên, khi trưng dẫn Kinh Thánh, cả ba bản văn đều thay đổi ý nghĩa. Chúa Giê-su nói với những người bán bồ câu rằng: "Hãy đem những cái này ra khỏi đây và đừng biến nhà Cha Ta thành nhà buôn bán" (Ga 2, 16), cả ba bản văn đều nhất trí nói cách sai lầm rằng: "Đừng biến nhà Ta thành nhà buôn bán". Thực ra theo các bản văn Kinh Thánh thì Chúa không nói như thế, *nhưng nói: "Đừng biến nhà Cha Ta thành nơi buôn bán*".

- Số 282[1-2]: liên quan đến người phụ nữ sám hối trong Tin Mừng Lu-ca (Lc 7, 36-50) mà cả ba bản văn đều cho rằng người phụ nữ này là Ma-ri-a Ma-đa-lê-na ngay từ tựa đề (282[1-2]), một sự đồng hoá không chính xác. Cha Polanco sửa bản văn khi thêm vào V cụm từ: "Hoặc đây là Ma-ri-a Ma-đa-lê-na, em của chị Mát-ta, hoặc đó là một người khác". Cụm từ đồng hoá người phụ nữ này với Ma-ri-a em của Mát-ta càng làm cho bản văn Tin Mừng thêm sai lệch. *Thực ra đó là người phụ nữ không phải là Ma-ri-a Ma-đa-lê-na và cũng không phải là em cô Mát-ta*.

- Số 291[1]: thuộc về mầu nhiệm ở Vườn Dầu cho đến hết khi ở nhà ông An-na, cả ba bản văn trích dẫn Tin Mừng Mathêu (Mt 26), A và V trích thêm Tin mừng Lu-ca (Lc 22) và Tin Mừng Mác-cô. Tuy nhiên, bản A trích dẫn sai đoạn văn Mác-cô: *lẽ ra mầu nhiệm này thuộc đoạn 14 thì A cho đó là đoạn 15*. V đã sửa sai điều này.

Tương tự như thế đối với hai mầu nhiệm thuộc *số 293[1] và 295[1] thực ra thuộc Tin Mừng Mt 27*, nhưng bản A cũng viết Mt 26.

- Số 317: Số Linh Thao này thuộc về bộ quy tắc thứ nhất của việc nhận định thần loại, nơi đây thánh I-nhã muốn đưa ra định nghĩa về sầu khổ vốn đối nghịch với an ủi thiêng liêng ở số trước đó (316). Có hai điều cần phải điều chỉnh ở các bản văn này:

Trước hết, khi kê khai những sầu khổ thuộc tuần hai vốn đối nghịch với an ủi của tuần đó, thánh I-nhã muốn cho thấy bên kia gia tăng nhân đức đối thần: tin, cậy mến - còn bên này giảm sút cả đến những nhân đức nhân bản: tin tưởng, hy vọng và lòng mến. Bản A và P diễn tả chính xác sự đối nghịch này; trong khi bản V diễn đạt sai sót vì cho thấy sầu khổ "lôi kéo đến chỗ thiếu niềm tin tưởng trong việc cứu độ, và xoá bỏ đức cậy và đức mến" (317[3]). Đức cậy và đức mến không bộc lộ sự đối nghịch với an ủi. *Thế nên phải chỉnh sửa cụm từ "đức cậy và đức mến" thành "niềm hy vọng và lòng yêu mến"*.

Sau nữa, ở câu kết luận của A và P, xem ra không tương hợp với vấn đề. Vì trong khi số này muốn diễn tả sự sầu khổ đối nghịch với an ủi, thì câu kết luận lại đưa ra ý tưởng ngược lại khi nói: "Vì như sự an ủi trái ngược với sầu khổ thế nào, thì các tư tưởng phát xuất từ sự an ủi cũng trái ngược với các tư tưởng phát sinh từ sầu khổ như vậy" (317^4). Bản V đã điều chỉnh lại A và P khi nói: " Thật vậy cũng như sầu khổ đối nghịch với an ủi thế nào, thì tư tưởng từ điều này và điều khác cũng hoàn toàn đối nghịch nhau như vậy". *Vậy A và P phải sửa lại như sau: "Vì như sự sầu khổ trái ngược với an ủi thế nào, thì các tư tưởng phát sinh từ sự sầu khổ cũng trái ngược với các tư tưởng phát sinh từ an ủi như vậy".*

3. Những tính toán lầm lẫn

Ngoài một số những ý niệm đề cập cách không chính xác hoặc thiếu sót, ta còn thấy những dấu vết tính toán hoặc liên đới không chính xác.

- Thứ nhất, về giải thích sau bài mẫu của ngày thứ hai của tuần hai (133), thánh I -nhã đề nghị một sự thay đổi chương trình thao luyện đối với hai ngày trong thời thơ ấu của Chúa: ngày thứ hai và thứ ba, nghĩa là một ngày làm bốn cuộc thao luyện: hai giờ chiêm niệm chính vào lúc rạng đông và giờ lễ, một lần phục niệm tất cả vào giờ kinh chiều và một lần áp dụng ngũ quan vào trước giờ ăn tối (133^2). Thế nhưng hai bản văn A và P lại nói chương trình này áp dụng cho đến hết ngày thứ tư (133^{1b}). Thực ra chương trình ngày thứ tư dành cho hai bài Hai Cờ Hiệu và Ba Mẫu Người vốn được làm năm lần: hai lần vào nửa đêm và ban sáng và hai lần phục niệm vào giờ thánh lễ và kinh chiều cho bài thứ nhất, còn bài Ba Mẫu Người được thay thế cho việc áp dụng ngũ quan (148). Như vậy hai bản văn đã tính không chính xác và chúng ta phải điều chỉnh bản văn như sau: thay vì nói rằng: "từ ngày thứ hai này cho đến hết ngày thứ bốn, *ta phải sửa lại: " từ ngày thứ hai cho đến hết ngày thứ ba" ở 133^{1b}.*

Sự sai sót của V còn đi quá xa khi cho rằng đây là sự thay đổi không chỉ cho tuần hai này mà còn cho cả các tuần Linh Thao còn lại, trong khi chỉ thay đổi có hai ngày mà thôi.

-Thứ hai, về chương trình ngày thứ ba của tuần hai (134) cũng bị liên lụy. Vì trong ngày này, thánh I-nhã cũng đề ra hai mầu nhiệm chiêm niệm: Cuộc sống vâng phục ở Na-za-rét (271) và việc tìm thấy Chúa trong Đền Thờ (272) với hai lần chiêm niệm chính cùng với hai lần phục niệm và một lần áp dụng ngũ quan. So sánh chương trình này với chương trình đã thay đổi ở trên, chúng ta thấy rõ rằng chương trình này dư một cuộc phục niệm ở cả ba bản văn. Vậy câu văn: "sau đó (tiếp theo) ta làm hai cuộc phục niệm" *phải sửa là: "sau đó (tiếp theo) ta làm một cuộc phục niệm" (134^b).*

- Thứ ba, về việc qui chiếu đối với cuộc tâm sự của bài Ba Mẫu Người (156)

Việc qui chiếu này luôn được thánh I-nhã liên kết với khí cụ giải thích ngay sau đó vốn không còn liên hệ đến sự bình tâm mà về tình yêu (157). Lần thứ nhất, ở ghi chú của bài Ba Cách khiêm nhường (168), cha Polanco đã can thiệp sai vào bản V khi đưa việc qui chiếu về tâm sự bài Hai Cờ Hiệu (168^{1}) mà *thực ra là tâm sự của bài Ba Mẫu Người (156-157)*; lần thứ hai *bản A và P lại lúng túng khi cho rằng việc tâm sự qui chiếu về Hai Người mà thực ra phải là Ba Người* (199^{5}).

- Thứ bốn, về bài thao luyện thứ năm trong ngày của tuần ba khi kéo dài tuần này (209^{2}). Đây là lời giải thích nhằm kéo dài hoặc rút ngắn tuần Linh Thao này. Cả hai trường hợp, thánh I-nhã đều cho phân nhỏ các mầu nhiệm đã được đề nghị (289-298), nhưng việc phân nhỏ khi kéo dài nhỏ hơn khi rút ngắn (289^{1-2} so với 289^{4}). Mặt khác trong tường hợp rút ngắn năm bài chiêm niệm là năm mầu nhiệm khác nhau mà không có việc phục niệm và áp dụng ngũ quan (289^{5}). Tuy nhiên trong trường hợp kéo dài, thánh I-nhã nêu ra bốn mầu nhiệm cho bốn bài chiêm niệm đầu tiên mà không đả động gì đến bài thứ năm thuộc loại nào: thêm một điểm khác như khi rút gọn chăng? Hay là bài phục niệm? Hay một bài áp dụng ngũ quan?

Dưới ánh sáng của một đề nghị về chương trình tương tự trong tuần bốn, *ta phỏng đoán bài thứ năm của tuần này là bài phục niệm tất cả bốn bài trước.* Vì chương trình bốn bài chiêm niệm ở đó, thánh I-nhã đề nghị thao viên làm ba cuộc chiêm niệm với ba mầu nhiệm độc lập và lần sau cùng là cuộc phục niệm tất cả ba bài trước (227).

4. Những lúng túng không hiểu tới nơi

Những điều này thuộc về chủ trương phân biệt những cấp độ trưởng thành khác nhau trong đời sống thiêng liêng: cấp độ lề luật và tình yêu ở đó thánh I-nhã còn phân biệt hai cấp độ hay bình diện khác trong tình yêu: tình yêu chủ động và ý thức so với tình yêu thụ động và vô thức. Bản V đã không thấu đáo sự phân biệt này nên chỉ có thể chạm đến lãnh vực áp dụng loại suy của hai loại tình yêu này nơi những bản văn khác. Ta trưng dẫn một số quy tắc sau, đặc biệt là những quy tắc thuộc bộ nhận định thứ hai:

- Số 326^{2}: là thành phần của quy tắc nhận định thứ nhất bàn về khoa sư phạm trung gian của Thiên Chúa nơi đó thánh I-nhã cho thấy khoa sư phạm này dành cho mọi hạng người. Nghĩa là bất kỳ ai cũng cần sự hướng dẫn của người khác để không rơi vào chủ quan. Tuy nhiên, chỉ có người cao hơn mới có thể hướng dẫn người thấp hơn. Ngài đưa ra trường hợp cụ thể: cha giải tội tốt (A,P,V) và những người thuần thiêng (A,V), tức là những người am tường về những điều thiêng liêng và có kinh nghiệm về những mưu mô và lừa đảo của ma quỉ (P) mới có thể dẫn dắt người công chính cách tốt đẹp - ngược lại, người công chính (A,P), tức là người nhận được sự an ủi có nguyên do trước (332^{2}) vẫn phải cần đến sự dẫn dắt

để khỏi lầm lạc (326[2]). Vậy bản V nói theo nghĩa tổng quát, hai bản còn lại xác định cả đến giới hạn của việc áp dụng khoa sư phạm này.

- Số 329-336: trong bộ nhận định thần loại thứ hai, bản V xem ra không hiểu sự phân biệt hai cấp độ an ủi: cao nhất nơi sự an ủi có và không có nguyên do trước vốn là cấp độ của tình yêu và áp dụng những quy tắc này theo nghĩa chặt và cấp độ còn lại ở ngoài phạm vi này vốn chỉ áp dụng những quy tắc này một cách loại suy mà thôi. Nên các từ ngữ thiên thần, người thuần thiêng, người sốt mến, người công chính v.v. được sử dụng cách lúng túng và có khi dư thừa là đàng khác.

Quả vậy, bản V chỉ có thể phân biệt sự an ủi không có nguyên do trước và có nguyên do trước (330), cũng như đặt sự an ủi không có nguyên do trước trong tương quan tác nhân là Thiên Chúa (329[1]; 330[1]; 336[1]) và việc nhận định về sự an ủi này (336[2-6]). Về phía chủ thể, trong khi hai bản văn A và P đều khẳng định đó là người thuần thiêng (336[1]) thì bản văn này không xác định họ phải là ai mà chỉ sử dụng từ ngữ "chúng ta", cho dầu cũng phân biệt hai loại người tiến tới và sa sút (335). Khi phổ quát hoá như thế, bản văn lại nêu sự an ủi này như lời hứa sẽ có cho chủ thể để họ được phép hy vọng đạt tới sự an ủi cao nhất này (330[1]).

Bản văn cũng đề cập về sự an ủi có nguyên do trước (330[2]) và việc nhận định về nó (331-334). Nhưng giống như sự an ủi trên, trong khi bản A và P coi chủ thể là những linh hồn sốt mến hay công chính, bản V cũng không xác định chủ thể là ai, vì thế không thể nhận biết họ ở vào cấp độ thiêng liêng nào, cho dù cũng phân biệt hai hạng người tiến tới và sa sút (335).

Nếu không có sự phân biệt rõ ràng như A và P, người ta chỉ áp dụng việc nhận định thần loại về chúng cách chung khiến cho không những không thấy có sự phân biệt giữa hai từ ngữ thiên thần và thần mà xem ra tác nhân thiên thần lành và thiên thần dữ trở nên dư thừa. Chính vì thế mà bản V này tỏ ra lúng túng về việc sử dụng hai tác nhân này. Cha Polanco can thiệp vào mà không ra khỏi mớ hỗn độn ấy (335[1]).

IV. Những can thiệp của thánh I-nhã và của hai cha Polanco và P. Broët

Trong phần dẫn nhập, chúng ta đã biết đến những can thiệp của thánh I-nhã và cha P. Broët vào bản A và của cha Polanco vào hai bản P và V trước khi hai bản này được đem đi cho Toà Thánh phê chuẩn. Chúng ta cùng tìm hiểu và khám phá những đóng góp này của các ngài.

1. Thánh I-nhã ở bản A

Trong bản A, thánh I-nhã can thiệp 40 lần vào bản văn gồm 25 lần ngài vừa gạch bỏ vừa thay thế (5[1.2]; 21[1]; 45[1]; 91[1]; 93[3]; 102[2]; 102[3]; 112[2]; 161[5]; 172[3]; 195[1]; 201[3]; 203[a]; 235[2]; 271[3]; 279[2]; 293[2]; 297[5]; 300; 306[2]; 310[2]; 317; 321[1.2]), 3 lần ngài chỉ gạch bỏ (20[1]; 97[2]; 329), 10 lần ngài chỉ thêm vào (84[1]; 111[1]; 142[2]; 172[4]; 185[2];

195[1]; 271[3]; 275[2]; 298[1]; 355[1]; 363[3]) và hai lần ngài sửa lại (169[6]; 187[1]).

a. Về 25 lần ngài gạch bỏ và thay thế

Chúng ta nhận thấy có hai phạm trù được nhấn mạnh như sau:

Trước nhất, những chỉnh sửa này có mục tiêu tập trung hay nhấn mạnh về khía cạnh nào đó. Chẳng hạn, trong chú dẫn thứ năm liên quan đến lòng quảng đại phải có nơi chủ thể trong cuộc thao luyện, sự chỉnh sửa nhằm nhấn mạnh đến địa vị và sự tự do sử dụng của Thiên Chúa khi thánh I-nhã gạch bỏ hai từ ngữ "để lại" và "sắp đặt" và thay thế bằng hai động từ "dâng lên" và "sử dụng" (5[1.2]) - Ở "Điều Tiền Giả Định", thánh I-nhã tập trung vào hành vi của chủ thể bằng cách gạch bỏ từ ngữ "không có" vốn liên kết với một danh từ tổng quát mà thay thế bằng một thành ngữ "không quyết định vì" vốn vừa xác định trách nhiệm của chủ thể, vừa cho thấy rõ nguyên do của hành động đó (21) - Trong bài suy gẫm thứ nhất về tội lỗi, ngài bỏ từ "của" và thay thế bằng từ "bằng" nhằm xác định tính trung gian của những tài năng linh hồn trong việc gặp gỡ Chúa (45[1]) - Cũng thế trong điểm thứ hai của bài Lời Gọi Vua Hằng Sống, ngài đã gạch bỏ từ ngữ "như Ta" để thay thế vào từ ngữ "với Ta" nhằm cho thấy tính bất cân xứng của những kẻ đi theo vị vua trần thế trong tương quan với Ngài (93[3]) - Cũng vậy, trong bài chiêm niệm thứ nhất về cuộc thương khó, ngài gạch bỏ cụm từ "nhân tính của" và thay thế bằng cụm từ "nơi nhân tính của Ngài" để nói rõ Đức Ki-tô không chỉ có nhân tính duy nhất mà thôi theo ngôn ngữ thần học kinh viện (195[1]) - Tương tự, khi gạch bỏ danh từ "trí khôn" và thay vào cụm từ "và làm cho tôi hiểu" thánh I-nhã tách biệt và đề cao cách Thiên Chúa hoạt động nơi con người, nhất là bản thân chủ thể so với những thụ tạo khác (235[2]) tương tự như việc phân biệt trong những trình thuật tạo dựng (St 1,1-2,4[a]; 2,4[b]-25) - Rồi đến "mầu nhiệm từ nhà ông Cai-pha đến hết khi ở nhà ông Philato", ngài cũng gạch bỏ cụm từ "dân chúng đê hèn của người Do Thái" và thay thế bằng cụm từ "Tất cả đám đông dân Do Thái" nhằm giảm bớt sự kỳ thị với dân riêng của Chúa và trách nhiệm của họ về cuộc khổ nạn (293[2]) - Và sau cùng, trong quy tắc thứ bốn của bộ nhận định thứ nhất, ngài gạch bỏ từ ngữ "mù lòa" và thay vào từ ngữ "tối tăm" nhằm tránh hiểu sầu khổ theo nghĩa thể lý.

Thứ đến, những chỉnh sửa còn có mục tiêu làm cho bản văn thêm chính xác hơn. Chẳng hạn, để cho đúng với Kinh Thánh hơn, thánh I-nhã gạch bỏ cụm từ "giữa các Ngài" và thay thế vào hai cụm từ "từ thuở đời đời" và "và như thế khi thời gian đã đến thời viên mãn" trong bài chiêm niệm về mầu nhiệm Nhập Thể (102[2.3]) - Ngài gạch bỏ cụm từ "chảy mồ hôi giống như mồ hôi máu" và thay thế bằng cụm từ "chảy mồ hôi giống như những giọt máu" (201[3]) cho am hợp hơn

với Tin Mừng Lu-ca (Lc 22,44) ở mầu nhiệm từ Nhà Tiệc Ly đến hết những việc xảy ra trong Vườn Dầu (200-203) - Cũng thế khi gạch bỏ từ ngữ " tảng đá" và "đã bị xé rách" và thay thế bằng cụm từ 'bị xé làm đôi từ trên xuống" (297[3]), gạch bỏ cụm từ "khi mặt trời mọc" và thay vào từ ngữ "rất sớm" (300[2]), gạch bỏ từ ngữ "các tông đồ" và thay vào bằng cụm từ "bảy vị trong các môn đệ của Ngài" (306[2]).

Để cho đúng với mặc khải hơn, ngài gạch bỏ từ ngữ "đền thờ" và thay vào từ ngữ "hội đường" (91[3]) dành vào sinh hoạt tôn giáo địa phương - gạch bỏ từ ngữ " quán trọ" và thay vào bằng cụm từ "nơi chốn hay một cái hang đá Chúa đã sinh ra" (112[2]) theo đúng mặc khải - gạch bỏ từ ngữ "một đền thờ" và thay vào từ ngữ "Đền Thờ" vì dân Do Thái chỉ có một đền thờ duy nhất (161[5]) - gạch bỏ cụm từ "như Tin Mừng của Ni-cô-đê-mô nói" và thay thế bằng cụm từ "như người ta suy gẫm như thế theo lòng đạo đức" cho người ta khỏi lẫn lộn Tin Mừng và ngụy thư (310[2]).

Và sau cùng việc chỉnh sửa để cho ý nghĩa chính xác hơn khi gạch bỏ cụm từ "chúng ta không thể nói đó là ơn gọi" để thay thế cụm từ "không cho thấy đó là một ơn thiên triệu" và tính từ "thần linh" vào điểm thứ ba về những chỉ dẫn làm việc chọn lựa (172[3]) - khi gạch bỏ từ ngữ "thứ hai" và thay vào từ ngữ "thứ ba" vào Tiền Nguyện thứ ba của bài Chiêm Niệm mẫu thứ hai của tuần ba (203) - gạch bỏ từ ngữ "trận động đất" và thay vào từ ngữ "cơn bão tố lớn" trong mầu nhiệm Chúa làm cho bão tố trên biển yên lặng (279[2]) - và khi gạch bỏ hai lần từ ngữ "thứ nhất" và "thứ bốn" ở hai quy tắc nhận định thần loại (317[1] và 321[2]) để thay từ ngữ "thứ ba" và "thứ sáu" vào cho đúng thứ tự mới.

b. Về 10 lần ngài thêm vào

Cũng gồm hai mục đích: trước hết để ý tưởng được chính xác hơn theo lòng đạo đức khi thêm cụm từ "như ta có thể suy gẫm theo lòng đạo đức như thế" trong tiền nguyện thứ nhất của mầu nhiệm Giáng Sinh (111[1]) - theo tính thường hằng của cám dỗ khi thêm cụm từ "như trường hợp thường xảy ra" trong điểm thứ ba của bài Hai Cờ Hiệu (142[2]) - theo sự chính xác của ơn kêu gọi khi thêm tính từ "thần linh" vào điểm thứ ba về việc chỉ dẫn làm việc chọn lựa (172[4]) - và theo cách đặt tựa đề cho các mầu nhiệm của tuần ba khi thêm cụm từ " cho đến hết khi ở trong Mồ" vào bản liệt kê các mầu nhiệm (298[1]).

Sau nữa, việc thêm vào nhằm nhấn mạnh điều ngài nhắm như khi thêm chữ "và" vào giữa hai tính từ "mềm mại" và "êm ái" của vật dụng giường ngủ (84[1]) - khi thêm từ ngữ "tôi" vào điều kiện khách quan hoá cho việc chọn lựa (185[2]) - khi thêm từ ngữ "hình như" để tương đối hoá nghề nghiệp của Chúa (271[3]) và thêm từ ngữ "hình như là" để tương đối hoá tiến trình kêu gọi các tông đồ (275[2]) - khi

thêm từ ngữ "cũng như" nhằm nối kết thánh lễ với những việc phượng tự khác (355^1) - và thêm cụm từ "hoặc giải thích cho thời đại chúng ta" để nói đến vai trò của các tiến sĩ kinh viện và vị tôn sư các châm ngôn không chỉ đối với thời đại các ngài mà còn về sau nữa (363^3).

Về 3 lần ngài gạch bỏ nhằm loại trừ từ ngữ dư thừa, như tính từ "thiêng liêng" của danh từ "thao luyện" (20^1) - gạch bỏ câu "nếu giả như chúng ta có điều này" nhằm cho thấy dục vọng là điều luôn hiện hữu (97^2) - và gạch bỏ trích dẫn "chân phước Thôma đã chứng minh điều đó p^a $2^a q.^9$ art.6^o và q.10 art. 4^o" nhằm cho thấy suy luận thần học của thánh Thoma về các tài năng linh hồn thuộc về một lãnh vực, còn kinh nghiệm sống thiêng liêng thuộc về lãnh vực khác (330^2).

c. Về hai lần sửa chữa

Từ ngữ: "một cứu cánh" thành "chính cứu cánh" cho đúng với mục tiêu phụng sự Thiên Chúa (169^6) - và động từ "định đoạt" thành " đã định đoạt" ở điều kiện cách quá khứ vốn giả thiết như đã giải quyết xong cho vấn đề hiện tại (187^1).

Tóm lại, Thánh I-nhã chỉnh sửa bản A theo ba cách thức với ba mục đích khác nhau để hoàn thiện bản văn hơn. Không chỉ thế, qua những chỉnh sửa này, chúng ta còn tìm thấy được dấu vết của giai tầng biên soạn: thí dụ, sự chỉnh sửa của hai số 317 và 321 cho chúng ta nhận ra rằng hai số đầu của bộ quy tắc nhận định thần loại thứ nhất về các tác nhân đối nghịch nhau được viết sau này và ghép vào bản văn muộn thời, có lẽ để làm đối trọng với những tác nhân của bộ quy tắc thứ hai (329). Vì lẽ, ban đầu bộ quy tắc thứ nhất được khởi đi với định nghĩa về an ủi và sầu khổ vốn được xem là dấu vết của các thần để lại trong tâm hồn (316 -317).

d. Những chỉnh sửa đi vào P

Trong số 40 lần can thiệp đó, có 6 lần P không sửa theo (21^1; 45^1; 93^3; 330^2; 355^3; 363^3). Nghĩa là P chỉ theo A sau bài Lời Gọi Vua Hằng Sống (91-98) đến hết bộ nhận định thứ nhất (327). Dấu vết này chứng tỏ đã có lần A tiếp tục chỉnh sửa lại toàn bộ bản văn mà P_1 không biết đến để chuyển vào P_2.

Những lần P không sửa theo để duy trì thực tại khách quan của quyến luyến lệch lạc khi không sửa cụm từ "mà không có một quyến luyến lệch lạc nào" (21^1) - duy trì hoạt động ba tài năng linh hồn trong việc suy gẫm khi để lại cụm từ "bài suy gẫm của ba tài năng linh hồn" (45^1) - bảo vệ tính nên một với vị vua trong tình yêu khi duy trì từ ngữ "như ta" trong lời gọi vị vua trần thế (93^3) - muốn cho suy tư thần học của thánh Thoma về các tài năng linh hồn có liên quan đến kinh nghiệm nhận định thần loại (330^2) - không nối kết việc thờ phượng khác với thánh lễ theo tầm quan trọng khi đặt sự liên đới bằng liên từ "và" (355^1) - và đề cập vai trò tổng quát của những vị tiến sĩ kinh viện và vị tôn sư các châm ngôn

trong Giáo hội khi bỏ câu "hoặc giải thích cho thời đại chúng ta" trong quy tắc Cùng Cảm Nghĩ trong Giáo Hội (363[3]).

Khi không sửa theo thánh I-nhã ở những điểm trên, bản P có vẻ chính xác hơn A ở lời gọi vua trần thế (93[3]) để xác định tính bất cân xứng chỉ đúng trong tương quan với vị Vua Hằng Sống, một sự bất cân xứng ở bình diện bản tính - và tỏ ra không chính xác khi liên kết thần học thánh Thoma về các tài năng và kinh nghiệm thiêng liêng (330[2]). Ngoài ra, với con số 34 lần sửa theo bản văn đã chỉnh sửa của thánh I-nhã, chúng ta được phép kết luận rằng bản P chắc chắn viết sau A, còn 6 lần không sửa theo A cho phép chúng ta phỏng đoán rằng những số này biểu lộ một đợt chỉnh sửa nữa của thánh I-nhã vào bản A sau đó mà P không biết đến.

e. Những chỉnh sửa đi vào V

Cũng có 4 lần V không sửa theo những điều thánh I-nhã sửa ở bản A (84[1]; 195[1]; 271[3]; 298[1]) và 2 lần sửa theo nghĩa tương đương (21[1]; 102[3]). Như vậy xem ra V biết đến A khi A đã chỉnh sửa toàn bộ bản văn, nhưng có hai lần sửa tương đương và 4 lần không đi theo là vì lập trường riêng.

Trong khi thánh I-nhã thêm liên từ "và" cho các tính từ của vật dụng giường ngủ cho bản A (84[1]) thì V giữ lập trường chọn lựa khi đặt liên hệ bằng từ ngữ "hay" như ở nhiều nơi, chẳng hạn ở Nguyên Lý hay Nền Tảng (21[1]) - V cũng không viết cuộc thương khó của Chúa theo ngôn ngữ thần học Kinh Viện cách triệt để nên không có dấu vết của việc chỉnh sửa của A nơi điểm thứ bốn của bài chiêm niệm thứ nhất trong tuần ba (195[1]) - Trong mầu nhiệm về cuộc đời ẩn dật của Chúa, bản V sửa theo A khi thêm từ ngữ "dường như" vào điểm thứ ba, nhưng lại duy trì động từ "nói" vốn là từ ngữ thánh I-nhã thay thế bằng động từ "ghi nhận" (271[4]) - Sau cùng tựa đề của V về mầu nhiệm mai táng không sửa theo thánh I-nhã vì trung thành với cách đặt tựa đề của mình không theo thời gian như A và P (298[1]).

Hai lần V sửa cách tương đương với những điều thánh I-nhã sửa nơi bản A vì cách dùng từ ngữ khác mà thôi: thay vì sử dụng động từ nhằm đặt điểm nhấn ở chủ thể, Frusius cũng làm như thế nhưng bằng cách nói khác: "bằng sự quyết định vốn thoát khỏi những quyến luyến tội lỗi" (21[1]) - thay vì sử dụng thành ngữ "thời gian đã đến thời viên mãn" cho hợp với lời Kinh Thánh, V sử dụng câu nói "khi thời gian định kiến thích hợp đã đến" (102[3]).

Tất cả những yếu tố trên không làm cho V mâu thuẫn với những điều thánh I-nhã chỉnh sửa ở A. Vì những điều Frusius viết theo nghĩa tương đương cho thấy văn phong của ông khi chuyển dịch bản văn A có tính khoáng đạt - cũng hiểu được như thế đối với những nơi ông không đổi theo A, thí dụ ở 84[1]; 195[1] và 298[1] - Ở 271[4] việc giữ nguyên động từ "nói" không làm cho ý nghĩa thay đổi cho dù Frusi-

us biết đến. Bởi lẽ ông cũng đã thêm từ ngữ "dường như" của thánh I-nhã trước đó vào bản văn của mình.

Vậy, những chỉnh sữa của A ảnh hưởng trên P và V cho chúng ta hai kết luận rất hữu ích: thứ nhất, cả hai bản P và V đều viết sau A, vì những gạch bỏ, thêm vào và thay thế đều còn dấu vết nơi A mà không còn nơi hai bản còn lại – thứ hai, tất cả những chỉnh sửa hay không và chỉnh sửa tương đương của V biểu lộ V đã biết đến A sau khi thánh I-nhã đã hoàn tất việc chỉnh sửa bản A, còn những điều không chỉnh sửa ở P biểu lộ P biết đến A khi thánh I-nhã chưa hoàn tất việc chỉnh sửa này vì có một số lần P không đi theo A khi đã được sửa. Điều này cho thấy P được biên soạn sau A nhưng trước V.

2. Cha P. Broët can thiệp vào A

Cha P. Broët đã được thánh I-nhã trao cho công việc chỉnh sửa bản văn A, nhưng sự đóng góp của ngài quá khiêm tốn có lẽ vì kính trọng kinh nghiệm thiêng liêng rất độc đáo của tác giả sinh ra nó. Vì thế chúng ta chỉ tìm được hai dấu vết ngài để lại trong bản văn và cả hai lần ngài chỉ xác định tính chất của thực tại: lần đầu tiên, ngài can thiệp bằng cách thêm tính từ "to lớn" vào danh từ "cái ngai" của Lu-xi-phe ở điểm thứ nhất của bài Hai Cờ Hiệu (140) - và lần thứ hai bằng cách thêm tính từ "thiêng liêng" vào danh từ "tiến bộ"của linh hồn trong quy tắc thứ 15 của bộ quy tắc Cùng Cảm Nghĩ Trong Giáo Hội (367[3]).

Dường như những can thiệp này chỉ nhằm cho thấy rằng cha đã đọc lại bản văn theo như yêu cầu của thánh I-nhã mà thôi. Các bản văn P và V đều không đưa những can thiệp này vào trong bản văn của mình. Dấu vết này cho thấy có lẽ người ta đã hoàn tất việc chuyển dịch hai bản P và V sang tiếng Latinh trước khi cha P. Broët được chỉ định đọc lại bản A.

3. Những can thiệp của cha Polanco

Được lệnh thánh I-nhã, cha Polanco can thiệp vào hai bản P và V bằng hai hệ thống: 17 lần chung cho cả hai bản văn, 1 lần chỉ cho bản P và 10 lần chỉ cho bản V mà thôi.

a. Cho cả hai bản P và V

Cách chung, cha Polanco can thiệp vào hai bản văn P và V một cách xuyên xuất, vì sự can thiệp này bắt đầu ở số 3 và kết thúc ở số 303. Tuy nhiên từ đầu cho đến tuần hai, ngài can thiệp chi tiết hơn. Nghĩa là cho đến thời thơ ấu, ngài can thiệp 15 lần và tất cả phần còn lại, ngài chỉ can thiệp hai lần mà thôi (222 và 303). Trong số 17 lần can thiệp nơi hai bản văn, ta thấy có tới 13 lần giống hệt nhau ($3^{2/3}$; 20^{1}; 33^{2}; 36; 38^{1}; 40^{1}; 41^{1}; 71^{4}; 91^{3}; 121^{2b}; 131^{1}; 222; 303^{4}) và chỉ có 3 lần can thiệp cách tương đương với nhau (41^{4}; 42^{4}; 52^{1}). Điều thú vị là những lần can thiệp tương đương nằm ở phần giữa gồm ba số, những lần can thiệp giống hệt

nhau nằm ở hai đầu của những lần sửa chữa mà mỗi bên có sáu số Linh Thao, còn lần đầu tiên có hai can thiệp vừa giống nhau, vừa tương đương như thể muốn giới thiệu hai hình thức can thiệp đó ($3^{2.3}$). Khi phân tích những lần can thiệp này, chúng ta nhận ra một số những ý hướng sau đây:

- Trước hết về điểm nhấn: Khi đề cập về việc vận dụng hai tài năng linh hồn cho các bài thao luyện ở chú dẫn thứ ba, cha Polanco đặt điểm nhấn vào hành vi ý chí bằng cách thêm vào từ ngữ "đặc biệt là" vào hành vi này (3^{2}) nơi cả hai bản văn. Phần kết, ngài còn đưa ra việc so sánh tài năng này với trí hiểu. Trong bản P, ngài cho thấy việc vận dụng hành vi của ý chí để cầu nguyện đòi hỏi sự cung kính lớn hơn khi vận dụng những hành vi của trí hiểu bằng cách thêm vào cụm từ "trong những hành vi vốn thuộc về trí khôn" (3^{3b}). Trong bản V câu kết được thực hiện cùng một ý niệm, nhưng sau khi đưa ra việc so sánh hai tài năng này, ngài thêm câu nói: "khi chúng ta làm cho khả năng thấu hiểu bị trì trệ" ở cuối vì lẽ trí hiểu không cho chúng ta gặp gỡ Thiên Chúa trực tiếp mà phải qua trung gian của chân lý, trong khi tài năng ý chí cho phép chúng ta gặp gỡ Ngài cách trực tiếp như một ngôi vị.

Điểm nhấn cũng được cha Polanco lưu ý khi ngài can thiệp vào cách thứ nhất của việc phạm tội nơi tư tưởng trong việc xét mình chung. Vì trong cách thứ nhất này, bản văn cho thấy việc ưng thuận với một tư tưởng phạm tội là đủ phạm tội cách nặng nề (36). Ngài thêm cụm từ "dù bất cứ cách thức nào" vào cả hai bản văn nhằm phủ quyết mọi sự ưng thuận, trong khi bản A chỉ nhắm đến những ưng thuận vốn dẫn đến hành động (x. 36^{b}).

Về việc làm trong việc xét mình chung cũng vậy. Khi đề cập về những sắc lệnh Toà Thánh, các ân xá, đặc xá và các huấn lệnh bề trên... đều phải được tuân theo cách kính trọng. Vì thế mọi hành động vi phạm ngược lại đều là một tội. Cả hai bản P và V đều khẳng định không những việc làm này phải là một tội mà cả khi coi thường những điều ấy nữa nhằm nhấn mạnh đến ý hướng của chủ thể. Thế nên bản P thêm cụm từ "hoặc khi coi thường những điều ấy" và bản V thêm cụm từ "dám coi thường" vào giữa cụm từ "bất cứ ai... và xúc phạm đến những huấn dụ..." (42^{4}).

Trong bài suy gẫm thứ nhất về ba tội, cha Polanco cũng đã tỏ lộ lập trường của mình khi đề cập về các tội lỗi của người khác. Ở điểm suy gẫm thứ ba, ngài đã nhấn mạnh về tính trầm trọng của tội bằng hai cách thức khác nhau trong hai bản văn: trong bản P, ngài chọn cách thức nhấn mạnh nơi một người bằng cách thêm vào cụm từ "có lẽ chỉ vì một tội trọng" mà một ai đó đã phải nhận lãnh hình phạt (52^{1}). Ngược lại, vì bản V không đề cập đến tội khách quan nơi một người, mà chỉ đề cập đến tội đó nơi nhiều người, nên bản văn viết: "... bằng việc suy xét rằng vì một tội như thế, cho dù mắc phạm chỉ một lần, nhiều người đã có

thể bị xô đẩy xuống hỏa ngục" (52^1). Để có thể diễn tả tính trầm trọng ở đây, ngài thêm từ ngữ "rất" trước cụm từ thứ hai. Như vậy, ở trên, ngài nhấn mạnh tính trầm trọng ở phẩm chất của một tội, còn ở dưới, ngài nhấn mạnh tính ấy về số lượng nơi những chủ thể.

- Thứ đến, cha Polanco cố gắng làm rõ ý nghĩa và quảng diễn rộng hơn cho bản văn khi thêm những cụm từ hay những câu văn vào hai bản văn này:

Khi nói về những người làm Linh Thao đầy đủ, bản A nói họ có cả hai điều kiện khách quan và chủ quan: "với một người sẵn sàng vì rảnh việc và muốn tiến tới bao nhiêu có thể" (20^1). Hai bản P và V nói đến điều kiện thứ nhất, nhưng không nói về điều kiện thứ hai, nên cha Polanco đã bổ túc cho hai bản văn khi thêm vào cụm từ: "và lại còn ao ước muốn rút ích lợi từ đó theo sức của mình" vào P và cụm từ: "và muốn nhận lãnh hoa trái thiêng liêng dồi dào hơn bao nhiêu có thể" vào V. để cho các bản văn có đủ ý nghĩa so với A.

Trong phần xét mình, cha Polanco can thiệp nhiều nhất so với những nơi khác, đặc biệt ở phần xét mình chung. Chẳng hạn, khi đề cập về tư tưởng xấu ở câu thứ nhất, bản văn A đưa ra thí dụ sau đó về một tư tưởng xúi phạm tội trọng ở câu thứ hai ($33^{2 \text{ và } 3}$). Bản P và V không đưa ra thí dụ nên cha Polanco đã nối kết ý niệm "tội trọng" vào câu đầu của cả hai bản văn bằng cụm từ "đối với tội trọng (33^2) cho am hợp với A - Ngài cũng thêm vào hai bản văn nhiều cụm từ liên quan đến lời nói như để giải thích rộng hơn ở đầu số Linh Thao. Thí dụ, ngài dẫn vào ý niệm thề nguyền bằng cách thêm vào câu nói: "Bằng lời nói, ta cũng chống lại Thiên Chúa bằng vô số cách thức, thí dụ bằng việc nói phạm thượng và bằng việc thề nguyền" (38^2); vào ý niệm về lời nói phù phiếm bằng cụm từ: "Giữa những tội khác về miệng lưỡi" (40^1); vào ý niệm về lời nói vu khống, nói xấu của bản A bằng dẫn nhập dài: "Một trong các tội về lời nói là nói gièm pha: vì không được nói điều gì nhằm vu khống người khác hoặc nói xấu về họ; Vì nếu tôi tiết lộ một tội trọng kín đáo với một ý tưởng xấu hoặc với sự thiệt hại trầm trọng đến thanh danh người khác" vào P và "Các tội lỗi về lời nói cũng là việc nói dối, làm chứng gian, gièm pha; vì không được gièm pha người khác cũng như nói xấu về họ. Thật vậy khi tiết lộ một tội trọng kín đáo với một ý hướng xấu hoặc với một sự thiệt hại trầm trọng đến thanh danh người khác" vào V (41^1) - Sau cùng cha Polanco còn mở rộng việc khai triển tội về lời nói này trong lời kết của hai bản văn một cách tương đương như sau: "Cũng còn là tội về lời nói đối với những lời nói dối, làm chứng gian, những lời chế giễu, những lời chửi rủa và những điều khác thuộc loại này mà người cho các cuộc thao luyện có thể tiếp tục kê khai tùy theo xét thấy là cần thiết" vào P và "Ta có thể liệt kê lời chế giễu, chửi rủa hoặc điều khác mà người cho các cuộc thao luyện có thể liệt kê vào trong số các tội về lời nói nếu xét thấy cần thiết" vào V (41^{4b}).

Cũng trong ý hướng mở rộng ý nghĩa này mà trong bài chiêm niệm Lời gọi của Vua Hằng Sống, bản P và V không chỉ viết theo A sau khi thánh I-nhã chỉnh sửa từ ngữ "Đền Thờ" thành "hội đường" mà còn được cha Polanco thêm vào cụm từ "và những nơi khác" hay "cũng như những nơi khác" vào P và V (91^{3}).

Tất cả những can thiệp trên của ngài về xét mình xem ra chỉ nhằm quảng diễn thêm cho chính công việc này, đặc biệt về phạm vi lời nói mà không thêm gì cho nội dung của ý niệm.

- Ngoài ra, những nơi còn lại, cha Polanco can thiệp cũng nhằm mục đích cho bản văn được chính xác hơn. Chẳng hạn bằng cách nói rõ thêm khi dẫn nhập vào cuộc thao luyện thứ năm của tuần hai về việc áp dụng ngũ quan: sau lời dẫn nhập của A về các tiền nguyện để đi vào việc áp dụng ngũ quan, ngài thêm vào P và V câu nói: "như điều liên hệ cho phép" (121^{2b}) - Cũng thế, trong ba điểm cầu nguyện đầu của bài chiêm niệm Chúa Phục Sinh hiện ra cho Đức Mẹ, ngài cũng thêm vào sau những chỉ dẫn lấy bài chiêm niệm về Bữa tiệc Ly làm mẫu một câu nói như sau: "nghĩa là suy xét những nhân vật, những lời nói, những hành động" (222^{b}) - Sau cùng trong điểm thứ ba của mầu nhiệm Chúa hiện ra lần thứ năm, bản A nói Chúa biến đi sau khi cho các ông rước lễ, cha Polanco bỏ ý niệm rước lễ mà thay vào cụm từ "bẻ bánh cho các ông" cho hợp hơn với Tin Mừng Lu-ca mà thôi (303^{4}).

Tuy nhiên, chính khi muốn làm rõ nghĩa hơn, có khi ngài lại rơi vào chỗ hiểu sai ý thánh I-nhã hoặc làm tối nghĩa hơn A. Chẳng hạn, sau bài suy gẫm mẫu cuối cùng về Hoả Ngục của tuần một, có lẽ vì thấy số bài đề ra cho tuần một quá ít so với số ngày phải dành cho nó (4^{4}) và vì không hiểu đặc tính làm mẫu của những bài này nên ngài đã thêm vào cuối bài này một gợi ý có thể cho thêm những đề tài khác khi nói: "Dường như có lợi ích đối với thao viên nếu thêm các bài suy gẫm khác vào những bài này, thí dụ suy gẫm về sự chết và các hình khổ của tội lỗi, về việc phán xét v.v. mà ta nghĩ thấy điều đó không bị cấm, dù cho không đề cập ở đây" vào bản P và "Dường như người cho các cuộc thao luyện thêm vào những bài suy gẫm khác khác với bài này cho những thao viên nếu người ấy thấy có lợi ích cho họ, thí dụ về sự chết, và các hình khổ khác của tội lỗi, về việc phán xét v.v. mà xét thấy điều đó không bị cấm, cho dù không được đề cập ở đây" vào V (71^{4}).

Cũng vậy, khi bàn về việc chuẩn bị xa cho những bài chiêm niệm khác ngoài hai bài vào nửa đêm và ban sáng, bản A cho thấy rằng thao viên làm một việc tương đương với điều phụ thêm thứ hai ($74\#131^{1}$), tức việc chuẩn bị xa thứ hai, rồi sau đó bước vào cầu nguyện với điều phụ thêm thứ ba ($75\#131^{3}$). Cha Polanco gộp hai ý niệm này vào một trước khi giải thích bằng cụm từ: "với điều phụ thêm thứ hai và thứ ba", nhưng khi giải thích, ta chỉ thấy ý tưởng của việc chuẩn bị xa mà

không đả động gì về việc bước vào cầu nguyện của điều phụ thêm thứ ba. Như thế cách làm gộp tóm này làm cho lời ghi chú thêm tối nghĩa mà thôi.

b. Chỉ can thiệp Cho bản V thôi

Nếu những can thiệp của cha Polanco vào hai bản văn chỉ được thực hiện cách chi tiết ở phần đầu của sách Linh Thao, tức từ đầu cho đến hết thời kỳ thơ ấu, thì những can thiệp của ngài ở phần sau chỉ dành cho bản V mà thôi, trừ hai số Linh Thao 222 và 303 cùng có ở hai bản. Trong tổng số 10 lần can thiệp, ta thấy có ba nét chính sau:

- Trước hết, làm cho bản văn chính xác hơn: khi đề cập về việc tự chỉnh đốn trong việc ăn uống, cả hai bản A và P đều nói đến việc suy xét về đời sống các thánh, một việc đạo đức thiêng liêng nào khác đang khi ăn, vì Fusius bỏ quên điều này, nên cha Polanco đã thêm cụm từ "trong bữa ăn" vào trong bản văn cho hợp với A và P (215[1]) - Cũng thế, sau lời trích dẫn thư thứ nhất gởi tín hữu Cô-rin-tô về việc Chúa hiện ra cho Phao-lô (1Cr 15,8), ngài thêm câu nói "chính ông đã nói" để diễn tả lý chứng bằng kinh nghiệm (311[2]) - trong biến cố Chúa lên trời, ngài thêm câu nói: " hai người đàn ông mặc áo trắng đứng bên cạnh các ông [chúng ta tin rằng những người này là thiên thần]" cho hợp với sách Công Vụ Tông Đồ (Cv 1,10) và với hai bản trên A và P (312[4]) - trong khi bàn về sự an ủi không có nguyên do trước, ngài thêm từ ngữ "linh hồn" nhằm xác định rõ đối tượng Thiên Chúa hoạt động trong sự an ủi này (330[1b]) - và sau cùng, ngài thêm cụm từ "sẽ kết hiệp với linh hồn đó" vào câu kết luận về hoạt động của các thiên thần nơi các chủ thể trong hai sự an ủi cao nhất của đời sống thiêng liêng (335[5]).

- Thứ đến, việc can thiệp không thêm ý nghĩa gì cho bản văn. Ta thấy giá trị này qua hai lần ngài can thiệp vào bài mẫu thứ nhất của tuần thứ tư và bài Chiêm Niệm để được Tình Yêu. Trong tiền nguyện thứ nhất về lịch sử của bài hiện ra cho Đức Mẹ, bản văn giải thích diễn tiến mầu nhiệm phục sinh của Đức Ki-tô: linh hồn Ngài luôn kết hiệp với thần tính xuống âm phủ giải thoát những linh hồn công chính, rồi kết hợp với thân xác và hiện ra với Đức Mẹ. Và ngay sau đó ngài thêm câu nói: "như phải tin cách đạo đức như thế và dường như vậy" ở cuối tiền nguyện đó (219[2]). Câu này vay mượn chính ý tưởng của thánh I-nhã thêm vào trong cuộc hiện ra thứ 12 cho ông Ni-cô-đê-mô (310[2]). Cũng thế trong điểm thứ nhất của bài Chiêm Niệm để được Tình Yêu, sau khi đã nêu lên những ơn huệ Thiên Chúa làm cho chủ thể từ bình diện cái "có" cho đến cái "là" (234[1-2]) để nghiền ngẫm và để suy xét dưới ánh sáng của sự công bình của tình yêu, chủ thể cũng phải đáp lại với cùng một sự dâng hiến đó cho Ngài và tâm sự, cha Polanco thêm vào đó cụm từ: "với những lời này hay những lời khác tương tự" (234[3b]).

- Sau cùng, ba lần ngài can thiệp vào bản văn nhưng làm sai lệch vì không hiểu ý

nghĩa của nó hay đi xa hơn ý nghĩa của nó.

Lần thứ nhất liên quan đến việc giải thích sau bài suy xét về Ba Cách khiêm nhường. Việc giải thích này đề cập đến việc tâm sự vốn phải qui về cuộc tâm sự của bài suy gẫm Ba Mẫu Người (156) như A và P viết, và rồi lời tâm sự ở đây một lần nữa qui về lời tâm sự của bài Hai Cờ Hiệu (147). Vì lẽ đó mà cha Polanco sửa ý tưởng của hai bản trên nơi bản V để qui lời tâm sự của bài Ba Cách khiêm nhường về lời tâm sự của bài Hai Cờ Hiệu cho chính xác hơn (x.168[1]). Tuy nhiên, việc qui chiếu của A và P hoàn toàn chính xác, vì liền sau đó có lời nhắn nhủ rất quan trọng cho thấy nếu chủ thể thấy không có sự bình tâm đối với sự giàu có hay nghèo khó, thì phải nài xin Chúa chọn mình vào sự nghèo khó thực và xin cho mình được điều ấy dù nghịch ý xác thịt (157). Cha Polanco hoàn toàn sai khi chỉnh sửa ý tưởng của A và P về điều này.

Lần thứ hai, ta thấy cả ba bản văn đều sai khi chiêm ngắm sự hoán cải của người phụ nữ tội lỗi trong Tin Mừng Lu-ca (Lc 7, 36-50). Ba bản văn đồng hoá cách sai lầm người phụ nữ này với chi Ma-ri-a Ma-đa-lê-na kể cả V ở tựa đề (282[1]). Thế nhưng khi can thiệp vào bản văn ở điểm thứ nhất, cha Polanco thêm vào sau lời minh định về người tội lỗi ở trong thành bằng cụm từ: "hoặc đây là Ma-ri-a Ma-đa-lê-na, em của chị Mát-ta, hoặc đó là một người khác". Xác định người phụ nữ tội lỗi này là em của chị Mát-ta càng làm cho bản văn đi xa hơn những sai lầm trước đó của những bản văn khác (282[2]).

Lần thứ ba, cha Polanco can thiệp cách sai lầm vào quy tắc thứ bảy của bộ quy tắc thứ hai về việc nhận định thần loại. Quy tắc này thuộc về quy tắc tổng quát vốn phân chia hai loại chủ thể ở đỉnh cao của đời sống thiêng liêng: người tiến tới khiến cho thiên thần lành chạm vào linh hồn cách êm ái (335[1]) và người sa sút khiến cho thiên thần dữ đụng chạm đến cách chát chúa (335[2]). Cha Polanco không chỉ gộp chung hai hoạt động này của các tác nhân vào một, mà còn gọi các tác nhân chỉ là những thần trong cụm từ "hai thần loại len lỏi vào" (335[1]). Làm như thế, ngài cũng hiểu sai khái niệm an ủi của thánh I-nhã và rơi vào sự lúng túng như Frusius, đồng thời làm mất đi sự phân biệt những chặng trưởng thành thiêng liêng mà thánh I-nhã muốn diễn tả trong hai bộ nhận định thần loại.

c. Can thiệp cho P mà thôi

Ngoài những can thiệp chung hoặc tương đương với V, cha Polanco chỉ can thiệp một lần duy nhất riêng cho P. Việc can thiệp này nằm trong tiền nguyện thứ hai về ơn xin của bài suy gẫm thứ nhất về ba tội. Bản văn viết: "Ở đây, phải xin được lòng hổ thẹn và ngượng ngùng với chính mình, khi xem xét rằng, rất nhiều người đã bị phạt chỉ vì một tội trọng, và biết bao lần tôi đã đáng bị phạt đời đời vì bấy nhiêu tội của tôi" (48[4-5]). Cha Polanco thêm từ ngữ "có lẽ" vào trước câu "rất nhiều người..." để giảm khinh hay làm nhẹ tội lỗi của những kẻ khác xuống

như một giả định và nhấn mạnh đến thực trạng tội lỗi của chủ thể,

Tóm lại, khi so với những khám phá tìm được trong việc chú giải ba bản văn, và những can thiệp của thánh I-nhã, cha P. Broët và cha Polanco vào những bản văn đó, chúng ta cần lưu ý nhiều đến sự can thiệp của thánh I-nhã vào bản A và cha Polanco vào hai bản văn còn lại. Trong những lần can thiệp như thế, chúng ta đều nhận ra những mục đích khá rõ ràng: diễn tả ý hướng nhấn mạnh của mình, xác định rõ hơn ý nghĩa của vấn đề và điều chỉnh bản văn cho chính xác hơn. Tuy nhiên những can thiệp ấy chỉ dừng lại ở cấp độ vi mô mà thôi mà không đạt đến tầm mức vĩ mô. Và ngay cả những can thiệp ở cấp độ đó, không phải là không gặp những hiểu lầm vốn làm sai lệch kinh nghiệm thiêng liêng của thánh I-nhã, đặc biệt nơi bản dịch của Frusius và sự can thiệp của cha Polanco. Vậy, qua việc chú giải theo phương thức so sánh nhất lãm và dưới lăng kính đồng đại và lịch đại, chúng ta không chỉ tìm ra một số dấu vết hình thành bản văn cách nội tại của A để lại mà cả đến thứ tự biên soạn các bản văn: A-P-V; chúng ta tìm ra những liên kết và những điều cần tu sửa không chỉ ở cả hai cấp độ vi mô và vĩ mô mà còn thấy được giá trị những can thiệp của hai cha P. Broët và cha Polanco vốn đã được thánh I-nhã trao cho sứ mạng này và hoàn thành ra sao. Sau cùng, chúng ta có thể hy vọng đem đến những chỉnh sửa chính xác hơn, nếu chúng ta được phép làm như vậy sau này vào ba bản văn, nhờ vào những yếu tố chúng ta đã nêu ra trong phần chú giải ở trên và cả những yếu tố sẽ được tìm ra nữa.

Nhà Tập Thánh Tâm Dòng Tên Thủ Đức 31-7-2006

Sinh Nhật trên trời thứ 450 của thánh I-nhã

Giu-se Lê quang Chủng sj.

MỤC LỤC

LỜI NGỎ CỦA TÁC GIẢ 5
DẪN NHẬP 7
1. Ba bản văn chính yếu cho việc chú giải. 7
2. Việc Chú giải bản văn Linh Thao 11
3. Những phần còn lại của sách Linh Thao. 20
4. Cấu trúc sách Linh Thao. 21
TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ MỘT SỐ QUY ƯỚC 25
NHỮNG CHÚ DẪN 29
I. Tổng quát về Linh Thao (1-5) 30
1. Định nghĩa Linh Thao (1). 30
2. Người hướng dẫn và chủ thể tập luyện (2). 31
3. Cách thức tập luyện (3). 32
4. Tổng quát về Linh Thao (4). 33
5. Điều kiện đòi hỏi nơi thao viên (5). 35
II. Về chính cuộc Linh Thao (6-17). 36
1. Hệ quả tất yếu của chính cuộc Linh Thao (6). 36
2. Thao viên và kỷ luật (11-13). 38
3. Những tác động và người hướng dẫn (7-10 và 14-17) 40
III. Tổng quát về những hình thức Linh Thao (18-20) 50
1. Linh Thao theo dạng thích nghi (18-19) 50
2. Linh Thao đúng nghĩa (20). 55
TỰA ĐỀ LINH THAO (21) 58
ĐIỀU TIỀN GIẢ ĐỊNH (22) 58
TUẦN THỨ NHẤT: ĐỜI SỐNG THANH LUYỆN 59
NGUYÊN LÝ VÀ NỀN TẢNG (23) 60
A. KINH NGHIỆM THAO LUYỆN CỦA THÁNH I-NHÃ 62
A.II.1 Xét mình riêng (24-31) 63
1/ Thì thứ nhất, Chuẩn bị (24^2) 64
2/ Thì thứ hai (25) 65
3/ Thì thứ ba (26) 65
4/ Bốn điều phụ thêm (27-31) 66

A.II.2 Việc xét mình chung (32-41) 69
1. Về tư tưởng (33-37) 70
2. Về lời nói (38-41). 73
3. Về việc làm (42) 80
A.II.3 Xét mình hằng ngày(43) 82
1/ Vấn đề về tựa đề (43^{1}) 82
2/ Vấn đề về nội dung việc xét mình hằng ngày (43^{4}) 82
A.II.4 Xưng tội chung và rước lễ (44) 84
B. NHỮNG CUỘC THAO LUYỆN
THEO MẶC KHẢI (45-72) 86
B.I.(1) Cuộc thao luyện thứ nhất: Suy gẫm về ba tội (45-53) 86
1/ Kinh dọn lòng (46) 86
2/ Tiền nguyện một: đặt khung cảnh (47) 87
3/ Tiền nguyện thứ hai: xin ơn (48) 89
4/ Các điểm cầu nguyện (50-52) 90
5/ Cuộc tâm sự (53) 93
B.I.(2) Cuộc thao luyện thứ hai: Về các tội lỗi (55-61) 96
1. Nhận định tổng quát. 96
2. Cách vận hành theo thánh I-nhã. 98
B.I.(3) Cuộc thao luyện thứ ba (62-63) 102
1/ Chính cuộc phục niệm. 102
2/ Cuộc tâm sự (63) 103
B.I.(4) Cuộc thao luyện thứ tư (64) 105
B.I.(5) Cuộc thao luyện thứ năm (65-72) 106
1/ Về các tiền nguyện (65^{3-5}) 107
2/ Về các điểm (66-70) 108
3/ Về cuộc tâm sự (71). 110
C. THÁNH I-NHÃ. NGƯỜI HƯỚNG DẪN LINH THAO 113
C.I . 1-10 Giải thích. 113
1. Giải thích ngay bên trong bài mẫu. 114
2. Giải thích ngay sau bài mẫu hay ngày mẫu. 114
C.II.1 Mười điều phụ thêm (1) thuộc Tuần Một (73-90) 115
1/ Tiến trình việc cầu nguyện (73-77) 116

2/ Bầu khí Linh Thao (78-81) 119
3/ Việc hãm mình đền tội (82-86) 121
4/ Những ghi chú (87-90) 124

TUẦN THỨ HAI: ĐỜI SỐNG SOI SÁNG 130

A.I.3.1 Chiêm niệm Lời gọi Vua Hằng Sống (91-98) 131
1/ Tổng quát về các bài thao luyện trong tuần hai. 131
2/ Vị trí của bài Lời Gọi so với tuần một 133
3/ Sự liên hệ giữa tuần hai với các tuần còn lại 135
4/ Về chính bài Lời Gọi. 136
C.I.11-12 Giải thích (99-100). 139
B.(I) Ngày thứ nhất (101-126). 140
B.II.(1) Cuộc chiêm niệm thứ nhất về Nhập Thể (101-109) 140
C.I.13 Giải thích: về kinh dọn lòng và tiền nguyện (105) 147
B.II.(2) Cuộc chiêm niệm thứ hai: Về Giáng Sinh (110-117) 148
B.II.(3) Cuộc chiêm niệm thứ ba: Phục niệm 1 (118) 153
C.I.14 Giải thích về phục niệm (119) 154
B.II.(4) Cuộc chiêm niệm thứ bốn: Phục niệm 2 (120) 154
B.II.(5) Cuộc thao luyện thứ năm: áp dụng ngũ quan (121-126) 155
C. I-NHÃ HƯỚNG DẪN 157
C.I Giải thích 158
1/ Sau ý niệm 158
2/ Sau bài chiêm niệm về lời gọi (99-100) 159
C.II.2. Bộ ghi chú 1 (2) thuộc tuần hai 160
1/ Ghi chú thứ nhất (127) 160
2/ Ghi chú thứ hai (128) 161
3/ Ghi chú thứ ba (129) 161
4/ Ghi chú thứ bốn (130) 162
5/ Ghi chú thứ năm (131) 164
B.(II) Ngày thứ hai (132) 165
C.I.15 Giải thích: về việc thay đổi chương trình (133). 166
B.(III) Ngày thứ ba (134) 166
A.I.1.1 Phi lộ về việc suy xét bậc sống (135) 168
A.I.2 Suy gẫm về hai cờ hiệu và ba mẫu người 171

1/Tổng quát về ngày thứ tư. 171
2/ Hai bài gẫm thuộc kinh nghiệm thánh I-nhã 174
3/ Đặc tính của hai bài suy gẫm. 175
A.I.2.1/ Bài suy gẫm về Hai Cờ Hiệu (136-147) 176
C.I.16. I-nhã hướng dẫn: Giải thích về ngày thứ tư (148) 180
A.I.2.2/ Bài suy gẫm về Ba Mẫu Người (149-156) 181
C.I.17. I-nhã hướng dẫn: Giải thích về tâm sự (157) 185
B.(V) Ngày thứ năm: Đời sống công khai (158) 186
C.I.18-19. I-nhã hướng dẫn: Giải thích 187
7/ Về chương trình sống Linh Thao (159) 187
8/ Về việc xét mình riêng (160) 188
B.(VI-XII) Ngày thứ sáu đến mười hai (161) 189
C.II. 3. I-nhã hướng dẫn: **Bộ ghi chú 2 (3) thuộc tuần hai** 191
1/ Về thời gian thao luyện của tuần hai (162) 192
2/ Về việc chọn lựa (163-164) 193
A.I.1.2 Suy xét về ba cách khiêm nhường (165-167) 194
1/ Tổng quát. 194
2/ Về chính ba Cách khiêm nhường 194
C.I. 20 I-nhã hướng dẫn: Giải thích về tâm sự của Ba Cách khiêm nhường (168) 197
A.II.5 Việc chọn lựa bậc sống 199
1/ Lời phi lộ suy xét bậc sống: (chúng ta đã chú giải ở số 135) 199
2/ Lời phi lộ để làm việc chọn lựa (169) 199
3/ Đặc tính của việc chọn lựa (170-174) 200
4/ Ba thì của việc chọn lựa (175-188) 204
a/ Tổng quát 204
b/ Thì thứ nhất, thì của tình yêu (175^{2-3}) 205
c/ Thì thứ hai, thì của cảm xúc (176) 208
d/ Thì thứ ba, thì của lý trí (177) 210
α/ Cách thứ nhất (178^{2}-183^{2}) 212
β/ **C.III.1** Cách thứ hai - **BỘ QUY TẮC CHỌN LỰA THEO CÁCH THỨ HAI CỦA THÌ BA** (184-188) 215
5/ Mối tương quan giữ ba thì chọn lựa. 220

A.II.6 Cải thiện và canh tân đời sống và bậc sống (189) 221
1/ Tổng quát. 221
2/ Cải thiện và canh tân là một dụ ngôn. 223
3/ Cải thiện và canh tân là việc bắt buộc. 224

TUẦN THỨ BA : "THEO TA TRONG ĐAU KHỔ"
(Tính Trắc Nghiệm thuộc Đời Sống Soi Sáng) **225**
TỔNG QUÁT. 225
1. Tương quan với tuần hai. 225
2. Tương quan với tuần một. 227
3. Tình yêu trong tuần ba. 228
B.(I) NGÀY MẪU THEO MẶC KHẢI 230
1. Ơn xin của tuần ba (193 và 203) 230
2.Các điểm chiêm niệm. 232
3.Những can thiệp của thánh I-nhã 233
C.I.21 I-nhã hướng dẫn: Giải thích 235
21/ Ở cuối bài chiêm niệm (199) 235
C.II.4 I-nhã hướng dẫn: **bộ ghi chú 3 (4) thuộc tuần ba** (204-207) 236
l. Ghi chú thứ nhất (204) 237
2. Ghi chú hai (205) 238
3. Ghi chú thứ ba (206) 238
4. Ghi Chú thứ bốn (207) 240
B.(II-VII) Đề tài từ ngày thứ hai đến bảy (208) 241
1. Về chương trình một ngày 242
2. Về việc tiến hành những Mầu Nhiệm. 242
C.I.22 I-nhã hướng dẫn: Giải thích 244
22/ Về việc thích nghi của Linh Thao (209) 244
C.III.2 I-nhã hướng dẫn: **BỘ QUY TẮC CHỈNH ĐỐN VỀ VIỆC ĂN UỐNG**(210-217) 245
1/ Nhận định tổng quát. 246
2/ Phần thứ nhất (210-213) 247
3/ Phần thứ hai (214-217) 250

TUẦN THỨ BỐN: Ở VỚI TA TRONG VINH QUANG

(Tính Phê Chuẩn thuộc Đời Sống Soi Sáng).....254
Tổng quát. 254
1. Đặc tính. 254
2. Cấu trúc tuần bốn. 254
B.II.1 Cuộc chiêm niệm thứ nhất: Hiện ra cho Đức Mẹ(218-225) 256
1/ Nhận định. 256
2/ Xin ơn (221) 257
3/ Điểm chiêm niệm 258
C.II.5 I-nhã hướng dẫn: **Bộ ghi chú 4 (5) thuộc tuần bốn** (226-229) 259
1/ Ghi chú thứ nhất (226) 260
2/ Ghi chú thứ hai và ba (227-228) 261
3/ Ghi chú thứ tư (229) 264
A.I.3.2 Chiêm niệm để được tình yêu (230-237) 266
I. Nhận định 266
1.Bài chiêm niệm thuộc kinh nghiệm I-nhã. 266
2.Thiên Chúa là cứu cánh nào ? 267
C.I.23-24 I-nhã hướng dẫn: Giải thích (230^2-231^2) 268
1/ Thứ nhất: đặc tính hành động của tình yêu: 268
2/ Thứ hai: đặc tính thông chia của tình yêu: 269
II. Chính cuộc chiêm niệm 270
1. Các tiền nguyện (232-233) 270
2. Các điểm chiêm niệm (234-237) 271
B.I-II BA CÁCH CẦU NGUYỆN (238-260) 277
I. Những nét tổng quát..... 277
1.Về đặc tính. 277
2.Về cơ cấu. 278
II. Đặc điểm của mỗi cách cầu nguyện 283
1. Cách cầu nguyện thứ nhất (238-248) 283
2. Cách cầu nguyện thứ hai (249-257) 289
3. Cách cầu nguyện thứ ba (258-260)..... 291
(B.II) NHỮNG MẦU NHIỆM CUỘC ĐỜI ĐỨC KI-TÔ (261-312).....294
I. Tổng quát..... 294
l. Về những Mầu Nhiệm cuộc đời Chúa Ki-tô. 294
2. Khung cảnh của Linh Thao..... 297

II.Tuần thứ hai: Soi sáng 298
1. Vận hành tuần Linh Thao thứ hai. 299
2. Theo Chúa ở giai đoạn thơ ấu. 302
3.Theo Chúa ở giai đoạn đời sống công khai. 312
III. Tuần thứ ba: Tính thử thách thuộc Đời Sống Soi Sáng..... 327
1. Mục đích của tuần ba. 327
2. Những ghi nhận về các mầu nhiệm. 330
3.Ý hướng thần học của tuần ba. 334
IV. Tuần thứ tư: Tính phê Chuẩn thuộc Đời Sống Soi Sáng 344
1. Liên hệ của tuần ba và tuần bốn. 344
2. Các mầu nhiệm. 347
3. Ý hướng thần học. 352
C.III.3-4 NHỮNG QUY TẮC NHẬN ĐỊNH THẦN LOẠI 360
I. Những ý niệm tổng quát. 361
1. Về tựa đề của hai bộ quy tắc. 361
2. Sự liên hệ giữa hai bộ quy tắc. 364
II. Tìm hiểu Bộ quy tắc thứ nhất (313-327) 368
1. Những quy tắc tổng quát (314-317). 368
2. Cách hành xử khi gặp sầu khổ (318-319) 372
3. Việc đào luyện của Thiên Chúa khi gặp sầu khổ (320-324). 374
4. Chiến thuật chống lại kẻ thù (325-327) 382
III. Tìm hiểu Bộ quy tắc thứ hai (328-336) 386
1. Lược đồ đề nghị và nhận định tổng quát 386
2. Về an ủi có nguyên do trước 397
3. Về an ủi không có nguyên do trước 403
4. Áp dụng tính đại biểu 405
C.III.5 BỘ QUY TẮC VỀ BỐ THÍ (337-344) 408
I . Nhận xét tổng quát 408
1. Bộ quy tắc liên quan đến những quy tắc chọn lựa. 408
2 . Cấu trúc bộ quy tắc. 409
II. Tìm hiểu nội dung. 410
l. Phần thứ nhất (337-342) 410
2. Phần thứ hai (343) 415
2. Phần thứ ba (344) 416

C.II.6 Bộ ghi chú 5 (6) về bối rối (345-351) 418
1. Nhận định tổng quát và lược đồ..... 418
2. Xác định và định nghĩa về bối rối (346-348)..... 420
3. Chiến thuật kẻ thù và cách hành xử trong bối rối (349-351) 422
C.III.6 BỘ QUY TẮC ĐỂ "CÙNG CẢM NGHĨ TRONG GIÁO HỘI" ... 425
I. Tổng quát (352-370)..... 425
1. Tựa đề 425
2. Về các bản văn và cấu trúc 427
II. Những quy tắc liên quan đến nguyên lý cơ bản..... 430
1. Nơi bản văn (353; 365) 430
2. Kinh nghiệm thánh I-nhã về việc vâng phục Giáo Hội 433
III. Những áp dụng..... 435
1. Về Những truyền thống Và Đời Sống Giáo Hội (354-361) 435
2. Về Quyền Bính Và Việc Giải Thích Mầu Nhiệm
Trong Giáo Hội (362-364) 438
3. Về việc giảng dạy (366-370)..... 441
KẾT LUẬN..... 443
I. Tác giả sách Linh Thao 443
1. Đặt vấn đề..... 443
2. Tiếp cận tác giả. 444
II. Phạm vi đào luyện trong Linh Thao...... 446
1. Sự trưởng thành thiêng liêng 446
2. Sự trưởng thành thiêng liêng được diễn đạt trong hiện trạng cụ thể. 448
III. Những vấn đề được đặt ra cho bản văn..... 450
1. Những yếu tố quan trọng. 450
2. Những ý niệm sai sót. 453
3. Những tính toán lầm lẫn 457
4. Những lúng túng không hiểu tới nơi..... 458
IV. Những can thiệp của thánh I-nhã và của hai cha Polanco và P. Broët.459
1. Thánh I-nhã ở bản A..... 459
2. Cha P. Broët can thiệp vào A. 464
3. Những can thiệp của cha Polanco..... 464

Bản văn đã chỉnh sửa và lưu hành nội bộ
10-12-2013
Giu-se Lê Quang Chủng, S.J.